

CẨM NANG QUẢN TRỊ CÔNG TY

2025



Ủy ban
Chứng khoán
Nhà nước

Hỗ trợ kỹ thuật bởi

Integrated ESG
Driving Sustainable Investment



IFC is a member of the World Bank Group.
ESG is a trademark of the International
Finance Corporation (IFC).
© 2025 IFC. All rights reserved.

CẨM NANG QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hà Nội, tháng 3 năm 2025

Xuất bản lần 2 vào năm 2025

Tại Hà Nội, Việt Nam

Xuất bản lần 1 vào năm 2010

ISBN: 978-92-990029-6-4

© 2010 Tổ chức Tài chính Quốc tế (IFC) giữ bản quyền

2121 Pennsylvania Ave. NW, Washington, DC 20433, Hoa Kỳ

Thành viên của Nhóm Ngân hàng Thế giới

Bản quyền tác phẩm được bảo hộ. Có thể sử dụng trích dẫn ngắn từ ấn phẩm này với điều kiện phải ghi rõ nguồn thông tin.

Khuyến cáo

Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam (UBCKNN) là một cơ quan trực thuộc Bộ Tài chính, được thành lập với mục đích hỗ trợ phát triển thị trường vốn, trực tiếp quản lý, giám sát hoạt động chứng khoán, cấp phép cho các đối tượng tham gia thị trường và đảm bảo việc thực thi pháp luật.

Tổ chức Tài chính Quốc tế (IFC), thành viên của Nhóm Ngân hàng Thế giới, là tổ chức phát triển toàn cầu lớn nhất tập trung hỗ trợ khu vực kinh tế tư nhân tại các nước đang phát triển. Chúng tôi tạo ra cơ hội cho mọi người dân thoát khỏi đói nghèo và cải thiện cuộc sống. Chúng tôi thực hiện sứ mệnh đó thông qua việc hỗ trợ tài chính giúp các doanh nghiệp tạo ra thêm nhiều việc làm và cung cấp các dịch vụ thiết yếu, huy động vốn từ nhiều nguồn khác nhau, và cung cấp các dịch vụ tư vấn nhằm đảm bảo sự phát triển bền vững.

Trước những thay đổi của Luật Doanh nghiệp 2020, Luật Chứng khoán 2019 và kể từ sau khi ban hành bộ Nguyên tắc Quản trị Công ty của G20/OECD năm 2023, việc sửa đổi và cập nhật cuốn Cẩm nang được coi là cấp thiết và phù hợp. Cuốn Cẩm nang cung cấp những kiến thức đầy đủ, cập nhật về cả lý luận và thực tiễn điển hình trong nước và quốc tế, từ đó giúp các công ty đại chúng định hướng và cải thiện tình hình thực hiện QTCT của mình. Phiên bản cập nhật này được phát triển theo Chương trình Tích hợp Môi trường, Xã hội, Quản trị (ESG) của Việt Nam do Cục Kinh tế Nhà nước Thụy Sĩ (SECO) tài trợ và nằm trong khuôn khổ Thỏa thuận hợp tác giữa UBCKNN và IFC với mục tiêu nâng cao nhận thức và thực thi các tiêu chuẩn phát triển bền vững nhằm giúp thúc đẩy tài chính xanh vì một nền kinh tế carbon thấp tại Việt Nam.

Với việc phát hành cuốn Cẩm nang này, các tác giả cũng như các tổ chức, quốc gia mà họ đại diện và nhà xuất bản không có ý định đưa ra những ý kiến tư vấn về tài chính hay luật pháp. Các nội dung trình bày trong cuốn Cẩm nang chỉ nhằm mục đích cung cấp những chỉ dẫn chung và chúng tôi không chịu trách nhiệm với bất cứ thiệt hại hoặc chi phí có thể xảy ra do việc dựa vào các thông tin trong cuốn Cẩm nang này.

Cuốn Cẩm nang này không thể và không có khả năng để cập được tất cả các vấn đề có liên quan. Mặc dù chúng tôi đã hết sức nỗ lực trong việc hoàn thành cuốn Cẩm nang này, nó không nên được xem là cơ sở cho việc đưa ra các quyết định kinh doanh. Với các vấn đề về tài chính, cần có sự tham vấn từ các kế toán viên, kiểm toán viên hoặc các chuyên gia tài chính khác. Các vấn đề về mặt luật pháp nên được tham vấn từ phía luật sư. Do các bộ luật và các văn bản pháp lý của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam còn đang được tiếp tục điều chỉnh, các quy định pháp luật được tham chiếu trong cuốn Cẩm nang này có thể hết hiệu lực hoặc được thay thế bởi các quy định khác tại thời điểm cuốn Cẩm nang này được phát hành. Các văn bản pháp luật và các quy định khác được tham chiếu trong cuốn Cẩm nang này là những văn bản đang có hiệu lực.

Các kết luận và nhận định đưa ra trong cuốn Cẩm nang này không thể hiện quan điểm của UBCKNN, của IFC và Hội đồng Quản trị của IFC, của Ngân hàng Thế giới và các giám đốc điều hành của Ngân hàng Thế giới, cũng như của các quốc gia mà các tổ chức này đại diện. UBCKNN, IFC và Ngân hàng Thế giới không đảm bảo tính chính xác của các dữ liệu được sử dụng trong cuốn Cẩm nang này và không chịu trách nhiệm đối với các hậu quả do việc sử dụng các dữ liệu này gây ra.

Cuốn Cẩm nang này không được cho thuê, bán lại hoặc được phát hành cho mục đích thương mại mà không được sự chấp thuận trước của IFC.

LỜI TỰA CỦA UBCKNN

Qua 25 năm xây dựng và phát triển, Thị trường Chứng khoán Việt Nam (TTCK) đã trở thành một kênh dẫn vốn trung và dài hạn quan trọng cho nền kinh tế, từ đó đóng góp cho sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Từ lúc ban đầu mới chỉ có 3 doanh nghiệp niêm yết khi TTCK mới mở cửa vào năm 2000, 25 năm sau đã có gần 1800 doanh nghiệp niêm yết và đại chúng với giá trị vốn hóa đạt 7.066 nghìn tỷ đồng, giá trị giao dịch bình quân hàng ngày khoảng trên dưới 1 tỷ đô la Mỹ.

Cùng với sự phát triển của TTCK, các doanh nghiệp niêm yết nói riêng và doanh nghiệp đại chúng nói chung ngày càng lớn mạnh – đặc biệt nhiều doanh nghiệp có các nhà đầu tư nước ngoài tham gia đầu tư, do đó quản trị công ty là vấn đề rất quan trọng đối với doanh nghiệp. Quản trị công ty tốt sẽ thúc đẩy hiệu quả hoạt động và nâng cao hiệu quả kinh doanh, nâng cao khả năng tiếp cận thị trường vốn, giảm chi phí vốn và gia tăng giá trị tài sản cho doanh nghiệp; đồng thời nâng cao uy tín cho công ty. Vì vậy, khi xây dựng Luật Chứng khoán năm 2019, UBCKNN đã báo cáo đề xuất với cơ quan có thẩm quyền thông qua nhóm chính sách về quản trị công ty để luật hóa các quy định về quản trị công ty, phù hợp với nguyên tắc quản trị công ty của OECD/G20, nâng cao tính minh bạch, chuyên nghiệp trong quản trị công ty đại chúng. Thị trường vốn đóng một vai trò quan trọng trong quá trình chuyển dịch nền kinh tế Việt Nam theo hướng carbon thấp và nâng cao khả năng chống chịu với biến đổi khí hậu, thông qua nỗ lực huy động nguồn vốn xanh. Việc thúc đẩy tài chính xanh và tài chính bền vững là ưu tiên dài hạn của UBCKNN. Trong thời gian qua, UBCKNN đã tích cực kêu gọi sự chủ động tham gia, chung tay hành động của cộng đồng doanh nghiệp, nhà đầu tư nhằm tạo một nền tảng bền vững cho tăng trưởng xanh và phát triển bền vững, nâng cao nhận thức và thực hành quản trị công ty và công bố thông tin gắn với các tiêu chí ESG.

Trong vai trò là một cơ quan xây dựng và quản lý, giám sát thị trường chứng khoán hướng tới các chuẩn quốc tế và các Thông lệ tốt nhất về quản trị công ty, UBCKNN cùng với IFC, với sự hỗ trợ của Tổng cục Kinh tế Liên bang Thụy Sĩ (SECO), xuất bản cuốn Cẩm nang Quản trị Công ty – ấn bản lần 3 với mục tiêu cập nhật những kiến thức, kinh nghiệm quốc tế, và Thông lệ tốt nhất về quản trị công ty, so sánh với thực tế ở Việt Nam giúp cho các công ty

đại chúng có định hướng, nâng cao hiểu biết và cải thiện tình hình quản trị công ty của mình.

Trong thời gian tới, TTCK sẽ tiếp tục phát triển theo hướng hội nhập, tiếp cận với các chuẩn mực, thông lệ quốc tế và việc nâng hạng TTCK Việt Nam từ thị trường cận biên (frontier market) lên thị trường mới nổi (emerging market) thì việc cải thiện quản trị công ty trở nên cấp thiết hơn bao giờ hết. Các doanh nghiệp sẽ phải áp dụng quản trị công ty tốt nhất để đáp ứng các yêu cầu nâng hạng, giúp tăng cường hiệu quả quản lý, đồng thời bảo vệ quyền lợi của cổ đông.

Hy vọng cuốn Cẩm nang này sẽ được coi như kim chỉ nam về nguyên tắc điều hành quản lý cho các công ty để áp dụng vào thực tiễn nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động và tận dụng tối đa các nguồn lực trong điều hành quản lý doanh nghiệp. Các công ty đại chúng và niêm yết nên tham khảo những kiến thức và kinh nghiệm đúc kết trong cuốn Cẩm nang này như những mô hình mẫu cho việc tổ chức và vận hành công ty. Các công ty đại chúng có vai trò quan trọng trong thực hiện các nguyên tắc quản trị doanh nghiệp và giúp các cơ quan quản lý thị trường vốn tăng cường áp dụng các chuẩn mực quốc tế và các Thông lệ tốt nhất về quản trị công ty, đảm bảo tính minh bạch và công bằng trên thị trường chứng khoán, từ đó nâng cao chất lượng chứng khoán giao dịch trên thị trường và thu hút thêm các nguồn vốn đổ vào kênh huy động vốn quan trọng này để phát triển đất nước.

Vũ Thị Chân Phương

Chủ tịch UBCKNN

LỜI TỰA CỦA IFC

Là một nhà đầu tư toàn cầu, IFC đã tận mắt chứng kiến vai trò quan trọng của quản trị công ty tốt, không chỉ trong việc cải thiện hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp trong dài hạn, mà còn góp phần phát triển khu vực kinh tế tư nhân nói chung. Các tiêu chuẩn cao về quản trị góp phần xây dựng các hội đồng quản trị hiệu quả hơn và ban điều hành tốt hơn, từ đó cải thiện công tác ra quyết định, tăng cường hiệu quả hoạt động, và giảm nhẹ rủi ro. Những cải thiện này lại giúp các công ty thu hút đầu tư, gia tăng giá trị cổ đông, và giảm thiểu các rủi ro tiềm ẩn. Tiêu chuẩn quản trị mạnh mẽ cần trở thành nền tảng quan trọng của thị trường vốn Việt Nam, đóng vai trò là động lực quan trọng cho tăng trưởng kinh tế liên tục của đất nước.

Khi Việt Nam bắt đầu quá trình chuyển đổi sang nền kinh tế các-bon thấp, một loạt các vấn đề liên quan đến bền vững sẽ thúc đẩy rủi ro và mở ra cơ hội cho tất cả các nhà lãnh đạo doanh nghiệp. Hội đồng Quản trị đóng vai trò lãnh đạo quan trọng ở cấp cao nhất của doanh nghiệp trong định hướng và giải quyết các thách thức về bền vững. Để giám sát hiệu quả một công ty, các thành viên hội đồng quản trị thực hiện nghĩa vụ người nhận ủy thác bằng cách trước tiên định hướng chiến lược phát triển bền vững của công ty và giám sát việc thực hiện chiến lược phù hợp cũng như điều chỉnh lộ trình thực hiện khi cần thiết.

Với việc cập nhật cuốn Cẩm nang này, chúng tôi mong muốn đóng góp một tài liệu hướng dẫn về chủ đề quản trị công ty tại Việt Nam. Chúng tôi hy vọng cuốn Cẩm nang này sẽ được các cổ đông, nhà quản lý, và thành viên Hội đồng Quản trị sử dụng để nhận ra được những lợi ích mà quản trị tốt có thể mang lại cho doanh nghiệp cũng như góp phần giúp tất cả các bên liên quan được hưởng lợi từ việc giảm thiểu rủi ro và tạo ra giá trị lâu dài của doanh nghiệp.

Nhờ áp dụng các ví dụ về thông lệ tốt nhất trong cuốn Cẩm nang này, quý vị cũng sẽ có cơ hội chứng minh với thị trường rằng quản trị tốt chính là chìa khóa mở ra tương lai tăng trưởng bền vững và thành công chung.

Thomas J. Jacobs

Giám đốc Quốc gia IFC tại Việt Nam, Lào và Campuchia

Mục đích và Đối tượng của Cẩm nang

Cuốn Cẩm nang này cung cấp cho các chủ thể quản trị, các cổ đông của các công ty đại chúng Việt Nam những kiến thức đầy đủ về khuôn khổ quản trị công ty và thực tiễn tại Việt Nam. Quan trọng hơn, cuốn Cẩm nang cũng cung cấp thông lệ và kiến thức quốc tế tốt nhất để trở thành bộ công cụ hữu hiệu hỗ trợ các doanh nghiệp trong hành trình quản trị công ty. Ấn bản 2025 của Cẩm nang này cung cấp cho độc giả những thông tin cập nhật quan trọng từ các lĩnh vực Thông lệ tốt nhất về quản trị công ty trên toàn cầu và môi trường lập pháp của Việt Nam, bao gồm:

- Tổng quan mới về các yêu cầu pháp lý có liên quan đến quản trị công ty và các nguyên tắc quản trị được chấp nhận rộng rãi trên thế giới.
- Khuyến nghị trong việc thực hiện các nghĩa vụ về quản trị liên tục phát triển của các công ty đại chúng và niêm yết.
- Các ví dụ thực tiễn về việc thực hiện các chuẩn mực về quản trị công ty trong môi trường hiện nay và hướng dẫn cho các thành viên Hội đồng Quản trị và ban giám đốc trong việc thực hiện các nghĩa vụ có liên quan đến công tác quản trị công ty.
- Tổng quan về thẩm quyền, nghĩa vụ, và quy trình hoạt động của các chủ thể quản trị trong các công ty đại chúng và công ty niêm yết.

Cuốn Cẩm nang này cũng cung cấp cho các thành viên chính phủ, các luật sư, thẩm phán, nhà đầu tư và các đối tượng khác một cơ sở nền tảng trong việc đánh giá thực tiễn quản trị công ty của các doanh nghiệp Việt Nam và doanh nghiệp đặt tại Việt Nam. Cuối cùng, cuốn Cẩm nang có thể được dùng làm tài liệu tham khảo cho các tổ chức đào tạo trong việc đào tạo các thể hệ nhà quản lý, nhà đầu tư, và nhà hoạch định chính sách của Việt Nam tiếp theo về các thông lệ tốt trong quản trị công ty.

Hướng dẫn sử dụng Cẩm nang

Cẩm nang Quản trị Công ty bao gồm 13 chương:

Chương 1: Giới thiệu về Quản trị Công ty

Chương 2: Cơ cấu Quản trị Công ty

Chương 3: Tài liệu nội bộ về Quản trị Công ty

Chương 4: Giới thiệu về Quyền của Cổ đông

Chương 5: Đại hội Đồng Cổ đông

Chương 6: Hội đồng Quản trị

Chương 7: Ban Giám Đốc

Chương 8: Thư ký công ty

Chương 9: Môi trường Kiểm soát

Chương 10: Công bố Thông tin

Chương 11: Giao dịch với các bên liên quan

Chương 12: Cổ tức

Chương 13: Vốn điều lệ

Mười ba chương của cuốn Cẩm nang tập trung vào các vấn đề then chốt về quản trị công ty. Tất cả các vấn đề được xem xét một cách chi tiết trên cơ sở các quy định pháp luật của Việt Nam và trong từng trường hợp cụ thể, trên cơ sở các thông lệ tốt được thừa nhận trên thế giới. Quý vị độc giả nên đọc toàn bộ cuốn Cẩm nang để có được hiểu biết đầy đủ về cơ cấu quản trị công ty ở Việt Nam. Tuy nhiên, quý vị độc giả không nhất thiết phải đọc tất cả các chương theo thứ tự. Quý vị độc giả nên bắt đầu từ chủ đề mà quý vị quan tâm và đọc tới các chương khác trên cơ sở các đường dẫn và các chú thích.

Các ví dụ minh họa và danh mục các vấn đề cần lưu ý được đưa ra giúp cho cuốn Cẩm nang trở nên rõ ràng và dễ sử dụng. Các nội dung dưới đây sẽ xuất hiện ở nhiều chỗ khác nhau trong cuốn Cẩm nang:

Các vấn đề Chủ tịch HĐQT cần lưu ý:

- Nhằm giúp Chủ tịch HĐQT hướng các cuộc thảo luận của Hội đồng Quản trị vào các vấn đề quan trọng trong quản trị công ty mà các công ty thường gặp phải.

Thông lệ tốt nhất

- Các Thông lệ tốt nhất tóm tắt các nguyên tắc quản trị công ty của OECD cũng như các chuẩn mực quản trị công ty hàng đầu từ các quốc gia khác.

Danh mục tài liệu tham khảo

Luật các tổ chức tín dụng (Luật TCTD) 2024	Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 Quốc hội ban hành ngày 18 tháng 01 năm 2024
Luật các tổ chức tín dụng (Luật TCTD) 2017	Luật số 17/2017/QH14 Quốc hội ban hành ngày 20 tháng 11 năm 2017, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng
Luật các tổ chức tín dụng (Luật TCTD) 2010	Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 Quốc hội ban hành ngày 16 tháng 6 năm 2010
Bộ Luật hình sự (LHS) 2017	Luật số 12/2017/QH14 Quốc hội ban hành ngày 20 tháng 06 năm 2017 Luật sửa đổi bộ luật hình sự số 100/2015/QH13
Luật hình sự (LHS) 2015	Bộ Luật Hình sự; Luật số 100/2015/QH13 Quốc hội ban hành ngày 27 tháng 11 năm 2015
Luật Cạnh tranh (LCT) 2018	Luật Cạnh tranh số 23/2018/QH14 Quốc hội ban hành ngày 12 tháng 06 năm 2018
Bộ Luật Lao động (LLĐ) 2019	Bộ Luật Lao động số 45/2019/QH14 Quốc hội ban hành ngày 20 tháng 11 năm 2019
Luật Sở hữu trí tuệ 2005	Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 Quốc hội ban hành ngày 29 tháng 11 năm 2005
Luật Chứng khoán (LCK) 2019	Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 Quốc hội ban hành ngày 26 tháng 11 năm 2019
Luật Chứng khoán (LCK) 2006	Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 Quốc hội ban hành ngày 29 tháng 06 năm 2006

Luật Doanh nghiệp (LDN) 2020	Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 Quốc hội ban hành ngày 17 tháng 06 năm 2020
Luật doanh nghiệp (LDN) 2014	Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 Quốc hội ban hành ngày 26 tháng 11 năm 2014
Luật Phá sản (LPS) 2014	Luật Phá sản số 51/2014/QH13 Quốc hội ban hành ngày 16 tháng 06 năm 2014
Luật kiểm toán độc lập 2011 (LOIA)	Luật Kiểm toán độc lập số 67/2011/QH12 Quốc hội ban hành ngày 29 tháng 03 năm 2011
Luật Kế toán (LKT) 2015	Luật Kế toán số 88/2015/QH13 Quốc Hội ban hành ngày 20 tháng 11 năm 2015
Luật Kinh doanh bảo hiểm 2010	Luật số 61/2010/QH12 Quốc hội ban hành ngày 24 tháng 11 năm 2010 sửa đổi bổ sung một số điều của Luật kinh doanh bảo hiểm
Luật Kinh doanh bảo hiểm 2000	Luật Kinh doanh bảo hiểm số 24/2000/QH10 Quốc hội ban hành ngày 09 tháng 12 năm 2000 Luật số 42/2019/QH14 Quốc hội ban hành ngày 14 tháng 06 năm 2019 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật kinh doanh bảo hiểm, Luật sở hữu trí tuệ
Nghị định 01	Nghị định 01/2021/ND-Chính phủ ban hành ngày 4 tháng 1 năm 2021: Về đăng ký doanh nghiệp
Nghị định 47	Nghị định số 47/2021/ND-CP Chính phủ ban hành ngày 01 tháng 04 năm 2021 Quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp
Nghị định 128	Nghị định 128/2021/ND-CP Chính phủ ban hành 31 tháng 12 năm 2021 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán

Nghị định 140	Nghị định 140/2020/ND-CP Chính phủ ban hành ngày 30 tháng 11 năm 2020 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần; Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp và Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP
Nghị định 153	Nghị định 153/2020/ND-CP Chính phủ ban hành 31 tháng 12 năm 2020 Quy định về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế
Nghị định 155	Nghị định 155/2020/ND-CP Chính phủ ban hành 31 tháng 12 năm 2020 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán
Nghị định 156	Nghị định 156/2020/ND-CP Chính phủ ban hành 31 tháng 12 năm 2020 Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán
Nghị định 158	Nghị định 158/2020/ND-CP Chính phủ ban hành 31 tháng 12 năm 2020 Về chứng khoán phái sinh và thị trường chứng khoán phái sinh
Nghị định 05	Nghị định 05/2019/NĐ-CP Chính phủ ban hành 22 tháng 1 năm 2019 về kiểm toán nội bộ
Nghị định 80	Nghị định số 80/2019/ND-CP Chính phủ ban hành ngày 01 tháng 11 năm 2019 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 73/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016

	<p>của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Kinh doanh bảo hiểm và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm; Nghị định số 98/2013/NĐ-CP ngày 28 tháng 8 năm 2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm, kinh doanh xổ số đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 48/2018/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ</p>
Nghị định 41	<p>Nghị định số 41/2018/NĐ-CP Chính phủ ban hành ngày 12 tháng 03 năm 2018 Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán độc lập</p>
Nghị định 131	<p>Nghị định 131/2018/ND-CP Chính phủ ban hành ngày 29 tháng 09 năm 2018 Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp</p>
Nghị định 151	<p>Nghị định 151/2018/ND-CP Chính phủ ban hành ngày 07 tháng 11 năm 2018 Sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Tài chính</p>
Nghị định 93	<p>Nghị định 93/2017/ND-CP Chính phủ ban hành ngày 07 tháng 8 năm 2017 quy định về chế độ tài chính đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả đầu tư vốn nhà nước tại tổ chức tín dụng do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và tổ chức tín dụng có vốn nhà nước.</p>
Nghị định 126	<p>Nghị định 126/2017/ND-CP Chính phủ ban hành ngày 16 tháng 11 năm 2017 Về chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần</p>
Nghị định 84	<p>Nghị định 84/2016/ND-CP Chính phủ ban hành ngày 01 tháng 07 năm 2016 Về tiêu</p>

	chuẩn, điều kiện đối với kiểm toán viên hành nghề, tổ chức kiểm toán được chấp thuận kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng
Nghị định 73	Nghị định số 73/2016/ND-CP Chính phủ ban hành ngày 01 tháng 07 năm 2016 Quy định chi tiết thi hành Luật kinh doanh bảo hiểm và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật kinh doanh bảo hiểm
Nghị định 17	Nghị định số 17/2012/ND-CP Chính phủ ban hành ngày 13 tháng 03 năm 2012 hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Kiểm toán độc lập
Nghị định 16	Nghị định số 16/2011/ND-CP Chính phủ ban hành ngày 22 tháng 2 năm 2011 về việc sửa đổi bổ sung nghị định số 105/2004/ND-CP ngày 30 tháng 3 năm 2004
Nghị định 27	Nghị định số 27/2007/ND-CP Chính phủ ban hành ngày 23 tháng 2 năm 2007 về giao dịch điện tử trong hoạt động tài chính
Thông tư 08	Thông tư 08/2021/TT-BTC Bộ tài chính ban hành ngày 25 tháng 1 năm 2021 Ban hành chuẩn mực kiểm toán nội bộ Việt Nam và các nguyên tắc đạo đức nghề nghiệp kiểm toán nội bộ
Thông tư 66	Thông tư 66/2020/TT-BTC Bộ tài chính ban hành ngày 10 tháng 07 năm 2020 Ban hành Quy chế mẫu về kiểm toán nội bộ áp dụng cho doanh nghiệp
Thông tư 73	Thông tư 73/2020/TT-BTC Bộ tài chính ban hành ngày 07 tháng 08 năm 2020 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 134/2017/TT-BTC ngày 19 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn giao dịch điện tử trên thị trường chứng khoán
Thông tư 96	Thông tư 96/2020/TT-BTC Bộ tài chính ban hành ngày 16 tháng 11 năm 2020 Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán

Thông tư 116	Thông tư 116/2020/TT-BTC Bộ tài chính ban hành ngày 31 tháng 12 năm 2020 Hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán
Thông tư 118	Thông tư 118/2020/TT-BTC Bộ tài chính ban hành ngày 31 tháng 12 năm 2020 Hướng dẫn một số nội dung về chào bán, phát hành chứng khoán, chào mua công khai, mua lại cổ phiếu, đăng ký công ty đại chúng và hủy tư cách công ty đại chúng
Thông tư 13	Thông tư 13/2018/TT-NHNN Ngân hàng nhà nước ban hành ngày 18 tháng 05 năm 2018 Quy định về hệ thống kiểm soát nội bộ của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài
Thông tư 22	Thông tư 22/2018/TT-NHNN Ngân hàng nhà nước ban hành ngày 05 tháng 09 năm 2018 Hướng dẫn về thủ tục, hồ sơ chấp thuận danh sách dự kiến nhân sự của ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng và chi nhánh ngân hàng nước ngoài
Thông tư 134	Thông tư 134/2017/TT-BTC Bộ tài chính ban hành ngày 19 tháng 12 năm 2017 Hướng dẫn giao dịch điện tử trên thị trường chứng khoán.
Thông tư 111	Thông tư 111/2013/TT-BTC Bộ tài chính ban hành ngày 15 tháng 08 năm 2013 Hướng dẫn thực hiện Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập cá nhân và Nghị định số 65/2013/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập cá nhân

Thông tư 44	Thông tư 44/2011/TT-NHNN Ngân hàng nhà nước ban hành ngày 29 tháng 12 năm 2011 Quy định về hệ thống kiểm soát nội bộ và kiểm toán nội bộ của tổ chức tín dụng chi nhánh ngân hàng nước ngoài.
Thông tư 19	Thông tư 19/2003/TT-BTC Bộ tài chính ban hành ngày 20 tháng 3 năm 2003 Hướng dẫn điều chỉnh tăng, giảm vốn điều lệ và quản lý cổ phiếu quỹ trong công ty cổ phần.
Quyết định 13	Quyết định 13/2007/QĐ-BTC Bộ tài chính ban hành ngày 13 tháng 03 năm 2007 ban hành mẫu bản cáo bạch trong hồ sơ đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng và hồ sơ đăng ký niêm yết chứng khoán tại sở giao dịch chứng khoán, trung tâm giao dịch chứng khoán
Quyết định 07	Quyết định số 07/2002/QĐ-VPCP Văn phòng Chính phủ ban hành ngày 19 tháng 11 năm 2002 Ban hành mẫu Điều lệ áp dụng cho các công ty niêm yết

Danh sách các từ viết tắt

BGD	Ban giám đốc điều hành
CMKTVN (VAS)	Chuẩn mực kế toán Việt Nam
Điều lệ Mẫu	Điều lệ mẫu quy định đối với các công ty niêm yết ban hành kèm theo Quyết định số 15/2007/QĐ-BTC.
EU	Cộng đồng Châu Âu (European Union)
FIE	Doanh nghiệp đầu tư nước ngoài
GMS/ĐHĐCĐ	Đại hội đồng cổ đông (General Meeting of Shareholders)
HĐQT	Hội đồng quản trị
IAS	Chuẩn mực kế toán quốc tế (International Accounting Standard)
IFRS	Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế (International Financial Reporting Standards)
IPO	Phát hành cổ phiếu lần đầu ra công chúng (Initial Public Offering)
LCK	Luật chứng khoán
LCT	Luật cạnh tranh
LDN	Luật doanh nghiệp
LĐT	Luật đầu tư
LHS	Luật hình sự
LKT	Luật kế toán
Luật NHNN	Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
Luật TCTD	Luật các tổ chức tín dụng
NGOs	Các tổ chức phi chính phủ
OECD	Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD)
QTCT	Quản trị công ty

Quy chế Quản trị công ty	Quyết định 12/2007/QĐ-BTC
SGDCK	Sở Giao dịch chứng khoán
SGDHCM	Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh
SGDHN	Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội
SEC	Ủy ban chứng khoán Mỹ (Securities Exchange Commission)
TTLKCK	Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam
UBCKNN	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam
VAFI	Hiệp hội các nhà đầu tư tài chính Việt Nam
VAS	Chuẩn mực kế toán Việt Nam
WTO	Tổ chức thương mại thế giới (World Trade Organization)

Lời cảm ơn

Cuốn Cẩm nang Quản trị Công ty tại Việt Nam - Ấn bản 2025 được xây dựng trong khuôn khổ Chương trình ESG Tích hợp Việt Nam do Tổng cục Kinh tế Liên bang Thụy Sĩ (SECO) tài trợ. Ấn bản lần này được biên soạn dựa trên Cẩm nang Quản trị Công ty tại Việt Nam do IFC và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam phối hợp xuất bản trong khuôn khổ Chương trình Quản trị Công ty Việt Nam mà IFC triển khai tại Việt Nam từ năm 2008. Ấn bản lần này tích hợp các khung pháp lý và thông lệ quản trị công ty hiện hành của Việt Nam và thế giới.

Việc biên soạn và xuất bản cuốn Cẩm nang này sẽ không thể thực hiện được nếu không có nỗ lực tận tâm của những cá nhân thuộc nhóm dự án tại UBCKNN và IFC, bao gồm:

- Ông Vũ Chí Dũng, Vụ trưởng Vụ Hợp tác Quốc tế, UBCKNN
- Bà Nguyễn Thị Thu Thủy, Phó Vụ trưởng Vụ Hợp tác Quốc tế, UBCKNN
- Bà Hoàng Thị Thùy Dương, Chuyên viên Vụ Hợp tác Quốc tế, UBCKNN
- Bà Đào Thị Bích Xuyên, Chuyên viên Vụ Hợp tác Quốc tế, UBCKNN
- Bà Kate Lazarus, Trưởng nhóm Tư vấn ESG Châu Á, IFC
- Bà Nguyễn Thiên Hương, Cán bộ ESG, IFC
- Bà Leyal Savas, Cán bộ Cao cấp về ESG, IFC
- Bà Phạm Nga, Chuyên gia Tư vấn ESG, IFC
- Ông Simon Drought, Biên tập viên, IFC

Nhóm biên soạn cũng trân trọng cảm ơn sự hỗ trợ kỹ thuật và phản hồi thường xuyên của các chuyên gia tại Vụ Giám sát Công ty Đại chúng và Vụ Quản lý Chào bán Chứng khoán thuộc UBCKNN, Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam, Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, và Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam trong quá trình biên soạn cuốn Cẩm nang này.

MỤC LỤC



Mục lục

Cẩm nang Quản trị công ty	
KHUYẾN CÁO	III
LỜI TỰA – UBCKNN	IV-V
LỜI TỰA - IFC	VI
MỤC ĐÍCH VÀ ĐỐI TƯỢNG CỦA CẨM NANG	VII
HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG CẨM NANG	VIII - IX
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	X - XVI
DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT	XVII -XVIII
LỜI CẢM ƠN	XIX

CHƯƠNG 1: GIỚI THIỆU VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY	1
1.1. Giới thiệu về Quản trị Công ty	5
1.2. Định nghĩa về Quản trị công ty	6
1.2.1. Định nghĩa	6
1.2.2. Sơ lược về Lịch sử Quản trị Công ty	11
1.2.3. Chuẩn mực và Khuôn khổ Quốc tế về Quản trị Công ty	15
1.2.4. Phân biệt giữa Quản trị và Quản lý Công ty	19
1.3. Vai trò và lợi ích của Quản trị Công ty tốt	21
1.3.1. Cải thiện hiệu quả hoạt động và kết quả kinh doanh	21
1.3.2. Khả năng Tiếp cận Thị trường Vốn	22
1.3.3. Cải thiện Danh tiếng và Định giá Công ty	24
1.4. Khuôn khổ Quản trị Công ty tại Việt Nam	28
1.4.1. Đặc điểm của Quản trị Công ty tại Việt Nam	28
1.4.2. Khuôn khổ Pháp lý	31
1.4.3. Khuôn khổ Thể chế	36

GIỚI THIỆU
VỀ QUẢN TRỊ
CÔNG TYCƠ CẤU
QUẢN TRỊ
CÔNG TYTÀI LIỆU NỐI BÒ
VỀ QUẢN TRỊ
CÔNG TYGIỚI THIỆU VỀ
QUYỀN CỦA
CỔ ĐỒNGĐẠI HỘI
ĐỒNG CỔ ĐỒNGHỘI ĐỒNG
QUẢN TRỊ

BAN GIÁM ĐỐC

THUYẾT CÔNG TY

MÔI TRƯỜNG
KIỂM SOÁTCÔNG BỐ
THÔNG TINGAO DỊCH VỚI
NGƯỜI CÓ LIÊN
QUAN (GOLQ)

CỐ TỨC

VỐN ĐIỀU LỆ

CHƯƠNG 2. CƠ CẤU QUẢN TRỊ CÔNG TY **43**

2.1. Công ty Cổ phần **47**

2.1.1. Định nghĩa về Công ty Cổ phần 47

2.1.2. Công ty Đại chúng và Công ty Cổ phần Tư nhân 48

2.1.3. Khác biệt theo Pháp luật về Quyền cổ đông dựa trên Phần vốn Sở hữu 51

2.2. Cơ cấu Quản trị Công ty Cổ phần **53**

2.2.1. Đại hội Đồng Cổ đông 55

2.2.2. Hội đồng Quản trị 56

2.2.3. Các Ủy ban trực thuộc HĐQT 57

2.2.4. Bộ máy điều hành 57

2.2.5. Thư ký Công ty 58

2.2.6. Kiểm toán Nội bộ 58

2.2.7. Kiểm toán Độc lập 59

2.2.8. Ban Kiểm soát 60

CHƯƠNG 3. TÀI LIỆU NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY **63**

3.1. Điều lệ Công ty **68**

3.1.1 Quy định trong Điều lệ Công ty 68

3.1.2 Điều lệ Mẫu 69

3.1.3 Khi nào cần Sửa đổi Bổ sung Điều lệ Công ty? 69

3.1.4 Ai là Người có quyền Sửa đổi Bổ sung Điều lệ Công ty? 70

3.1.5 Sửa đổi Bổ sung Điều lệ Công ty như thế nào? 70

3.1.6 Phản đối các Sửa đổi, Bổ sung Điều lệ Công ty 71

3.1.7 Đăng ký các Nội dung Sửa đổi Bổ sung Điều lệ Công ty 72

3.1.8 Khi nào thì những Sửa đổi Bổ sung trong Điều lệ Công ty có hiệu lực? 73

3.1.9 Công khai Điều lệ Công ty 73

3.2. Quy chế Nội bộ về Quản trị Công ty	74	GIỚI THIỆU VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
3.3. Quy chế Nội bộ về Hoạt động của HĐQT	78	
3.4. Quy chế Nội bộ về Hoạt động của Ban Kiểm soát	80	CƠ CẤU QUẢN TRỊ CÔNG TY
3.5. Quy chế Nội bộ về Hoạt động của Ủy ban Kiểm toán	82	TÀI LIỆU NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
3.6. Quy tắc Ứng xử và Đạo đức Kinh doanh của Công ty	84	

CHƯƠNG 4. GIỚI THIỆU VỀ QUYỀN CỦA CỔ ĐÔNG **89**

4.1. Phân loại Cổ phần	97	ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
4.1.1. Cổ phần Phổ thông	97	
4.1.2. Cổ phần Ưu đãi	97	HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
4.2. Các Quyền Chung của Cổ đông	101	BAN GIÁM ĐỐC
4.3. Các Quyền Cụ thể của Cổ đông	104	THUYẾT CÔNG TY
4.3.1. Quyền Biểu quyết	104	
4.3.2. Quyền được Nhận Thông tin	110	MỘT SỐ KIỂM SOÁT
4.3.3. Quyền được Xem xét, Tra cứu Danh sách Cổ đông	111	
4.3.4. Quyền được Nhận Cổ tức	112	CÔNG BỐ THÔNG TIN
4.3.5. Quyền Tự do Chuyển nhượng Cổ phần	113	
4.3.6. Quyền Từ chối Đầu tiên và Quyền Ưu tiên Mua Cổ phần	114	GIAO DỊCH VỚI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN (GOLQ)
4.3.7. Quyền Yêu cầu Công ty Mua lại Cổ phần	117	
4.3.8. Quyền Triệu tập ĐHĐCĐ	119	CỐ TỨC
4.3.9. Quyền Đề cử Thành viên HĐQT và BKS	119	
4.3.10. Hạn chế đối với Cổ đông Sáng lập	120	VỐN ĐIỀU LỆ
4.3.11. Quyền đối với Tài sản của Công ty khi Thanh lý Công ty	120	

4.4. Nhà nước với Tư cách là Cổ đông	121
4.5. Đăng ký Cổ đông	126
4.5.1. Sổ đăng ký Cổ đông	126
4.5.2. Đăng ký cổ đông của Công ty đại chúng	127
4.6. Bảo vệ Quyền của Cổ đông	129
4.6.1. Bảo đảm bởi Luật Doanh nghiệp Việt Nam	129
4.6.2. Hoạt động của Cổ đông	135
4.6.3. Thỏa ước Cổ đông	135
4.7. Nghĩa vụ của Cổ đông	137
4.7.1. Nghĩa vụ Thanh toán Đầy đủ các Cổ phần Đăng ký Mua	137
4.7.2. Nghĩa vụ Đối với các Khoản nợ và các Nghĩa vụ khác của Công ty	137
4.7.3. Các Nghĩa vụ khác	137

CHƯƠNG 5. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

5.1. Thẩm quyền của ĐHĐCĐ	149
5.2. Chuẩn bị họp ĐHĐCĐ	155
5.2.1. Soạn thảo Chương trình, Nội dung Họp	155
5.2.2. Ra các Quyết định Sơ bộ	156
5.2.3. Lập Danh sách Cổ đông	158
5.2.4. Thông báo mời họp ĐHĐCĐ	162
5.2.5. Phê duyệt Chương trình họp	169
5.2.6. Chuẩn bị dự thảo nghị quyết theo từng nội dung trong chương trình họp	174

5.3. Tổ chức họp ĐHĐCĐ	175	
5.3.1. Đăng ký Cổ đông	176	GIỚI THIỆU VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
5.3.2. Kiểm tra và công bố tỷ lệ cổ đông tham dự tối thiểu	178	
5.3.3. Khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ	180	CƠ CẤU QUẢN TRỊ CÔNG TY
5.3.4. Công bố chương trình và thể lệ cuộc họp	181	
5.3.5. Thảo luận các nội dung trong chương trình họp	182	TÀI LIỆU NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
5.3.6. Biểu quyết	183	
5.3.7. Lấy Ý kiến Cổ đông bằng Văn bản	185	GIỚI THIỆU VỀ QUYẾT ĐỊNH CỦA CỔ ĐÔNG
5.3.8. Kiểm phiếu và Biên bản Kiểm phiếu	186	
5.3.9. Công bố Kết quả Biểu quyết và Quyết định của ĐHĐCĐ	187	ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
5.3.10. Bế mạc cuộc họp ĐHĐCĐ	187	
5.4. Lập và Công khai Biên bản họp ĐHĐCĐ	188	
5.5. ĐHĐCĐ bất thường	191	HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
5.6. Quyết định của ĐHĐCĐ	192	BAN GIÁM ĐỐC
5.6.1. Quyết định phải được Thông qua bởi Đa số Phiếu Biểu quyết	192	THỦ TỤC CÔNG TY
5.6.2. Khởi kiện Yêu cầu Hủy bỏ Quyết định của ĐHĐCĐ	193	

CHƯƠNG 6. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

6.1. Thẩm quyền	210	MÔI TRƯỜNG KIỂM SOÁT
6.1.1. Khi nào cần Thành lập HĐQT?	210	CÔNG BỐ THÔNG TIN
6.1.2. Tổng quan về Thẩm quyền của HĐQT	210	
6.1.3. Thẩm quyền của HĐQT trong Giám sát và Kiểm soát Chiến lược	213	GIAO DỊCH VỚI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN (GOLU)
6.1.4. Thẩm quyền của HĐQT liên quan tới Quyền của Cổ đông	219	
6.1.5. Thẩm quyền của HĐQT liên quan tới Tài sản và Vốn Điều lệ	219	CỐ TỨC
6.1.6. Thẩm quyền của HĐQT trong Kiểm soát, Công bố và Minh bạch Thông tin	220	

6.2. Bồn phạt và Trách nhiệm Pháp lý	223
6.2.1. Bồn phạt Cảnh trọng	224
6.2.2. Bồn phạt Trung thành	224
6.2.3. Xung đột Lợi ích	226
6.2.4. Tiếp cận Thông tin	227
6.2.5. Bảo mật Thông tin	228
6.2.6. Trách nhiệm Pháp lý	229
6.3. Phẩm chất và Năng lực	231
6.3.1. Ai có thể trở thành Thành viên HĐQT?	231
6.3.2. Phẩm chất và Năng lực của Thành viên HĐQT	234
6.4. Bầu và Miễn nhiệm	239
6.4.1. Bầu và Nhiệm kỳ của Thành viên HĐQT	239
6.4.2. Đề cử Ứng cử viên HĐQT	241
6.4.3. Thông tin về các Ứng cử viên HĐQT	241
6.4.4. Bầu Thành viên HĐQT	243
6.4.5. Miễn nhiệm, Bãi nhiệm Thành viên HĐQT	245
6.5. Quy mô và Thành phần	246
6.5.1. Số lượng Thành viên HĐQT	246
6.5.2. Các Loại Thành viên HĐQT	247
6.6. Các Ủy ban trực thuộc HĐQT	254
6.7. Chủ tịch HĐQT	261
6.8. Quy trình Họp và Làm việc	262
6.8.1. Các cuộc họp của Chủ tịch HĐQT và HĐQT	262
6.8.2. Lịch họp HĐQT	265
6.8.3. Ai có Quyền Triệu tập Họp HĐQT?	266
6.8.4. Thông báo Thích hợp về Cuộc họp của HĐQT	266

6.8.5. Số Đại biểu Quy định cho Cuộc họp HĐQT	267	
6.8.6. Cách thức thành viên HĐQT có thể tham dự cuộc họp của HĐQT	267	GIỚI THIỆU VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
6.8.7. Xem xét Ý kiến bằng Văn bản (Phiếu bầu Vắng mặt)	270	
6.8.8. Quyết định của HĐQT	271	CƠ CẤU QUẢN TRỊ CÔNG TY
6.8.9. Biên bản họp HĐQT	271	
6.8.10. Thư ký Công ty và Họp HĐQT	273	TÀI LIỆU NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
6.9. Thù lao Thành viên HĐQT	274	
6.10. Đánh giá Kết quả Hoạt động	276	GIỚI THIỆU VỀ QUYỀN CỦA CƠ ĐỒNG
6.11. Tập huấn và Đào tạo	278	ĐẠI HỘI ĐỒNG CƠ ĐỒNG

CHƯƠNG 7 BAN GIÁM ĐỐC

7.1. Thẩm quyền	295	HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
7.2. Nhiệm vụ và Trách nhiệm	296	BAN GIÁM ĐỐC
7.3. Thành phần	297	THƯ KÝ CÔNG TY
7.4. Phẩm chất và Năng lực	298	MÔI TRƯỜNG KIỂM SOÁT
7.5. Bổ nhiệm và Miễn nhiệm TGD và các thành viên khác của Ban Giám đốc	299	CÔNG BỐ THÔNG TIN
7.6. Hợp đồng Lao động cho Người quản lý điều hành	301	GAO DỊCH VỤ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN (GDLQ)
7.7. Quy trình Họp và Làm việc	302	
7.8. Chế độ Lương thưởng và Thù lao	303	CỐ TỨC
7.9. Đánh giá Kết quả Công việc	306	VỐN ĐIỀU LỆ

CHƯƠNG 8. THƯ KÝ CÔNG TY

8.1. Vai trò và Nhiệm vụ của Thư ký Công ty	314
8.1.1. Xây dựng Chính sách và Thông lệ Quản trị Công ty	317
8.1.2. Hỗ trợ Pháp lý và Tổ chức của HĐQT	317
8.1.3. Tổ chức họp HĐQT	318
8.1.4. Bảo đảm Công bố Thông tin và Minh bạch	321
8.1.5. Bảo vệ Quyền của Cổ đông	322
8.1.6. Tạo thuận lợi cho Luồng Thông tin	325
8.1.7. Tạo Điều kiện Thuận lợi cho Chương trình Định hướng cho Thành viên HĐQT Mới	325
8.2. Trình độ và Năng lực của Thư ký Công ty	326
8.2.1. Trình độ, Năng lực và Kỹ năng	326
8.2.2. Đào tạo Liên tục và Phát triển Chuyên môn	328
8.3. Bổ nhiệm và Miễn nhiệm	329
8.3.1. Thông tin về Ứng cử viên cho Vị trí Thư ký Công ty	329
8.3.2. Hợp đồng với Thư ký Công ty	330
8.3.3. Đánh giá Kết quả Công việc của Thư ký Công ty	330
8.3.4. Miễn nhiệm	332

CHƯƠNG 9. MÔI TRƯỜNG KIỂM SOÁT

9.1. Quản trị Rủi ro	343
9.2. Kiểm soát Nội bộ	345
9.2.1. Các Yếu tố Cấu thành của Hệ thống Kiểm soát Nội bộ	348
9.2.2. Nguyên tắc Kiểm soát Nội bộ	349
9.2.3. Kiểm soát Nội bộ đối với Báo cáo Phát triển Bền vững	352

9.3. Ban Kiểm soát	355	
9.3.1. Thành phần và Yêu cầu đối với Kiểm soát viên	355	GỚI THIỆU VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
9.3.2. Thẩm quyền	357	
9.3.3. Bầu và Miễn nhiệm	362	CƠ CẤU QUẢN TRỊ CÔNG TY
9.3.4. Hợp đồng với Thành viên BKS	364	
9.3.5. Thù lao của Kiểm soát viên	364	TÀI LIỆU NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
9.3.6. Quy trình hoạt động và các cuộc họp của BKS	365	
9.3.7. Báo cáo	367	GỚI THIỆU VỀ QUYỀN CỦA CƠ ĐỒNG
9.4. Ủy ban Kiểm toán	368	
9.4.1. Thành phần và Yêu cầu đối với thành viên Ủy ban Kiểm toán	368	ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
9.4.2. Thẩm quyền	369	
9.4.3. Đề cử Thành viên Ủy ban Kiểm toán	371	HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
9.4.4. Quy trình Hoạt động và các Cuộc họp của Ủy ban Kiểm toán	371	
9.4.5. Tiếp cận Thông tin và Nguồn lực	372	BAN GIÁM ĐỐC
9.4.6. Báo cáo	373	
9.5. Kiểm toán Nội bộ	375	
9.5.1. Vai trò của Kiểm toán Nội bộ	375	THỦ KÝ CÔNG TY
9.5.2. Yêu cầu đối với Người làm công tác Kiểm toán Nội bộ	377	
9.5.3. Thẩm quyền	378	MÔI TRƯỜNG KIỂM SOÁT
9.5.4. Nhiệm vụ của HĐQT và những người có liên quan đến Kiểm toán Nội bộ	382	
9.5.5. Quy chế Kiểm toán Nội bộ	385	CÔNG BỐ THÔNG TIN
9.5.6. Báo cáo	386	
9.6. Kiểm toán Độc lập	388	
9.6.1. Khi nào cần Kiểm toán Độc lập Hàng năm	389	GAO DỊCH VỚI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN (GOLQ)
9.6.2. Quyền và Nhiệm vụ của Kiểm toán Độc lập	389	
9.6.3. Quyền và Nhiệm vụ của Công ty được Kiểm toán	391	CỐ TỨC
9.6.4. Chỉ định Kiểm toán Độc lập	392	
9.6.5. Thù lao	397	VỐN ĐIỀU LỆ

9.6.6. Báo cáo	398
9.6.7. Trách nhiệm của Kiểm toán Độc lập	399
9.7. Tuân thủ	401
9.7.1. Trách nhiệm của Bộ phận Tuân thủ	402
9.7.2. Chu kỳ Hoạt động của Bộ phận Tuân thủ	403
9.8. Quản trị Công ty con	405

CHƯƠNG 10. CÔNG BỐ THÔNG TIN

10.1. Khung Pháp lý	423
10.2. Người Chịu Trách nhiệm Công bố Thông tin	425
10.3. Phân loại Thông tin	426
10.3.1. Thông tin Mật	426
10.3.2. Thông tin Nội bộ	427
10.3.3. Công bố Thông tin so với Minh bạch	429
10.3.4. Trách nhiệm đối với việc Không Công bố Thông tin	430
10.4. Nội dung Công bố Thông tin	430
10.4.1. Thông tin Công ty	432
10.4.2. Quản trị Công ty	434
10.4.3. Kết quả Tài chính và Hoạt động Kinh doanh	445
10.4.4. Công bố Thông tin Bất thường	453
10.4.5. Báo cáo Phát triển Bền vững	457
10.4.6. Bản cáo bạch	462
10.5. Báo cáo Thường niên	462
10.6. Trang Thông tin Điện tử của Công ty	465
10.7. Truyền thông Đại chúng	466

CHƯƠNG 11. GIAO DỊCH VỚI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN (GDLQ)

11.1. Định nghĩa GDLQ	475	GỚI THIỆU VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
11.2. Phê duyệt GDLQ	480	CƠ CẤU QUẢN TRỊ CÔNG TY
11.3. Nhận biết GDLQ	486	TÀI LIỆU NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
11.4. Yêu cầu về Công bố Thông tin	486	GỚI THIỆU VỀ QUYỀN CỦA CỔ ĐỒNG
11.5. GDLQ bị vô hiệu	489	ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐỒNG
11.6. Trách nhiệm khi Vi phạm Quy định	491	HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHƯƠNG 12. CỔ TỨC

12.1. Quy định Chung về Cổ tức	497	BAN GIÁM ĐỐC
12.1.1. Quyền Cổ tức	498	THỦ KÝ CÔNG TY
12.1.2. Phương thức Thanh toán Cổ tức	499	THỦ KÝ CÔNG TY
12.1.3. Số tiền Cổ tức	500	MỘT TRƯỞNG KIỂM SOÁT
12.2. Thủ tục Công bố và Chi trả Cổ tức	502	CÔNG BỐ THÔNG TIN
12.2.1. Công bố Cổ tức	503	GIAO DỊCH VỚI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN (GDLQ)
12.2.2. Danh sách Cổ đông được Nhận Cổ tức	506	CỔ TỨC
12.2.3. Trả Cổ tức	506	VỐN ĐIỀU LỆ
12.3. Công bố Thông tin về Cổ tức	507	

CHƯƠNG 13. VỐN ĐIỀU LỆ

13.1. Quy định Chung về Vốn Điều lệ	515
13.1.1. Định nghĩa Vốn Điều lệ	515
13.1.2. Vốn Pháp định hoặc Vốn Điều lệ Tối thiểu	516
13.1.3. Vốn Điều lệ và Vốn Cổ phần	517
13.1.4. Thanh toán Đầy đủ Vốn Cổ phần	518
13.1.5. Góp Vốn Điều lệ	519
13.2. Tăng Vốn Điều lệ	520
13.2.1. Phương thức Tăng Vốn Điều lệ	520
13.2.2. Bảo vệ Quyền Sở hữu khi Tăng Vốn Điều lệ	525
13.2.3. Thủ tục Tăng vốn Điều lệ	526
13.3. Bảo đảm Vốn Điều lệ	533
13.3.1. Giảm Vốn Điều lệ	534
13.3.2. Mua lại Cổ phần	537
13.3.3. Sở hữu Chéo	544
13.4. Quỹ Dự phòng Bắt buộc và Tự nguyện	545
13.4.1. Quỹ Dự phòng Bắt buộc	545
13.4.2. Quỹ Khác	545

NOTES

GIỚI THIỆU
VỀ QUẢN TRỊ
CÔNG TY

CƠ CẤU
QUẢN TRỊ
CÔNG TY

TÀI LIỆU NỘI BỘ
VỀ QUẢN TRỊ
CÔNG TY

GIỚI THIỆU VỀ
QUYỀN CỦA
CƠ ĐỒNG

ĐẠI HỘI
ĐỒNG CỔ ĐÔNG

HỘI ĐỒNG
QUẢN TRỊ

BAN GIÁM ĐỐC

THỦ KÝ CÔNG TY

MÔ TƯỜNG
KIỂM SOÁT

CÔNG BỐ
THÔNG TIN

GAO DỊCH VỚI
NGƯỜI CÒN LIÊN
QUAN (GDLQ)

CỐ TỨC

VỐN ĐIỀU LỆ

NOTES

A series of horizontal dashed lines for writing notes.

Chương

1

**GIỚI THIỆU VỀ
QUẢN TRỊ CÔNG TY**

1 | Giới thiệu về Quản trị Công ty



Mục lục

1.1. Giới thiệu về Quản trị Công ty	5
1.2. Định nghĩa về Quản trị công ty	6
1.2.1. Định nghĩa	6
1.2.2. Sơ lược về Lịch sử Quản trị Công ty	11
1.2.3. Chuẩn mực và Khuôn khổ Quốc tế về Quản trị Công ty	15
1.2.4. Phân biệt giữa Quản trị và Quản lý Công ty	19
1.3. Vai trò và lợi ích của Quản trị Công ty tốt	20
1.3.1. Cải thiện hiệu quả hoạt động và kết quả kinh doanh	21
1.3.2. Khả năng Tiếp cận Thị trường Vốn	22
1.3.3. Cải thiện Danh tiếng và Định giá Công ty	23
1.4. Khuôn khổ Quản trị Công ty tại Việt Nam	27
1.4.1. Đặc điểm của Quản trị Công ty tại Việt Nam	27
1.4.2. Khuôn khổ Pháp lý	30
1.4.3. Khuôn khổ Thể chế	35

GIỚI THIỆU
VỀ QUẢN TRỊ
CÔNG TY

CƠ CẤU
QUẢN TRỊ
CÔNG TY

TÀI LIỆU HỒI BỘ
VỀ QUẢN TRỊ
CÔNG TY

GIỚI THIỆU VỀ
QUYỀN CỬA
CƠ ĐỒNG

ĐẠI HỘI
ĐỒNG CƠ ĐỒNG

HỘI ĐỒNG
QUẢN TRỊ

BAN GIÁM ĐỐC

THỦ KÝ CÔNG TY

MIỆT TRƯỞNG
KIỂM SÁT

CÔNG BỐ
THÔNG TIN

GIAO DỊCH VỚI
NGƯỜI CÒN LIÊN
QUAN (GOLU)

CỐ TỨC

VỐN ĐIỀU LỆ



Những vấn đề Chủ tịch HĐQT cần lưu ý

- Đại hội Đồng Cổ đông (ĐHĐCĐ), Hội đồng Quản trị (HĐQT), thành viên Ban kiểm soát và các cơ quan điều hành có hiểu rõ về quản trị công ty và tầm quan trọng của quản trị công ty đối với công ty và đối với cổ đông hay không?
- Cán bộ chủ chốt có hiểu rõ về Các Nguyên tắc Quản trị Công ty của G20/OECD cũng như khuôn khổ pháp lý và quy định về quản trị công ty áp dụng cho các công ty tại Việt Nam hay không?
- Công ty đã áp dụng bộ quy tắc Môi trường, Xã hội và Quản trị (ESG) của riêng công ty chưa?
- Công ty đã thực hiện các bước để cải thiện hoạt động ESG của công ty theo bộ quy tắc này chưa?
- HĐQT có hiểu rõ vai trò và trách nhiệm của HĐQT hay không?
- HĐQT có năng lực và cơ cấu phù hợp để giám sát chiến lược, ban giám đốc, và kết quả hoạt động của công ty không?
- Công ty có hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro hiệu quả không?
- Công ty có tuân thủ các yêu cầu bắt buộc về quản trị công ty và công bố thông tin về tuân thủ cho cổ đông và các bên có quyền lợi liên quan trong báo cáo thường niên không?
- Công ty có tích hợp báo cáo về cơ cấu và thông lệ quản trị công ty trong báo cáo thường niên không?
- Công ty có tuân thủ Bộ Nguyên tắc Quản trị Công ty theo Thông lệ Tốt nhất của Việt Nam và công bố tình hình thực hiện trong báo cáo thường niên không?
- Công ty có đối xử công bằng với quyền của cổ đông thiểu số và các bên có quyền lợi liên quan khác không?
- Hội đồng Quản trị có giám sát việc lập sơ đồ các bên có quyền lợi liên quan, chính sách về sự tham gia của các bên có quyền lợi liên quan, và cơ chế khiếu nại không?
- Công ty có nắm rõ các tổ chức và thể chế chính đang hoạt động trong lĩnh vực quản trị công ty có thể đóng vai trò nguồn lực bên ngoài?

1.1. Giới thiệu về Quản trị Công ty

Hoạt động quản trị công ty hiệu quả có ý nghĩa then chốt đối với thành công của bất kỳ tổ chức nào. Một hệ thống quản trị công ty mạnh mẽ xây dựng nền tảng cho danh tiếng, sự liêm chính, và bền vững của công ty vì hệ thống này bảo vệ lợi ích của các bên có quyền lợi liên quan. Quản trị công ty tốt tạo điều kiện thuận lợi để có một môi trường tin cậy và tin tưởng giữa người lao động, nhà đầu tư, đối tác kinh doanh, khách hàng và cộng đồng, cuối cùng sẽ có đóng góp cho giá trị lâu dài của tổ chức.

Trong vài thập kỷ qua, Việt Nam đã có những cải thiện đáng chú ý về nhận thức và hoạt động quản trị công ty tốt nhờ sự phát triển của môi trường pháp lý và kinh doanh. Nhận thức ngày càng tăng về tầm quan trọng của quản trị công ty bắt nguồn từ vai trò then chốt của khu vực tư nhân trong thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và tạo việc làm. Động lực này bắt đầu được xây dựng năm 1990 với việc ban hành Luật Công ty và Luật Doanh nghiệp Tư nhân. Năm 2005, hai luật này hợp nhất với Luật Doanh nghiệp Nhà nước thành Luật Doanh nghiệp tổng thể.

Sự gia tăng về số lượng công ty được thành lập trên cả nước cùng với áp lực tiếp cận tín dụng đã thúc đẩy tăng trưởng này. Do đó, việc thành lập Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) năm 2000 và 2005 đã góp phần đáng kể cho tăng trưởng của thị trường vốn và cải thiện cơ hội tiếp cận vốn cho doanh nghiệp. Các yêu cầu nghiêm ngặt do cơ quan quản lý đặt ra đối với các công ty mong muốn niêm yết cũng khuyến khích và đẩy nhanh việc áp dụng thông lệ quản trị công ty tốt của doanh nghiệp tại Việt Nam.

Nhờ đó, môi trường kinh doanh của quốc gia đã có chuyển dịch mạnh mẽ theo hướng minh bạch hơn, trách nhiệm giải trình cao hơn, và quản trị công ty mạnh mẽ hơn.

Chương này sẽ làm rõ khái niệm quản trị công ty, trình bày về vai trò của hoạt động quản trị công ty tốt, và cung cấp cái nhìn tổng quan về khuôn khổ pháp lý và thể chế đối với quản trị công ty tại Việt Nam hiện nay.

GIỚI THIỆU
VE QUẢN TRỊ
CÔNG TYCƠ CẤU
QUẢN TRỊ
CÔNG TYTÀI LIỆU NỀN BỐ
VE QUẢN TRỊ
CÔNG TYGIỚI THIỆU VỀ
QUYỀN LỢI
CƠ ĐỒNGĐẠI HỘI
ĐỒNG CƠ ĐỒNGHỘI ĐỒNG
QUẢN TRỊ

BAN GIÁM ĐỐC

THU KÝ CÔNG TY

MÔI TRƯỜNG
KIỂM SÁTCÔNG BỐ
THÔNG TINGIAO DỊCH VỚI
NGƯỜI CÒN LIÊN
QUAN (GOLU)

CỐ TỨC

VỐN ĐIỀU LỆ

1.2. Định nghĩa về Quản trị công ty

1.2.1. Định nghĩa

Không có một định nghĩa chung duy nhất về quản trị công ty (corporate governance) có thể áp dụng cho mọi trường hợp và mọi thể chế. Những định nghĩa khác nhau về quản trị công ty xuất hiện phụ thuộc vào thể chế, bối cảnh quốc gia, và truyền thống pháp lý, dẫn đến những cách diễn giải và thực hiện khác nhau.

Theo IFC, như đề cập tại Phương pháp luận Quản trị Công ty, quản trị công ty là “những cơ cấu và quá trình theo đó công ty được định hướng và kiểm soát”.¹ Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD - Organization for Economic Cooperation and Development), là tổ chức đã xuất bản tài liệu mang tên Nguyên tắc Quản trị Công ty (OECD Principles of Corporate Governance) năm 1999, và sửa đổi các nguyên tắc năm 2004, 2015 và 2023, đưa ra định nghĩa chi tiết hơn trong ấn bản mới nhất:

“Quản trị công ty là một tập hợp các mối quan hệ giữa Ban giám đốc, Hội đồng quản trị, cổ đông của công ty, và các bên có quyền lợi liên quan. Quản trị công ty cũng tạo ra cơ cấu và hệ thống để định hướng công ty và đề ra các mục tiêu của công ty, và xác định các phương tiện để đạt được những mục tiêu đó, cũng như để giám sát kết quả hoạt động của công ty.”²

Bob Tricker, người đầu tiên đưa ra thuật ngữ “quản trị công ty”, có định nghĩa rộng hơn nhiều về quản trị công ty trong cuốn sách mới nhất.³

Theo Tricker, quản trị công ty là cách thức thực thi thẩm quyền đối với một công ty và chịu trách nhiệm giải trình. Định nghĩa này tập trung vào trách nhiệm của cơ quan quản lý đối với kết quả hoạt động của công ty cũng như việc tuân thủ của công ty. Các cơ quan quản trị có cách gọi tên khác nhau – như hội đồng quản trị, hội đồng hoặc ủy ban – tùy thuộc loại doanh nghiệp và quốc gia.

1 <https://www.ifc.org/en/what-we-do/sector-expertise/corporate-governance>

2 OECD (2023), Các Nguyên tắc Quản trị Công ty của G20/OECD 2023, OECD Publishing, Paris, <https://doi.org/10.1787/ed750b30-en>. (Trang 6)

Năm 2022, OECD thực hiện rà soát đáng kể các nguyên tắc nhằm cải thiện các vấn đề liên quan đến quản trị khí hậu, quản trị kỹ thuật số, và các vấn đề xã hội. OECD công bố các nguyên tắc sửa đổi vào tháng 9/2023.

3 Tricker, Bob. (2023). *Hoạt động Quản trị Công ty (Tái bản lần thứ nhất, Tập 1)*. Milton: CRC Press.

Phần lớn các định nghĩa lấy bản thân công ty làm trung tâm (góc nhìn từ bên trong) đều có một số điểm chung và có thể được tóm lược lại như sau:

- Quản trị công ty là một hệ thống các mối quan hệ, được xác định bởi các cơ cấu và các quy trình.** Ví dụ, mối quan hệ giữa cổ đông (trong vai trò bên cấp vốn) và ban giám đốc công ty. Thông qua mối quan hệ này, cổ đông và ban giám đốc chia sẻ lợi ích chung về tối đa hóa tỷ suất hoàn vốn đầu tư của cổ đông. Các mối quan hệ cụ thể khác tồn tại giữa HĐQT, ban giám đốc, hoặc các cơ quan kiểm soát khác, cổ đông của công ty, và các bên có quyền lợi liên quan khác. Ban giám đốc có trách nhiệm cung cấp cho cổ đông báo cáo tài chính và báo cáo hoạt động thường kỳ một cách minh bạch. Cổ đông cũng bầu ra một thể chế giám sát, thường được gọi là hội đồng quản trị và/hoặc ban kiểm soát để đại diện cho quyền lợi của mình. Cơ quan này thực hiện chức năng giám sát đối với ban giám đốc. Như vậy, ban giám đốc chịu trách nhiệm giải trình trước HĐQT, và đến lượt HĐQT lại chịu trách nhiệm trước cổ đông thông qua ĐHĐCĐ. Các cơ cấu và quy trình xác định những mối quan hệ này thường xoay quanh cơ chế cụ thể để quản lý năng lực hoạt động, giám sát và báo cáo. Một khuôn khổ quản trị công ty hiệu quả có thể cho phép các công ty xác định và giải quyết quan ngại của cổ đông và các bên có quyền lợi liên quan khác nhau, trong khi cũng đặt nền tảng cho triển vọng thành công lâu dài.
- Những mối quan hệ này nhiều khi liên quan tới các bên có các lợi ích khác nhau, đôi khi là những lợi ích xung đột.** Các cơ quan khác nhau của công ty, như ĐHĐCĐ, HĐQT, và/hoặc Tổng Giám đốc và ban giám đốc (hoặc các cơ quan điều hành khác) - có thể có lợi ích khác nhau tại bất kỳ thời điểm nào. Xung đột lợi ích thường tồn tại giữa cổ đông (người chủ) và người quản lý (người làm thuê), còn được gọi là vấn đề ông chủ-người làm thuê (principal-agent problem) trong Lý thuyết Đại diện (Agency Theory)⁴. Vấn đề ông chủ-người làm thuê phát sinh khi không có phân tách giữa quyền sở hữu và quản lý. Ví dụ: mặc dù cổ đông quan tâm đến việc tối đa hóa giá trị của cổ đông, ban

4 Vấn đề Ông chủ-Người làm thuê được từ điển Kinh tế học Oxford định nghĩa như sau: “Vấn đề liên quan tới cách mà cá nhân A khuyến khích cá nhân B hành động vì lợi ích của cá nhân A chứ không phải vì lợi ích của cá nhân B.” Trong môi trường công ty, cá nhân A ở đây là cổ đông (Ông chủ) và cá nhân B là các thành viên Ban giám đốc (Người làm thuê). Đôi khi các thành viên Ban giám đốc có thể theo đuổi những mục tiêu khác với mục tiêu của cổ đông (ví dụ để tạo nên những để chệ tài chính thay vì tạo ra giá trị cho cổ đông), hành động một cách thiếu trung thực, và thậm chí đôi khi thiếu năng lực. Điều này sẽ tạo ra ba loại chi phí đại diện: (i) chi phí phân tán (tức là các cán bộ quản lý không tối đa hóa của cải của cổ đông); (ii) chi phí giám sát (cổ đông phải xây dựng và thực hiện những cơ cấu kiểm soát), bao gồm cả chi phí thay thế; và (iii) chi phí khuyến khích (chi phí phát sinh khi công chúng đầu tư phải trả tiền thường để khích lệ cán bộ quản lý). Vai trò cốt lõi của hệ thống quản trị công ty là phải giảm thiểu tổng chi phí đại diện, từ đó tối đa hóa giá trị của công ty cho cổ đông.

GIỚI THIỆU VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

CƠ CẤU QUẢN TRỊ CÔNG TY

TÀI LIỆU HỒI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

GIỚI THIỆU VỀ QUYỀN LỢI CỦA CỔ ĐÔNG

ĐẠI DIỆN ĐỒNG CỔ ĐÔNG

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

BAN GIÁM ĐỐC

THU NHẬP CÔNG TY

MỐI QUAN HỆ KIỂM SOÁT

CÔNG BỐ THÔNG TIN

GAO THỰC VỚI NGƯỜI CÒN LIÊN QUAN (GOLU)

CỐ TỨC

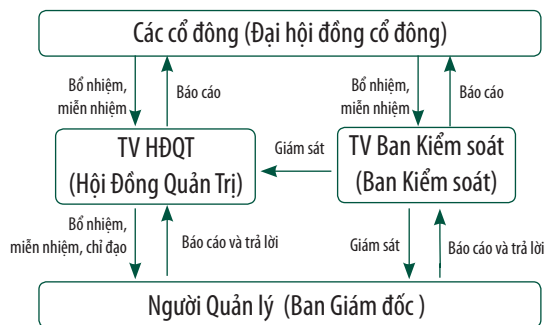
VỐN ĐIỀU LỆ

giám đốc có thể có mục tiêu khác (như tối đa hóa tiền lương của họ), điều này đôi khi dẫn đến việc chấp nhận rủi ro quá mức làm tổn hại đến lợi ích dài hạn của công ty. Xung đột lợi ích cũng có thể tồn tại ngay trong mỗi bộ phận quản trị, như giữa các loại cổ đông khác nhau (đa số và thiểu số, kiểm soát và không kiểm soát, cá nhân và tổ chức) và các thành viên HĐQT (điều hành và không điều hành, bên ngoài và nội bộ, độc lập và không độc lập). Cần theo dõi thận trọng và đảm bảo cân bằng giữa những căng thẳng này.

- **Tất cả các bên đều liên quan tới việc định hướng và kiểm soát công ty.** ĐHĐCĐ, đại diện cho cổ đông, đưa ra các quyết định quan trọng như quyết định về việc phân chia lợi nhuận. HĐQT chịu trách nhiệm chỉ đạo và giám sát chung, đề ra chiến lược và giám sát người quản lý. Ban giám đốc điều hành hoạt động hàng ngày, như thực hiện chiến lược đã đề ra, lập kế hoạch kinh doanh, quản trị nhân sự, xây dựng chiến lược marketing, bán hàng, và quản lý tài sản.
- **Quản trị công ty được thiết kế nhằm phân chia quyền lợi và trách nhiệm một cách hiệu quả để thúc đẩy giá trị lâu dài của cổ đông** và các bên có quyền lợi liên quan khác. Ví dụ, với việc cân bằng phù hợp lợi ích giữa cổ đông, HĐQT và ban giám đốc, cổ đông nhỏ lẻ sẽ có phương tiện để ngăn chặn việc một cổ đông kiểm soát tư lợi quá mức thông qua các giao dịch với các bên liên quan, giao dịch ngầm, hay hoạt động khác tương tự.⁵

Hệ thống quản trị công ty cơ bản và mối quan hệ giữa những thể chế quản trị trong công ty được mô tả trong Hình 1.

Hình 1. Hệ thống Quản trị Công ty



⁵ Quản trị công ty: Khung khổ thực hiện, Ngân hàng Thế giới (Corporate Governance: A Framework for Implementation, the World Bank). Xem thêm: http://www-wds.worldbank.org/external/default/main?pagePK=64193027&piPK=64187937&theSitePK=523679&menuPK=64187510&searchMenuPK=64187283&siteName=WDS&entityID=000094946_00082605593465.

Mặt khác, từ góc độ bên ngoài, quản trị công ty tập trung vào những mối quan hệ giữa công ty với các bên có quyền lợi liên quan. Các bên có quyền lợi liên quan là những cá nhân hay tổ chức có quyền lợi hoặc liên quan đến hoạt động, hiệu quả, hoặc kết quả hoạt động của công ty. Các bên có quyền lợi liên quan có thể có mức độ ảnh hưởng và tác động khác nhau, có thể xuất phát từ quy định luật pháp, theo hợp đồng, hay xuất phát từ các mối quan hệ xã hội hay địa lý. Các bên có quyền lợi liên quan có thể ở cả bên trong và bên ngoài công ty, như nhà đầu tư, người lao động, chủ nợ, nhà cung cấp, khách hàng, cơ quan pháp luật, cơ quan quản lý, cơ quan Nhà nước, cũng như cộng đồng địa phương hoặc môi trường nơi công ty hoạt động. Các công ty có kết quả quản trị công ty tốt thường có khả năng tiếp cận vốn tốt hơn với điều kiện thuận lợi hơn so với những công ty có kết quả kém hơn hoặc những công ty hoạt động ở những thị trường có chuẩn mực quản trị công ty thấp hơn.

Nhiều bộ quy tắc quản trị công ty quốc tế, kể cả Các Nguyên tắc Quản trị Công ty của OECD, đã thảo luận về vai trò của các bên có quyền lợi liên quan trong quy trình quản trị công ty. Đã từng có quan điểm rằng các bên có quyền lợi liên quan không có quyền đòi hỏi đối với công ty trừ những đối tượng được quy định rõ trong luật hoặc trong hợp đồng. Quan điểm này khá phổ biến ở nhiều quốc gia có truyền thống thông luật, như Úc, Vương quốc Anh, và Hoa Kỳ. Gần đây hơn, đã có chuyển dịch mạnh mẽ, thậm chí cả ở những thị trường lớn này, khi có nhận thức rằng các công ty thực hiện một mục đích xã hội quan trọng, có ảnh hưởng lớn đối với xã hội, và do vậy phải hành động vì lợi ích rộng hơn của xã hội. Quan điểm này từng phổ biến ở nhiều quốc gia có truyền thống dân luật, chủ yếu ở châu Âu lục địa, như Pháp, Đức, Hà Lan, và các khu vực chịu ảnh hưởng trước đây của các quốc gia này, thừa nhận rằng các công ty nên đáp ứng lợi ích của các bên có quyền lợi liên quan để duy trì giấy phép xã hội. Những thay đổi trong thực tiễn quản trị công ty trên toàn cầu đã nâng tầm tư duy của chúng ta về vai trò quan trọng của việc các bên có quyền lợi liên quan tham gia vào tất cả các khía cạnh khác của kết quả hoạt động môi trường và xã hội. Ngày nay, khu vực tư nhân cũng như các nhà đầu tư tài chính đã hiểu rõ hơn những rủi ro của việc chỉ có mối quan hệ lỏng lẻo với các bên có quyền lợi liên quan – và cơ hội do mối quan hệ mang tính xây dựng mang lại. Tại Việt Nam, các yếu tố môi trường và xã hội, và lợi ích của các bên có quyền lợi liên quan ngày càng được quan tâm nhiều hơn.

Năm 2018, IFC đã cập nhật Phương pháp luận Quản trị Công ty để bổ sung quản trị rủi ro môi trường và xã hội (E&S), trên cơ sở những phát hiện

GIỚI THIỆU
VỀ QUẢN TRỊ
CÔNG TYCƠ CẤU
QUẢN TRỊ
CÔNG TYTÀI LIỆU NỘI BỘ
VỀ QUẢN TRỊ
CÔNG TYGIỚI THIỆU VỀ
QUYỀN LỢI
CƠ ĐỒNGĐẠI HỘI
ĐỒNG CƠ ĐỒNGHỘI ĐỒNG
QUẢN TRỊ

BAN GIÁM ĐỐC

THỦ KÝ CÔNG TY

MÔI TRƯỜNG
KIỂM SÁTCÔNG BỐ
THÔNG TINGIAO DỊCH VỚI
NGƯỜI CÒN LIÊN
QUAN (GOLO)

CỐ TỨC

VỐN ĐIỀU LỆ

của một nghiên cứu nội bộ về danh mục đầu tư của IFC cho thấy khuôn khổ quản trị công ty hiệu quả có ý nghĩa thiết yếu để thực hiện các thông lệ E&S. Năm 2023, IFC đã xây dựng phương pháp quản trị công ty được thiết kế riêng để quản lý và giám sát các rủi ro và cơ hội liên quan đến khí hậu.⁶



Thông lệ tốt nhất

Mục tiêu của quản trị công ty là tạo điều kiện thuận lợi cho việc tiếp cận nguồn vốn bên ngoài, bao gồm vốn cổ phần và tín dụng, đồng thời thúc đẩy các khoản đầu tư tối ưu của cổ đông vào tài sản vật chất và con người của công ty. Thành công phụ thuộc vào hợp tác giữa những nhà cung cấp nguồn lực khác nhau, như nhà đầu tư, người lao động, chủ nợ, khách hàng, và các bên có quyền lợi liên quan khác. Công nhận giá trị của các bên có quyền lợi liên quan, các công ty cần thúc đẩy nỗ lực hợp tác vì sự thịnh vượng lâu dài. Khung quản trị cần công nhận lợi ích của các bên có quyền lợi liên quan và vai trò của họ đối với thành công bền vững của công ty. Quyền và lợi ích của các bên có quyền lợi liên quan theo quy định của pháp luật hoặc theo các thỏa thuận chung phải được tôn trọng.

- Khi lợi ích của các bên có quyền lợi liên quan được pháp luật bảo vệ, các bên có quyền lợi liên quan phải có cơ hội được giải quyết hiệu quả khi quyền lợi của họ bị vi phạm.
- Sự tham gia của các bên có quyền lợi liên quan phải là một quy trình rộng rãi, toàn diện hơn, và liên tục giữa công ty và những người có khả năng bị ảnh hưởng.⁷
- Khi tham gia quy trình quản trị công ty, các bên có quyền lợi liên quan phải được tiếp cận thông tin phù hợp, đầy đủ, và đáng tin cậy một cách kịp thời và thường xuyên.
- Cần cho phép xây dựng cơ chế cho sự tham gia của người lao động.
- Các bên có quyền lợi liên quan, bao gồm từng người lao động và cơ quan đại diện của người lao động, có thể tự do bày tỏ lo ngại về hành vi được cho là phi pháp hoặc phi đạo đức với HĐQT và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền, và không bị tổn hại đến quyền lợi vì việc này.
- Khuôn khổ quản trị công ty cần được bổ sung bằng một khuôn khổ phá sản hiệu quả, hiệu lực, và thực thi hiệu quả các quyền của chủ nợ.

6 IFC (2023) *Ma trận Tiến bộ Quản trị Khí hậu*: <https://www.ifc.org/content/dam/ifc/doc/2023-delta/climate-governance-matrix-may2023.pdf>

7 IFC (2007) *Tham gia của các Bên có quyền lợi liên quan: Cẩm nang Thông lệ Tốt dành cho các Công ty Kinh doanh tại các Thị trường Môi nổi*: <https://www.ifc.org/content/dam/ifc/doc/mgrt/ifc-stakeholderengagement1.pdf>

1.2.2. Sơ lược về Lịch sử Quản trị Công ty

Các hệ thống quản trị công ty đã phát triển qua nhiều thế kỷ, thường bắt nguồn từ những thất bại của các công ty hay những cuộc khủng hoảng mang tính hệ thống. Ví dụ quan trọng đầu tiên là sự sụp đổ của Công ty South Sea của Anh năm 1720. Sự cố này tạo ra Bong bóng Nam hải (South Sea Bubble) nổi tiếng, là sự kiện tạo nên cuộc cách mạng trong xây dựng luật doanh nghiệp và cách thức kinh doanh ở Anh quốc. Tương tự, phần lớn những quy định về thị trường chứng khoán ở Mỹ được đưa ra sau sụp đổ của thị trường chứng khoán năm 1929. Đã từng có vô số các cuộc khủng hoảng từ trước tới nay, như cuộc khủng hoảng hệ thống ngân hàng thứ cấp ở Anh quốc vào những năm 1970, cuộc khủng hoảng của các tổ chức cho vay và tiết kiệm ở Hoa Kỳ vào những năm 1980, cuộc khủng hoảng tài chính ở Nga năm 1998, cuộc khủng hoảng tài chính ở châu Á trong giai đoạn 1997-1998 (với ảnh hưởng đặc biệt nghiêm trọng ở In-đô-nê-xia, Hàn Quốc, và Thái Lan), và cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu năm 2008.

Lịch sử quản trị công ty cũng được điểm xuyết bằng một loạt những thất bại của nhiều công ty nổi tiếng. Những năm đầu thập niên 1990 ở Anh quốc, thế giới đã chứng kiến sự sụp đổ của ngân hàng Barings. Tương tự, thế kỷ mới này được mở đầu bằng sụp đổ choáng váng của công ty Enron của Hoa Kỳ, việc đi tới bờ vực phá sản của công ty Vivendi Universal của Pháp, vụ bê bối tại công ty Parmalat của Ý, vụ gian lận tại ngân hàng Société Générale của Pháp, và vụ lừa đảo hàng tỉ đô la của Madoff. Các chính phủ đều phản ứng trước mỗi trong những thất bại này - thường xuất phát từ tình trạng thiếu giám sát, thiếu năng lực, hay lừa đảo trắng trợn - bằng cách triển khai những khuôn khổ quản trị công ty mới, như Đạo luật Sarbanes-Oxley của Hoa Kỳ về Cải cách Kế toán Công ty Đại chúng và Bảo vệ Nhà đầu tư, cũng như các bộ quy tắc quản trị công ty tương tự của nhiều quốc gia. Xu hướng cũng đáng lưu ý hiện nay là việc các cơ quan quản lý thiết lập giám sát chặt chẽ hơn đối với các định chế tài chính và ngân hàng ở nhiều quốc gia.

Bảng 1 minh họa một số sự kiện quan trọng trong lịch sử quản trị công ty, chủ yếu ở các nước phương Tây.

GIỚI THIỆU
VE QUẢN TRỊ
CÔNG TYCƠ CẤU
QUẢN TRỊ
CÔNG TYTÀI LIỆU NƠI BỜ
VE QUẢN TRỊ
CÔNG TYGIỚI THIỆU VỀ
QUYỀN CỬA
CƠ ĐỒNGĐẠI HỘI
ĐỒNG CƠ ĐỒNGHỘI ĐỒNG
QUẢN TRỊ

BAN GIÁM ĐỐC

THU NHẬP CÔNG TY

MÔI TRƯỜNG
KIỂM SÁTCÔNG BỐ
THÔNG TINGIAO DỊCH VỚI
NGƯỜI CÓ LIÊN
QUAN (GOLU)

CỐ TỨC

VỐN ĐIỀU LỆ

Bảng 1. Sơ lược về Lịch sử Quản trị Công ty Quốc tế**Những năm 1600:**

Công ty Đông Ấn áp dụng mô hình Hội đồng Quản trị (Court of Directors), phân biệt giữa vai trò sở hữu với vai trò kiểm soát (Anh quốc, Hà Lan)

- 1776:** Trong tác phẩm “Của cải của các Quốc gia - Wealth of Nations”, **Adam Smith** đã cảnh báo về tình trạng kiểm soát yếu kém và chính sách tiền thưởng cho người quản lý (Anh quốc)
- 1844:** Đạo luật đầu tiên về Công ty Cổ phần (Anh quốc)
- 1931:** **Berle and Means** xuất bản một tác phẩm có ảnh hưởng lớn mang tên “Công ty Thời nay và Của cải Tư nhân - The Modern Corporation and Private Property” (Hoa Kỳ)
- 1933-34:** Đạo luật Chứng khoán năm 1933 là đạo luật đầu tiên điều chỉnh thị trường chứng khoán, đáng chú ý là việc công bố thông tin đăng ký. Đạo luật năm 1934 giao trách nhiệm thực thi cho SEC (Ủy ban chứng khoán Mỹ) (Hoa Kỳ)
- 1968:** EU thông qua **chỉ thị luật công ty** đầu tiên của EU (EU)
- 1987:** **Ủy ban Treadway** báo cáo về những gian lận trong báo cáo tài chính, khẳng định vai trò và vị thế của các ban kiểm toán, và xây dựng một khuôn khổ cho kiểm toán nội bộ, được gọi là COSO, xuất bản năm 1992 (Hoa Kỳ)

Đầu những năm 1990:

Các tập đoàn kinh tế lớn như Polly Peck (thua lỗ 1,3 tỷ bảng Anh), BCCI và Maxwell (thua lỗ 480 triệu bảng Anh) **sụp đổ**, đòi hỏi phải có những bước cải thiện trong các thông lệ quản trị công ty để bảo vệ các nhà đầu tư (Anh quốc)

- 1992:** **Ủy ban Cadbury** cho xuất bản bộ quy tắc đầu tiên về quản trị công ty; và vào năm 1993, các công ty niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán của Anh quốc buộc phải công bố thông tin về quản trị công ty trên cơ sở “tuân thủ hoặc giải trình” (Anh quốc)
- 1994:** Xuất bản **Báo cáo của King Report** (Nam Phi)
- 1994, 1995:** Các báo cáo **Rutteman** (về Kiểm soát Nội bộ và Báo cáo Tài chính), **Greenbury** (về quy chế lương thưởng dành cho Ban giám đốc) và **Hampel** (về Quản trị Công ty) được xuất bản (Anh quốc)
- 1995:** Xuất bản báo cáo **Vienot Report** (Pháp)
- 1996:** Xuất bản báo cáo **Peters Report** (Hà Lan)
- 1998:** Xuất bản bộ **Quy tắc Tổng hợp** (Anh quốc)
- 1999:** OECD xuất bản bộ quy chuẩn quốc tế đầu tiên mang tên **Các Nguyên tắc Quản trị Công ty của OECD**

- 1999:** Xuất bản tài liệu hướng dẫn mang tên **Turnbull** về kiểm soát nội bộ (Anh quốc)
- 1999:** Quốc hội Việt Nam thông qua **Luật Doanh nghiệp**, thay thế Luật Công ty và Luật Doanh nghiệp Tư nhân
- 2000:** Quốc hội Việt Nam **sửa đổi, bổ sung Luật Đầu tư Nước ngoài** được thông qua năm 1996
- 2000:** Quốc hội Việt Nam thông qua **Luật Kinh doanh Bảo hiểm**
- 2001:** **Tập đoàn Enron**, một công ty niêm yết lớn thứ bảy trên thị trường chứng khoán Mỹ thời bấy giờ, tuyên bố phá sản (Hoa Kỳ)
- 2001:** Xuất bản Báo cáo **Lamfalussy** về Các quy định đối với thị trường chứng khoán châu Âu được (EU)
- 2002:** Xuất bản bộ **Quy tắc quản trị công ty của Đức** (Đức)
- 2002:** Tập đoàn **Enron** sụp đổ và các vụ bê bối tại nhiều công ty khác dẫn đến sự ra đời của **Đạo luật Sarbanes-Oxley** (Mỹ); báo cáo **Winter** về vấn đề cải tổ luật công ty tại châu Âu được xuất bản (EU)
- 2003:** Báo cáo **Higgs** về các thành viên không điều hành của Hội đồng quản trị được xuất bản (Anh quốc)
- 2003:** Quốc hội Việt Nam thông qua **Luật Doanh nghiệp Nhà nước** thay thế Luật các Doanh nghiệp Nhà nước năm 1995
- 2004:** Vụ bê bối tại công ty Parmalat làm chấn động nước Ý, có nguy cơ gây ảnh hưởng tới cả châu Âu (EU)
- 2008:** IFC giới thiệu Phương pháp luận Quản trị Công ty, là phương pháp đánh giá và cải thiện công tác quản trị công ty của công ty nhằm nhận dạng, giảm nhẹ, và quản lý rủi ro⁸
- 2015:** Các Nguyên tắc Cập nhật (Các Nguyên tắc Quản trị Công ty G20/OECD) được Hội đồng OECD và Hội nghị Thượng đỉnh các Nhà lãnh đạo G20 thông qua
- 2018:** IFC cập nhật Phương pháp luận Quản trị Công ty để bổ sung thông số mới về Quản trị sự Tham gia của các Bên có quyền lợi liên quan
- 2021:** ISO 37000:2021 Quản trị tổ chức – Hướng dẫn về quản trị tổ chức⁹
- 2023:** OECD sửa đổi Nguyên tắc Quản trị Công ty G20/OECD.

GIỚI THIỆU VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

CƠ CẤU QUẢN TRỊ CÔNG TY

TÀI LIỆU NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

GIỚI THIỆU VỀ QUYỀN LỢI CỦA CỔ ĐỒNG

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐỒNG

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

BAN GIÁM ĐỐC

THỦ KÝ CÔNG TY

HỘI TRƯỞNG KIỂM SOÁT

CÔNG BỐ THÔNG TIN

GIAO DỊCH VỚI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN (GỎI)

CỐ TỨC

VỐN ĐẦU TƯ

8 Phương pháp luận Quản trị Công ty của IFC và các công cụ liên quan: <https://www.ifc.org/en/what-we-do/sector-expertise/corporate-governance/cg-methodology-tools>

9 ISO 37000:2021 cung cấp các nguyên tắc và khía cạnh thực tiễn chính để hướng dẫn các cơ quan quản lý và nhóm quản trị về cách thức hoàn thành trách nhiệm sao cho các tổ chức có thể hoàn thành mục tiêu. ISO 37000:2021 cũng dành cho các bên có quyền lợi liên quan tham gia, hoặc chịu ảnh hưởng của tổ chức và hoạt động quản trị của tổ chức. Tiêu chuẩn này có thể áp dụng cho tất cả các tổ chức bất kể loại hình, quy mô, vị trí, cấu trúc, hoặc mục đích. <https://www.iso.org/standard/65036.html>

Khuôn khổ pháp lý của Việt Nam về quản trị công ty đã phát triển đáng kể trong những năm qua. Trước năm 1987, doanh nghiệp nhà nước là đơn vị doanh nghiệp duy nhất. Luật Đầu tư Nước ngoài năm 1987 đưa ra khái niệm quản trị công ty cho doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Năm 1990, các công ty thuộc khu vực tư nhân được công nhận với việc ban hành Luật Công ty và Luật Doanh nghiệp Tư nhân. Luật Doanh nghiệp năm 1999 đã thúc đẩy tăng trưởng khu vực tư nhân trong nước nhờ cho phép tự do kinh doanh và sở hữu. Quản trị công ty không phải là ưu tiên tại giai đoạn này. Sau năm 2006, Việt Nam tập trung cải cách luật pháp để tuân thủ quy định của Tổ chức Thương mại Thế giới. Năm 2020, Luật Doanh nghiệp sửa đổi nhấn mạnh về quản trị công ty, thu hẹp khoảng cách với chuẩn mực quốc tế. Các luật khác, trong đó có Luật Chứng khoán và Luật Kiểm toán Độc lập, đã hoàn thiện hơn nữa khuôn khổ pháp lý về quản trị công ty. Thông tin chi tiết được cung cấp tại Bảng 2.

Bảng 2. Sơ lược về Lịch sử Phát triển Quản trị Công ty tại Việt Nam

1987:	Quốc hội Việt Nam thông qua Luật Đầu tư Nước ngoài
1990:	Quốc hội Việt Nam thông qua Luật Công ty ¹⁰ và Luật Doanh nghiệp Tư nhân ¹¹
1995:	Quốc hội Việt Nam thông qua Luật Doanh nghiệp Nhà nước ¹²
1996:	Quốc hội Việt Nam thông qua Luật Đầu tư Nước ngoài thay thế Luật Đầu tư Nước ngoài năm 1987
1997:	Quốc hội Việt Nam thông qua Luật Ngân hàng Nhà nước và Luật Các Tổ chức Tín dụng
2002:	Văn phòng Chính phủ Việt Nam ban hành Điều lệ Mẫu đầu tiên của các công ty niêm yết ¹³
2004:	Quốc hội Việt Nam thông qua Luật Cạnh tranh
2004:	Quốc hội Việt Nam sửa đổi, bổ sung Luật Ngân hàng Nhà nước năm 1997 và Luật Các Tổ chức Tín dụng năm 1997
2005:	Quốc hội Việt Nam thông qua Luật Doanh nghiệp và Luật Đầu tư thay thế: (i) Luật Đầu tư Nước ngoài, (ii) Luật Doanh nghiệp năm 1999 và (iii) Luật Doanh nghiệp Nhà nước ¹⁴

¹⁰ Được thông qua vào ngày 21 tháng 12 năm 1990.

¹¹ Được thông qua vào ngày 21 tháng 12 năm 1990.

¹² Được thông qua vào ngày 20 tháng 4 năm 1995.

¹³ Quyết định 07/2002/VPCP áp dụng đối với công ty niêm yết có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2003.

¹⁴ Luật Doanh nghiệp nhà nước được bãi bỏ cho đến ngày 1 tháng 7 năm 2010 để có thời gian cổ phần hóa tất cả các doanh nghiệp nhà nước. Xem Điều 166 LDN.

- 2006:** Quốc hội Việt Nam thông qua **Luật Chứng khoán**
- 2007:** Bộ Tài chính Việt Nam thông qua bộ **Quy chế Quản trị Công ty và Điều lệ Mẫu**¹⁵
- 2010:** Bộ Tài chính Việt Nam ban hành **Thông tư 09/2010/TT-BTC**¹⁶ quy định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
- 2010:** Quốc hội Việt Nam thông qua **Luật Ngân hàng Nhà nước và Luật Các Tổ chức Tín dụng**
- 2014:** Quốc hội Việt Nam thông qua **Luật Doanh nghiệp (số 68/2014/QH13)**
- 2017:** Quốc hội Việt Nam thông qua **Luật Các Tổ chức Tín dụng (số 17/2017/QH14)**
- 2017:** Nghị định 71/2017/NĐ-CP Chính phủ hướng dẫn quản trị công ty đối với công ty đại chúng
- 2019:** Quốc hội Việt Nam thông qua **Luật Chứng khoán (số 54/2019/QH14)**; UBCKNN và IFC giới thiệu **Bộ Nguyên tắc Quản trị Công ty theo Thông lệ tốt nhất**
- 2020:** Quốc hội Việt Nam thông qua **Luật Doanh nghiệp (số 59/2020/QH14)**, cải thiện quyền của cổ đông nhỏ và cho phép công ty trách nhiệm hữu hạn phát hành trái phiếu để huy động vốn
- 2020:** Nghị định số 155/2020/NĐ-CP Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán quy định một số điều liên quan đến quản trị công ty và hướng dẫn **Điều lệ Mẫu** (Thông tư 116/2020/TT-BTC) được áp dụng cho tất cả các công ty đại chúng
- 2020:** Thông tư 96/2020/TT-BTC thay thế Thông tư 155/2015/TT-BTC bổ sung thêm nghĩa vụ và yêu cầu công bố thông tin đầy đủ, chính xác, kịp thời
- 2024:** Quốc hội Việt Nam thông qua **Luật Các Tổ chức Tín dụng (Số 32/2024/QH15)**.

1.2.3. Chuẩn mực và Khuôn khổ Quốc tế về Quản trị Công ty

Thập kỷ qua đã chứng kiến sự phát triển của hàng loạt những bộ quy tắc về nguyên tắc quản trị công ty trên khắp thế giới. Hơn 200 bộ quy tắc quản trị công ty đã được xây dựng cho hơn 103 quốc gia và vùng lãnh thổ, trong đó một số bộ quy tắc được thiết kế để có phạm vi áp dụng quốc tế. Phần lớn những bộ quy tắc này tập trung vào vai trò của các cơ quan điều hành và/hoặc HĐQT của công ty.

15 Điều lệ mẫu được ban hành kèm theo Quyết định số 15 của Bộ Tài chính (19 tháng 3 năm 2007). Tuy nhiên, chúng đã hết hạn sử dụng và được thay thế bằng phiên bản mới vào năm 2020.

16 Thông tư 09/2010/TT-BTC hết hiệu lực và được thay thế bằng quy định mới trong năm 2020.

GIỚI THIỆU VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

CƠ CẤU QUẢN TRỊ CÔNG TY

TÀI LIỆU NỀN BỐ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

GIỚI THIỆU VỀ QUYỀN CỬA CỔ ĐÔNG

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

BAN GIÁM ĐỐC

THỦ KÝ CÔNG TY

MỘT TRƯỜNG KIỂM SÁT

CÔNG BỐ THÔNG TIN

GIÀO DỊCH VỚI NGƯỜI CÒN LIÊN QUAN (GOLU)

CỐ TỨC

VỐN ĐỀU LỆ

Trong số những bộ quy tắc này, chỉ có các Nguyên tắc Quản trị Công ty của G20/OECD là có hướng dẫn cho cả các nhà hoạch định chính sách và doanh nghiệp, và đề cập một cách khá đầy đủ các lĩnh vực trong phạm vi quản trị công ty (quyền của cổ đông, các bên có quyền lợi liên quan, công bố thông tin, và thông lệ trong hoạt động của HĐQT). Các nguyên tắc này được công bố lần đầu tiên năm 1999 và sửa đổi năm 2004, 2015, và 2023. Các nguyên tắc này khẳng định rằng đầu tư là động lực tăng trưởng mạnh mẽ, và đề cập đến tính phức tạp của chuỗi đầu tư, các lĩnh vực doanh nghiệp và tài chính, vai trò thay đổi của các sở giao dịch chứng khoán, sự xuất hiện của các nhà đầu tư mới, và hoạt động giao dịch. Trong bản mới nhất, các nguyên tắc này đưa ra hướng dẫn về bền vững và năng lực chống chịu của công ty nhằm giúp quản lý rủi ro môi trường và xã hội, với thông tin chi tiết về công bố thông tin, vai trò và quyền của cổ đông cũng như các bên có quyền lợi liên quan và trách nhiệm của hội đồng quản trị công ty.

Kể từ đó, các Nguyên tắc Quản trị Công ty của G20/OECD đã được chấp nhận rộng rãi trên thế giới trong vai trò tài liệu tham khảo chuẩn trong lĩnh vực quản trị công ty. Mặc dù các Nguyên tắc OECD chủ yếu tập trung vào công ty đại chúng, cả tài chính và phi tài chính, những nguyên tắc này cung cấp chuẩn mực hữu ích để cải thiện thông lệ quản trị công ty của công ty tư nhân. Nhiều bộ quy tắc quản trị công ty của các quốc gia, trong đó có Việt Nam, được xây dựng dựa trên các Nguyên tắc G20/OECD.

Các giá trị cốt lõi của quản trị công ty bao gồm¹⁷:

- Công bằng: Khuôn khổ Quản trị công ty phải bảo vệ quyền lợi của cổ đông và đảm bảo đối xử công bằng đối với mọi cổ đông, kể cả cổ đông nhỏ lẻ và cổ đông nước ngoài. Tất cả cổ đông đều phải được đảm bảo cơ hội bảo vệ quyền lợi của mình nếu quyền lợi của họ bị xâm phạm.
- Trách nhiệm: Khuôn khổ Quản trị công ty cần phải công nhận quyền lợi của các bên có quyền lợi liên quan theo quy định của pháp luật, và khuyến khích hợp tác tích cực giữa công ty và các bên có quyền lợi liên quan trong việc tạo ra của cải, công ăn việc làm, và đảm bảo bền vững về tài chính của các công ty.
- Minh bạch: Khuôn khổ quản trị công ty cần đảm bảo rằng việc công khai thông tin về các vấn đề quan trọng liên quan tới công ty, bao gồm tình hình tài chính, kết quả hoạt động, quyền sở hữu, và cơ cấu kiểm soát luôn được thực hiện một cách kịp thời và chính xác.

- Trách nhiệm giải trình: Khuôn khổ Quản trị công ty cần đảm bảo việc cung cấp định hướng chiến lược cho công ty, đảm bảo việc giám sát có hiệu quả từ phía HĐQT, và đảm bảo trách nhiệm giải trình của HĐQT trước công ty và cổ đông.

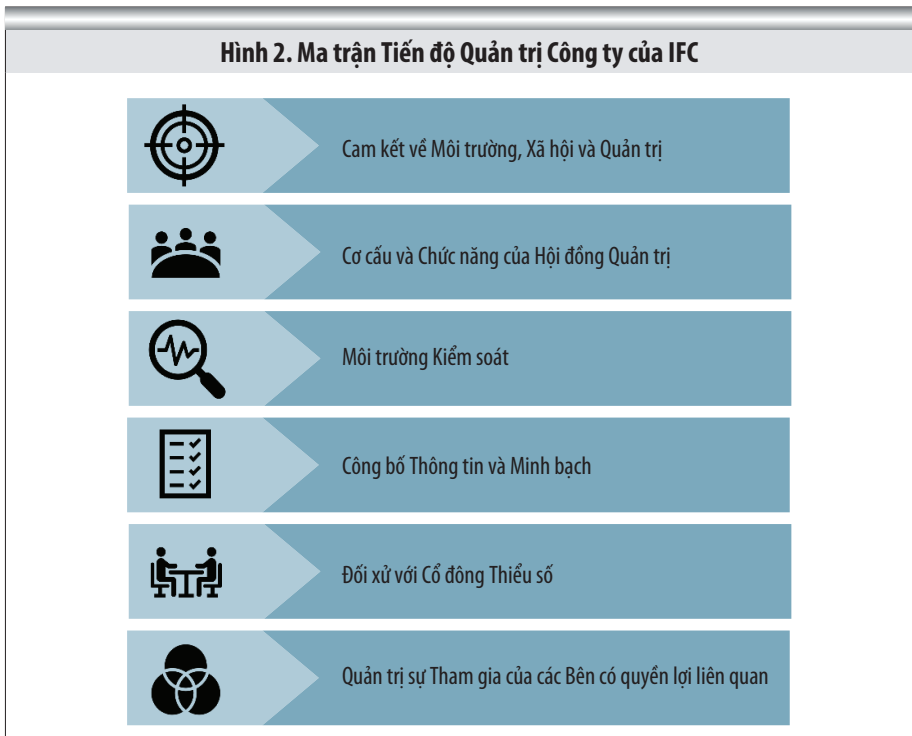
Năm 2023, OECD ban hành Sổ tay Thông tin Quản trị Công ty của OECD, cung cấp thông tin cập nhật và dễ tiếp cận về khuôn khổ thể chế, pháp luật, và quy định về quản trị công ty tại 49 quốc gia trên toàn thế giới. Sổ tay này bổ sung cho các Nguyên tắc Quản trị Công ty của G20/OECD và có thể được các chính phủ, cơ quan quản lý, và khu vực tư nhân sử dụng để so sánh khuôn khổ của chính mình với khuôn khổ của các quốc gia khác và để có được thông tin về thông lệ ở các quốc gia cụ thể. Ấn bản năm 2021 của sổ tay bao gồm thông tin mới về bối cảnh thị trường toàn cầu, bao gồm cách thức thị trường vốn đã phát triển trong đại dịch COVID-19, nội dung mới về giám sát của kiểm toán, dịch vụ tư vấn ủy quyền, cân bằng giới trong HĐQT, cũng như những cập nhật quan trọng trên toàn cầu trong nhiều lĩnh vực khác, phản ánh những thay đổi mạnh mẽ đối với các khuôn khổ thể chế và quy định trên toàn thế giới¹⁸. Trong ấn bản năm 2023, sổ tay đặc biệt nhấn mạnh đến một số khía cạnh cập nhật của các nguyên tắc sửa đổi, bao gồm sự bền vững của doanh nghiệp, việc áp dụng các công cụ kỹ thuật số trong đại hội cổ đông, và cơ cấu theo quy định pháp luật điều chỉnh các nhóm trong công ty. Sổ tay công nhận những thay đổi trong chuẩn mực quản trị công ty và kỳ vọng ngày càng tăng của các bên có quyền lợi liên quan về hoạt động môi trường – xã hội – quản trị (ESG).

Được xây dựng dựa trên các nguyên tắc của OECD, IFC xây dựng Phương pháp luận Quản trị Công ty¹⁹ nhằm cung cấp khuôn khổ và công cụ để các công ty, nhà lập pháp, cơ quan quản lý, và “người gác cổng” thị trường vốn có thể sử dụng khi xây dựng các bộ nguyên tắc quản trị công ty, quy tắc niêm yết, và khung công bố thông tin. Phương pháp luận này khẳng định việc không có một phương pháp quản trị công ty “phù hợp cho tất cả”. Do đó, phương pháp luận này được tùy chỉnh để giải quyết những thách thức đặc biệt dựa trên loại công ty hoặc loại hình sở hữu (công ty niêm yết, công ty gia đình hoặc thuộc sở hữu của người sáng lập, định chế tài chính, doanh nghiệp nhà nước, quỹ cũng như doanh nghiệp vừa và nhỏ).

18 *Sổ tay Thông tin Quản trị Công ty của OECD – 2021.* <https://www.oecd.org/corporate/corporate-governance-factbook.htm>

19 <https://www.ifc.org/en/what-we-do/sector-expertise/corporate-governance/cg-methodology-tools>

- GIỚI THIỆU VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
- CƠ CẤU QUẢN TRỊ CÔNG TY
- TÀI LIỆU NỀN BỐ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
- GIỚI THIỆU VỀ QUYỀN LỢI CỦA CỔ ĐÔNG
- ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
- HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
- BAN GIÁM ĐỐC
- THỦ KÝ CÔNG TY
- MÔI TRƯỜNG KIỂM SOÁT
- CÔNG BỐ THÔNG TIN
- GIÁO DỊCH VỚI NGƯỜI CỎ LIÊN QUAN (GLOU)
- CỐ TỨC
- VỐN ĐIỀU LỆ



Công cụ chính của Phương pháp luận Quản trị Công ty là Ma trận Tiến độ để đánh giá kết quả hoạt động của một công ty theo các thông số, như trình bày chi tiết trong Hình 2. Ma trận Tiến độ được tổ chức theo bốn cấp độ về mức độ trưởng thành và phức tạp của công ty, và nhấn mạnh tầm quan trọng của những cải tiến liên tục trong hoạt động quản trị của công ty, từ *Cơ bản* đến *Đi đầu* (Xem Hình 3).

Ma trận Tiến độ Quản trị Công ty của IFC cung cấp thêm thông tin chi tiết về các chỉ số chính cho từng cấp độ trong quản trị công ty.

Hình 3. Mức độ Trưởng thành của Công ty trong Hoạt động Quản trị Công ty

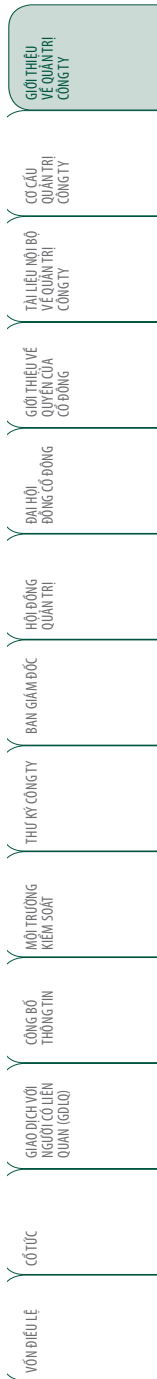
Thông lệ Cơ bản	Thông lệ Trung bình	Thông lệ Quốc tế Tốt	Đi đầu
<p>Cấp 1</p> <p>Công ty đáp ứng yêu cầu của luật pháp quốc gia</p> <p><i>Công ty đáp ứng yêu cầu của cấp 1</i></p>	<p>Cấp 2</p> <p>Công ty thực hiện thêm các bước bổ sung để bảo đảm Thông lệ tốt về MTXHQT.</p> <p><i>Công ty đáp ứng yêu cầu của Cấp 1 + Cấp 2</i></p>	<p>Cấp 3</p> <p>Công ty góp phần cải thiện MTXHQT trong nước và tuân thủ thông lệ quốc tế tốt (vd: Tiêu chuẩn Hoạt động của IFC).</p> <p><i>Công ty đáp ứng yêu cầu của Cấp 1 + Cấp 2 + Cấp 3</i></p>	<p>Cấp 4</p> <p>Thông lệ quốc tế tốt nhất – công ty được công nhận rộng rãi là đi đầu hay tiên phong trong nước và trên toàn cầu về MTXHQT.</p> <p><i>Công ty đáp ứng yêu cầu của Cấp 1 + Cấp 2 + Cấp 3 + Cấp 4</i></p>

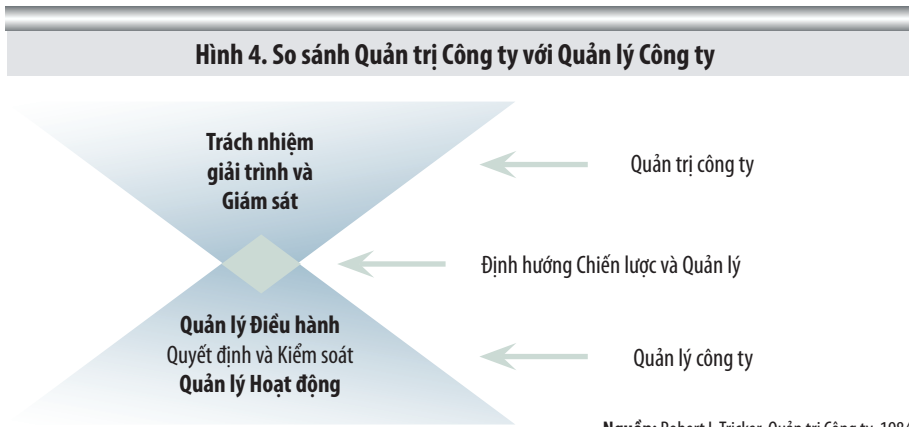
Trong khuôn khổ nỗ lực thường xuyên để thúc đẩy các tiêu chuẩn quản trị khí hậu trong khu vực tư nhân, IFC đã xây dựng Ma trận Tiến độ Quản trị Khí hậu²⁰ dựa trên Phương pháp luận Quản trị Công ty. Công cụ này hỗ trợ Hội đồng Quản trị nhận dạng và giám sát các rủi ro và cơ hội liên quan đến khí hậu.

1.2.4. Phân biệt giữa Quản trị và Quản lý Công ty

Quản trị công ty tập trung vào cơ cấu và quy trình của công ty nhằm đảm bảo hành vi công bằng, minh bạch, trách nhiệm, và trách nhiệm giải trình. Quản trị công ty cần được phân biệt với quản trị công, liên quan đến cấu trúc và hệ thống quản trị trong khu vực nhà nước. Quản trị công ty cũng khác với quản lý công ty, vì quản lý công ty tập trung vào các công cụ cần thiết để điều hành doanh nghiệp. Hội đồng quản trị thiết lập chiến lược bằng cách xem xét và đưa ra hướng dẫn cho đội ngũ điều hành. Hình 4 minh họa sự khác biệt giữa quản trị công ty và quản lý công ty.

20 <https://www.ifc.org/en/insights-reports/2023/publications-climate-governance-matrix-tip-sheet>





Nguồn: Robert I. Tricker, Quản trị Công ty, 1984

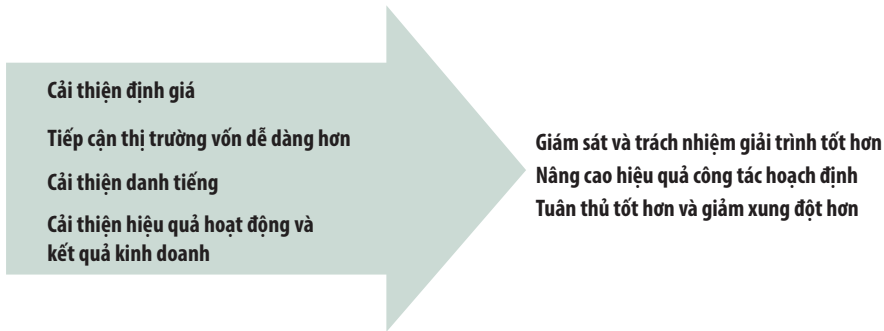
Quản trị công ty cũng khác với những khái niệm như bốn phận đối với quốc gia của công ty và trách nhiệm xã hội của công ty. Mặc dù quản trị công ty tốt chắc chắn sẽ có tác động tích cực tới hoạt động kinh doanh có đạo đức và trách nhiệm bằng cách thúc đẩy các hệ thống quản lý lành mạnh, quản trị công ty tồn tại trong vai trò một bộ nguyên tắc riêng biệt với mục tiêu chính là bảo đảm bền vững lâu dài của công ty vì lợi ích cao nhất của cổ đông và các bên có quyền lợi liên quan.

1.3. Vai trò và lợi ích của Quản trị Công ty tốt

Quản trị công ty tốt thúc đẩy tăng trưởng kinh doanh bền vững nhờ tạo điều kiện thuận lợi để công ty tiếp cận nguồn vốn dễ dàng hơn và bảo vệ quyền lợi của cổ đông và các bên có quyền lợi liên quan khác. Những công ty kiên trì theo đuổi tiêu chuẩn cao nhất trong quản trị công ty và sự liêm chính của cấp lãnh đạo sẽ giảm thiểu nhiều rủi ro tiềm ẩn trong đầu tư. Khi làm như vậy, những công ty này có thể đảm bảo khả năng tiếp cận vốn đáng tin cậy hơn với chi phí thấp hơn, và nhờ đó có xu hướng có kết quả hoạt động tốt hơn trong dài hạn so với các công ty cùng ngành nhưng quản trị yếu kém hơn.

Nói chung, những công ty thực hiện tốt việc quản trị công ty sẽ đóng góp nhiều hơn cho nền kinh tế quốc dân và cho xã hội. Những công ty này có xu hướng mang lại giá trị lớn hơn cho cổ đông, người lao động, cộng đồng và quốc gia; trái lại, những công ty có hệ thống quản trị công ty yếu kém có xu hướng làm giảm niềm tin trên thị trường chứng khoán. Một vài cấp độ và lợi ích cụ thể của quản trị công ty hiệu quả được thảo luận chi tiết hơn dưới đây.

Hình 5. Lợi ích của Quản trị Công ty Tốt



1.3.1. Cải thiện hiệu quả hoạt động và kết quả kinh doanh

Quản trị công ty tốt có thể cải thiện hiệu quả hoạt động và kết quả kinh doanh của công ty dưới nhiều góc độ, như được minh họa trong Hình 5.

Việc cải tiến cách thức quản trị công ty sẽ dẫn tới giám sát và hệ thống giải trình tốt hơn, nhờ đó giảm thiểu rủi ro gian lận hoặc giao dịch nhằm mục

GIỚI THIỆU
VE QUẢN TRỊ
CÔNG TY

CƠ CẤU
QUẢN TRỊ
CÔNG TY

TÀI LIỆU NỘI BỘ
VE QUẢN TRỊ
CÔNG TY

GIỚI THIỆU VỀ
QUYỀN LỢI CỦA
CỔ ĐÔNG

ĐẠI HỘI
ĐÔNG CỔ ĐÔNG

HỘI ĐỒNG
QUẢN TRỊ

BAN GIÁM ĐỐC

THỦ KÝ CÔNG TY

HỘI TRƯỞNG
KIỂM SÁT

CÔNG BỐ
THÔNG TIN

GIAO DỊCH VỚI
NGƯỜI CÒN LIÊN
QUAN (GOLU)

CỐ TỨC

VỐN ĐIỀU LỆ

đích vụ lợi của nhân viên công ty. Trách nhiệm giải trình đối với hành động của công ty, kết hợp với quản lý rủi ro và kiểm soát nội bộ một cách có hiệu quả, có thể giúp cho công ty sớm phát hiện các vấn đề trước khi phát sinh và dẫn đến khủng hoảng.

Việc áp dụng những cách thức quản trị công ty tốt sẽ cải thiện quá trình ra quyết định. Chẳng hạn các thành viên Ban giám đốc, thành viên HĐQT, và cổ đông có thể đưa ra những quyết định kịp thời và có đầy đủ thông tin hơn khi cơ cấu quản trị công ty xác định rõ ràng vai trò và trách nhiệm của các thành viên, và việc trao đổi thông tin nội bộ trong công ty hoạt động hiệu quả. Quản trị công ty chất lượng cao sẽ giúp tổ chức tốt hơn toàn bộ các quy trình kinh doanh của công ty, cải thiện kết quả hoạt động và giúp giảm chi phí vốn,²¹ và điều này lại góp phần nâng cao doanh số và lợi nhuận.

Một hệ thống quản trị hiệu quả cũng giúp đảm bảo việc tuân thủ pháp luật và quy định, nhờ đó cho phép công ty tránh phát sinh chi phí cao liên quan đến khiếu kiện của cổ đông cũng như những tranh chấp khác bắt nguồn từ gian lận, xung đột lợi ích, tham nhũng, hối lộ, và giao dịch nội gián. Quản trị công ty tốt có thể góp phần tạo điều kiện thuận lợi trong việc giải quyết những xung đột liên quan tới công ty, ví dụ xung đột giữa cổ đông nhỏ lẻ với cổ đông nắm quyền kiểm soát, giữa cán bộ quản lý với cổ đông, và giữa cổ đông với các bên có quyền lợi liên quan. Ngoài ra, bản thân cán bộ lãnh đạo công ty sẽ có thể giảm thiểu được rủi ro liên quan đến trách nhiệm đền bù của cá nhân.

1.3.2. Khả năng Tiếp cận Thị trường Vốn

Cách thức quản trị công ty có thể mở đường cho khả năng tiếp cận nguồn vốn, vì công ty được quản trị tốt thường tạo dựng được niềm tin lớn hơn cho nhà đầu tư về khả năng sinh lời của công ty và bảo vệ quyền lợi của cổ đông. Từ quan điểm của nhà đầu tư, cơ cấu và các cách thức quản trị công ty càng tốt thì nhà đầu tư càng có thể tin chắc rằng tài sản của công ty sẽ được sử dụng để phục vụ cho lợi ích của công ty chứ không phải để phục vụ cho lợi ích riêng của cán bộ quản lý. Hoạt động quản trị công ty cũng có thể đóng vai trò đặc biệt quan trọng tại các thị trường mới nổi, nơi quyền lợi của cổ đông không phải lúc nào cũng được bảo vệ như ở các nền kinh tế phát triển hơn và nơi tình trạng bất ổn về chính trị và yếu kém về thể chế góp phần làm tăng rủi

21 Paul A. Gompers, Joy L. Ishii và Andrew Metrick, *Quản trị Công ty và Chi phí vốn chủ sở hữu*, Tài liệu nghiên cứu số w8449 của NBER, tháng Tám năm 2001.

ro đầu tư. Điều này đặc biệt chính xác ở các thị trường mới nổi nơi quy định và thực thi đôi khi vẫn chưa nhất quán, và các tòa án không phải lúc nào cũng bảo vệ được các nhà đầu tư khi quyền lợi của họ bị xâm phạm. Điều này có nghĩa là ngay cả cải thiện khiêm tốn nhất trong vấn đề quản trị mà công ty áp dụng so với các đối thủ khác cũng có thể tạo nên khác biệt to lớn đối với các nhà đầu tư và nhờ đó giảm bớt chi phí vốn.

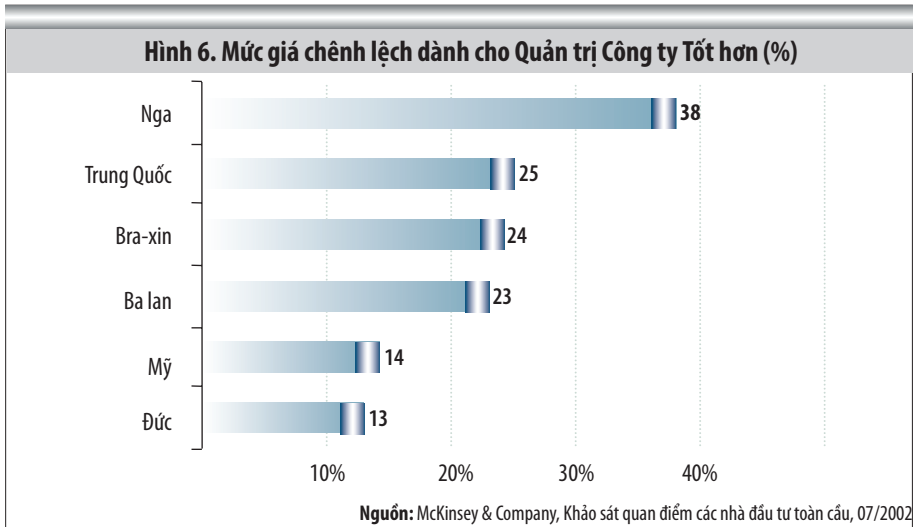
Ở các thị trường mới nổi, chất lượng quản trị công ty ở cấp độ công ty giúp giảm đáng kể chi phí vốn cổ phần. Hiệu ứng quản trị công ty này thậm chí còn rõ rệt hơn ở những quốc gia có bảo vệ tương đối kém của pháp luật.²²

Quản trị công ty tốt cũng thúc đẩy tính minh bạch, giúp các nhà đầu tư có cơ hội hiểu rõ hơn về hoạt động kinh doanh và số liệu tài chính của công ty. Ngay cả khi thông tin do công ty công bố mang tính tiêu cực, cổ đông cũng sẽ được hưởng lợi do họ có cơ hội để giảm thiểu rủi ro.

Theo một Khảo sát Ý kiến Nhà đầu tư Toàn cầu do McKinsey and Company thực hiện, Hình 6 cho thấy có một tỷ lệ lớn các nhà đầu tư tổ chức sẵn sàng trả mức giá chênh lệch để mua các công ty được quản trị tốt. Ví dụ, mức chênh lệch này có thể lên tới 25% đối với các công ty của Trung Quốc. Quy mô chênh lệch cho quản trị tốt dường như phản ánh mức độ mà nhà đầu tư tin rằng còn có thể để cải thiện quản trị. Mức chênh lệch thấp hơn ở Đức và Hoa Kỳ cho thấy công ty ở các thị trường này đã giải quyết được các vấn đề quản trị công ty cơ bản trong khi ở các thị trường khác, mức chênh lệch cao hơn sẽ được dành cho những công ty có hoạt động quản trị mạnh mẽ hơn, như có HĐQT mạnh, công bố thông tin hiệu quả, và bảo vệ quyền lợi cổ đông tốt hơn.

22 Nghiên cứu 559 công ty tại 17 thị trường mới nổi của Chen, Kevin CW, Chen, Zhihong, & Wei, KC John. (2009). Bảo vệ của pháp luật đối với nhà đầu tư, quản trị doanh nghiệp, và chi phí vốn cổ phần. Tạp chí Tài chính Doanh nghiệp (Amsterdam, Hà Lan), 15 (3), 273-289.

- GIỚI THIỆU VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
- CƠ CẤU QUẢN TRỊ CÔNG TY
- TÀI LIỆU HỖ BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
- GIỚI THIỆU VỀ QUYỀN LỢI CỦA CỔ ĐÔNG
- ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
- HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
- BAN GIÁM ĐỐC
- THỦ KÝ CÔNG TY
- MỘT TRƯỜNG KIỆM SỌT
- CÔNG BỐ THÔNG TIN
- GIAO DỊCH VỚI NGƯỜI CÒN LIÊN QUAN (GOLU)
- CỐ TỨC
- VỐN ĐIỀU LỆ

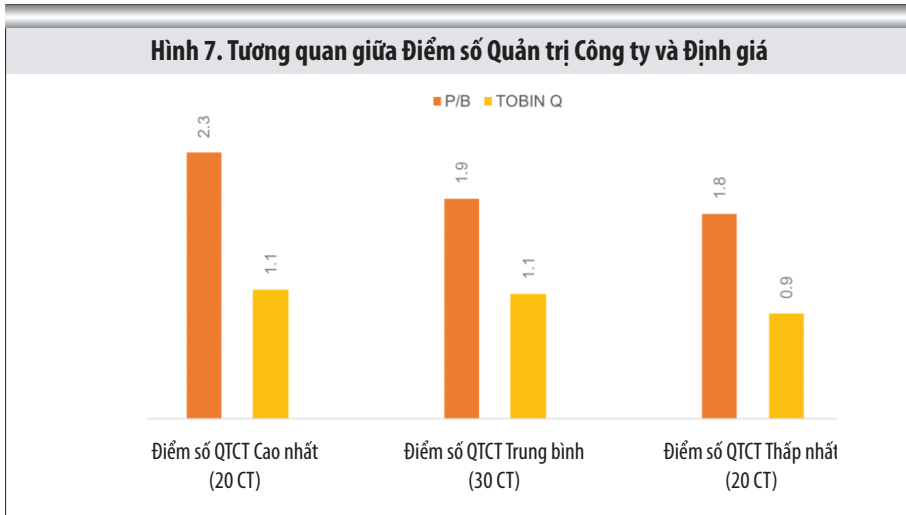


1.3.3. Cải thiện Danh tiếng và Định giá Công ty

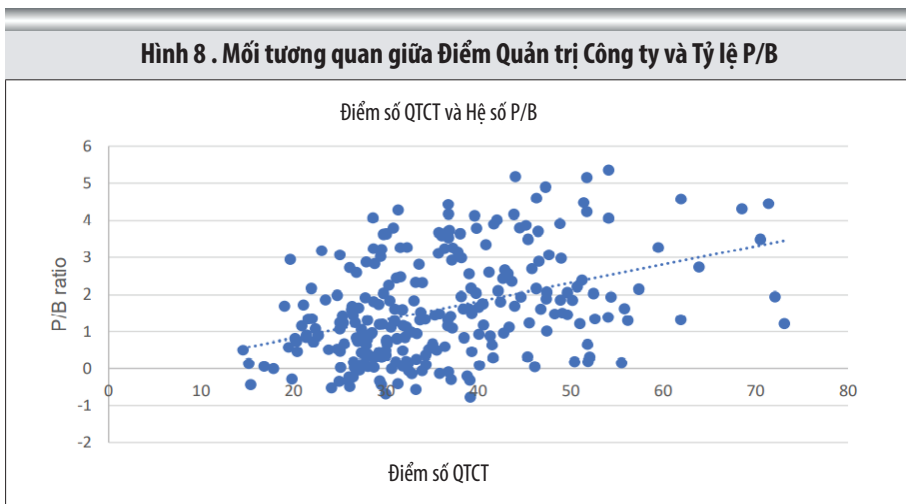
Trong môi trường kinh doanh ngày nay, danh tiếng là một phần quan trọng làm nên giá trị thương hiệu của một công ty. Danh tiếng và hình ảnh của công ty là tài sản vô hình không thể tách rời của công ty. Những biện pháp quản trị công ty tốt sẽ góp phần làm nên và cải thiện danh tiếng của công ty. Những công ty tôn trọng quyền lợi của cổ đông và đảm bảo tính minh bạch về tài chính và trách nhiệm giải trình sẽ được coi là công ty phục vụ cho lợi ích của nhà đầu tư. Kết quả là những công ty đó dành được niềm tin lớn hơn của công chúng và nâng cao được giá trị thương hiệu. Niềm tin của công chúng và giá trị thương hiệu có thể khiến người ta tin tưởng hơn vào công ty và sản phẩm của công ty, và điều này sẽ dẫn đến doanh số cao hơn, từ đó dẫn đến gia tăng lợi nhuận. Danh tiếng tốt hơn của một công ty cũng có thể có ảnh hưởng tích cực đến định giá công ty.

Những khảo sát và nghiên cứu có uy tín quốc tế đã chỉ ra những lợi ích rõ ràng của quản trị công ty đối với các công ty, đặc biệt về giá trị thị trường, bao gồm giá trị vốn hóa của cổ đông và công ty. Đặc biệt, những công ty có quản trị công ty tốt thường được định giá cao hơn những công ty có hệ thống quản trị kém. Giá cổ phiếu của các công ty có quản trị công ty tốt cũng thường ổn định hơn và ít bị ảnh hưởng bởi biến động của thị trường chứng khoán. Đánh giá Thẻ điểm Quản trị Công ty ASEAN (ACGS) cho thấy các công ty có

điểm số quản trị công ty cao nhất cũng là những công ty có tỷ lệ P/B (Giá trên Giá trị sổ sách của cổ phiếu) và cả hệ số Tobin's Q (tỷ lệ giá trị thị trường trên giá trị sổ sách của tổng tài sản) cao nhất (Hình 6). Kết quả đánh giá ACGS cũng khẳng định điểm số quản trị công ty có tác động tích cực đến giá cổ phiếu, thể hiện qua độ dốc trên của đường hồi quy tại Hình 7.



Nguồn: IFC và SSC, ACGS: Báo cáo quốc gia Việt Nam - đánh giá 5 năm 2012-2017²³



Nguồn: IFC và SSC, ACGS: Báo cáo quốc gia Việt Nam - đánh giá 5 năm 2012-2017

- GIỚI THIỆU VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
- CƠ CẤU QUẢN TRỊ CÔNG TY
- TÀI LIỆU NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
- GIỚI THIỆU VỀ QUYỀN CỬA CỔ ĐÔNG
- ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
- HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
- BAN GIÁM ĐỐC
- THỦ KÝ CÔNG TY
- MÔI TRƯỜNG KIỂM SÁT
- CÔNG BỐ THÔNG TIN
- GIÀO DỊCH VỚI NGƯỜI CỎ LIÊN QUAN (GOLU)
- CỐ TỨC
- VỐN ĐIỀU LỆ



Thông lệ tốt nhất

Các nguyên tắc sau đây cung cấp hướng dẫn hữu ích liên quan đến việc xây dựng, vận hành, và cải thiện hệ thống quản trị công ty, theo Phương pháp luận Quản trị Công ty của IFC:

Cam kết chung đối với ESG

- Công ty và cổ đông thể hiện được cam kết thực hiện quản trị công ty chất lượng cao, bao gồm các vấn đề môi trường và xã hội.

Hội đồng Quản trị

- Hội đồng quản trị có đủ năng lực và cơ cấu phù hợp để giám sát chiến lược, công tác quản lý, và kết quả hoạt động kinh doanh của công ty.

Môi trường kiểm soát

- Hệ thống kiểm soát nội bộ, chức năng kiểm toán nội bộ, hệ thống quản lý rủi ro, và chức năng tuân thủ của công ty đảm bảo quản lý phù hợp tài sản, hiệu quả hoạt động, sự chính xác trong công tác báo cáo của công ty, và tuân thủ các chính sách, quy trình, luật pháp, và quy định.

Công bố thông tin và minh bạch

- Công bố thông tin về tài chính và phi tài chính của công ty là việc trình bày phù hợp, trung thực, và kịp thời về các sự kiện quan trọng cho cổ đông và các bên có quyền lợi liên quan khác.

Đối xử với cổ đông thiểu số

- Quyền của cổ đông thiểu số của công ty được đảm bảo đầy đủ và không bị lạm dụng, và các bên có quyền lợi liên quan khác được đối xử công bằng.

Quản trị sự tham gia của các bên có quyền lợi liên quan

- Công tác quản trị sự tham gia của các bên có quyền lợi liên quan của công ty bao gồm giám sát việc lập sơ đồ các bên có quyền lợi liên quan, chính sách về sự tham gia của các bên có quyền lợi liên quan, và cơ chế khiếu nại.

Việc thực hiện quản trị công ty hiệu quả yêu cầu phải có chi phí, bao gồm việc tuyển dụng thành viên chuyên trách trong bộ máy quản trị, như thư ký công ty, thành viên HĐQT độc lập và có kinh nghiệm, kiểm toán viên nội bộ, và chuyên gia khác về quản trị công ty. Ngoài ra công ty có thể phải trả tiền thuê luật sư, chuyên gia tư vấn, và kiểm toán độc lập. Chi phí cho việc minh

bạch hóa thông tin cũng ở mức đáng kể. Ngoài ra, việc này yêu cầu HĐQT phải cam kết đáng kể về thời gian, đặc biệt là trong giai đoạn đầu phát triển công ty. Vì chi phí cao nên các công ty lớn thường dễ triển khai các hoạt động quản trị hiệu quả hơn, do các công ty nhỏ vốn có thể có nguồn lực eo hẹp.

Các chuẩn mực quản trị công ty cao hơn được áp dụng phổ biến ở các công ty lớn được niêm yết trên thị trường chứng khoán. Các công ty này thường có đặc điểm là có số lượng cổ đông lớn và đa dạng, trong khi cổ đông kiểm soát và thành viên HĐQT có thể lạm dụng quyền lực đặc biệt để xâm phạm quyền lợi của cổ đông khác. Ngoài ra, các công ty lớn cấu thành một bộ phận quan trọng của nền kinh tế quốc dân và vì vậy cần phải được chú ý và chịu sự giám sát chặt chẽ của công chúng.

Dù vậy, hoạt động quản trị công ty mạnh mẽ có thể đem lại lợi ích cho mọi công ty, bất chấp quy mô, loại hình tổ chức, số lượng cổ đông, cơ cấu sở hữu, hay các đặc điểm khác. Tất nhiên, không thể có một giải pháp phù hợp cho mọi công ty và các công ty cần phải thận trọng trong việc áp dụng các tiêu chuẩn quản trị công ty. Chẳng hạn, các công ty nhỏ có thể không cần thành lập các ủy ban thuộc HĐQT hay có một thư ký công ty chuyên trách.

Không phải khi nào cũng có thể nhìn thấy ngay cải thiện trong kết quả hoạt động của công ty sau khi áp dụng các biện pháp quản trị công ty. Tuy nhiên, dù đôi khi khó lượng hóa, lợi ích thu được thường lớn hơn chi phí bỏ ra về lâu dài. Điều này đặc biệt chính xác khi tính đến vốn đầu tư tiềm tàng, rủi ro liên quan đến mất công ăn việc làm, tiền lương hưu, và gián đoạn đối với cộng đồng khi công ty phá sản. Trong một số trường hợp, những tổn tại và bất cập mang tính hệ thống trong quản trị công ty có thể làm suy giảm niềm tin của công chúng đầu tư trên thị trường chứng khoán và đe dọa sự ổn định của thị trường.

Cuối cùng, cần lưu ý rằng quản trị công ty không phải là một công việc có thể thực hiện xong trong một sớm một chiều mà là một quá trình diễn ra liên tục. Thị trường thường chỉ đền đáp cho những cam kết dài hạn đối với các biện pháp quản trị công ty hiệu quả chứ không đền đáp cho những gì hời hợt và mang tính nhất thời. Dù áp dụng bao nhiêu cơ cấu và quy trình quản trị công ty đi chăng nữa, công ty cũng phải thường xuyên cập nhật và rà soát lại các cơ cấu và quy trình đó.

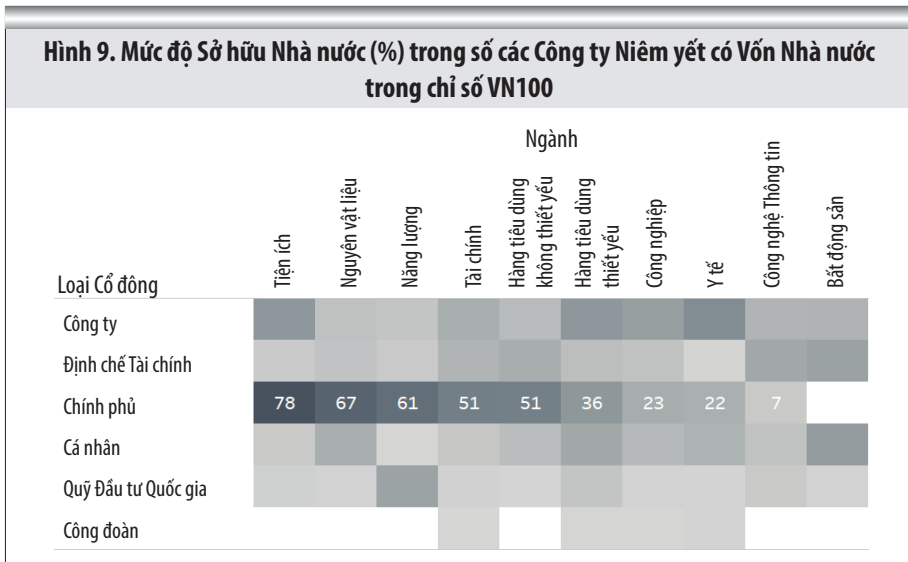
- GỚI THIỆU VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
- CƠ CẤU QUẢN TRỊ CÔNG TY
- TÀI LIỆU HỒI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
- GỚI THIỆU VỀ QUYỀN LỰC VÀ QUYỀN CỬA CỔ ĐÔNG
- ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
- HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
- BAN GIÁM ĐỐC
- THƯ KÝ CÔNG TY
- MÔI TRƯỜNG KIỂM SOÁT
- CÔNG BỐ THÔNG TIN
- GAO DI CHÚC VỚI NGƯỜI CÒI LIÊN QUAN (GOLU)
- CỐ TỨC
- VỐN ĐIỀU LỆ

1.4. Khuôn khổ Quản trị Công ty tại Việt Nam

1.4.1. Đặc điểm của Quản trị Công ty tại Việt Nam

Dưới đây là đặc điểm đặc trưng của các công ty tại Việt Nam.

Vai trò của doanh nghiệp nhà nước (DNNN): Ở Việt Nam, nhiều lĩnh vực quan trọng của nền kinh tế vẫn có vai trò độc quyền của nhà nước, hoặc chịu sự chi phối của DNNN, như trong các lĩnh vực ngân hàng, giáo dục, điện lực, truyền thông và xuất bản, khai thác mỏ, dầu khí, bưu chính viễn thông, đường sắt và đóng tàu. Tại nhiều DNNN đã cổ phần hóa, Nhà nước vẫn nắm quyền biểu quyết của trên 50% (vốn điều lệ) và thực hiện vai trò kiểm soát thông qua ĐHCĐ và các thành viên HĐQT do Nhà nước chỉ định trong HĐQT của công ty. Sự hiện diện của Nhà nước trong vai trò cổ đông vẫn rất đáng kể ngay cả trong các công ty niêm yết, như minh họa tại Hình 9. Quản trị tốt DNNN có ý nghĩa thiết yếu đối với thị trường cởi mở và hiệu quả ở cả cấp độ trong nước và quốc tế.



Nguồn: Pham, N., & Oh, Kok-Boon (2021) sử dụng dữ liệu thu được từ Bloomberg tháng 2/2021.²⁴

24 Nguồn: Pham, N., & Oh, Kok-Boon. (2021). State on board - Định hướng quản trị doanh nghiệp trong hoạt động kinh doanh ở thị trường mới nổi. Hình vẽ thể hiện sự phân bố quyền sở hữu giữa các loại cổ đông khác nhau dưới dạng ảnh chụp nhanh. Mức độ giữ cao hơn được thể hiện bằng màu tối hơn. Tỷ lệ sở hữu của chính phủ được cung cấp theo tỷ lệ phần trăm.

Sở hữu tập trung: Nhiều doanh nghiệp tư nhân ở Việt nam khi mới thành lập vốn là các công ty tư nhân nhỏ do một cá nhân đơn lẻ, các thành viên trong một gia đình, hoặc một nhóm nhỏ cổ đông nắm quyền sở hữu. Cho dù nhiều công ty kiểu này đã lớn mạnh một cách đáng kể, cổ đông kiểm soát vẫn không có gì thay đổi. Cơ cấu sở hữu tập trung này đặt ra những thách thức riêng như cách thức tốt nhất để quản lý xung đột gia đình, quyết định về kế nhiệm, xác định chính sách sở hữu, tăng cường hoạch định chiến lược và các chức năng quản lý khác, cũng như mở rộng thành viên của các cơ quan điều hành để có các nhà quản lý/thành viên HĐQT độc lập, không phải là thành viên gia đình. Việc không giải quyết hiệu quả những thách thức này sẽ hạn chế khả năng của những doanh nghiệp này trong việc thu hút thêm nguồn vốn cần thiết để đạt được tiềm năng tăng trưởng đầy đủ.

Ít có phân chia giữa quyền sở hữu và quyền kiểm soát: Phần lớn cổ đông kiểm soát thường nắm giữ những vai trò chủ chốt ở cả cấp ban giám đốc và HĐQT. Những công ty này chỉ thực hiện việc phân tách giữa quyền sở hữu và quyền kiểm soát trên giấy tờ. Việc không phân tách giữa quyền sở hữu và quyền kiểm soát sẽ dẫn đến tình trạng thiếu trách nhiệm và yếu kém trong cơ cấu kiểm soát (cổ đông đa số/kiểm soát giám sát chính bản thân mình khi đảm nhận chức vụ là thành viên HĐQT và người quản lý), lạm dụng giao dịch với các bên liên quan, và yếu kém trong công bố thông tin (người nội bộ có thể tiếp cận mọi thông tin và không muốn tiết lộ thông tin với người bên ngoài hoặc cổ đông thiểu số). Nghị định 155/2020 quy định Chủ tịch HĐQT và TGD của công ty đại chúng phải là những cá nhân riêng biệt để bảo đảm tách bạch quyền sở hữu và điều hành, cân bằng hợp lý về thẩm quyền, tăng cường trách nhiệm giải trình, và nâng cao năng lực ra quyết định độc lập của HĐQT²⁵ và áp dụng các biện pháp hành chính nếu công ty đại chúng không tuân thủ yêu cầu này²⁶. Trong bối cảnh Thẻ điểm Quản trị Công ty ASEAN (2021) dành cho các Doanh nghiệp Niêm yết Việt Nam lớn nhất, chỉ 1% có chủ tịch HĐQT độc lập, và chỉ 2% cho biết có đa số thành viên HĐQT độc lập. Xem xét rộng hơn đối với tất cả các công ty niêm yết trên cả hai sở giao dịch chứng khoán, Giải thưởng Doanh nghiệp Niêm yết Việt Nam 2022 cho thấy chỉ có 25% số công ty có trên 1/3 số thành viên HĐQT là thành viên độc lập.

Các cơ quan quản lý thị trường vốn Việt Nam đã nỗ lực buộc các công ty cổ phần hóa phải niêm yết đại chúng. Doanh nghiệp cổ phần hóa đã đăng

25 Khoản 2, Điều 275, Nghị định 155/2020

26 Khoản 4, Điều 15, Nghị định 156/2020

ký giao dịch trên Upcom nhưng chưa hoàn tất đăng ký công ty đại chúng với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước sẽ bị hủy đăng ký giao dịch.²⁷

Cơ cấu phân cấp chồng chéo: Một số tập đoàn kinh tế lớn, đặc biệt là các DNNN, được thành lập theo mô hình công ty mẹ và vẫn duy trì kiểm soát đối với công ty con. Trong khi cơ cấu quản lý này có thể phục vụ các mục đích chính đáng, việc sở hữu chéo và thiếu minh bạch thường dẫn tới cơ cấu sở hữu mập mờ, gây bất lợi cho cổ đông thiểu số. Hệ thống kế toán yếu kém hoặc không hoàn thiện lại là một vấn đề nghiêm trọng khác về quản trị công ty cần sớm được giải quyết.

Các thể chế quản trị công ty thiếu và yếu: Một vài yếu tố trong khái niệm hiện hành về HĐQT, Tổng giám đốc, và Ban Kiểm soát của Việt nam lần đầu tiên được đề cập đến trong Luật Công ty 1990 và Luật DNNN 1995. Tuy nhiên, những khái niệm này vẫn không được xem xét một cách nghiêm túc cho mãi tới gần đây, khi các công ty bắt đầu soạn thảo điều lệ chi tiết trên cơ sở tuân thủ luật pháp và quy định hiện hành. Trên thực tế, HĐQT vẫn thường cố tình bỏ qua hoặc không thực thi đúng các cơ chế giám sát theo quy định tại điều lệ (như kiểm toán nội bộ hoặc Ban kiểm soát), và hạn chế tiếp xúc trực tiếp với cổ đông kiểm soát (nếu các đối tượng này không phải là một). Theo Giải thưởng Doanh nghiệp Niêm yết Việt Nam năm 2022, chỉ có 17% doanh nghiệp niêm yết có ủy ban kiểm toán và 12% thành lập ủy ban đề cử và lương thưởng.

Vai trò của Ban Kiểm soát cũng như các ủy ban thuộc HĐQT, Tổng giám đốc, và Thư ký công ty thường không rõ ràng trong hoạt động hàng ngày của công ty. Thành viên của những cơ quan này được cho là phải có kinh nghiệm và có năng lực, nhưng trên thực tế họ vẫn không nhận thức đầy đủ về trách nhiệm và thẩm quyền của mình do thiếu nền tảng và thực tiễn tốt trong những lĩnh vực này. Trong khi Luật Doanh nghiệp (2020) và Nghị định số 155/2020/NĐ-CP đều khuyến khích có một vị trí được chỉ định chịu trách nhiệm quản trị công ty với các quyền và nghĩa vụ cụ thể, nhận thức và thực tiễn triển khai vai trò thư ký công ty chuyên nghiệp vẫn còn hạn chế.

Tình trạng thiếu kinh nghiệm và độc lập trong lĩnh vực quản trị công ty là trở ngại lớn cho phát triển kinh tế mạnh mẽ hơn. Đào tạo bổ sung và phát triển năng lực thị trường là nhiệm vụ thiết yếu để nâng cao nhận thức về Thông lệ tốt nhất, chuyên nghiệp hóa cơ quan quản trị công ty và nâng cao các tiêu chuẩn quản trị công ty.

27 Nghị định 155/2020, Điều 310, Khoản 8.

1.4.2. Khuôn khổ Pháp lý

Khuôn khổ pháp lý tại Việt nam có một số nét đặc trưng riêng bắt nguồn từ lịch sử quốc gia và quá trình phát triển kinh tế của Việt nam. Trước năm 1987 với nền kinh tế “chỉ huy”, chỉ có các DNNN mới được thành lập và tồn tại theo mô hình công ty. Trước năm 1990, Việt Nam chưa có khung pháp lý cho việc thành lập công ty thuộc khu vực tư nhân.

Sự ra đời của Luật Đầu tư Nước ngoài năm 1987 lần đầu đưa khái niệm quản trị công ty vào Việt Nam, tuy nhiên luật này chỉ áp dụng đối với các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (FIE).

Năm 1990, các công ty, doanh nghiệp thuộc khu vực tư nhân lần đầu tiên được công nhận với sự ra đời của Luật Công ty và Luật Doanh nghiệp Tư nhân.²⁸ Hai luật này đã tạo cơ sở pháp lý cho việc thành lập những doanh nghiệp tư nhân đầu tiên ở Việt Nam.

Luật Doanh nghiệp (LDN) được ban hành năm 1999 và thay thế Luật Công ty và Luật Doanh nghiệp Tư nhân. Luật này đã tạo ra sự bùng nổ cho việc phát triển doanh nghiệp tư nhân trong nước tại Việt Nam. LDN tự do hóa quyền tự do kinh doanh của công dân Việt Nam và cung cấp bảo vệ chính thức cho doanh nghiệp tư nhân cũng như quyền sở hữu tư nhân. Luật này đã có những cải tiến lớn trong thủ tục thành lập doanh nghiệp, loại bỏ các rào cản gia nhập doanh nghiệp, và thúc đẩy thay đổi về tư duy của các cơ quan chính phủ, các bộ, và chính quyền địa phương đối với doanh nghiệp tư nhân. Ngay sau khi luật được ban hành, số lượng doanh nghiệp đăng ký hàng năm tăng lên đáng kể và hàng tỷ đô la Mỹ đã được các doanh nhân Việt Nam đầu tư vào nền kinh tế thông qua các doanh nghiệp đăng ký theo LDN. Tuy nhiên, cần lưu ý rằng quản trị công ty chưa phải là ưu tiên hàng đầu trong LDN giai đoạn sơ khai này.

Trong giai đoạn từ năm 2004 đến năm 2006, Việt Nam đẩy mạnh nỗ lực hoàn thiện khuôn khổ pháp lý để sẵn sàng cho việc gia nhập WTO. Từ năm 2006 đến nay, Việt Nam đã nỗ lực hơn nữa trong việc hoàn thiện khuôn khổ pháp lý và tuân thủ các cam kết khi gia nhập WTO.

28 Luật Công ty số 47-LCT/HĐNN8 ngày 21/12/ 1990 và Luật Doanh nghiệp Tư nhân số 47-LCT/HĐNN8 ngày 21/12/1990.

Năm 2005, Quốc hội ban hành Luật Doanh nghiệp và Luật Đầu tư thay thế: (i) Luật Đầu tư Nước ngoài, (ii) Luật Doanh nghiệp 1999 và (iii) Luật Doanh nghiệp Nhà nước 2003.

LDN sửa đổi (2004) và bản sửa đổi, bổ sung năm 2014²⁹ đã nhấn mạnh đến các quy định về quản trị công ty. Hiện tại, LDN 2020 thay thế LDN 2014 từ ngày 01/01/2021 áp dụng cho cả doanh nghiệp thuộc khu vực tư nhân (bao gồm công ty niêm yết, công ty đại chúng, và tất cả các tổ chức kinh doanh khác) và DNNN. LDN 2020 có những quy định quan trọng về quản trị công ty, ví dụ như thành phần HĐQT, trách nhiệm của thành viên HĐQT, công bố thông tin, bảo vệ quyền và đối xử công bằng với cổ đông. Nhìn chung, LDN 2020 đã giúp không ngừng thu hẹp khoảng cách với các nguyên tắc và thông lệ tốt quốc tế về quản trị công ty.

Ngoài LDN, các luật khác cũng đã được ban hành và giúp hoàn thiện hơn nữa chính sách và khung pháp lý về quản trị công ty tại Việt Nam.

Luật Chứng khoán (LCK) đầu tiên có hiệu lực từ năm 2006, được sửa đổi, bổ sung năm 2010³⁰ và được thay thế bằng luật mới năm 2019, quy định các yêu cầu về quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng.

Các luật khác cải thiện khuôn khổ pháp lý cho quản trị công ty bao gồm Luật Kiểm toán độc lập (2011), Luật Kế toán (2015), Luật Các Tổ chức Tín dụng (2010) được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và 2024, và Luật Kinh doanh Bảo hiểm (2010).

Điều quan trọng là Luật Chứng khoán 2019 và Luật Doanh nghiệp 2020 đã thay thế LCK và LDN trước đây, và tiệm cận hơn với các tiêu chuẩn quốc tế, như tăng cường trách nhiệm giải trình của cổ đông và công ty thông qua các yêu cầu chặt chẽ hơn về công bố thông tin. Những luật này cũng sẽ hỗ trợ khu vực doanh nghiệp quản lý rủi ro môi trường, xã hội và quản trị (ESG), và khai thác tốt hơn đóng góp của các bên có quyền lợi liên quan khác nhau, dù là cổ đông, người lao động, chủ nợ, khách hàng, nhà cung cấp, hay cộng đồng xung quanh, cho thành công lâu dài của các công ty.

29 Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13, có hiệu lực từ 01/07/2015 thay thế Luật Doanh nghiệp 2005.

30 Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 (ngày 29/06/2006). Một số điều của luật đã được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 62/2010/QH12 (ngày 24/11/2010).

Luật pháp và khung pháp lý áp dụng: Đến năm 2021, tất cả các doanh nghiệp thương mại, bất kể hình thức pháp lý, đều phải tuân thủ một luật, quy định, và nghị định chính phủ toàn diện như minh họa trong Bảng 3. Ngoài Luật Doanh nghiệp, các công ty ở Việt Nam cũng phải tuân thủ luật pháp và quy định chuyên ngành đối với ngành và hoạt động cụ thể của các công ty. Như vậy, công ty kinh doanh bảo hiểm chịu sự điều chỉnh của Luật Doanh nghiệp và Luật Kinh doanh Bảo hiểm. Tương tự, ngân hàng chịu sự điều chỉnh của Luật Doanh nghiệp và Luật Các Tổ chức Tín dụng. Ngoài các luật chuyên ngành, một công ty đại chúng niêm yết cũng phải tuân thủ Luật Chứng khoán. Luật Doanh nghiệp đã quy định một cách rõ ràng rằng “Trường hợp luật khác có quy định đặc thù về việc thành lập, tổ chức quản lý, tổ chức lại, giải thể và hoạt động có liên quan của doanh nghiệp thì áp dụng quy định của luật đó”. Ngoài khuôn khổ pháp lý chung, còn có các sắc lệnh, nghị định, thông tư, quyết định của Quốc hội, chính phủ, các bộ ngành, và các cơ quan thực thi pháp luật khác với những quy định chi tiết hơn về các vấn đề cụ thể trong quản trị công ty tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn, và các loại hình công ty khác. Tuy nhiên, trên thực tế, có nhiều trường hợp việc phân biệt không rõ ràng, các luật và quy định chồng chéo đã tạo ra sự nhầm lẫn, khó hiểu, và không chắc chắn đối với các công ty đang cố gắng tuân thủ luật pháp và thực hiện thông lệ quản trị công ty tốt. Điều này cũng tạo ra nguy cơ xảy ra tình trạng không nhất quán trong diễn giải và thực thi luật pháp của các bộ ngành, tòa án, và các cơ quan thực thi pháp luật khác.

Trong vài thập kỷ qua, khung quản trị công ty tại Việt Nam đã được cải thiện đáng kể để bắt kịp với các Nguyên tắc Quản trị Công ty của G20/OECD. Tuy nhiên, vẫn còn một chênh lệch lớn giữa các nguyên tắc tại các luật, nghị định, quy định và việc thực thi và triển khai trên thực tế tại Việt Nam.

GIỚI THIỆU
VE QUẢN TRỊ
CÔNG TYCƠ CẤU
QUẢN TRỊ
CÔNG TYTÀI LIỆU NỘI BỘ
VE QUẢN TRỊ
CÔNG TYGIỚI THIỆU VỀ
GOVERNANCE
CƠ ĐỒNGĐẠI HỘI
ĐỒNG CỐ ĐỒNGHỘI ĐỒNG
QUẢN TRỊ

BAN GIÁM ĐỐC

THỦ KÝ CÔNG TY

HỘI TRƯỞNG
KIỂM SÁTCÔNG BỐ
THÔNG TINGIAO DỊCH VỚI
NGƯỜI CÒI LIÊN
QUAN (GOLU)

CỐ TỨC

VỐN ĐIỀU LỆ

Bảng 3. Luật và Quy định Chính ảnh hưởng tới quản trị công ty

Luật/Quy định	Đối tượng áp dụng	Phạm vi
Luật Các Tổ chức Tín dụng (2024)	Tổ chức tín dụng hoạt động tại Việt Nam.	Luật này được Quốc hội thông qua ngày 16/06/2010 và có hiệu lực từ ngày 01/01/2011, và được sửa đổi, bổ sung vào năm 2017 và 2024.
Luật Doanh nghiệp (2020)	Tất cả các công ty và hoạt động của công ty.	Điều chỉnh việc thành lập, hoạt động, tái cơ cấu, và thanh lý đối với tất cả các loại hình công ty (kể cả các FIE), như doanh nghiệp liên doanh, công ty trách nhiệm hữu hạn, doanh nghiệp tư nhân, và công ty cổ phần.
Luật Đầu tư (2020)	Tất cả các hoạt động đầu tư	Điều chỉnh việc hình thành, cấp phép, thực hiện, và thanh lý các dự án được triển khai bởi tất cả các loại hình doanh nghiệp (kể cả các FIE), và đầu tư trực tiếp nước ngoài. Với các công ty mới thành lập, thủ tục cấp phép cho dự án cũng là thủ tục thành lập công ty.
Luật Chứng khoán (2019)	Tổ chức, cá nhân Việt Nam và nước ngoài đầu tư chứng khoán và hoạt động trên thị trường chứng khoán Việt Nam; cơ quan thẩm quyền về chứng khoán; tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến hoạt động chứng khoán và thị trường chứng khoán Việt Nam.	Điều chỉnh việc phát hành, chào bán, mua bán chứng khoán, các dịch vụ liên quan tới chứng khoán, và việc công bố thông tin
Nghị định 05/2019/NĐ-CP	Công ty niêm yết, doanh nghiệp mà nhà nước sở hữu trên 50% vốn điều lệ là công ty mẹ hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con, và doanh nghiệp nhà nước là công ty mẹ hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con.	Điều chỉnh hoạt động kiểm toán nội bộ.
Nghị định 153/2020/NĐ-CP	Tổ chức phát hành trái phiếu là công ty cổ phần hoặc công ty trách nhiệm hữu hạn	Quy định việc phát hành trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ, mua bán trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế

Nghị định 155/2020/NĐ-CP	Tổ chức, cá nhân Việt Nam và nước ngoài đầu tư chứng khoán và hoạt động trên thị trường chứng khoán Việt Nam; cơ quan có thẩm quyền về chứng khoán; tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến hoạt động chứng khoán và thị trường chứng khoán. (bao gồm công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ).	Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán. Các yêu cầu bắt buộc về quản trị công ty đối với công ty đại chúng.
Nghị định 158/2020/NĐ-CP	Tổ chức, cá nhân Việt Nam và tổ chức, cá nhân nước ngoài tham gia đầu tư chứng khoán phái sinh và hoạt động trên thị trường chứng khoán phái sinh tại Việt Nam; Cơ quan, tổ chức và cá nhân khác có liên quan đến hoạt động đầu tư, kinh doanh chứng khoán phái sinh và thị trường chứng khoán phái sinh tại Việt Nam.	Điều chỉnh các công cụ phái sinh và thị trường chứng khoán phái sinh.
Nghị định số 01/2021/NĐ-CP	Tất cả các doanh nghiệp	Điều chỉnh việc đăng ký doanh nghiệp.
Nghị định 47/2021/NĐ-CP	Nhóm công ty, DNNN	Điều chỉnh 3 trường hợp sở hữu chéo, công bố thông tin của DNNN trên website
Thông tư 96/2020/TT-BTC	Công ty đại chúng.	Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
Thông tư 116/2020/TT-BTC (Điều lệ mẫu)	Công ty đại chúng.	Điều lệ mẫu áp dụng áp dụng đối với công ty đại chúng, và không bắt buộc nhưng nên áp dụng đối với công ty không phải là công ty đại chúng.

Bảng 3 cung cấp các luật và quy định chính liên quan đến quản trị công ty ở Việt Nam, nhưng danh sách này chưa đầy đủ. Các công ty cần có tư vấn pháp lý. Ngoài ra, pháp luật Việt Nam tiếp tục thay đổi trong quá trình xây dựng và hoàn thiện. Chẳng hạn, như đã thảo luận ở trên, LDN đã được chỉnh sửa bổ sung nhiều lần nhằm loại bỏ sự thiếu nhất quán trong các quy định điều chỉnh hoạt động của các thể chế giám sát, phát hành chứng khoán, thực thi quyền của cổ đông, và các vấn đề khác. Đa phần các luật và quy định có ảnh hưởng tới quản trị công ty và được tham chiếu trong cuốn Cẩm nang này đều mới được ban hành trong mấy năm gần đây, cho dù những luật này có thể đã được xây dựng dựa trên các luật được áp dụng trước đó.

GIỚI THIỆU
VE QUẢN TRỊ
CÔNG TYCƠ CẤU
QUẢN TRỊ
CÔNG TYTÀI LIỆU NỘI BỘ
VE QUẢN TRỊ
CÔNG TYGIỚI THIỆU VỀ
QUYỀN CỦA
CƠ ĐỒNGĐẠI HỘI
ĐỒNG CƠ ĐỒNGHỘI ĐỒNG
QUẢN TRỊ

BAN GIÁM ĐỐC

THU KẾ CÔNG TY

HỘI TRƯỞNG
KIỂM SÁTCÔNG BỐ
THÔNG TINGIAO DỊCH VỚI
NGƯỜI CÓ LIÊN
QUAN (GOLU)

CỐ TỨC

VỐN ĐIỀU LỆ

Vì lý do này, trong khi các công ty nên sử dụng Cẩm nang này làm tài liệu tham khảo, các công ty cũng nên rà soát luật và quy định khác có thể áp dụng cho lĩnh vực kinh doanh liên quan (ví dụ: kế toán, phòng chống tham nhũng, kiểm toán, phá sản, thương mại, cạnh tranh, xây dựng, lao động, quy trình đấu thầu và luật thuế). Nếu một công ty gặp tình trạng không nhất quán hoặc chưa rõ giữa các văn bản pháp luật khác nhau, công ty nên tham khảo ý kiến tư vấn pháp lý phù hợp để bảo đảm tuân thủ đầy đủ pháp luật và thông lệ quản trị công ty tốt nhất. Các nguồn tư vấn phù hợp như vậy có thể là bộ phận pháp chế hoặc tuân thủ nội bộ của công ty, cố vấn pháp lý bên ngoài, hoặc giải thích rõ ràng của các cơ quan quản lý.

Cuối cùng, tất cả các công ty Việt nam đều được khuyến khích tuân thủ các quy định về quản trị công ty, dù những quy định này chỉ mang tính bắt buộc đối với các công ty đại chúng.

1.4.3. Khuôn khổ Thể chế

Có rất nhiều tổ hình thành nên khung thể chế quản trị công ty tại Việt Nam ngày nay, do đó không thể liệt kê đầy đủ. Những tổ chức sau đây đều có tối thiểu một hoạt động cơ bản tập trung vào lĩnh vực quản trị công ty:

Bảng 4. Các Tổ chức liên quan tới Quản trị Công ty tại Việt Nam	
Tòa án	
Tòa án Nhân dân Tối cao Việt Nam	http://www.toaan.gov.vn
Viện Kiểm sát Nhân dân Tối cao Việt Nam	http://www.vksndtc.gov.vn/
Tòa án kinh tế các tỉnh thành	n/a
Trung tâm Trọng tài	
Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam	http://www.viac.org.vn
Các tổ chức thuộc Khu vực Nhà nước	
Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam	www.na.gov.vn/
Chính phủ Việt Nam	http://www.chinhphu.vn/
Bộ Tư pháp	www.moj.gov.vn

Bộ Tài chính	www.mof.gov.vn	GIỚI THIỆU VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
Ủy ban Chứng khoán Nhà nước	www.ssc.gov.vn/	
Bộ Kế hoạch và Đầu tư	www.mpi.gov.vn/	CƠ CẤU QUẢN TRỊ CÔNG TY
Sở Kế hoạch và Đầu tư của các tỉnh thành	Vui lòng tham khảo tình cụ thể	
Bộ Công an	www.mps.gov.vn	TÀI LIỆU NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (VSDC)	không áp dụng	GIỚI THIỆU VỀ QUYỀN CỦA CỔ ĐÔNG
Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	www.sbv.gov.vn	
Công báo của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam	không áp dụng	ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam	www.vcci.com.vn	
Sở giao dịch Chứng khoán Việt Nam (VNX)	không áp dụng	HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Sở giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE)	http://www.hsx.vn/	
Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX)	http://hnx.vn/	BAN GIÁM ĐỐC
Trung tâm Nghiên cứu và Đào tạo chứng khoán	http://www.srtc.org.vn/	
Các Tổ chức Chuyên ngành		
Hội Luật gia Việt Nam	không áp dụng	THU KÝ CÔNG TY
Viện Thành viên Hội đồng Quản trị Việt Nam (VIOD)	https://vioid.vn	
Hội Thành viên Độc lập HĐQT Doanh nghiệp Việt Nam	https://www.vnida.vn	HỘI TRƯỞNG KIỂM SÁT
Tổ chức Quốc tế		
Diễn đàn Quản trị Công ty Toàn cầu (GCGF)	www.gcgf.org	CÔNG BỐ THÔNG TIN
Tổ chức Tài chính Quốc tế (IFC)	www.ifc.org	
Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD)	www.oecd.org	GIAO DỊCH VỚI NGƯỜI CÒN LIÊN QUAN (GOLU)
Ngân hàng Thế giới	www.worldbank.org	

CỐ TỨC

VỐN ĐIỀU LỆ

TÀI LIỆU THAM KHẢO

OECD (2023), *Các Nguyên tắc Quản trị Công ty của G20/OECD 2023*, OECD Publishing, Paris, <https://doi.org/10.1787/ed750b30-en>.

OECD (2023), *Sách thông tin quản trị công ty của OECD 2023*, OECD Publishing, Paris, <https://doi.org/10.1787/6d912314-en>.

IFC (2018), *Phương pháp luận Quản trị Công ty của IFC*, tại: <https://www.ifc.org/content/dam/ifc/doc/2023/ifc-corporate-governance-methodology.pdf> 1.1. Công ty Cổ phần

NOTES

A series of 20 horizontal dashed lines for writing notes.

NOTES

A series of 25 horizontal dashed lines for writing notes.

A series of horizontal dashed lines for writing notes, spanning most of the page width.

1

NOTES

A series of horizontal dashed lines for writing notes.

Chương 2

CƠ CẤU QUẢN TRỊ CÔNG TY

2 | Cơ cấu Quản trị công ty



Mục lục

2.1. Công ty Cổ phần	45
2.1.1. Định nghĩa về Công ty Cổ phần	45
2.1.1. Công ty Đại chúng và Công ty Cổ phần Tư nhân	46
2.1.3. Khác biệt theo Pháp luật về Quyền cổ đông dựa trên Phần vốn Sở hữu	49
2.2. Cơ cấu Quản trị Công ty Cổ phần	51
2.2.1. Đại hội Đồng Cổ đông	53
2.2.2. Hội đồng Quản trị	54
2.2.3. Các Ủy ban trực thuộc HĐQT	55
2.2.4. Bộ máy điều hành	56
2.2.5. Thư ký Công ty	56
2.2.6. Kiểm toán Nội bộ	57
2.2.7. Kiểm toán Độc lập	57
2.2.8. Ban Kiểm soát	58

GIỚI THIỆU
VỀ QUẢN TRỊ
CÔNG TY

CƠ CẤU
QUẢN TRỊ
CÔNG TY

TÀI LIỆU NỘI BỘ
VỀ QUẢN TRỊ
CÔNG TY

GIỚI THIỆU VỀ
QUYỀN CỦA
CỔ ĐÔNG

ĐẠI HỘI
ĐỒNG CỔ ĐÔNG

HỘI ĐỒNG
QUẢN TRỊ

BAN GIÁM ĐỐC

THƯ KÝ CÔNG TY

MIỆT TRƯỞNG
KIỂM SOÁT

CÔNG BỐ
THÔNG TIN

GIAO DỊCH VỚI
NGƯỜI CÒN LIÊN
QUAN (GOLU)

CỐ TỨC

VỐN ĐIỀU LỆ



Những vấn đề Chủ tịch HĐQT cần lưu ý

- Thế nào là công ty cổ phần?
- Tại sao cần phải có công ty cổ phần?
- Đây là khác biệt giữa công ty đại chúng và công ty cổ phần tư nhân?
- Đây là khác biệt cơ bản trong cơ cấu quản trị giữa công ty niêm yết và công ty cổ phần không niêm yết?
- Ngoài ĐHĐCĐ, HĐQT, và ban giám đốc, công ty đã thành lập các cơ quan hỗ trợ như Ban kiểm soát, Ủy ban Kiểm toán, Ủy ban Quản lý Rủi ro, Ủy ban Quản trị Công ty, Bộ nhiệm, và Lương thưởng, bộ phận Kiểm toán Độc lập và Kiểm toán Nội bộ chưa?
- Các cơ quan hỗ trợ này đã được thành lập và có cơ cấu phù hợp và nguồn lực đầy đủ để phát huy hiệu quả chưa?
- Công ty có cần phải có Thư ký Công ty không?

Luật Doanh nghiệp đã có định nghĩa về công ty cổ phần và quy định cơ cấu cho các chủ thể quản trị của công ty cổ phần. Quy chế QTCT và Điều lệ Mẫu¹ đưa ra khuyến nghị về việc thành lập thêm một số chủ thể quản trị đối với các công ty đại chúng, như các ủy ban trực thuộc HĐQT và Thư ký Công ty.

Chương này sẽ thảo luận khái niệm và cơ cấu quản trị chung của công ty cổ phần như được định nghĩa tại Luật Doanh nghiệp và các khuyến nghị trong Quy chế QTCT và Điều lệ Mẫu. Thẩm quyền, chức năng, và cơ cấu của các chủ thể quản trị sẽ được trình bày chi tiết ở các chương khác trong cuốn Cẩm nang này.

¹ Điều lệ Mẫu được ban hành theo Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020. Tất cả các công ty đại chúng cần chuẩn bị điều lệ phù hợp với Điều lệ Mẫu.

2.1. Công ty Cổ phần

2.1.1. Định nghĩa về Công ty Cổ phần

Theo Điều 111 của Luật Doanh nghiệp (2020), công ty cổ phần có các đặc điểm sau:

- Vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau gọi là cổ phần.
- Cổ đông có thể là tổ chức, cá nhân. Số lượng cổ đông tối thiểu là ba và không hạn chế số lượng tối đa.
- Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của doanh nghiệp trong phạm vi số vốn góp đã góp vào doanh nghiệp.
- Cổ đông có quyền tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp chuyển nhượng cho người không phải là cổ đông sáng lập trong thời hạn 03 năm kể từ ngày đăng ký thành lập công ty,² và trường hợp cổ phần hạn chế chuyển nhượng theo quy định tại Điều lệ Công ty.³

Công ty cổ phần có quyền phát hành cổ phần, trái phiếu và các loại chứng khoán khác của công ty.

Công ty cổ phần là loại hình pháp nhân duy nhất được phát hành cổ phần, bao gồm cổ phần phổ thông, cổ phần ưu đãi cổ tức, cổ phần ưu đãi hoàn lại, cổ phần ưu đãi biểu quyết, và cổ phần ưu đãi khác theo quy định tại Điều lệ Công ty⁴ và pháp luật về chứng khoán.

Cổ đông của công ty cổ phần thường chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của doanh nghiệp trong phạm vi số vốn góp đã góp vào doanh nghiệp. Tuy nhiên, Luật Doanh nghiệp cũng quy định về một số nghĩa vụ cụ thể nhất định của cổ đông, bao gồm:⁵

- Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua: Cổ đông sáng lập⁶ phải cùng nhau đăng ký mua ít nhất 20% tổng số cổ phần phổ thông được

² Khoản 3, Điều 120, LDN 2020.

³ Khoản 1, Điều 127, LDN 2020.

⁴ Khoản 1 và 2, Điều 114, LDN.

⁵ Điều 119, LDN.

⁶ Khoản 4, Điều 4, LDN: “Cổ đông sáng lập” là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập công ty cổ phần.

quyền chào bán khi đăng ký thành lập doanh nghiệp,⁷ thanh toán đủ số cổ phần đã đăng ký mua trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp. Cổ đông chưa thanh toán số cổ phần đã đăng ký mua không còn là cổ đông của công ty và không được chuyển nhượng quyền mua cổ phần đó cho người khác. Cổ đông chỉ thanh toán một phần số cổ phần đã đăng ký mua có quyền biểu quyết, nhận lợi tức và các quyền khác tương ứng với số cổ phần đã thanh toán; không được chuyển nhượng quyền mua số cổ phần chưa thanh toán cho người khác. Cổ phần chưa thanh toán được coi là cổ phần chưa bán và HĐQT được quyền bán. Cổ đông chưa thanh toán đủ số cổ phần đã đăng ký mua phải chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với các nghĩa vụ tài chính của công ty phát sinh trong thời hạn trước ngày công ty đăng ký điều chỉnh vốn điều lệ;⁸

- Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp cổ phần được công ty hoặc người khác mua lại. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.
- Tuân thủ Điều lệ công ty và quy chế quản lý nội bộ của công ty.
- Chấp hành nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT.
- Bảo mật các thông tin được công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật.
- Chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.
- Nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.

2.1.2. Công ty Đại chúng và Công ty Cổ phần Tư nhân

Nhìn chung, một công ty không đáp ứng định nghĩa công ty đại chúng được coi là công ty cổ phần tư nhân. Công ty đại chúng yêu cầu vốn điều lệ cụ thể, và phải tuân thủ những quy định nghiêm ngặt và phức tạp hơn liên quan

⁷ Khoản 2, Điều 120, LDN.

⁸ Điều 113, LDN.

tới quản trị và công bố thông tin. Đặc điểm của công ty đại chúng thường phản ánh loại hình công ty lớn và đang tiếp tục tăng trưởng, có thể có ý định huy động vốn điều lệ trên các thị trường vốn. Công ty cổ phần tư nhân có thể là cơ cấu tối ưu hơn cho các doanh nghiệp nhỏ.

Bảng 1. So sánh Công ty Đại chúng và Công ty Cổ phần Tư nhân		
	Công ty Đại chúng	Công ty Cổ phần Tư nhân
Đặc điểm	Đã thực hiện chào bán thành công cổ phiếu lần đầu ra công chúng (IPO) thông qua đăng ký với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ⁹ hoặc có tối thiểu là 10% số cổ phiếu có quyền biểu quyết do ít nhất 100 nhà đầu tư không phải là cổ đông lớn nắm giữ. ¹⁰	Có ba cổ đông trở lên. ¹¹
Vốn Điều lệ Tối thiểu	30 tỷ VND. ¹²	Không bắt buộc, ngoại trừ các công ty hoạt động trong một số lĩnh vực cụ thể, như ngân hàng hoặc bảo hiểm.
Phát hành Cổ phiếu	Chào bán ra công chúng phải đăng ký với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN), trừ một số trường hợp. ¹³ Cần có chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) đối với ngân hàng thương mại đại chúng hoặc chấp thuận của Bộ Tài chính (BTC) đối với công ty kinh doanh bảo hiểm đại chúng. ¹⁴	Chào bán cổ phần có thể được thực hiện theo các hình thức sau đây: ¹⁵ - Chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu; - Chào bán cổ phần riêng lẻ: không được chào bán cổ phần qua phương tiện đại chúng và cho 100 nhà đầu tư trở lên. Việc chào bán cổ phần của ngân hàng thương mại cổ phần cần có sự chấp thuận của NHNN. ¹⁶ Việc chào bán cổ phần của công ty cổ phần bảo hiểm cần có sự chấp thuận của BTC. ¹⁷

9 Khoản 1b, Điều 32, LCK.

10 Khoản 1a, Điều 32, LCK.

11 Điều 111, LDN.

12 Khoản 1a, Điều 32, LCK.

13 Điều 16, LCK.

14 Khoản 7, Điều 13, Nghị định 155/2020/NĐ-CP.

15 Điều 123, Khoản 2a, 2b LDN

16 Luật các Tổ chức Tín dụng 32/2024/QH15

17 Khoản 1e, Điều 69, Luật Kinh doanh Bảo hiểm (số 54/2019/QH14, 61/2010/QH12, 42/2019/QH14).

GIỚI THIỆU
VE QUẢN TRỊ
CÔNG TYCƠ CẤU
QUẢN TRỊ
CÔNG TYTÀI LIỆU NỘI BỘ
VE QUẢN TRỊ
CÔNG TYGIỚI THIỆU VỀ
QUYỀN CỦA
CƠ ĐỒNGĐẠI HỘI
ĐỒNG CƠ ĐỒNGHỘI ĐỒNG
QUẢN TRỊ

BAN GIÁM ĐỐC

THỦ KÝ CÔNG TY

MỘT TRƯỞNG
KIỂM SÁTCÔNG BỐ
THÔNG TINGIAO DỊCH VỚI
NGƯỜI CÓ LIÊN
QUAN (GOLU)

CỐ TỨC

VỐN ĐIỀU LỆ

Chuyển nhượng Cổ phần	Không hạn chế (trừ cổ phần ưu đãi biểu quyết ¹⁸ và cổ phần của cổ đông sáng lập). ¹⁹ Không cần có sự đồng ý của các cổ đông khác hoặc của công ty.	Có thể bị hạn chế. Khả năng chuyển nhượng cổ phần không hạn chế, ngoại trừ cổ phần ưu đãi biểu quyết, và cổ phần của cổ đông sáng lập và một số hạn chế cụ thể khác quy định trong Điều lệ Công ty.
Thư ký Công ty	HĐQT phải bổ nhiệm ít nhất một người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký Công ty. ²⁰	Không có quy định.
Công khai Thông tin	Công ty phải công bố, công khai thông tin liên quan đến tình hình tài chính, hoạt động và quản trị. ²¹	Không bắt buộc phải công bố, công khai thông tin, trừ DNNN. ²²

Khi số lượng cổ đông của công ty cổ phần lên tới 100 và vốn điều lệ lên tới 30 tỷ VND, công ty tư nhân có thể đăng ký với UBCKNN để trở thành công ty đại chúng.²³ Công ty cổ phần tư nhân cũng có thể tự nguyện chuyển đổi thành công ty đại chúng và ngược lại bằng cách tuân thủ các yêu cầu pháp luật, phù hợp với Luật Chứng khoán (với vốn điều lệ đã góp tối thiểu 30 tỷ VND và có tối thiểu 10% số cổ phiếu có quyền biểu quyết do ít nhất 100 nhà đầu tư không phải là cổ đông lớn nắm giữ)²⁴. Về mặt thủ tục, công ty cần phải sửa đổi Điều lệ Công ty và giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, và việc này không bị xem như là chuyển đổi mô hình pháp lý trong tổ chức doanh nghiệp.

18 Khoản 3, Điều 116, LDN: Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi biểu quyết không được chuyển nhượng cổ phần đó cho người khác, trừ trường hợp chuyển nhượng theo bản án, quyết định của tòa án đã có hiệu lực pháp luật hoặc thừa kế.

19 Khoản 3, Điều 120, LDN: Trong thời hạn ba năm kể từ ngày công ty được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập được tự do chuyển nhượng cho cổ đông sáng lập khác và chỉ được chuyển nhượng cho người không phải là cổ đông sáng lập nếu được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp này, cổ đông sáng lập dự định chuyển nhượng cổ phần phổ thông thì không có quyền biểu quyết về việc chuyển nhượng cổ phần đó.

20 Khoản 1, Điều 281, Nghị định 155/2020/NĐ-CP.

21 Khoản 4, Điều 176, LDN; và Chương 2, Thông tư 96/2020/TT-BTC.

22 Khoản 4, Điều 176, và Khoản 1b, Điều 88, LDN.

23 Khoản 2, Điều 111, LDN.

24 Khoản 1, Điều 32, LCK.

2.1.3. Khác biệt theo Pháp luật về Quyền cổ đông dựa trên Phần vốn Sở hữu

Có một số khác biệt về quyền của cổ đông dựa trên phần vốn sở hữu. Những khác biệt này nhằm nâng cao khả năng bảo vệ cổ đông và/hoặc tạo cơ chế để quản lý công ty cổ phần theo cách dễ dàng hơn.

Bảng 2. Khác biệt về Quyền của Cổ đông dựa trên Phần vốn Sở hữu (quy định tại LDN)		
1	Tất cả cổ đông phổ thông ²⁵	<p>Cổ đông phổ thông có quyền:</p> <ul style="list-style-type: none"> Tham dự, phát biểu trong cuộc họp ĐHĐCĐ và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của ĐHĐCĐ. Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong công ty. Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại LDN và pháp luật có liên quan; Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết ĐHĐCĐ. Khi công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại công ty.

25 Khoản 1, Điều 115, LDN.

2.

Cơ cấu Quản trị Công ty

2	Ít nhất 01% tổng số cổ phần phổ thông ²⁶	<ul style="list-style-type: none"> Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần phổ thông có quyền tự mình hoặc nhân danh công ty khởi kiện trách nhiệm cá nhân, trách nhiệm liên đới đối với các thành viên HĐQT hoặc TGD để yêu cầu hoàn trả lợi ích hoặc bồi thường thiệt hại cho công ty hoặc người khác. Chi phí khởi kiện trong trường hợp cổ đông, nhóm cổ đông khởi kiện nhân danh công ty được tính vào chi phí của công ty, trừ trường hợp bị bác yêu cầu khởi kiện. Cổ đông có quyền xem xét, tra cứu, trích lục thông tin cần thiết theo quyết định của Tòa án, Trọng tài trước hoặc trong quá trình khởi kiện.
3	Từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên (hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty) ²⁷	<p>Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên (hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty) có quyền:</p> <ul style="list-style-type: none"> Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của HĐQT, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của BKS, hợp đồng, giao dịch phải thông qua HĐQT và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của công ty. Yêu cầu triệu tập họp ĐHĐCĐ trong trường hợp quy định tại LDN. Yêu cầu BKS kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra. Yêu cầu triệu tập họp ĐHĐCĐ trong trường hợp HĐQT vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao.
4	Từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên (hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty)	<ul style="list-style-type: none"> Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty có quyền đề cử người vào HĐQT và BKS theo trình tự quy định tại LDN.²⁸ Tổ chức là cổ đông công ty cổ phần có sở hữu ít nhất 10% tổng số cổ phần phổ thông có thể cử tối đa 03 người đại diện theo ủy quyền.²⁹

26 Điều 166, LDN.

27 Khoản 2, Điều 115, LDN.

28 Khoản 5, Điều 115, LDN

29 Khoản 2, Điều 14, LDN.

2.2. Cơ cấu Quản trị Công ty Cổ phần

Luật pháp cho phép các công ty được linh hoạt trong việc xây dựng cơ cấu quản trị của mình. Các chủ thể kiểm soát theo yêu cầu của Luật Doanh nghiệp không phụ thuộc vào số lượng cổ đông hay giá trị vốn điều lệ của một công ty. Tuy nhiên, có các yêu cầu pháp luật khác nhau về cơ cấu quản trị giữa công ty cổ phần niêm yết và không niêm yết.

Nhìn chung, công ty cổ phần có thể lựa chọn áp dụng mô hình cơ cấu quản trị trừ trường hợp luật chứng khoán có quy định khác³⁰:

- Công ty cổ phần có ĐHĐCĐ, HĐQT, BKS và TGD.³¹
- Công ty cổ phần có ĐHĐCĐ, HĐQT, và TGD. Trong trường hợp này, tối thiểu phải có 20% số thành viên HĐQT là thành viên độc lập và phải có Ủy ban Kiểm toán trực thuộc HĐQT.³²

Công ty được quyền quyết định cơ cấu quản trị và quản lý theo một trong hai mô hình.

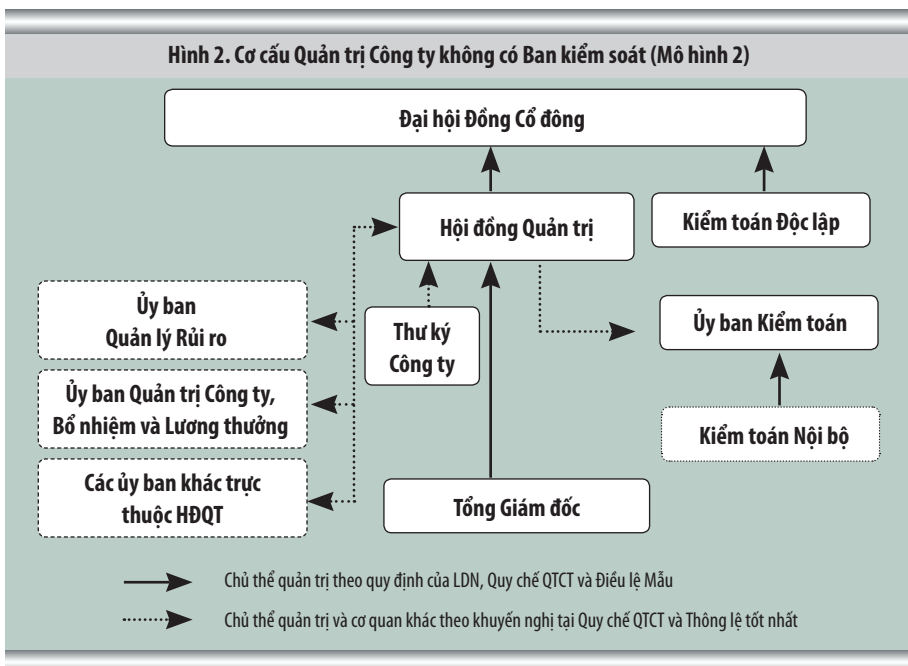
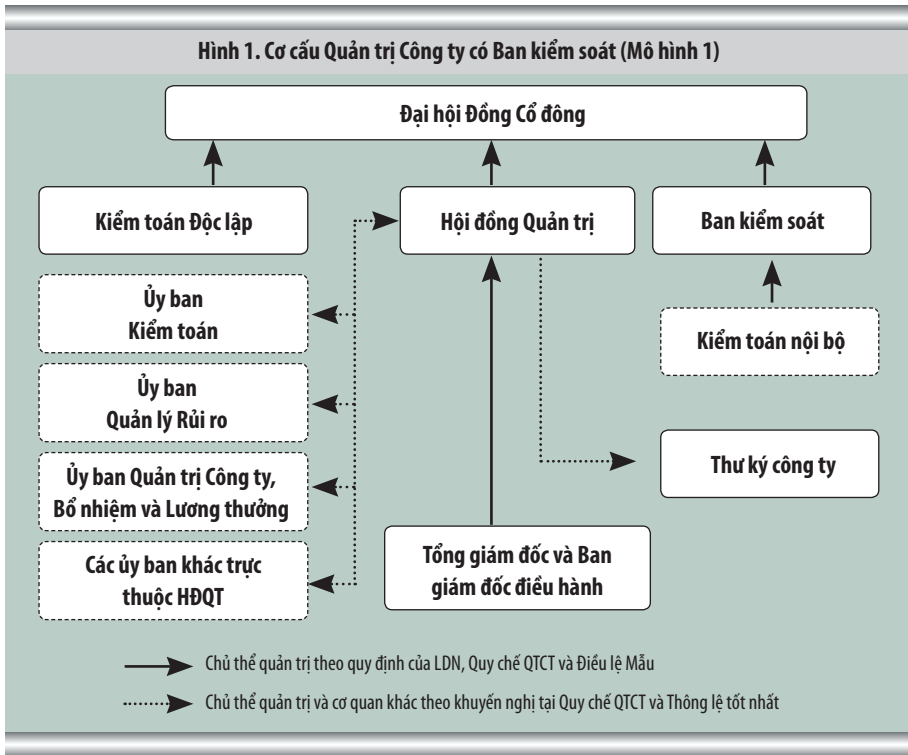
30 Khoản 1, Điều 137, LDN

31 Khoản 1, Điều 137, LDN: Trường hợp công ty cổ phần có dưới 11 cổ đông và các cổ đông là tổ chức sở hữu dưới 50% tổng số cổ phần của công ty thì không bắt buộc phải có Ban kiểm soát

32 Cơ cấu tổ chức, chức năng và nhiệm vụ của Ủy ban Kiểm toán được quy định tại Điều lệ Công ty hoặc quy chế hoạt động của Ủy ban Kiểm toán do HĐQT ban hành.

2.

Cơ cấu chung trong Quản trị công ty



Công ty niêm yết: Ngoài những chủ thể quản trị như yêu cầu đối với công ty cổ phần không niêm yết, các công ty niêm yết phải có:

- Ủy ban Kiểm toán trực thuộc HĐQT đối với công ty niêm yết được tổ chức và quản lý theo mô hình 2³³
- Người phụ trách quản trị công ty³⁴
- Thư ký công ty.³⁵

Ngoài ra, công ty có thể thành lập các Ủy ban trực thuộc Hội đồng Quản trị sau đây tùy theo nhu cầu và đặc điểm cụ thể của công ty:

- Ủy ban Quản lý Rủi ro.
- Ủy ban Quản trị Công ty, Bổ nhiệm và Lương thưởng.
- Các Ủy ban khác trực thuộc HĐQT.

Các chủ thể quản trị mang tính bắt buộc và tự nguyện của một công ty và trách nhiệm tương ứng của những chủ thể đó được quy định tại Luật Doanh nghiệp, Quy chế QTCT, và Điều lệ Mẫu.³⁶ Trường hợp công ty chỉ có một người đại diện theo pháp luật thì Chủ tịch HĐQT hoặc TGD là người đại diện theo pháp luật của công ty. Trừ trường hợp Điều lệ Công ty có quy định khác, Chủ tịch HĐQT là người đại diện theo pháp luật của công ty.³⁷

2.2.1. Đại hội Đồng Cổ đông

Đại hội Đồng Cổ đông (ĐHĐCĐ) của công ty cổ phần là cơ quan quyết định cao nhất của công ty. Tất cả các cổ đông phổ thông đều có quyền tham dự ĐHĐCĐ và có số phiếu bầu tương ứng với số cổ phần phổ thông mà cổ đông đó nắm giữ. ĐHĐCĐ thường chỉ ra quyết định đối với những vấn đề quan trọng có ảnh hưởng tới công ty. ĐHĐCĐ phê chuẩn việc đề cử nhân sự vào HĐQT và Ban kiểm soát. Ngoài ra, ĐHĐCĐ phê chuẩn báo cáo thường niên, báo cáo tài chính, phân chia lỗ lãi (bao gồm trả cổ tức), thay đổi vốn điều lệ, sửa đổi bổ sung Điều lệ Công ty, tái tổ chức và giải thể, các giao dịch lớn với bên liên quan, và các giao dịch đặc biệt.

33 Khoản 1, Điều 282, Nghị định 155/2020/NĐ-CP

34 Khoản 3, Điều 41, LCK và Khoản 1, Điều 281, Nghị định 155/2020/NĐ-CP: Ít nhất một người phụ trách quản trị công ty phải được ĐHĐCĐ thông qua theo đề xuất của HĐQT.

35 Khoản 5, Điều 156, LDN và Khoản 1, Điều 281, Nghị định 155/2020/NĐ-CP: Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty.

36 Điều 137, LDN

37 Khoản 2, Điều 137, LDN

GIỚI THIỆU
VE QUẢN TRỊ
CÔNG TYCƠ CẤU
QUẢN TRỊ
CÔNG TYTÀI LIỆU NỘI BỘ
VE QUẢN TRỊ
CÔNG TYGIỚI THIỆU VỀ
QUYỀN CỬA
CƠ ĐỒNGĐẠI HỘI
ĐỒNG CỔ ĐÔNGHỘI ĐỒNG
QUẢN TRỊ

BAN GIÁM ĐỐC

THƯ KÝ CÔNG TY

MỐI TƯƠNG
KIỂM SOÁTCÔNG BỐ
THÔNG TINGIAO DỊCH VỚI
NGƯỜI CÓ LIÊN
QUAN (GOLU)

CỔ TỨC

VỐN ĐIỀU LỆ

2.2.2. Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị (HĐQT) đóng vai trò trung tâm trong khuôn khổ quản trị công ty. HĐQT chịu trách nhiệm chỉ đạo và xây dựng chiến lược của công ty cùng những ưu tiên trong kinh doanh, bao gồm kế hoạch kinh doanh và tài chính thường niên, cũng như chỉ đạo và kiểm soát hoạt động của ban giám đốc, và ra quyết định đối với các vấn đề không thuộc thẩm quyền của ĐHCĐ. HĐQT hoạt động vì lợi ích của công ty, bảo vệ quyền của tất cả các cổ đông, giám sát hoạt động của TGD và ban giám đốc, cũng như tính toàn vẹn của hệ thống kế toán, báo cáo tài chính và phi tài chính của công ty. Một HĐQT độc lập, chuyên nghiệp và có hiệu quả đóng vai trò thiết yếu trong việc thực thi những biện pháp quản trị công ty tốt.



Thông lệ So sánh

Các công ty Việt Nam có thể lựa chọn giữa các mô hình cơ cấu quản trị công ty khác nhau theo quy định tại Khoản 1 Điều 137 LDN. Cơ cấu và quy trình của HĐQT khác nhau cả trong nội bộ và giữa các quốc gia. Hệ thống HĐQT hai cấp phổ biến ở các quốc gia dân luật như Đức, Hà Lan, và các nước Đông Âu. Vương quốc Anh, Hoa Kỳ, Úc, và các quốc gia thông luật khác thường sử dụng hệ thống HĐQT một cấp hay đơn cấp.

- Hệ thống HĐQT một cấp hay đơn cấp có đặc trưng là có một HĐQT duy nhất điều hành công ty, và bao gồm các thành viên điều hành và không điều hành. Cơ cấu quản trị này có thể tạo điều kiện thuận lợi để xây dựng bộ phận lãnh đạo vững mạnh và nâng cao hiệu quả của quá trình ra quyết định. Tuy nhiên, thành viên HĐQT độc lập và không điều hành đóng vai trò quan trọng trong việc giám sát các nhà quản lý và giảm chi phí đại diện (agency costs).
- Mặt khác, hệ thống HĐQT hai cấp, hay hệ thống kép, có đặc trưng các cơ quan giám sát và điều hành tách biệt. Cơ quan thứ nhất thường được gọi là Ban Kiểm soát, và cơ quan thứ hai là Ban Giám đốc. Theo hệ thống này, công việc điều hành hàng ngày của công ty được giao cho Ban Giám đốc, và Ban Giám đốc chịu sự kiểm soát của Ban kiểm soát (do ĐHCĐ bầu ra). Hai cơ quan này có thẩm quyền riêng biệt và cơ cấu thành phần không được lẫn lộn. Điều này nghĩa là thành viên Ban Giám đốc không thể là thành viên của Ban kiểm soát và ngược lại. Ưu điểm của hệ thống hai cấp là cơ chế giám sát rõ ràng, nhưng thường bị chỉ trích vì tình trạng thiếu hiệu quả trong quá trình ra quyết định.

- Bên cạnh hệ thống một cấp và hai cấp, nhiều quốc gia công nhận cơ cấu quản trị thứ ba, hệ thống hỗn hợp. Về cơ bản, đây là sự kết hợp của hai mô hình nêu trên với một cơ quan theo luật định cho mục đích kiểm toán. Theo hệ thống này, công ty cổ phần có thể thành lập Ban kiểm soát và HĐQT với thành phần gồm các thành viên HĐQT không điều hành và thành viên HĐQT điều hành, với lựa chọn tổ chức một Ban Điều hành.

Cho dù là áp dụng hệ thống nào, cần lưu ý những nội dung sau đây:

- Luôn có đánh đổi giữa hiệu quả và mức độ kiểm soát. Ví dụ, khi có rủi ro cao về xung đột lợi ích, cổ đông có thể chọn hệ thống hai cấp, nhưng cần nhớ rằng một hệ thống quản trị với sự giám sát chặt chẽ sẽ trói tay các cán bộ quản lý và khiến cho hoạt động kinh doanh và ra quyết định trở nên kém hiệu quả. Mặt khác, khi cổ đông và các nhà quản lý tin tưởng lẫn nhau và công ty yêu cầu hiệu quả tối ưu để khai thác các cơ hội kinh doanh khác, công ty có thể chọn hệ thống HĐQT một cấp vốn thiên về mặt quản lý hơn.
- Trong khi tất cả các hệ thống đều có nhiều điểm chung, vẫn tồn tại những khác biệt quan trọng và những khác biệt này sẽ ảnh hưởng tới thẩm quyền, cơ cấu, và hoạt động của HĐQT, từ đó ảnh hưởng đến nhiệm vụ và nghĩa vụ của các thành viên HĐQT.

2.2.3. Các Ủy ban trực thuộc HĐQT

Quy chế QTCT khuyến nghị việc thành lập các ủy ban trực thuộc HĐQT đối với các công ty đại chúng. Theo Quy chế QTCT, một công ty đại chúng cần xem xét việc thành lập một số ủy ban nhất định trực thuộc HĐQT như Ủy ban Kiểm toán, Ủy ban Quản lý Rủi ro, và Ủy ban Quản trị Công ty, Bổ nhiệm, và Lương thưởng. Nhiệm vụ chính của các ủy ban này là hỗ trợ HĐQT. Những thảo luận trong cuốn Cẩm nang này về quyền hạn, thành phần, và chức năng của các ủy ban trực thuộc HĐQT chủ yếu dựa trên những khuyến nghị trong Bộ Nguyên tắc Quản trị Công ty theo Thông lệ tốt nhất của Việt Nam.

2.2.4. Bộ máy điều hành

Tổng Giám đốc (TGD)

Mỗi công ty phải có một Tổng Giám đốc (TGD) hay giám đốc điều hành, là người chịu trách nhiệm điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của công ty. TGD là người đại diện theo pháp luật của công ty trừ trường hợp Điều lệ Công ty bổ nhiệm Chủ tịch HĐQT giữ chức vụ này. TGD chịu trách nhiệm trước HĐQT. Pháp luật, điều lệ, quy chế nội bộ, và hợp đồng ký kết giữa

GIỚI THIỆU
VE QUẢN TRỊ
CÔNG TYCƠ CẤU
QUẢN TRỊ
CÔNG TYTẠI LIỆU NỘI BỘ
VE QUẢN TRỊ
CÔNG TYGIỚI THIỆU VỀ
QUYỀN CỬA
CỔ ĐÔNGĐẠI HỘI
ĐÔNG CỔ ĐÔNGHỘI ĐỒNG
QUẢN TRỊ

BAN GIÁM ĐỐC

THỦ KÝ CÔNG TY

MỐI TRƯỜNG
KIỂM SOÁTCÔNG BỐ
THÔNG TINGIAO DỊCH VỚI
NGƯỜI CÒN LIÊN
QUAN (GOLU)

CỐ TỨC

VỐN ĐIỀU LỆ

TGD với công ty quy định về thẩm quyền và việc bầu TGD, cũng như quan hệ với các cơ quan quản trị khác.

Ban Giám đốc

Ban Giám đốc bao gồm TGD và các cán bộ điều hành cao nhất của công ty. Ban Giám đốc có thể được gọi là “ban điều hành”, “ban quản lý”, “đội ngũ điều hành”, hoặc “cơ quan điều hành chung”, và các thuật ngữ khác. Thuật ngữ “Ban Giám đốc” được sử dụng cho các mục đích của Cẩm nang này. Công ty cổ phần niêm yết phải thành lập Ban Giám đốc chịu trách nhiệm điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của công ty và thực hiện các quyết định của HĐQT.

2.2.5. Thư ký Công ty

Công ty đại chúng phải bổ nhiệm ít nhất một người chịu trách nhiệm chính về Quản trị Công ty, và có thể kiêm nhiệm làm Thư ký Công ty. Nhiệm vụ chính của Thư ký Công ty là tổ chức các cuộc họp của ĐHĐCĐ, HĐQT, và BKS, và bảo đảm các nghị quyết của HĐQT tuân thủ pháp luật. Thư ký Công ty thường là vị trí quản lý cấp cao của công ty và vị trí này được kỳ vọng sẽ cung cấp hướng dẫn chuyên môn cho cổ đông, HĐQT, các thành viên HĐQT, ban giám đốc, và các bên có quyền lợi liên quan khác về các khía cạnh quản trị của các quyết định chiến lược. Thư ký Công ty thường đóng vai trò là cầu nối thông tin, truyền thông, cố vấn, và trọng tài giữa HĐQT và ban giám đốc. Thư ký Công ty cũng sẽ đóng vai trò cầu nối giữa công ty với cổ đông và các bên có quyền lợi liên quan. Tuy nhiên, ở các công ty lớn, đây là nhiệm vụ của một “nhân viên quan hệ nhà đầu tư”.

2.2.6. Kiểm toán Nội bộ

Vai trò của Kiểm toán Nội bộ ngày càng trở nên quan trọng hơn trong việc tăng cường quản trị công ty của các công ty đại chúng và công ty niêm yết. Bộ phận Kiểm toán Nội bộ hiệu quả đóng vai trò then chốt trong việc hỗ trợ HĐQT (hoặc cơ quan tương đương) thực hiện trách nhiệm quản trị. Theo quy định hiện hành, các doanh nghiệp sau đây có nghĩa vụ thành lập bộ phận Kiểm toán Nội bộ: (i) công ty niêm yết Việt Nam; (ii) doanh nghiệp mà nhà nước sở hữu trên 50% vốn điều lệ là công ty mẹ hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con, và (iii) doanh nghiệp nhà nước là công ty mẹ hoạt động

theo mô hình công ty mẹ - công ty con. Các doanh nghiệp khác được khuyến khích thực hiện công tác kiểm toán nội bộ.³⁸

2.2.7. Kiểm toán Độc lập

Theo quy định của luật pháp về kiểm toán, việc kiểm toán thường niên và độc lập phải được một công ty kiểm toán độc lập có giấy phép (công ty/tổ chức kiểm toán được cấp phép và công nhận) thực hiện. Những công ty có đặc điểm sau phải có kiểm toán độc lập hàng năm:

- Công ty có trách nhiệm với công chúng, cổ đông và bắt buộc phải tuân thủ các yêu cầu về kiểm toán (DNNN, công ty có vốn đầu tư nước ngoài, ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng, công ty bảo hiểm, và công ty đại chúng).
- Công ty mẹ có báo cáo tài chính hợp nhất.
- Công ty phát hành chứng khoán và các công cụ tài chính khác được giao dịch trên một thị trường có tổ chức.

Kiểm toán Độc lập là một thể chế độc lập với công ty, do ĐHĐCĐ lựa chọn trong số những công ty kiểm toán thuộc danh sách các tổ chức kiểm toán được UBCKNN chấp thuận kiểm toán báo cáo tài chính của công ty niêm yết, chuẩn bị báo cáo kiểm toán và trình nộp HĐQT. Kiểm toán Độc lập được phép và được khuyến khích tham dự mọi cuộc họp ĐHĐCĐ, nhận thông báo và thông tin khác liên quan tới các cuộc họp ĐHĐCĐ, và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.

38 Điều 10, Nghị định 05/2019/NĐ-CP

2.

Cơ cấu chung trong Quản trị công ty

Trong trường hợp báo cáo tài chính năm của công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, công ty đại chúng phải mời tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán BCTC của công ty dự họp ĐHĐCĐ thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp ĐHĐCĐ thường niên của công ty đại chúng.³⁹

2.2.8. Ban Kiểm soát

Công ty cổ phần có trên 11 cổ đông và các cổ đông tổ chức sở hữu trên 50% tổng số cổ phần và công ty niêm yết phải thành lập Ban kiểm soát⁴⁰, với mục đích giám sát HĐQT, TGD trong công tác quản lý, điều hành công ty. Cơ quan giám sát phải độc lập với HĐQT và Ban Giám đốc. Ban Kiểm soát báo cáo trực tiếp lên ĐHĐCĐ.

³⁹ Khoản 4, Điều 273, Nghị định 155/2020/NĐ-CP

⁴⁰ Khoản 1, Điều 137, LDN.

A series of 22 horizontal dashed lines spanning the width of the page, providing a guide for writing notes.

NOTES

A series of horizontal dashed lines for writing notes.

Chương **3**

**TÀI LIỆU NỘI BỘ VỀ
QUẢN TRỊ CÔNG TY**

3 | Tài liệu nội bộ về Quản trị Công ty



Mục lục

3.1. Điều lệ Công ty	68
3.1.1 Quy định trong Điều lệ Công ty	68
3.1.2 Điều lệ Mẫu	69
3.1.3 Khi nào cần Sửa đổi Bổ sung Điều lệ Công ty?	69
3.1.4 Ai là Người có quyền Sửa đổi Bổ sung Điều lệ Công ty?	70
3.1.5 Sửa đổi Bổ sung Điều lệ Công ty như thế nào?	70
3.1.6 Phản đối các Sửa đổi, Bổ sung Điều lệ Công ty	71
3.1.7 Đăng ký các Nội dung Sửa đổi Bổ sung Điều lệ Công ty	72
3.1.8 Khi nào thì những Sửa đổi Bổ sung trong Điều lệ Công ty có hiệu lực?	73
3.1.9 Công khai Điều lệ Công ty	73
3.2. Quy chế Nội bộ về Quản trị Công ty	74
3.3. Quy chế Nội bộ về Hoạt động của HĐQT	78
3.4. Quy chế Nội bộ về Hoạt động của Ban Kiểm soát	80
3.5. Quy chế Nội bộ về Hoạt động của Ủy ban Kiểm toán	82
3.6. Quy tắc Ứng xử và Đạo đức Kinh doanh của Công ty	84

GIỚI THIỆU
VỀ QUẢN TRỊ
CÔNG TY

CƠ CẤU
QUẢN TRỊ
CÔNG TY

TÀI LIỆU NỘI BỘ
VỀ QUẢN TRỊ
CÔNG TY

GIỚI THIỆU VỀ
QUYỀN CỦA
CƠ ĐỒNG

ĐẠI HỘI
ĐỒNG CƠ ĐỒNG

HỘI ĐỒNG
QUẢN TRỊ

BAN GIÁM ĐỐC

THỦ KÝ CÔNG TY

HIỆT TRƯỞNG
KIỂM SOÁT

CÔNG BỐ
THÔNG TIN

GAO DỊCH VỚI
NGƯỜI CÒN LIÊN
QUAN (GOLU)

CỐ TỨC

VỐN ĐIỀU LỆ



Những vấn đề Chủ tịch HĐQT cần lưu ý

- Công ty có Điều lệ Công ty hợp lệ, bao gồm quy định liên quan đến bảo vệ quyền lợi của cổ đông, đối xử bình đẳng với cổ đông, phân cấp thẩm quyền giữa các chủ thể quản trị trong công ty và công bố thông tin chưa?
- Điều lệ Công ty được thể hiện chi tiết đến mức nào? Điều lệ Công ty có được tùy chỉnh từ Điều lệ Mẫu để phản ánh hoàn cảnh cụ thể và cơ cấu quản trị của công ty không?
- Các đối tượng quan tâm có thể dễ dàng tiếp cận bản điều lệ này không? Có thể truy cập bản điều lệ này trên Internet không?
- Công ty đã thông qua tất cả các quy chế nội bộ cần thiết về quản trị công ty chưa? Nếu đã có, những quy chế nội bộ này đã được HĐQT hay ĐHĐCĐ phê chuẩn chưa?
- Công ty có tuân thủ quy chế nội bộ không?
- Công ty đã thông qua bộ quy tắc quản trị công ty của riêng công ty chưa? Nếu có, bộ quy tắc có đề cập đến các nguyên tắc công bằng, trách nhiệm, minh bạch, và giải trình không?
- Bộ quy tắc quản trị công ty của công ty có cung cấp hướng dẫn về mối quan hệ giữa các chủ thể quản trị trong công ty, đặc biệt là mối quan hệ giữa HĐQT và TGD hoặc Ban Giám đốc không?
- Công ty đã định ra một bộ giá trị cốt lõi của công ty chưa? Công ty đã có quy tắc ứng xử và đạo đức kinh doanh dựa trên các giá trị đó chưa?

Điều lệ Công ty là tài liệu thành lập của công ty. Không công ty nào có thể thành lập mà không có điều lệ. Bản điều lệ chứng tỏ sự hiện hữu của công ty, xác định cơ cấu và phạm vi kinh doanh và hoạt động của công ty. Tài liệu này là nền tảng của hệ thống quản trị công ty, đảm bảo việc bảo vệ và đối xử công bằng với cổ đông, phân cấp thẩm quyền giữa các chủ thể quản trị trong công ty, và minh bạch và công khai các hoạt động của công ty. Điều lệ Công ty cũng đóng vai trò là văn bản công bố quan trọng đối với các bên thứ ba vì tài liệu này cung cấp thông tin về công ty, đặc biệt là về hệ thống quản trị của công ty. Công ty phải đăng ký điều lệ và những sửa đổi bổ sung trong điều lệ với cơ quan đăng ký kinh doanh có thẩm quyền.¹

Ngoài điều lệ, công ty còn cần áp dụng quy chế nội bộ cho nhiều mục đích khác nhau. Có một số quy chế nội bộ mang tính bắt buộc đối với một số loại hình doanh nghiệp. Chẳng hạn, tổ chức tín dụng hay công ty bảo hiểm phải áp dụng quy chế tài chính nội bộ để thiết lập khuôn khổ cho công tác quản lý tài chính trong công ty và để đảm bảo tính liên chính của hệ thống tài chính. Công ty đại chúng (bao gồm cả ngân hàng đại chúng và công ty bảo hiểm đại chúng) được khuyến khích áp dụng quy chế quản trị công ty² và Bộ Nguyên tắc Quản trị Công ty theo Thông lệ tốt nhất của Việt Nam nhằm đảm bảo công ty được vận hành và kiểm soát một cách hiệu quả và phục vụ cho lợi ích của cổ đông và các bên có quyền lợi liên quan. Bộ quy tắc quản trị công ty đóng vai trò hữu ích trong việc xây dựng quy trình chi tiết cho các chủ thể quản trị trong công ty và có thể bảo đảm hiểu biết rõ ràng hơn và hoạt động quản trị suôn sẻ hơn. Tuy nhiên, bộ quy tắc này, trong vai trò một quy chế nội bộ, phải được ban hành một cách nhất quán với Điều lệ Công ty.

Chương này sẽ xem xét những vấn đề trong quản trị công ty liên quan tới các quy định trong Điều lệ Công ty, đồng thời giải thích rõ thời điểm có thể sửa đổi bổ sung điều lệ và quy chế nội bộ, và cách thức đăng ký những sửa đổi bổ sung đó.

¹ Điều 22, LDN 2020.

² Khoản 3, Điều 41, LCK; Khoản 2, Điều 270, Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

GIỚI THIỆU
VỀ QUẢN TRỊ
CÔNG TYCƠ CẤU
QUẢN TRỊ
CÔNG TYTÀI LIỆU NỘI BỘ
VỀ QUẢN TRỊ
CÔNG TYGIỚI THIỆU VỀ
QUYỀN LỢI
CỔ ĐÔNGĐẠI HỘI
ĐỒNG CỔ ĐÔNGHỘI ĐỒNG
QUẢN TRỊ

BAN GIÁM ĐỐC

THỦ KÝ CÔNG TY

MỐI TƯƠNG
KIỂM SOÁTCÔNG BỐ
THÔNG TINGIAO DỊCH VỚI
NGƯỜI CÒN LIÊN
QUAN (GOLU)

CỐ TỨC

VỐN ĐIỀU LỆ

3.1. Điều lệ Công ty

3.1.1. Quy định trong Điều lệ Công ty

Điều lệ phải có những quy định tối thiểu liên quan đến cơ cấu tổ chức và vốn điều lệ của công ty, thẩm quyền của các chủ thể quản trị công ty, và quyền lợi của cổ đông. Dù công ty hoạt động trong lĩnh vực nào, có cơ cấu quản lý và cơ cấu sở hữu như thế nào thì điều lệ của công ty cũng phải có những quy định bắt buộc sau đây:³

- Tên doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, chi nhánh, và văn phòng đại diện.
- Ngành, nghề kinh doanh.
- Vốn điều lệ, tổng số cổ phần, các loại cổ phần, và mệnh giá từng loại cổ phần.
- Họ tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch của cổ đông sáng lập. Số cổ phần, loại cổ phần, mệnh giá từng loại cổ phần của cổ đông sáng lập.
- Quyền và nghĩa vụ của cổ đông.
- Cơ cấu tổ chức quản lý.
- Thể thức thông qua quyết định của công ty, nguyên tắc giải quyết tranh chấp nội bộ.
- Căn cứ và phương pháp xác định tiền lương, thù lao, thưởng của người quản lý và Kiểm soát viên.
- Trường hợp cổ đông có quyền yêu cầu công ty mua lại cổ phần.
- Nguyên tắc phân chia lợi nhuận sau thuế và xử lý lỗ trong kinh doanh.
- Trường hợp giải thể, trình tự giải thể và thủ tục thanh lý tài sản công ty.
- Thể thức sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty.

3 Điều 24, LDN.

Điều lệ Công ty khi đăng ký doanh nghiệp phải bao gồm họ, tên, và chữ ký của (những) cổ đông sáng lập là cá nhân và (những) người đại diện theo pháp luật hoặc người đại diện theo ủy quyền của (những) cổ đông sáng lập là tổ chức.⁴

Ngoài những quy định bắt buộc như trên, Điều lệ Công ty có thể quy định những vấn đề khác do cổ đông thoả thuận và không được trái với quy định của pháp luật. Những quy định này đem lại cho công ty và cổ đông sự linh hoạt trong việc xây dựng cơ cấu của công ty, bao gồm hoạt động, cơ cấu tài chính, và quyền của cổ đông. Nói cách khác, Điều lệ Công ty xác định một cách cơ bản những đặc điểm và hoạt động của công ty.

3.1.2. Điều lệ Mẫu

Tất cả các công ty đại chúng ở Việt Nam khi xây dựng Điều lệ Công ty được khuyến nghị tham chiếu theo Điều lệ Mẫu do BTC ban hành,⁵ được cung cấp tại Phụ lục 1 đính kèm Thông tư số 116/2020/TT-BTC.

3.1.3. Khi nào cần Sửa đổi Bổ sung Điều lệ Công ty?

Điều lệ nên được sửa đổi bổ sung khi có những thay đổi ảnh hưởng đến bất kỳ quy định nào trong điều lệ. Ví dụ, quyết định mở rộng lĩnh vực kinh doanh, tăng vốn điều lệ, đổi tên công ty, hay trụ sở đăng ký cần đi kèm với những sửa đổi bổ sung tương ứng trong điều lệ. Nguyên tắc này phù hợp với nguyên tắc chính xác và đáng tin cậy của mọi thông tin đăng ký, và cần được tuân thủ để bảo đảm việc quản trị công ty hiệu quả.⁶

Điều lệ cũng cần phải được sửa đổi bổ sung khi có thay đổi quy định pháp luật và những thay đổi đó ảnh hưởng tới các quy định trong điều lệ.

4 Khoản 3, Điều 24, LDN.

5 Khoản 3, Điều 270, Nghị định 155/2020/NĐ-CP.

6 Khoản 4, Điều 24, LDN: Điều lệ công ty sửa đổi phải có họ, tên, và chữ ký của người đại diện theo pháp luật

GIỚI THIỆU
VỀ QUẢN TRỊ
CÔNG TY

CƠ CẤU
QUẢN TRỊ
CÔNG TY

TÀI LIỆU NƠI BỜ
VỀ QUẢN TRỊ
CÔNG TY

GIỚI THIỆU VỀ
QUYỀN CỦA
CỔ ĐÔNG

ĐẠI HỘI
ĐỒNG CỔ ĐÔNG

HỘI ĐỒNG
QUẢN TRỊ

BAN GIÁM ĐỐC

THỦ KÝ CÔNG TY

MỘT TRƯỞNG
KIỂM SÁT

CÔNG BỐ
THÔNG TIN

GAO DI CHỨC VỚI
NGƯỜI CÒN LIÊN
QUAN (GỎI)

CỐ TỨC

VỐN ĐIỀU LỆ

3.1.4. Ai là Người có quyền Sửa đổi Bổ sung Điều lệ Công ty?

Về nguyên tắc, chỉ có ĐHĐCĐ mới có thẩm quyền sửa đổi bổ sung Điều lệ Công ty.⁷ HĐQT có quyền quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại và quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác.⁸ Những quy định này dường như hàm ý rằng HĐQT cần có quyền sửa đổi bổ sung điều lệ trong phạm vi những nội dung sửa đổi bổ sung liên quan tới việc điều chỉnh vốn điều lệ do việc chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán. Tuy nhiên, việc sửa đổi bổ sung điều lệ như vậy phải được thông báo trong cuộc họp thường niên của ĐHĐCĐ.

3.1.5. Sửa đổi Bổ sung Điều lệ Công ty như thế nào?

Việc chuẩn bị những nội dung cần sửa đổi bổ sung trong điều lệ yêu cầu kỹ năng soạn thảo quy định và kiến thức chuyên sâu về pháp luật.



Thông lệ tốt nhất

Theo thông lệ phổ biến, công ty chuẩn bị nội dung sửa đổi bổ sung điều lệ thông qua bộ phận pháp chế/luat sư cùng với các chuyên gia tư vấn luật thuê ngoài, và với sự tham gia của Thư ký Công ty. TGD cần giám sát chặt chẽ quá trình này để bảo đảm các quy định trong điều lệ được xây dựng phù hợp với định hướng của HĐQT. Dự thảo cuối cùng cần được đánh giá và thông qua tại một cuộc họp của HĐQT. Sau đó, dự thảo sẽ được trình lên ĐHĐCĐ dưới dạng đề xuất, trừ khi việc sửa đổi bổ sung điều lệ thuộc thẩm quyền của HĐQT. Trong trường hợp đó, thay vì đưa ra đề xuất, HĐQT sẽ thông qua quyết định sửa đổi bổ sung điều lệ.

Công ty có thể sửa đổi bổ sung điều lệ tại bất kỳ thời điểm nào để sửa đổi hay bổ sung những quy định mà điều lệ yêu cầu hoặc cho phép hoặc để xóa bỏ những quy định mà điều lệ không yêu cầu.

Có ba cách để công ty sửa đổi bổ sung điều lệ:

- Thay đổi quy định hiện hành trong Điều lệ Công ty.

⁷ Khoản 2d, Điều 138, LDN.

⁸ Khoản 2c, Điều 153, LDN.

- Bổ sung quy định mới vào Điều lệ Công ty.
- Thông qua một phiên bản mới của Điều lệ Công ty (soạn thảo lại Điều lệ Công ty), là cách làm phù hợp khi cần thực hiện nhiều sửa đổi, bổ sung.

Hình 1 minh họa thể thức sửa đổi bổ sung điều lệ. Thể thức soạn thảo lại điều lệ cũng tương tự.



Trong những hoàn cảnh cụ thể khi cơ chế đặc biệt được áp dụng (như minh họa tại Hình 1), thể thức sửa đổi bổ sung điều lệ sẽ thay đổi và một vài trong số các bước nêu trên sẽ được bỏ qua hoặc được bổ sung theo quy định của pháp luật.

ĐHĐCĐ có quyền thông qua những nội dung sửa đổi bổ sung trong Điều lệ Công ty nếu được số cổ đông đại diện trên 50% (trong một số trường hợp 65%) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận.⁹ Tuy nhiên, điều lệ cũng có thể quy định một tỷ lệ cao hơn.¹⁰

3.1.6. Phản đối các Sửa đổi, Bổ sung Điều lệ Công ty

Theo quy định của pháp luật, khi một cổ đông biểu quyết không thông qua nghị quyết về tổ chức lại công ty hoặc thay đổi về quyền và/hoặc nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ Công ty, cổ đông đó có quyền yêu cầu công ty

⁹ Khoản 1 và 2, Điều 148, LDN.

¹⁰ Bất chấp các quy định của Luật doanh nghiệp, những cam kết của Việt Nam khi gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới cho phép doanh nghiệp nước ngoài quy định rằng bất kỳ vấn đề nào trong thẩm quyền của ĐHĐCĐ (bao gồm cả việc sửa đổi bổ sung điều lệ) đều có thể thông qua nếu giành được đa số phiếu bầu.

GIỚI THIỆU VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

CƠ CẤU QUẢN TRỊ CÔNG TY

TÀI LIỆU NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

GIỚI THIỆU VỀ QUYỀN CỦA CỔ ĐÔNG

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

BAN GIÁM ĐỐC

THỦ KÝ CÔNG TY

MỐI TRƯỜNG KIỂM SOÁT

CÔNG BỐ THÔNG TIN

GIỚI THIỆU VỀ NGƯỜI CỎ LIÊN QUAN (GỎU)

CỐ TỨC

VỐN ĐỂ LỆ

mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu này phải được gửi đến công ty trong thời hạn mười ngày làm việc, kể từ ngày ĐHĐCĐ thông qua quyết định liên quan đến những thay đổi đó.¹¹ Giá mua lại cổ phần có thể là:¹²

- Giá thị trường.
- Giá được tính theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Công ty (nếu có quy định).
- Giá do một tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp do các bên lựa chọn đưa ra.¹³

3.1.7. Đăng ký các Nội dung Sửa đổi Bổ sung Điều lệ Công ty

Luật pháp yêu cầu đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh có thẩm quyền khi có bất kỳ thay đổi nào trong nội dung hồ sơ đăng ký kinh doanh, bao gồm cả Điều lệ Công ty.¹⁴ Trên thực tế, công ty thường đăng ký điều lệ sửa đổi bổ sung với cơ quan đăng ký kinh doanh đồng thời với việc đăng ký thay đổi trong nội dung của giấy đăng ký kinh doanh (ví dụ: tăng vốn điều lệ, thay đổi ngành nghề kinh doanh).

Hồ sơ cần nộp cho Cơ quan đăng ký kinh doanh để phản ánh những thay đổi trong nội dung ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp:¹⁵

- Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp.
- Nghị quyết của ĐHĐCĐ thông qua nội dung thay đổi.
- Điều lệ sửa đổi.
- Các tài liệu khác liên quan đến các trường hợp thay đổi quy định tại Chương VI, Nghị định 01/2021/NĐ-CP về đăng ký doanh nghiệp.

¹¹ Khoản 1, Điều 132, LDN.

¹² Khoản 2, Điều 132, LDN.

¹³ Khoản 2, Điều 132, LDN: Công ty giới thiệu ít nhất 03 tổ chức thẩm định giá để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

¹⁴ Khoản 1, Điều 31, LDN.

¹⁵ Điều 47, Nghị định 01/2021/NĐ-CP

3.1.8. Khi nào thì những Sửa đổi Bổ sung trong Điều lệ Công ty có hiệu lực?

Mặc dù pháp luật không quy định rõ khi nào những nội dung sửa đổi bổ sung trong điều lệ có hiệu lực, nhưng vì ĐHĐCĐ có quyền thông qua bất kỳ thay đổi nào trong điều lệ nên có thể kết luận rằng những nội dung được sửa đổi bổ sung trong điều lệ sẽ có hiệu lực kể từ ngày những nội dung đó được ĐHĐCĐ thông qua.¹⁶

3.1.9. Công khai Điều lệ Công ty

Điều lệ là nguồn cung cấp thông tin quan trọng cho cổ đông và các nhà đầu tư tiềm năng. Điều lệ gốc, cùng những sửa đổi bổ sung đối với điều lệ, cần được lưu giữ tại trụ sở chính hoặc địa điểm khác được quy định trong Điều lệ Công ty với thời hạn lưu giữ thực hiện theo quy định của pháp luật.¹⁷ Cổ đông của công ty được quyền xem xét, tra cứu, trích lục Điều lệ Công ty cùng những nội dung sửa đổi điều lệ.¹⁸

Bộ Nguyên tắc Quản trị Công ty theo Thông lệ tốt nhất của Việt Nam khuyến nghị rằng HĐQT bảo đảm để công ty công khai những thông tin cập nhật và có liên quan về hoạt động và cơ cấu quản trị công ty trên trang thông tin điện tử và trong các báo cáo thường niên. Tối thiểu, công ty phải công khai các chính sách và điều lệ quản trị công ty theo bộ nguyên tắc này.¹⁹

16 Với những sửa đổi bổ sung trong nội dung đăng ký kinh doanh của công ty cần được cơ quan cấp phép đăng ký kinh doanh chấp thuận (ví dụ: hoạt động kinh doanh, người đại diện theo pháp luật, hoặc vốn điều lệ), những nội dung đó chỉ có thể có hiệu lực kể từ ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi bổ sung, dù những thay đổi đó đã được ghi vào điều lệ công ty kể từ ngày được ĐHĐCĐ.

17 Điều 11, LDN

18 Điều 115, LDN.

19 Bộ Nguyên tắc Quản trị Công ty theo Thông lệ tốt nhất của Việt Nam, Nguyên tắc 8.3, Thông lệ Khuyến nghị 8.3.1.

- GỚI THIỆU VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
- CƠ CẤU QUẢN TRỊ CÔNG TY
- TÀI LIỆU NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY**
- GỚI THIỆU VỀ QUYỀN CỦA CỔ ĐÔNG
- ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
- HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
- BAN GIÁM ĐỐC
- THỦ KÝ CÔNG TY
- MỘT TRƯỞNG KIỂM SOÁT
- CÔNG BỐ THÔNG TIN
- GAO DI CHỨC VỚI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN (GỎI LƯU)
- CỐ TỨC
- VỐN ĐIỀU LỆ

3.2. Quy chế Nội bộ về Quản trị Công ty

Bộ quy chế quản trị công ty ở cấp công ty, trong vai trò quy chế nội bộ, là tuyên bố về nguyên tắc thiết lập kỳ vọng đối với hoạt động quản trị của công ty. Quy chế QTCT bao gồm một tập hợp các mối quan hệ giữa ban giám đốc, HĐQT, cổ đông và các bên có quyền lợi liên quan khác của công ty. Quy chế cũng thiết lập khuôn khổ để đặt ra các mục tiêu của công ty, xác định phương tiện để đạt được những mục tiêu đó, và giám sát kết quả thực hiện.

Có thể tham khảo Mẫu Quy chế Quản trị Công ty (Mẫu Quy chế Nội bộ về Quản trị Công ty) tại Phụ lục 2 đính kèm Thông tư số 116/2020/TT-BTC của BTC, bao gồm những nội dung sau đây:²⁰

- Đại hội Đồng Cổ đông
 - o Vai trò, quyền và nghĩa vụ của ĐHĐCĐ.
 - o Trình tự, thủ tục họp ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết.
 - o Trình tự, thủ tục họp ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.
 - o Trình tự, thủ tục họp ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến (bao gồm trình tự, thủ tục tổ chức cuộc họp và biểu quyết).
 - o Trình tự, thủ tục họp ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến (bao gồm trình tự, thủ tục tổ chức cuộc họp và biểu quyết).
 - o Các hình thức họp ĐHĐCĐ khác.
- HĐQT
 - o Vai trò, quyền và nghĩa vụ của HĐQT, trách nhiệm của thành viên HĐQT (bao gồm cả quyền được cung cấp thông tin của thành viên HĐQT).
 - o Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên HĐQT.
 - o Thù lao và lợi ích khác của thành viên HĐQT.

²⁰ Phụ lục II, Thông tư 116/2020/TT-BTC.

- o Trình tự và thủ tục tổ chức họp HĐQT.
- o Các ủy ban trực thuộc HĐQT.
- o Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty.
- Ban Kiểm soát (BKS)
 - o Vai trò, quyền và nghĩa vụ của BKS, trách nhiệm của thành viên BKS.
 - o Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên BKS.
- Tổng Giám đốc
 - o Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của TGD.
 - o Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với TGD.
- Các quy định khác
 - o Phối hợp hoạt động giữa HĐQT, BKS, và TGD.
 - o Đánh giá hàng năm đối với hoạt động khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên HĐQT, BKS, TGD và các người điều hành doanh nghiệp khác.
 - o Các vấn đề khác (nếu có).

Ma trận Tiến độ Quản trị Công ty của IFC²¹ dành cho các công ty niêm yết để cập đến các chính sách bằng văn bản và bộ quy tắc quản trị công ty, trong đó ít nhất đề cập đến vai trò của HĐQT, quyền và đối xử với cổ đông và các bên có quyền lợi liên quan khác, việc tuân thủ luật pháp, tính minh bạch và công bố thông tin, đồng thời nêu rõ các mục tiêu và nguyên tắc định hướng đối với công ty.

Bằng việc thông qua, tuân thủ và cập nhật quy tắc quản trị công ty ở cấp độ công ty một cách thường xuyên, công ty khẳng định quyết tâm xây dựng và thúc đẩy quản trị công ty hiệu quả. Tuy nhiên, để tạo dựng niềm tin của cổ đông, người lao động, nhà đầu tư và công chúng, quy tắc quản trị công ty ở cấp độ công ty cần phải tiến thêm một nấc so với quy định của pháp luật và phải áp dụng cả những thông lệ tốt về quản trị công ty đã được công nhận rộng rãi trong nước và trên thế giới.

21 <https://www.ifc.org/en/what-we-do/sector-expertise/corporate-governance/cg-methodology-tools>

GIỚI THIỆU VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

CƠ CẤU QUẢN TRỊ CÔNG TY

TÀI LIỆU NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

GIỚI THIỆU VỀ QUYỀN CỦA CỔ ĐÔNG

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

BAN GIÁM ĐỐC

THỦ TỤC CÔNG TY

MÔI TRƯỜNG KIỂM SOÁT

CÔNG BỐ THÔNG TIN

GAO DI CHÚC VỚI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN (GỎI)

CỐ TỤC

VỐN ĐIỀU LỆ



Thông lệ tốt nhất

Nhiều công ty ở các quốc gia có thông lệ quản trị công ty phát triển đều xây dựng bộ quy tắc quản trị công ty tự nguyện hoặc hướng dẫn về quản trị công ty bên cạnh Điều lệ Công ty. Đa số các bộ quy tắc là những tuyên ngôn ngắn gọn và đơn giản có tính nguyên tắc, thường phản ánh mong muốn của HĐQT và ban giám đốc trong việc điều hành hoạt động kinh doanh của công ty một cách trung thực, công bằng, hợp pháp và có trách nhiệm đối với xã hội.

Những bộ quy tắc và hướng dẫn nội bộ của công ty có thể đề cập đến rất nhiều vấn đề, bao gồm:

- Các vấn đề chung về quản trị công ty:
 - Mục đích và mục tiêu của công ty.
 - Mối quan hệ giữa cổ đông và HĐQT.
 - Mối quan hệ giữa HĐQT với TGD hoặc ban giám đốc.
 - Mối quan hệ giữa cổ đông chi phối và cổ đông thiểu số.
- Thông lệ tốt liên quan đến HĐQT:
 - Cơ cấu thành phần, bao gồm cả thành viên HĐQT độc lập.
 - Số lượng và cơ cấu các ủy ban.
 - Quy trình làm việc chung.
 - Thù lao của thành viên HĐQT không điều hành.
- Thông lệ tốt liên quan đến ban giám đốc:
 - Đãi ngộ và thù lao.
 - Phối hợp và quan hệ với HĐQT.
- Thông lệ tốt liên quan đến BKS:
 - Cơ cấu thành phần, bao gồm cả trình độ của các thành viên BKS.
 - Trách nhiệm và quy trình làm việc của BKS.
 - Mối quan hệ giữa BKS và HĐQT, ĐHĐCĐ và cổ đông.
 - Cơ chế đảm bảo sự độc lập của BKS khi thực hiện trách nhiệm.
 - Đãi ngộ và thù lao đối với thành viên BKS.
- Quyền của Cổ đông:
 - Tổ chức và điều hành ĐHĐCĐ.
 - Bảo vệ cổ đông thiểu số.
 - Công khai giao dịch với các bên có quyền lợi liên quan.
 - Chính sách cổ tức của công ty.



- Các Vấn đề về Công khai và Minh bạch:
 - *Chức năng kiểm soát nội bộ, bao gồm quản lý rủi ro.*
 - *Chính sách sử dụng dịch vụ kiểm toán, tư vấn độc lập và luân chuyển Kiểm toán Độc lập.*
 - *Chính sách và chuẩn mực kế toán.*
 - *Công khai báo cáo tài chính và thông tin phi tài chính trọng yếu về công ty.*
- Trách nhiệm giải trình của công ty đối với các bên có quyền lợi liên quan:
 - *Truyền thông và quan hệ với các nhà đầu tư và các bên khác có lợi ích liên quan đến công ty và có thể ảnh hưởng đến hoặc chịu ảnh hưởng của công ty. Những bên này bao gồm người lao động, khách hàng, cơ quan quản lý, và cộng đồng bị ảnh hưởng, người lao động theo hợp đồng, người lao động trong chuỗi cung ứng chính, các dự án lân cận, các tổ chức phi chính phủ (NGO), và các tổ chức xã hội dân sự (CSO).*

Những vấn đề được đề cập sẽ phụ thuộc vào mức độ quan trọng của các vấn đề đó đối với công ty. Theo quy định, các bộ quy tắc công ty được HĐQT phê duyệt, được thông báo tới cổ đông và nhà đầu tư, và được công khai trên trang thông tin điện tử của công ty. Bộ quy tắc hoặc hướng dẫn của công ty phải tuân thủ pháp luật, phù hợp với điều lệ, và nhìn chung phải tuân thủ các quy định của bộ quy tắc quản trị công ty liên quan. Tuy nhiên, các bộ quy tắc không thể thay thế điều lệ.

Theo quy định của pháp luật, TGD có quyền kiến nghị và HĐQT có quyền quyết định các quy định nội bộ về quy chế nội bộ về quản trị công ty.²² Theo luật định, HĐQT có thẩm quyền thông qua hoặc thay đổi quy chế nội bộ.

Quy chế quản trị công ty của công ty (cổ phần) phải được công khai trên trang thông tin điện tử của công ty.²³ Bộ Nguyên tắc Quản trị Công ty theo Thông lệ tốt nhất của Việt Nam khuyến khích áp dụng thông lệ này.

22 Khoản 3d, Điều 162, và Khoản 2l, Điều 153, LDN.

23 Khoản 2c, Điều 7, Thông tư 96/2020/TT-BTC.

- GIỚI THIỆU VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
- CƠ CẤU QUẢN TRỊ CÔNG TY
- TÀI LIỆU NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY**
- GIỚI THIỆU VỀ QUY CHẾ VÀ CƠ ĐỒNG
- ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
- HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
- BAN GIÁM ĐỐC
- THỦ KÝ CÔNG TY
- HOẠT ĐỘNG KIỂM SOÁT
- CÔNG BỐ THÔNG TIN
- GAO DỊCH VỚI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN (GOLU)
- CỐ TỨC
- VỐN ĐỀU LỆ

3.3. Quy chế Nội bộ về Hoạt động của HĐQT

Quy chế nội bộ về hoạt động của HĐQT, hay còn gọi là Quy chế Hoạt động của HĐQT, quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của HĐQT và các thành viên HĐQT để hỗ trợ HĐQT thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình. Mặc dù không bắt buộc phải có Quy chế Hoạt động của HĐQT, Quy chế này phải phù hợp với Điều lệ Công ty và không được trái với quy định của pháp luật. Thông tư số 116/2020/TT-BTC cung cấp mẫu quy chế hoạt động của HĐQT, bao gồm các nội dung sau:²⁴

- Thành viên HĐQT:
 - o Quyền và nghĩa vụ của thành viên HĐQT, bao gồm các thành viên độc lập chuẩn bị báo cáo về kết quả hoạt động của HĐQT.
 - o Quyền được cung cấp thông tin của thành viên HĐQT.
 - o Nhiệm kỳ và số lượng thành viên HĐQT.
 - o Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên HĐQT, bao gồm thành viên HĐQT độc lập.
 - o Chủ tịch HĐQT.
 - o Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế, và bổ sung thành viên HĐQT.
 - o Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT.
 - o Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT.
- Hội đồng Quản trị:
 - o Quyền và nghĩa vụ của HĐQT.
 - o Nhiệm vụ và quyền hạn của HĐQT trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch.
 - o Trách nhiệm của HĐQT trong việc triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường.
 - o Các tiểu ban giúp việc HĐQT.
- Cuộc họp HĐQT:
 - o Quy định về cuộc họp HĐQT.

²⁴ Phụ lục III, Thông tư 116/2020/TT-BTC.

- o Biên bản họp HĐQT.
- Báo cáo, công khai các lợi ích:
 - o Trình báo cáo hàng năm.
 - o Thù lao, thưởng, và lợi ích khác của thành viên HĐQT.
 - o Công khai các lợi ích liên quan.
- Mối quan hệ của HĐQT:
 - o Mối quan hệ giữa các thành viên HĐQT.
 - o Mối quan hệ với Ban điều hành.
 - o Mối quan hệ với BKS hoặc UBKT, và các tiểu ban khác thuộc HĐQT.

Quy chế hoạt động của HĐQT phải được HĐQT thông qua và công bố trên trang thông tin điện tử của công ty.²⁵



Thông lệ tốt nhất

Điều lệ HĐQT có ý nghĩa then chốt trong việc thúc đẩy các hoạt động quản trị tốt. Điều lệ đóng vai trò một khung chính sách toàn diện, mô tả các quy chế hoạt động của HĐQT và quy định chính thức việc áp dụng các nguyên tắc quản trị hiệu quả, phù hợp với nhu cầu riêng của từng HĐQT. Điều lệ xác định rõ vai trò, trách nhiệm, và thẩm quyền của các thành viên HĐQT, bao gồm cả vai trò, trách nhiệm, và thẩm quyền của cá nhân và tập thể, và mối quan hệ của HĐQT với ban giám đốc, cổ đông và các bên có quyền lợi liên quan khác của công ty.

Việc đưa nội dung về sự tham gia của các bên có quyền lợi liên quan trong Điều lệ HĐQT là thông lệ tốt để bảo đảm trách nhiệm giải trình và minh bạch. Điều lệ cần xác định trách nhiệm của HĐQT, thiết lập các cơ chế tham gia, và đặt ra các tiêu chí để đánh giá hiệu quả của sự tham gia. Điều này cải thiện việc HĐQT đại diện hiệu quả cho lợi ích của các bên có quyền lợi liên quan.

25 Khoản 2c, Điều 7, Thông tư 96/2020/TT-BTC

- GIỚI THIỆU VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
- CƠ CẤU QUẢN TRỊ CÔNG TY
- TÀI LIỆU NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY**
- GIỚI THIỆU VỀ QUYỀN CỬA CỔ ĐÔNG
- ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
- HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
- BAN GIÁM ĐỐC
- THỦ TƯỚNG CÔNG TY
- HỘI TRƯỞNG KIỂM SÁT
- CÔNG BỐ THÔNG TIN
- GAO DỊCH VỚI NGƯỜI CÙNG LIÊN QUAN (GOLU)
- CỐ TỨC
- VỐN ĐIỀU LỆ

3.4. Quy chế Nội bộ về Hoạt động của Ban Kiểm soát

Quy chế nội bộ về hoạt động của BKS (hay còn gọi là Quy chế Hoạt động BKS) quy định cơ cấu tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn, và phương thức làm việc của BKS và các thành viên BKS. Quy chế cũng bao gồm thông tin về mối quan hệ giữa BKS với HĐQT, ban giám đốc, và cổ đông. Mặc dù không bắt buộc phải có Quy chế Hoạt động của BKS, quy chế này phải phù hợp với LDN, Điều lệ Công ty, và các quy định liên quan. Mẫu Quy chế Hoạt động của BKS bao gồm các nội dung sau:²⁶

- Thành viên Ban Kiểm soát:
 - o Quyền, nghĩa vụ, và trách nhiệm của thành viên BKS.
 - o Nhiệm kỳ và số lượng thành viên BKS.
 - o Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên BKS.
- Trưởng Ban Kiểm soát:
 - o Đề cử thành viên BKS
 - o Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên BKS.
 - o Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên BKS.
 - o Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên BKS.
- Ban Kiểm soát:
 - o Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của BKS.
 - o Quyền được cung cấp thông tin của BKS.
 - o Trách nhiệm của BKS trong việc triệu tập họp bất thường ĐHĐCĐ.
- Cuộc họp của Ban Kiểm soát:
 - o Quy chế họp BKS.
 - o Biên bản họp BKS.

- Báo cáo và công khai lợi ích:
 - o Trình báo cáo hàng năm.²⁷
 - o Tiền lương và quyền lợi khác.
 - o Công khai các lợi ích liên quan.
- Mối quan hệ của BKS:
 - o Mối quan hệ giữa các thành viên BKS.
 - o Mối quan hệ với ban điều hành.
 - o Mối quan hệ với HĐQT.

GIỚI THIỆU VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
CƠ CẤU QUẢN TRỊ CÔNG TY
TÀI LIỆU NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
GIỚI THIỆU VỀ QUYỀN CỦA CỔ ĐÔNG
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
BAN GIÁM ĐỐC
THỦ KÝ CÔNG TY
MỘT TRƯỞNG KIỂM SOÁT
CÔNG BỐ THÔNG TIN
GAO DI CHỨC VỚI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN (GOLU)
CỐ TỨC
VỐN ĐIỀU LỆ

27 Điều 16, Chương 4, Phụ lục V, Thông tư 116/2020/TT-BTC, bao gồm báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát.

3.5. Quy chế Nội bộ về Hoạt động của Ủy ban Kiểm toán

Quy chế nội bộ về hoạt động của Ủy ban Kiểm toán (Quy chế Hoạt động của UBKT) quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của UBKT và các thành viên UBKT để bảo đảm UBKT hoạt động theo đúng quy định tại LDN, Điều lệ Công ty, và các quy định khác liên quan của pháp luật. Mẫu quy chế hoạt động của UBKT, được ban hành kèm theo Thông tư số 116/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính, bao gồm các nội dung sau:²⁸

- Các nguyên tắc hoạt động của UBKT.
- Quyền và nghĩa vụ của UBKT.
- Giám sát hoạt động kiểm toán nội bộ và các đơn vị cung cấp bảo đảm khác.
- Thành phần UBKT.
- Các cuộc họp của UBKT.
- Tự đánh giá hàng năm đối với ủy ban.
- Báo cáo hoạt động của thành viên HĐQT độc lập trong UBKT tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên.

28 Phụ lục V, Thông tư 116/2020/TT-BTC.



Thông lệ tốt nhất

Mẫu Quy chế Hoạt động của UBKT của Viện Kiểm toán Nội bộ.²⁹

★ Nguyên tắc Tổ chức

- Giới thiệu [Tùy chọn]
- Thông tin cơ sở [Tùy chọn]
- Mục đích
- Nhiệm vụ [Tùy chọn]
- Thẩm quyền
- Thành phần UBKT
- Chủ tịch UBKT
- Nhiệm kỳ
- Số thành viên

★ Nguyên tắc Hoạt động

- Các giá trị của UBKT
- Truyền thông
- Kế hoạch Làm việc
- Chương trình Hợp
- Yêu cầu Thông tin
- Phiên Điều hành
- Chuẩn bị và Tham dự
- Xung đột Lợi ích
- Định hướng và Đào tạo

★ Thể thức Hoạt động

- Các cuộc họp
- Biên bản
- Số thành viên tham dự yêu cầu
- Dịch vụ Thư ký
- Lương thưởng của Thành viên UBKT
- Trách nhiệm
- Giá trị và Đạo đức
- Quản trị Hoạt động
- Quản lý Rủi ro
- Gian lận
- Kiểm soát
- Tuân thủ

★ Giám sát Hoạt động của Kiểm toán Nội bộ và Nhà cung cấp Bảo đảm Khác

- Hoạt động Kiểm toán Nội bộ
- Kiểm toán Độc lập
- Báo cáo Tài chính và Công khai
- Báo cáo Trách nhiệm Giải trình
- Trách nhiệm Khác
- Báo cáo về Kết quả Hoạt động UBKT
- Phê duyệt/Chữ ký

29 Điều lệ Ủy ban Kiểm toán mẫu (theiia.org)

GIỚI THIỆU
VE QUẢN TRỊ
CÔNG TY

CƠ CẤU
QUẢN TRỊ
CÔNG TY

TÀI LIỆU NỘI BỘ
VE QUẢN TRỊ
CÔNG TY

GIỚI THIỆU VỀ
QUYỀN CỦA
CƠ ĐỒNG

ĐẠI HỘI
ĐỒNG CƠ ĐỒNG

HỘI ĐỒNG
QUẢN TRỊ

BAN GIÁM ĐỐC

THỦ KÝ CÔNG TY

HỘI TRƯỞNG
KIỂM SOÁT

CÔNG BỐ
THÔNG TIN

GIAO DỊCH VỚI
NGƯỜI CÓ LIÊN
QUAN (GOLU)

CỐ TỨC

VỐN ĐIỀU LỆ

3.6. Quy tắc Ứng xử và Đạo đức Kinh doanh của Công ty

Quy tắc Ứng xử và Đạo đức Kinh doanh (còn được gọi là Quy tắc Ứng xử, hoặc Quy tắc Đạo đức hoặc Tuyên ngôn về Trách nhiệm) là định hướng cơ bản về cách ứng xử là bổn phận của cán bộ và nhân viên công ty đối với các bên có quyền lợi liên quan. Các bên có quyền lợi liên quan có thể bao gồm đồng nghiệp, khách hàng, đối tác kinh doanh (ví dụ: nhà cung cấp), chính quyền, và xã hội bên ngoài.

Quy tắc Ứng xử và Đạo đức Kinh doanh:

- **Nâng cao danh tiếng/hình ảnh của công ty:** danh tiếng và hình ảnh của công ty là tài sản vô hình gắn liền với công ty. Xây dựng Quy tắc Ứng xử và Đạo đức Kinh doanh là cách làm hiệu quả để công ty thể hiện giá trị mà công ty đặt vào các thông lệ tốt trong kinh doanh.
- **Cải thiện năng lực quản lý rủi ro và ứng phó với khủng hoảng:** Quy tắc Ứng xử và Đạo đức Kinh doanh sẽ giúp ban giám đốc và các thành viên HĐQT nhận thức được các vấn đề tiềm tàng trước khi xuất hiện khủng hoảng quy mô lớn, vì Quy tắc Ứng xử và Đạo đức Kinh doanh khuyến khích người lao động phát hiện và ứng phó với những vấn đề liên quan tới đạo đức nghề nghiệp theo cách có trách nhiệm.
- **Xây dựng văn hóa công ty và đề cao các giá trị của công ty:** Việc phổ biến Quy tắc Ứng xử và Đạo đức Kinh doanh tới mọi cán bộ và nhân viên trong công ty có thể góp phần xây dựng một môi trường văn hóa gắn kết, dựa trên các giá trị chung, giúp định hướng cho các nhân viên trong công việc hàng ngày.
- **Tăng cường giao tiếp giữa các bên có quyền lợi liên quan:** Quy tắc Ứng xử và Đạo đức Kinh doanh truyền tải tín hiệu rõ nét về công ty tới các bên có quyền lợi liên quan trong những giai đoạn khó khăn, truyền đi thông điệp về cam kết của công ty đối với việc tuân thủ đạo đức và nhấn mạnh rằng những vi phạm nếu có chỉ là ngoại lệ và hiếm xảy ra.
- **Tránh tranh chấp và kiện tụng:** Quy tắc Ứng xử và Đạo đức Kinh doanh được triển khai hiệu quả có thể góp phần giảm thiểu rủi ro liên quan đến tranh chấp và kiện tụng bắt nguồn từ gian lận, xung đột lợi ích, tham nhũng, hối lộ, và giao dịch nội gián.

Mọi công ty đều có những đặc điểm riêng phản ánh quy mô và mục tiêu của ngành, cũng như văn hóa kinh doanh, giá trị, thành phần cổ đông tương ứng, và nhiều yếu tố khác. Quy tắc Ứng xử và Đạo đức Kinh doanh của công ty cần phản ánh những khác biệt này.

Việc soạn thảo Quy tắc Ứng xử và Đạo đức Kinh doanh không chỉ đơn thuần là công việc mang tính giấy tờ. Việc xây dựng Quy tắc Ứng xử và Đạo đức Kinh doanh có ý nghĩa ở cả quá trình cũng như kết quả. Khi đánh giá về sự cần thiết của Quy tắc Ứng xử và Đạo đức Kinh doanh, công ty cần bắt đầu bằng cách nguyên cứu môi trường đạo đức nội bộ của công ty, những chỉ dẫn về đạo đức mà cán bộ và nhân viên của công ty nhận được, rủi ro mà công ty có thể gặp phải nếu không có Quy tắc Ứng xử và Đạo đức Kinh doanh.³⁰ Bước thứ hai, công ty cần nỗ lực có được sự chấp thuận và ủng hộ nội bộ, từ người quản lý cao cấp tới người lao động bình thường của công ty để Quy tắc Ứng xử và Đạo đức Kinh doanh thực sự trở thành kim chỉ nam cho ứng xử đạo đức của công ty. Quan trọng hơn, công ty cần đảm bảo thực hiện tham vấn rộng rãi trong quá trình xây dựng bộ quy tắc.³¹ Khi Quy tắc Ứng xử và Đạo đức Kinh doanh được trình HĐQT thông qua, tất cả cán bộ nhân viên của công ty cần phải thông suốt về bộ quy tắc vì chính họ là những người soạn thảo bộ quy tắc – đây chính là quy trình nhằm bảo đảm sự chấp nhận và góp phần triển khai dễ dàng hơn. Công ty cũng cần nhận thức rõ rằng “tôn chỉ lãnh đạo” có ý nghĩa quan trọng, và cam kết công khai và rõ ràng của đội ngũ quản lý cao cấp và thành viên HĐQT là chìa khóa để thực hiện thành công Quy tắc Ứng xử và Đạo đức Kinh doanh của công ty. Bộ quy tắc đã được phê duyệt phải được công khai và cung cấp cho công chúng trên trang thông tin điện tử của công ty.

Quy tắc Ứng xử và Đạo đức Kinh doanh phải thân thiện với người sử dụng (tức là cung cấp những chỉ dẫn thực tế cho người quản lý và nhân viên của công ty về cách thức xử lý các vấn đề liên quan đến đạo đức có thể phát sinh trong công việc hàng ngày của công ty).³² HĐQT phải bảo đảm việc thực

30 Kenneth Johnson và Igor Abramov, *Đạo đức Kinh doanh: Hướng dẫn quản lý doanh nghiệp có trách nhiệm*, Chương 3, trang 45-46 và Chương 5, trang 93-97.
 31 *Nhiều công ty có thể chọn cách thành lập một nhóm công tác đặc biệt hoặc tổ công tác đặc biệt, bao gồm đại diện của tất cả các cấp để xây dựng dự thảo đầu tiên về Quy tắc Ứng xử và Đạo đức Kinh doanh của công ty và trình Hội đồng quản trị thông qua. Xem thêm: Kenneth Johnson và Igor Abramov, Đạo đức Kinh doanh: Hướng dẫn quản lý doanh nghiệp có trách nhiệm, trang 57-61.*
 32 *Bản thân Quy tắc Ứng xử và Đạo đức Kinh doanh của công ty cũng nên có quy trình cụ thể để phản ánh một vấn đề đạo đức (“trước hết gặp cấp trên trực tiếp, sau đó...”), và thậm chí nên có quy trình để nghị điều chỉnh nội dung trong bộ quy tắc. Quy tắc Ứng xử và Đạo đức Kinh doanh nội bộ của công ty cũng nên có mô hình ra quyết định liên quan đến các vấn đề đạo đức (“Bước một: Kiểm tra thông tin, Bước hai: ...”). Xem thêm: Kenneth Johnson và Igor Abramov, Đạo đức Kinh doanh: Hướng dẫn quản lý doanh*

- GIỚI THIỆU VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
- CƠ CẤU QUẢN TRỊ CÔNG TY
- TÀI LIỆU NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY**
- GIỚI THIỆU VỀ QUY TẮC VÀ ĐẠO ĐỨC KINH DOANH
- ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
- HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
- BAN GIÁM ĐỐC
- THỦ KÝ CÔNG TY
- MỐI TRƯỞNG KIỂM SOÁT
- CÔNG BỐ THÔNG TIN
- GAO ĐỨC VỚI NGƯỜI CỘNG LIÊN QUAN (GIAO LƯU)
- CỐ TỨC
- VỐN ĐẾU LỆ

hiện phù hợp và hiệu quả và giám sát việc tuân thủ Quy tắc Ứng xử và Đạo đức Kinh doanh cũng như các chính sách nội bộ. Để hỗ trợ bộ quy tắc, công ty nên tiến hành một chiến dịch truyền thông và nâng cao nhận thức, đào tạo liên tục để củng cố bộ quy tắc, giám sát và thực hiện nghiêm ngặt, đồng thời thiết lập các phương thức thích hợp để người lao động có thể lên tiếng và giải quyết các vấn đề mà không sợ bị trả thù. HĐQT là đầu mối và chịu trách nhiệm chung về quản trị công ty, thành công lâu dài của công ty và mang lại giá trị bền vững cho các bên có quyền lợi liên quan. HĐQT phải là tấm gương mẫu mực để người quản lý và nhân viên công ty noi theo.

Cả Ma trận Tiến bộ Quản trị Công ty của IFC và Bộ Nguyên tắc Quản trị Công ty theo Thông lệ tốt nhất của Việt Nam đều khuyến nghị rằng HĐQT cần bảo đảm để công ty áp dụng và thực hiện Quy tắc Ứng xử và Đạo đức Kinh doanh.




Thông lệ tốt nhất

Thù lao cho thành viên HĐQT không điều hành và thành viên BKS

Việc thưởng theo kết quả kinh doanh cho Hội đồng Quản trị, đặc biệt là các thành viên HĐQT không điều hành và thành viên BKS, không phải là thông lệ tốt.

Thông lệ tốt nhất cho thù lao của thành viên HĐQT không điều hành thường bao gồm việc cân bằng thù lao hợp lý với bản chất vai trò và trách nhiệm của họ. Thù lao phải phản ánh cam kết về thời gian, trách nhiệm, và mức độ phức tạp của công ty mà thành viên HĐQT phục vụ. Thông thường, thành viên HĐQT không điều hành được trả một khoản phí cố định thay vì các khoản thưởng dựa trên kết quả kinh doanh để duy trì tính độc lập và khách quan. Thù lao bổ sung có thể được trả cho chủ tịch và thành viên các ủy ban do họ có thêm trách nhiệm.

Cơ cấu thù lao được thiết lập không phù hợp có thể làm giảm sự khách quan của thành viên HĐQT không điều hành theo nhiều cách. Ví dụ: Nếu thành viên HĐQT không điều hành nhận được tiền thưởng theo kết quả kinh doanh, tức là tiền thưởng gắn với mục tiêu tài chính, điều đó có thể khuyến khích họ ưu tiên kết quả tài chính tức thời hơn là ổn định lâu dài và các cân nhắc về đạo đức. Trả thưởng bằng cổ phiếu là một con dao hai lưỡi khác. Mặc dù quyền chọn cổ phiếu hoặc cổ phần có thể gắn lợi ích của thành viên HĐQT không điều hành phù hợp với lợi ích của công ty, nhưng cách làm này cũng có thể làm giảm tính độc lập bằng cách khiến thành viên HĐQT không điều hành tập trung nhiều hơn vào biến động giá cổ phiếu thay vì sức khỏe và quản trị chung của công ty. 

Các công ty cũng nên tránh trả thù lao quá mức vì điều này có thể gây xung đột lợi ích khi thành viên HĐQT tập trung vào việc làm thế nào để được tái đắc cử thay vì giá trị dài hạn của công ty. Do đó, điều quan trọng là phải thường xuyên rà soát mức lương của thành viên HĐQT theo các tiêu chuẩn ngành để bảo đảm tính cạnh tranh và công bằng.

Tương tự như vậy, mặc dù không có hướng dẫn chung về việc thiết lập cơ cấu thù lao cho các thành viên của BKS, nhất thiết phải cân nhắc những vấn đề sau đây.

Không Áp dụng Tiền thưởng dựa trên Kết quả Kinh doanh: Để đảm bảo tính độc lập, các thành viên BKS không nên được thưởng dựa trên kết quả kinh doanh, vốn là chế độ phổ biến đối với các thành viên HĐQT điều hành.

Cân bằng Thù lao Cố định và Biến đổi: Mặc dù thù lao cố định (như khoản thù lao cố định hàng năm) là phổ biến, thù lao biến đổi (như quyền chọn cổ phiếu) ít phổ biến hơn đối với thành viên BKS để duy trì tính độc lập. Nếu sử dụng, chính sách thù lao này cần được xây dựng thận trọng để không làm giảm tính khách quan của thành viên BKS.

Thường xuyên Rà soát Chính sách Thù lao: Chính sách nên được rà soát thường xuyên để đảm bảo sự phù hợp và tính cạnh tranh.

Thông thường, thù lao của các thành viên BKS bao gồm một khoản thù lao cố định.

Tính minh bạch trong việc xác định thù lao cũng là chìa khóa để duy trì hoạt động quản trị tốt. OECD* đề xuất về việc nên có một ủy ban thù lao độc lập hoặc một cơ quan tương tự giám sát thù lao của thành viên HĐQT.

★ OECD (2011), Hoạt động của Hội đồng Quản trị: Chính sách Lương thưởng và Quản lý Rủi ro, Quản trị Công ty, OECD Publishing. <http://dx.doi.org/10.1787/9789264113534-en>

- GIỚI THIỆU VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
- CƠ CẤU QUẢN TRỊ CÔNG TY
- TÀI LIỆU NỐI BÒ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY**
- GIỚI THIỆU VỀ QUYỀN CỦA CỔ ĐÔNG
- ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
- HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
- BAN GIÁM ĐỐC
- THỦ KÝ CÔNG TY
- HOẠT ĐỘNG KIỂM SOÁT
- CÔNG BỐ THÔNG TIN
- GAO DI CH VỚI NGƯỜI CÒI LIÊN QUAN (GOLU)
- CỐ TỨC
- VỐN ĐIỀU LỆ

NOTES

A series of 20 horizontal dashed lines for writing notes.

Chương 4

GIỚI THIỆU VỀ QUYỀN CỦA CỔ ĐÔNG

4 | Giới thiệu về Quyền của Cổ đông



Mục lục

4.1. Phân loại Cổ phần	97
4.1.1. Cổ phần Phổ thông	97
4.1.2. Cổ phần Ưu đãi	97
4.2. Các Quyền Chung của Cổ đông	101
4.3. Các Quyền Cụ thể của Cổ đông	104
4.3.1. Quyền Biểu quyết	104
4.3.2. Quyền được Nhận Thông tin	110
4.3.3. Quyền được Xem xét, Tra cứu Danh sách Cổ đông	111
4.3.4. Quyền được Nhận Cổ tức	112
4.3.5. Quyền Tự do Chuyển nhượng Cổ phần	113
4.3.6. Quyền Từ chối Đầu tiên và Quyền Ưu tiên Mua Cổ phần	114
4.3.7. Quyền Yêu cầu Công ty Mua lại Cổ phần	117
4.3.8. Quyền Triệu tập ĐHĐCĐ	119
4.3.9. Quyền Đề cử Thành viên HĐQT và BKS	119
4.3.10. Hạn chế đối với Cổ đông Sáng lập	120
4.3.11. Quyền đối với Tài sản của Công ty khi Thanh lý Công ty	120
4.4. Nhà nước với Tư cách là Cổ đông	121
4.5. Đăng ký Cổ đông	126
4.5.1. Sổ đăng ký Cổ đông	126
4.5.2. Đăng ký cổ đông của Công ty đại chúng	127

GIỚI THIỆU
VE QUẢN TRỊ
CÔNG TY

CƠ CẤU
QUẢN TRỊ
CÔNG TY

TÀI LIỆU NỘI BỘ
VE QUẢN TRỊ
CÔNG TY

GIỚI THIỆU VỀ
QUYỀN CỦA
CỔ ĐÔNG

ĐẠI HỘI
ĐỒNG CỔ ĐÔNG

HỘI ĐỒNG
QUẢN TRỊ

BAN GIÁM ĐỐC

THỦ KÝ CÔNG TY

MỘT TRƯỞNG
KIỂM SÁT

CÔNG BỐ
THÔNG TIN

GAO DỊCH VỚI
NGƯỜI CÒI LIÊN
QUAN (GỎI L)

CỐ TỨC

VỐN ĐIỀU LỆ

4.

Mục lục

4.6. Bảo vệ Quyền của Cổ đông	129
4.6.1. Bảo đảm bởi Luật Doanh nghiệp Việt Nam	129
4.6.2. Hoạt động của Cổ đông	135
4.6.3. Thỏa ước Cổ đông	135
4.7. Nghĩa vụ của Cổ đông	137
4.7.1. Nghĩa vụ Thanh toán Đầy đủ các Cổ phần Đăng ký Mua	137
4.7.2. Nghĩa vụ Đối với các Khoản nợ và các Nghĩa vụ khác của Công ty	137
4.7.3. Các Nghĩa vụ khác	137



Những vấn đề Chủ tịch HĐQT cần lưu ý

- Điều lệ Công ty có bảo vệ các quyền của cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp (LDN), Luật Chứng khoán, Điều lệ Mẫu áp dụng cho các công ty niêm yết, và Quy chế Quản trị Công ty (ban hành kèm theo Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính) và các quy định khác có liên quan? Các thành viên HĐQT có áp dụng các biện pháp thích hợp để đảm bảo rằng quyền lợi của cổ đông được tôn trọng?
- Các thành viên HĐQT có áp dụng các biện pháp để khuyến khích cổ đông thực hiện các quyền của họ, đặc biệt là quyền biểu quyết không?
- Cổ đông có tổ chức thành nhóm để cùng nhau thực hiện các quyền của họ không?
- Cổ đông có được quyền tiếp cận không hạn chế với thông tin về công ty theo quy định của LDN và Luật Chứng khoán? Yêu cầu của cổ đông về thông tin có được thực hiện đầy đủ, đúng đắn và kịp thời không?
- HĐQT công ty có cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời cho các cơ quan đăng ký và các tổ chức có thẩm quyền thông tin về công ty, đặc biệt là thông tin liên quan tới quyền của cổ đông?
- Ban giám đốc có đảm bảo rằng Điều lệ Công ty, quy chế nội bộ, và tài liệu nội bộ khác không quy định thêm nghĩa vụ khác của cổ đông ngoài nghĩa vụ đã được luật pháp quy định rõ ràng?
- Cổ đông có cơ hội, được chứng minh bằng một nội dung trong chương trình họp HĐQT, phê duyệt thù lao (phí, trợ cấp, phúc lợi bằng hiện vật, và các khoản thù lao khác) hoặc mọi thay đổi trong cơ cấu thù lao cho thành viên HĐQT không?
- Công ty có cung cấp cho các cổ đông không kiểm soát quyền để cử thành viên cho HĐQT không?
- Công ty có cho phép cổ đông bầu thành viên HĐQT một cách riêng lẻ không?
- Trong trường hợp sáp nhập, mua lại và/hoặc tiếp quản mà cần có chấp thuận của cổ đông, HĐQT có chỉ định một bên độc lập để đánh giá sự công bằng của giá giao dịch không?



GIỚI THIỆU
VỀ QUẢN TRỊ
CÔNG TY

CƠ CẤU
QUẢN TRỊ
CÔNG TY

TÀI LIỆU NỘI BỘ
VỀ QUẢN TRỊ
CÔNG TY

GIỚI THIỆU VỀ
QUYỀN CỦA
CỔ ĐÔNG

ĐẠI HỘI
ĐỒNG CỔ ĐÔNG

HỘI ĐỒNG
QUẢN TRỊ

BAN GIÁM ĐỐC

THỦ KÝ CÔNG TY

MỘI TRƯỞNG
KIỂM SOÁT

CÔNG BỐ
THÔNG TIN

GIAO DỊCH VỚI
NGƯỜI CÓ LIÊN
QUAN (GOLU)

CỐ TỨC

VỐN ĐIỀU LỆ



- Công ty có công khai các hoạt động của công ty để khuyến khích cổ đông tham gia ngoài đại hội cổ đông không?
- Khi công ty có nhiều hơn một loại cổ phiếu, công ty có công khai quyền biểu quyết gắn liền với từng loại cổ phiếu không, chẳng hạn như thông qua trang thông tin điện tử của công ty, báo cáo, sở giao dịch chứng khoán, và trang thông tin điện tử của cơ quan quản lý không?
- Công ty có trả cổ tức (tạm ứng và chi trả) một cách công bằng và kịp thời không?

Với việc đầu tư vào cổ phần, nhà đầu tư trở thành cổ đông và được hưởng một số quyền gắn liền với những cổ phần này. Những quyền này chính là lợi ích mà nhà đầu tư nhận được từ khoản đầu tư. Đối với hầu hết cổ đông, quyền quan trọng nhất là quyền được hưởng một phần lợi nhuận của công ty. Những quyền khác cũng quan trọng, đặc biệt trên khía cạnh bảo vệ và gia tăng giá trị của khoản đầu tư, bao gồm quyền biểu quyết bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT, phê chuẩn việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty và thay đổi vốn điều lệ, thông qua báo cáo tài chính hàng năm, và quyền tiếp cận thông tin về công ty và hoạt động của công ty. Thông qua các quyền này, cổ đông đảm bảo rằng người quản lý của công ty không sử dụng các khoản đầu tư của họ một cách sai trái cho mục đích riêng. Để thực hiện các quyền này, cổ đông phải được ghi vào sổ đăng ký cổ đông của công ty¹ và các loại cổ phần khác nhau có thể có các nhóm quyền khác nhau.²

Khả năng bảo vệ nhà đầu tư có một số ý nghĩa trong quản trị công ty, như độ sâu của thị trường vốn, cơ cấu sở hữu, chính sách cổ tức, và hiệu quả của việc phân bổ nguồn lực.³ Khi hệ thống pháp luật có khả năng bảo vệ cổ đông và có hiệu lực, cổ đông sẽ sẵn sàng đầu tư vốn và quy mô thị trường tài chính sẽ rộng hơn và có giá trị hơn. Ngược lại, nếu hệ thống pháp luật không bảo vệ nhà đầu tư một cách thỏa đáng thì sự phát triển của thị trường tài chính sẽ bị kìm hãm. Khi các quyền của cổ đông được pháp luật và chính công ty bảo vệ, nhà đầu tư bên ngoài thường sẵn sàng đầu tư và trả giá cao hơn cho tài

¹ Khoản 5, Điều 113, LDN

² Điều 114, LD

³ Rafael La Porta, Florencio Lopez-de-Silanes, Andrei Shleifer, Robert Vishny, Bảo vệ nhà đầu tư và Giá trị Doanh nghiệp, Viện Nghiên cứu kinh tế quốc gia, Bài nghiên cứu số 7403, tháng 10/1999.

sản tài chính, như cổ phần. Nhà đầu tư chấp nhận trả cao hơn vì họ nhận thấy, nếu được bảo vệ tốt hơn từ hệ thống luật pháp, họ sẽ nhận được lợi nhuận của công ty dưới dạng cổ tức nhiều hơn và/hoặc từ gia tăng giá trị cổ phần thay vì bị các nhà quản lý hoặc cổ đông nắm quyền kiểm soát chiếm đoạt quyền lợi.

“Luật pháp trên giấy tờ” đơn thuần không đủ để bảo đảm bảo vệ thỏa đáng quyền của cổ đông. Tính hiệu lực trong thực thi pháp luật là vô cùng cần thiết.

Chương này sẽ đưa đến cho độc giả cái nhìn tổng quan về các quyền của cổ đông và các nguyên tắc mà một công ty đại chúng cần áp dụng để bảo vệ các quyền này. Một số quyền cổ đông quan trọng cụ thể như quyền tham dự ĐHĐCĐ sẽ được thảo luận chi tiết ở các chương tiếp theo của cuốn Cẩm nang này.

Lý do để Trở thành Cổ đông

Nhà đầu tư mua cổ phần của công ty với rất nhiều lý do khác nhau. Các lý do phổ biến nhất là để có quyền kiểm soát công ty và ảnh hưởng đến việc ra quyết định và tối đa hóa tổng lợi nhuận của cổ đông, bao gồm cả cổ tức và gia tăng giá trị cổ phần, như thể hiện trong Hình 1.

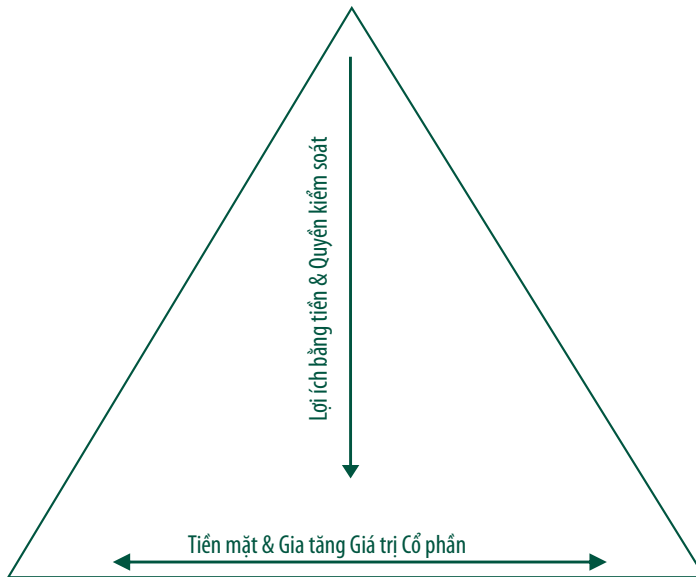


4.

Giới thiệu về Quyền của Cổ đông

Hình 1: Lý do Phổ biến để Trở thành Cổ đông

Quyền kiểm soát: Cổ phần mang lại cho nhà đầu tư cơ hội kiểm soát hợp pháp một công ty và tác động đến quá trình ra quyết định thông qua việc để cử người vào vị trí thành viên HĐQT, và có thể thành viên ban giám đốc. Cổ đông sở hữu càng nhiều cổ phần có quyền biểu quyết sẽ càng có nhiều ảnh hưởng.



Cổ tức: Cổ tức đóng vai trò quan trọng trong quyết định đầu tư. Các khoản chi trả cổ tức định kỳ, đặc biệt trong trường hợp nhà đầu tư nắm giữ một danh mục cổ phần, có thể tạo ra dòng tiền ổn định.

Gia tăng giá trị cổ phần: Nhà đầu tư mua cổ phần để được hưởng lợi từ tăng trưởng vốn đầu tư. Không như cổ tức, lợi nhuận từ tăng giá cổ phần chỉ được hiện thực hóa khi nhà đầu tư bán cổ phần đó.

4.1. Phân loại Cổ phần

Luật pháp phân biệt hai loại cổ phần: cổ phần phổ thông và cổ phần ưu đãi. Công ty cổ phần phải có cổ phần phổ thông. Ngoài cổ phần phổ thông, công ty cổ phần có thể có cổ phần ưu đãi.⁴ Cổ phiếu là chứng chỉ do công ty cổ phần phát hành hoặc bút toán ghi sổ xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của công ty đó. Mệnh giá cổ phần và tổng giá trị cổ phần được ghi trên cổ phiếu.

4.1.1. Cổ phần Phổ thông

Người sở hữu cổ phần phổ thông có quyền tham gia vào quá trình ra quyết định của công ty dưới hình thức phổ biến nhất là bỏ phiếu tại cuộc họp ĐHĐCĐ. Cổ đông phổ thông cũng có quyền được phân chia lợi nhuận của công ty, dưới hình thức cổ tức hoặc thông qua việc gia tăng giá trị cổ phần.

Cổ phần phổ thông có một số đặc điểm riêng. Trước hết, đó là một loại cổ phần. Mỗi cổ phần sẽ có cùng giá trị danh nghĩa hoặc mệnh giá, là một phần của vốn điều lệ của công ty. Điều lệ Công ty phải xác định số lượng, giá trị danh nghĩa hay mệnh giá, và quyền gắn liền với cổ phần phổ thông. Mỗi cổ phần phổ thông, bất kể thời gian phát hành, đều tạo cho người sở hữu cổ phần đó các quyền, nghĩa vụ, và lợi ích ngang nhau theo quy định của LDN, Điều lệ Công ty, và quy chế nội bộ của công ty bất kể thời gian phát hành. Cổ phần phổ thông không thể chuyển đổi thành cổ phần ưu đãi.⁵ Cổ phần phổ thông được dùng làm tài sản cơ sở để phát hành chứng chỉ lưu ký không có quyền biểu quyết được gọi là “cổ phần phổ thông cơ sở”. Chứng chỉ lưu ký không có quyền biểu quyết có lợi ích kinh tế và nghĩa vụ tương ứng với cổ phần phổ thông cơ sở, trừ quyền biểu quyết.⁶

4.1.2. Cổ phần Ưu đãi

Công ty có thể phát hành nhiều loại cổ phần ưu đãi, bao gồm cổ phần ưu đãi cổ tức, cổ phần ưu đãi hoàn lại, cổ phần ưu đãi biểu quyết, và cổ phần ưu đãi khác theo quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật về chứng khoán.⁷

4 Điều 114, LDN.

5 Khoản 5, Điều 114, LDN.

6 Khoản 6, Điều 114, LDN

7 Khoản 2, Điều 114, LDN.

GIỚI THIỆU
VỀ QUẢN TRỊ
CÔNG TYCƠ CẤU
QUẢN TRỊ
CÔNG TYTÀI LIỆU NỘI BỘ
VỀ QUẢN TRỊ
CÔNG TYGIỚI THIỆU VỀ
QUYỀN CỦA
CƠ ĐỒNGĐẠI HỘI
ĐỒNG CƠ ĐỒNGHỘI ĐỒNG
QUẢN TRỊ

BAN GIÁM ĐỐC

THỦ KÝ CÔNG TY

MỘT TRƯỞNG
KIỂM SÁTCÔNG BỐ
THÔNG TINGIAO DỊCH VỚI
NGƯỜI CÓ LIÊN
QUAN (GOLU)

CỔ TỨC

VỐN ĐIỀU LỆ

Nhà đầu tư được quyền mua cổ phần ưu đãi do Điều lệ Công ty quy định hoặc do ĐHĐCĐ quyết định.⁸ Mọi cổ phần ưu đãi của cùng một loại đều có cùng mệnh giá và đều tạo cho người sở hữu cổ phần đó các quyền, nghĩa vụ, và lợi ích ngang nhau. Trường hợp công ty có nhiều loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với mỗi loại cổ phần ưu đãi phải được công bố đầy đủ cho cổ đông và phải được ĐHĐCĐ thông qua. Khác với cổ phần phổ thông, cổ phần ưu đãi có thể chuyển đổi thành cổ phần phổ thông theo quyết định của ĐHĐCĐ.⁹ Theo pháp luật hiện hành của Việt Nam, không có quy định cụ thể về việc liệu cổ phần ưu đãi có thể được chuyển đổi thành các loại cổ phần ưu đãi khác hay không. Giá mua lại cổ phần ưu đãi không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại, trừ trường hợp quy định tại Điều lệ Công ty hoặc theo thỏa thuận giữa công ty và cổ đông liên quan.¹⁰

Cổ phần ưu đãi mang lại cho chủ sở hữu các quyền ưu đãi liên quan tới phân chia cổ tức, quyền bỏ phiếu và giá trị thanh lý cổ phần.¹¹ Đối với công ty niêm yết, Điều lệ Công ty phải quy định cụ thể các quyền và nghĩa vụ gắn với từng loại cổ phần, bao gồm cổ phần ưu đãi do công ty phát hành.¹² Mặc dù pháp luật hiện hành không có quy định cụ thể, theo thông lệ tốt thì Điều lệ Công ty nên quy định rõ giá trị cổ tức và/hoặc giá trị thanh lý của cổ phần ưu đãi, hoặc thủ tục xác định giá trị cổ tức và giá trị thanh lý của cổ phần ưu đãi.

Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi hoàn lại có quyền bán cổ phần đó cho công ty tại bất kỳ thời điểm nào theo yêu cầu của người sở hữu hoặc theo các điều kiện được ghi tại cổ phiếu của cổ phần ưu đãi hoàn lại.¹³

LDN phân biệt các loại cổ phần ưu đãi theo các quyền cụ thể mà cổ phần đó mang lại cho người sở hữu. Cổ phần ưu đãi bao gồm các loại cổ phần như mô tả dưới đây:

- Cổ phần ưu đãi biểu quyết là cổ phần phổ thông có nhiều hơn phiếu biểu quyết so với cổ phần phổ thông khác, số phiếu biểu quyết của một cổ phần ưu đãi biểu quyết do Điều lệ Công ty quy định. Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi biểu quyết có các quyền khác như cổ đông phổ thông ngoại trừ việc không được chuyển nhượng cổ phần đó. Chỉ có tổ chức được Chính phủ ủy quyền và cổ đông sáng

8 Khoản 3, Điều 114, LDN.

9 Khoản 5, Điều 114, LDN.

10 Khoản 2, Điều 133, LDN.

11 Điều 116-118, LDN.

12 Thông tư 116/2020/TT-BTC, Điều lệ Mẫu.

13 Khoản 2, Điều 118, LDN.

lập được quyền nắm giữ cổ phần ưu đãi biểu quyết. Ưu đãi biểu quyết của cổ đông sáng lập có hiệu lực trong ba năm kể từ ngày công ty được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Quyền biểu quyết và thời hạn ưu đãi biểu quyết đối với cổ phần ưu đãi biểu quyết do tổ chức được chính phủ ủy quyền nắm giữ được quy định tại Điều lệ Công ty. Sau thời hạn ưu đãi biểu quyết, cổ phần ưu đãi biểu quyết chuyển đổi thành cổ phần phổ thông.¹⁴

- Cổ phần ưu đãi cổ tức là cổ phần mang lại cho người sở hữu cổ phần mức cổ tức cao hơn so với mức cổ tức của cổ phần phổ thông hoặc mức ổn định hàng năm. Cổ tức được chia hằng năm gồm cổ tức cố định và cổ tức thưởng. Cổ tức cố định không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của công ty. Mức cổ tức cố định cụ thể và phương thức xác định cổ tức thưởng được ghi rõ trong cổ phiếu của cổ phần ưu đãi cổ tức.¹⁵ Tuy nhiên, đối với tổ chức tín dụng, theo khoản 3, Điều 60, Luật các Tổ chức Tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 18/01/2024 về tổ chức và hoạt động của ngân hàng thương mại, cổ tức cố định chỉ được trả khi ngân hàng có lãi. Trường hợp ngân hàng kinh doanh thua lỗ thì cổ tức cố định trả cho cổ phần ưu đãi cổ tức được cộng dồn vào các năm tiếp theo. Tổng giá trị mệnh giá của cổ phần ưu đãi cổ tức tối đa 20% vốn điều lệ của ngân hàng.
- Cổ phần ưu đãi hoàn lại là cổ phần được công ty hoàn lại vốn góp theo yêu cầu của người sở hữu hoặc theo điều kiện được ghi tại cổ phiếu của cổ phần ưu đãi hoàn lại và Điều lệ Công ty.¹⁶

Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi cổ tức và cổ phần ưu đãi hoàn lại có quyền như cổ đông phổ thông, chỉ khác là không có quyền biểu quyết, dự họp ĐHĐCĐ, hoặc đề cử thành viên HĐQT và BKS.¹⁷

Các điểm khác biệt chính giữa cổ phần phổ thông và cổ phần ưu đãi của công ty cổ phần theo quy định tại LDN được tóm tắt trong Hình 2.

¹⁴ Điều 116, LDN.

¹⁵ Khoản 1, Điều 117, LDN.

¹⁶ Khoản 1, Điều 118, LDN.

¹⁷ Điều 117 và 118, LDN.

GIỚI THIỆU
VỀ QUẢN TRỊ
CÔNG TYCƠ CẤU
QUẢN TRỊ
CÔNG TYTÀI LIỆU HỒI BỘ
VỀ QUẢN TRỊ
CÔNG TYGIỚI THIỆU VỀ
QUYỀN CỦA
CỔ ĐÔNGĐẠI HỘI
ĐỒNG CỔ ĐÔNGHỘI ĐỒNG
QUẢN TRỊ

BAN GIÁM ĐỐC

THỦ KÝ CÔNG TY

HỘI TRƯỞNG
KIỂM SÁTCÔNG BỐ
THÔNG TINGIAO DỊCH VỚI
NGƯỜI CÓ LIÊN
QUAN (GÓI LỘ)

CỔ TỨC

VỐN ĐIỀU LỆ

Hình 2. So sánh Cổ phần Phổ thông và Cổ phần Ưu đãi

	Cổ phần Phổ thông	Cổ phần Ưu đãi
Có bắt buộc phải phát hành không?	Bắt buộc , luôn luôn phải phát hành	Không bắt buộc , có thể phát hành hoặc không
Có thể phát hành nhiều loại cổ phần khác nhau không?	Không , chỉ được phát hành một loại cổ phần phổ thông	Có thể phát hành nhiều loại cổ phần ưu đãi khác nhau
Loại cổ phần này có thể được chuyển đổi thành các loại chứng khoán khác không?	Không , cổ phần phổ thông không được chuyển đổi thành cổ phần ưu đãi hoặc các loại chứng khoán khác	Có , cổ phần ưu đãi có thể được chuyển đổi thành cổ phần phổ thông theo nghị quyết của ĐHĐCĐ
Cổ đông có quyền biểu quyết, tham dự cuộc họp ĐHĐCĐ, hay để cử người vào HĐQT và BKS không?	Có , trừ một số trường hợp theo quy định của pháp luật	Không , trừ cổ phần ưu đãi biểu quyết 18 Xem chi tiết tại Mục 4.3.1 của chương này
Cổ đông có quyền tự do chuyển nhượng cổ phần không?	Có , trừ một số trường hợp theo quy định của pháp luật	Có , trừ cổ phần ưu đãi biểu quyết
Điều lệ Công ty có thể cho phép cổ đông có thêm các quyền khác không?	Có	Có



Thông lệ tốt nhất

Công ty cần cung cấp cho nhà đầu tư đầy đủ thông tin về các quyền gắn liền với tất cả các loại cổ phần, một tập hợp con của một loại cổ phần¹⁹, và loại cổ phần, vì đây là yếu tố quan trọng đối với các quyết định đầu tư. Ngoài ra, công ty không được thay đổi quyền gắn liền với các loại cổ phần mà không có chấp thuận của những cổ đông sẽ bị ảnh hưởng tiêu cực bởi thay đổi đó. Đề xuất thay đổi quyền biểu quyết của các loại cổ phần khác nhau phải được trình phê duyệt tại ĐHĐCĐ bởi tỷ lệ đa số cổ phần có quyền biểu quyết nhất định (thường cao hơn) trong các nhóm bị ảnh hưởng.²⁰

18 Khoản 1, Điều 16, Thông tư 116/2020/TT-BTC, Điều lệ Mẫu” Đối với các công ty niêm yết, nghị quyết ĐHĐCĐ về việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với từng loại cổ phần sẽ chỉ được thông qua khi có sự nhất trí bằng văn bản của những người nắm giữ ít nhất 75% quyền biểu quyết của cổ phần đã phát hành loại đó.

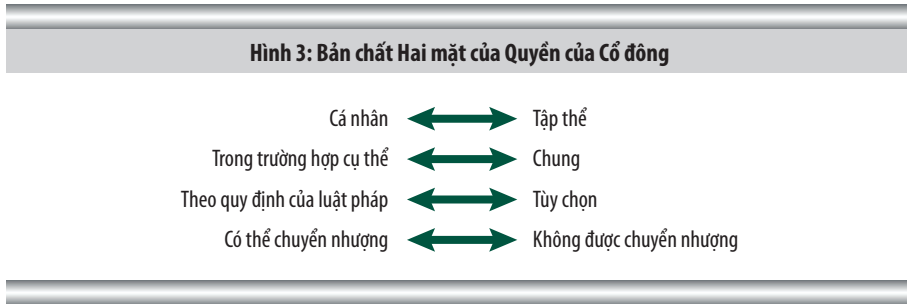
19 Một loạt (series) là một tập hợp con của một loại cổ phần. Nếu được quy định trong điều lệ, một công ty có thể phát hành một loại cổ phần thành một hoặc nhiều loạt. Tất cả các loạt trong cùng một loại phải tham gia bình đẳng trên cơ sở cổ phiếu đổi cổ phiếu trong mọi khoản hoàn trả vốn một phần hoặc thanh toán cổ tức nợ.

20 Các Nguyên tắc Quản trị Công ty G20/OECD, 26.

4.2. Các Quyền Chung của Cổ đông

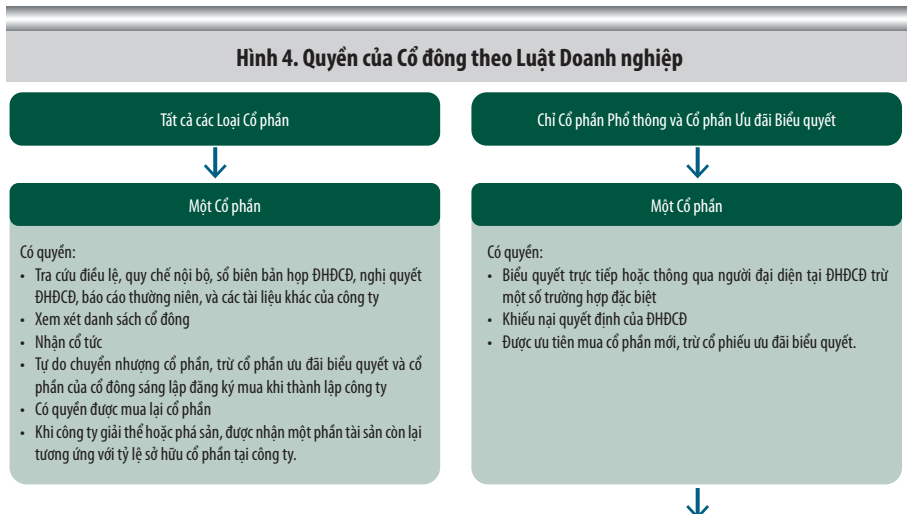
LDN phân biệt giữa quyền của cổ đông và quyền do một nhóm cổ đông nắm giữ. Cũng có thể phân biệt quyền của cổ đông dựa trên bản chất của các quyền này. Một số quyền có liên quan đến quá trình ra quyết định và tổ chức của công ty. Các quyền khác liên quan đến vốn và lợi nhuận từ khoản đầu tư của cổ đông.

Hình 3 làm rõ hơn bản chất hai mặt của quyền của cổ đông.



Nguồn: IFC, tháng 3/2004

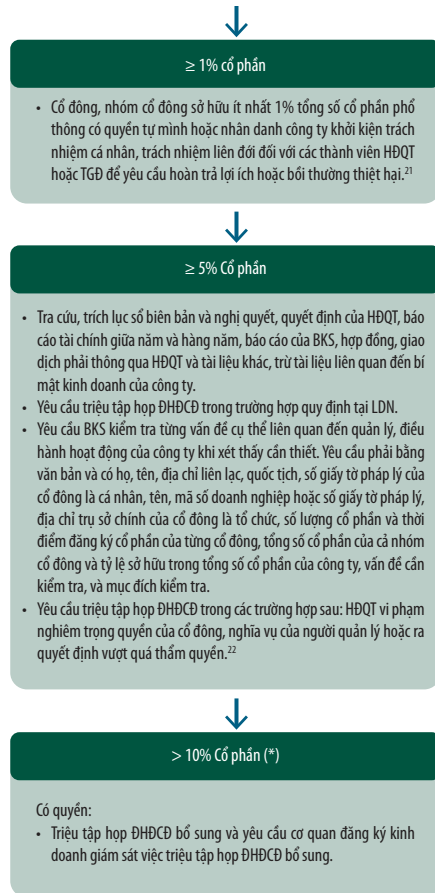
Hình 4 tóm tắt quyền của cổ đông theo loại cổ phần, và theo tỷ lệ phần trăm số cổ phần nắm giữ. Công ty và cổ đông không thể thay đổi các quyền này. Tuy nhiên, Điều lệ Công ty có thể cho phép cổ đông có thêm các quyền khác nếu pháp luật không cấm.



- GIỚI THIỆU VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
- CƠ CẤU QUẢN TRỊ CÔNG TY
- TÀI LIỆU NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
- GIỚI THIỆU VỀ QUYỀN CỦA CỔ ĐÔNG
- ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
- HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
- BAN GIÁM ĐỐC
- THỦ KÝ CÔNG TY
- MỘT TRƯỜNG KIỂM SÁT
- CÔNG BỐ THÔNG TIN
- GAO DỊCH VỚI NGƯỜI CÒN LIÊN QUAN (GOLU)
- CỔ TỨC
- VỐN ĐIỀU LỆ

4.

Giới thiệu về Quyền của Cổ đông



(*) Trừ trường hợp Điều lệ Công ty có quy định khác, cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên (hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ Công ty) có quyền đề cử người vào HĐQT, BKS như sau:

- Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào HĐQT và BKS, và thông báo cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc ĐHĐCĐ.
- Số lượng ứng cử viên tùy thuộc vào số lượng thành viên HĐQT, BKS, và do ĐHĐCĐ quyết định. Trường hợp số ứng cử viên được đề cử thấp hơn số ứng cử viên được quyền đề cử thì các ứng cử viên còn lại do HĐQT, BKS và các cổ đông khác đề cử.

21 Điều 166, LDN.

22 Khoản 2, Điều 115, LDN.

Cổ đông của công ty đại chúng có quyền được thông báo đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường về hoạt động của công ty.

Nghị quyết của ĐHĐCĐ về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.²³

Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 20% số cổ phần phổ thông trở lên trong thời gian liên tục ít nhất 06 tháng có quyền nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản khi công ty cổ phần mất khả năng thanh toán. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu dưới 20% số cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất 06 tháng có quyền nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản khi công ty cổ phần mất khả năng thanh toán trong trường hợp Điều lệ Công ty quy định.²⁴

Cổ đông sở hữu cổ phần của công ty liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét các báo cáo của công ty, bao gồm báo cáo kết quả kinh doanh của công ty, báo cáo tài chính, báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành công ty, và báo cáo thẩm định của Ban Kiểm soát.²⁵

Hiện nay, LDN cho phép cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần phổ thông có quyền tự mình hoặc nhân danh công ty khởi kiện trách nhiệm cá nhân, trách nhiệm liên đới đối với các thành viên HĐQT hoặc TGD để yêu cầu hoàn trả lợi ích hoặc bồi thường thiệt hại.²⁶

Thông lệ tốt nhất

Một trong những cách cổ đông có thể thực hiện quyền của mình là tiến hành các thủ tục pháp lý và hành chính đối với ban giám đốc và thành viên HĐQT. Kinh nghiệm cho thấy một yếu tố quan trọng quyết định mức độ quyền cổ đông được bảo vệ là sự tồn tại của các biện pháp khiếu nại hiệu quả những bất bình của cổ đông với chi phí hợp lý và theo cách kịp thời. Lòng tin của cổ đông thiếu số tăng lên khi hệ thống pháp lý cung cấp các cơ chế giúp họ khiếu kiện khi họ có cơ sở chính đáng để tin rằng quyền của họ bị xâm phạm. (xem Các nguyên tắc Quản trị Công ty của OECD, 2023 - Trang 17).

23 Điều 17, Thông tư 116/2020/TT-BTC, Điều lệ Mẫu.

24 Điều 5, Luật Phá sản 2014.

25 Khoản 2, Điều 175, LDN.

26 Điều 166, LDN.

GIỚI THIỆU
VE QUẢN TRỊ
CÔNG TY

CƠ CẤU
QUẢN TRỊ
CÔNG TY

TÀI LIỆU NƠI BỜ
VE QUẢN TRỊ
CÔNG TY

GIỚI THIỆU VE
QUYỀN VÀ
CƠ ĐỒNG

ĐẠI HỘI
ĐỒNG CỔ ĐÔNG

HỘI ĐỒNG
QUẢN TRỊ

BAN GIÁM ĐỐC

THỦ KÝ CÔNG TY

MỘT TRƯỞNG
KIỂM SOÁT

CÔNG BỐ
THÔNG TIN

GIẢI QUYẾT VỚI
NGƯỜI CÓ LIÊN
QUAN (GOLDO)

CỐ TỨC

VỐN ĐIỀU LỆ

4.3. Các Quyền Cụ thể của Cổ đông

4.3.1. Quyền Biểu quyết

Cổ đông có thể tham gia vào quá trình ra quyết định của công ty thông qua quyền biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ. Các vấn đề quan trọng cần được biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ bao gồm²⁷:

- a) định hướng phát triển công ty
- b) loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán, và quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần
- c) bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT, Kiểm soát viên
- d) đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, trừ trường hợp Điều lệ Công ty quy định một tỷ lệ hoặc một giá trị khác
- e) sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty
- f) thông qua báo cáo tài chính hằng năm
- g) mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại
- h) xem xét, xử lý vi phạm của thành viên HĐQT, Kiểm soát viên gây thiệt hại cho công ty và cổ đông công ty
- i) tổ chức lại hoặc giải thể công ty
- j) thù lao của HĐQT và Ban Kiểm soát
- k) quy chế quản trị nội bộ, quy chế hoạt động HĐQT, Ban kiểm soát
- l) lựa chọn và bãi miễn kiểm toán độc lập
- m) quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Quyền biểu quyết có thể được thực hiện trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền. Người đại diện theo ủy quyền được phép hành động nhân danh cổ đông và thay mặt cổ đông đưa ra các quyết định tại cuộc họp ĐHĐCĐ. Công ty niêm yết không được cản trở cổ đông tham gia ĐHĐCĐ và

phải tạo điều kiện thuận lợi để cổ đông ủy quyền cho người đại diện của mình tham gia ĐHĐCĐ theo văn bản ủy quyền của cổ đông. Văn bản ủy quyền của cổ đông được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, và số lượng cổ phần được ủy quyền. Cá nhân, tổ chức được ủy quyền dự họp ĐHĐCĐ phải xuất trình văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.²⁸

Quyền Biểu quyết của Cổ phần Phổ thông

Cổ phần phổ thông cho phép người nắm giữ có quyền biểu quyết. Tuy nhiên, trong một số trường hợp cổ phần phổ thông không có quyền biểu quyết như trình bày tại Bảng 1 dưới đây.

Bảng 1. Cổ phần Phổ thông Không có Quyền Biểu quyết	
Điều kiện tiên quyết	Hệ quả pháp lý
Không thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần: Khi cổ đông sáng lập không thanh toán đầy đủ cổ phần phổ thông đăng ký mua, trừ khi Điều lệ Công ty có quy định khác.	Cổ đông chỉ thanh toán một phần số cổ phần đã đăng ký mua có quyền biểu quyết, nhận lợi tức và các quyền khác tương ứng với số cổ phần đã thanh toán. Không được chuyển nhượng quyền mua số cổ phần chưa thanh toán cho người khác. Cổ phần chưa thanh toán được coi là cổ phần chưa bán và HĐQT được quyền bán. ²⁹
Cổ phần phổ thông cơ sở: Cổ phần phổ thông được dùng làm tài sản cơ sở để phát hành chứng chỉ lưu ký không có quyền biểu quyết được gọi là cổ phần phổ thông cơ sở.	Chứng chỉ lưu ký không có quyền biểu quyết có lợi ích kinh tế và nghĩa vụ tương ứng với cổ phần phổ thông cơ sở, trừ quyền biểu quyết. ³⁰
Thông qua giao dịch với các bên liên quan: Cổ phần phổ thông do cổ đông là một bên liên quan có lợi ích trong một giao dịch với công ty sở hữu.	Không có quyền biểu quyết thông qua giao dịch của công ty với bên liên quan mà cổ đông là một bên có lợi ích trong đó. ³¹
Cổ phiếu mua lại ³² : Khi một công ty mua lại cổ phiếu phổ thông đã phát hành của công ty.	Cổ phần mua lại theo quy định tại Điều 132 và Điều 133 LDN được coi là cổ phần chưa bán theo Khoản 4 Điều 112 LDN. Cổ phiếu của số cổ phần mua lại được tiêu hủy ngay sau khi cổ phần được thanh toán hết. ³³ Do đó, loại cổ phiếu này không được quyền biểu quyết.

28 Khoản 2, Điều 144, LDN.

29 Khoản 3, Điều 113, LDN.

30 Khoản 6, Điều 114, LDN.

31 Khoản 4, Điều 167, LDN.

32 LDN 2019 và LCK 2019: Không còn quy định về cổ phiếu quỹ dù có nhiều ý kiến đề nghị khôi phục quy định này.

33 Khoản 2 và 3, Điều 134, LDN.

GIỚI THIỆU VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

CƠ CẤU QUẢN TRỊ CÔNG TY

TÀI LIỆU HỒI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

GIỚI THIỆU VỀ QUYỀN CỦA CỔ ĐÔNG

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

BAN GIÁM ĐỐC

THỦ KÝ CÔNG TY

MỐI TRƯỞNG KIỆM SỚM

CÔNG BỐ THÔNG TIN

GIAO DỊCH VỚI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN (GOLU)

CỐ TỨC

VỐN ĐIỀU LỆ



Thông lệ tốt nhất

Các công ty ngày càng nhận ra giá trị của việc sử dụng công nghệ thông tin để tạo điều kiện thuận lợi cho việc tham gia biểu quyết của cổ đông một cách hiệu quả. Những công nghệ này bao gồm các hệ thống an toàn để biểu quyết điện tử vắng mặt. Một hệ thống biểu quyết phổ biến giúp cổ đông biểu quyết vắng mặt là hệ thống biểu quyết điện tử ghi âm trực tiếp, sử dụng lá phiếu điện tử và truyền dữ liệu biểu quyết từ địa điểm biểu quyết đến địa điểm khác qua mạng công cộng. Dữ liệu biểu quyết có thể được truyền dưới dạng các lá phiếu riêng lẻ tại thời điểm biểu quyết, định kỳ theo hình thức các lô phiếu biểu quyết trong suốt ngày biểu quyết, hoặc dưới theo hình thức một đợt vào cuối thời gian biểu quyết. Một số quốc gia sử dụng hệ thống này bao gồm Estonia, Ai-len, Thụy Sĩ, Vương quốc Anh, và Hoa Kỳ.

Các công ty nên xóa bỏ rào cản để cổ đông tham gia ĐHĐCĐ và tạo điều kiện thuận lợi cho việc phổ biến tài liệu ủy quyền, biểu quyết vắng mặt, và hệ thống xác nhận bỏ phiếu bằng phương thức điện tử. Tham gia từ xa của cổ đông là chìa khóa để giảm chi phí tham gia và tương tác cho cổ đông. Các công ty cũng nên tổ chức ĐHĐCĐ theo cách bảo đảm quyền tiếp cận thông tin và cơ hội tham gia bình đẳng cho tất cả cổ đông. Cần hết sức cẩn trọng để bảo đảm các ĐHĐCĐ từ xa không làm giảm khả năng cổ đông tham gia và chất vấn HĐQT và ban giám đốc so với ĐHĐCĐ trực tiếp.

Các Nguyên tắc Quản trị Công ty của G20/OECD (2023) khuyến nghị thực hiện các nguyên tắc sau:

- Các quy trình, hình thức, và thể thức họp ĐHĐCĐ phải cho phép đối xử công bằng với mọi cổ đông. Thể thức của công ty không được gây khó dễ hoặc phát sinh chi phí không cần thiết khi biểu quyết. (II.C.2.)
- Cổ đông phải có thể biểu quyết trực tiếp hoặc vắng mặt, và phiếu biểu quyết phải có hiệu lực như nhau cho dù biểu quyết trực tiếp hay vắng mặt. (II.C.6.)
- Cần loại bỏ các trở ngại đối với việc biểu quyết xuyên biên giới. (II.C.7.)

Thực tiễn thị trường tại Việt Nam:

Mua cổ phần trong các giao dịch nắm quyền kiểm soát: Ở Việt Nam đã có một vài giao dịch mua lại theo kiểu “thù địch” được thực hiện thông qua chuyển nhượng cổ phần. Hiện tại, có rất ít quy định và thủ tục liên quan đến nghiệp vụ mua bán kiểm soát công ty. Theo quy định tại Luật Chứng khoán, đối tượng công bố thông tin bao gồm cổ đông lớn, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của công ty đại chúng.³⁴

Ngoài ra, người nội bộ công ty đại chúng, nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết cũng là các đối tượng công bố thông tin.³⁵ Đối tượng công bố thông tin phải đồng thời báo cáo UBCKNN và tổ chức nơi chứng khoán đó niêm yết, đăng ký giao dịch.³⁶

Chào mua công khai:³⁷

- Phải thực hiện chào mua công khai khi bên mua có ý định mua dẫn đến sở hữu từ 25% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành của một công ty đại chúng.
- Tổ chức, cá nhân và người có liên quan nắm giữ từ 25% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của một công ty đại chúng dự kiến mua tiếp dẫn đến sở hữu đạt hoặc vượt mức 35%, 45%, 55%, 65%, 75% số cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành của một công ty đại chúng.

Tổ chức, cá nhân đăng ký, báo cáo hoạt động chào mua công khai chỉ được thực hiện hoạt động chào mua công khai khi đáp ứng đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật.³⁸ Tổ chức, cá nhân đăng ký, báo cáo hoạt động chào mua công khai có trách nhiệm tổ chức thực hiện chào bán, phát hành chứng khoán, chào mua công khai theo phương án đã đăng ký, và báo cáo UBCKNN trong thời hạn theo quy định.³⁹

Nguyên tắc chào mua công khai: 1) Việc chào mua công khai phải đảm bảo công bằng đối với các cổ đông của công ty mục tiêu, nhà đầu tư của quỹ đầu tư mục tiêu, 2) Các bên tham gia chào mua công khai được cung cấp đầy đủ thông tin để tiếp cận để nghị mua cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đóng, 3) Tôn trọng quyền tự định đoạt của các cổ đông của công ty mục tiêu, nhà đầu tư của quỹ đầu tư mục tiêu, và 4) Tổ chức, cá nhân chào mua công khai phải chỉ định một công ty chứng khoán làm đại lý chào mua công khai.⁴⁰

Trình tự, thủ tục đăng ký chào mua công khai như sau:

1. Tổ chức, cá nhân chào mua công khai gửi hồ sơ đăng ký chào mua công khai đến UBCKNN, công ty mục tiêu, và công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán quản lý quỹ đầu tư mục tiêu.

35 Khoản 1, Điều 118, LCK
 36 Khoản 3, Điều 119, LCK.
 37 Khoản 1, Điều 35, LCK.
 38 Điều 53, Nghị định 155/2020/NĐ-CP
 39 Khoản 1 & 2, Điều 7, Nghị định 155/2020/NĐ-CP.
 40 Điều 82, Nghị định 155/2020/NĐ-CP.

GIỚI THIỆU VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

CƠ CẤU QUẢN TRỊ CÔNG TY

TÀI LIỆU NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

GIỚI THIỆU VỀ QUYỀN CỬA CỔ ĐÔNG

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

BAN GIÁM ĐỐC

THỦ TỤC CÔNG TY

HỘI TRƯỞNG KIỂM SÁT

CÔNG BỐ THÔNG TIN

GAO DỊCH VỚI NGƯỜI CÒN LIÊN QUAN (GOLU)

CỐ TỨC

VỐN ĐIỀU LỆ

2. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký chào mua công khai, công ty mục tiêu, và/hoặc công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán quản lý quỹ đầu tư mục tiêu có trách nhiệm công bố thông tin về việc nhận được đề nghị chào mua công khai trên trang thông tin điện tử của sở giao dịch chứng khoán.

3. Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, UBCKNN thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân chào mua công khai và đăng tải trên trang thông tin điện tử của UBCKNN. Trường hợp từ chối, UBCKNN phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Quy định về quyền yêu cầu bán lại cổ phần: Quy định về quyền yêu cầu bán lại cổ phần của cổ đông thiểu số, theo đó người mua nếu có đủ số cổ phần mục tiêu có thể buộc các cổ đông thiểu số còn lại bán cổ phần của họ, được quy định tại Khoản 1c, Điều 35, Luật Chứng khoán. Sau khi thực hiện chào mua công khai, tổ chức, cá nhân và người có liên quan theo quy định tại các điểm a, b, c, d, e và g Khoản 46 Điều 4 của Luật Chứng khoán nắm giữ từ 80% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của 01 công ty đại chúng (bên mua) phải mua tiếp số cổ phiếu còn lại do các cổ đông còn lại nắm giữ trong thời hạn 30 ngày. Tuy nhiên, quy định hiện tại không quy định nghĩa vụ của những cổ đông còn lại phải bán cổ phiếu trong thời hạn này.

Việc vi phạm quy định thuộc các trường hợp trên sẽ bị xử phạt theo Nghị định 156/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán. Tổ chức, cá nhân vi phạm bị áp dụng biện pháp buộc từ bỏ quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền trên số cổ phần có được từ hành vi vi phạm.⁴¹

Quyền Biểu quyết của Cổ phần Ưu đãi

LDN quy định cụ thể ba loại cổ phần ưu đãi: cổ phần ưu đãi cổ tức, cổ phần ưu đãi hoàn lại, cổ phần ưu đãi biểu quyết, và cổ phần ưu đãi khác theo quy định tại Điều lệ Công ty.⁴² Trừ cổ phần ưu đãi biểu quyết có số phiếu biểu quyết nhiều hơn cổ phần phổ thông, cổ phần ưu đãi cổ tức và cổ phần ưu đãi hoàn lại không có quyền biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ.

Theo LDN, cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi có quyền biểu quyết trong

⁴¹ Khoản 6c, Điều 17, Nghị định 156/2020/NĐ-CP.

⁴² Khoản 2, Điều 114, LDN.

trường hợp có thay đổi hoặc huỷ bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với từng loại cổ phần. Nghị quyết của ĐHĐCĐ về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.⁴³ Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn 30 ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang nhau tại các cuộc họp nêu trên.⁴⁴

Quyền Khiếu nại Nghị quyết của ĐHĐCĐ

Khi nghị quyết của ĐHĐCĐ hoặc của HĐQT vi phạm pháp luật hoặc xâm phạm lợi ích cơ bản của cổ đông theo quy định của pháp luật, cổ đông của công ty niêm yết có quyền yêu cầu không thực hiện nghị quyết đó theo trình tự, thủ tục do pháp luật quy định. Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp ĐHĐCĐ hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến của ĐHĐCĐ, cổ đông, hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ Công ty⁴⁵ có quyền yêu cầu tòa án hoặc trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết ĐHĐCĐ trong các trường hợp sau đây⁴⁶:

- Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của ĐHĐCĐ vi phạm nghiêm trọng quy định của LDN và Điều lệ Công ty, trừ trường hợp nghị quyết ĐHĐCĐ được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và

43 Khoản 6, Điều 148, LDN.

44 Khoản 2, Điều 16, Điều lệ Mẫu.

45 Khoản 2, Điều 115, LDN.

46 Điều 151, LDN.

GIỚI THIỆU
VE QUẢN TRỊ
CÔNG TYCƠ CẤU
QUẢN TRỊ
CÔNG TYTÀI LIỆU NỘI BỘ
VE QUẢN TRỊ
CÔNG TYGIỚI THIỆU VỀ
QUYỀN CỦA
CỔ ĐÔNGĐẠI HỘI
ĐỒNG CỔ ĐÔNGHỘI ĐỒNG
QUẢN TRỊ

BAN GIÁM ĐỐC

THỦ TỤC CÔNG TY

MỐI TRƯỜNG
KIỂM SÁTCÔNG BỐ
THÔNG TINGIAO DỊCH VỚI
NGƯỜI CÒN LIÊN
QUAN (GLOU)

CỐ TỨC

VỐN ĐIỀU LỆ

có hiệu lực kể cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định pháp luật liên quan và Điều lệ Công ty.⁴⁷

- Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.

4.3.2. Quyền được Nhận Thông tin

Mọi cổ đông của công ty đều có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết, và yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác, xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, biên bản họp ĐHĐCĐ, và các nghị quyết ĐHĐCĐ.⁴⁸

Ở Việt Nam, cổ đông của các công ty niêm yết và không niêm yết có thể thu thập thông tin về các loại cổ phần từ Điều lệ Công ty, Bản cáo bạch, Báo cáo tài chính hàng năm và hàng quý được công bố công khai trên trang web chính thức của SGDCK Hà Nội, SGDCK Thành phố Hồ Chí Minh, và UBCKNN. Cổ đông của các công ty niêm yết có quyền được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do công ty công bố theo quy định của pháp luật.⁴⁹

Công ty đại chúng phải nộp báo cáo tài chính đã được phê duyệt tới cơ quan đăng ký kinh doanh. Mọi cổ đông cá nhân và tổ chức có quyền xem xét và trích lục báo cáo tài chính do cơ quan đăng ký kinh doanh lưu. Đối với công ty đại chúng, chỉ có cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ Công ty có quyền xem xét, tra cứu, và trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của HĐQT, báo cáo tài chính giữa năm và hàng năm, báo cáo của BKS, hợp đồng, giao dịch phải thông qua HĐQT và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của công ty.⁵⁰

Điều lệ Công ty và các quy chế nội bộ cần xác định rõ quy trình mà công ty và cổ đông cần tuân thủ trong việc cung cấp thông tin và tài liệu. Quyền được cung cấp thông tin của cổ đông phổ thông và cổ đông ưu đãi theo thông lệ tốt được trình bày tại Hình 5.

47 Khoản 2, Điều 152, LDN.

48 Khoản 1, Điều 115, LDN.

49 Khoản 1k, Điều 12, Thông tư 116/2020/TT-BTC, Điều lệ Mẫu

50 Khoản 2, Điều 115, LDN

Hình 5. Quyền được nhận Thông tin của Cổ đông

Thông tin khác:

- Bản cáo bạch của công ty
- Thông tin về các bộ phận chức năng trong công ty
- Báo cáo về tình hình hoạt động của công ty nộp cho cơ quan nhà nước
- Danh sách các bên liên quan
- Báo cáo của tổ chức định giá độc lập
- Tài liệu khác theo quy định của pháp luật, điều lệ, và quy chế nội bộ của công ty.



Tài liệu của công ty:

- Điều lệ Công ty (bao gồm sửa đổi đối với điều lệ hoặc bản điều lệ mới)
- Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
- Tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản của công ty
- Quy chế nội bộ và tài liệu nội bộ khác
- Sổ cổ đông.

Thông tin tài chính:

- Báo cáo thường niên
- Báo cáo tài chính
- Báo cáo của các cơ quan giám sát, công ty kiểm toán độc lập, và các tổ chức giám sát tài chính Nhà nước và địa phương.

ĐHĐCĐ:

- Biên bản họp ĐHĐCĐ, HĐQT, các Ủy ban thuộc HĐQT, và BKS
- Phiếu biểu quyết và thư ủy quyền dự họp ĐHĐCĐ (hoặc sao các giấy tờ này)
- Danh sách những người được quyền tham dự ĐHĐCĐ, hoặc quyền được nhận cổ tức, và danh sách khác do công ty lập nhằm mục đích thực hiện các quyền của cổ đông.

Nguồn: IFC, tháng 3/2004

Với một số lượng đáng kể tài liệu và thông tin đa dạng như vậy, các công ty có số lượng cổ đông lớn nên quy định rõ ràng trong Điều lệ Công ty và quy chế nội bộ về quy trình liên quan đến quyền nhận thông tin của cổ đông. Quy trình này cần đảm bảo rằng cổ đông được cung cấp đầy đủ thông tin trong khoảng thời gian hợp lý và không ảnh hưởng tới hoạt động hàng ngày của công ty.

4.3.3. Quyền được Xem xét, Tra cứu Danh sách Cổ đông

Danh sách cổ đông được lập trên cơ sở trích lục Sổ Đăng ký Cổ đông hoặc thành viên đăng ký của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (VSDC). Danh sách cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch,

- GIỚI THIỆU VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
- CƠ CẤU QUẢN TRỊ CÔNG TY
- TÀI LIỆU NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
- GIỚI THIỆU VỀ QUYỀN CỦA CỔ ĐÔNG
- ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
- HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
- BAN GIÁM ĐỐC
- THỦ KÝ CÔNG TY
- MỐI TRƯỞNG KIỂM SÁT
- CÔNG BỐ THÔNG TIN
- GAO DỊCH VỚI NGƯỜI CÒN LIÊN QUAN (GOLU)
- CỐ TỨC
- VỐN ĐIỀU LỆ

số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân, tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức, số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông.⁵¹

Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục, và sao chép danh sách cổ đông, yêu cầu sửa đổi thông tin sai lệch hoặc bổ sung thông tin cần thiết trong danh sách cổ đông.⁵²

Quyền xem xét, tra cứu danh sách cổ đông cho phép cổ đông có cơ hội liên lạc với cổ đông khác và kết hợp quyền biểu quyết cho các vấn đề cần có hành động tập thể. Quyền này cũng rất quan trọng trong việc xác nhận lại thông tin trên danh sách cổ đông, cũng như trong việc thực hiện các quyền gắn liền với việc sở hữu cổ phần.

Công ty có nghĩa vụ cung cấp các thông tin sau cho cổ đông:

- Danh sách cổ đông.
- Văn bản xác nhận rằng cổ đông yêu cầu thông tin không có tên trong danh sách cổ đông.⁵³

4.3.4. Quyền được Nhận Cổ tức

Cổ tức có vai trò quan trọng trong quyết định đầu tư vào một công ty. Một trong những quyền quan trọng của cổ đông là quyền được nhận cổ tức.⁵⁴ Công ty niêm yết cần có chính sách cổ tức. HĐQT kiến nghị mức cổ tức được trả cho từng loại cổ phần và trình ĐHĐCĐ phê duyệt.⁵⁵ Đối với công ty niêm yết, HĐQT có thể kiến nghị ĐHĐCĐ thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu. HĐQT là cơ quan thực thi quyết định này. Cổ tức có thể được thanh toán bằng tiền mặt hoặc dưới dạng cổ phiếu phổ thông. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam.⁵⁶ Cổ tức phải được thanh toán đầy đủ trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày kết thúc họp ĐHĐCĐ thường niên. HĐQT lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức,

51 Điều 141, LDN

52 Khoản 3, Điều 141, LDN

53 Khoản 1, Điều 12, Thông tư 116/2020/TT-BTC, Điều lệ Mẫu.

54 Khoản 1b, Điều 115, LDN.

55 Khoản 2o, Điều 153, LDN.

56 Điều 51, Thông tư 116/2020/TT-BTC, Điều lệ Mẫu.

xác định mức cổ tức được trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả chậm nhất là 30 ngày trước mỗi lần trả cổ tức. Thông báo về trả cổ tức được gửi bằng phương thức để bảo đảm đến cổ đông theo địa chỉ đăng ký trong sổ đăng ký cổ đông chậm nhất là 15 ngày trước khi thực hiện trả cổ tức.⁵⁷



Thông lệ tốt nhất

Theo Bộ Nguyên tắc Quản trị Công ty theo Thông lệ Tốt nhất của Việt Nam, HĐQT cần phải xây dựng và thực hiện chính sách cổ tức công bằng và nhất quán (Nguyên tắc 9.3).

Bộ Nguyên tắc cũng khuyến nghị như sau:

9.3.1 HĐQT cần phải áp dụng chính sách rõ ràng và minh bạch về quy trình phân phối và chi trả cổ tức, đảm bảo công bằng giữa các cổ đông. Cổ đông cần được cung cấp đầy đủ thông tin về các điều kiện chia cổ tức và thủ tục chi trả và không gặp cản trở việc nhận cổ tức.

9.3.2 Cổ tức phải được trả trong vòng 30 ngày sau khi nghị quyết có liên quan được thông qua. Trong trường hợp công ty trả cổ tức dưới dạng cổ phiếu thì thời hạn chi trả là trong vòng 60 ngày từ khi nghị quyết được thông qua.

9.3.3 Công ty có trách nhiệm chi trả toàn bộ cổ tức đã công bố. Theo đó, công ty phải chịu trách nhiệm trước các cổ đông về việc không thực hiện nghĩa vụ này theo quy định của pháp luật hiện hành.

9.3.4 HĐQT cần phải công bố chính sách cổ tức thông qua website của công ty.

4.3.5. Quyền Tự do Chuyển nhượng Cổ phần

Trừ cổ phần ưu đãi biểu quyết và cổ phần do cổ đông sáng lập đăng ký mua tại thời điểm thành lập công ty, cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông và cổ phần ưu đãi có quyền tự do chuyển nhượng cổ phần cho cổ đông hoặc đối tượng khác không phải là cổ đông của công ty. Cổ đông có thể chuyển nhượng cổ phần tại bất kỳ thời điểm nào với bất kỳ mức giá nào mà không cần có sự chấp thuận, hoặc quyền ưu tiên mua cổ phần mới, của công ty và cổ đông khác.⁵⁸

Chỉ có tổ chức được Chính phủ ủy quyền và cổ đông sáng lập được quyền nắm giữ cổ phần ưu đãi biểu quyết. Ưu đãi biểu quyết của cổ đông sáng lập có hiệu lực trong 03 năm kể từ ngày công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Sau thời hạn ưu đãi biểu quyết, cổ phần ưu đãi biểu quyết của cổ đông sáng lập được chuyển đổi thành cổ phần phổ thông và có thể được tự do chuyển nhượng.⁵⁹

57 Khoản 4, Điều 135, LDN.

58 Điều 127, LDN

59 LDN, Điều 116

GIỚI THIỆU
VE QUẢN TRỊ
CÔNG TYCƠ CẤU
QUẢN TRỊ
CÔNG TYTÀI LIỆU NỘI BỘ
VE QUẢN TRỊ
CÔNG TYGIỚI THIỆU VỀ
QUYỀN CỤA
CỔ ĐÔNGĐẠI HỘI
ĐỒNG CỔ ĐÔNGHỘI ĐỒNG
QUẢN TRỊ

BAN GIÁM ĐỐC

THỦ KÝ CÔNG TY

MỐI TRƯỜNG
KIỂM SÁTCÔNG BỐ
THÔNG TINGIAO DỊCH VỚI
NGƯỜI CÒN LẠI
QUAN (GOLQ)

CỔ TỨC

VỐN ĐIỀU LỆ

Có một số hạn chế trong việc chuyển nhượng cổ phần do cổ đông sáng lập đăng ký mua tại thời điểm thành lập công ty. Trong thời hạn 03 năm kể từ ngày công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập được tự do chuyển nhượng cho cổ đông sáng lập khác và chỉ được chuyển nhượng cho người không phải là cổ đông sáng lập nếu được sự chấp thuận của ĐHĐCĐ. Sau thời hạn ba năm này, các hạn chế đối với cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập sẽ được bãi bỏ.⁶⁰

4.3.6. Quyền Từ chối Đầu tiên và Quyền Ưu tiên Mua Cổ phần

Trong một số trường hợp nhất định, cổ đông có quyền ưu tiên mua cổ phần mới chào bán hoặc chứng khoán chuyển đổi trước khi công ty chào bán cho bên thứ ba. Theo đó, cổ đông có quyền đăng ký mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong công ty.⁶¹ Theo quy định, đối với các công ty niêm yết, cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp ĐHĐCĐ quyết định khác.⁶² Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của ĐHĐCĐ và phù hợp với các quy định của pháp luật⁶³, tuy nhiên, không có quy định hay hướng dẫn cụ thể trong trường hợp công ty phát hành thêm cổ phần ưu đãi.

Cổ đông có quyền chuyển quyền ưu tiên mua cổ phần của mình cho người khác.⁶⁴

Mục đích của Quyền Ưu tiên Mua Cổ phần

Quyền ưu tiên mua cổ phần đảm bảo rằng tất cả cổ đông sở hữu cùng loại cổ phần được đối xử như nhau. Quyền này tạo cơ hội cho cổ đông mua cổ phần mới khi công ty muốn tăng vốn điều lệ. Quyền được ưu tiên mua cổ phần bảo vệ cổ đông khỏi tình trạng pha loãng cổ phần có thể dẫn đến việc mất một số quyền do việc giảm tỷ lệ cổ phần nắm giữ.

Khi nào có quyền ưu tiên mua cổ phần: Khi công ty dự định tăng vốn điều lệ thông qua việc huy động vốn bằng tiền mặt, cổ phần mới phát hành

60 LDN, Điều 120, khoản 3

61 LDN, Điều 115, Khoản 1(c)

62 Khoản 5, Điều 6, Thông tư 116/2020/TT-BTC Điều lệ mẫu

63 Khoản 4, Điều 6, Thông tư 116/2020/TT-BTC Điều lệ mẫu

64 Khoản 2c, Điều 124, LDN

phải được ưu tiên phân phối cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần của họ.

Quyền ưu tiên mua cổ phần và cổ phần lẻ: Khi cổ đông thực hiện quyền được ưu tiên mua cổ phần, có thể có cổ phần lẻ. Hiện tại, ở Việt Nam không có quy định cụ thể về việc xử lý đối với cổ phần lẻ. Tuy nhiên, theo thông lệ trên thị trường, số cổ phần được phát hành thêm sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị. HĐQT có thể phân phối số cổ phần còn lại do làm tròn cho cổ đông của công ty hoặc các đối tượng khác một cách hợp lý với điều kiện việc phân phối số cổ phần còn lại không được thuận lợi hơn điều kiện phân phối cho cổ đông hiện hữu.

Thủ tục Thực hiện Quyền Ưu tiên Mua Cổ phần

Tổ chức phát hành phải đăng ký với UBCKNN về việc phát hành thêm cổ phần.⁶⁵ Trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng có hiệu lực, tổ chức phát hành phải công bố bản thông báo phát hành trên một tờ báo điện tử hoặc báo in trong ba số liên tiếp.⁶⁶

Việc chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu của công ty cổ phần không phải là công ty đại chúng được thực hiện như sau:⁶⁷

a) Công ty phải thông báo bằng văn bản đến cổ đông theo phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của họ trong sổ đăng ký cổ đông chậm nhất là 15 ngày trước ngày kết thúc thời hạn đăng ký mua cổ phần.

b) Thông báo phải gồm: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân. Tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức. Số cổ phần và tỷ lệ sở hữu cổ phần hiện có của cổ đông tại công ty, tổng số cổ phần dự kiến chào bán và số cổ phần cổ đông được quyền mua, giá chào bán cổ phần, thời hạn đăng ký mua, họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của công ty. Kèm theo thông báo phải có mẫu phiếu đăng ký mua cổ phần do công ty phát hành. Trường hợp phiếu đăng ký mua cổ phần không được gửi về công ty đúng hạn theo thông báo thì cổ đông đó coi như đã không nhận quyền ưu tiên mua.

65 Khoản 1, Điều 16, LCK
 66 Khoản 3, Điều 25, LCK
 67 Khoản 2, Điều 124, LDN

GIỚI THIỆU VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

CƠ CẤU QUẢN TRỊ CÔNG TY

TÀI LIỆU NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

GIỚI THIỆU VỀ QUYỀN CỦA CỔ ĐÔNG

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

BAN GIÁM ĐỐC

THỦ TỤC CÔNG TY

MỐI TRƯỜNG KIỂM SÁT

CÔNG BỐ THÔNG TIN

GIẢI QUYẾT VỚI NGƯỜI CỎ LIÊN QUAN (GỎ LI)

CỐ TỨC

VỐN ĐỂU LỄ

c) Cổ đông có quyền chuyển quyền ưu tiên mua cổ phần của mình cho người khác.

Trường hợp số lượng cổ phần dự kiến chào bán không được cổ đông và người nhận chuyển quyền ưu tiên mua đăng ký mua hết thì HĐQT có quyền bán số cổ phần được quyền chào bán còn lại cho cổ đông của công ty và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông, trừ trường hợp ĐHĐCĐ có chấp thuận khác hoặc pháp luật về chứng khoán có quy định khác.

Cổ phần được coi là đã bán khi được thanh toán đủ và những thông tin về người mua quy định tại khoản 2 Điều 122 của LDN được ghi đầy đủ vào sổ đăng ký cổ đông. Kể từ thời điểm đó, người mua cổ phần trở thành cổ đông của công ty. Sau khi cổ phần được thanh toán đầy đủ, công ty phát hành và giao cổ phiếu cho người mua. Trường hợp không giao cổ phiếu, các thông tin về cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 122 của LDN được ghi vào sổ đăng ký cổ đông để chứng thực quyền sở hữu cổ phần của cổ đông đó trong công ty.

HĐQT quyết định thời điểm, phương thức và giá bán cổ phần. Giá bán cổ phần cho tất cả cổ đông tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần hiện có của họ trong công ty có thể thấp hơn giá thị trường tại thời điểm bán hoặc giá trị được ghi trong sổ sách của cổ phần tại thời điểm gần nhất.⁶⁸



Thông lệ tốt nhất

Cổ đông có quyền ưu tiên mua cổ phần có thể thực hiện toàn bộ hoặc một phần quyền này bằng cách gửi văn bản đến công ty để nghị mua cổ phần phát hành thêm hoặc chứng khoán chuyển đổi khác. Văn bản này phải bao gồm:

- Tên cổ đông
- Nơi cư trú của cổ đông
- Số lượng cổ phần mà cổ đông sẽ mua
- Một tài liệu xác minh thanh toán.

4.3.7. Quyền Yêu cầu Công ty Mua lại Cổ phần

Cổ đông có quyền yêu cầu công ty mua lại toàn bộ hoặc một phần cổ phần của mình nếu cổ đông đó đã biểu quyết không thông qua hoặc từ chối biểu quyết về:

- Thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ Công ty mà cổ đông đó đã biểu quyết không thông qua.
- Tổ chức lại công ty dưới hình thức sáp nhập hoặc chia tách hoặc liên quan đến việc thay đổi hình thức pháp lý (chuyển đổi) mà cổ đông đã biểu quyết không thông qua.

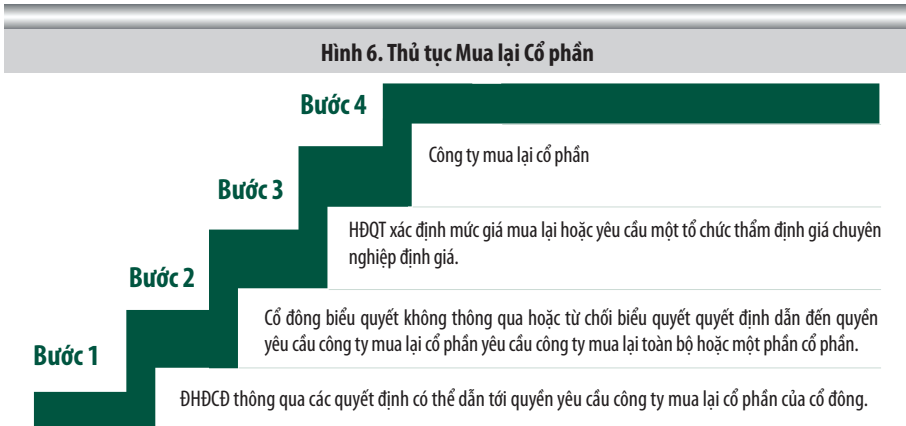
Yêu cầu phải được gửi đến công ty trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết về vấn đề mà cổ đông đó đã biểu quyết không thông qua. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu công ty mua lại.

HDQT phải xác định mức giá mua lại, có thể là giá thị trường hoặc một phương pháp khác được quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp không thoả thuận được về giá thì cổ đông đó có thể bán cổ phần cho người khác hoặc cho công ty với lựa chọn sử dụng tổ chức thẩm định giá định giá chuyên nghiệp định giá. Công ty giới thiệu ít nhất 03 tổ chức thẩm định giá để cổ đông lựa chọn. Quyết định lựa chọn tổ chức thẩm định giá đó là quyết định cuối cùng.

Công ty phải mua lại cổ phần trong thời hạn chín mươi ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu.⁶⁹

Các bước thực hiện để mua lại cổ phần được tóm tắt trong Hình 6.

69 Điều 132, LDN.



Quyền Khiếu kiện Nhân danh Công ty

Về nguyên tắc, LDN quy định quyền của cổ đông yêu cầu tòa án hoặc trọng tài hủy bỏ các quyết định của ĐHĐCĐ. Theo quy định tại Điều 151 LDN, trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp ĐHĐCĐ hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến ĐHĐCĐ, cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên (hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ Công ty)⁷⁰ có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết ĐHĐCĐ trong các trường hợp sau đây: 1) trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của ĐHĐCĐ vi phạm nghiêm trọng quy định của LDN và Điều lệ Công ty, trừ trường hợp⁷¹ nghị quyết ĐHĐCĐ được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực kể cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của LDN và Điều lệ Công ty và 2) nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.

Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần phổ thông có quyền tự mình hoặc nhân danh công ty khởi kiện trách nhiệm cá nhân, trách nhiệm liên đới đối với các thành viên HĐQT hoặc TGD để yêu cầu hoàn trả lợi ích hoặc bồi thường thiệt hại cho công ty hoặc người khác trong trường hợp sau đây:⁷²

- Vi phạm trách nhiệm của người quản lý công ty theo quy định tại Điều 165 của LDN.

⁷⁰ Khoản 2, Điều 115, LDN

⁷¹ Khoản 2, Điều 152, LDN

⁷² Điều 166, LDN

- Không thực hiện, thực hiện không đầy đủ, thực hiện không kịp thời hoặc thực hiện trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ Công ty, nghị quyết, quyết định của HĐQT đối với quyền và nghĩa vụ được giao.
- Lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
- Trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Trình tự, thủ tục khởi kiện thực hiện theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Chi phí khởi kiện trong trường hợp cổ đông, nhóm cổ đông khởi kiện nhân danh công ty được tính vào chi phí của công ty, trừ trường hợp bị bác yêu cầu khởi kiện. Cổ đông, nhóm cổ đông theo quy định trên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục thông tin cần thiết theo quyết định của tòa án, trọng tài trước hoặc trong quá trình khởi kiện.

4.3.8. Quyền Triệu tập ĐHĐCĐ

Quyền này rất quan trọng đối với cổ đông để bảo vệ quyền lợi của mình. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ Công ty có quyền yêu cầu triệu tập họp ĐHĐCĐ trong các trường hợp sau đây:

- HĐQT vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao.
- Trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ Công ty.⁷³

4.3.9. Quyền Đề cử Thành viên HĐQT và BKS

Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đại diện từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ Công ty có quyền đề cử người vào HĐQT và BKS.⁷⁴

Số lượng ứng cử viên tùy thuộc vào số lượng thành viên HĐQT, BKS, và do ĐHĐCĐ quyết định. Trường hợp số ứng cử viên được đề cử thấp hơn số ứng cử viên được quyền đề cử thì các ứng cử viên còn lại do HĐQT, BKS và các cổ đông khác đề cử. Thực tế, các cổ đông lớn thường kiểm soát việc bầu và bãi nhiệm các thành viên HĐQT.

73 Điều 115, LDN

74 Khoản 5, Điều 115, LDN

GIỚI THIỆU
VE QUẢN TRỊ
CÔNG TY

CƠ CẤU
QUẢN TRỊ
CÔNG TY

TÀI LIỆU NỘI BỘ
VE QUẢN TRỊ
CÔNG TY

GIỚI THIỆU VE
QUYỀN CỦA
CỔ ĐÔNG

ĐẠI HỘI
ĐỒNG CỔ ĐÔNG

HỘI ĐỒNG
QUẢN TRỊ

BAN GIÁM ĐỐC

THỦ KÝ CÔNG TY

MỘT TRƯỞNG
KIỂM SOÁT

CÔNG BỐ
THÔNG TIN

GAO DI CỬ VỚI
NGƯỜI CÒN LIÊN
QUAN (GỎI)

CỐ TỨC

VỐN ĐIỀU LỆ

4.3.10. Hạn chế đối với Cổ đông Sáng lập

Việc chuyển nhượng cổ phần do cổ đông sáng lập nắm giữ cho cổ đông khác không phải là cổ đông sáng lập trong thời hạn ba năm kể từ ngày thành lập công ty bị hạn chế trừ khi được sự phê duyệt của ĐHĐCĐ. Hạn chế này chỉ áp dụng đối với cổ đông sáng lập của công ty cổ phần mới trong thời hạn ba năm đầu kể từ ngày thành lập công ty.⁷⁵

4.3.11. Quyền đối với Tài sản của Công ty khi Thanh lý Công ty

Cổ đông là người có quyền yêu cầu sau cùng về tài sản khi công ty bị giải thể hoặc phá sản, và vì vậy cổ đông sẽ chỉ nhận được một phần giá trị tài sản còn lại sau khi các chủ nợ đã được thanh toán đầy đủ. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông có quyền nhận một phần tài sản còn lại của công ty tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại công ty sau khi công ty đã thanh toán đầy đủ cho các chủ nợ và cho cổ đông sở hữu các loại cổ phần khác theo quy định của pháp luật.⁷⁶

Trong quá trình thanh lý, công ty phải thanh toán cho các khoản nợ ưu tiên trước (bao gồm các chi phí thanh lý và hành chính, các khoản nợ lương, các khoản phúc lợi của người lao động, và thuế), sau đó đến các khoản thanh toán cho chủ nợ. Cuối cùng, phần giá trị tài sản còn lại sẽ được chia cho cổ đông, trong đó cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.⁷⁷

Tài sản của công ty phải được phân chia cho từng nhóm theo thứ tự ưu tiên. Ví dụ, công ty chỉ được thanh toán giá trị thanh lý cho cổ phần ưu đãi sau khi đã thanh toán đầy đủ cho cổ phần có mức độ ưu tiên cao hơn. Nếu công ty không có đủ tài sản để thanh toán cho toàn bộ cổ đông sở hữu cùng loại cổ phần, tài sản phải được phân chia theo tỷ lệ tương ứng với số lượng cổ phần thuộc loại đó.

LDN quy định cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi cổ tức được nhận phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại công ty sau khi công ty đã thanh toán hết các khoản nợ và cổ phần ưu đãi hoàn lại khi công ty giải thể hoặc phá sản.⁷⁸

75 Khoản 3, Điều 120, LDN

76 Khoản 1g, Điều 115, LDN

77 Khoản 3, Điều 61, Thông tư 116/2020/TT-BTC, Điều lệ Mẫu.

78 Khoản 2b, Điều 117, LDN.

4.4. Nhà nước với Tư cách là Cổ đông

Nhà nước có thể trở thành một cổ đông trong công ty cổ phần thông qua việc mua cổ phần hoặc chuyển đổi công ty Nhà nước thành công ty cổ phần (quá trình này thường được gọi là “cổ phần hóa”).

Doanh nghiệp nhà nước là công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc công ty cổ phần, bao gồm⁷⁹:

- Doanh nghiệp 100% vốn nhà nước (do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ)
 - o Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên (Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ), là công ty mẹ của tập đoàn kinh tế nhà nước, công ty mẹ của tổng công ty nhà nước, hoặc công ty mẹ trong nhóm công ty mẹ - công ty con.
 - o Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên (công ty độc lập do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ).
- Doanh nghiệp có một phần vốn nhà nước (Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng cổ phần có quyền biểu quyết, trừ doanh nghiệp 100% vốn nhà nước).
 - o Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên và công ty cổ phần (Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ, tổng số cổ phần có quyền biểu quyết) là công ty mẹ của tập đoàn kinh tế, công ty mẹ của tổng công ty nhà nước, công ty mẹ trong nhóm công ty mẹ - công ty con.
 - o Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên và công ty cổ phần (công ty độc lập do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ, tổng số cổ phần có quyền biểu quyết).

Tỷ lệ cổ phần Nhà nước nắm giữ căn cứ vào tiêu chí phân loại doanh nghiệp Nhà nước do Thủ tướng Chính phủ công bố trong từng thời kỳ⁸⁰. Trên cơ sở vốn điều lệ đã được xác định, cơ quan đại diện chủ sở hữu quyết định cơ cấu vốn cổ phần lần đầu, trong đó có cổ phần Nhà nước nắm giữ theo tiêu chí phân loại doanh nghiệp nhà nước được Thủ tướng Chính phủ công bố trong từng thời kỳ. Đối với các doanh nghiệp đặc thù, có vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế tại địa phương, phục vụ chiến lược phát triển của ngành, tập đoàn kinh tế (như quản lý, khai thác cảng biển, trường hợp Nhà nước nắm giữ 36% vốn điều lệ và các trường hợp đặc thù khác) cơ quan đại diện chủ sở hữu báo cáo Thủ tướng Chính phủ quyết định số cổ phần Nhà nước tiếp tục nắm

79 Điều 88, LDN.

80 Khoản 1a, Điều 4, Nghị định 126/2017/NĐ-CP.

GIỚI THIỆU VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

CƠ CẤU QUẢN TRỊ CÔNG TY

TÀI LIỆU NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

GIỚI THIỆU VỀ QUYỀN CỬA CỔ ĐÔNG

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

BAN GIÁM ĐỐC

THỦ TƯỚNG CÔNG TY

HỘI TRƯỞNG KIỂM SOÁT

CÔNG BỐ THÔNG TIN

GIỚI THIỆU VỀ NGƯỜI CỎ LIÊN QUAN (GỎ LIÊN QUAN)

CỐ TỨC

VỐN ĐIỀU LỆ

giữ và số cổ phần ưu đãi biểu quyết theo quy định tại LDN. Do đó, Nhà nước có thể tham gia vào công ty với tư cách là cổ đông phổ thông hoặc với tư cách là người nắm giữ các đặc quyền.⁸¹



Thông lệ tốt nhất

Nhà đầu tư nước ngoài thường thận trọng khi đầu tư vào các công ty phát hành cổ phần có các đặc quyền. Mặc dù các đặc quyền này có thể đóng vai trò quan trọng trong việc bảo vệ lợi ích của Nhà nước và công chúng, các cơ quan Nhà nước nên cân nhắc thận trọng mọi ưu nhược điểm của việc thực hiện các đặc quyền này trong từng trường hợp cụ thể.

Nhà nước với Tư cách là Cổ đông Phổ thông

Trong trường hợp này, ảnh hưởng của Nhà nước trong công ty được xác định bởi tỷ lệ cổ phần sở hữu.

Nhà nước với Tư cách Cổ đông Nắm giữ Đặc quyền

Các đặc quyền của Nhà nước được thực hiện thông qua cổ phần ưu đãi biểu quyết hoặc thông qua việc sở hữu đa số cổ phần. Trong một số lĩnh vực do Chính phủ quyết định, Nhà nước sẽ có các đặc quyền này. Những quyền này nhằm đảm bảo an ninh của Nhà nước, hoặc để bảo vệ đạo đức, sức khỏe và quyền lợi của người dân.



Thông lệ tốt nhất

Mặc dù được hưởng các quyền như các cổ đông khác trong công ty, với đa số cổ phần hoặc cổ phần ưu đãi biểu quyết có số phiếu nhiều hơn cổ phần phổ thông, Nhà nước tại Việt Nam có thể có các quyền sau:

- Đề xuất các vấn đề đưa ra thảo luận tại ĐHĐCĐ
- Yêu cầu triệu tập ĐHĐCĐ bất thường
- Phản đối các quyết định sau đây của ĐHĐCĐ:
 - a) Sửa đổi điều lệ hoặc phê duyệt điều lệ mới
 - b) Tổ chức lại công ty
 - c) Thanh lý công ty, bổ nhiệm cơ quan nội bộ của công ty, hoặc phê duyệt bảng cân đối thanh lý trung gian và cuối cùng
 - d) Sửa đổi vốn điều lệ
 - e) Phê duyệt giao dịch bất thường và giao dịch với bên liên quan
 - f) Tiếp cận mọi tài liệu của công ty.

Nhà nước có thể chỉ định một đại diện vào HĐQT và thay thế đại diện này bất kỳ thời điểm nào.

Gần đây, Nhà nước đã giảm quyền sở hữu trong các công ty không cần sự can thiệp và kiểm soát toàn diện của Nhà nước thông qua chương trình rút vốn khỏi các công ty này. Bên cạnh đó, các tập đoàn, tổng công ty Nhà nước, công ty mẹ và Tổng công ty Đầu tư Vốn Nhà nước (SCIC) có thể là cổ đông mà không có các đặc quyền. Trong trường hợp này, các quyền của Nhà nước cũng giống như quyền của cổ đông khác của công ty đó.

Thực hiện các quyền của Nhà nước với Tư cách là Cổ đông

Các cơ quan Nhà nước sở hữu cổ phần thường sử dụng quyền lực theo luật định của họ để can thiệp vào hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

Nhà nước sẽ thực hiện quyền chủ sở hữu vốn Nhà nước tại doanh nghiệp theo các nguyên tắc sau:

- Thực hiện quyền chủ sở hữu với vai trò là người đầu tư vốn.
- Bảo toàn và phát triển vốn nhà nước.
- Tách biệt chức năng thực hiện các quyền chủ sở hữu với chức năng quản lý hành chính nhà nước.
- Tách biệt thực hiện quyền chủ sở hữu đối với quyền chủ động kinh doanh của doanh nghiệp, tôn trọng quyền kinh doanh của doanh nghiệp.
- Thực hiện thống nhất và tập trung các quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu về vốn.

Doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ⁸² được tổ chức quản lý dưới hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên theo quy định tại Chương IV của LDN và các quy định khác có liên quan của LDN, trường hợp có sự khác nhau giữa các quy định của pháp luật thì áp dụng quy định tại Chương IV của LDN (doanh nghiệp nhà nước).

Doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ⁸³ trên 50% vốn điều lệ hoặc cổ phần có quyền biểu quyết được tổ chức quản lý dưới hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên theo quy định tại Chương IV của LDN (doanh nghiệp nhà nước).

Cơ quan đại diện chủ sở hữu cử một hoặc một số người làm đại diện phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp cổ phần hóa là đơn vị thành viên, bộ phận doanh nghiệp trực thuộc và chịu trách nhiệm thực hiện quyền, nghĩa

82 Khoản 1a, Điều 88, LDN.
83 Khoản 1b, Điều 88, LDN.

GIỚI THIỆU VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

CƠ CẤU QUẢN TRỊ CÔNG TY

TÀI LIỆU NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

GIỚI THIỆU VỀ QUYỀN CỦA CỔ ĐÔNG

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

BAN GIÁM ĐỐC

THỦ KÝ CÔNG TY

HỘI TRƯỞNG KIỂM SOÁT

CÔNG BỐ THÔNG TIN

GAO DI CHÚC VỚI NGƯỜI CÒN LẠI QUẢN (GOLLO)

CỐ TỨC

VỐN ĐIỀU LỆ

vụ của đại diện chủ sở hữu phần vốn nhà nước theo quy định của pháp luật.⁸⁴ Đối với doanh nghiệp cổ phần hóa, Ban Chỉ đạo Cổ phần hóa Doanh nghiệp báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu quyết định cử người đại diện phần vốn tại doanh nghiệp cổ phần hóa có vốn nhà nước tiếp tục tham gia tại công ty cổ phần và chịu trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ/trách nhiệm của người đại diện chủ sở hữu phần vốn Nhà nước theo quy định của pháp luật.⁸⁵

Ủy ban Quản lý vốn Nhà nước tại Doanh nghiệp (CMSC) là cơ quan ngang bộ của Việt Nam thực hiện quyền, trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu nhà nước đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và phần vốn nhà nước đầu tư tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên theo quy định của pháp luật.⁸⁶ CMSC thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn đối với phần vốn nhà nước đầu tư tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên do CMSC làm đại diện chủ sở hữu bao gồm việc cử, bãi nhiệm, miễn nhiệm, luân chuyển, điều động, biệt phái, khen thưởng, kỷ luật, quyết định mức lương, phụ cấp trách nhiệm, tiền thưởng và quyền lợi khác của người đại diện phần vốn nhà nước theo quy định của pháp luật. Yêu cầu người đại diện phần vốn nhà nước thực hiện những nhiệm vụ theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp. CMSC có ý kiến kịp thời bằng văn bản đối với những vấn đề thuộc trách nhiệm của người đại diện phải báo cáo, xin ý kiến, và kiểm tra, giám sát, và đánh giá hoạt động của người đại diện phần vốn nhà nước.⁸⁷

Theo OECD⁸⁸, Nhà nước có những thách thức riêng về quản trị trong vai trò một cổ đông. Cổ đông Nhà nước có thể can thiệp quá mức vào quyền sở hữu và với động cơ chính trị, ảnh hưởng đến hiệu quả của công ty. Thách thức này thường trở nên nghiêm trọng hơn nếu công ty có vốn Nhà nước có mục tiêu kép về kinh tế và xã hội. Ngược lại, có thể xảy ra tình trạng thiếu giám sát do cách tiếp cận thụ động hoặc quyền sở hữu xa của Nhà nước. Ngoài ra, theo nhiều mô hình sở hữu khác nhau, chủ thể sở hữu, cổ đông Nhà nước hoặc một phần Nhà nước chịu trách nhiệm về chức năng sở hữu, có thể là một cơ quan sở hữu Nhà nước, một cơ quan điều phối, hoặc một bộ của chính phủ chịu

84 Khoản 2, Điều 45, Nghị định 126/2017/NĐ-CP.

85 Phụ lục II - Thủ tục chuyển doanh nghiệp nhà nước thành công ty cổ phần, Bước 3(6), Nghị định 126/2017/NĐ-CP.

86 Điều 1, Nghị định 131/2018/NĐ-CP.

87 Khoản 4, Điều 5, Nghị định 131/2018/NĐ-CP.

88 OECD (2023), Khuyến nghị của Hội đồng về các Nguyên tắc Quản trị Công ty cho Doanh nghiệp Nhà nước, OECD/LEGAL/0414.

trách nhiệm thực hiện quyền sở hữu Nhà nước. Trách nhiệm giải trình về kết quả hoạt động của Nhà nước trong vai trò cổ đông liên quan đến một chuỗi các tác nhân phức tạp, cụ thể là ban giám đốc, HĐQT, các chủ thể sở hữu, các bộ, chính phủ, và cơ quan lập pháp, dẫn đến các ranh giới trách nhiệm không rõ ràng và thiếu trách nhiệm giải trình.



Thông lệ tốt nhất

OECD nhấn mạnh tầm quan trọng của việc chuyên nghiệp hóa Nhà nước trong vai trò chủ sở hữu. Nhà nước cần hành động như một chủ sở hữu chủ động và dựa trên đầy đủ thông tin, bảo đảm để việc quản trị doanh nghiệp nhà nước có tính minh bạch và có trách nhiệm giải trình, với mức độ chuyên nghiệp và hiệu quả cao.

Liên quan đến việc bảo đảm đối xử công bằng với các cổ đông và các nhà đầu tư khác, khi doanh nghiệp nhà nước được niêm yết hoặc chủ sở hữu bao gồm nhà đầu tư không phải là nhà nước, Nhà nước và doanh nghiệp cần công nhận quyền của tất cả cổ đông và bảo đảm đối xử công bằng với cổ đông và quyền tiếp cận bình đẳng với thông tin của công ty. Điều này bao gồm, khi khả thi, những nội dung sau đây:

- thực hiện các Nguyên tắc Quản trị Công ty của OECD.
- tuân thủ các bộ quy tắc quản trị công ty của quốc gia.
- bảo đảm công bố thông tin đầy đủ cho cổ đông không phải là nhà nước về các mục tiêu chính sách công.
- tuân thủ đầy đủ các quyền theo hợp đồng và giải quyết các tranh chấp một cách kịp thời và khách quan khi tham gia các dự án hợp tác.

OECD (2023), Khuyến nghị của Hội đồng về các Nguyên tắc Quản trị Công ty cho Doanh nghiệp Nhà nước, OECD/LEGAL/0414. (Trang 11)

GIỚI THIỆU VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

CƠ CẤU QUẢN TRỊ CÔNG TY

TÀI LIỆU HỖ TRỢ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

GIỚI THIỆU VỀ QUYỀN CỦA CỔ ĐÔNG

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

BAN GIÁM ĐỐC

THỦ KÝ CÔNG TY

MỘT TRƯỞNG KIỂM SÁT

CÔNG BỐ THÔNG TIN

GIAO DỊCH VỚI NGƯỜI CÒN LIÊN QUAN (GOLU)

CỐ TỨC

VỐN ĐIỀU LỆ

4.5. Đăng ký Cổ đông

Sổ đăng ký cổ đông của công ty là một tài liệu quan trọng để xác định cổ đông và chủ sở hữu của các loại chứng khoán khác của công ty. Sổ đăng ký cổ đông có thể được sử dụng để xác nhận số lượng, giá trị danh nghĩa, loại cổ phần và các chứng khoán khác được nắm giữ. Sổ đăng ký cổ đông cũng giúp cho việc đảm bảo quyền của cổ đông và theo dõi việc luân chuyển cổ phần và các chứng khoán khác.

4.5.1. Sổ đăng ký Cổ đông

Công ty phải lập và lưu giữ sổ đăng ký cổ đông từ khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Sổ đăng ký cổ đông có thể là văn bản, tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai loại này.⁸⁹

Sổ đăng ký cổ đông phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- Tên, địa chỉ trụ sở chính của công ty.
- Tổng số cổ phần được quyền chào bán, loại cổ phần được quyền chào bán và số cổ phần được quyền chào bán của từng loại.
- Tổng số cổ phần đã bán của từng loại và giá trị vốn cổ phần đã góp.
- Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân, tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức.
- Số lượng cổ phần từng loại của mỗi cổ đông, ngày đăng ký cổ phần.⁹⁰

Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty hoặc các tổ chức khác có chức năng lưu giữ sổ đăng ký cổ đông. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục, sao chép tên và địa chỉ liên lạc của cổ đông công ty trong sổ đăng ký cổ đông.⁹¹ Thành viên HĐQT, thành viên BKS, TGD và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của công ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.⁹² Công ty phải

89 Khoản 1, Điều 122, LDN.

90 Khoản 1, Điều 122, LDN.

91 Khoản 3, Điều 122, LDN.

92 Khoản 3, Điều 49, Thông tư 116/2020/TT-BTC, Điều lệ Mẫu.

đăng ký thay đổi cổ đông trong sổ đăng ký cổ đông theo yêu cầu của cổ đông có liên quan trong thời hạn 24 giờ kể từ khi nhận được yêu cầu theo quy định tại Điều lệ Công ty.⁹³

Mặc dù không có quy định cụ thể về việc quản lý sổ đăng ký cổ đông, LDN quy định người quản lý công ty phải cung cấp kịp thời thông tin trong sổ đăng ký cổ đông, sửa đổi, bổ sung thông tin sai lệch theo yêu cầu của cổ đông. chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại phát sinh do không cung cấp hoặc cung cấp không kịp thời, không chính xác thông tin sổ đăng ký cổ đông theo yêu cầu.⁹⁴ Cần có quy định rõ ràng trong trường hợp có sai lệch giữa số liệu trong sổ cổ đông và số liệu trong sổ đăng ký thành viên của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam.

4.5.2. Đăng ký cổ đông của Công ty đại chúng

Đăng ký với Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam

Công ty đại chúng phải thực hiện đăng ký cổ phiếu tập trung tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (VSDC).⁹⁵ VSDC là doanh nghiệp được thành lập và hoạt động theo quy định của LDN. Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ hoặc cổ phần có quyền biểu quyết của VSDC. Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập, giải thể, mô hình hoạt động, hình thức sở hữu, chức năng, quyền và nghĩa vụ của VSDC theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính. VSDC chịu sự quản lý và giám sát của UBCKNN⁹⁶. VSDC kế thừa mọi quyền và trách nhiệm của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam theo quy định của pháp luật.⁹⁷

Chứng khoán của công ty đại chúng và chứng khoán của các tổ chức khác niêm yết, đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch chứng khoán phải được đăng ký tập trung tại VSDC. Công ty đại chúng, tổ chức phát hành thực hiện đăng ký thông tin về công ty đại chúng, tổ chức phát hành, chứng khoán của công ty đại chúng, tổ chức phát hành và người sở hữu chứng khoán với VSDC. VSDC lập và lưu giữ Sổ đăng ký người sở hữu chứng khoán đối với các chứng khoán đã đăng ký tập trung tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam. VSDC thực hiện lập danh sách, tính toán và phân bổ quyền

93 Khoản 7, Điều 127, LDN.

94 Khoản 3, Điều 141, LDN.

95 Khoản 1c, Điều 34, LCK.

96 Điều 52, LCK.

97 Khoản 2, Điều 1, Dự thảo quyết định thành lập, tổ chức và hoạt động của VSDC.

- GIỚI THIỆU VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
- CƠ CẤU QUẢN TRỊ CÔNG TY
- TÀI LIỆU NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
- GIỚI THIỆU VỀ QUYỀN CỦA CỔ ĐÔNG
- ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
- HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
- BAN GIÁM ĐỐC
- THỦ KÝ CÔNG TY
- HỘI TRƯỞNG KIỂM SÁT
- CÔNG BỐ THÔNG TIN
- GIAO DỊCH VỚI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN (GỎI LỘ)
- CỐ TỨC
- VỐN ĐIỀU LỆ

cho người sở hữu chứng khoán theo tỷ lệ do công ty đại chúng, tổ chức phát hành thông báo. Chỉ những người có tên trên Sổ đăng ký người sở hữu chứng khoán lập tại ngày đăng ký cuối cùng theo thông báo của công ty đại chúng, tổ chức phát hành mới được nhận các quyền phát sinh liên quan đến chứng khoán mà mình sở hữu.⁹⁸

VSDC sẽ ban hành các quy chế về đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán, quy chế thành viên của VSDC, và các quy chế nghiệp vụ khác sau khi được UBCKNN chấp thuận.⁹⁹ Theo quy định tại Luật Chứng khoán 2019, có hai loại thành viên VSDC: thành viên lưu ký - cung cấp dịch vụ đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán và thành viên bù trừ - cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán cho các sản phẩm phái sinh và các loại chứng khoán khác.¹⁰⁰

Đăng ký với Cơ quan Đăng ký Kinh doanh

Pháp luật Việt Nam không quy định cổ đông nắm giữ từ 5% tổng số cổ phần trở lên phải đăng ký, nhưng thông tin của cổ đông lớn, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của công ty đại chúng phải được công bố công khai.¹⁰¹

98 Điều 61, LCK.

99 Khoản 1a, Điều 55, LCK.

100 Khoản 1, Điều 56, LCK.

101 Khoản 1e, Điều 118, LCK

4.6. Bảo vệ Quyền của Cổ đông

Việc bảo vệ quyền của cổ đông là vấn đề cốt lõi trong quản trị công ty và là một nhân tố rất quan trọng đối với các công ty hoạt động tại thị trường mới nổi hoặc các nền kinh tế chuyển đổi. Việc bảo vệ các quyền này có thể được thực hiện từ bên trong (tức là thông qua các quy định quản trị nội bộ và các đảm bảo bởi LDN và các quy định pháp luật khác), và từ bên ngoài (thông qua các tổ chức bên ngoài).

4.6.1. Bảo đảm bởi Luật Doanh nghiệp Việt Nam

LDN có những bảo đảm nhất định cho việc thực hiện và bảo vệ quyền của cổ đông. Một số mang tính thủ tục và có liên quan đến việc tổ chức ĐHĐCĐ. Một số khác được phản ánh trong nghĩa vụ của các chủ thể quản trị và cán bộ điều hành của công ty, tức là các thành viên HĐQT, TGD, và thành viên ban giám đốc.

Ví dụ, quyền của cổ đông sở hữu hoặc đại diện một tỷ lệ phần trăm nào đó trên tổng số cổ phần (Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty theo Luật DN¹⁰² và 5% theo quy định tại Điều lệ Mẫu áp dụng cho các công ty niêm yết) trong việc kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp tại cuộc họp ĐHĐCĐ cần được đảm bảo bằng các điều khoản có liên quan đến quyền và nghĩa vụ của HĐQT như sau:

- Thành viên HĐQT không được phép từ chối các vấn đề do cổ đông đề xuất ngoại trừ các trường hợp được quy định bởi LDN, theo đó, tránh được việc HĐQT bỏ ra khỏi nội dung cuộc họp những vấn đề mà họ không muốn giải quyết. Thành viên HĐQT chỉ được phép từ chối đề xuất của cổ đông trong các trường hợp sau: i) kiến nghị vấn đề đưa vào cuộc họp không được gửi tới công ty trong thời gian quy định hoặc không đủ các thông tin được yêu cầu, ii) các vấn đề được kiến nghị không thuộc phạm vi của cuộc họp ĐHĐCĐ, hoặc iii) các trường hợp khác được quy định trong Điều lệ Công ty.

102 Điều 142, LDN và Điều 12, Thông tư số 116/2020/TT-BTC

- GIỚI THIỆU VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
- CƠ CẤU QUẢN TRỊ CÔNG TY
- TÀI LIỆU NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
- GIỚI THIỆU VỀ QUYỀN CỦA CỔ ĐÔNG**
- ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
- HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
- BAN GIÁM ĐỐC
- THỦ KÝ CÔNG TY
- HỘI TRƯỞNG KIỂM SOÁT
- CÔNG BỐ THÔNG TIN
- GAO DI CHÚC VỚI NGƯỜI CÒN LẠI QUAN (GOLU)
- CỐ TỨC
- VỐN ĐIỀU LỆ

Bảo vệ bởi Hệ thống Luật pháp

Khi quyền của cổ đông bị xâm phạm, cổ đông có quyền được luật pháp bảo vệ. Đây là một quyền cơ bản của cổ đông được bảo đảm bởi luật pháp. Ở Việt Nam, các tòa án thương mại được trao quyền để bảo vệ quyền lợi của cổ đông trước pháp luật. Theo quy định pháp luật hiện hành, về mặt nguyên tắc, cổ đông có quyền yêu cầu tòa án kinh tế hủy bỏ quyết định của ĐHĐCĐ. Tuy nhiên, cổ đông không thể khởi kiện thành viên HĐQT bởi vì cuối cùng công ty là người chịu toàn bộ các khoản chi phí có liên quan đến vụ kiện. Cổ đông không thể kiện thành viên HĐQT nhân danh công ty, vì quyền này chưa được đưa ra ở Việt Nam.

Người có hành vi vi phạm các quy định của LDN thì tùy theo tính chất và mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật. Trường hợp gây thiệt hại đến lợi ích của doanh nghiệp, chủ sở hữu, thành viên, cổ đông, chủ nợ của doanh nghiệp hoặc người khác thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.¹⁰³

Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ ít nhất 5% số cổ phần phổ thông (hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn do Điều lệ Công ty quy định) có quyền yêu cầu triệu tập họp ĐHĐCĐ trong trường hợp: a) HĐQT vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao, b) Trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ Công ty.¹⁰⁴ Trường hợp HĐQT không triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường theo quy định thì Chủ tịch HĐQT và các thành viên HĐQT phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho công ty.¹⁰⁵ Cổ đông có quyền yêu cầu tòa án hoặc trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết ĐHĐCĐ trong một số trường hợp cụ thể.¹⁰⁶

Trường hợp phát sinh tranh chấp giữa cổ đông và công ty, hoặc giữa cổ đông và HĐQT, BKS, TGD mà không được giải quyết bằng thương lượng và hòa giải trong một khoảng thời gian nhất định, cổ đông có thể khởi kiện tới trọng tài kinh tế hoặc tòa án kinh tế. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần phổ thông có quyền tự mình hoặc nhân danh công ty khởi kiện trách nhiệm cá nhân, trách nhiệm liên đới đối với các thành viên HĐQT, TGD để yêu cầu hoàn trả lợi ích hoặc bồi thường thiệt hại: a) vi phạm

¹⁰³ Khoản 4, Điều 153, LDN.

¹⁰⁴ Điều 115, LDN.

¹⁰⁵ Khoản 2, Điều 140, LDN.

¹⁰⁶ Điều 151, LDN.

trách nhiệm của người quản lý công ty, b) không thực hiện, thực hiện không đầy đủ, thực hiện không kịp thời hoặc thực hiện trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ Công ty, nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với quyền và nghĩa vụ được giao, c) lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác, d) trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.¹⁰⁷

Cổ đông nắm giữ một nửa số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết trong bầu cử thành viên HĐQT có quyền khiếu kiện ra toà án để yêu cầu giải thể công ty trong một số trường hợp nhất định.¹⁰⁸

Ở Việt Nam, hệ thống tòa án còn thiếu kinh nghiệm trong việc giải quyết các tranh chấp thuộc lĩnh vực thị trường chứng khoán và thiếu các thẩm phán có kinh nghiệm. Hệ thống tòa án ở Việt Nam thường bị cho là kém hiệu quả nếu so sánh với chuẩn mực quốc tế với rất nhiều thủ tục phức tạp. Điều này khiến cho việc bảo vệ quyền của cổ đông thông qua hệ thống luật pháp gặp nhiều thách thức.

Bảo vệ bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Theo quy định tại Luật Chứng khoán, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) có các nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:¹⁰⁹

- Trình Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành hoặc đề trình cấp có thẩm quyền ban hành các văn bản quy phạm pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán, chiến lược, kế hoạch, đề án, chính sách phát triển thị trường chứng khoán.
- Tổ chức, phát triển thị trường chứng khoán, trực tiếp quản lý, giám sát hoạt động về chứng khoán và thị trường chứng khoán, quản lý các hoạt động dịch vụ về chứng khoán và thị trường chứng khoán theo quy định của pháp luật.
- Cấp, cấp lại, gia hạn, điều chỉnh, thu hồi giấy phép, chứng chỉ hành nghề chứng khoán và giấy chứng nhận liên quan đến hoạt động về chứng khoán và thị trường chứng khoán, chấp thuận những thay đổi, đình chỉ, hủy bỏ liên quan đến hoạt động về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

107 Khoản 1, Điều 166, LDN

108 Điều 21, Thông tư số 116/2020/TT-BTC, Mẫu Điều lệ

109 Khoản 1, Điều 9, LCK

GIỚI THIỆU VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

CƠ CẤU QUẢN TRỊ CÔNG TY

TÀI LIỆU NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

GIỚI THIỆU VỀ QUYỀN CỦA CỔ ĐÔNG

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

BAN GIÁM ĐỐC

THỦ KÝ CÔNG TY

MỘT TRƯỞNG KIỂM SOÁT

CÔNG BỐ THÔNG TIN

GAO DI CHÚC VỚI NGƯỜI CÒN LẠI QUẢN (GOLLO)

CỐ TỨC

VỐN ĐIỀU LỆ

- Quản lý, thanh tra, kiểm tra, giám sát hoạt động nghiệp vụ chứng khoán của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam (VSE) và công ty con, và VSDC, chấp thuận các quy định, quy chế của VSE và công ty con, và VSDC. Yêu cầu VSE và công ty con, và VSDC sửa đổi quy định, quy chế, đình chỉ, hủy bỏ quyết định liên quan đến hoạt động nghiệp vụ của VSE và công ty con, và VSDC, chỉ đạo VSE và công ty con, và VSDC thực hiện các nhiệm vụ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư.
- Chấp thuận việc đưa vào giao dịch các loại chứng khoán mới, thay đổi và áp dụng phương thức giao dịch mới.
- Quản lý, giám sát hoạt động liên quan đến chứng khoán và thị trường chứng khoán của các tổ chức, cá nhân.
- Thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán.
- Báo cáo Bộ Tài chính về tình hình hoạt động của thị trường chứng khoán. Trường hợp có biến động lớn ảnh hưởng đến an ninh, an toàn thị trường chứng khoán, báo cáo Bộ Tài chính, Chính phủ, và Thủ tướng Chính phủ về tình hình thị trường và các giải pháp để ổn định thị trường và bảo đảm an ninh, an toàn tài chính.
- Thực hiện theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền thực hiện các biện pháp bảo đảm an ninh, an toàn thị trường chứng khoán.
- Thực hiện thống kê, dự báo về hoạt động chứng khoán và thị trường chứng khoán, hiện đại hóa công nghệ thông tin trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán.
- Tổ chức, phối hợp với các cơ quan, tổ chức liên quan đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức ngành chứng khoán và người hành nghề chứng khoán. Tuyên truyền, phổ biến kiến thức về chứng khoán và thị trường chứng khoán cho công chúng.
- Ban hành văn bản hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ, văn bản khác thuộc phạm vi quản lý của UBCKNN.
- Giám sát tổ chức xã hội - nghề nghiệp về chứng khoán trong việc thực hiện mục đích, tôn chỉ, Điều lệ hoạt động.

- Thực hiện chế độ báo cáo về chứng khoán và thị trường chứng khoán theo quy định của pháp luật.
- Thực hiện hợp tác quốc tế và làm đầu mối thực hiện các cam kết quốc tế trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán mà nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.
- Nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của Luật Chứng khoán và quy định khác của pháp luật có liên quan.

Thông qua các nhiệm vụ và quyền hạn trên đây, UBCKNN góp phần bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư. Luật Chứng khoán cũng có những quy định và hướng dẫn cụ thể trong hoạt động thanh tra, giám sát của UBCKNN.

Chủ tịch UBCKNN sẽ xây dựng chương trình và kế hoạch thanh tra các hoạt động chứng khoán và thị trường chứng khoán. Thanh tra đột xuất được tiến hành khi phát hiện tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư và hoạt động trên thị trường chứng khoán có dấu hiệu vi phạm pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán, theo yêu cầu của việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, hoặc do Chủ tịch UBCKNN giao.¹¹⁰

Hệ quả pháp lý của việc không tuân thủ các quy định về công bố thông tin và báo cáo có thể bao gồm bị phạt tiền và hủy niêm yết. Theo đó, UBCKNN có thể xử phạt hành chính, yêu cầu tạm dừng niêm yết, cảnh cáo hoặc hủy niêm yết.¹¹¹

Tổ chức Phi Chính phủ trong Bảo vệ Quyền của Cổ đông

Cổ đông có thể tìm kiếm trợ giúp của các hiệp hội, tổ chức nghề nghiệp hoặc các tổ chức phi chính phủ khác (NGO) có thẩm quyền trong việc bảo vệ quyền lợi cổ đông.

Tại Việt Nam, Hiệp hội Nhà đầu tư Tài chính Việt Nam (VAFI) được thành lập theo Quyết định số 74/2003/QĐ-BNV của Bộ Nội vụ ngày 5/11/2003 và bắt đầu đi vào hoạt động từ tháng 1 năm 2004 với mục đích tạo cầu nối giữa doanh nghiệp, công ty chứng khoán, nhà đầu tư, và cơ quan quản lý. VAFI đề xuất các giải pháp nhằm cải thiện môi trường đầu tư. Hiệp hội tổ chức đào tạo, tư vấn và hướng dẫn đầu tư trên thị trường tài chính. Hiệp hội cũng tham

110 Điều 129, LCK.

111 Điều 130, LCK.

GIỚI THIỆU
VỀ QUẢN TRỊ
CÔNG TY

CƠ CẤU
QUẢN TRỊ
CÔNG TY

TÀI LIỆU NỘI BỘ
VỀ QUẢN TRỊ
CÔNG TY

GIỚI THIỆU VỀ
QUYỀN CỦA
CỔ ĐÔNG

ĐẠI HỘI
ĐỒNG CỔ ĐÔNG

HỘI ĐỒNG
QUẢN TRỊ

BAN GIÁM ĐỐC

THỦ KÝ CÔNG TY

MÔI TRƯỜNG
KIỂM SÁT

CÔNG BỐ
THÔNG TIN

GAO DI CHÚC VỚI
NGƯỜI CÒN LIÊN
QUAN (GOLLO)

CỐ TỨC

VỐN ĐIỀU LỆ

gia thảo luận và góp ý kiến để xây dựng các văn bản pháp luật liên quan. Một trong những mục tiêu của VAFI là để “bảo vệ quyền lợi của nhà đầu tư thông qua việc giúp đỡ nhà đầu tư am hiểu pháp luật và an tâm bỏ vốn đầu tư vào các doanh nghiệp”.

Tuy nhiên, một trong những nguồn vốn của VAFI là từ ngân sách Nhà nước và vì thế VAFI có mối liên hệ chặt chẽ với Chính phủ. Điều này, cùng với sự không rạch ròi về việc VAFI thực sự làm đại diện cho những nhà đầu tư nào, gây ra sự nghi ngờ liệu VAFI có thực sự là đại diện hiệu quả cho quyền lợi của nhà đầu tư hay không.



Thông lệ tốt nhất

Ở một số quốc gia, các NGO đóng vai trò quan trọng trong việc tạo sức ép cho các doanh nghiệp. NGO có thể thực hiện vai trò của mình theo nhiều phương thức. Ví dụ, một số tổ chức có thể trở thành cổ đông của công ty và tham gia ĐHĐCĐ. NGO cũng có thể tiến hành các chiến dịch truyền thông để tạo sức ép đối với doanh nghiệp và thu hút sự chú ý của công chúng đến vấn đề bảo vệ quyền lợi của cổ đông. NGO cũng có thể hỗ trợ cổ đông bằng cách cung cấp trợ giúp pháp lý để khiếu kiện tại tòa án hoặc thành lập quỹ đặc biệt để bảo vệ quyền lợi của cổ đông.

Điều lệ Công ty và Quy chế Nội bộ

Công ty niêm yết có trách nhiệm xây dựng một cơ cấu quản trị công ty hợp lý và xây dựng kênh thông tin liên lạc với cổ đông một cách hiệu quả để đảm bảo:

- Cổ đông có thể thực hiện đầy đủ các quyền theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
- Cổ đông được đối xử công bằng.

Công ty niêm yết cần xây dựng Điều lệ Công ty theo Điều lệ Mẫu do Bộ Tài chính quy định.

Công ty niêm yết có trách nhiệm xây dựng và ban hành Quy chế nội bộ về quản trị công ty, bao gồm các nội dung chủ yếu sau:¹¹²

- Vai trò, quyền và nghĩa vụ của ĐHĐCĐ, HĐQT, và TGD.

¹¹² Thông tư số 116/2020/TT-BTC, Mẫu Quy chế nội bộ về quản trị công ty

- Trình tự, thủ tục họp ĐHĐCĐ. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm, và bãi nhiệm thành viên HĐQT, thành viên BKS, TGD.
- Các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ Công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.

4.6.2. Hoạt động của Cổ đông

Việc bảo vệ quyền của cổ đông được thực hiện bắt đầu từ hành vi tích cực của doanh nghiệp, hệ thống khuôn khổ pháp lý và thể chế phù hợp và việc các thủ tục nhằm đảm bảo việc thực thi hiệu quả. Cổ đông đóng vai trò quan trọng trong quy trình này. Cổ đông thường là các đối tượng duy nhất nhận thức được các quyền của mình bị xâm phạm và ở vị trí tốt nhất để đệ đơn khiếu nại tới công ty hoặc cao nhất là tới các cơ quan thi hành luật pháp.

Một khía cạnh khác góp phần vào việc bảo vệ quyền của cổ đông là hành động tập thể. Hành động tập thể là khi một nhóm cổ đông nhỏ không có được một quyền nào đó khi đứng riêng rẽ kết hợp lại với nhau để có được số phiếu biểu quyết ở một mức nhất định (10% đối với công ty cổ phần và 5% đối với công ty niêm yết) để có thể cùng nhau có được quyền đó. Thêm vào đó, LDN cho phép cổ đông được xem xét, tra cứu danh sách cổ đông của công ty, nhờ đó giúp cổ đông liên hệ với cổ đông khác để kêu gọi hợp tác.

Hoạt động của cổ đông đã gia tăng trong những năm gần đây tại các thị trường Châu Á - Thái Bình Dương. Cổ đông có thể gửi yêu cầu của họ đến công ty, công khai hoặc riêng tư, khi họ không đồng ý với cách thức điều hành công ty, các quyết định chiến lược và tài chính chính của công ty, và/hoặc hoạt động về môi trường, xã hội và quản trị (ESG) của công ty.

4.6.3. Thỏa ước Cổ đông

Thỏa ước cổ đông là cách thức phổ biến để thực thi hành động tập thể của cổ đông. Trên thực tế, thỏa ước này cho phép cổ đông thiểu số sử dụng quyền của cổ đông thiểu số (đạt được 10% cần thiết để chọn ra một ban kiểm tra báo cáo tài chính). Tình huống sẽ trở nên phức tạp hơn nếu thỏa ước được ký kết giữa cổ đông và công ty (hoặc một trong những chủ thể quản trị của công ty). Trong trường hợp này, cổ đông có thể bị ràng buộc theo nhiều cách thức khác nhau, như buộc phải biểu quyết theo các phương án có lợi cho thành viên HĐQT, hoặc phải tuân thủ các yêu cầu của ban giám đốc đối với

- GIỚI THIỆU VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
- CƠ CẤU QUẢN TRỊ CÔNG TY
- TÀI LIỆU NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
- GIỚI THIỆU VỀ QUYỀN CỦA CỔ ĐÔNG
- ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
- HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
- BAN GIÁM ĐỐC
- THỦ TỤC CÔNG TY
- MÔI TRƯỜNG KIỂM SÁT
- CÔNG BỐ THÔNG TIN
- GIẢI QUYẾT VỚI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN (GGLU)
- CỐ TỨC
- VỐN ĐIỀU LỆ

các vấn đề liên quan đến các quyền lợi thiết yếu của cổ đông (quyền bán cổ phần, nhận cổ tức, và các quyền lợi khác).

Về nguyên tắc, thỏa ước cổ đông là một hình thức hợp đồng dân sự cá nhân. Tuy nhiên, do tầm quan trọng của các thỏa ước này đối với hoạt động quản trị doanh nghiệp, cần phải có một số điều kiện nhất định.

Thứ nhất, thỏa ước cổ đông không thể thay thế (hoặc mâu thuẫn) với các tài liệu thành lập công ty. Những tài liệu thành lập (điều lệ) này là bắt buộc, được quy định rộng rãi, và công khai minh bạch (theo quy chế quản lý đăng ký của Nhà nước và/hoặc quy chế chứng khoán).

Thứ hai, để ngăn chặn các hình thức lạm dụng kể trên đến khả năng kiểm soát quyền biểu quyết của cổ đông thiểu số, cần thiết phải đưa ra quy định không cho phép đưa vào thỏa ước cổ đông một số điều khoản nhất định.

Cuối cùng, các công ty (đặc biệt là các công ty đại chúng) phải công khai các thỏa ước cổ đông để đảm bảo tính minh bạch trong việc kiểm soát quyền biểu quyết. Theo đó, cổ đông được yêu cầu thông báo với ĐHCĐ về thỏa ước đã ký kết tại cuộc họp cổ đông tiếp theo.

Ở Việt Nam, pháp luật hiện hành không có quy định cụ thể nào về các điều khoản của thỏa ước cổ đông cũng như yêu cầu công bố thông tin về thỏa ước cổ đông.

4.7. Nghĩa vụ của Cổ đông

4.7.1. Nghĩa vụ Thanh toán Đầy đủ các Cổ phần Đăng ký Mua

Bên cạnh quyền lợi, cổ đông cũng có các nghĩa vụ và trách nhiệm. Trách nhiệm pháp lý cơ bản của cổ đông là thanh toán đầy đủ cho các cổ phần đã cam kết mua.¹¹³ Cổ đông sáng lập phải cùng nhau nắm giữ tối thiểu 20% tổng số cổ phần được phát hành của công ty và phải thanh toán toàn bộ số cổ phần đăng ký trong vòng 90 ngày, kể từ ngày công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.¹¹⁴

4.7.2. Nghĩa vụ Đối với các Khoản nợ và các Nghĩa vụ khác của Công ty

Cổ đông có trách nhiệm đối với các khoản nợ và các nghĩa vụ khác của công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào công ty. Cổ đông không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định này thì thành viên HĐQT và người đại diện theo pháp luật của công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút.¹¹⁵

4.7.3. Các Nghĩa vụ khác

Ngoài các nghĩa vụ trên, cổ đông còn có một số nghĩa vụ khác. Cổ đông có nghĩa vụ tuân thủ điều lệ và quy chế quản lý nội bộ công ty, chấp hành nghị quyết, nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT, cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần và thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.¹¹⁶

113 Khoản 1, Điều 119, LDN.

114 Khoản 2, Điều 120, LDN.

115 Khoản 2, Điều 119, LDN.

116 Khoản 3-6, Điều 119, LDN.

GIỚI THIỆU
VE QUẢN TRỊ
CÔNG TY

CƠ CẤU
QUẢN TRỊ
CÔNG TY

TÀI LIỆU NỘI BỘ
VE QUẢN TRỊ
CÔNG TY

GIỚI THIỆU VỀ
QUYỀN CỦA
CỔ ĐÔNG

ĐẠI HỘI
ĐỒNG CỔ ĐÔNG

HỘI ĐỒNG
QUẢN TRỊ

BAN GIÁM ĐỐC

THỦ KÝ CÔNG TY

MỘT TRƯỞNG
KHIEM SƠ LƯU

CÔNG BỐ
THÔNG TIN

GAO DI CHÚC VỚI
NGƯỜI CÓ LIÊN
QUAN (GỎI LỜI)

CỐ TỨC

VỐN ĐIỀU LỆ

Ngoài ra, cổ đông phải chịu trách nhiệm cá nhân khi thực hiện một trong các hành vi dưới đây nhân danh công ty dưới mọi hình thức:

- Vi phạm pháp luật.
- Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
- Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với công ty.¹¹⁷

Các nghĩa vụ khác bao gồm nghĩa vụ công bố thông tin khi số cổ phần sở hữu vượt quá ngưỡng quy định, công bố kế hoạch mua thêm cổ phần hoặc kế hoạch nắm quyền kiểm soát công ty. Những nghĩa vụ bổ sung này chủ yếu được áp dụng cho cổ đông lớn và được trình bày trong suốt Cẩm nang này. Chi tiết về yêu cầu công bố thông tin về lợi ích chủ sở hữu được trình bày tại Chương 10.

Trong một số trường hợp, cổ đông phải chịu trách nhiệm pháp lý bất kể trách nhiệm hữu hạn của họ. Cụ thể, trách nhiệm này liên quan đến cổ đông nắm quyền kiểm soát, là cổ đông có quyền quyết định một số hoạt động của công ty hoặc đưa ra các yêu cầu, hướng dẫn bắt buộc đối với công ty.

Cuối cùng, ở một số quốc gia, cổ đông (đặc biệt là nhà đầu tư tổ chức) bắt buộc phải thực hiện biểu quyết đối với số cổ phần do những cổ đông này sở hữu. Ở một số quốc gia khác, dù không có quy định pháp lý cụ thể nhưng đây được coi là một vấn đề mang tính đạo đức. Trong khi Việt Nam chưa có quy định pháp lý về biểu quyết, cơ cấu quản trị công ty tốt chủ yếu phụ thuộc vào sự chủ động tham gia của cổ đông trong quản trị công ty.

117 Khoản 7, Điều 13, Thông tư 116/2020/TT-BTC, Điều lệ Mẫu.

A series of 25 horizontal dashed lines for writing notes.

NOTES

A series of horizontal dashed lines for writing notes.

CHƯƠNG **5**

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

5 | ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG



Mục lục

5.1. Thẩm quyền của ĐHĐCĐ	149	GIỚI THIỆU VE QUẢN TRỊ CÔNG TY
5.2. Chuẩn bị họp ĐHĐCĐ	155	CƠ CẤU QUẢN TRỊ CÔNG TY
5.2.1. Soạn thảo Chương trình, Nội dung Họp	155	TÀI LIỆU NỘI BỘ VE QUẢN TRỊ CÔNG TY
5.2.2. Ra các Quyết định Sơ bộ	156	GIỚI THIỆU VE QUẢN TRỊ CỦA CỔ ĐÔNG
5.2.3. Lập Danh sách Cổ đông	158	ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG
5.2.4. Thông báo mời họp ĐHĐCĐ	162	
5.2.5. Phê duyệt Chương trình họp	169	HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
5.2.6. Chuẩn bị dự thảo nghị quyết theo từng nội dung trong chương trình họp	174	BAN GIÁM ĐỐC
5.3. Tổ chức họp ĐHĐCĐ	175	THỦ KÝ CÔNG TY
5.3.1. Đăng ký Cổ đông	176	MỘT TRƯỞNG KIỂM SÁT
5.3.2. Kiểm tra và công bố tỷ lệ cổ đông tham dự tối thiểu	178	CÔNG BỐ THÔNG TIN
5.3.3. Khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ	180	GAO DỊCH VỚI NGƯỜI CÒN LIÊN QUAN (GỎI LỎ)
5.3.4. Công bố chương trình và thể lệ cuộc họp	181	CỐ TỨC
5.3.5. Thảo luận các nội dung trong chương trình họp	182	VẤN ĐỀ LỆ
5.3.6. Biểu quyết	183	
5.3.7. Lấy Ý kiến Cổ đông bằng Văn bản	185	
5.3.8. Kiểm phiếu và Biên bản Kiểm phiếu	186	
5.3.9. Công bố Kết quả Biểu quyết và Quyết định của ĐHĐCĐ	187	
5.3.10. Bế mạc cuộc họp ĐHĐCĐ	187	
5.4. Lập và Công khai Biên bản họp ĐHĐCĐ	188	
5.5. ĐHĐCĐ bất thường	191	
5.6. Quyết định của ĐHĐCĐ	192	
5.6.1. Quyết định phải được Thông qua bởi Đa số Phiếu Biểu quyết	192	
5.6.2. Khởi kiện Yêu cầu Hủy bỏ Quyết định của ĐHĐCĐ	193	



Những vấn đề Chủ tịch HĐQT cần lưu ý:

Thẩm quyền của Đại hội Đồng Cổ đông (ĐHĐCĐ):

- Thẩm quyền của ĐHCĐ có được quy định rõ trong Điều lệ Công ty không?
- Có quyền nào của ĐHCĐ mà Điều lệ Công ty giao rõ ràng cho Hội đồng Quản trị (HĐQT) thực hiện không?

Chuẩn bị họp ĐHCĐ:

- HĐQT có ban hành các cơ chế có tính khả thi và kịp thời để đảm bảo các kiến nghị hợp pháp của cổ đông được đưa vào chương trình họp không?
- Công ty có trao cho cổ đông cơ hội đưa (các) nội dung vào chương trình họp của ĐHCĐ và/hoặc kiến nghị ĐHCĐ theo một tỷ lệ cổ phần có quyền biểu quyết nhất định không?
- HĐQT có nghĩa vụ rõ ràng trong việc đảm bảo rằng chương trình, nội dung họp sẽ không bị thay đổi sau khi đã được gửi tới tất cả cổ đông không?
- Tất cả cổ đông có được thông báo đầy đủ và kịp thời về cuộc họp ĐHCĐ không?
- Công ty có thông tin đầy đủ tới tất cả cổ đông về cuộc họp ĐHCĐ trên trang thông tin điện tử của công ty không?
- Công ty có cung cấp đầy đủ thông tin cho tất cả cổ đông để có thể ra quyết định dựa trên đầy đủ thông tin về các nội dung trong chương trình họp, bao gồm cơ sở hợp lý và diễn giải về từng nội dung trong chương trình họp cần được cổ đông thông qua trong thông báo về ĐHCĐ và/hoặc tuyên bố kèm theo?
- Công ty có công khai thể thức biểu quyết được sử dụng trước khi bắt đầu ĐHCĐ?

Hồ sơ của các thành viên HĐQT (như tuổi, trình độ học vấn, ngày bổ nhiệm đầu tiên, kinh nghiệm, và chức danh thành viên HĐQT tại các công ty niêm yết khác) khi muốn ứng cử/tái ứng cử có được cung cấp trong thông tin về ĐHĐCĐ không?

GIỚI THIỆU
VE QUẢN TRỊ
CÔNG TY

Đơn vị kiểm toán muốn được chỉ định/tái chỉ định có được xác định rõ ràng không?

CƠ CẤU
QUẢN TRỊ
CÔNG TY

Thông báo hợp ĐHĐCĐ của công ty có được dịch đầy đủ sang tiếng Anh và công bố cùng ngày với bản tiếng Việt không?

TÀI LIỆU NỘI BỘ
VE QUẢN TRỊ
CÔNG TY

Tổ chức hợp ĐHĐCĐ:

Địa điểm tổ chức hợp ĐHĐCĐ có thuận tiện cho cổ đông không?

GIỚI THIỆU VE
QUYỀN CỦA
CỔ ĐÔNG

Cổ đông (hoặc đại diện có ủy quyền của cổ đông) muốn tham dự hợp ĐHĐCĐ có được đăng ký đầy đủ và kịp thời không? Họ có cơ hội được tham dự hợp ĐHĐCĐ không?

ĐẠI HỘI
ĐÔNG CỔ ĐÔNG

Công ty có đảm bảo rằng số đại biểu tham dự tối thiểu theo quy định đã được xác minh và ghi nhận một cách đúng đắn không?

HỘI ĐÔNG
QUẢN TRỊ

Công ty có cho phép thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản không?

BAN GIÁM ĐỐC

Công ty có thực hiện biểu quyết bằng cách bỏ phiếu kín, thay vì giơ tay, cho tất cả các nghị quyết không?

THỦ KÝ CÔNG TY

HĐQT hoặc các cơ quan hoặc cá nhân điều hành có thẩm quyền theo quy định của công ty có bảo đảm các thủ tục kiểm phiếu là độc lập và có hiệu lực và kết quả kiểm phiếu được ghi nhận đúng đắn không?

HỘI TRƯỞNG
KIỂM SOÁT

Công ty có chỉ định một bên độc lập (giám sát viên/thanh tra viên) để kiểm phiếu và/hoặc xác nhận phiếu bầu tại ĐHĐCĐ không?

CÔNG BỐ
THÔNG TIN

Các thành viên HĐQT, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát, cũng như kiểm toán độc lập có mặt trong ĐHĐCĐ không?

GIAO DỊCH VỚI
NGƯỜI CÓ LIÊN
QUAN (GÓU)

Cổ đông có cơ hội đặt câu hỏi, phù hợp với quyền của cổ đông, đối với lãnh đạo điều hành và những người trình bày khác không?

CỐ TỨC

HĐQT có đảm bảo rằng tất cả các quyết định được thông qua là hợp lệ và tuân thủ quy định pháp luật không?

VỐN ĐIỀU LỆ

Có phải mỗi nghị quyết được đưa ra thảo luận tại ĐHĐCĐ thường niên gần nhất chỉ giải quyết một vấn đề không? Nói cách khác, không có tình trạng gộp nhiều nội dung vào cùng một nghị quyết?

Sau ĐHĐCĐ:

- Công ty có công khai kết quả biểu quyết, bao gồm số phiếu tán thành, không tán thành, và phiếu trắng đối với tất cả các nghị quyết/tùng nội dung trong chương trình họp ĐHĐCĐ không?
- Công ty có công khai kết quả biểu quyết đối với tất cả nghị quyết tại ĐHĐCĐ (muộn nhất vào ngày làm việc tiếp theo) không?
- Công ty có công khai danh sách thành viên HĐQT và TGD, nếu không phải là thành viên HĐQT, tham dự ĐHĐCĐ gần nhất không?
- Biên bản ĐHĐCĐ có báo cáo về việc cổ đông có cơ hội đặt câu hỏi và câu hỏi được ghi nhận cùng với các câu trả lời không?

Họp ĐHĐCĐ bất thường:

- HĐQT có triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường trong các trường hợp đặc biệt theo quy định của pháp luật không?
- HĐQT có triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường khi có yêu cầu từ một cổ đông (hoặc một nhóm cổ đông) sở hữu từ 05% trở lên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng hoặc một tỷ lệ ít hơn theo quy định tại Điều lệ Công ty không?

Cổ đông là người góp vốn cổ phần vào công ty. Đồng thời, cổ đông có thể thiếu thời gian hoặc kỹ năng cần thiết để điều hành công ty và không phải lúc nào cũng mong muốn tham gia vào việc quản lý các hoạt động hàng ngày của công ty. Vì lý do này, cổ đông thường giao phó cho các nhà quản lý chuyên nghiệp trong Ban Giám đốc, được HĐQT bầu, điều hành hoạt động của công ty. Tuy nhiên, điều này không có nghĩa là cổ đông hoàn toàn từ bỏ quyền quản trị. Thay vào đó, cổ đông thường thực hiện những quyền này thông qua ĐHĐCĐ.

Điều lệ Công ty sẽ xác định ĐHĐCĐ là một cơ quan cụ thể của công ty với các quyền và trách nhiệm tách biệt với HĐQT và Ban Giám đốc. LDN và Điều lệ Công ty xác định ranh giới về thẩm quyền và trách nhiệm của ĐHĐCĐ. Thông qua ĐHĐCĐ, cổ đông thể hiện ý kiến của họ đối với các quyết định quan trọng của công ty như sửa đổi Điều lệ Công ty, phê duyệt báo cáo thường niên, báo cáo tài chính hàng năm, bầu và bãi nhiệm thành viên HĐQT, thanh toán cổ tức và phân phối lợi nhuận của công ty, tổ chức lại công ty, các giao dịch lớn, và các vấn đề khác theo quy định tại LDN và Điều lệ Công ty. ĐHĐCĐ cũng giúp cho cổ đông có cơ hội, ít nhất mỗi năm một lần, thảo luận những vấn đề nêu trên và các vấn đề quan trọng khác cũng như gặp gỡ trực tiếp với các thành viên HĐQT và người quản lý, đặt câu hỏi và ra quyết định liên quan đến định hướng tương lai của công ty. Nhờ đó, cổ đông thực hiện quyền được tham gia vào quá trình ra quyết định của công ty thông qua ĐHĐCĐ.

Có hai loại ĐHĐCĐ:

Đại hội đồng Cổ đông Thường niên (ĐHĐCĐ thường niên):

LDN yêu cầu các công ty tổ chức ĐHĐCĐ mỗi năm một lần,¹ trong đó chủ yếu thảo luận về báo cáo thường niên của công ty và kết quả hoạt động của HĐQT và TGD.² ĐHĐCĐ phải họp thường niên trong thời hạn bốn tháng nhưng không quá sáu tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.³ HĐQT sẽ triệu tập ĐHĐCĐ thường niên tại một địa điểm thích hợp tại Việt Nam. ĐHĐCĐ thường niên phải tạo điều kiện thuận lợi cho cổ đông tham dự.

1 Khoản 1, Điều 139, LDN.

2 Khoản 3, Điều 139, LDN.

3 Khoản 2, Điều 139, LDN.

GIỚI THIỆU
VE QUẢN TRỊ
CÔNG TYCƠ CẤU
QUẢN TRỊ
CÔNG TYTÀI LIỆU NỘI BỘ
VE QUẢN TRỊ
CÔNG TYGIỚI THIỆU VỀ
QUYỀN CỦA
CỔ ĐÔNG**ĐẠI HỘI
ĐỒNG CỔ ĐÔNG**HỘI ĐỒNG
QUẢN TRỊ

BAN GIÁM ĐỐC

THỦ KÝ CÔNG TY

MỐI TƯƠNG
KÈM SƠ LƯỢCCÔNG BỐ
THÔNG TINGIAO DỊCH VỚI
NGƯỜI CÓ LIÊN
QUAN (GỎI L)

CỔ TỨC

VỐN ĐIỀU LỆ

Đại hội đồng Cổ đông Bất thường (ĐHĐCĐ bất thường):

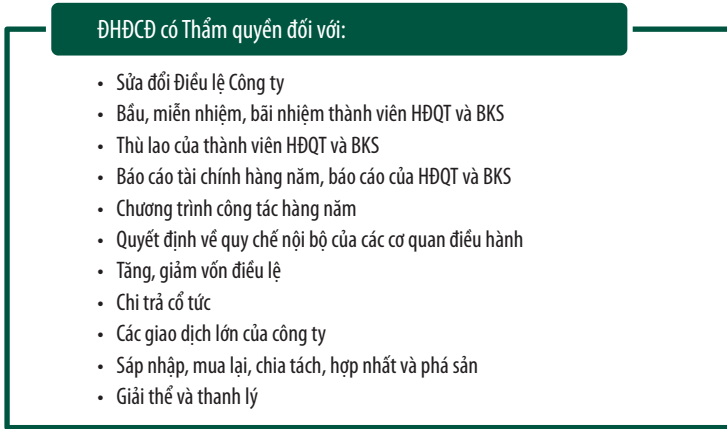
Tất cả các ĐHĐCĐ không phải ĐHĐCĐ thường niên đều được gọi là ĐHĐCĐ bất thường. ĐHĐCĐ bất thường được triệu tập để đáp ứng các nhu cầu và lợi ích cụ thể của công ty, như để phê duyệt việc hợp nhất, sáp nhập, mua lại hoặc chia tách, hoặc để bầu và bãi nhiệm thành viên HĐQT/TGĐ, hoặc phê duyệt tăng, giảm vốn. Không có giới hạn về số lượng ĐHĐCĐ bất thường mà một công ty có thể tiến hành trong năm. Trong một số trường hợp nhất định, công ty có thể phải triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường theo quy định của pháp luật.

Việc chuẩn bị và tổ chức họp ĐHĐCĐ phải tuân theo các yêu cầu về trình tự và thủ tục chi tiết theo quy định tại LDN, cũng như chính sách và quy trình nội bộ của công ty. Chương này mô tả thẩm quyền của ĐHĐCĐ, tổ chức ĐHĐCĐ và các yêu cầu pháp luật để thông qua các quyết định hợp lệ.

5.1. Thẩm quyền của ĐHĐCĐ

Thẩm quyền của ĐHĐCĐ được quy định tại LDN. Tuy nhiên, Điều lệ Công ty cũng có thể quy định thêm các quyền khác cho ĐHĐCĐ, trừ khi pháp luật có quy định khác. Thẩm quyền của ĐHĐCĐ được tóm tắt trong Hình 1:

Hình 1. Thẩm quyền của ĐHĐCĐ



ĐHĐCĐ có thẩm quyền chính đối với các vấn đề sau:⁴

1. Quyết định về cơ quan điều hành

- Bầu, miễn nhiệm, thay thế thành viên HĐQT, BKS.
- Xem xét, xử lý các vi phạm của thành viên HĐQT, BKS gây thiệt hại cho công ty và cổ đông công ty.
- Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và các lợi ích khác cho HĐQT, BKS.

2. Giám sát hoạt động của công ty

- Thông qua định hướng phát triển công ty.

⁴ Điều 138, LDN; và Điều 15, Thông tư số 116/2020/TT-BTC, Điều lệ Mẫu.

- Thông qua báo cáo tài chính hàng năm.
- Thảo luận và thông qua báo cáo của BKS.
- Thảo luận và thông qua báo cáo của HĐQT.
- Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập, quyết định công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm tra hoạt động của công ty, bãi miễn kiểm toán viên độc lập khi xét thấy cần thiết.

Đối với công ty đại chúng, báo cáo về quản trị và hiệu quả hoạt động của HĐQT gửi ĐHĐCĐ tối thiểu phải có các nội dung sau:⁵

- Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của HĐQT và từng thành viên HĐQT.
- Tổng kết các cuộc họp của HĐQT và các quyết định của HĐQT.
- Báo cáo về các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên HĐQT và những người có liên quan của thành viên đó, giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên HĐQT là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.
- Hoạt động của thành viên độc lập HĐQT độc lập và kết quả đánh giá của thành viên độc lập về hoạt động của HĐQT (đối với công ty niêm yết).
- Hoạt động của Ủy ban Kiểm toán (nếu có).
- Hoạt động của các tiểu ban khác thuộc HĐQT (nếu có).
- Kết quả giám sát đối với TGD.
- Kết quả giám sát đối với người điều hành khác.
- Các kế hoạch trong tương lai.

Đối với công ty đại chúng, báo cáo của BKS về kết quả hoạt động kinh doanh của công ty, hoạt động của HĐQT, TGD tới ĐHĐCĐ phải có ít nhất các nội dung sau:⁶

⁵ Điều 280, Nghị định 155/2020/NĐ-CP.

⁶ Điều 290, Nghị định 155/2020/NĐ-CP.

- Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của BKS và từng thành viên BKS.
- Tổng kết các cuộc họp của BKS và các kết luận, kiến nghị của BKS.
- Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của công ty.
- Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên HĐQT, TGD, người điều hành khác của doanh nghiệp và những người có liên quan của đối tượng đó. giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên HĐQT, TGD, người điều hành khác của doanh nghiệp là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.
- Kết quả giám sát đối với HĐQT, TGD, và người điều hành khác của doanh nghiệp.
- Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa BKS với HĐQT, TGD và cổ đông.

3. Quyết định về quy trình nội bộ liên quan đến cơ quan điều hành

Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty.

Thông qua quy chế quản trị nội bộ, quy chế hoạt động của HĐQT và BKS.

4. Quyết định về vốn hóa

LDN quy định ĐHĐCĐ có thẩm quyền thông qua việc tăng hoặc giảm vốn. Tuy nhiên, để có hiệu lực, tất cả các nghị quyết của ĐHĐCĐ liên quan đến vốn hóa phải đáp ứng các yêu cầu về số đại biểu tối thiểu và quyền biểu quyết theo quy định tại LDN cũng như mọi quy định bổ sung tại Điều lệ Công ty.

ĐHĐCĐ có thẩm quyền tăng Vốn Điều lệ thông qua:

- Quyết định về các loại cổ phần và số lượng cổ phần mới phát hành cho từng loại cổ phần.⁷
- Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức hoặc phát hành cổ phiếu thường cho cổ đông hiện hữu từ nguồn vốn tự có.⁸

7 Khoản 2, Điều 6, Thông tư 116/2020/TT-BTC, Điều lệ Mẫu.

8 Điều 60, Nghị định 155/2020/NĐ-CP.

GIỚI THIỆU
VE QUẢN TRỊ
CÔNG TYCƠ CẤU
QUẢN TRỊ
CÔNG TYTÀI LIỆU NỘI BỘ
VE QUẢN TRỊ
CÔNG TYGIỚI THIỆU VỀ
QUYỀN CỦA
CỔ ĐÔNGĐẠI HỘI
ĐỒNG CỔ ĐÔNGHỘI ĐỒNG
QUẢN TRỊ

BAN GIÁM ĐỐC

THỦ KÝ CÔNG TY

MỌI TRƯỜNG
KIỂM SÁTCÔNG BỐ
THÔNG TINGIAO DỊCH VỚI
NGƯỜI CÓ LIÊN
QUAN (GÓI LỘ)

CỔ TỨC

VỐN ĐIỀU LỆ

- Quyết định chào bán trái phiếu riêng lẻ, loại, tổng giá trị trái phiếu, và thời điểm chào bán đối với trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm theo chứng quyền.⁹

Cần lưu ý rằng trừ trường hợp Điều lệ Công ty có quy định, HĐQT có quyền quyết định về loại trái phiếu, tổng giá trị trái phiếu, và thời điểm chào bán, nhưng phải báo cáo ĐHĐCĐ tại cuộc họp ĐHĐCĐ gần nhất. Báo cáo phải kèm theo tài liệu và hồ sơ về việc chào bán trái phiếu.¹⁰ Tuy nhiên, không có quy định hoặc hướng dẫn nào khác trong trường hợp ĐHĐCĐ không đồng ý với việc HĐQT chào bán trái phiếu.

Đối với công ty niêm yết, thẩm quyền phê duyệt chào bán trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi và chứng quyền khác là ĐHĐCĐ vì HĐQT chỉ kiến nghị việc chào bán trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi và các chứng quyền khác.¹¹

ĐHĐCĐ có thể quyết định giảm vốn điều lệ của công ty dưới các hình thức:

- Hoàn trả một phần vốn góp cho cổ đông theo tỷ lệ sở hữu cổ phần của họ trong công ty nếu công ty đã hoạt động kinh doanh liên tục từ 02 năm trở lên kể từ ngày đăng ký thành lập doanh nghiệp và bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác sau khi đã hoàn trả [một phần vốn góp] cho cổ đông.¹²
- Mua lại trên 10% số cổ phần đã phát hành (nhưng không quá 30% tổng số cổ phần phổ thông đã bán, một phần hoặc toàn bộ cổ phần ưu đãi cổ tức đã bán). HĐQT quyết định giá mua lại, quyết định mua lại không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã bán trong thời hạn 12 tháng.¹³

Đối với ngân hàng thương mại cổ phần, ĐHĐCĐ không có toàn quyền quyết định việc thay đổi mức vốn điều lệ của ngân hàng. Việc tăng hoặc giảm vốn điều lệ của ngân hàng thương mại cổ phần cần phải được sự phê duyệt của Ngân hàng Nhà nước. Trình tự, thủ tục và hồ sơ để nghị Ngân hàng Nhà nước chấp thuận việc thay đổi vốn điều lệ của ngân hàng thương mại cổ phần được quy định tại Điều 11, Thông tư số 50/2018/TT-NHNN ngày 31/12/2018 của NHNN quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục chấp thuận thay đổi, việc sửa đổi, bổ sung giấy phép thành lập và hoạt động của ngân hàng thương mại.

9 Khoản 1a, Điều 130, LDN.

10 Khoản 1b, Điều 130, LDN.

11 Điều 20, Nghị định 155/2020/NĐ-CP.

12 Khoản 5a, Điều 112, LDN.

13 Khoản 1 và Khoản 2, Điều 133, LDN.

5. Quyết định về cổ tức

ĐHĐCĐ có quyền quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần và mức cổ tức được trả đối với từng loại cổ phần.¹⁴ HĐQT có thể quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức cho cổ đông.¹⁵

6. Phê duyệt về các giao dịch lớn của công ty

Theo LDN, các giao dịch bất thường sau đây cần có sự chấp thuận của ĐHĐCĐ:

- Các giao dịch liên quan đến đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên.¹⁶
- Giao dịch mua lại trên 10% tổng số cổ phần của từng loại đã bán trong thời hạn 12 tháng; giao dịch mua lại cổ phần đã bán ngoài thời hạn 12 tháng.¹⁷
- Giao dịch với người có liên quan: Giao dịch giữa cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của công ty, với thành viên HĐQT, TGD và người có liên quan của họ.¹⁸ Giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản tại báo cáo tài chính gần nhất của doanh nghiệp giữa doanh nghiệp và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.¹⁹
- Đối với giao dịch có giá trị thấp hơn, thông lệ chung là ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT phê duyệt các giao dịch này.
- HĐQT cần trình đề xuất giao dịch hoặc giải trình nội dung chính của giao dịch đề xuất tại ĐHĐCĐ hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Giao dịch sẽ được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp ĐHĐCĐ, trừ trường hợp Điều lệ Công ty quy định một tỷ lệ cụ thể khác. Cổ đông có liên quan đến hợp đồng, giao dịch trên không được tham gia biểu quyết.

¹⁴ Khoản 3e, Điều 139, LDN.

¹⁵ Khoản 2o, Điều 153, LDN.

¹⁶ Khoản 2đ, Điều 147; và Khoản 1, Điều 148, LDN.

¹⁷ Khoản 1, Điều 133; Khoản 2c, Điều 147; và Khoản 1, Điều 148, LDN.

¹⁸ Khoản 1, Điều 167, LDN.

¹⁹ Khoản 3, Điều 167, LDN.

GIỚI THIỆU
VE QUẢN TRỊ
CÔNG TYCƠ CẤU
QUẢN TRỊ
CÔNG TYTÀI LIỆU NỘI BỘ
VE QUẢN TRỊ
CÔNG TYGIỚI THIỆU VỀ
QUYỀN CỦA
CỔ ĐÔNGĐẠI HỘI
ĐỒNG CỔ ĐÔNGHỘI ĐỒNG
QUẢN TRỊ

BAN GIÁM ĐỐC

THỦ KÝ CÔNG TY

MỘT TRƯỞNG
KIỂM SÁTCÔNG BỐ
THÔNG TINGIAO DỊCH VỚI
NGƯỜI CÓ LIÊN
QUAN (GOLU)

CỔ TỨC

VỐN ĐIỀU LỆ



Thông lệ tốt nhất

Tất cả các công ty tại Việt Nam nên xây dựng và áp dụng định nghĩa riêng về “bên liên quan,” tối thiểu bảo đảm tuân thủ các quy định pháp luật tại Luật Doanh nghiệp, Luật các Tổ chức Tín dụng, các quy định về giao dịch chứng khoán, và IAS 24, và vượt trên các yêu cầu tối thiểu theo quy định của pháp luật.

Định nghĩa về bên liên quan nên quy định rõ về những người/cơ quan sau đây và lợi ích của họ: i) các thành viên HĐQT và Ban Kiểm soát, ii) các vị trí quản lý điều hành cấp cao, iii) cổ đông lớn, iv) các đơn vị liên quan (bao gồm các công ty, quỹ tín thác), và v) người thân trong gia đình và họ hàng của các thành viên HĐQT và Ban Kiểm soát, vị trí quản lý điều hành cấp cao, và cổ đông lớn.

Các công ty nên đưa vào khái niệm bên liên quan những đơn vị liên quan lẫn nhau, như: i) công ty mẹ, ii) công ty con, iii) công ty kiểm soát (còn gọi là công ty liên kết, công ty liên doanh, hoặc công ty chị em), hoặc iv) công ty đồng kiểm soát. Thành viên HĐQT và các vị trí quản lý cấp cao của công ty mẹ cũng được xem là các bên liên quan. Thành viên HĐQT của các đơn vị liên quan cũng phải được xem là các bên liên quan.

Các giao dịch bên liên quan trọng yếu phải tuân thủ quy trình xem xét chặt chẽ và trình HĐQT và/hoặc cổ đông (không) phê duyệt trước.

Sổ tay Hướng dẫn dành cho các Ngân hàng Thương mại Việt Nam: về Giao dịch với Bên liên quan (2015) của IFC

7. Quyết định tổ chức lại và giải thể công ty

- Thông qua việc hợp nhất, sáp nhập, mua lại, hoặc chia tách công ty.
- Thông qua việc tổ chức lại công ty.
- Thông qua việc giải thể công ty (quyết định chấm dứt hoạt động của công ty).²⁰

Luật pháp có quy định cụ thể hơn trong trường hợp giải thể công ty. Đối với công ty niêm yết, cần thành lập một Ban thanh lý, trong đó có hai thành viên do ĐHĐCĐ chỉ định và một thành viên do HĐQT chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập.²¹ Đối với công ty chưa niêm yết, HĐQT sẽ trực tiếp tổ chức thanh lý tài sản của doanh nghiệp, trừ trường hợp Điều lệ Công ty quy định thành lập tổ chức thanh lý riêng.²²

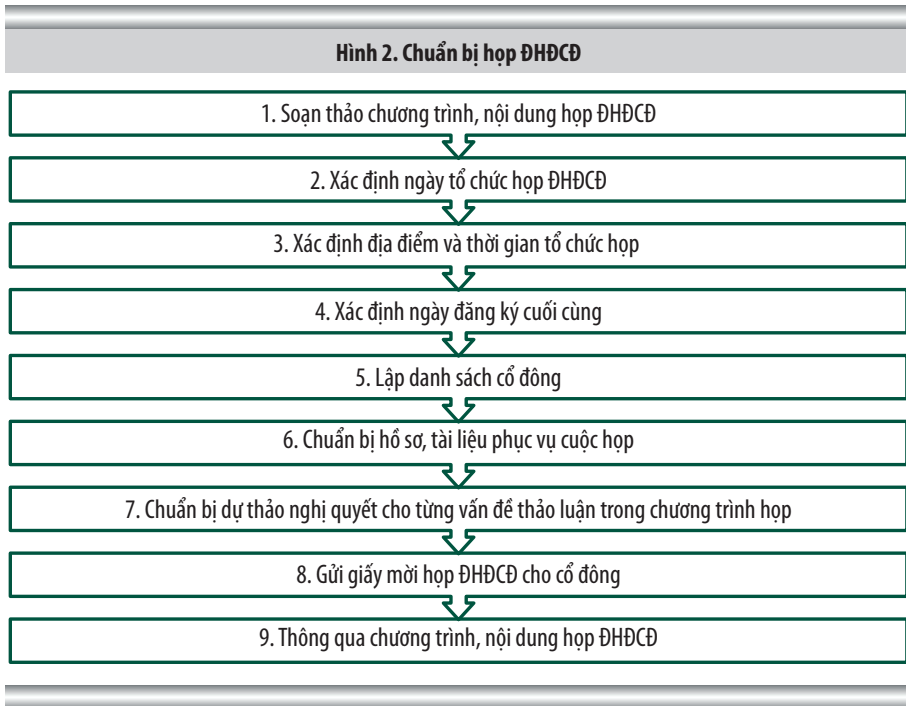
²⁰ Điều 138, LDN.

²¹ Khoản 2, Điều 208, LDN.

²² Điều 61, Thông tư số 116/2020/TT-BTC, Điều lệ Mẫu.

5.2. Chuẩn bị họp ĐHĐCĐ

Việc chuẩn bị họp ĐHĐCĐ yêu cầu việc lên kế hoạch kỹ lưỡng và tuân thủ nghiêm ngặt các yêu cầu về mặt trình tự, thủ tục theo quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. Hình 2 tóm tắt các bước mà công ty cần thực hiện để chuẩn bị họp ĐHĐCĐ.



5.2.1. Soạn thảo Chương trình, Nội dung Họp

Bước đầu tiên trong việc chuẩn bị họp ĐHĐCĐ là soạn thảo chương trình, nội dung họp. Chương trình, nội dung họp sẽ xác định cơ cấu ĐHĐCĐ và các nội dung cần được đưa ra thảo luận tại cuộc họp ĐHĐCĐ. ĐHĐCĐ phải thảo luận tất cả các nội dung trong chương trình họp, và thường ra quyết định chỉ liên quan đến những nội dung được đưa vào chương trình họp theo đúng quy định của LDN. Những nội dung khác không có trong chương trình chỉ được thảo luận nếu tất cả cổ đông đại diện cho 100% cổ phần có quyền biểu quyết tham dự ĐHĐCĐ (trực tiếp hoặc thông qua đại diện/người được ủy quyền) đồng ý với việc bổ sung nội dung chương trình mới.

GIỚI THIỆU VE QUẢN TRỊ CÔNG TY

CƠ CẤU QUẢN TRỊ CÔNG TY

TÀI LIỆU NỘI BỘ VE QUẢN TRỊ CÔNG TY

GIỚI THIỆU VE QUYỀN CỦA CỔ ĐÔNG

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

BAN GIÁM ĐỐC

THỦ KÝ CÔNG TY

MIỆT TRƯỞNG KIỂM SÁT

CÔNG BỐ THÔNG TIN

GIÀO DỊCH VỚI NGƯỜI CÒN LIÊN QUAN (GIAO)

CỐ TỤC

VỐN ĐIỀU LỆ

Người triệu tập họp ĐHĐCĐ chuẩn bị chương trình, nội dung họp.²³ HĐQT có quyền thông qua chương trình và nội dung các tài liệu phục vụ cuộc họp ĐHĐCĐ.²⁴



Thông lệ tốt nhất

Hiểu biết và hợp tác lẫn nhau giữa HĐQT và cổ đông có ý nghĩa rất quan trọng.

HĐQT cần đưa ra các cơ chế có tính khả thi và kịp thời để đảm bảo các kiến nghị hợp pháp của cổ đông được đưa vào chương trình họp. Công ty cần trao cho cổ đông cơ hội đưa (các) nội dung vào chương trình họp của ĐHĐCĐ và/hoặc kiến nghị ĐHĐCĐ theo một tỷ lệ cổ phần có quyền biểu quyết nhất định. Trong khoảng thời gian trước khi đưa ra quyết định tổ chức họp ĐHĐCĐ, HĐQT cần rà soát tất cả các kiến nghị (chính thức và không chính thức) của cổ đông. Nếu kiến nghị bị từ chối, theo thông lệ tốt thì cần thông báo cho cổ đông về những kiến nghị không được chấp thuận đưa vào chương trình họp.

HĐQT có trách nhiệm rõ ràng trong việc bảo đảm để chương trình họp không bị thay đổi sau khi đã gửi tới tất cả cổ đông.

5.2.2. Ra các Quyết định Sơ bộ

HĐQT phải đưa ra các quyết định quan trọng liên quan đến chương trình, nội dung họp, ngày giờ, địa điểm họp, thủ tục thông báo, danh mục tài liệu và phiếu biểu quyết theo ủy quyền trước khi thực hiện chuẩn bị hậu cần cho ĐHĐCĐ.²⁵

Ngày tổ chức họp ĐHĐCĐ

LDN quy định về việc các công ty phải tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên trong vòng bốn tháng và không quá sáu tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. HĐQT có thể ấn định ngày chính xác cho mỗi cuộc họp ĐHĐCĐ, trong khoảng thời gian nêu trên, tùy theo các yêu cầu bổ sung do Điều lệ Công ty quy định.²⁶ Các công ty có toàn quyền tổ chức ĐHĐCĐ bất kỳ khi nào cần thiết.

23 Khoản 1, Điều 142, LDN.

24 Khoản 2m, Điều 153, LDN.

25 Khoản 1 và 5, Điều 140, LDN.

26 Khoản 2, Điều 139, LDN.

Địa điểm tổ chức họp ĐHĐCĐ

Theo quy định tại LDN, người triệu tập họp ĐHĐCĐ sẽ quyết định địa điểm tổ chức cuộc họp. Địa điểm họp ĐHĐCĐ phải ở trên lãnh thổ Việt Nam. Địa điểm họp được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp.²⁷ Mặc dù luật pháp hiện hành không có quy định cụ thể về địa điểm họp ĐHĐCĐ, cuộc họp ĐHĐCĐ nên được tổ chức tại một địa điểm thuận lợi nhất cho sự tham dự của cổ đông. ĐHĐCĐ có thể được tổ chức bằng hình thức trực tuyến bên cạnh hình thức họp trực tiếp.²⁸



Thông lệ tốt nhất

Trong trường hợp bất khả kháng, ĐHĐCĐ có thể được họp bằng hình thức trực tuyến hoặc kết hợp. Hình thức này phải được quy định cụ thể trong Điều lệ Công ty. Vui lòng tham khảo Phụ lục X về một số gợi ý trong tổ chức họp đại hội đồng cổ đông trực tuyến.

Các quốc gia nên cho phép tổ chức ĐHĐCĐ theo đó cổ đông được tham gia từ xa để tạo điều kiện thuận lợi và giảm chi phí tham gia và tương tác cho cổ đông. Những ĐHĐCĐ như vậy cần được thực hiện theo cách bảo đảm quyền tiếp cận thông tin và cơ hội tham gia bình đẳng của tất cả cổ đông.

Cải thiện sự Tham gia: ĐHĐCĐ trực tuyến hoặc kết hợp có thể cải thiện sự tham gia của cổ đông khi việc tham gia trở nên thuận tiện hơn và ít tốn kém hơn.

Chi phí và Lợi ích của Hệ thống: Mặc dù việc sử dụng hệ thống trực tuyến có thể phát sinh thêm chi phí cho các công ty, những hệ thống này cung cấp khả năng tiếp cận phù hợp chương trình và nội dung họp, hạ tầng bảo đảm, và cách thức hiệu quả hơn để xử lý phản hồi của cổ đông.

– Nguyên tắc Quản trị Công ty của OECD/G20 (2023) (Nguyên tắc II.C.3)

Duy trì Tương tác Chất lượng: Cần thận trọng để bảo đảm các cuộc họp trực tuyến cho phép cổ đông tương tác với HĐQT và ban giám đốc ở cùng mức độ như các cuộc họp trực tiếp. Câu hỏi của cổ đông trong cuộc họp, nếu chưa được trả lời, phải được ghi nhận và giải quyết trong biên bản họp hoặc bất kỳ cách thức truyền thông liên quan nào khác của cổ đông.

Hướng dẫn theo Quy định: Một số quốc gia có hướng dẫn để bảo đảm ĐHĐCĐ từ xa được tổ chức theo cách minh bạch và công bằng. Hướng dẫn này bao gồm việc xử lý và công khai các câu hỏi và câu trả lời của cổ đông cũng như quản lý tình trạng gián đoạn công nghệ.

Lựa chọn Nhà cung cấp Công nghệ: Khi chọn nhà cung cấp công nghệ để thực hiện họp ĐHĐCĐ từ xa, các công ty cần cân nhắc về tính chuyên nghiệp, năng lực xử lý dữ liệu, bảo mật số, và năng lực bảo đảm tổ chức họp công bằng và minh bạch. Việc này bao gồm xác thực an toàn người tham gia, tham gia bình đẳng, và tính bảo mật và an toàn của các phiếu biểu quyết trước cuộc họp.

27 Khoản 1, Điều 139, LDN.

28 Khoản 3, Điều 144, LDN; Khoản 1, Điều 15, Nghị định 128/2021/NĐ-CP

GIỚI THIỆU VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

CƠ CẤU QUẢN TRỊ CÔNG TY

TÀI LIỆU NỀN BỐ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

GIỚI THIỆU VỀ QUYỀN CỦA CỔ ĐÔNG

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

BAN GIÁM ĐỐC

THỦ KÝ CÔNG TY

MIỆT TRƯỞNG KIỂM SOÁT

CÔNG BỐ THÔNG TIN

GAO DI CHÚC VỚI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN (GOLU)

CỐ TỨC

VỐN ĐIỀU LỆ

Ngày đăng ký cuối cùng

Ngày đăng ký cuối cùng là ngày xác định cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ. LDN quy định người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải lập danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ dựa trên sổ đăng ký cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ được lập chậm nhất 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp.²⁹ Công ty đại chúng phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng,³⁰ và người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải gửi thông báo mời họp đến tất cả cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất là 21 ngày trước ngày khai mạc nếu Điều lệ Công ty không quy định thời hạn dài hơn.³¹

5.2.3. Lập Danh sách Cổ đông

Sau khi HĐQT đã xác định ngày đăng ký cuối cùng, công ty phải lập danh sách cổ đông dựa trên sổ đăng ký cổ đông của công ty.

Danh sách cổ đông được lập với mục đích:

- Xác định cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ.
- Thông báo tới cổ đông về cuộc họp ĐHĐCĐ.
- Xác định cổ đông có quyền sửa đổi nội dung chương trình, nội dung họp.
- Giúp cổ đông có cơ hội xác minh để đảm bảo rằng các quyền của họ đã được đăng ký đầy đủ.

Ai nên có tên trong danh sách cổ đông

Chỉ những người có tên trong danh sách cổ đông mới được quyền dự họp ĐHĐCĐ. Cần phân biệt giữa quyền tham dự họp ĐHĐCĐ và quyền biểu quyết. Theo quy định tại LDN, cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi cổ tức và cổ phần ưu đãi hoàn lại không có quyền tham dự họp và biểu quyết tại ĐHĐCĐ. Tuy nhiên, theo quy định tại Điều lệ Mẫu áp dụng đối với công ty đại chúng, cổ đông sở hữu những loại cổ phần ưu đãi này có quyền biểu quyết trong trường hợp quyết định của ĐHĐCĐ làm thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với những loại cổ phiếu này.³²

29 Khoản 1, Điều 144, LDN.

30 Khoản 1, Điều 273, Nghị định 155/2020/NĐ-CP.

31 Khoản 1, Điều 143, LDN.

32 Khoản 6, Điều 148, LDN.

Cổ đông danh nghĩa và danh sách cổ đông

Cổ đông danh nghĩa (chủ sở hữu danh nghĩa), cá nhân hoặc tổ chức công ty, là chủ sở hữu đăng ký của cổ phần nắm giữ vì lợi ích của người khác (chủ sở hữu hưởng lợi). Cổ đông danh nghĩa không có quyền sở hữu thực sự đối với cổ phần. Cổ đông danh nghĩa hành động theo chỉ đạo của chủ sở hữu thực sự (chủ sở hữu hưởng lợi) của công ty mà họ có quan hệ hợp đồng. Dịch vụ của chủ sở hữu danh nghĩa thường được sử dụng để bảo đảm sự bảo mật của chủ sở hữu hưởng lợi hoặc khi chủ sở hữu hưởng lợi được yêu cầu chỉ định chủ sở hữu danh nghĩa. Lo ngại của cơ quan quản lý về vấn đề này là rõ ràng: việc chỉ định cổ đông danh nghĩa trên thực tế sẽ mang lại cho chủ sở hữu hưởng lợi cơ hội che giấu danh tính thực sự trước nhà đầu tư và các bên có quyền lợi liên quan khác, do đó khó phát hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của chủ sở hữu hưởng lợi có quyền kiểm soát.³³



Thông lệ tốt nhất

Sở hữu cổ phần lớn, bao gồm chủ sở hữu hưởng lợi và quyền biểu quyết

Một trong những quyền cơ bản của nhà đầu tư là được cung cấp thông tin về cơ cấu sở hữu của công ty và các quyền của họ so với quyền của các chủ sở hữu khác.

Việc công khai dữ liệu về sở hữu phải được thực hiện khi vượt quá một ngưỡng sở hữu nhất định. Trên thị trường chứng khoán với đặc điểm là cơ cấu sở hữu phân tán, việc sở hữu cổ phần nhỏ có thể gây ảnh hưởng đáng kể đến một công ty, các ngưỡng này có thể được đặt ở mức thấp hơn. Việc công khai này có thể bao gồm dữ liệu về cổ đông lớn và những người khác, mà trực tiếp hay gián tiếp, có thể ảnh hưởng đáng kể hoặc kiểm soát công ty, như thông qua quyền biểu quyết đặc biệt, thỏa thuận cổ đông, sở hữu hoặc kiểm soát số lượng lớn cổ phần, sử dụng cấu trúc công ty mẹ liên quan đến phân lớp các công ty, hoặc các quan hệ sở hữu chéo đáng kể và bảo lãnh chéo. Ở một số quốc gia, việc công khai việc nắm giữ cổ phần của các thành viên HĐQT, kể cả thành viên không điều hành, cũng có tính bắt buộc hoặc được coi là thông lệ tốt, và việc công khai được thực hiện thường xuyên.

Ngày càng có nhiều quốc gia sử dụng cơ quan đăng ký quốc gia tập trung, trong khi các quốc gia khác có thể yêu cầu cơ quan đăng ký cấp công ty để tạo điều kiện thuận lợi cho việc tiếp cận thông tin cập nhật và chính xác về quyền sở hữu hưởng lợi.

– Nguyên tắc Quản trị Công ty của G20/OECD, OECD 2023 (IV.A.4.)

33 <https://www.ifc.org/content/dam/ifc/doc/mgrt/focus-14.pdf>.

- GIỚI THIỆU VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
- CƠ CẤU QUẢN TRỊ CÔNG TY
- TÀI LIỆU NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
- GIỚI THIỆU VỀ QUYỀN CỦA CỔ ĐÔNG
- ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**
- HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
- BAN GIÁM ĐỐC
- THỦ KÝ CÔNG TY
- MÔI TRƯỜNG KIỂM SOÁT
- CÔNG BỐ THÔNG TIN
- GAO DI CHỨC VỚI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN (GOLU)
- CỐ TỨC
- VỐN ĐIỀU LỆ

Thông tin trên danh sách cổ đông

Danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ được lập dựa trên số đăng ký cổ đông của công ty. Danh sách cổ đông phải có thông tin về từng cá nhân, pháp nhân bao gồm:³⁴

- Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân.
- Tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức.
- Số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông.



Thông lệ tốt nhất

Theo thông lệ tốt, danh sách cổ đông nên bao gồm cả địa chỉ email của từng cổ đông.

Công bố thông tin trên danh sách cổ đông

Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục, sao chép nội dung số đăng ký cổ đông trong giờ làm việc của công ty.³⁵ Ở một số quốc gia, thông tin về cá nhân, bao gồm địa chỉ gửi thư, chỉ được cung cấp nếu có chấp thuận của cổ đông.

Cổ đông có quyền xác minh tính chính xác của thông tin trên số đăng ký cổ đông về chính bản thân và số cổ phần mà họ nắm giữ. Cổ đông có quyền yêu cầu sửa đổi thông tin sai lệch hoặc bổ sung thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ.³⁶ Theo thông lệ tốt, trong vòng một vài ngày, công ty cần có thông báo về những ý kiến phản đối của cổ đông.

HĐQT chỉ có thể sửa danh sách cổ đông sau ngày đăng ký cuối cùng nhằm mục đích khôi phục lại quyền của những cổ đông không được đưa vào danh sách này hoặc sửa chữa những sai sót khác.

34 Khoản 1 và 2, Điều 141, LDN

35 Khoản 3, Điều 141, LDN

36 Khoản 3, Điều 141, LDN

Nghĩa vụ của cổ đông khi bán cổ phần sau ngày đăng ký cuối cùng, nhưng trước ngày họp ĐHĐCĐ

LDN không quy định về quyền biểu quyết hoặc tham gia ĐHĐCĐ trong trường hợp cổ đông bán cổ phần sau ngày chốt danh sách, nhưng trước ngày khai mạc ĐHĐCĐ. Trên thực tế, nếu danh sách cổ đông không được cập nhật sau ngày đăng ký cuối cùng, người bán cổ phần vẫn có quyền tham dự và biểu quyết tại cuộc họp. Cổ đông này phải đảm bảo để cổ đông mới có thể thực hiện quyền biểu quyết của họ tại cuộc họp. Có hai cách để người bán cổ phần thực hiện được nghĩa vụ này:

- Ủy quyền cho cổ đông mới tham dự và biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ; hoặc
- Tham dự họp ĐHĐCĐ và biểu quyết theo chỉ dẫn của cổ đông mới.

Trên thực tế, hai phương án trên chỉ có thể thực hiện được khi cổ đông biết:

- Danh tính của người mua: thông thường cổ phần sẽ được bán thông qua trung gian mà hai bên mua bán không biết về nhau, vì vậy, người bán không thể xác định và liên lạc được với người mua. Vấn đề càng phức tạp hơn khi cổ phần được bán cho nhiều người hoặc được thực hiện trong các giao dịch mua bán nhiều loại cổ phần hoặc nhiều giao dịch nối tiếp nhau.
- Ngày đăng ký cuối cùng: trên thực tế, cổ đông không được thông báo về ngày đăng ký cuối cùng trước khi họ được thông báo về cuộc họp ĐHĐCĐ. Điều này khiến người bán khó có thể xác định được liệu anh ta có nghĩa vụ phải hành động nhằm mục đích cho phép cổ đông mới được tham dự họp ĐHĐCĐ.

Việc ủy quyền cho người dự họp (ủy quyền) ĐHĐCĐ phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên người được ủy quyền và số lượng cổ phần được ủy quyền. Người được ủy quyền dự họp phải xuất trình văn bản ủy quyền trước khi vào phòng họp.³⁷

37 Khoản 2, Điều 144, LDN.

GIỚI THIỆU VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

CƠ CẤU QUẢN TRỊ CÔNG TY

TÀI LIỆU NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

GIỚI THIỆU VỀ QUYỀN CỦA CỔ ĐÔNG

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

BAN GIÁM ĐỐC

THỦ KÝ CÔNG TY

MIỆT TRƯỞNG KIỂM SÁT

CÔNG BỐ THÔNG TIN

GIAO DỊCH VỚI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN (GỎI L)

CỐ TỨC

VỐN ĐIỀU LỆ



Thông lệ tốt nhất

Có một số cách để đảm bảo quyền của cổ đông mới như sau:

- Nếu chỉ dẫn biểu quyết của người chủ sở hữu cổ phần mới trùng với ý kiến của người bán, các phiếu biểu quyết của họ sẽ được kết hợp lại.
- Nếu chỉ dẫn biểu quyết của người chủ sở hữu cổ phần mới không trùng với ý kiến của người bán, người bán phải biểu quyết theo chỉ dẫn của người chủ sở hữu cổ phần mới.
- Nếu người chủ sở hữu cổ phần mới nhận được thư ủy quyền từ người bán, người cổ đông mới này phải được đăng ký để tham dự họp ĐHĐCĐ và họ phải được cung cấp phiếu biểu quyết mới.
- Nếu cổ phần có quyền biểu quyết được phân phối ra thị trường nước ngoài dưới hình thức chứng chỉ lưu ký (depository receipts), việc biểu quyết phải dựa trên chỉ dẫn của người nắm giữ chứng chỉ đó.

5.2.4. Thông báo mời họp ĐHĐCĐ

Khi đã hoàn tất các thủ tục theo quy định, cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ phải được thông báo không muộn hơn 10 ngày làm việc trước ngày gửi giấy mời họp ĐHĐCĐ.³⁸ Đối với công ty niêm yết, theo quy định tại Điều lệ Mẫu, thông báo họp ĐHĐCĐ phải được gửi trước ít nhất 21 ngày trước ngày họp ĐHĐCĐ,³⁹ đây cũng là thông lệ được khuyến nghị trong Bộ Nguyên tắc Quản trị Công ty theo Thông lệ Tốt nhất của Việt Nam (mục 9.2.1).

Khoảng thời gian tối thiểu cần thông báo công khai về ĐHĐCĐ khác nhau tùy theo quốc gia. Theo ấn bản Thông tin Quản trị Công ty 2023 của OECD, trong khi một số quốc gia chỉ yêu cầu thông báo công khai tối thiểu từ 10 đến 14 ngày (Chile, Nhật Bản, New Zealand, Hàn Quốc và Singapore), một số thị trường khác lại yêu cầu trên 28 ngày (Canada, Cộng hòa Séc, Đức, Hungary, Ý, Hà Lan, Cộng hòa Slovakia, Slovenia và Hoa Kỳ).

38 Khoản 1, Điều 141, LDN.

39 Khoản 3, Điều 18, Thông tư 116/2020/TT-BTC, Điều lệ Mẫu.



Thông lệ tốt nhất

Theo thông lệ quản trị tốt, thông báo mời họp ĐHĐCĐ cần:

Cho phép cổ đông có đủ thời gian để chuẩn bị họp ĐHĐCĐ.

Được gửi tới tất cả cổ đông.

Cho phép cổ đông có đủ thời gian để liên lạc với cổ đông khác.

Được gửi trước ngày khai mạc ít nhất 21 ngày.

Theo ấn bản Thông tin Quản trị Công ty 2023 của OECD, hầu hết các thị trường lớn được đề cập trong báo cáo đều có thời gian thông báo công khai tối thiểu đối với ĐHĐCĐ từ 15 ngày trở lên, trừ Chile, Nhật Bản, New Zealand, Hàn Quốc và Singapore.

Cách thức gửi thông báo mời họp

Thông báo mời họp ĐHĐCĐ cần được gửi bằng phương thức bảo đảm đến địa chỉ thường trú của cổ đông. Nếu công ty có trang thông tin điện tử thì thông báo mời họp và các tài liệu gửi kèm theo phải được công bố trên trang thông tin điện tử đó đồng thời với việc gửi thông báo cho cổ đông.

Theo Điều lệ Mẫu áp dụng đối với công ty niêm yết, thông báo mời họp ĐHĐCĐ được gửi cho tất cả cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của công ty và UBCKNN, sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Chương trình họp ĐHĐCĐ, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của công ty. Trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp ĐHĐCĐ, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm: a) chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp, b) danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên BKS, c) phiếu biểu quyết, và d) dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp. Trường hợp cần thiết có thể đăng báo hàng ngày của trung ương hoặc địa phương theo quy định của Điều lệ Công ty.⁴⁰

GIỚI THIỆU
VE QUẢN TRỊ
CÔNG TYCƠ CẤU
QUẢN TRỊ
CÔNG TYTÀI LIỆU NỘI BỘ
VE QUẢN TRỊ
CÔNG TYGIỚI THIỆU VE
QUẢN TRỊ
CƠ ĐỒNGĐẠI HỘI
ĐỒNG CỔ ĐÔNGHỘI ĐỒNG
QUẢN TRỊ

BAN GIÁM ĐỐC

THỦ KÝ CÔNG TY

HỘI TRƯỞNG
KIỂM SÁTCÔNG BỐ
THÔNG TINGIAO DỊCH VỚI
NGƯỜI CÒN LIÊN
QUAN (GOLU)

CỐ TỨC

VỐN ĐIỀU LỆ



Thông lệ tốt nhất

Công ty cần nỗ lực hết sức để có thể thông báo cho cổ đông về cuộc họp ĐHĐCĐ sắp tới. Thông báo mời họp có thể được gửi tới nhiều cổ đông hơn thông qua:

- Cho phép sử dụng thư điện tử (email) và internet.
- Sử dụng các phương tiện truyền thông với số lượng lớn độc giả để thông báo về cuộc họp.
- Sử dụng ít nhất là hai hoặc một vài số báo liên tiếp để thông báo về cuộc họp.

Thông tin trong thông báo mời họp ĐHĐCĐ

Thông báo mời họp ĐHĐCĐ thường niên nên bao gồm đầy đủ các thông tin để cho phép cổ đông tham dự họp. Thông báo này phải bao gồm các thông tin theo quy định tại LDN.⁴¹ Thông tin nên có trong thông báo ĐHĐCĐ được tóm tắt trong Bảng 1:

Bảng 1. Thông tin đưa vào Thông báo ĐHĐCĐ		
Thông tin	Bắt buộc	Đề xuất theo thông lệ tốt về QTCT
1. Tên công ty và địa chỉ trụ sở chính	√	√
2. Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	√	
3. Ngày, địa điểm, thời gian họp ĐHĐCĐ	√	√
4. Tên, địa chỉ của cổ đông hoặc người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông	√	
5. Chương trình, nội dung cuộc họp	√	√
6. Mẫu uỷ quyền	√	
7. Phiếu biểu quyết và tài liệu thảo luận; dự thảo nghị quyết	√	
8. Thông tin về thời gian và địa điểm và thời gian mà cổ đông có thể lấy tài liệu sẽ thảo luận tại ĐHĐCĐ		√
9. Thủ tục để nhận được các thông tin cơ bản về ĐHĐCĐ		√
10. Địa điểm đăng ký		√
11. Thông tin về nơi và cách thức báo cáo vi phạm các yêu cầu về thủ tục của ĐHĐCĐ.		√

⁴¹ Khoản 1, Điều 143, LDN.

Thông tin và tài liệu hợp ĐHĐCĐ

Theo quy định tại LDN và Điều lệ mẫu, thư mời hợp ĐHĐCĐ phải có thông tin về các tài liệu sẽ được thảo luận trong cuộc họp.

Bảng 2 tóm tắt các tài liệu ĐHĐCĐ nên cung cấp cho cổ đông.

Bảng 2. Tài liệu hợp ĐHĐCĐ	
Tài liệu hợp ĐHĐCĐ	1. Báo cáo thường niên và báo cáo tài chính hàng năm
	2. Báo cáo của Kiểm toán độc lập
	3. Báo cáo của bộ phận kiểm soát (BKS, KTNB)
	4. Báo cáo hoạt động của HĐQT
	5. Dự thảo sửa đổi điều lệ công ty, dự thảo điều lệ mới (nếu có)
	6. Dự thảo nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên
	7. Thông tin về các ứng viên được đề cử vào HĐQT, BKS
	8. Thư chấp nhận của các ứng viên nếu được bầu vào HĐQT, BKS
	9. Ý kiến của HĐQT đối với từng nội dung trong chương trình họp và các ý kiến phản đối (nếu có)
	10. Các tài liệu cần có trong trường hợp cuộc họp ĐHĐCĐ thảo luận và thông qua việc tái cơ cấu công ty: <ul style="list-style-type: none"> - Giải trình về các điều kiện và thủ tục tổ chức lại trong quyết định chia, tách, chuyển đổi hoặc trong hợp đồng sáp nhập hoặc do HĐQT phê duyệt (báo cáo của HĐQT) - Báo cáo thường niên và báo cáo tài chính của tất cả các công ty liên quan đến việc tổ chức lại trong ba năm tài chính gần nhất hoặc cho tất cả các năm tài chính đã hoàn thành nếu công ty được thành lập chưa được ba năm - Chứng từ kế toán quý của quý trước quyết định - Báo cáo của Kiểm toán Độc lập - Báo cáo của BKS (nếu có).

Thời gian và địa điểm gửi tài liệu hợp ĐHĐCĐ

Mỗi cổ đông trong danh sách đăng ký họp có quyền nhận bản sao tài liệu ĐHĐCĐ. Tài liệu hợp ĐHĐCĐ được gửi kèm với thông báo mời họp tới mọi cổ đông. Đối với các công ty đại chúng chưa niêm yết, nếu công ty

GIỚI THIỆU VE QUẢN TRỊ CÔNG TY
 CƠ CẤU QUẢN TRỊ CÔNG TY
 TÀI LIỆU NỘI BỘ VE QUẢN TRỊ CÔNG TY
 GIỚI THIỆU VE QUẢN TRỊ CÔNG ĐỒNG
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
 HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
 BAN GIÁM ĐỐC
 THỦ KÝ CÔNG TY
 HỘI TRƯỞNG KIỂM SOÁT
 CÔNG BỐ THÔNG TIN
 GIAO DỊCH VỚI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN (GOLU)
 CỔ TỨC
 VỐN ĐIỀU LỆ

có trang thông tin điện tử, thì thông báo mời họp ĐHĐCĐ và các tài liệu gửi kèm theo phải được công bố trên trang thông tin điện tử đó đồng thời với việc gửi thông báo cho cổ đông.⁴² Đường dẫn, địa điểm và cách thức tải tài liệu họp ĐHĐCĐ bao gồm thông báo họp, biểu mẫu ủy quyền, chương trình họp, phiếu biểu quyết, tài liệu thảo luận và dự thảo nghị quyết cho từng nội dung trong chương trình họp phải được đưa vào thư mời họp ĐHĐCĐ.⁴³



Thông lệ tốt nhất

Theo thông lệ tốt, Điều lệ Công ty cần xác định thời điểm chậm nhất các tài liệu họp ĐHĐCĐ thường niên phải được gửi tới cổ đông. Hai mươi mốt ngày trước ngày họp ĐHĐCĐ có thể là một thời điểm thích hợp. Mặc dù LDN có quy định rằng tài liệu họp ĐHĐCĐ cần phải được gửi kèm với thông báo mời họp, những tài liệu này cũng nên được công bố trên internet, tốt nhất là trên trang thông tin điện tử của công ty như một phương thức công bố thông tin điện tử tới đông đảo công chúng một cách đơn giản và ít tốn kém.

Bên cạnh đó, các tài liệu họp ĐHĐCĐ cũng nên có sẵn tại trụ sở công ty trong giờ làm việc. Thông tin và tài liệu cũng cần được lưu tại các địa điểm khác, tốt nhất là ở khu vực tập trung một số lượng lớn cổ đông, miễn là địa điểm đó được nêu trong thông báo mời họp ĐHĐCĐ.

Theo khuyến nghị tại Bộ Nguyên tắc Quản trị Công ty theo Thông lệ Tốt nhất của Việt Nam (Mục 9.4.3), nên cung cấp tài liệu họp ĐHĐCĐ bằng tiếng Anh nhằm tạo điều kiện cho cổ đông không quen thuộc với tiếng Việt có thể tham gia đầy đủ, và cung cấp thông dịch viên tại ĐHĐCĐ nếu cần thiết.

Thời điểm và phương thức gửi phiếu biểu quyết cho cổ đông

Theo quy định tại Điều 143 của LDN, phiếu biểu quyết phải được gửi cùng với thông báo mời họp ĐHĐCĐ cho cổ đông. Tuy nhiên, Điều 146 quy định rằng trước ngày họp ĐHĐCĐ, phải tiến hành đăng ký việc dự họp ĐHĐCĐ. Thủ tục như trên cũng được quy định trong Điều lệ Mẫu. Phiếu biểu quyết sẽ bao gồm số đăng ký, tên đầy đủ của cổ đông, tên đầy đủ của người đại diện ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó.⁴⁴ Công ty đại chúng phải quy định trong quy chế nội bộ về quản trị công ty việc ứng dụng công nghệ thông tin hiện đại để cổ đông có thể tham gia và cho ý kiến tại ĐHĐCĐ

⁴² Khoản 2, Điều 143, LDN.

⁴³ Khoản 4, Điều 143, LDN.

⁴⁴ Khoản 1a, Điều 20, Thông tư số 116/2020/TT-BTC, Điều lệ Mẫu.

thông qua hình thức họp trực tuyến, biểu quyết điện tử, hoặc các hình thức điện tử khác.⁴⁵

Kể từ đại dịch COVID-19, ngày càng nhiều công ty trên toàn cầu tổ chức họp ĐHĐCĐ hoàn toàn trực tuyến hoặc kết hợp, cho phép cổ đông tham gia và biểu quyết từ xa. Ấn bản Thông tin Quản trị Công ty 2023 của OECD cho biết 75% số quốc gia đã có quy định pháp luật hoặc quy định niêm yết cho họp ĐHĐCĐ trực tuyến và 80% cho họp ĐHĐCĐ kết hợp.

ĐHĐCĐ từ xa tăng cơ hội tiếp cận cho cổ đông, mang lại cơ hội tham gia hiệu quả mặt chi phí và là giải pháp linh hoạt cho cả công ty và cổ đông. Tuy nhiên, nhược điểm của ĐHĐCĐ từ xa là làm giảm tương tác trực tiếp giữa cổ đông và người quản lý, đặc biệt khi câu hỏi được gửi trực tuyến trong cuộc họp sẽ được ban giám đốc sàng lọc. Đây là lo ngại lớn của nhà đầu tư vì việc sàng lọc câu hỏi làm giảm giao tiếp có ý nghĩa và minh bạch giữa nhà đầu tư, ban giám đốc công ty, và thành viên HĐQT.

Các cơ quan quản lý nên có hướng dẫn rõ ràng để giúp thực hiện hiệu quả các cuộc họp ĐHĐCĐ từ xa. Hướng dẫn này bao gồm thể thức để quản lý các câu hỏi của cổ đông, phản hồi với câu hỏi, và quy trình công bố thông tin sau đó. Điều quan trọng là phải bảo đảm để HĐQT và ban giám đốc có cách tiếp cận minh bạch trong thu thập, tổng hợp, và trả lời những câu hỏi này cũng như việc công bố công khai. Điều này sẽ tạo điều kiện cho tương tác cởi mở và có trách nhiệm hơn giữa cổ đông, HĐQT, và ban giám đốc trong môi trường họp từ xa.

GIỚI THIỆU
VE QUẢN TRỊ
CÔNG TYCƠ CẤU
QUẢN TRỊ
CÔNG TYTÀI LIỆU NỘI BỘ
VE QUẢN TRỊ
CÔNG TYGIỚI THIỆU VE
QUẢN TRỊ CỦA
CỔ ĐÔNGĐẠI HỘI
ĐÔNG CỔ ĐÔNGHỘI ĐỒNG
QUẢN TRỊ

BAN GIÁM ĐỐC

THỦ KÝ CÔNG TY

MỘT TRƯỞNG
KHIỂM SÁTCÔNG BỐ
THÔNG TINGIAO DỊCH VỚI
NGƯỜI CÒI LIÊN
QUAN (GOLU)

CỐ TỨC

VỐN ĐIỀU LỆ

45 Khoản A, Điều 15, Nghị định 128/2021.



Thông lệ tốt nhất

Một nghiên cứu gần đây của OECD⁴⁶ về tham gia từ xa trong các cuộc họp ĐHĐCĐ khuyến nghị các thông lệ tốt nhất dưới đây.

Trước ĐHĐCĐ:

- Thiết lập một trang thông tin điện tử dành riêng cho họp ĐHĐCĐ, được thông báo phù hợp cho cổ đông.
- Cung cấp hướng dẫn rõ ràng về quy trình họp.
- Tập họp trước câu hỏi qua bản đăng ký dự họp ĐHĐCĐ hoặc qua email, có thể yêu cầu thời hạn dừng tiếp nhận, để cổ đông đặt câu hỏi trước khi họp ĐHĐCĐ.
- Bảo đảm hạ tầng tin cậy để tương tác hai chiều.
- Bảo đảm đào tạo đầy đủ cho những người tham gia của công ty để quen thuộc với hệ thống này.

Trong ĐHĐCĐ:

- Chọn hình thức họp phù hợp: họp kết hợp hoặc họp (hoàn toàn) trực tuyến.
- Phát sóng có hình ảnh tốt hơn hình thức họp chỉ có âm thanh.
- Hiển thị tất cả thông tin được truyền trước và trong cuộc họp cho tất cả những người tham gia họp ĐHĐCĐ.
- Bảo đảm cổ đông có thể biểu quyết từ xa theo thời gian thực.
- Khuyến khích cổ đông không có khả năng tiếp cận qua internet biểu quyết thông qua ủy quyền.
- Sắp xếp các biện pháp bảo đảm cần thiết để xác nhận phiếu bầu.
- Sắp xếp hỗ trợ kỹ thuật trong quá trình họp và chuẩn bị kế hoạch dự phòng.

Sau ĐHĐCĐ:

- Cho phép cổ đông xem xét các câu hỏi và câu trả lời, bao gồm câu trả lời không được giải quyết trong khi họp ĐHĐCĐ do hạn chế về thời gian.
- Tất cả các câu hỏi và câu trả lời được cung cấp trên trang thông tin điện tử của công ty.
- Cũng cần cung cấp biên bản họp ĐHĐCĐ.

Thời điểm và phương thức sử dụng phương án biểu quyết bằng văn bản

Cổ đông tham dự họp ĐHĐCĐ có thể tham dự và biểu quyết bằng các hình thức sau:

- Cổ đông tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp ĐHĐCĐ.
- Cổ đông ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.
- Cổ đông tham dự và biểu quyết trực tuyến hoặc thông qua các hình thức điện tử khác.

⁴⁶ OECD (2023) Chính sách và thông lệ tham dự ĐHĐCĐ từ xa: Báo cáo chuẩn bị cho Hội nghị Bàn tròn về Quản trị Công ty của OECD-Châu Á năm 2023.

- Cổ đông gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử.
- Cổ đông gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác quy định trong Điều lệ Công ty.⁴⁷

HDQT có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của ĐHĐCĐ khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty,⁴⁸ trừ các nghị quyết về các vấn đề sau đây sẽ được biểu quyết tại cuộc họp:⁴⁹

- Sửa đổi, bổ sung nội dung của Điều lệ Công ty.
- Định hướng phát triển công ty.
- Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại.
- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HDQT, BKS.
- Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, trừ trường hợp Điều lệ Công ty quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác, và thông qua báo cáo tài chính năm.
- Tổ chức lại hoặc giải thể công ty.

HDQT phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết ĐHĐCĐ, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến.⁵⁰ Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và các tài liệu kèm theo được thực hiện tương tự như tài liệu của ĐHĐCĐ.⁵¹

5.2.5. Phê duyệt Chương trình họp

LDN không có hướng dẫn cụ thể về quyền của cổ đông trong việc thông qua hoặc sửa đổi chương trình họp ĐHĐCĐ, ngoài yêu cầu có bản sao chương trình họp gửi kèm thư mời ĐHĐCĐ để cho phép cổ đông xem xét.⁵² Có những nội dung bắt buộc mà tất cả các công ty phải đưa vào chương

47 Khoản 3, Điều 144, LDN.
 48 Khoản 1, Điều 22, Thông tư 116/2020/TT-BTC, Điều lệ Mẫu.
 49 Khoản 2, Điều 147, LDN.
 50 Khoản 2, Điều 22, Thông tư 116/2020/TT-BTC, Điều lệ Mẫu.
 51 Khoản 3, Điều 18, Thông tư 116/2020/TT-BTC, Điều lệ Mẫu.
 52 Khoản 4, Điều 145, LDN.

GIỚI THIỆU VE QUẢN TRỊ CÔNG TY

CƠ CẤU QUẢN TRỊ CÔNG TY

TÀI LIỆU NỘI BỘ VE QUẢN TRỊ CÔNG TY

GIỚI THIỆU VE QUYỀN CỦA CỔ ĐÔNG

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

BAN GIÁM ĐỐC

THƯ KÝ CÔNG TY

MỘT TRƯỞNG KIỂM SÁT

CÔNG BỐ THÔNG TIN

GAO ĐƯỢC VỚI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN (GOLU)

CỐ TỨC

VỐN ĐỀU LỆ

trình họp ĐHĐCĐ thường niên, như minh họa trong Hình 3,⁵³ ngoài những nội dung này, HĐQT hoặc cổ đông có thể kiến nghị bổ sung các vấn đề vào chương trình họp.⁵⁴

Hình 3. Nội dung bắt buộc trong chương trình họp ĐHĐCĐ	
Nội dung bắt buộc trong chương trình họp ĐHĐCĐ	Kế hoạch kinh doanh hàng năm của công ty;
	Báo cáo tài chính hàng năm;
	Báo cáo của HĐQT về quản trị và hiệu quả hoạt động của HĐQT và từng thành viên HĐQT;
	Báo cáo của BKS về kết quả hoạt động kinh doanh của công ty, kết quả hoạt động của HĐQT và TGD;
	Báo cáo tự đánh giá của BKS và Kiểm soát viên;
	Tỷ lệ cổ tức trả cho mỗi loại cổ phần

Đối với công ty niêm yết, ĐHĐCĐ thường niên cũng sẽ thảo luận và thông qua kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của công ty.⁵⁵

Ai có quyền kiến nghị các vấn đề đưa vào chương trình họp ĐHĐCĐ?

Đối với các công ty đại chúng chưa niêm yết nói chung, cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ tối thiểu 5% tổng số cổ phần phổ thông hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn quy định tại Điều lệ Công ty có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp ĐHĐCĐ.⁵⁶ Theo khuyến nghị tại Bộ Nguyên tắc Quản trị Công ty theo Thông lệ Tốt nhất của Việt Nam, cổ đông sở hữu từ 10% cổ phần có quyền biểu quyết của công ty trở lên nên có quyền kiến nghị bổ sung các vấn đề đưa vào chương trình họp. Cổ đông sở hữu ít hơn 10% cổ phần có quyền biểu quyết của công ty cũng cần được tạo cơ hội đề xuất các vấn đề bổ sung vào chương trình họp ĐHĐCĐ.

Người ký trên văn bản kiến nghị được coi là cổ đông đệ trình kiến nghị. Ngày mà quyền sở hữu của cổ đông cần được xác minh là ngày đệ trình văn bản kiến nghị hợp lệ.

53 Khoản 3, Điều 139, LDN.

54 Khoản 2, Điều 142, LDN.

55 Khoản 1a, Điều 15, Thông tư 116/2020/TT-BTC, Điều lệ Mẫu.

56 Khoản 2, Điều 142 & Khoản 2 Điều 115, LDN.

Thời điểm và cách thức gửi kiến nghị các vấn đề đưa vào chương trình họp

LDN quy định cổ đông phải gửi kiến nghị bằng văn bản và được gửi đến công ty chậm nhất là ba ngày làm việc trước ngày khai mạc, trừ trường hợp Điều lệ Công ty có quy định thời hạn khác.⁵⁷ Cổ đông nên gửi kiến nghị ngay khi nhận được giấy mời họp ĐHĐCĐ để HĐQT có đủ cơ sở xem xét và trả lời. Không có quy định cụ thể về cách thức gửi văn bản kiến nghị, người nhận hoặc cách xác định ngày gửi. Theo thông lệ tốt, Điều lệ Công ty cần quy định chi tiết những nội dung này.



THÔNG LỆ SO SÁNH

Cổ đông có thể gửi kiến nghị các vấn đề đưa vào chương trình họp ĐHĐCĐ bằng văn bản:

- Qua đường bưu điện tới Chủ tịch HĐQT. Ngày theo dấu bưu điện được coi là ngày kiến nghị được gửi đi.
- Đưa tận tay Chủ tịch HĐQT (hoặc tới Thư ký Công ty, hoặc một người được ủy quyền nhận thư cho công ty). Ngày gửi kiến nghị được xác định dựa vào biên nhận có đóng dấu ngày nhận. Ngày nhận kiến nghị được xem là ngày kiến nghị được gửi đến công ty.
- Thông qua các phương thức khác, như email hoặc fax (nếu Điều lệ Công ty hoặc các quy chế nội bộ cho phép). Trong trường hợp này, Điều lệ Công ty và các quy định nội bộ phải xác định ngày kiến nghị được coi là đã gửi đi.

Các thông tin cần có trên văn bản kiến nghị

Văn bản kiến nghị các vấn đề đưa vào chương trình họp ĐHĐCĐ phải bao gồm các thông tin sau:⁵⁸

- Tên cổ đông.
- Số lượng từng loại cổ phần của cổ đông.
- Vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.
- Theo thông lệ tốt, văn bản kiến nghị cũng nên bao gồm các thông tin sau:
- Chữ ký của (các) cổ đông kiến nghị.
- Lý do đưa ra kiến nghị.

Nếu người ký văn bản kiến nghị là đại diện của cổ đông, phải gửi kèm theo thư ủy quyền hợp lệ.

57 Khoản 2, Điều 142, LDN.

58 Khoản 2, Điều 142, LDN.

GIỚI THIỆU
VE QUẢN TRỊ
CÔNG TYCƠ CẤU
QUẢN TRỊ
CÔNG TYTÀI LIỆU NỘI BỘ
VE QUẢN TRỊ
CÔNG TYGIỚI THIỆU VỀ
QUYỀN CỦA
CỔ ĐÔNGĐẠI HỘI
ĐỒNG CỔ ĐÔNGHỘI ĐỒNG
QUẢN TRỊ

BAN GIÁM ĐỐC

THƯ KÝ CÔNG TY

MỘT TRƯỞNG
KHIEM SƠ LƯUCÔNG BỐ
THÔNG TINGIAO DỊCH VỚI
NGƯỜI CÓ LIÊN
QUAN (GOLU)

CỐ TỨC

VỐN ĐIỀU LỆ

Các thông tin cần có trong văn bản đề cử ứng viên vào HĐQT và BKS

Cổ đông (hoặc nhóm cổ đông) sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên của công ty có quyền đề cử người vào HĐQT và BKS.⁵⁹

Số lượng ứng viên được phép đề cử được giới hạn trong số lượng thành viên của cơ quan điều hành tương ứng theo quy định tại Điều lệ Công ty và các quy định nội bộ.⁶⁰

Căn cứ số lượng thành viên HĐQT và BKS, cổ đông hoặc nhóm cổ đông có quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của ĐHĐCĐ. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của ĐHĐCĐ thì các ứng cử viên còn lại do HĐQT, BKS và các cổ đông khác đề cử.⁶¹

Pháp luật hiện hành của Việt Nam không quy định về số lượng ứng cử viên mà cổ đông lớn có thể đề cử vào HĐQT hoặc BKS theo tỷ lệ tổng số cổ phần. Trên thực tế, cổ đông lớn thường kiểm soát việc bầu và bãi nhiệm thành viên HĐQT, thành viên BKS. Số lượng các ứng viên do cổ đông lớn đề cử vào HĐQT hoặc BKS, tương ứng với tỷ lệ cổ phần nắm giữ trong tổng số cổ phần có quyền biểu quyết, nếu Điều lệ Công ty không quy định khác, được trình bày trong các bảng sau:

Bảng 3. Số lượng Ứng viên Cần thiết đối với Công ty Đại chúng chưa Niêm yết	
Tỷ lệ cổ phần trong tổng số cổ phần có quyền biểu quyết	Số lượng ứng viên tối đa được đề cử
Từ 10% đến dưới 20%	1
Từ 20% đến dưới 30%	2
Từ 30% đến dưới 40%	3
Từ 40% đến dưới 50%	4
Từ 50% đến dưới 60%	5
Từ 60% đến dưới 70%	6
Từ 70% đến dưới 80%	7
Từ 80% đến dưới 90%	8

59 Khoản 5, Điều 115, LDN.

60 Khoản 5, Điều 115, LDN.

61 Khoản 5b, Điều 115, LDN; và Khoản 3b, Điều 12, Thông tư 116/2020/TT-BTC, Điều lệ Mẫu.

Bảng 4. Số lượng Ủy viên Cần thiết đối với Công ty Niêm yết	
Tỷ lệ cổ phần trong tổng số cổ phần có quyền biểu quyết	Số lượng ủy viên tối đa được đề cử
Từ 5% đến dưới 10%	1
Từ 10% đến dưới 30%	2
Từ 30% đến dưới 50%	3
Từ 50% đến dưới 65%	4
Từ 65% trở lên	Để cử đủ số ứng viên

Xem xét kiến nghị các vấn đề đưa vào chương trình họp bởi HĐQT

HĐQT phải quyết định có chấp nhận hay từ chối kiến nghị của cổ đông. HĐQT chỉ có quyền từ chối kiến nghị của cổ đông trong các trường hợp sau:⁶²

- Kiến nghị được gửi đến bởi cổ đông (hoặc nhóm cổ đông) không nắm giữ tỷ lệ cổ phần phổ thông đủ điều kiện.
- Kiến nghị không được gửi dưới hình thức văn bản và trong thời hạn theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
- Kiến nghị không đầy đủ.
- Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHCĐ.
- Trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ Công ty.

Người triệu tập họp ĐHCĐ phải chấp nhận và đưa những vấn đề do cổ đông kiến nghị mà không bị từ chối vào chương trình và nội dung cuộc họp ĐHCĐ. Kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được ĐHCĐ chấp thuận. Đối với các công ty niêm yết, quyết định của Chủ tọa về trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình họp ĐHCĐ là quyết định cuối cùng.⁶³

62 Khoản 3 & 4, Điều 142, LDN.

63 Khoản 4, Điều 142, LDN.

GIỚI THIỆU
VE QUẢN TRỊ
CÔNG TYCƠ CẤU
QUẢN TRỊ
CÔNG TYTÀI LIỆU NỘI BỘ
VE QUẢN TRỊ
CÔNG TYGIỚI THIỆU VỀ
QUYỀN CỦA
CỔ ĐÔNGĐẠI HỘI
ĐÔNG CỔ ĐÔNGHỘI ĐÔNG
QUẢN TRỊ

BAN GIÁM ĐỐC

THỦ TỤC CÔNG TY

MÔI TRƯỜNG
KIỂM SÁTCÔNG BỐ
THÔNG TINGIAO DỊCH VỚI
NGƯỜI CÓ LIÊN
QUAN (GỎI)

CỐ TỨC

VỐN ĐIỀU LỆ

Thông báo cho cổ đông về các kiến nghị bị từ chối

HĐQT cần thông báo tới cổ đông về việc kiến nghị của họ bị từ chối hay được chấp thuận. LDN quy định việc từ chối phải được trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do chậm nhất là 02 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ.

Cổ đông có thể khởi kiện trong trường hợp HĐQT từ chối hoặc không ra quyết định (bao gồm cả quyết định về các kiến nghị của cổ đông).⁶⁴

5.2.6. Chuẩn bị dự thảo nghị quyết theo từng nội dung trong chương trình họp

HĐQT phải chuẩn bị dự thảo nghị quyết cho từng vấn đề trong chương trình họp. Dự thảo nghị quyết sẽ được gửi tới cổ đông cùng với thông báo mời họp ĐHĐCĐ.⁶⁵

Việc thông qua báo cáo thường niên và các báo cáo tài chính năm là một trong số những quyết định quan trọng nhất của ĐHĐCĐ thường niên. Do đó, theo thông lệ tốt, HĐQT cần thông qua báo cáo thường niên và báo cáo tài chính năm trước khi cuộc họp diễn ra. Trước khi HĐQT thông qua báo cáo thường niên và báo cáo tài chính năm, các báo cáo này cần phải được kiểm tra bởi BKS.

⁶⁴ Khoản 1, Điều 166, LDN.

⁶⁵ Khoản 2d, Điều 18, Thông tư 116/2020/TT-BTC, Điều lệ Mẫu.

5.3. Tổ chức hợp ĐHĐCĐ

LDN không có hướng dẫn chi tiết về quy trình tổ chức hợp ĐHĐCĐ. Theo thông lệ chung, công ty quy định quy trình, thủ tục riêng trong Điều lệ Công ty hoặc quy chế nội bộ khác, lý tưởng nhất là sử dụng các thông lệ tốt nhất về quản trị công ty làm tài liệu tham khảo.

Các công ty nên sử dụng ĐHĐCĐ như một diễn đàn để cung cấp thông tin cho cổ đông về hoạt động, kết quả, và kế hoạch sắp tới của công ty, cũng như để cổ đông tham gia vào các quyết định quan trọng. Đối với cổ đông thiểu số, ĐHĐCĐ thường là cơ hội duy nhất để có được thông tin chi tiết về hoạt động của công ty và cơ hội gặp các thành viên HĐQT và người quản lý.

Các công ty nên tránh tổ chức ĐHĐCĐ kéo dài quá mức có khả năng sẽ gây ra mệt mỏi cho những người tham dự, mặc dù việc này có thể tương đối thách thức trong trường hợp các vấn đề cần thông qua có tính phức tạp, gây nhiều tranh cãi, hoặc có nhiều vấn đề cần được thông qua. Nguyên tắc nền tảng là các công ty nên tổ chức hợp ĐHĐCĐ theo cách có thể tạo điều kiện cho cổ đông tham dự và ra quyết định hiệu quả.

Các bước cần thiết để tổ chức hợp ĐHĐCĐ được trình bày tại Hình 4.

Hình 4. Thủ tục Tổ chức hợp ĐHĐCĐ	
Bước 1: Đăng ký dự hợp ĐHĐCĐ	GIỚI THIỆU VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
Bước 2: Kiểm tra và công bố tỷ lệ cổ đông tham dự tối thiểu	
Bước 3: Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập hợp ĐHĐCĐ khai mạc cuộc họp, trừ một số trường hợp đặc biệt	CƠ CẤU QUẢN TRỊ CÔNG TY
Bước 4: Cổ đông bầu Chủ tọa cuộc họp ĐHĐCĐ nếu Điều lệ Công ty hoặc các tài liệu nội bộ khác không xác định ai là chủ tọa cuộc họp ĐHĐCĐ	
Bước 5: Chủ tọa cuộc họp ĐHĐCĐ bầu Thư ký cuộc họp để ghi chép nội dung cuộc họp và lập biên bản	TÀI LIỆU NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
Bước 6: Cổ đông bầu Ban Kiểm phiếu	GIỚI THIỆU VỀ QUYỀN CỦA CỔ ĐÔNG
Bước 7: Chủ tọa cuộc họp ĐHĐCĐ trình bày nội dung chương trình họp và thể lệ cuộc họp. ĐHĐCĐ thông qua chương trình họp	
Bước 8: Chủ tọa cuộc họp ĐHĐCĐ công bố bắt đầu thảo luận các vấn đề trong chương trình họp	BAN HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
Bước 9: Cổ đông biểu quyết cho các vấn đề trong chương trình họp	
Bước 10: Ban Kiểm phiếu tiến hành việc kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu	HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Bước 11: Chủ tọa cuộc họp ĐHĐCĐ công bố kết quả cuộc họp và các quyết định của ĐHĐCĐ	BAN GIÁM ĐỐC
Bước 12: Chủ tọa cuộc họp ĐHĐCĐ bế mạc cuộc họp	
Bước 13: Ban Kiểm phiếu lưu các phiếu biểu quyết và các hướng dẫn biểu quyết	THƯ KÝ CÔNG TY
Bước 14: Thư ký Công ty lập và lưu Biên bản họp ĐHĐCĐ.	HỘI TRƯỞNG KIỂM SÁT
	CÔNG BỐ THÔNG TIN
	GAO DI CHÚC VỚI NGƯỜI CÒN LIÊN QUAN (GOLLO)
	CỐ TỨC
	VỐN ĐIỀU LỆ

5.3.1. Đăng ký Cổ đông

Công ty nên tiến hành đăng ký cổ đông hoặc đại diện của cổ đông trước khi ĐHĐCĐ bắt đầu.⁶⁶ Người tham gia phải được đăng ký để xác minh số đại biểu tối thiểu.⁶⁷ Cổ đông có quyền trực tiếp tham gia cuộc họp ĐHĐCĐ hoặc ủy quyền bằng văn bản cho người khác tham dự. Người được ủy quyền dự họp ĐHĐCĐ phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp.⁶⁸

Theo quy định hiện hành, cổ đông được coi là tham dự cuộc họp ĐHĐCĐ trong trường hợp cổ đông: 1) tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp, 2) tham dự và biểu quyết trực tuyến hoặc thông qua hình thức điện tử khác, 3) gửi phiếu biểu quyết đến ĐHĐCĐ qua đường bưu điện, fax hoặc thư điện tử, hoặc 4) gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ Công ty.⁶⁹ Đối với công ty đại chúng, trường hợp cổ đông cử hơn một người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số lượng cổ phần và số phiếu biểu quyết được ủy quyền của từng người đại diện.⁷⁰

Nếu cổ đông tham gia họp ĐHĐCĐ thông qua đại diện được ủy quyền, thư ủy quyền phải được lập thành văn bản theo mẫu của công ty, phải có đủ chữ ký, và không cần công chứng. Người được ủy quyền dự họp ĐHĐCĐ phải nộp văn bản ủy quyền trước khi vào phòng họp. Trường hợp người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự, việc ủy quyền vẫn có hiệu lực trừ khi công ty nhận được thông báo bằng văn bản về một trong các trường hợp trên chậm nhất 24 giờ trước giờ khai mạc cuộc họp. Đối với công ty niêm yết, thời gian thông báo phải là 48 giờ trước giờ khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ.

Luật và các quy định hiện hành liên quan không đề cập đến trường hợp khi cổ đông cá nhân chết hoặc cổ đông là pháp nhân tổ chức lại doanh nghiệp sau ngày đăng ký cuối cùng. Theo thông lệ tại một số nước, trong trường hợp này, người được thừa kế hoặc cổ đông mới sẽ có quyền tham dự ĐHĐCĐ. Tuy nhiên, phiếu của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có giá trị khi người được ủy quyền đã chết.⁷¹

⁶⁶ Khoản 1, Điều 146, LDN

⁶⁷ Khoản 1a, Điều 20, Thông tư 116/2020/TT-BTC, Điều lệ Mẫu

⁶⁸ Khoản 2, Điều 16, Thông tư 116/2020/TT-BTC, Điều lệ Mẫu.

⁶⁹ Khoản 3, Điều 144, LDN.

⁷⁰ Khoản 2, Điều 16, Thông tư 116/2020/TT-BTC, Điều lệ Mẫu.

⁷¹ Khoản 3a, Điều 16, Thông tư 116/2020/TT-BTC, Điều lệ Mẫu.

a) Ai thực hiện việc đăng ký cổ đông dự họp?

Theo quy định tại LDN đối với công ty cổ phần nói chung và Điều lệ Mẫu áp dụng cho công ty niêm yết, không có hướng dẫn cụ thể về các thủ tục đăng ký cổ đông dự họp cũng như ai là người chịu trách nhiệm thực hiện các công việc này. Các quy định này chỉ yêu cầu vào ngày khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ, công ty phải tiến hành đăng ký việc dự họp ĐHĐCĐ cho đến khi bảo đảm việc đăng ký đầy đủ cổ đông có quyền dự họp.⁷² Pháp luật quy định công ty niêm yết phải xây dựng quy trình về trình tự, thủ tục triệu tập và biểu quyết tại ĐHĐCĐ, bao gồm cả cách thức đăng ký tham dự họp ĐHĐCĐ.⁷³



THÔNG LỆ TỐT NHẤT

Việc đăng ký cổ đông dự họp có thể được coi là nhiệm vụ của Thư ký Công ty bởi vì Thư ký công ty chịu trách nhiệm chuẩn bị họp ĐHĐCĐ.

b) Các tài liệu cần được kiểm tra trước khi đăng ký dự họp

HĐQT hoặc người triệu tập họp ĐHĐCĐ có thể yêu cầu cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự ĐHĐCĐ chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh khác. Họ cũng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp, trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của Chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến trình họp ĐHĐCĐ hoặc không tuân thủ việc kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp ĐHĐCĐ.⁷⁴ Tuy nhiên, không có quy định nào được đưa ra về việc kiểm tra sẽ được thực hiện như thế nào và các tài liệu nào cần được kiểm tra.

Thực tiễn tại Việt Nam cho thấy, khi thông báo mời họp, các công ty thường nêu rõ các tài liệu mà cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền của họ phải mang tới cuộc họp và xuất trình khi đăng ký dự họp ĐHĐCĐ, bao gồm chứng minh thư nhân dân, hộ chiếu hoặc bản sao giấy đăng ký kinh doanh, thư mời và thư ủy quyền (trong trường hợp được ủy quyền).

c) Đăng ký thành phần tham gia dự họp và phiếu biểu quyết

Khi tiến hành đăng ký cổ đông, công ty sẽ cấp cho từng cổ đông có quyền biểu quyết hoặc đại diện được ủy quyền một thẻ biểu quyết, trên đó có

⁷² Khoản 1, Điều 146, LDN.

⁷³ Khoản 3, Điều 273, Nghị định 155/2020/NĐ-CP.

⁷⁴ Khoản 7, Điều 146, LDN.

GIỚI THIỆU
VE QUẢN TRỊ
CÔNG TYCƠ CẤU
QUẢN TRỊ
CÔNG TYTÀI LIỆU NỘI BỘ
VE QUẢN TRỊ
CÔNG TYGIỚI THIỆU VỀ
QUYỀN CỦA
CƠ ĐỒNGĐẠI HỘI
ĐỒNG CỔ ĐÔNGHỘI ĐỒNG
QUẢN TRỊ

BAN GIÁM ĐỐC

THƯ KÝ CÔNG TY

MỜI TRƯỞNG
KIỂM SÁTCÔNG BỐ
THÔNG TINGIAO DỊCH VỚI
NGƯỜI CÓ LIÊN
QUAN (GOLLO)

CỐ TỨC

VỐN ĐIỀU LỆ

ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được uỷ quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó.⁷⁵

d) Thời gian đăng ký thành phần tham gia dự họp

Việc đăng ký những người tham dự họp ĐHĐCĐ thường bắt đầu vào thời gian như đã được ghi rõ trong thông báo mời họp ĐHĐCĐ và kết thúc sau khi thảo luận nội dung cuối cùng trong chương trình họp. Cổ đông hoặc người được uỷ quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký. Hiệu lực của những biểu quyết đã tiến hành không bị ảnh hưởng.⁷⁶

e) Nơi đăng ký thành phần dự họp

Việc đăng ký cần được thực hiện tại địa điểm diễn ra cuộc họp ĐHĐCĐ.



THÔNG LỆ TỐT NHẤT

Việc đăng ký thành phần tham gia dự họp ĐHĐCĐ nên được thực hiện trong cùng ngày, trước khi khai mạc ĐHĐCĐ. Việc đăng ký không được tổ chức tốt có thể dẫn tới việc cổ đông phải chờ đợi trong khi cuộc họp đã bắt đầu. Theo đó, công ty cần hết sức cố gắng để đảm bảo rằng quá trình đăng ký cổ đông dự họp ĐHĐCĐ được thực hiện nhanh chóng và hiệu quả, cổ đông không bị ngăn cản tham dự họp ĐHĐCĐ vì những chậm trễ trong đăng ký. Điều này đồng nghĩa với việc phải có đủ nhân viên thực hiện việc đăng ký và cần bắt đầu đăng ký đủ sớm trước khi cuộc họp ĐHĐCĐ bắt đầu.

5.3.2. Kiểm tra và công bố tỷ lệ cổ đông tham dự tối thiểu

LDN và Điều lệ Mẫu không quy định hoặc hướng dẫn cho các công ty trong việc kiểm tra tỷ lệ cổ đông tối thiểu tham dự ĐHĐCĐ. Theo thông lệ tốt, Điều lệ Công ty, các quy chế và tài liệu nội bộ cần chỉ rõ bộ phận hoặc người có trách nhiệm kiểm tra và thông báo số lượng đại biểu dự họp thỏa mãn tỷ lệ tham dự tối thiểu theo quy định. Như vậy, tỷ lệ đại biểu tham dự họp tối thiểu theo quy định phải được công bố ngay sau khi kết thúc việc đăng ký cổ đông dự họp và trước khi cổ đông thực hiện biểu quyết. LDN yêu cầu các ngưỡng tối thiểu về tỷ lệ đại biểu như sau:

⁷⁵ Khoản 1a, Điều 20, Thông tư 116/2020/TT-BTC, Điều lệ Mẫu.

⁷⁶ Khoản 1b, Điều 20, Thông tư 116/2020/TT-BTC, Điều lệ Mẫu.

Bảng 5. Ngưỡng Tỷ lệ Đại biểu Tối thiểu		
Stt	Hành động của Doanh nghiệp	Tỷ lệ đại biểu tối thiểu
1	Tiến hành họp ĐHĐCĐ	≥ 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết ⁷⁷
2	Tiến hành họp ĐHĐCĐ lần thứ hai (trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất)	≥ 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết ⁷⁸
3	Tiến hành họp ĐHĐCĐ lần thứ ba (trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai)	Bất kỳ số lượng cổ phần nào có quyền biểu quyết ⁷⁹

Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp ĐHĐCĐ đã đăng ký đủ số lượng đại biểu dự kiến trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày dự kiến khai mạc cuộc họp và chỉ được hoãn cuộc họp tới thời gian khác hoặc thay đổi địa điểm họp với việc lấy hoặc không lấy ý kiến ĐHĐCĐ trong các trường hợp sau:⁸⁰

- Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp.
- Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết [tại cuộc họp].
- Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

Đối với công ty đại chúng, việc tổ chức họp ĐHĐCĐ để thông qua các quyết định của ĐHĐCĐ về việc thay đổi hoặc huỷ bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với từng loại cổ phần chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn 30 ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu.⁸¹

77 Khoản 1, Điều 145, LDN.

78 Khoản 2, Điều 145, LDN.

79 Khoản 2, Điều 145, LDN.

80 Khoản 8, Điều 146, LDN.

81 Khoản 2, Điều 17, Thông tư 116/2020/TT-BTC, Điều lệ Mẫu.

GIỚI THIỆU
VE QUẢN TRỊ
CÔNG TYCƠ CẤU
QUẢN TRỊ
CÔNG TYTÀI LIỆU NỘI BỘ
VE QUẢN TRỊ
CÔNG TYGIỚI THIỆU VỀ
QUYỀN CỦA
CỔ ĐÔNGĐẠI HỘI
ĐÔNG CỔ ĐÔNGHỘI ĐÔNG
QUẢN TRỊ

BAN GIÁM ĐỐC

THỦ KÝ CÔNG TY

MỐI TRƯỜNG
KIỂM SÁTCÔNG BỐ
THÔNG TINGIAO DỊCH VỚI
NGƯỜI CÓ LIÊN
QUAN (GOLU)

CỐ TỨC

VỐN ĐIỀU LỆ

5.3.3. Khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ

Cuộc họp ĐHĐCĐ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết, hoặc một tỷ lệ do Điều lệ Công ty quy định.⁸²

Chủ tịch HĐQT làm chủ tọa các cuộc họp do HĐQT triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp. Trường hợp không có người có thể làm chủ tọa thì thành viên HĐQT có chức vụ cao nhất điều khiển để ĐHĐCĐ bầu Chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có số phiếu bầu cao nhất sẽ làm Chủ tọa cuộc họp. Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp ĐHĐCĐ điều khiển để ĐHĐCĐ bầu Chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm Chủ tọa cuộc họp.

Đối với công ty niêm yết, trong mọi trường hợp, ĐHĐCĐ sẽ do Chủ tịch HĐQT chủ trì. Trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt thì Phó Chủ tịch HĐQT hoặc là người được ĐHĐCĐ bầu ra sẽ chủ trì. Trường hợp không ai trong số họ có thể chủ trì đại hội, thành viên HĐQT chức vụ cao nhất có mặt sẽ tổ chức họp để bầu ra Chủ tọa của ĐHĐCĐ, Chủ tọa không nhất thiết phải là thành viên HĐQT.

Chủ tọa ĐHĐCĐ để cử một thư ký để lập biên bản đại hội.

Chủ tọa và thư ký ĐHĐCĐ có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết để điều khiển cuộc họp một cách hợp lý, có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua, hoặc để ĐHĐCĐ phản ánh ý kiến của đa số người tham gia.

Trường hợp bầu Chủ tọa ĐHĐCĐ, tên Chủ tọa được để cử và số phiếu bầu cho Chủ tọa phải được công bố. Người có số phiếu bầu cao nhất sẽ làm chủ tọa cuộc họp.

82 Khoản 1, Điều 145, LDN. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định thì thông báo mời họp lần thứ hai phải được gửi trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất, nếu Điều lệ công ty không quy định khác. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên; tỷ lệ cụ thể do Điều lệ công ty quy định. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai, nếu Điều lệ công ty không quy định khác. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Bầu Ban Kiểm phiếu

Chủ tọa yêu cầu ĐHĐCĐ bầu Ban Kiểm phiếu tại mỗi cuộc họp ĐHĐCĐ.⁸³ Theo thông lệ tốt, Công ty nên thành lập một Ban Kiểm phiếu. Điều lệ Công ty, quy chế nội bộ, hoặc tài liệu nội bộ khác của công ty nên quy định điều kiện và phương thức bầu thành viên Ban Kiểm phiếu và quyền hạn của Ban Kiểm phiếu. Ban Kiểm phiếu phải có ít nhất ba thành viên và một trong số họ nên là một luật sư.

Để đảm bảo Ban Kiểm phiếu thực hiện chức năng của mình một cách độc lập với TGD, Ban Giám đốc và HĐQT, theo thông lệ tốt, những đối tượng sau không nên là thành viên Ban Kiểm phiếu:

- o Thành viên HĐQT và ứng cử viên thành viên HĐQT.
- o Thành viên Ban Giám đốc và ứng cử viên thành viên Ban Giám đốc.
- o Những người có liên quan với những đối tượng trên.

Theo quy định hiện hành, Ban Kiểm phiếu chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát việc kiểm phiếu. Các công ty nên thuê một bên độc lập để đảm bảo việc kiểm phiếu chính xác và có khả năng kiểm toán hồ sơ và có hệ thống xác minh phiếu biểu quyết. Trong trường hợp họp ĐHĐCĐ trực tiếp, pháp luật hiện hành không có quy định hoặc hướng dẫn về cách thức lập Biên bản kiểm phiếu của Ban Kiểm phiếu và việc lưu biên bản kiểm phiếu. Theo thông lệ tốt, sau khi kết thúc cuộc họp ĐHĐCĐ, Ban Kiểm phiếu sẽ lập báo cáo bằng văn bản về kết quả kiểm phiếu. Báo cáo này sẽ được công ty cung cấp cho cổ đông thông qua trang thông tin điện tử của công ty và bằng bản in tại văn phòng TGD. Báo cáo này phải được tất cả các thành viên Ban Kiểm phiếu ký. Các thành viên từ chối ký báo cáo này sẽ phải giải thích lý do từ chối và lý do này sẽ được đưa vào phụ lục của báo cáo.

5.3.4. Công bố chương trình và thể lệ cuộc họp

Chủ tọa ĐHĐCĐ trình bày nội dung chương trình họp tới các đại biểu. Đồng thời, Chủ tọa sẽ giải thích trình tự, thủ tục tiến hành họp như đã được quy định trong Điều lệ Công ty hoặc các quy định nội bộ hoặc theo quyết định của ĐHĐCĐ. Nội dung chương trình họp phải xác định chi tiết và thời gian thảo luận cho từng vấn đề. Chương trình và nội dung họp phải được ĐHĐCĐ thông qua ngay trong phiên khai mạc. Chỉ có ĐHĐCĐ mới có

83 Khoản 2a, Điều 146, LDN.

GIỚI THIỆU
VE QUẢN TRỊ
CÔNG TY

CƠ CẤU
QUẢN TRỊ
CÔNG TY

TÀI LIỆU NỘI BỘ
VE QUẢN TRỊ
CÔNG TY

GIỚI THIỆU VE
QUYỀN CỦA
CƠ ĐỒNG

ĐẠI HỘI
ĐỒNG CƠ ĐỒNG

HỘI ĐỒNG
QUẢN TRỊ

BAN GIÁM ĐỐC

THỦ KÝ CÔNG TY

MỖI TRƯỞNG
KIỂM SÁT

CÔNG BỐ
THÔNG TIN

GIỚI THIỆU VỚI
NGƯỜI CÒN LIÊN
QUAN (GỎI)

CỐ TỨC

VĂN ĐIỀU LỆ

quyền sửa đổi chương trình họp đã được gửi đến cổ đông cùng với thông báo mời họp ĐHĐCĐ.

Đối với công ty niêm yết, quyết định của Chủ tọa ĐHĐCĐ về trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của ĐHĐCĐ là quyết định cuối cùng.

5.3.5. Thảo luận các nội dung trong chương trình họp

Mặc dù pháp luật hiện hành không có quy định nhưng ngoài cổ đông, Chủ tịch HĐQT nên mời các thành viên HĐQT, BKS tham dự ĐHĐCĐ.

Trên thực tế, công ty có thể mời kiểm toán viên hoặc đại diện của công ty kiểm toán, chủ nợ, các nhà đầu tư tiềm năng, cán bộ công nhân viên, các quan chức chính phủ, nhà báo, các chuyên gia và các cá nhân và tổ chức khác không sở hữu cổ phần của công ty tới tham dự họp ĐHĐCĐ. Điều lệ Công ty và các quy định nội bộ có thể quy định các thủ tục cần thiết trong việc mời đại biểu tham dự cuộc họp. Đối với công ty niêm yết, luật pháp khuyến nghị kiểm toán viên hoặc đại diện công ty kiểm toán có thể được mời dự họp ĐHĐCĐ để phát biểu ý kiến về các vấn đề kiểm toán.⁸⁴ Điều này được đề cập rõ hơn trong Điều lệ Mẫu, theo đó kiểm toán viên độc lập được mời tham dự ĐHĐCĐ để đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hàng năm. Các chuyên gia được mời có nhiệm vụ cho ý kiến về các mục trong chương trình họp trước khi cổ đông biểu quyết.

Chủ tịch ĐHĐCĐ cũng có thể đề nghị các chuyên gia được mời giải thích các nội dung trong chương trình họp cho cổ đông. Sự hiện diện của các chuyên gia nêu trên có ý nghĩa quan trọng đối với việc hỗ trợ quyết định tại ĐHĐCĐ thường niên.



THÔNG LỆ TỐT NHẤT

Theo thông lệ tốt:

- Cổ đông có cơ hội chất vấn thành viên HĐQT, BKS, và Kiểm toán Độc lập.
- Cổ đông cần nhận được câu trả lời rõ ràng cho những câu hỏi của mình.
- Câu hỏi do cổ đông đặt ra cần được trả lời ngay. Nếu một câu hỏi nào đó không được trả lời ngay, cần có văn bản trả lời ngay sau cuộc họp ĐHĐCĐ.
- ĐHĐCĐ cần được tổ chức sao cho tất cả cổ đông có cơ hội đưa ra quyết định trên cơ sở có đầy đủ thông tin và không thiên lệch đối với tất cả các vấn đề được đưa ra trong cuộc họp.
- Kiểm toán độc lập, TGD, thành viên HĐQT, BKS, các Ủy ban khác thuộc HĐQT (nếu có) và các thành viên Ban Giám đốc cần phải có mặt tại cuộc họp ĐHĐCĐ. Nếu không, Chủ tọa ĐHĐCĐ cần giải thích nguyên nhân vắng mặt của họ.
- Các thành viên chủ chốt của công ty, bao gồm Trưởng ban các Ủy ban trực thuộc HĐQT cần được phát biểu tại cuộc họp ĐHĐCĐ.
- Cần bố trí thời gian để cổ đông phát biểu.
- Chủ tọa ĐHĐCĐ chỉ được phép ngắt lời người trình bày để đảm bảo trình tự hoặc tuân thủ đúng với các yêu cầu về thủ tục của cuộc họp.
- Người tham dự từ xa có cơ hội bình đẳng trong việc trao đổi với ban giám đốc và các thành viên HĐQT như những người tham dự trực tiếp.

5.3.6. Biểu quyết

ĐHĐCĐ thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến.⁸⁵ Chủ tọa ĐHĐCĐ nên mời cổ đông biểu quyết theo nguyên tắc một cổ phần tương ứng với một phiếu biểu quyết.

Trừ trường hợp Điều lệ Công ty có quy định khác, việc biểu quyết bầu thành viên HĐQT và BKS phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của HĐQT hoặc BKS. Cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên HĐQT hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của HĐQT hoặc BKS thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu

GIỚI THIỆU
VE QUẢN TRỊ
CÔNG TYCƠ CẤU
QUẢN TRỊ
CÔNG TYTÀI LIỆU NỘI BỘ
VE QUẢN TRỊ
CÔNG TYGIỚI THIỆU VE
QUẢN TRỊ CỦA
CƠ ĐỒNGĐẠI HỘI
ĐỒNG CỔ ĐÔNGHỘI ĐỒNG
QUẢN TRỊ

BAN GIÁM ĐỐC

THỦ KÝ CÔNG TY

MỘT TRƯỞNG
KIỂM SOÁTCÔNG BỐ
THÔNG TINGIAO DỊCH VỚI
NGƯỜI CÒN LIÊN
QUAN (GỎI)

CỐ TỨC

VỐN ĐIỀU LỆ

chỉ quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Công ty.⁸⁶

Các công ty chỉ nên coi một lá phiếu là hợp lệ nếu cổ đông chỉ đánh dấu một trong các lựa chọn khả thi cho một nội dung cụ thể. Nếu không làm như vậy, việc kiểm phiếu sẽ khó bảo đảm chính xác. Nếu nhận được một lá phiếu trong đó nhiều lựa chọn đã được chọn cho một nội dung, ĐHĐCĐ sẽ xác định lá phiếu là không hợp lệ liên quan đến nội dung cụ thể đó.

Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.⁸⁷

Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp, trừ trường hợp Điều lệ Công ty có quy định khác.⁸⁸

Thông tin được khuyến nghị đưa vào phiếu biểu quyết được tóm tắt trong Bảng 6.

Bảng 6. Thông tin Phải hoặc Nên được Đưa vào Phiếu Biểu quyết
1. Tên đầy đủ và địa điểm của công ty
2. Loại hình ĐHĐCĐ (ĐHĐCĐ thường niên hoặc bất thường)
3. Ngày, địa điểm, và thời gian tổ chức ĐHĐCĐ
4. Các vấn đề cần biểu quyết được sắp xếp theo trình tự trong chương trình họp
5. Các lựa chọn biểu quyết “tán thành”, “không tán thành” hoặc “không có ý kiến” đối với từng vấn đề được biểu quyết
6. Trong trường hợp bầu thành viên HĐQT hoặc BKS, tên của từng ứng viên
7. Hướng dẫn về việc phiếu biểu quyết phải được cổ đông ký, trừ khi phiếu biểu quyết đó được sử dụng theo hình thức bỏ phiếu kín
8. Phiếu biểu quyết phải ghi rõ số lượng phiếu biểu quyết mà mỗi cổ đông có thể biểu quyết về từng vấn đề dựa trên thông tin từ danh sách cổ đông
9. Nội dung hướng dẫn cách thức điền phiếu biểu quyết
10. Hướng dẫn về việc nếu cá nhân đại diện cho cổ đông là một pháp nhân thực hiện điền vào phiếu biểu quyết phải nêu rõ tên, vị trí của cá nhân đó và tên đầy đủ của tổ chức mà cá nhân đó đại diện
11. Hướng dẫn về việc bản sao thư ủy quyền cần được đính kèm phiếu biểu quyết, và đại diện của những cổ đông này sẽ phải ký vào phiếu biểu quyết (nếu việc biểu quyết được thực hiện thông qua đại diện được ủy quyền).

⁸⁶ Khoản 3, Điều 148, LDN.

⁸⁷ Khoản 6, Điều 146, LDN.

⁸⁸ Khoản 5, Điều 146, LDN.



THÔNG LỆ TỐT NHẤT

Đối với họp ĐHĐCĐ trực tuyến hoặc kết hợp, thông báo họp ĐHĐCĐ cần có giải thích rõ ràng về cách sử dụng công nghệ để quan sát, biểu quyết, đưa ra nhận xét, và đặt câu hỏi. Các công ty nên đánh giá công nghệ trực tuyến trước khi họp ĐHĐCĐ và cân nhắc việc tổ chức một buổi diễn tập cũng như sắp xếp hỗ trợ và sao lưu kỹ thuật.

Trong khi họp ĐHĐCĐ, toàn bộ việc biểu quyết đều được thực hiện bằng cách bỏ phiếu kín thay vì giơ tay.

Ngoài ra, nếu khả thi, nên có quy định để thành viên biểu quyết trực tuyến hoặc thông qua các phương pháp thay thế trước khi họp. Điều này đặc biệt có lợi cho những người không có kế hoạch tham gia chủ động trong khi họp, bảo đảm thuận tiện và sự tham gia của họ trong quá trình ra quyết định.

(Hướng dẫn của Ủy ban Chứng khoán và Đầu tư Úc (ASIC) về họp nhà đầu tư bằng công nghệ trực tuyến, 202189)

5.3.7. Lấy Ý kiến Cổ đông bằng Văn bản

HDQT có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết ĐHĐCĐ khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty.⁹⁰

HDQT chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết ĐHĐCĐ, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết, và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất là 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến, nếu Điều lệ Công ty không quy định thời hạn khác dài hơn.⁹¹

Phiếu lấy ý kiến phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:⁹²

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Mục đích lấy ý kiến.
- c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân. Tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức. Số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông.
- d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua.
- e) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến.

89 <https://asic.gov.au/about-asic/news-centre/news-items/asic-guidelines-for-investor-meetings-using-virtual-technology/>

90 Khoản 1, Điều 149, LDN.

91 Khoản 2, Điều 149, LDN.

92 Khoản 3, Điều 149, LDN.

GIỚI THIỆU
VE QUẢN TRỊ
CÔNG TYCƠ CẤU
QUẢN TRỊ
CÔNG TYTÀI LIỆU NỘI BỘ
VE QUẢN TRỊ
CÔNG TYGIỚI THIỆU VỀ
QUYỀN CỦA
CỔ ĐÔNGĐẠI HỘI
ĐÔNG CỔ ĐÔNGHỘI ĐỒNG
QUẢN TRỊ

BAN GIÁM ĐỐC

THỦ KÝ CÔNG TY

MỘT TRƯỞNG
KHIỂM SÁTCÔNG BỐ
THÔNG TINGIAO DỊCH VỚI
NGƯỜI CÓ LIÊN
QUAN (GOLU)

CỐ TỨC

VỐN ĐIỀU LỆ

f) Thời hạn phải gửi về công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời.

g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT và người đại diện theo pháp luật của công ty.

Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến công ty bằng một trong các hình thức sau đây:⁹³

- Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu.
- Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.
- Các phiếu lấy ý kiến gửi về công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

Các nghị quyết được thông qua bằng phương thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như các nghị quyết được thông qua tại ĐHĐCĐ.⁹⁴

5.3.8. Kiểm phiếu và Biên bản Kiểm phiếu

HĐQT tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến, giám sát của BKS hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý công ty. Biên bản kiểm phiếu phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:⁹⁵

- Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp.
- Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết.
- Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết.
- Tổng số phiếu tán thành, không tán thành, và không có ý kiến đối với từng vấn đề.

93 Khoản 4, Điều 149, LDN.

94 Khoản 8, Điều 149, LDN.

95 Khoản 5, Điều 149, LDN.

- Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng.
- Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT, người giám sát kiểm phiếu, và người kiểm phiếu.

Các thành viên HĐQT, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu, liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại tài chính phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty.⁹⁶

Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.⁹⁷

5.3.9. Công bố Kết quả Biểu quyết và Quyết định của ĐHĐCĐ

Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa ĐHĐCĐ công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp, trừ trường hợp Điều lệ Công ty có quy định khác. Đối với công ty niêm yết, tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến được công bố ngay sau khi mỗi vấn đề được biểu quyết.

5.3.10. Bế mạc cuộc họp ĐHĐCĐ

Chủ tọa ĐHĐCĐ bế mạc ĐHĐCĐ khi tất cả các nội dung chương trình họp đã được thảo luận và biểu quyết, và khi kết quả biểu quyết đã được công bố.

Sau cuộc họp ĐHĐCĐ, Ban kiểm phiếu phải đảm bảo rằng tất cả các phiếu biểu quyết và văn bản hướng dẫn biểu quyết được niêm phong và chuyển vào kho lưu trữ.

96 Khoản 6, Điều 149, LDN.

97 Khoản 7, Điều 149, LDN.

5.4. Lập và Công khai Biên bản họp ĐHĐCĐ

Biên bản họp ĐHĐCĐ phải được hoàn thiện và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp.⁹⁸ Chủ tọa ĐHĐCĐ và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.⁹⁹ Biên bản họp ĐHĐCĐ phải được gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp. Chủ tọa ĐHĐCĐ và thư ký ĐHĐCĐ phải ký vào biên bản họp.¹⁰⁰ Theo khuyến nghị tại Bộ Nguyên tắc Quản trị Công ty theo Thông lệ Tốt nhất của Việt Nam, biên bản họp ĐHĐCĐ thường niên và bất thường nên được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty trong vòng 24 tiếng sau cuộc họp. Biên bản họp ĐHĐCĐ được ghi vào sổ biên bản. Biên bản họp ĐHĐCĐ và các phụ lục được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty. Công ty phải cung cấp bản sao biên bản họp ĐHĐCĐ cho cổ đông khi có yêu cầu. Công ty có thể yêu cầu cổ đông thanh toán chi phí hợp lý cho việc sao chụp biên bản cuộc họp.

Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.¹⁰¹

Bảng 7 trình bày tóm tắt các thông tin phải có trong biên bản họp ĐHĐCĐ và các thông tin nên được đưa vào biên bản kiểm phiếu.

98 Khoản 2, Điều 150, LDN.

99 Khoản 3, Điều 150, LDN.

100 Khoản 5, Điều 150, LDN.

101 Khoản 4, Điều 150, LDN.

Bảng 7. Thông tin có Liên quan đến Kết quả Hợp ĐHTĐ102	
1	Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp.
2	Thời gian và địa điểm hợp ĐHTĐ.
3	Chương trình và nội dung cuộc họp.
4	Họ, tên Chủ tọa và thư ký.
5	Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu, bao gồm ý kiến không tán thành, các câu hỏi của cổ đông và câu trả lời tại ĐHTĐ về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.
6	Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng.
7	Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến, cũng như tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
8	Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng.
9	Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của HĐQT tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại Điều 150 LDN 2020. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

Biên bản ĐHTĐ phải đính kèm các tài liệu sau:¹⁰³

- Danh sách cổ đông đăng ký dự họp.
- Nghị quyết đã được thông qua.
- Toàn bộ tài liệu gửi kèm theo giấy mời họp.

102 Khoản 1, Điều 150, LDN.

103 Khoản 6, Điều 150, LDN.

GIỚI THIỆU
VE QUẢN TRỊ
CÔNG TYCƠ CẤU
QUẢN TRỊ
CÔNG TYTÀI LIỆU NỘI BỘ
VE QUẢN TRỊ
CÔNG TYGIỚI THIỆU VE
CƠ VẤN CỦA
CỔ ĐÔNGĐẠI HỘI
ĐỒNG CỔ ĐÔNGHỘI ĐỒNG
QUẢN TRỊ

BAN GIÁM ĐỐC

THƯ KÝ CÔNG TY

MỘT TRƯỞNG
KIỂM SÁTCÔNG BỐ
THÔNG TINGIAO DỊCH VỚI
NGƯỜI CÓ LIÊN
QUAN (GOLU)

CỐ TỨC

VỐN ĐIỀU LỆ



THÔNG LỆ TỐT NHẤT

Bộ Nguyên tắc Quản trị Công ty theo Thông lệ Tốt nhất của Việt Nam khuyến nghị những nội dung sau đây:

9.2.9 Công ty cần phải công bố kết quả biểu quyết trong vòng 1 (một) ngày sau cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên hoặc bất thường. Kết quả biểu quyết phải bao gồm thông tin về số phiếu tán thành, không tán thành và phiếu trắng đối với các vấn đề cần thông qua trong cuộc họp.

9.2.10 Biên bản cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên và bất thường cần phải được công bố trên website của công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ thời điểm ĐHĐCĐ kết thúc. Ngoài các yêu cầu theo quy định, biên bản phải bao gồm các nội dung sau: (1) thể thức biểu quyết, (2) các ghi chép cho thấy việc cổ đông có cơ hội để đưa ra các câu hỏi, cũng như trình bày cụ thể các câu hỏi và câu trả lời nhận được tại cuộc họp, (3) các vấn đề được thảo luận và nội dung nghị quyết thông qua, (4) kết quả bỏ phiếu cho từng nội dung chương trình họp, (5) danh sách các thành viên HĐQT, cán bộ công ty, đại diện của công ty kiểm toán và cổ đông tham dự cuộc họp, và (6) ý kiến không tán thành đối với mọi nội dung trong chương trình họp được coi là quan trọng trong quá trình thảo luận.

9.4.3 Tài liệu họp ĐHĐCĐ, bao gồm tài liệu, nghị quyết và biên bản, nên được cung cấp thêm bằng tiếng Anh nhằm tạo điều kiện cho cổ đông không quen thuộc với tiếng Việt tham gia cuộc họp một cách có hiệu quả, và cung cấp thông dịch viên tại ĐHĐCĐ nếu cần thiết.

5.5. ĐHĐCĐ bất thường

ĐHĐCĐ bất thường có thể được triệu tập để công ty đưa ra các quyết định quan trọng giữa hai kỳ ĐHĐCĐ thường niên. ĐHĐCĐ bất thường cho phép các cơ quan điều hành của công ty giải quyết các vấn đề quan trọng ngoài lịch họp thông thường, đồng thời cho cổ đông cơ hội yêu cầu tổ chức họp ĐHĐCĐ. Bất kỳ bên nào sau đây có thể yêu cầu ĐHĐCĐ bất thường:¹⁰⁴

- Hội đồng Quản trị.
- BKS.
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên (hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ Công ty).

Các bước chuẩn bị và tiến hành ĐHĐCĐ bất thường hầu như tương tự với quy trình chuẩn bị và tiến hành họp ĐHĐCĐ thường niên đã giải thích trên đây.

Trừ trường hợp Điều lệ Công ty có quy định khác, HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày xảy ra sự kiện theo yêu cầu của pháp luật, hoặc kể từ ngày nhận được yêu cầu.¹⁰⁵ Trường hợp HĐQT không triệu tập ĐHĐCĐ trong thời hạn này thì BKS phải triệu tập ĐHĐCĐ trong thời hạn 30 ngày tiếp theo.¹⁰⁶ Nếu vẫn không triệu tập được thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông có thể nhân danh công ty triệu tập họp ĐHĐCĐ.¹⁰⁷

104 Khoản 1, Điều 140, LDN.

105 Khoản 2, Điều 140, LDN.

106 Khoản 3, Điều 140, LDN.

107 Khoản 4, Điều 140, LDN.

- GIỚI THIỆU VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
- CƠ CẤU QUẢN TRỊ CÔNG TY
- TÀI LIỆU NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
- GIỚI THIỆU VỀ QUYỀN CỦA CỔ ĐÔNG
- ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**
- HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
- BAN GIÁM ĐỐC
- THỦ KÝ CÔNG TY
- MỘT TRƯỞNG KIỂM SOÁT
- CÔNG BỐ THÔNG TIN
- GAO DỊCH VỚI NGƯỜI CÒN LIÊN QUAN (GỎI)
- CỐ TỨC
- VỐN ĐIỀU LỆ

5.6. Quyết định của ĐHĐCĐ

Việc thực hiện đúng các thủ tục trong chuẩn bị và tổ chức ĐHĐCĐ là hết sức quan trọng để đảm bảo tính hợp pháp và hợp lệ của các quyết định của ĐHĐCĐ. Tuy nhiên, các nghị quyết được thông qua bởi cổ đông và đại diện hợp pháp của họ đại diện cho 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trong các phiên họp ĐHĐCĐ sẽ là hợp pháp và có hiệu lực kể cả trong trường hợp trình tự và thủ tục triệu tập, chương trình họp và các thủ tục tổ chức họp ĐHĐCĐ không tuân thủ các quy định liên quan của pháp luật.¹⁰⁸

5.6.1. Quyết định phải được Thông qua bởi Đa số Phiếu Biểu quyết

Các quyết định sau đây được pháp luật yêu cầu phải có ngưỡng biểu quyết tối thiểu sau đây:

Bảng 8. Ngưỡng Biểu quyết cho Hành động của Công ty		
Stt.	Hành động của Công ty	Ngưỡng biểu quyết
1	Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại	≥ 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp
2	Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh	≥ 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp
3	Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty	≥ 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp
4	Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị ≥ 35% tổng giá trị tài sản	≥ 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp
5	Tổ chức lại, giải thể công ty	≥ 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp
6	Sửa đổi, bổ sung nội dung Điều lệ Công ty	≥ 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp
7	Định hướng phát triển của công ty	≥ 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp
8	Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT, thành viên BKS	≥ 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp
9	Thông qua báo cáo tài chính hàng năm	≥ 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp

Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết ĐHĐCĐ được thông qua nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành. Tỷ lệ cụ thể do Điều lệ Công ty quy định.¹⁰⁹

Nghị quyết ĐHĐCĐ về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.¹¹⁰

5.6.2. Khởi kiện Yêu cầu Hủy bỏ Quyết định của ĐHĐCĐ

Trong một số trường hợp nhất định, các quyết định của ĐHĐCĐ có thể bị khởi kiện ra tòa án để yêu cầu hủy bỏ (và có khả năng bị tòa án hủy bỏ). Các quyết định của ĐHĐCĐ có thể bị yêu cầu hủy bỏ khi không đáp ứng các yêu cầu luật pháp hoặc theo quy định tại Điều lệ Công ty. Các quyết định của ĐHĐCĐ có thể bị yêu cầu hủy bỏ bởi cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên.¹¹¹

Quyết định của ĐHĐCĐ có thể bị yêu cầu hủy bỏ trong các trường hợp sau:¹¹²

- Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật này và Điều lệ Công ty, trừ trường hợp quy định của LDN và Điều lệ Công ty.
- Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.

Quyết định của ĐHĐCĐ không bị yêu cầu hủy bỏ trong các trường hợp sau:¹¹³

- Nghị quyết được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của LDN và Điều lệ Công ty.

109 Khoản 4, Điều 148, LDN.
 110 Khoản 6, Điều 148, LDN.
 111 Điều 151, LDN.
 112 Điều 151, LDN.
 113 Khoản 2, Điều 152, LDN.

GIỚI THIỆU VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

CƠ CẤU QUẢN TRỊ CÔNG TY

TÀI LIỆU NƠI BỐ VE QUẢN TRỊ CÔNG TY

GIỚI THIỆU VỀ QUYỀN CỦA CỔ ĐÔNG

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

BAN GIÁM ĐỐC

THỦ TỤC CÔNG TY

MỐI TRƯỜNG KIỂM SÁT

CÔNG BỐ THÔNG TIN

GAO DI CHÚC VỚI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN (GỎI)

CỐ TỨC

VỐN ĐIỀU LỆ

5.

Đại hội đồng Cổ đông

Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp ĐHĐCĐ hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến ĐHĐCĐ, cổ đông hoặc nhóm cổ đông nêu trên có quyền yêu cầu tòa án hoặc trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết.¹¹⁴ Tuy nhiên, nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi thành cho đến khi quyết định hủy bỏ nghị quyết của tòa án, trọng tài có hiệu lực, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.¹¹⁵

114 Điều 151, LDN.

115 Khoản 2, Điều 152, LDN.

PHỤ LỤC X

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG TRỰC TUYẾN

Một trong những trách nhiệm quan trọng của Thư ký Công ty là bảo đảm việc ra quyết định hiệu quả. Việc này trở nên đặc biệt quan trọng trong thời điểm có biến động. Tình huống này đã xảy ra trong đại dịch COVID-19, khi các tổ chức chuyển sang hệ thống trực tuyến để tạo điều kiện thuận lợi cho công tác hoạch định quan trọng cần thiết ở cấp HĐQT và cổ đông.

Việc tổ chức họp ĐHĐCĐ trực tuyến yêu cầu phải cân nhắc kỹ lưỡng để đảm bảo tất cả những người tham gia có thể tham gia có ý nghĩa và biểu quyết.

Vui lòng tham khảo nội dung dưới đây về hướng dẫn và thông lệ tốt nhất, đặc biệt dành cho công ty và thư ký công ty, trong tổ chức ĐHĐCĐ trực tuyến.¹¹⁶

Chuẩn bị họp ĐHĐCĐ

Hãy cân nhắc những vấn đề dưới đây khi tổ chức họp ĐHĐCĐ trực tuyến:

Chúng ta có đủ công nghệ để tiếp cận tất cả cổ đông và các bên liên quan khác cần tham gia họp ĐHĐCĐ không?

- Nhiều tổ chức trên toàn cầu cung cấp hệ thống trực tuyến để thực hiện họp ĐHĐCĐ. Khi lựa chọn một hệ thống, thư ký công ty nên cộng tác với chuyên gia CNTT để bảo đảm hệ thống đã chọn là an toàn và cho phép cổ đông tham gia ở mức độ tương tự như tham gia trực tiếp. Tạo sự cân bằng giữa bảo mật hệ thống, chi phí, và sự thuận tiện và cơ hội tiếp cận của cổ đông là rất quan trọng.
- Nếu có thể, hãy hạn chế việc cổ đông phải tải các phần mềm. Đây nên là yếu tố quan trọng cần cân nhắc khi lựa chọn hệ thống.

¹¹⁶ Nguồn: Gợi ý về tổ chức Họp Trực tuyến của IFC.

- Ngoài ra, nhất thiết phải thực hiện kiểm thử kỹ lưỡng để bảo đảm hệ thống đã chọn có thể hoạt động liền mạch.

Tất cả cổ đông có hiểu khái niệm họp ĐHĐCĐ trực tuyến không và họ sẽ tham gia và biểu quyết như thế nào?

Thông tin về thể thức họp, thủ tục tham gia, chương trình họp, tài liệu hỗ trợ, cách thức đặt câu hỏi, và thể thức biểu quyết phải được truy cập dễ dàng tại một mục riêng trên trang thông tin điện tử của công ty và được đưa vào Thông báo Mời họp.

Xây dựng và phổ biến một bộ quy định về cách thức tương tác trong khi họp, bao gồm hướng dẫn đặt câu hỏi. Truyền thông về những quy định này tới cổ đông thông qua trang thông tin điện tử của công ty và trong Thông báo Mời họp.

Để tạo điều kiện cho cổ đông tham dự ĐHĐCĐ, thư ký công ty cần thiết lập quy trình đăng ký và xác nhận. Quy trình này bao gồm việc gửi cho cổ đông thông báo mời họp cùng với mã cổ đông duy nhất. Một việc thiết yếu là phải có trước các phương thức liên lạc mong muốn của cổ đông để cung cấp thông tin này một cách an toàn vì lý do bảo mật và an ninh.

Chúng ta sẽ quản lý phần Hỏi & Đáp như thế nào?

Nên tạo điều kiện cho việc đặt câu hỏi theo thời gian thực nếu khả thi. Cổ đông cần được cung cấp nhiều thời gian để gửi câu hỏi trước cuộc họp, và không nên có hạn chế về độ dài hoặc số lượng câu hỏi của cổ đông. Tất cả các câu trả lời cho câu hỏi sẽ được đăng tải trên trang thông tin điện tử của công ty sau cuộc họp.

Chúng ta sẽ quản lý việc biểu quyết như thế nào?

- Việc quản lý biểu quyết sẽ khác nhau tùy theo số lượng cổ đông. Với số lượng nhỏ cổ đông, tài liệu có thể được cung cấp trước để có thể tiến hành biểu quyết trước cuộc họp. Tuy nhiên, cổ đông thường thích nghe ý kiến của Chủ tịch và TGD trước khi biểu quyết, khiến phương thức này kém thuận lợi hơn.
- Ngoài ra, có các ứng dụng biểu quyết có thể thu thập phiếu bầu trong cuộc họp. Điều đáng lưu ý là những ứng dụng này có thể có chi phí cao đối với một số công ty. Một giải pháp được Hội đồng Báo cáo Tài chính (FRC) Vương quốc Anh đề xuất là chia cuộc họp cổ đông thành hai sự kiện – một sự kiện để thuyết

trình và hỏi đáp được tổ chức trên hệ thống trực tuyến và sự kiện còn lại để biểu quyết, sử dụng ứng dụng biểu quyết nếu cần thiết.

- Một phương thức biểu quyết khác bằng phương thức ủy quyền. Hướng dẫn về cách cổ đông có thể chỉ định và biểu quyết theo ủy quyền phải được cung cấp trên trang thông tin điện tử và trong Thông báo Mời họp.

Cách thức trao đổi với Chủ tịch và TGD trong cuộc họp?

Nhất thiết phải thiết lập một kênh liên lạc để cho phép tương tác hai chiều với cả Chủ tịch và TGD mà không làm gián đoạn tiến trình họp. Điều này có thể đạt được thông qua chức năng trò chuyện được tích hợp trong hệ thống hoặc chức năng trò chuyện riêng thông qua một phương tiện truyền thông xã hội an toàn.

Cuộc họp có được ghi âm không?

Nhiều công ty lựa chọn ghi âm các phiên hỏi đáp trực tiếp trong các cuộc họp ĐHĐCĐ để chuẩn bị báo cáo nguyên văn trên trang thông tin điện tử của công ty. Trừ khi bị cấm, việc ghi âm cuộc họp là điều nên làm. Cách làm này tỏ ra đặc biệt hữu ích vào ngày họp vì Thư ký Công ty có thể phải thực hiện các nhiệm vụ khác, do đó khó thực hiện việc ghi chép biên bản.

Kế hoạch dự phòng nếu công nghệ có gián đoạn là gì?

- Tính khả thi của phương pháp này sẽ phụ thuộc quy mô của cuộc họp. Đối với các cuộc họp quy mô nhỏ hơn, việc sử dụng lại phương tiện liên lạc qua điện thoại có thể đã đủ. Tuy nhiên, đối với những kỳ họp ĐHĐCĐ quy mô lớn, có thể cần chủ động thành lập một nhóm chỉ định, bao gồm cả Chủ tọa, có khả năng hoãn họp qua điện thoại với sắp xếp từ trước.
- Nên cân nhắc cung cấp Bộ phận Trợ giúp để hỗ trợ cổ đông trong ngày họp. Bảo đảm kênh liên lạc liền mạch với Bộ phận Trợ giúp để luôn được thông báo về mọi vấn đề, tạo điều kiện thuận lợi cho việc liên lạc hiệu quả với Chủ tọa.
- Đưa thông tin về kế hoạch dự phòng lên trang thông tin điện tử của công ty và trong thông báo mời họp.
- Ngoài ra, cần liên hệ với các công ty điện lực và đơn vị cung cấp dịch vụ internet để xác nhận xem có lịch cắt điện vào ngày họp hay không. Trường hợp có bất kỳ gián đoạn nào, cổ đông nên được thông báo kịp thời.

GIỚI THIỆU
VE QUẢN TRỊ
CÔNG TYCƠ CẤU
QUẢN TRỊ
CÔNG TYTÀI LIỆU NỘI BỘ
VE QUẢN TRỊ
CÔNG TYGIỚI THIỆU VE
QUẢN TRỊ
CƠ ĐỒNGĐẠI HỘI
ĐỒNG CỔ ĐÔNGHỘI ĐỒNG
QUẢN TRỊ

BAN GIÁM ĐỐC

THƯ KÝ CÔNG TY

MỐI TRƯỜNG
KIỂM SÁTCÔNG BỐ
THÔNG TINGIAO DỊCH VỚI
NGƯỜI CÒN LIÊN
QUAN (GOLLO)

CỐ TỨC

VỐN ĐIỀU LỆ

Diễn tập?

Thư ký công ty nên thực hiện diễn tập với Chủ tịch, TGD, và các thành viên HĐQT và quản lý cấp cao khác để bảo đảm chuẩn bị sẵn sàng. Trong các buổi diễn tập, hãy giải thích về công nghệ liên quan, bao gồm các khía cạnh như quyền truy cập, hỏi đáp, và thể thức biểu quyết. Giải quyết mọi yêu cầu cụ thể, như tai nghe, thiết bị internet, hoặc các gói dữ liệu, để duy trì chất lượng cuộc họp.

Những thông tin nào cần được cung cấp cho Chủ tọa?

Tương tự như họp ĐHĐCĐ trực tiếp, thư ký công ty nên cung cấp kịch bản cho Chủ tọa. Kịch bản này phải bắt đầu bằng các quy tắc trong khi họp, bao gồm hướng dẫn như tắt tiếng micrô trừ khi người tham dự báo hiệu muốn đặt câu hỏi, và thông tin về bộ phận trợ giúp đối với các vấn đề kỹ thuật.

Trong ĐHĐCĐ

Những nội dung gì cần xem xét?

- Bảo đảm có sẵn hỗ trợ CNTT cho cả Thư ký Công ty và cổ đông thông qua Bộ phận Trợ giúp.
- Tiến hành kiểm tra kỹ lưỡng hệ thống và phương thức liên lạc, bao gồm thử nghiệm trực tiếp với Chủ tịch, TGD, và Bộ phận Trợ giúp.
- Chỉ định người chủ trì phiên họp ĐHĐCĐ. Người chủ trì có thể là Thư ký Công ty, nhưng cần nhớ việc phải lập biên bản và việc này có thể yêu cầu ghi chép trừ khi cuộc họp được ghi âm.
- Khi phiên họp bắt đầu, hãy bảo đảm tất cả micrô đều ở chế độ tắt tiếng, trừ cá nhân đang phát biểu.
- Yêu cầu Chủ tọa thông tin về chương trình họp trong ngày và giải thích cách thức cuộc họp sẽ được tiến hành như để cập trong kịch bản được chuẩn bị cho cuộc họp.

Trình bày của Chủ tịch và TGD nên được trình chiếu. Bảo đảm sử dụng màn hình chia sẻ để cổ đông có thể xem cả bài trình bày và người trình bày, vì ngôn ngữ cơ thể của người trình bày cũng có thể truyền tải thông điệp.

- Sau khi kết thúc phần trình bày, Chủ tọa sẽ chuyển sang phần hỏi đáp. Thư ký Công ty thường có vai trò quản lý phần hỏi đáp. Tên cổ đông phải được thông báo rõ ràng. Hỗ trợ Chủ tọa, xác nhận xem cổ đông đã đặt câu hỏi xong chưa, cảm ơn và chuyển giao cho Chủ tọa. Cách làm này giúp cổ đông không bị ngắt quãng giữa câu hỏi và giảm khả năng nhiều người cùng nói.
- Sau khi hoàn thành phần hỏi đáp, Chủ tọa nên chuyển sang phần nghị quyết và biểu quyết. Sau khi kết thúc biểu quyết, cần thông báo về việc kết quả sẽ được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty.

Sau ĐHĐCĐ

Tương tự họp trực tiếp, Thư ký Công ty cần:

- Công khai biên bản họp ĐHĐCĐ, bao gồm nguyên văn phần hỏi đáp và kết quả biểu quyết, trên trang thông tin điện tử của công ty trong thời gian sớm nhất.
- Gửi mọi thông báo hoặc biểu mẫu theo quy định pháp luật liên quan đến cuộc họp ĐHĐCĐ trong thời hạn quy định. Ví dụ, việc này bao gồm những vấn đề liên quan đến việc bổ nhiệm thành viên HĐQT mới.
- Thực hiện thanh toán cổ tức.
- Gửi phản hồi của Chủ tịch về họp ĐHĐCĐ.

Nên lấy ý kiến phản hồi của cổ đông và các bên có quyền lợi liên quan khác thông qua trang thông tin điện tử về cách thức tổ chức họp ĐHĐCĐ trực tuyến và mọi đề xuất để cải thiện trải nghiệm trong những năm tiếp theo.

GIỚI THIỆU
VE QUẢN TRỊ
CÔNG TYCƠ CẤU
QUẢN TRỊ
CÔNG TYTÀI LIỆU NỘI BỘ
VE QUẢN TRỊ
CÔNG TYGIỚI THIỆU VỀ
QUYỀN CỦA
CỔ ĐÔNGĐẠI HỘI
ĐỒNG CỔ ĐÔNGHỘI ĐỒNG
QUẢN TRỊ

BAN GIÁM ĐỐC

THƯ KÝ CÔNG TY

HỘI TRƯỞNG
KIỂM SÁTCÔNG BỐ
THÔNG TINGIAO DỊCH VỚI
NGƯỜI CÒN LIÊN
QUAN (GỎI LỘ)

CỔ TỨC

VỐN ĐIỀU LỆ

NOTES

A series of horizontal dashed lines for writing notes.

Chương

6

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

6 | HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Mục lục

6.1. Thẩm quyền	210	GỚI THIỆU VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
6.1.1. Khi nào cần Thành lập HĐQT?	210	CƠ CẤU QUẢN TRỊ CÔNG TY
6.1.2. Tổng quan về Thẩm quyền của HĐQT	210	TÀI LIỆU NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
6.1.3. Thẩm quyền của HĐQT trong Giám sát và Kiểm soát Chiến lược	213	GỚI THIỆU VỀ QUYỀN CỦA CỔ ĐÔNG
6.1.4. Thẩm quyền của HĐQT liên quan tới Quyền của Cổ đông	219	ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
6.1.5. Thẩm quyền của HĐQT liên quan tới Tài sản và Vốn Điều lệ	219	HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
6.1.6. Thẩm quyền của HĐQT trong Kiểm soát, Công bố và Minh bạch Thông tin	220	BAN GIÁM ĐỐC
6.2. Bổn phận và Trách nhiệm Pháp lý	223	THƯ KÝ CÔNG TY
6.2.1. Bổn phận Căn trọng	224	MỘT TRƯỞNG KIỂM SOÁT
6.2.2. Bổn phận Trung thành	224	CÔNG BỐ THÔNG TIN
6.2.3. Xung đột Lợi ích	226	GIAO DỊCH VỚI NGƯỜI CŨ LIÊN QUAN (GOLU)
6.2.4. Tiếp cận Thông tin	227	CỐ TỨC
6.2.5. Bảo mật Thông tin	228	VỐN ĐIỀU LỆ
6.2.6. Trách nhiệm Pháp lý	229	
6.3. Phẩm chất và Năng lực	231	
6.3.1. Ai có thể trở thành Thành viên HĐQT?	231	
6.3.2. Phẩm chất và Năng lực của Thành viên HĐQT	234	
6.4. Bầu và Miễn nhiệm	239	
6.4.1. Bầu và Nhiệm kỳ của Thành viên HĐQT	239	
6.4.2. Đề cử Ứng cử viên HĐQT	241	
6.4.3. Thông tin về các Ứng cử viên HĐQT	241	
6.4.4. Bầu Thành viên HĐQT	243	
6.4.5. Miễn nhiệm, Bãi nhiệm Thành viên HĐQT	245	

6.5. Quy mô và Thành phần	246
6.5.1. Số lượng Thành viên HĐQT	246
6.5.2. Các Loại Thành viên HĐQT	247
6.6. Các Ủy ban trực thuộc HĐQT	254
6.7. Chủ tịch HĐQT	261
6.8. Quy trình Họp và Làm việc	262
6.8.1. Các cuộc họp của Chủ tịch HĐQT và HĐQT	262
6.8.2. Lịch họp HĐQT	265
6.8.3. Ai có Quyền Triệu tập Họp HĐQT?	266
6.8.4. Thông báo Thách hợp về Cuộc họp của HĐQT	266
6.8.5. Số Đại biểu Quy định cho Cuộc họp HĐQT	267
6.8.6. Cách thức thành viên HĐQT có thể tham dự cuộc họp của HĐQT	267
6.8.7. Xem xét Ý kiến bằng Văn bản (Phiếu bầu Vắng mặt)	270
6.8.8. Quyết định của HĐQT	271
6.8.9. Biên bản họp HĐQT	271
6.8.10. Thư ký Công ty và Họp HĐQT	273
6.9. Thù lao Thành viên HĐQT	274
6.10. Đánh giá Kết quả Hoạt động	276
6.11. Tập huấn và Đào tạo	278



Những vấn đề Chủ tịch HĐQT cần lưu ý:

Thẩm quyền của Hội đồng Quản trị (HĐQT):

- HĐQT có tập trung vào việc bảo vệ quyền lợi của công ty và các bên có quyền lợi liên quan, bao gồm cổ đông? Thành viên HĐQT có hiểu rõ vai trò và các vấn đề ưu tiên của HĐQT không? HĐQT có đủ thẩm quyền và nguồn lực theo Điều lệ Công ty và quy chế nội bộ để thực thi chức năng giám sát của mình không? Những thẩm quyền này có được truyền đạt phù hợp không? Trên thực tế, thành viên HĐQT có sử dụng thẩm quyền của mình không?
- HĐQT có vai trò gì liên quan đến công tác quản trị công ty, tổ chức họp Đại hội Đồng Cổ đông (ĐHĐCĐ), bảo vệ tài sản công ty, giải quyết mâu thuẫn, và giám sát công tác kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro?
- HĐQT có hiệu quả như thế nào trong việc định hướng và xây dựng chiến lược?
- HĐQT có công cụ phù hợp để giám sát kết quả hoạt động và kết quả tài chính của công ty và kết quả hoạt động của Tổng Giám đốc (TGD) và đội ngũ điều hành không?
- Có quy hoạch cán bộ kế nhiệm, đặc biệt đối với vị trí TGD, không?
- Trong quy chế nội bộ và trên thực tế, thẩm quyền của HĐQT có khác với thẩm quyền của ban giám đốc không?

Bầu chọn HĐQT:

- Ai có quyền đề cử ứng cử viên vào HĐQT? Cổ đông có được cung cấp đầy đủ thông tin về các ứng cử viên không? HĐQT có thể ảnh hưởng tới quá trình đề cử như thế nào?
- HĐQT có bảo đảm rằng tất cả các cổ đông hiểu rõ bản chất của việc bầu đôn phiếu?
- Công ty có công khai tiêu chí lựa chọn thành viên HĐQT mới không?
- Công ty có sử dụng các công ty tìm kiếm chuyên nghiệp hoặc các nguồn ứng cử viên bên ngoài khác, như cơ sở dữ liệu thành viên HĐQT do thành viên HĐQT hoặc cơ quan cổ đông thiết lập khi tìm kiếm ứng cử viên cho HĐQT không?

GIỚI THIỆU
VE QUẢN TRỊ
CÔNG TYCƠ CẤU
QUẢN TRỊ
CÔNG TYTÀI LIỆU NỘI BỘ
VE QUẢN TRỊ
CÔNG TYGIỚI THIỆU VE
QUY CHẾ
CƠ ĐỒNGĐẠI HỘI
ĐỒNG CỔ ĐÔNGHỘI ĐỒNG
QUẢN TRỊ

BAN GIÁM ĐỐC

THỦ KÝ CÔNG TY

MỘT TRƯỞNG
KIỂM SOÁTCÔNG BỐ
THÔNG TINGIAO DỊCH VỚI
NGƯỜI CÒN LIÊN
QUAN (GOLU)

CỐ TỨC

VỐN ĐIỀU LỆ

Thành phần của HĐQT:

- HĐQT đã xây dựng, công bố, và thực hiện các chính sách liên quan đến quy mô, thành phần, tập hợp kỹ năng, giới, bề dày kinh nghiệm và các phẩm chất khác của HĐQT hay chưa?
- Thành phần của HĐQT, xét về năng lực, tập hợp kỹ năng và giới, có phù hợp với chức năng giám sát và công tác xây dựng chiến lược của HĐQT không?
- HĐQT với tư cách là một tập thể hoạt động hiệu quả đến mức nào?
- Thành viên HĐQT độc lập của công ty có chiếm tối thiểu một phần ba số thành viên HĐQT không?
- HĐQT có được cấu thành bởi đa số các thành viên không điều hành không?
- Vai trò lãnh đạo của HĐQT, ở cấp HĐQT và cấp Ủy ban trực thuộc HĐQT, hiệu quả đến mức nào?
- Số lượng thành viên HĐQT có phù hợp với yêu cầu của công ty không? Công ty có đủ số lượng thành viên HĐQT để thành lập các Ủy ban cần thiết trực thuộc HĐQT không?
- Công ty có ít nhất hai nữ thành viên HĐQT hoặc 30% nữ thành viên HĐQT để tối ưu hóa lợi ích của đa dạng giới trong HĐQT không?
- Công ty có chính sách và công khai các mục tiêu có thể đo lường được để thực hiện sự đa dạng của HĐQT và báo cáo về tiến độ đạt được mục tiêu không?

Cơ cấu HĐQT và các ủy ban trực thuộc HĐQT:

- HĐQT có các Ủy ban Quản trị Công ty, Bổ nhiệm, và Lương thưởng, Ủy ban Quản lý Rủi ro và Kiểm toán, hoặc các ủy ban khác trực thuộc HĐQT đáp ứng quy định pháp luật và thông lệ tốt trong quản trị công ty không?
- Chi phí và lợi ích của các ủy ban đó và những ủy ban khác như thế nào?
- Có đủ các thành viên HĐQT độc lập (hoặc không điều hành) để làm chủ tịch các ủy ban này không? Các Ủy ban trực thuộc HĐQT có đủ nguồn nhân lực và tài chính để thực thi chức năng của mình một cách phù hợp không?
- Ủy ban Quản trị Công ty, Bổ nhiệm, và Lương thưởng có thực hiện quy trình xác định chất lượng của các thành viên HĐQT phù hợp với định hướng chiến lược của công ty không?
- Các thành viên không thuộc một ủy ban nắm vững thông tin về các quyết định của ủy ban đó đến mức nào?

- Thông tin mà ủy ban chuẩn bị có đủ để HĐQT ra quyết định không?
- Các thành viên trong các ủy ban trực thuộc HĐQT có đủ kiến thức chuyên môn về các vấn đề liên quan đến trách nhiệm được giao không? Họ có được tiếp cận với nguồn thông tin từ Kiểm toán Độc lập, Kiểm toán Nội bộ, và ban giám đốc liên quan đến hoạt động kinh tế, tài chính và hoạt động khác của công ty không?

Quy trình làm việc của HĐQT:

- HĐQT đã xác định, sắp xếp mức độ ưu tiên và lên lịch làm việc đối với những vấn đề chủ yếu cần được rà soát định kỳ chưa?
- Chủ tịch HĐQT có đóng vai trò tích cực trong việc tổ chức công việc của HĐQT không?
- HĐQT có họp thường kỳ theo lịch công tác cố định không?
- Thành viên HĐQT có chuẩn bị kỹ càng cho cuộc họp của HĐQT không?
- Chủ tịch HĐQT có khuyến khích việc trao đổi quan điểm tự do và cởi mở không?
- Các thành viên HĐQT có chuẩn bị đầy đủ cho các cuộc họp HĐQT không?
- Chủ tịch có khuyến khích trao đổi quan điểm một cách tự do và cởi mở không?
- Có quy trình để bảo đảm sự chuẩn bị chu đáo và tổ chức các cuộc họp HĐQT không, bao gồm quy trình tham gia thông qua các kênh khác nhau (trực tiếp, trực tuyến, và kết hợp)? Có gửi thông báo trước về các vấn đề trong chương trình họp, gửi tài liệu, xác định số đại biểu tham dự cần thiết, quy định về lấy ý kiến bằng văn bản, và chuẩn bị biên bản?
- Trên thực tế, các cuộc họp của HĐQT có hiệu quả đến mức nào? Thông tin cung cấp cho các thành viên HĐQT có cụ thể, rõ ràng và tập trung để cho phép HĐQT ra quyết định một cách có hiệu quả không? Các vấn đề chủ yếu và những rủi ro có được nêu bật không? Tài liệu có chứa các phụ lục với thông tin chi tiết đầy đủ hơn không?
- HĐQT làm thế nào để bảo đảm giám sát bộ máy điều hành công ty một cách phù hợp? HĐQT có nhận được báo cáo định kỳ và thông tin cập nhật từ ban giám đốc không? HĐQT có mời các thành viên ban giám đốc tham dự họp HĐQT để thông tin cho họ biết về các vấn đề chủ yếu không?
- Phối hợp giữa HĐQT với ban giám đốc, bao gồm TGD, có hiệu quả không? HĐQT có đưa ra tư vấn khôn ngoan và định hướng rõ ràng cho

- GỚI THIỆU VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
- CƠ CẤU QUẢN TRỊ CÔNG TY
- TÀI LIỆU NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
- GỚI THIỆU VỀ QUYỀN CỦA CỔ ĐÔNG
- ĐẠI HỘI ĐÔNG CỔ ĐÔNG
- HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
- BAN GIÁM ĐỐC
- THỦ KÝ CÔNG TY
- MÔI TRƯỜNG KIỂM SOÁT
- CÔNG BỐ THÔNG TIN
- GAO DI CHÚC VỚI NGƯỜI CÒN LẠI QUẢN (GOLLO)
- CỐ TỨC
- VỐN ĐIỀU LỆ

các thành viên của ban giám đốc không? HĐQT có biết cách khuyến khích hiệu quả ban giám đốc không? HĐQT cân bằng giữa công việc giám sát với công việc quản lý vi mô như thế nào?

- Các cuộc họp HĐQT có được lên kế hoạch trước khi bắt đầu năm tài chính không?
- Mỗi thành viên HĐQT có tham dự ít nhất 75% số cuộc họp HĐQT tổ chức trong năm không?
- Các thành viên HĐQT không điều hành của công ty có họp riêng ít nhất một lần trong năm mà không có bất kỳ thành viên HĐQT điều hành nào có mặt không?

Bổn phận và trách nhiệm pháp lý của HĐQT:

- Tất cả các thành viên HĐQT có hiểu rõ bổn phận của mình là phải thực hiện công việc một cách có trách nhiệm và đáng tin cậy vì lợi ích cao nhất của công ty và các bên có quyền lợi liên quan, bao gồm cổ đông?
- Công ty có hợp đồng với các thành viên HĐQT không? Những hợp đồng đó có quy định về bổn phận và trách nhiệm pháp lý của thành viên HĐQT không?

Đánh giá kết quả công việc và đào tạo của HĐQT:

- HĐQT có tiến hành tự đánh giá thường niên không cho từng thành viên HĐQT, từng ủy ban trực thuộc HĐQT, và toàn bộ HĐQT không? HĐQT có xây dựng các tiêu chí hay chỉ số đánh giá kết quả hoạt động của HĐQT không? Quy trình tự đánh giá có đáng tin cậy không, và kết quả có được công khai cho cổ đông không?
- Có bên độc lập bên ngoài thực hiện đánh giá kết quả hoạt động của HĐQT không?
- HĐQT có tổ chức tập huấn định kỳ về quản trị công ty và những vấn đề quan trọng khác để nâng cao kết quả hoạt động của công ty trong tương lai không? Có phải tất cả các thành viên HĐQT đều tham dự các khóa tập huấn không?
- Công ty có tổ chức các đào tạo định hướng cho thành viên mới của HĐQT để các thành viên này làm quen với chiến lược, kế hoạch tương lai, và hoạt động của công ty, cũng như những công việc trước đây của HĐQT không?

Chế độ lương, thưởng của HĐQT:

- Lương, thưởng của các thành viên HĐQT có bảo đảm cạnh tranh không? Có phải tất cả các thành viên HĐQT đều nhận được mức lương

như nhau không? Chế độ lương thưởng có khuyến khích thành viên HĐQT gánh vác thêm trách nhiệm không? Chế độ lương thưởng có làm tổn hại đến sự độc lập của thành viên HĐQT không? Tổng gói lương thưởng có phải là một phần quan trọng trong thu nhập thường niên của thành viên HĐQT không?

- HĐQT, Ủy ban Bổ nhiệm và Lương thưởng có định kỳ xem xét lại chế độ lương, thưởng dành cho thành viên HĐQT không? Chế độ lương, thưởng có được công bố theo từng cá nhân không?
- Công ty có chính sách cấm không cấp khoản vay cá nhân cho các thành viên HĐQT không?
- Công ty có chính sách để trả thêm hoặc không trả thêm lương cho thành viên HĐQT điều hành cho công việc của họ trong HĐQT ngoài gói thù lao mà họ nhận được cho công việc điều hành không? Công ty có các tiêu chuẩn có thể đo lường được để gắn lương, thưởng dựa trên kết quả hoạt động của thành viên HĐQT điều hành và cán bộ điều hành cấp cao với lợi ích lâu dài của công ty, như các điều khoản phạt lương thưởng và tiền thưởng trả chậm?

Một HĐQT độc lập, chuyên nghiệp và hiệu quả có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong quản trị công ty. HĐQT hành động vì lợi ích cao nhất của công ty và cổ đông. Bộ máy này có nhiệm vụ đề ra chiến lược cho công ty, bảo vệ quyền lợi của cổ đông, giám sát bộ máy điều hành và hoạt động tài chính của công ty.

Dù HĐQT không thể thay thế cho người quản lý chuyên nghiệp tài năng, hay thay đổi môi trường kinh tế mà công ty đang hoạt động, HĐQT có thể ảnh hưởng đến kết quả hoạt động của công ty thông qua việc giám sát chiến lược và kiểm soát hoạt động của ban giám đốc. Các hoạt động của HĐQT có thể không được chú ý đến khi nền kinh tế vững mạnh, giá cổ phiếu tăng và mọi chuyện có vẻ suôn sẻ. Trái lại, khi mọi chuyện xấu đi, HĐQT sẽ trở thành tâm điểm chú ý và tầm quan trọng của HĐQT sẽ trở nên rõ ràng.

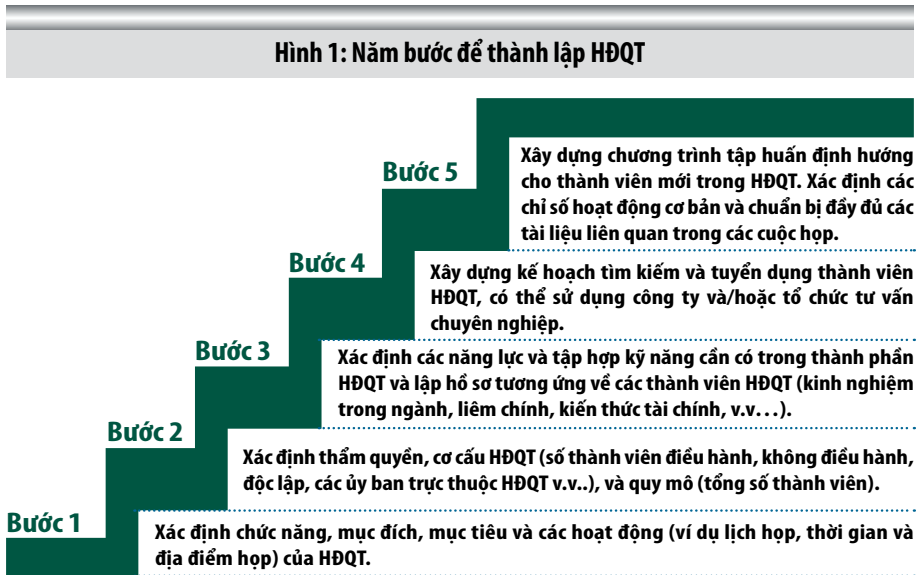
Thể chế pháp lý về HĐQT có đặc điểm là yêu cầu bắt buộc, nhưng cũng có mức độ linh hoạt nhất định cho phép các công ty điều chỉnh cơ cấu tổ chức nội bộ tùy theo nhu cầu và hoàn cảnh riêng. Chương này mô tả thẩm quyền, việc bầu chọn và miễn nhiệm, thành phần, cơ cấu, quy trình làm việc, bổn phận và trách nhiệm pháp lý, đánh giá và lương thưởng của HĐQT. Chương này cũng thảo luận các nguyên tắc và quy chuẩn trong Bộ Nguyên tắc Quản trị Công ty theo Thông lệ Tốt nhất của Việt Nam, thông lệ tốt khác và quy định pháp luật.

- GỚI THIỆU VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
- CƠ CẤU QUẢN TRỊ CÔNG TY
- TÀI LIỆU NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
- GỚI THIỆU VỀ QUYỀN CỦA CỔ ĐÔNG
- ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
- HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
- BAN GIÁM ĐỐC
- THUẬT CÔNG TY
- MÔI TRƯỜNG KIỂM SOÁT
- CÔNG BỐ THÔNG TIN
- GAO DI CỬ VỚI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN (GOLU)
- CỐ TỨC
- VỐN ĐIỀU LỆ

6.1. Thẩm quyền

6.1.1. Khi nào cần Thành lập HĐQT?

Công ty cổ phần phải thành lập HĐQT.¹ Một công ty muốn thành lập HĐQT cần tuân thủ các bước như minh họa trong Hình 1.



6.1.2. Tổng quan về Thẩm quyền của HĐQT

Luật Doanh nghiệp quy định về quyền và nghĩa vụ của HĐQT.² HĐQT là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của ĐHCĐ.³ Trách nhiệm của HĐQT bao gồm quyết định chiến lược và xác định các ưu tiên trong hoạt động kinh doanh của công ty, cũng như định hướng và kiểm soát kết quả hoạt động điều hành, và ra quyết định về những vấn đề không thuộc thẩm quyền của ĐHCĐ. Về bản chất, vai trò của HĐQT là định hướng chứ không phải quản lý. Điều lệ cũng có thể trao thêm quyền cho HĐQT.

Về nguyên tắc, HĐQT có thẩm quyền quyết định tất cả những vấn đề không thuộc thẩm quyền của ĐHCĐ và các cơ quan khác trong công ty.⁴

¹ Khoản 1, Điều 137, LDN.

² Khoản 2, Điều 153, LDN.

³ Khoản 1, Điều 153, LDN.

⁴ Khoản 2, Điều 153, LDN.



THÔNG LỆ TỐT NHẤT

Khi Điều lệ Công ty trao thêm quyền hạn và thẩm quyền cho HĐQT, những quyền hạn và thẩm quyền này phải phù hợp với chức năng thông thường của HĐQT để tránh tình trạng không rõ ràng trong phân cấp thẩm quyền giữa ĐHĐCĐ, HĐQT, TGD, và/hoặc ban giám đốc. Nội dung này phải được ghi nhận trong Ma trận Phân quyền của công ty.

Ma trận Phân quyền xác định việc phân cấp và trao quyền cũng như cung cấp cái nhìn tổng quan về tất cả các cấp thẩm quyền trong toàn công ty. Ma trận Phân quyền đóng vai trò là thư viện tham khảo cho tất cả các cấp thẩm quyền trong toàn công ty, bao gồm công ty con.

Quyền hạn được đề cập trong Ma trận Phân quyền phải được thực hiện trong các chính sách, quy trình, và kiểm soát nội bộ của công ty. Thẩm quyền có liên quan đến vị trí công việc chứ không phải cá nhân. Khi một cá nhân chuyển sang một vị trí khác, người đó có thể sẽ được giao những thẩm quyền mới. Các điểm ra quyết định với các hạn mức tài chính áp dụng cho các giao dịch hoàn chỉnh và không được cố ý tránh né bằng cách tách nhỏ giao dịch một cách rõ ràng thành các mức hoặc giá trị thấp hơn. Một giao dịch bị cấp thẩm quyền từ chối sẽ không được bất kỳ cấp thẩm quyền nào thấp hơn xem xét, kể cả khi giao dịch thuộc kiểm soát của cấp đó.

Những vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT không thể được giao cho TGD hoặc Ban Giám đốc.

Như minh họa tại Hình 2, HĐQT có thẩm quyền ra quyết định trong những lĩnh vực sau đây:⁵

- Giám sát chiến lược và kiểm soát hoạt động đối với hoạt động quản lý, cũng như bầu và giám sát TGD và Ban Giám đốc.
- Quyền của cổ đông.
- Vốn điều lệ và tài sản của công ty.
- Công bố thông tin và tính minh bạch của thông tin.
- Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của LDN hoặc Điều lệ Công ty.

⁵ Khoản 2, Điều 153, LDN.

GIỚI THIỆU
VE QUẢN TRỊ
CÔNG TYCƠ CẤU
QUẢN TRỊ
CÔNG TYTÀI LIỆU NỘI BỘ
VE QUẢN TRỊ
CÔNG TYGIỚI THIỆU VE
QUYỀN CỦA
CỔ ĐÔNGĐẠI HỘI
ĐÔNG CỔ ĐÔNGHỘI ĐỒNG
QUẢN TRỊ

BAN GIÁM ĐỐC

THU KẾ CÔNG TY

MỘT TRƯỞNG
KIỂM SOÁTCÔNG BỐ
THÔNG TINGIAO DỊCH VỚI
NGƯỜI CÓ LIÊN
QUAN (GOLU)

CỐ TỨC

VỐN ĐIỀU LỆ

Hình 2: Thẩm quyền của HĐQT theo Quy định của LDN và Quy chế Quản trị Công ty**Giám sát và Kiểm soát Chiến lược**

- Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn, và kế hoạch kinh doanh hàng năm của công ty.
- Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền.
- Quyết định về giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ.
- Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty (tỷ lệ có thể nhỏ hơn theo quy định trong điều lệ).
- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch HĐQT.
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, sa thải, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với TGĐ và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ Công ty quy định.
- Cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc ĐHĐCĐ ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó.
- Giám sát, chỉ đạo TGĐ và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của công ty.
- Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của công ty.
- Quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác.
- Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể công ty, yêu cầu phá sản công ty.
- Thành lập các ủy ban trực thuộc HĐQT đối với công ty niêm yết.
- Bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm Thư ký Công ty.
- Thông qua tài liệu quản lý nội bộ (và quy tắc quản trị công ty đối với công ty niêm yết).
- Thiết lập cơ chế kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro.

Công bố Thông tin và Minh bạch

- Nộp báo cáo tài chính hàng năm cho ĐHĐCĐ.
- Chuẩn bị và công bố các báo cáo QTCT đối với công ty niêm yết 6 tháng một lần.
- Thông qua và công bố công khai báo cáo về những sự kiện quan trọng đối với công ty đại chúng.

**Quyền của Cổ đông ĐHĐCĐ**

- Tổ chức họp ĐHĐCĐ
- Thông qua nội dung, chương trình họp,
- Tổ chức lấy ý kiến bằng văn bản để ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết,

Cổ tức

Kiến nghị mức cổ tức được trả, quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh.

Giải quyết Xung đột

- Thông qua các giao dịch của các bên liên quan có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty. (Lưu ý: đây phải là các giao dịch không thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ theo Điều 138 và Điều 167 Luật Doanh nghiệp).
- Giải quyết xung đột trong công ty.

Vốn Điều lệ và Tài sản

- Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại.
- Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại.
- Quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác.
- Quyết định giá chào bán cổ phần và trái phiếu của công ty.
- Quyết định mua lại không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã bán trong thời hạn 12 tháng.

6.1.3. Thẩm quyền của HĐQT trong Giám sát và Kiểm soát Chiến lược

HĐQT đóng vai trò quan trọng trong việc giám sát và kiểm soát chiến lược của công ty. HĐQT có các thẩm quyền sau đây trong lĩnh vực này:

Xây dựng Chiến lược, Kế hoạch Phát triển Trung hạn, và Kế hoạch Kinh doanh Hàng năm của Công ty

HĐQT có thẩm quyền ra quyết định về chiến lược và kế hoạch phát triển trung hạn, cũng như phương án kinh doanh hàng năm của công ty.⁶



THÔNG LỆ TỐT NHẤT

HĐQT xây dựng định hướng chiến lược của công ty dựa trên bối cảnh thị trường, tình hình tài chính của công ty và các yếu tố khác. HĐQT cần xác định mức độ và loại hình rủi ro mà công ty sẵn sàng chấp nhận để hoàn thành mục tiêu, cân nhắc rủi ro cũng như cơ hội về Môi trường và Xã hội (E&S) và biến đổi khí hậu.

Các kế hoạch chiến lược và kinh doanh của công ty cần được xem xét và đánh giá tối thiểu hàng năm. Đánh giá này nên bao gồm đánh giá tình hình sản xuất, tiếp thị, và đầu tư theo kế hoạch. Cuối cùng, HĐQT cần thông qua một văn bản duy nhất thể hiện dự báo tài chính cho từng năm.

Nguyên tắc Quản trị Công ty tốt khuyến nghị:

- Công ty cần xây dựng quy chế nội bộ với quy trình chi tiết dành cho TGD và ban giám đốc khi xin phê duyệt thực hiện những giao dịch nằm ngoài phạm vi kế hoạch kinh doanh và tài chính, bao gồm các vấn đề phi tài chính.
- HĐQT có quyền phủ quyết quyết định của TGD và ban giám đốc trong việc tiến hành bất kỳ hoạt động phi quy chuẩn nào, với điều kiện việc phủ quyết đó là có cơ sở.
- Các quy chế nội bộ của công ty xác định quyền và nghĩa vụ của bộ máy điều hành, và trách nhiệm khi hành động ngoài thẩm quyền.

GIỚI THIỆU
VE QUẢN TRỊ
CÔNG TYCƠ CẤU
QUẢN TRỊ
CÔNG TYTÀI LIỆU NỘI BỘ
VE QUẢN TRỊ
CÔNG TYGIỚI THIỆU VỀ
QUYỀN CỦA
CƠ ĐỒNGĐẠI HỘI
ĐỒNG CỔ ĐỒNGHỘI ĐỒNG
QUẢN TRỊ

BAN GIÁM ĐỐC

THỦ KÝ CÔNG TY

MÔI TRƯỜNG
KIỂM SOÁTCÔNG BỐ
THÔNG TINGIAO DỊCH VỚI
NGƯỜI CÓ LIÊN
QUAN (GOLU)

CỐ TỨC

VỐN ĐIỀU LỆ

⁶ Khoản 2a, Điều 153, LDN.

Tuy nhiên, HĐQT không tham gia công việc quản lý công ty hàng ngày, vốn là trách nhiệm của ban giám đốc.

Bổ nhiệm và Miễn nhiệm các Thành viên Ban giám đốc

HĐQT có thẩm quyền và trách nhiệm bổ nhiệm TGD và người quản lý chủ chốt khác trong công ty.⁷ HĐQT có thể miễn nhiệm những người quản lý đó theo quy định pháp luật⁸.

Phê chuẩn các Điều kiện trong Hợp đồng với Thành viên Ban giám đốc và Quyết định Thù lao

HĐQT có thẩm quyền ra quyết định về tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác, và điều kiện hợp đồng giữa công ty với các thành viên của ban giám đốc. Sau khi được phê duyệt, TGD sẽ ký hợp đồng với từng thành viên của ban giám đốc⁹. Chủ tịch HĐQT ký hợp đồng với TGD. LDN quy định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác cho TGD và người quản lý khác do HĐQT quyết định theo kết quả và hiệu quả kinh doanh của công ty¹⁰.



THÔNG LỆ TỐT NHẤT

Thông lệ phổ biến trên thế giới là Ủy ban Lương thưởng thuộc HĐQT, với chủ tịch và thành viên là các thành viên HĐQT độc lập, xây dựng mức thù lao dành cho TGD và người quản lý chủ chốt khác. Các tiêu chí để xác định mức thù lao bao gồm yêu cầu công việc của ban giám đốc, tình hình kinh tế (tài chính) của công ty, kết quả hoạt động của công ty so với các công ty khác, đánh giá kết quả hoạt động trong quá khứ của từng thành viên cũng như của ban giám đốc nói chung, kết nối kết quả tương lai của mỗi thành viên với mức thù lao và đóng góp mang tính chuyên gia của cá nhân đó.

⁷ Khoản 2i, Điều 153, LDN.

⁸ TGD và người quản lý chủ chốt khác trong công ty cũng là người lao động của công ty và quy định của Bộ luật Lao động sẽ được áp dụng. Vì vậy, việc chấm dứt hợp đồng của TGD và người quản lý chủ chốt khác trong công ty phải có lý do hợp pháp theo quy định của Bộ luật Lao động.

⁹ Khoản 2i, Điều 153, LDN.

¹⁰ Khoản 1, Điều 66, LDN.

Giám sát Hoạt động của Ban giám đốc

Ban giám đốc phải chịu trách nhiệm trước HĐQT. Như vậy, HĐQT giám sát, chỉ đạo TGD và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của công ty.¹¹



THÔNG LỆ TỐT NHẤT

Trong quản trị công ty, việc giám sát hiệu quả công tác quản lý của HĐQT có ý nghĩa rất quan trọng. Cổ đông, đặc biệt là cổ đông thiểu số, thường thiếu phương tiện để giám sát chặt chẽ các hoạt động quản lý. Do đó, HĐQT có trách nhiệm nhân danh tất cả cổ đông trong việc giám sát ban giám đốc.

Khi thành lập và lựa chọn Ban Điều hành, vấn đề thiết yếu là phải có cách tiếp cận cân bằng. Điều này liên quan đến việc tìm kiếm cân bằng phù hợp giữa việc giám sát TGD và trao đủ quyền tự chủ để thực hiện công việc của công ty. Việc tách rời quá mức một trong hai hướng đều có rủi ro. Việc giám sát không đầy đủ có thể dẫn đến hành động tư lợi của cấp quản lý, trong khi việc giám sát quá mức có thể dẫn đến can thiệp sâu vào quản lý vi mô và chính trị hóa quá trình quyết định, dẫn đến thiếu hiệu quả kinh tế và phức tạp về pháp lý.

Để giảm thiểu những rủi ro này, điều quan trọng là phải xây dựng điều lệ, quy chế nội bộ, và các văn bản chính sách khác nhằm phân định trách nhiệm giữa các cơ quan quản trị. Việc phân chia này phải căn cứ vào sự phù hợp của mỗi cơ quan với nhiệm vụ cụ thể. Nhà quản lý chuyên nghiệp nên chịu trách nhiệm về các nhiệm vụ quản lý, trong khi nhiệm vụ giám sát được giao cho các cơ quan như Ban Kiểm soát, Ủy ban Kiểm toán, và ĐHĐCĐ.



THÔNG LỆ TỐT NHẤT

Để bảo đảm giám sát hiệu quả, HĐQT phải biết các khía cạnh quan trọng cần được giám sát chặt chẽ. HĐQT nhất thiết phải lưu ý thận trọng các vấn đề chính sau đây:

- Đánh giá định kỳ về kết quả hoạt động chung của công ty, tập trung vào phân tích so sánh với các công ty cùng ngành, có ý nghĩa thiết yếu đối với công tác hoạch định chiến lược.

¹¹ Khoản 2k, Điều 153, LDN.

GIỚI THIỆU
VE QUẢN TRỊ
CÔNG TYCƠ CẤU
QUẢN TRỊ
CÔNG TYTÀI LIỆU NỘI BỘ
VE QUẢN TRỊ
CÔNG TYGIỚI THIỆU VE
QUYỀN CỎ ĐÔNG
CỎ ĐÔNGĐẠI HỘI
ĐÔNG CỎ ĐÔNGHỘI ĐÔNG
QUẢN TRỊ

BAN GIÁM ĐỐC

THỦ KÝ CÔNG TY

MỘT TRƯỞNG
KIỂM SOÁTCÔNG BỐ
THÔNG TINGIAO DỊCH VỚI
NGƯỜI CÓ LIÊN
QUAN (GOLU)

CỐ TỨC

VỐN ĐIỀU LỆ

- Giám sát việc ban giám đốc tuân thủ các quy định pháp luật và quy trình nội bộ là nhiệm vụ quan trọng. Nội dung này bao gồm hoạt động quản trị công ty, quản lý rủi ro, kiểm soát nội bộ, những vấn đề đạo đức và cần nhắc liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội.
- Đánh giá kết quả hoạt động của cả ban giám đốc và từng cá nhân lãnh đạo điều hành là rất quan trọng để bảo đảm vai trò lãnh đạo và thực hiện trách nhiệm hiệu quả.
- Theo dõi chặt chẽ việc thực hiện các sáng kiến chiến lược của công ty để bảo đảm phù hợp với các mục đích và mục tiêu dài hạn.
- Kiểm tra toàn diện kết quả tài chính của công ty cung cấp thông tin về tình hình tài chính và kết quả hoạt động của công ty.
- Giám sát việc công bố thông tin tài chính và phi tài chính để bảo đảm minh bạch và tuân thủ các tiêu chuẩn báo cáo.
- Duy trì quan hệ tích cực với các bên có quyền lợi liên quan chính – bao gồm cổ đông, người lao động, nhà cung cấp và khách hàng – có ý nghĩa hết sức quan trọng trong việc duy trì danh tiếng và thiện chí của công ty.

Bằng cách tập trung vào những lĩnh vực then chốt này, HĐQT có thể tăng cường vai trò giám sát, góp phần cho thành công và bền vững chung của công ty. Việc thường xuyên lưu tâm đến những khía cạnh này giúp HĐQT ra quyết định sáng suốt, phù hợp với mục tiêu chiến lược của công ty và những cân nhắc về đạo đức.

Bổ nhiệm TGD

HĐQT bổ nhiệm TGD công ty để lãnh đạo nhóm Điều hành Cấp cao, còn được gọi là Ban Giám đốc ở một số quốc gia.

Thành lập các Ủy ban trực thuộc HĐQT

HĐQT nên thành lập các ủy ban chuyên môn trực thuộc HĐQT để hỗ trợ HĐQT thực hiện chức năng của HĐQT và tránh xung đột lợi ích. Việc thành lập các ủy ban trực thuộc HĐQT là phương thức chiến lược để giải quyết các khía cạnh cụ thể của quản trị theo cách tập trung hơn. Với việc tuân thủ các quy chế của HĐQT và hoạt động trong khuôn khổ xác định, các ủy ban trực thuộc HĐQT góp phần đáng kể đối với hiệu quả chung của công tác quản trị công ty.

Các ủy ban hoạt động theo quy chế của HĐQT. Nghị quyết của ủy ban chỉ có hiệu lực khi được đa số thành viên biểu quyết tán thành trong các cuộc họp của ủy ban¹².

Bổ nhiệm, Miễn nhiệm Thư ký Công ty

Căn cứ nhu cầu của Công ty, HĐQT quyết định bổ nhiệm Thư ký Công ty.¹³ Thư ký Công ty chịu trách nhiệm trước HĐQT và chịu sự giám sát của HĐQT theo các điều khoản và điều kiện trong hợp đồng lao động.

Phê duyệt và Thông qua các Văn bản Nội bộ

HĐQT có trách nhiệm thông qua các văn bản nội bộ, bao gồm những văn bản cần được ĐHĐCĐ phê duyệt.



THÔNG LỆ TỐT NHẤT

Thông lệ quản trị công ty quốc tế nhấn mạnh tầm quan trọng của việc HĐQT phê duyệt một số văn bản nội bộ hướng dẫn các chính sách và hoạt động cơ bản của công ty. HĐQT có vai trò quan trọng trong việc phê duyệt và giám sát các khuôn khổ nội bộ quan trọng để bảo đảm sự minh bạch, trách nhiệm giải trình, và hành vi đạo đức.

HĐQT phê duyệt các quy chế nội bộ trong các lĩnh vực chính sau:

- Chính sách cổ tức.
- Chính sách công bố thông tin.
- Chuẩn mực đạo đức.
- Kiểm soát nội bộ.
- Quản lý rủi ro.
- Chính sách tài chính.
- Thư ký Công ty.
- Chính sách về sự tham gia của các bên có quyền lợi liên quan.

Thành lập và Chấm dứt Hoạt động của Công ty con, Chi nhánh và Văn phòng Đại diện

HĐQT có thẩm quyền quyết định việc thành lập công ty con, chi nhánh và văn phòng đại diện của công ty.¹⁴

¹² Khoản 1, Điều 31, Thông tư 116/2020/TT-BTC Điều lệ Mẫu.

¹³ Khoản 5, Điều 156, LDN.

¹⁴ Khoản 2, Điều 153, LDN.

GIỚI THIỆU
VỀ QUẢN TRỊ
CÔNG TYCƠ CẤU
QUẢN TRỊ
CÔNG TYTÀI LIỆU NỘI BỘ
VỀ QUẢN TRỊ
CÔNG TYGIỚI THIỆU VỀ
QUYỀN CỬA
CƠ ĐỒNGĐẠI HỘI
ĐỒNG CỔ ĐÔNGHỘI ĐỒNG
QUẢN TRỊ

BAN GIÁM ĐỐC

THƯ KÝ CÔNG TY

MỘT TRƯỞNG
KIỂM SOÁTCÔNG BỐ
THÔNG TINGIAO DỊCH VỚI
NGƯỜI CÓ LIÊN
QUAN (GOLU)

CỔ TỨC

VỐN ĐIỀU LỆ

Tại sao Quản trị Công ty con lại Quan trọng?

Các công ty con có thể gây rủi ro về tài chính, hoạt động, và danh tiếng cho công ty mẹ và các công ty khác. Một số vụ bê bối cấp cao của công ty có nguồn gốc từ công ty con. Quản trị tốt công ty con trở nên đặc biệt quan trọng nếu các công ty con của tập đoàn có nhà đầu tư thiểu số.

Quản trị công ty con đã chuyển từ lĩnh vực mới nổi sang một trong những lĩnh vực ngày càng được chú trọng trên toàn cầu đối với nhiều công ty do:

1. Cơ quan quản lý ngày càng quan tâm đến trách nhiệm giải trình của công ty mẹ và trách nhiệm của ban giám đốc đối với việc giám sát công ty con.
2. Cơ cấu sở hữu công ty con có thể là chỉ báo về các vấn đề về nguyên tắc thuế liêm chính và có trách nhiệm, có thể chỉ ra các hoạt động thuế phi đạo đức và làm tăng rủi ro danh tiếng và pháp lý.
3. Giám sát quá mức hoặc tham gia của công ty mẹ trong hoạt động của công ty con có thể làm tăng rủi ro trong công ty con và pha loãng trách nhiệm giải trình nếu HĐQT công ty con “nhắm mắt” phê duyệt các quyết định của công ty mẹ.
4. Nhiều công ty thiếu trụ sở chính hoặc một bộ phận quản lý tình trạng tuân thủ của pháp nhân cũng như hoạt động báo cáo, công nghệ, và quản trị liên quan.
5. HĐQT công ty mẹ cần đạt được sự cân bằng hợp lý giữa mong muốn của công ty mẹ trong việc thiết lập chiến lược tập đoàn và điều phối hoạt động giám sát tập đoàn, đồng thời duy trì các nghĩa vụ ủy thác cần thiết của thành viên HĐQT công ty con.
6. Thành viên HĐQT công ty con cần được hỗ trợ và tập huấn đầy đủ về nghĩa vụ pháp lý và quản trị công ty.

Khi doanh nghiệp trở nên phức tạp hơn, hiểu biết về cách thức thực hiện được khung quản trị công ty con phù hợp và hiệu quả có ý nghĩa rất quan trọng. Việc xây dựng và áp dụng chính sách quản trị công ty con là một cơ chế kiểm soát mà công ty có thể áp dụng để cải thiện hoạt động quản trị công ty con.

Thông qua Bộ Nguyên tắc Quản trị công ty Hiệu quả

HĐQT có trách nhiệm chung trong việc bảo đảm để công ty thông qua một bộ quy tắc quản trị công ty hiệu quả để bảo vệ quyền lợi của cổ đông. ĐHĐCĐ có thẩm quyền phê chuẩn bộ nguyên tắc quản trị công ty và HĐQT cần rà soát bộ quy tắc trước khi trình lên ĐHĐCĐ.

6.1.4. Thẩm quyền của HĐQT liên quan tới Quyền của Cổ đông

Tổ chức họp ĐHĐCĐ

HĐQT có thẩm quyền duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp ĐHĐCĐ, triệu tập họp ĐHĐCĐ và lấy ý kiến để ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết.¹⁵

HĐQT phải đưa vào chương trình họp của ĐHĐCĐ những vấn đề kiến nghị của cổ đông (hoặc nhóm cổ đông) sở hữu từ 05% tổng số cổ phần.¹⁶

Giải quyết Xung đột trong Công ty

HĐQT có thể giải quyết xung đột giữa cổ đông và công ty bằng cách tạo điều kiện đối thoại cởi mở, xem xét các quan điểm đa dạng, và ra quyết định phù hợp với lợi ích dài hạn của cả hai bên. Điều này có thể bao gồm việc hòa giải, giải quyết các lo ngại một cách minh bạch, và tìm kiếm giải pháp cùng có lợi để thúc đẩy niềm tin và hợp tác. HĐQT cần thiết lập các cơ cấu và chính sách quản trị mạnh mẽ để giải quyết xung đột theo cách nhanh chóng và công bằng.



THÔNG LỆ TỐT NHẤT

Một chức năng thiết yếu của HĐQT là thiết lập một hệ thống tuân thủ các quy định, quy trình của công ty. HĐQT có trách nhiệm thực hiện tất cả các bước cần thiết để ngăn ngừa và giải quyết xung đột có thể phát sinh giữa cổ đông và công ty. HĐQT có thể bổ nhiệm cán bộ để triển khai các hệ thống cần thiết. Để thực hiện nhiệm vụ này, HĐQT cũng có thể thành lập Ủy ban Giải quyết Xung đột.

6.1.5. Thẩm quyền của HĐQT liên quan tới Tài sản và Vốn Điều lệ

HĐQT có thẩm quyền quyết định việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác.¹⁷ HĐQT cũng có thẩm quyền quyết định loại trái phiếu,

¹⁵ Khoản 2m, Điều 153, LDN.

¹⁶ Khoản 2&4, Điều 142, LDN.

¹⁷ Khoản 2, Điều 153, LDN.

GỚI THIỆU
VE QUẢN TRỊ
CÔNG TY

CƠ CẤU
QUẢN TRỊ
CÔNG TY

TÀI LIỆU NỘI BỘ
VE QUẢN TRỊ
CÔNG TY

GỚI THIỆU VE
QUYỀN CỦA
CỔ ĐÔNG

ĐẠI HỘI
ĐÔNG CỔ ĐÔNG

HỘI ĐỒNG
QUẢN TRỊ

BAN GIÁM ĐỐC

THỦ KÝ CÔNG TY

HỘI TRƯỞNG
KIỂM SÁT

CÔNG BỐ
THÔNG TIN

GAO DI CHỨC VỚI
NGƯỜI CÒI LIÊN
QUAN (GỎI)

CỐ TỨC

VỐN ĐIỀU LỆ

tổng giá trị trái phiếu, và thời điểm chào bán trừ khi Điều lệ Công ty đã quy định ĐHĐCĐ có thẩm quyền này. Trong trường hợp đó, HĐQT phải báo cáo và trình tài liệu và hồ sơ về chào bán trái phiếu tại cuộc họp ĐHĐCĐ gần nhất.¹⁸ Tuy nhiên, việc chào bán trái phiếu chuyển đổi phải được ĐHĐCĐ thông qua.¹⁹

HĐQT có quyền quyết định mua lại không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã chào bán trong thời hạn 12 tháng và giá mua lại cổ phần.²⁰ HĐQT có thẩm quyền quyết định thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty.²¹

6.1.6. Thẩm quyền của HĐQT trong Kiểm soát, Công bố và Minh bạch Thông tin

Trình nộp Báo cáo Thường niên

Kết thúc năm tài chính, HĐQT phải trình ĐHĐCĐ các báo cáo và tài liệu sau²²:

- Báo cáo kết quả kinh doanh của công ty: gửi BKS để thẩm định trước khi trình ĐHĐCĐ thường niên thông qua lần cuối.
- Báo cáo tài chính sẽ được kiểm toán trước khi trình ĐHĐCĐ xem xét thông qua.
- Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành công ty sẽ được gửi BKS để thẩm định trước khi trình ĐHĐCĐ thường niên thông qua lần cuối.
- Báo cáo thẩm định của Ban Kiểm soát sẽ được trình ĐHĐCĐ thường niên thông qua cuối cùng.

Đối với công ty đại chúng, HĐQT công bố thông tin về báo cáo quản trị công ty định kỳ 6 tháng.²³

¹⁸ Khoản 11, Điều 1303, LDN.

¹⁹ Khoản 2a, Điều 13, Nghị định 153/2020/NĐ-CP.

²⁰ Khoản 1&2, Điều 133, LDN.

²¹ Khoản 2h, Điều 153, LDN.

²² Điều 175, LDN.

²³ Khoản 4, Điều 10, và Phụ lục V, Thông tư 96/2020/TT-BTC.



THÔNG LỆ TỐT NHẤT

Công ty nghiêm yết có trách nhiệm công bố thông tin về tình hình quản trị công ty tại ĐHĐCĐ thường niên. HĐQT có trách nhiệm chuẩn bị các báo cáo về công tác quản lý và tình hình hoạt động của công ty, trong đó có báo cáo quản trị công ty và các vấn đề E&S phi tài chính, và đệ trình lên ĐHĐCĐ thường niên. Báo cáo quản trị công ty của HĐQT cần phải có tất cả các nội dung quan trọng trong cơ cấu và thực tiễn quản trị công ty. Trong báo cáo, HĐQT phải công bố về việc công ty đã tuân thủ các nguyên tắc quản trị công ty như thế nào và giải thích những điểm chưa thực hiện được theo quy chế quản trị công ty. Cuối cùng, HĐQT có trách nhiệm đề xuất giải pháp để cải tiến công tác quản trị công ty.

Giám sát Quản lý Rủi ro

HĐQT cần bảo đảm rằng công ty đã xây dựng và triển khai các hệ thống đánh giá và quản lý rủi ro. Một số trong những nhiệm vụ chính của HĐQT và các nguồn đảm bảo quan trọng mà HĐQT cần thường xuyên sử dụng được trình bày trong hộp bên dưới và trong Hình 3.



THÔNG LỆ TỐT NHẤT

Công tác quản lý rủi ro là lĩnh vực giám sát thiết yếu của HĐQT. HĐQT cần bảo đảm rằng công ty đã thiết lập các hệ thống cho phép đánh giá và kiểm soát rủi ro. Bên cạnh những vấn đề khác, HĐQT cần:

- Phê duyệt Tuyên bố khẩu vị rủi ro, khung, chính sách quản lý rủi ro và bảo đảm tuân thủ những chính sách này. Những chính sách này cần bảo đảm rằng công ty và nhân viên của công ty phải thông báo ngay cho HĐQT về bất kỳ thiếu sót đáng kể nào trong cơ chế quản lý rủi ro.
- Thường xuyên phân tích, đánh giá và cải thiện hiệu quả của các chính sách quản lý rủi ro nội bộ.
- Xây dựng các chính sách phù hợp để khuyến khích bộ máy điều hành, các phòng ban và người lao động công ty thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ. Xây dựng các chính khuyến khích cho các cơ quan điều hành, phòng ban, và người lao động là phương thức chiến lược để nuôi

GIỚI THIỆU
VỀ QUẢN TRỊ
CÔNG TYCƠ CẤU
QUẢN TRỊ
CÔNG TYTÀI LIỆU NỘI BỘ
VE QUẢN TRỊ
CÔNG TYGIỚI THIỆU VỀ
QUY CHẾ
CƠ ĐỒNGĐẠI HỘI
ĐỒNG CỔ ĐÔNGHỘI ĐỒNG
QUẢN TRỊ

BAN GIÁM ĐỐC

THỦ KÝ CÔNG TY

MÔI TRƯỜNG
KIỂM SOÁTCÔNG BỐ
THÔNG TINGIAO DỊCH VỚI
NGƯỜI CÓ LIÊN
QUAN (GOLU)

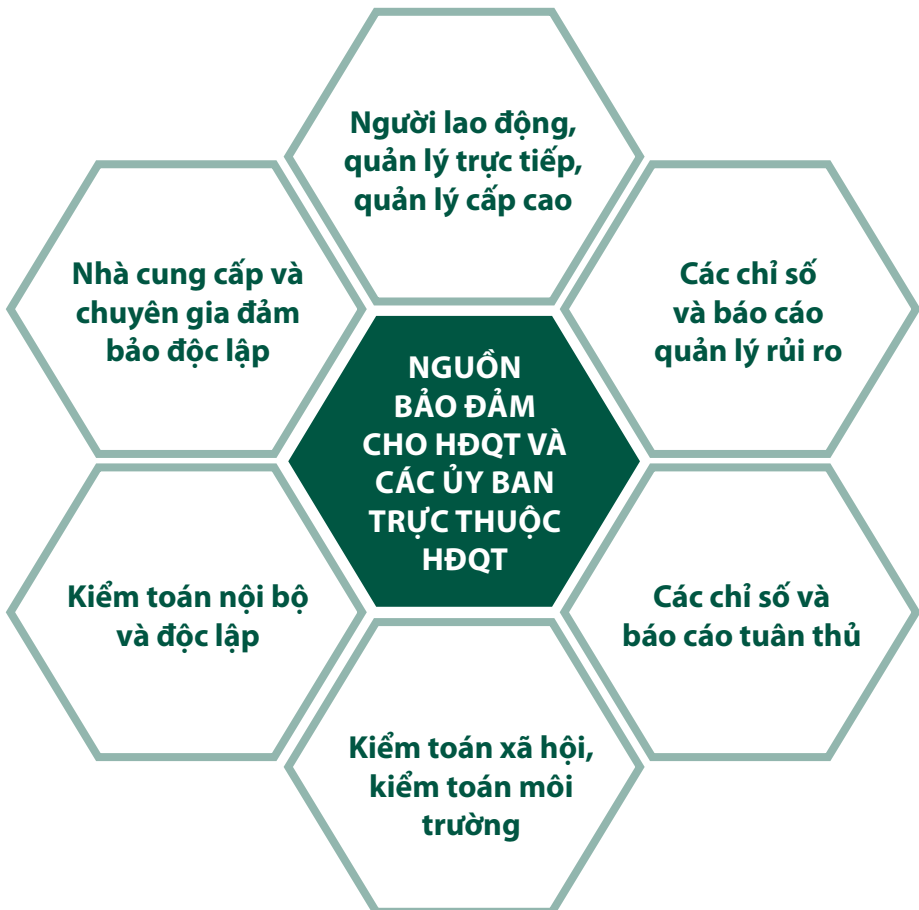
CỐ TỨC

VỐN ĐIỀU LỆ

duỡng văn hóa kiểm soát nội bộ chủ động. Với việc gắn các chính sách khuyến khích với mục tiêu của tổ chức và thúc đẩy môi trường tích cực, các tổ chức có thể cải thiện việc áp dụng và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ.

- Thành lập một Ủy ban Quản lý Rủi ro trực thuộc HĐQT, nếu khả thi.
- Bảo đảm công ty tuân thủ các quy định luật pháp và quy định tại điều lệ.

Hình 3: Các Nguồn Bảo đảm



6.2. Bốn phận và Trách nhiệm Pháp lý

Theo quy định pháp luật, HĐQT phải thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, thận trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của công ty và các bên có quyền lợi liên quan.²⁴



THÔNG LỆ TỐT NHẤT

Ở một số quốc gia nhất định, theo quy định của pháp luật, HĐQT phải ưu tiên lợi ích của công ty mà không cần nhắc rõ ràng quyền lợi của cổ đông và các bên có quyền lợi liên quan. Tuy nhiên, việc chỉ tập trung vào lợi ích của công ty có thể vô tình nuôi dưỡng văn hóa tham quyền cố vị của cấp quản lý. Do đó, cổ đông và các cơ quan pháp luật phải cân nhắc thận trọng về việc cũng cần yêu cầu thành viên HĐQT phải hành động vì lợi ích cao nhất của cổ đông hay không. Sự thay đổi mô hình này hướng tới hệ thống phục vụ lợi ích của các bên có quyền lợi liên quan nhấn mạnh tầm quan trọng của việc phải cân nhắc hệ sinh thái rộng lớn hơn mà công ty hoạt động, gắn quản trị công ty với lợi ích tổng thể của tất cả các bên có quyền lợi liên quan.

Các tiêu chuẩn để diễn giải các thuật ngữ “trung thực” và “thận trọng”, cũng như các tiêu chuẩn về “tốt nhất”, có thay đổi trong từng thời kỳ trong hệ thống tư pháp, nền kinh tế, và văn hóa doanh nghiệp của một quốc gia. Pháp luật Việt Nam không quy định rõ ràng các tiêu chuẩn này.

Cần lưu ý rằng khi một thành viên HĐQT bị khiếu kiện, việc khiếu kiện đó phải dựa trên giả định là tính hợp lý và thiện ý của thành viên HĐQT bị vi phạm. Tuy nhiên, LDN không định nghĩa thế nào là “thiện ý” hay “tính hợp lý”.

Trong hệ thống luật pháp của các quốc gia khác, như Hoa Kỳ và Vương quốc Anh, khái niệm hợp lý và thiện ý được xem là những nguyên tắc cơ bản trong việc thực thi bốn phận của một thành viên HĐQT, đáng chú ý nhất là bốn phận cẩn trọng và trung thành.

²⁴ Khoản 1b, Điều 165, LDN.

6.2.1. Bốn phạm Cần trọng

Các thành viên HĐQT có trách nhiệm thực thi quyền và nghĩa vụ của mình một cách cần trọng, thiện ý, và chuyên nghiệp.



THÔNG LỆ TỐT NHẤT

Thành viên HĐQT cần phải:

- Hành động trung thực, trên cơ sở có đầy đủ thông tin, và với thiện ý.
- Hành động cần trọng và thận trọng ở mức tối đa có thể được kỳ vọng ở một thành viên HĐQT giỏi trong tình huống tương tự trong những hoàn cảnh tương tự.
- Không dẫn tới tình trạng công ty phải vi phạm pháp luật.
- Thường xuyên tham dự và tham gia tích cực trong các cuộc họp HĐQT.
- Kiến nghị các vấn đề thảo luận trong chương trình họp tại các cuộc họp HĐQT, và yêu cầu triệu tập họp HĐQT khi cần thiết.
- Bảo đảm công ty có hệ thống kiểm soát nội bộ hiệu quả.
- Yêu cầu TGD và các thành viên ban giám đốc cung cấp đầy đủ thông tin cho HĐQT để các thành viên HĐQT nắm vững các vấn đề trong công ty.
- Thực thi trách nhiệm giám sát phù hợp đối với ban giám đốc.

6.2.2. Bốn phạm Trung thành

Bốn phạm trung thành đóng vai trò trung tâm trong quản trị công ty. Lòng trung thành là nền tảng cho việc thực hiện hiệu quả các nguyên tắc quản trị công ty quan trọng, như sự cần thiết phải giám sát các giao dịch với người liên quan và thiết lập chính sách thù lao phù hợp cho người quản lý và thành viên HĐQT không điều hành.

LDN yêu cầu thành viên HĐQT phải trung thành với công ty và lợi ích của công ty và của cổ đông. Bốn phạm trung thành yêu cầu thành viên HĐQT phải thực thi thẩm quyền của mình vì lợi ích của công ty nói chung. Nói một cách đơn giản, thành viên HĐQT không được để lợi ích cá nhân vượt lên trên lợi ích công ty. Bốn phạm trung thành không cho phép thành viên HĐQT:

- Tham gia các quyết định mà thành viên HĐQT có lợi ích tài chính cá nhân xung đột, hoặc có khả năng xung đột, với lợi ích của công ty.
- Tham gia vào một công ty cạnh tranh.
- Biểu quyết về các vấn đề mà thành viên HĐQT có xung đột lợi ích mà không công bố phù hợp, và nếu cần, từ chối tham gia quá trình ra quyết định.
- Thực hiện bất kỳ giao dịch nào với công ty mà không công bố giao dịch đó và không được sự phê duyệt của HĐQT hoặc ĐHCĐ.
- Sử dụng tài sản và tiện ích của công ty để phục vụ nhu cầu riêng.
- Tiết lộ thông tin mật của công ty.
- Sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.²⁵

Đây cũng là nguyên tắc cơ bản cho thành viên HĐQT làm việc trong cơ cấu của một tập đoàn, cho dù một công ty có thể chịu sự kiểm soát của một doanh nghiệp khác. Bổn phận trung thành của thành viên HĐQT chỉ liên quan đến công ty, cổ đông của công ty, và các bên có quyền lợi liên quan khác, chứ không phải doanh nghiệp kiểm soát của tập đoàn.²⁶



THÔNG LỆ TỐT NHẤT

Bổn phận trung thành yêu cầu thành viên HĐQT phải hành động vì lợi ích cao nhất của công ty và tất cả các bên có quyền lợi liên quan, bất kể:

- Ai là người đã đề cử và bầu chọn thành viên HĐQT đó.
- Áp lực từ các thành viên HĐQT khác, cổ đông, hoặc cá nhân khác phải hành động hoặc ra quyết định không vì lợi ích cao nhất của công ty và các bên có quyền lợi liên quan của công ty.

Một điều đặc biệt quan trọng là khi thực thi bổn phận của mình, HĐQT không nên hành động và không nên được nhìn nhận như một tập hợp những cá nhân đại diện cho các tổ chức khác nhau.²⁷ Thay vào đó, với tư cách là một

²⁵ Khoản 1c, Điều 165, LDN.

²⁶ Các Nguyên tắc Quản trị Công ty của G20/OECD. Xem thêm: <https://www.oecd.org/corporate/principles-corporate-governance/>

²⁷ Các Nguyên tắc Quản trị Công ty của G20/OECD. Xem thêm: <https://www.oecd.org/corporate/principles-corporate-governance/>

GỚI THIỆU
VỀ QUẢN TRỊ
CÔNG TY

CƠ CẤU
QUẢN TRỊ
CÔNG TY

TÀI LIỆU NỘI BỘ
VỀ QUẢN TRỊ
CÔNG TY

GỚI THIỆU VỀ
QUYỀN CỬA
CỔ ĐÔNG

ĐẠI HỘI
ĐÔNG CỔ ĐÔNG

HỘI ĐỒNG
QUẢN TRỊ

BAN GIÁM ĐỐC

THỦ KÝ CÔNG TY

MÔI TRƯỜNG
KIỂM SOÁT

CÔNG BỐ
THÔNG TIN

GAO DI CHÚC VỚI
NGƯỜI CÓ LIÊN
QUAN (GỎI LỜI)

CỐ TỨC

VỐN ĐIỀU LỆ

cơ quan của công ty, HĐQT phải hành động trong vai trò một đơn vị gắn kết. Cho dù thực tế một số thành viên HĐQT có thể do một nhóm cổ đông nào đó bầu chọn (và đôi khi bị các nhóm cổ đông khác phản đối), mọi thành viên HĐQT nhất thiết phải đảm nhận trách nhiệm và thực thi bổn phận của mình một cách công bằng vì lợi ích chung của mọi cổ đông. Nguyên tắc này đặc biệt quan trọng khi có cổ đông kiểm soát có khả năng bầu chọn đa số, hoặc trong một số trường hợp, tất cả thành viên HĐQT.

Ngoài ra, thành viên HĐQT và cá nhân có liên quan (như gia đình, bạn hữu, và đối tác kinh doanh) không được phép nhận quà tặng từ những cá nhân có lợi ích trong các quyết định của HĐQT, hoặc nhận bất kỳ lợi ích trực tiếp hay gián tiếp nào. Một trường hợp ngoại lệ có thể được chấp nhận với những món quà tặng mang tính tượng trưng được trao tặng theo nghi thức xã giao hoặc như những món đồ lưu niệm trong các sự kiện chính thức. Những trường hợp ngoại lệ này cần được quy định rõ trong quy chế nội bộ hoặc văn bản nội bộ khác của công ty.

6.2.3. Xung đột Lợi ích

Một thành viên HĐQT không cần được giải phóng khỏi việc thực thi bổn phận trong một trường hợp hoặc giao dịch riêng lẻ nếu có xung đột lợi ích giữa cá nhân thành viên HĐQT đó với công ty và cổ đông của công ty. Tuy nhiên, nếu một thành viên HĐQT có xung đột lợi ích chung với công ty và cổ đông của công ty, thành viên đó nên được miễn vị trí thành viên HĐQT.



THÔNG LỆ TỐT NHẤT

Xung đột lợi ích có thể phát sinh khi thành viên HĐQT hoặc người có liên quan của họ:

- Thực hiện một hợp đồng với công ty.
- Có lợi ích tài chính trong hành động đó theo cách có lý do để tin rằng những lợi ích tài chính ấy sẽ khiến thành viên HĐQT ấy đi ngược lại lợi ích của công ty.

LDN đề cập đến vấn đề xung đột lợi ích khi nói về giao dịch của người có liên quan. Hợp đồng, giao dịch giữa công ty với người có liên quan có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ Công ty phải được được HĐQT chấp thuận. Trường hợp này, người đại diện công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên HĐQT, kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch.²⁸

Các thành viên HĐQT không nên có những hành động có thể dẫn đến xung đột lợi ích giữa cá nhân thành viên HĐQT và công ty. Thành viên HĐQT không được biểu quyết đối với giao dịch mà họ có lợi ích cá nhân liên quan đến vấn đề đang được xem xét, đặc biệt là biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó.²⁹ Thành viên HĐQT phải thông báo ngay cho HĐQT thông qua Thư ký Công ty về bất kỳ xung đột lợi ích tiềm ẩn nào.

Thành viên HĐQT phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của LDN và các văn bản pháp luật liên quan. Thông tin đó phải được công khai tại cuộc họp đầu tiên của HĐQT sau khi thành viên HĐQT đó nhận thấy có tồn tại những xung đột lợi ích như vậy. Luật Chứng khoán cũng quy định Thành viên HĐQT, thành viên BKS, TGD, người quản lý khác và người có liên quan của họ chỉ được sử dụng thông tin thu được do ảnh hưởng của vị trí công tác vì lợi ích của công ty đại chúng, không được sử dụng, tiết lộ thông tin nội bộ cho người khác để thực hiện các giao dịch bên liên quan.³⁰

6.2.4. Tiếp cận Thông tin

Mỗi thành viên HĐQT đều có quyền yêu cầu TGD, Phó TGD và người quản lý khác trong công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của công ty cũng như của các đơn vị trong công ty.³¹ Những tài liệu này bao gồm nhưng không giới hạn hiệu quả kinh doanh, ngân sách, dự báo, báo cáo tài chính nội bộ hàng tháng của công ty (bao gồm giải thích về bất kỳ khác biệt trọng yếu nào giữa dự báo và kết quả thực tế),

²⁸ Khoản 2, Điều 167, LDN.

²⁹ Khoản 4, Điều 47, Thông tư 116/2020/TT-BTC, Điều lệ Mẫu.

³⁰ Khoản 1, Điều 47, Thông tư 116/2020/TT-BTC, Điều lệ Mẫu.

³¹ Khoản 1, Điều 159, LDN.

GIỚI THIỆU
VE QUẢN TRỊ
CÔNG TYCƠ CẤU
QUẢN TRỊ
CÔNG TYTÀI LIỆU NỘI BỘ
VE QUẢN TRỊ
CÔNG TYGIỚI THIỆU VE
QUẢN TRỊ
CƠ ĐỒNGĐẠI HỘI
ĐỒNG CỔ ĐÔNGHỘI ĐỒNG
QUẢN TRỊ

BAN GIÁM ĐỐC

THƯ KÝ CÔNG TY

MỘT TRƯỞNG
KIỂM SOÁTCÔNG BỐ
THÔNG TINGIAO DỊCH VỚI
NGƯỜI CÓ LIÊN
QUAN (GLOU)

CỐ TỨC

VỐN ĐẦU TƯ

báo cáo tuân thủ và rủi ro (bao gồm rủi ro E&S). Thành viên HĐQT phải có quyền tiếp cận thông tin này để thực hiện đúng nhiệm vụ của thành viên HĐQT, bao gồm thông tin phản hồi chính xác và đầy đủ từ các cơ quan điều hành và cán bộ khác của công ty đối với câu hỏi của thành viên HĐQT.

Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên HĐQT. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do Điều lệ Công ty quy định.³²

Thành viên HĐQT có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.³³

6.2.5. Bảo mật Thông tin

Thành viên HĐQT, thành viên BKS, người quản lý cấp cao, và người có liên quan của họ không được sử dụng, tiết lộ thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch bên liên quan.³⁴



THÔNG LỆ TỐT NHẤT

Thành viên HĐQT không được công khai thông tin mật của công ty hoặc sử dụng khả năng tiếp cận thông tin của công ty để phục vụ lợi ích riêng hoặc lợi ích của các bên thứ ba. Việc lợi dụng thông tin mật của công ty vì lợi ích riêng sẽ gây tổn hại đến lợi ích của cổ đông. Nên thực hiện theo những khuyến nghị sau đây:

- Thành viên HĐQT cần tiến hành các biện pháp cần thiết để bảo vệ thông tin mật.
- Thành viên HĐQT không được tiết lộ hoặc sử dụng thông tin mật của công ty vì lợi ích riêng.
- Quy định về sử dụng thông tin mật của công ty cần được nêu rõ trong các văn bản nội bộ của công ty.
- Hợp đồng giữa công ty và thành viên HĐQT phải quy định rõ về việc thành viên HĐQT không được tiết lộ thông tin mật của công ty trong 10 năm kể từ ngày rời khỏi công ty.

³² Khoản 1, Điều 159, LDN.

³³ Khoản 1, Điều 49, Thông tư 116/2020/TT-BTC, Điều lệ Mẫu.

³⁴ Khoản 5, Điều 47, Thông tư 116/2020/TT-BTC, Điều lệ Mẫu.

Để xây dựng một cơ chế hiệu quả nhằm phòng ngừa việc sử dụng bất hợp lệ thông tin mật của công ty để thu lợi cá nhân từ giao dịch chứng khoán, công ty cần phải yêu cầu thành viên HĐQT:

- Thông báo bằng văn bản cho HĐQT ý định thực hiện những giao dịch liên quan đến chứng khoán của công ty hoặc của các công ty con của công ty.
- Công khai thông tin về những giao dịch trước đó liên quan đến chứng khoán của công ty, tuân thủ quy trình công khai số liệu trọng yếu theo quy định của luật pháp về chứng khoán.
- Thành viên HĐQT, trước khi đảm nhận vai trò thành viên HĐQT, cần ký cam kết tuân thủ quy định của pháp luật về xử lý thông tin mật và không tiết lộ thông tin mật.

6.2.6. Trách nhiệm Pháp lý

Mỗi thành viên HĐQT sẽ chịu trách nhiệm cá nhân đối với tổn thất của công ty nếu thành viên HĐQT liên quan có lỗi hoặc cấu tạo trong thực hiện nhiệm vụ giám sát và tham mưu cho ban giám đốc một cách thiện ý và vì lợi ích cao nhất của công ty và cổ đông.³⁵ Nếu nhiều thành viên HĐQT gây tổn thất cho công ty, họ phải liên đới chịu trách nhiệm đền bù cho những tổn thất đó.³⁶ Đại diện của nhà nước hoặc của các cơ quan địa phương trong HĐQT cũng phải chịu trách nhiệm đền bù như các thành viên HĐQT khác. Cần phải xem xét thông lệ kinh doanh và hoàn cảnh liên quan khác để xác định cơ sở và mức độ đền bù của các thành viên HĐQT.

Các thành viên HĐQT không được miễn trách nhiệm bồi thường sau khi họ đã từ chức thành viên HĐQT hoặc đã bị bãi nhiệm khỏi HĐQT vì những hành động mà họ thực hiện và những quyết định mà họ đưa ra trong nhiệm kỳ thành viên HĐQT.

Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần phổ thông có quyền tự mình hoặc nhân danh công ty khởi kiện trách nhiệm cá nhân, trách nhiệm liên đới đối với các thành viên HĐQT để yêu cầu hoàn trả lợi ích hoặc bồi thường thiệt hại cho công ty hoặc người khác trong trường hợp sau đây:³⁷

³⁵ Khoản 1, Điều 159, LDN.

³⁶ Khoản 1, Điều 49, Thông tư 116/2020/TT-BTC, Điều lệ Mẫu.

³⁷ Khoản 5, Điều 47, Thông tư 116/2020/TT-BTC, Điều lệ Mẫu.

GỚI THIỆU
VE QUẢN TRỊ
CÔNG TY

CƠ CẤU
QUẢN TRỊ
CÔNG TY

TÀI LIỆU NỘI BỘ
VE QUẢN TRỊ
CÔNG TY

GỚI THIỆU VE
QUẢN TRỊ
CƠ ĐỒNG

ĐẠI HỘI
ĐỒNG CỔ ĐÔNG

HỘI ĐỒNG
QUẢN TRỊ

BAN GIÁM ĐỐC

THỦ KÝ CÔNG TY

HỘI TRƯỞNG
KIỂM SÁT

CÔNG BỐ
THÔNG TIN

GIAO DỊCH VỚI
NGƯỜI CÒN
LIÊN QUAN (GOLU)

CỐ TỨC

VỐN ĐIỀU LỆ

- Vi phạm trách nhiệm của người quản lý công ty theo quy định của pháp luật.
- Không thực hiện, thực hiện không đầy đủ, thực hiện không kịp thời hoặc thực hiện trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ Công ty, nghị quyết, quyết định của HĐQT.
- Lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.



THÔNG LỆ TỐT NHẤT

Để thực thi hiệu quả các quy định về trách nhiệm bồi thường của thành viên HĐQT, công ty nên lưu giữ biên bản chi tiết (và có thể cả báo cáo nguyên văn) của các cuộc họp. HĐQT phải lưu giữ biên bản chi tiết của các cuộc họp của HĐQT để xác định ai đã biểu quyết cho một quyết định cụ thể và ai có thể phải chịu trách nhiệm (trong phạm vi tòa án xem xét những yếu tố đó). Ngoài ra, công ty cần:

- Khuyến khích các thành viên HĐQT thực hiện nhiệm vụ của họ một cách phù hợp.
- Có biện pháp chấm dứt quyền hạn của các thành viên HĐQT chịu trách nhiệm gây ra tổn thất.
- Buộc các thành viên HĐQT phải chịu trách nhiệm khi họ không thực hiện nghĩa vụ của mình đối với công ty.

Quản lý hoạt động của công ty là một quá trình phức tạp. Ngay cả khi hành động phù hợp và thiện chí, HĐQT vẫn có thể đưa ra các quyết định gây bất lợi cho lợi ích của công ty. Các công ty nên cho phép các thành viên HĐQT tự bảo vệ mình trước, hoặc tối thiểu là hạn chế trách nhiệm pháp lý, trước những tổn thất phát sinh trong khi thực hiện nhiệm vụ. Những cơ chế như vậy có thể bao gồm:

- Bảo hiểm trách nhiệm.
- Quy định trong điều lệ công và quy định nội bộ bồi thường cho thành viên HĐQT trước những khiếu nại, chi phí kiện tụng, và trách nhiệm pháp lý trong một số trường hợp nhất định.

Một công ty có thể mua bảo hiểm trách nhiệm cho thành viên HĐQT để bảo hiểm rủi ro khi hành động của thành viên HĐQT có thể dẫn đến tổn thất cho công ty hoặc bên thứ ba. Bảo hiểm trách nhiệm dành cho thành viên HĐQT

nên cho phép công ty sử dụng các biện pháp khắc phục hậu quả của luật dân sự theo cách hiệu quả hơn, và các biện pháp bảo vệ mà bảo hiểm đó có thể giúp công ty thu hút được các thành viên HĐQT có năng lực. Ngoài ra, công ty có thể bồi hoàn cho thành viên HĐQT chi phí phát sinh khi bào chữa trước khiếu nại liên quan đến vai trò là thành viên HĐQT, nếu thành viên đó đã hành động:

- Trung thực.
- Có thiện chí.
- Vì lợi ích tốt nhất của công ty và các bên có quyền lợi liên quan.
- Tuân thủ pháp luật, điều lệ công ty, và các quy định nội bộ.

6.3. Phẩm chất và Năng lực

6.3.1. Ai có thể trở thành Thành viên HĐQT?

Theo Luật Doanh nghiệp, thành viên HĐQT phải đáp ứng các yêu cầu sau:

- Không bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của LDN. Các cá nhân bị cấm quản lý doanh nghiệp bao gồm:
 - o Cơ quan Nhà nước, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân sử dụng tài sản Nhà nước để thành lập doanh nghiệp kinh doanh thu lợi riêng cho cơ quan, đơn vị mình.
 - o Cán bộ, công chức, viên chức theo quy định của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức.
 - o Sĩ quan, hạ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân, viên chức quốc phòng trong các cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân Việt Nam, sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên nghiệp, công nhân công an trong các cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân Việt Nam.
 - o Cán bộ lãnh đạo, quản lý nghiệp vụ trong doanh nghiệp Nhà nước, trừ người được cử làm đại diện theo ủy quyền để quản lý phần vốn góp của Nhà nước tại doanh nghiệp hoặc quản lý doanh nghiệp Nhà nước.
 - o Người chưa thành niên, người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự, người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, tổ chức không có tư cách pháp nhân.

GIỚI THIỆU
VE QUẢN TRỊ
CÔNG TYCƠ CẤU
QUẢN TRỊ
CÔNG TYTÀI LIỆU NỘI BỘ
VE QUẢN TRỊ
CÔNG TYGIỚI THIỆU VE
CƠ QUAN CÁN
CỐ ĐỒNGĐẠI HỘI
ĐỒNG CỔ ĐÔNGHỘI ĐỒNG
QUẢN TRỊ

BAN GIÁM ĐỐC

THỦ KÝ CÔNG TY

MỘT TRƯỞNG
KIỂM SÁTCÔNG BỐ
THÔNG TINGIAO DỊCH VỚI
NGƯỜI CÓ LIÊN
QUAN (GÓI LỘ)

CỐ TỨC

VỐN ĐIỀU LỆ

- o Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc hoặc đang bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định.
- Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác.

Thành viên HĐQT công ty có thể đồng thời là thành viên HĐQT của công ty khác,³⁹ miễn là thành viên HĐQT đó không được đồng thời là thành viên HĐQT của hơn 05 công ty khác.⁴⁰

Đối với doanh nghiệp Nhà nước, thành viên HĐQT không được là người có quan hệ gia đình của TGD hoặc bất kỳ người quản lý nào khác của công ty, hoặc người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ.⁴¹

LDN định nghĩa “người có liên quan” là cá nhân, tổ chức có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với doanh nghiệp trong các trường hợp sau:⁴²

- I. Công ty mẹ, người quản lý và người đại diện theo pháp luật của công ty mẹ, và người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý của công ty mẹ
- II. Công ty con, người quản lý và người đại diện theo pháp luật của công ty con
- III. Cá nhân, tổ chức hoặc nhóm cá nhân, tổ chức có khả năng chi phối hoạt động của doanh nghiệp đó thông qua sở hữu, đầu tư cổ phần, phần vốn góp hoặc thông qua việc ra quyết định của công ty
- IV. Người quản lý doanh nghiệp, người đại diện theo pháp luật, kiểm soát viên
- V. Vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của người quản lý công ty, người đại diện theo pháp luật, Kiểm soát viên, thành viên và cổ đông sở hữu phần vốn góp hay cổ phần chi phối

³⁹ Khoản 1c, Điều 155, LDN.

⁴⁰ Điều 275, Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

⁴¹ Khoản 1d, Điều 155, LDN.

⁴² Khoản 23, Điều 4, LDN.

VI. Cá nhân là người đại diện theo ủy quyền của công ty, tổ chức quy định tại các điểm i, ii, và iii.

VII. Doanh nghiệp trong đó cá nhân, công ty, tổ chức quy định tại điểm (i) đến (v) có sở hữu đến mức chi phối việc ra quyết định của công ty.

Một định nghĩa toàn diện về “người có liên quan” nên đủ rộng để bao gồm các thực thể và giao dịch liên quan có rủi ro tiềm ẩn về việc bị lợi dụng, và đồng thời, không dễ bị lách luật và cho phép thực thi nghiêm ngặt. Công ty nên áp dụng và công bố định nghĩa riêng của mình về người có liên quan bao gồm tất cả các yêu cầu tại Luật các Tổ chức Tín dụng (nếu phù hợp), LDN, các quy định về chứng khoán và Chuẩn mực Kế toán Quốc tế (IAS 24). Mọi danh sách người có liên quan đều không nên được coi là đầy đủ tuyệt đối, vì có thể xuất hiện thêm người có liên quan theo thời gian. Cuối cùng, việc phân loại người có liên quan phải phụ thuộc vào việc một cá nhân hoặc một thực thể hiện, hoặc dự kiến, có khả năng kiểm soát hoặc gây ảnh hưởng đến việc ra quyết định trong công ty.

Theo Điều lệ Công ty. Thành viên HĐQT không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty. Điều lệ Công ty cũng có thể đặt ra các tiêu chí và điều kiện bổ sung mà một thành viên HĐQT hoặc ứng cử viên thành viên HĐQT phải đáp ứng, miễn là các yêu cầu đó không vi phạm các quyền cơ bản của cổ đông.⁴³

Yêu cầu khác. Mặc dù LDN không quy định rõ ràng, có hàm ý về việc một pháp nhân không thể là thành viên HĐQT, mặc dù một cá nhân là đại diện của một pháp nhân có thể được bầu vào HĐQT. Trong trường hợp này, cá nhân được bầu vào HĐQT chỉ được hành động với tư cách là thành viên HĐQT chứ không phải với tư cách là người đại diện cho pháp nhân, tức là cá nhân đó phải hành động vì lợi ích của công ty mà cá nhân đó đang là thành viên HĐQT, không phải của công ty mà cá nhân đó đang đại diện. Thành viên HĐQT của một công ty tuân thủ các quy định cụ thể của ngành - ví dụ như ngân hàng, công ty bảo hiểm hoặc công ty chứng khoán - có thể phải tuân thủ các yêu cầu nghiêm ngặt hơn. Các công ty phải thực hiện các quy định cụ thể của ngành cần xem xét các yêu cầu của ngành một cách thận trọng trong quá trình lựa chọn thành viên HĐQT.

⁴³ Điều 25, Thông tư 116/2020/TT-BTC, Điều lệ Mẫu.

GIỚI THIỆU
VỀ QUẢN TRỊ
CÔNG TYCƠ CẤU
QUẢN TRỊ
CÔNG TYTÀI LIỆU NỘI BỘ
VỀ QUẢN TRỊ
CÔNG TYGIỚI THIỆU VỀ
QUYỀN CỎ ĐÔNG
CỎ ĐÔNGĐẠI HỘI
ĐỒNG CỎ ĐÔNGHỘI ĐỒNG
QUẢN TRỊ

BAN GIÁM ĐỐC

THỦ KÝ CÔNG TY

MỘT TRƯỞNG
KIỂM SOÁTCÔNG BỐ
THÔNG TINGIAO DỊCH VỚI
NGƯỜI CÓ LIÊN
QUAN (GLOU)

CỐ TỨC

VỐN ĐIỀU LỆ



THÔNG LỆ TỐT NHẤT

Khi bắt đầu nhiệm kỳ, thành viên HĐQT phải đáp ứng tất cả các điều kiện theo quy định của pháp luật, quy chế quản trị công ty, và văn bản nội bộ của công ty. Trường hợp có thay đổi về việc đáp ứng này trong nhiệm kỳ, thành viên HĐQT phải thông báo cho Chủ tịch HĐQT. Tất cả các điều kiện đối với thành viên HĐQT sẽ áp dụng cho các thành viên HĐQT được bầu sau khi HĐQT có vị trí khuyết.

Căn cứ đề nghị của HĐQT, ĐHĐCĐ sẽ thông qua nghị quyết về các điều kiện cần thiết để bầu thành viên HĐQT, có xem xét tính chất hoạt động và mục đích của công ty. Những điều kiện này có thể là điều kiện chung, nếu áp dụng cho tất cả các thành viên HĐQT, và cụ thể, nếu áp dụng cho một thành viên HĐQT cụ thể.

Để tránh xung đột lợi ích, các cá nhân không nên được bầu vào HĐQT của công ty khi cá nhân đó là:

- Thành viên HĐQT của một công ty cạnh tranh.
- Người quản lý của một công ty cạnh tranh.
- Người lao động của một công ty cạnh tranh.

Người được đề cử vào HĐQT cũng không được có quan hệ họ hàng với nhà cung cấp, người có liên quan, cũng như người lao động của Công ty Kiểm toán Độc lập.

6.3.2. Phẩm chất và Năng lực của Thành viên HĐQT

Thành viên HĐQT cần có kỹ năng và kinh nghiệm cần thiết để đóng góp cho công việc của HĐQT. Hình 4 minh họa các phẩm chất cá nhân và năng lực cần thiết cho nhiệm vụ này.



Không có quy định pháp luật liên quan đến các tiêu chí phẩm chất và năng lực của thành viên HĐQT. Tuy nhiên, các công ty nên quy định các tiêu chí về phẩm chất và năng lực trong văn bản nội bộ của công ty, như điều lệ, quy chế nội bộ, hoặc chính sách khác của công ty.

Theo Bộ Nguyên tắc Quản trị Công ty theo Thông lệ Tốt nhất của Việt Nam, tập thể HĐQT cần phải sở hữu các quan điểm, chuyên môn, kỹ năng, năng lực đa dạng và phù hợp để đóng vai trò chèo lái và giám sát công ty hiệu quả.⁴⁴

Ngoài trình độ chuyên môn của thành viên HĐQT, cần cân nhắc các yếu tố khác khi xem xét thành phần HĐQT, như liệt kê trong Hình 5.

Hình 5: Những cân nhắc về thành phần HĐQT

Loại	• Điều hành – Không điều hành – Độc lập
Kinh nghiệm	• Ngành – Địa lý – Thị trường
Chuyên môn	• Tài chính – Rủi ro – Pháp lý - Khác
Đặc điểm cá nhân	• Lãnh đạo – Chiến lược gia
Đa dạng	• Tuổi – Giới – Văn hóa
Quan điểm	• Ngại rủi ro – Quan điểm Khác nhau
Giá trị gia tăng khác	• Quan hệ Kinh doanh – Danh tiếng

⁴⁴ Bộ Nguyên tắc Quản trị Công ty theo Thông lệ Tốt nhất của Việt Nam, Nguyên tắc 2.1.

- GIỚI THIỆU VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
- CƠ CẤU QUẢN TRỊ CÔNG TY
- TÀI LIỆU NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
- GIỚI THIỆU VỀ QUYỀN CỎA CỎ ĐỒNG
- ĐẠI HỘI ĐỒNG CỎ ĐỒNG
- HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
- BAN GIÁM ĐỐC
- THỦ KÝ CÔNG TY
- MỘT TRƯỞNG KIỂM SOÁT
- CÔNG BỐ THÔNG TIN
- GIAO DỊCH VỚI NGƯỜI CỎ LIÊN QUAN (GỎU)
- CÓ TỨC
- VỐN ĐỂU LỆ



THÔNG LỆ TỐT NHẤT

Mặc dù tập hợp kỹ năng phù hợp sẽ có khác biệt giữa các công ty, nên cần nhắc chuyên môn của HĐQT như dưới đây:

- Tài chính, bao gồm kiến thức về tài chính, kế toán, và kiểm toán.
- Quản lý rủi ro.
- Tiếp thị: hiểu biết về kỹ thuật và hoạt động tiếp thị.
- Công nghệ thông tin: hiểu biết về các hệ thống để lưu trữ, truy xuất, và truyền thông tin.
- Kinh nghiệm chuyên môn: số năm kinh nghiệm chuyên môn trong lĩnh vực liên quan (15-20 năm).
- Pháp lý: kiến thức về môi trường pháp lý của ngành liên quan của công ty và hiểu biết về yêu cầu pháp luật, quy định, ủy thác, và đạo đức ảnh hưởng đến thành viên HĐQT.
- Quản trị kinh doanh: quen thuộc với các kỹ thuật quản trị kinh doanh cập nhật và các vấn đề đạo đức liên quan.
- Môi trường kinh doanh: nhận thức về những ảnh hưởng lớn từ bên ngoài đối với công ty và môi trường thương mại nói chung, bao gồm các rủi ro và cơ hội về chính trị, kinh tế, môi trường, xã hội, và công nghệ.
- Kinh nghiệm trong ngành cụ thể: quen thuộc với xu hướng và diễn biến phát triển của ngành, để định hướng cho ban giám đốc trong thiết lập chiến lược.
- Kinh nghiệm quốc tế: kiến thức về hoạt động ở nước ngoài cũng có thể mang lại lợi ích lớn, như trong trường hợp mở văn phòng hoặc ra mắt sản phẩm ở nước ngoài.
- Đại diện giới, có tối thiểu hai thành viên nữ, cũng nên là ưu tiên trong thành phần HĐQT.

Ngoài ra, liên quan đến phẩm chất và năng lực của thành viên HĐQT, một số đặc điểm và kỹ năng cần có bao gồm:

- Tuân thủ và cam kết thực hiện các nguyên tắc, giá trị, và Quy tắc Ứng xử của tổ chức.
- Tầm nhìn chiến lược.
- Sẵn sàng bảo vệ quan điểm, dựa trên đánh giá của bản thân.
- Khả năng giao tiếp.
- Có thời gian.

- Có khả năng làm việc nhóm.
- Kiến thức về thông lệ tốt nhất cho quản trị công ty.
- Khả năng hiểu về quản trị, kế toán, và báo cáo tài chính hoặc phi tài chính.

HĐQT nên sử dụng ma trận kỹ năng để bảo đảm có thành phần chuyên môn cân bằng phù hợp với các mục tiêu chiến lược của công ty. Công cụ này hỗ trợ xác định thiếu hụt của các tập hợp kỹ năng, thúc đẩy sự đa dạng, và cải thiện hiệu quả của HĐQT. Bằng cách thường xuyên đánh giá các kỹ năng tập thể của HĐQT so với nhu cầu hiện tại và tương lai, HĐQT có thể đưa ra quyết định sáng suốt liên quan đến thành phần, tuyển dụng, và đào tạo. Một ví dụ về ma trận kỹ năng được cung cấp trong Hình 6.

Hình 6. Ví dụ về Ma trận Kỹ năng

Phẩm chất và Năng lực	TV HĐQT 1	TV HĐQT 2	TV HĐQT 3	TV HĐQT 4	TV HĐQT 5	TV HĐQT 6	TV HĐQT 7	TV HĐQT 8	TV HĐQT 9	TV HĐQT 10	TV HĐQT 11
Kế toán/Kiểm toán	●	●	●	●			●	●	●	●	●
Hoạt động Kinh doanh	●	●	●	●	●	●	●	●	●	●	●
Quản lý Vốn	●	●	●	●		●	●	●	●	●	●
Năng lực Lãnh đạo Quản trị Công ty		●	●	●	●	●	●	●	●	●	
Chuyên môn/Hiểu biết Tài chính	●	●	●	●	●	●	●	●	●	●	●
Độc lập	●	●	●	●	●	●	●	●		●	●
Kinh nghiệm Ngành		●	●	●	●	●	●		●	●	
Quốc tế		●					●		●	●	●
Thị trường Đầu tư		●			●		●			●	
Kinh nghiệm Gần đây Khác của HĐQT	●		●	●	●	●		●	●		
Kinh nghiệm điều hành công ty đại chúng	●	●	●	●	●		●		●	●	●
Quản lý Rủi ro/Quy định	●	●		●	●	●	●	●	●	●	●
Công nghệ			●		●						●
Thông tin Nhân khẩu*											
Nhiệm kỳ (Năm)	5	11	0	2	4	10	6	13	3	3	3
Tuổi (Năm)	59	71	59	61	62	61	56	68	49	61	57
Giới (Nam/Nữ)	M	M	F	M	F	M	M	F	M	M	M



Mặc dù có các quy định trên, vẫn có những yêu cầu áp dụng cho các công ty chịu sự điều chỉnh của quy định pháp luật cụ thể của ngành, như ngân hàng, công ty bảo hiểm, công ty chứng khoán. Trong trường hợp đó, các thành viên HĐQT có thể cần phải đáp ứng các yêu cầu nhất định về phẩm chất và năng lực.

Chẳng hạn, ngoài các yêu cầu được nêu trong Mục 6.3.1 - *Ai có thể trở thành thành viên HĐQT?*, thành viên HĐQT của một ngân hàng còn phải: (i) có bằng đại học trở lên, (ii) có ít nhất 3 năm là người quản lý của tổ chức tín dụng hoặc 5 năm là người quản lý của doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, hoặc doanh nghiệp khác có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng vốn pháp định đối với loại hình tổ chức tín dụng tương ứng, hoặc có 05 năm làm việc trực tiếp tại các bộ phận nghiệp vụ trong lĩnh vực ngân hàng, ngân hàng, kế toán, hoặc kiểm toán.⁴⁵ Một lần nữa, các công ty phải tuân thủ các quy định cụ thể của ngành cần kiểm tra các yêu cầu của ngành một cách thận trọng khi lựa chọn thành viên HĐQT.



THÔNG LỆ TỐT NHẤT

Điều lệ nên đặt ra các tiêu chí về phẩm chất và năng lực đối với thành viên HĐQT. Thành viên HĐQT phải có phẩm chất và năng lực sau:

- Khả năng liên hệ đến lợi ích của tất cả các bên có quyền lợi liên quan và ra quyết định hợp lý.
- Chuyên môn và đào tạo về nghiệp vụ để hoạt động hiệu quả.
- Kinh nghiệm kinh doanh quốc tế, kiến thức về các vấn đề và xu hướng quốc gia, kiến thức về thị trường, sản phẩm/dịch vụ, và đối thủ cạnh tranh.
- Khả năng chuyển đổi kiến thức và kinh nghiệm thành giải pháp.

Tuy nhiên, công ty có thể khó xác định liệu một thành viên HĐQT tiềm năng có những phẩm chất này hay không. Ngoài ra, mô tả ngắn gọn về những phẩm chất như vậy trong Điều lệ Công ty có thể dẫn đến khó hiểu và do đó ít được sử dụng. Thay vào đó, các công ty có thể muốn đưa các tiêu chí trên vào quy định nội bộ hoặc các văn bản nội bộ khác. Trên thực tế, nhiều công ty Hoa Kỳ sử dụng hướng dẫn quản trị công ty cho mục đích này.

⁴⁵ Khoản 1, Điều 50, Luật các Tổ chức Tín dụng (47/2010/QH12, 61/2010/QH12).

Cổ đông cần được thông báo về năng lực và phẩm chất của thành viên HĐQT. Danh sách các ứng cử viên cho HĐQT cần nêu rõ, tại thời điểm bầu cử, ứng cử viên đó đang hoặc sẽ là:

- TGD.
- Thành viên ban giám đốc.
- Cán bộ của công ty.
- Có khả năng đáp ứng năng lực và phẩm chất của một thành viên HĐQT độc lập.

Lý lịch của các ứng cử viên HĐQT cần được kiểm tra để xem có tiền án tiền sự và các sai phạm hành chính lớn trong quá khứ không, để tìm hiểu xem liệu các ứng cử viên đó có đáp ứng các yêu cầu quy định tại LDN, quy chế quản trị công ty, và Điều lệ Công ty không.

Trong suốt nhiệm kỳ, HĐQT phải luôn bao gồm các thành viên có kiến thức, năng lực, và kinh nghiệm chuyên môn cần thiết để định hướng thành công cho công ty. Cần tối thiểu một thành viên có kiến thức và kinh nghiệm về công tác tài chính kế toán trong công ty niêm yết.

6.4. Bầu và Miễn nhiệm

6.4.1. Bầu và Nhiệm kỳ của Thành viên HĐQT

Thành viên HĐQT được bầu tại cuộc họp thường niên hoặc bất thường của ĐHĐCĐ.⁴⁶ ĐHĐCĐ bầu ra các thành viên HĐQT⁴⁷ với nhiệm kỳ không quá 5 năm kể từ thời điểm được bầu.⁴⁸ Trường hợp tất cả thành viên HĐQT cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên HĐQT cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế.⁴⁹

Không có giới hạn về số lần thành viên HĐQT có thể được bầu lại. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên HĐQT độc lập của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.⁵⁰

⁴⁶ Khoản 1, Điều 137, LDN.

⁴⁷ Khoản 2, Điều 153, LDN.

⁴⁸ Khoản 1, Điều 153, LDN.

⁴⁹ Khoản 2, Điều 153, LDN.

⁵⁰ Khoản 2, Điều 153, LDN.

GIỚI THIỆU
VE QUẢN TRỊ
CÔNG TY

CƠ CẤU
QUẢN TRỊ
CÔNG TY

TÀI LIỆU NỘI BỘ
VE QUẢN TRỊ
CÔNG TY

GIỚI THIỆU VỀ
QUYỀN CỦA
CỔ ĐÔNG

ĐẠI HỘI
ĐÔNG CỔ ĐÔNG

HỘI ĐỒNG
QUẢN TRỊ

BAN GIÁM ĐỐC

THỦ KÝ CÔNG TY

MỘT TRƯỞNG
KIỂM SÁT

CÔNG BỐ
THÔNG TIN

GAO DI CHÚC VỚI
NGƯỜI CÒN LẠI
QUAN (GỎI)

CỐ TỨC

VỐN ĐIỀU LỆ



THÔNG LỆ TỐT NHẤT

Các công ty có thể duy trì khả năng tồn tại và thích ứng với những thách thức mới bằng cách thay đổi thành phần HĐQT. Thành viên HĐQT không điều hành có thể mất một số lợi thế (độc lập) nếu thành viên đó ở trong HĐQT quá lâu. Một công ty có thể muốn áp đặt các giới hạn về nhiệm kỳ, đối với toàn bộ HĐQT hoặc một tỷ lệ phần trăm nhất định, để giữ cho các thành viên HĐQT tập trung. Dù bằng cách nào, việc bổ nhiệm lại không nên diễn ra tự động mà phải là quyết định có chủ ý của (các) cổ đông và thành viên HĐQT liên quan.

Ví dụ, theo luật pháp của Pháp, nhiệm kỳ của thành viên HĐQT không được quá sáu năm trừ khi ĐHĐCĐ quyết định gia hạn nhiệm vụ này, và số thành viên HĐQT trên 70 tuổi không được vượt quá một phần ba tổng số thành viên HĐQT. Về khía cạnh này, Ủy ban Hellebuyck khuyến nghị nhiệm kỳ của thành viên HĐQT không được vượt quá bốn năm và số thành viên HĐQT trên 65 tuổi không được vượt quá một phần ba tổng số thành viên HĐQT.⁵¹ Bộ Nguyên tắc Quản trị Công ty của Pháp quy định thời hạn nhiệm kỳ của thành viên HĐQT, tùy theo quy định nội bộ, không được vượt quá bốn năm, để cổ đông có thể quyết định việc bổ nhiệm với tần suất phù hợp.⁵²

Bộ Nguyên tắc Quản trị Công ty của Singapore yêu cầu các công ty xem xét “nghiêm ngặt” sự độc lập của các thành viên HĐQT đã phục vụ trên 9 năm kể từ ngày được bổ nhiệm lần đầu. Nếu HĐQT chọn giữ lại các thành viên HĐQT có thâm niên (từ chín năm trở lên), bộ nguyên tắc yêu cầu các công ty giải thích và bảo vệ lý do tại sao thành viên HĐQT đó được coi là độc lập.

⁵¹ AFG ASFFI (Hiệp hội Francaise de la Gestion Financiere). Khuyến nghị của Ủy ban Hellebuyck về Quản trị Công ty, § II.D.4 (29/6/1998). Xem thêm: http://www.ecgi.org/codes/documents/afg_asfff_amended_2001.pdf.

⁵² Báo cáo của Ủy ban Quản trị Công ty (“Báo cáo Vienot II”), tháng 7/1999.

6.4.2. Đề cử Ứng cử viên HĐQT

Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ Công ty có quyền đề cử người vào HĐQT.⁵³ HĐQT, BKS hiện hữu, và các cổ đông khác có thể đề cử ứng cử viên HĐQT nếu không đủ số ứng cử viên do các cổ đông đủ điều kiện đề cử.⁵⁴

Danh sách ứng cử viên vào HĐQT của ngân hàng phải được Thống đốc NHNN phê duyệt.⁵⁵

6.4.3. Thông tin về các Ứng cử viên HĐQT

Sau khi ứng cử viên cho vị trí thành viên HĐQT được đề cử, công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên này tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp ĐHCĐ trên trang thông tin điện tử của công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên HĐQT phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của những thông tin này, bao gồm:⁵⁶

- Họ tên, ngày, tháng, năm sinh.
- Trình độ chuyên môn.
- Quá trình công tác.
- Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh HĐQT của công ty khác).
- Lợi ích có liên quan tới công ty và các bên có liên quan của công ty.
- Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ Công ty.
- Trong trường hợp công ty đại chúng, thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên HĐQT, các chức danh quản lý khác, và lợi ích có liên quan tới công ty (nếu có).

⁵³ Khoản 5, Điều 115, LDN.

⁵⁴ Khoản 5b, Điều 115, LDN.

⁵⁵ Điều 3 và 4, Thông tư 22/2018/TT-NHNN.

⁵⁶ Khoản 1, Điều 25, Thông tư 116/2020/TT-BTC.

GỚI THIỆU VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

CƠ CẤU QUẢN TRỊ CÔNG TY

TÀI LIỆU NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

GỚI THIỆU VỀ QUYỀN CỦA CỔ ĐÔNG

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

BAN GIÁM ĐỐC

THỦ KÝ CÔNG TY

MỘT TRƯỞNG KIỂM SÁT

CÔNG BỐ THÔNG TIN

GIAO DỊCH VỚI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN (GỎI)

CỐ TỨC

VỐN ĐIỀU LỆ



THÔNG LỆ TỐT NHẤT

Cổ đông cần nhận được đầy đủ thông tin để đánh giá năng lực thực hiện nhiệm vụ của các ứng cử viên HĐQT và, nếu có, để xác định sự độc lập của họ. Một số nội dung thông tin hữu ích bao gồm:

- Danh tính của ứng cử viên.
- Danh tính của cổ đông (hoặc nhóm cổ đông) đề cử ứng cử viên.
- Độ tuổi và trình độ học vấn của ứng cử viên.
- Trình độ chuyên môn và kinh nghiệm.
- Các vị trí mà ứng cử viên đã nắm giữ trong 5 năm qua.
- Các vị trí mà ứng cử viên nắm giữ tại thời điểm được đề cử.
- Báo cáo đánh giá về quá trình công tác trong quá khứ của ứng cử viên đối với (với) công ty với tư cách là thành viên HĐQT trong trường hợp ứng cử viên được bổ nhiệm lại.
- Bản chất của mối quan hệ giữa ứng cử viên và công ty.
- Các vị trí thành viên HĐQT hoặc chức vụ chính thức khác mà ứng cử viên nắm giữ.
- Các đề cử khác của ứng cử viên vào HĐQT hoặc chức vụ chính thức.
- Mối quan hệ của ứng cử viên với người có liên quan của công ty.
- Mối quan hệ của ứng cử viên với các đối tác kinh doanh lớn của công ty.
- Cổ phần nắm giữ trong công ty.
- Vị trí thành viên ủy ban.
- Thông tin liên quan đến tình trạng tài chính của ứng cử viên và các trường hợp khác có thể ảnh hưởng đến nhiệm vụ và sự độc lập của ứng cử viên với tư cách là thành viên HĐQT.
- Việc ứng cử viên từ chối trả lời yêu cầu cung cấp thông tin của công ty.

Thông tin về các ứng cử viên HĐQT cần được cung cấp cho cổ đông trước khi khai mạc ĐHĐCĐ (21 ngày trước ĐHĐCĐ). Thông tin này phải được cung cấp sẵn sàng tại trụ sở chính của công ty và địa điểm khác chỉ định trong thông báo ĐHĐCĐ. Việc đăng thông tin này trực tuyến, tốt nhất là trên trang thông tin điện tử của công ty, là phương pháp đơn giản và tiết kiệm chi phí để bảo đảm quyền tiếp cận của công chúng.

6.4.4. Bầu Thành viên HĐQT

Việc biểu quyết bầu thành viên HĐQT phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu.⁵⁷ Phương thức này được áp dụng cho tất cả các công ty cổ phần. Bầu dồn phiếu là cơ chế giúp cổ đông thiểu số tập hợp phiếu bầu để bầu ra người đại diện cho HĐQT.

Cách thức Bầu dồn phiếu

Bầu dồn phiếu hoạt động như sau:⁵⁸

- Mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với số cổ phần sở hữu nhân (x) với số thành viên được bầu của HĐQT.
- Cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.
- Người trúng cử thành viên HĐQT được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty.
- Trường hợp có từ hai ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của HĐQT thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Công ty.

Bầu Dồn phiếu và Thu thập Phiếu bầu

Bầu dồn phiếu làm tăng cơ hội để các cổ đông thiểu số bầu một đại diện vào HĐQT. Để có hiệu quả, cổ đông nhỏ lẻ phải tự tổ chức bầu chọn. Để thực hiện được điều này, họ phải:

- Có nguồn lực và kỹ năng vận động cho ứng cử viên của mình.
- Sử dụng danh sách cổ đông để liên hệ với các cổ đông khác.
- Có khả năng sử dụng việc bầu dồn phiếu một cách chiến lược.

⁵⁷ Khoản 3, Điều 148, LDN.

⁵⁸ Khoản 3, Điều 148, LDN.

- GỚI THIỆU VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
- CƠ CẤU QUẢN TRỊ CÔNG TY
- TÀI LIỆU MỜI BỎ VỆ QUẢN TRỊ CÔNG TY
- GỚI THIỆU VỀ QUYỀN CỦA CỔ ĐÔNG
- ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
- HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
- BAN GIÁM ĐỐC
- THỦ KÝ CÔNG TY
- MỐI TRƯỞNG KIỂM SOÁT
- CÔNG BỐ THÔNG TIN
- GAO DI CHÚC VỚI NGƯỜI CÒN LẠI QUẢN (GOLU)
- CỐ TỨC
- VỐN ĐIỀU LỆ



VÍ DỤ NHỎ 1

Ví dụ nhỏ dưới đây minh họa cách thức cổ đông, đặc biệt là cổ đông nhỏ lẻ, có thể tính toán số phiếu bầu tối thiểu cần có để bầu chọn một thành viên HĐQT. Cổ đông nhỏ lẻ có thể tổ chức hoạt động thu thập phiếu để bầu đại diện của họ và có tiếng nói đại diện trong HĐQT.

Trong ví dụ này, một công ty có 2.500 cổ đông nhỏ lẻ nắm giữ tổng cộng 3.000 (tức là 20%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết, và một cổ đông lớn nắm giữ 12.000 (tức là 80%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết. Điều lệ Công ty quy định rằng HĐQT có chín thành viên. 2.500 cổ đông nhỏ lẻ nắm giữ 27.000 phiếu bầu (3.000 cổ phần x 9 phiếu bầu) và cổ đông lớn có 108.000 phiếu bầu (12.000 cổ phần x 9 phiếu bầu). Chín ứng cử viên nhận được nhiều phiếu bầu nhất được chọn vào HĐQT.

Công thức sau có thể được sử dụng để tính số phiếu bầu tối thiểu để bầu chọn một thành viên HĐQT:

$$\frac{nS}{D+1} + 1 = \frac{9 \times 15.000}{9+1} + 1 = 13.501 \text{ cổ phần}$$

Trong đó D — số thành viên HĐQT cần được bầu chọn, S — tổng số cổ phần có quyền biểu quyết đang lưu hành, và n — tổng số thành viên HĐQT mà cổ đông lớn muốn bầu (n = 9 thành viên HĐQT trong ví dụ này).

Để có thể áp dụng công thức này, cổ đông phải biết tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của công ty (S), bao nhiêu thành viên HĐQT cần được bầu chọn (D), và họ muốn bầu bao nhiêu ứng cử viên vào HĐQT. Công thức chỉ ra rằng các cổ đông phải có 13.501 phiếu bầu để bảo đảm một thành viên HĐQT được bầu. Trong ví dụ này, cổ đông thiểu số nắm giữ 27.000 phiếu bầu, sẽ cho phép họ bầu ít nhất một thành viên HĐQT nếu bỏ phiếu tập thể.

Mối quan hệ giữa Số lượng Thành viên HĐQT và Hiệu quả của Bầu Dồn phiếu

Có quan hệ trực tiếp giữa hiệu quả của bầu dồn phiếu và số lượng thành viên HĐQT. Số lượng thành viên HĐQT được bầu càng nhiều thì cơ hội cho cổ đông thiểu số bầu đại diện vào HĐQT càng lớn. Kết luận này có thể được rút ra từ kết quả của ba ví dụ dưới đây:

- Nếu điều lệ quy định công ty phải bầu năm thành viên HĐQT, một cổ đông (hoặc nhóm cổ đông) sở hữu khoảng 16,7% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết có thể bầu chọn một thành viên HĐQT.⁵⁹
- Nếu công ty phải bầu ít nhất bảy thành viên HĐQT, một cổ đông (hoặc nhóm cổ đông) sở hữu khoảng 12,5% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết có thể bầu chọn một thành viên HĐQT.⁶⁰
- Trong một công ty có chín thành viên HĐQT, một cổ đông (hoặc một nhóm cổ đông) chỉ cần sở hữu 10% tổng cổ phần có quyền biểu quyết cũng có thể bầu chọn một vị trí trong HĐQT.⁶¹

6.4.5. Miễn nhiệm, Bãi nhiệm Thành viên HĐQT

ĐHĐCĐ miễn nhiệm thành viên HĐQT trong các trường hợp sau:⁶²

- Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định đối với thành viên HĐQT.
- Có đơn từ chức và được chấp thuận.
- Trường hợp khác quy định tại Điều lệ Công ty.

ĐHĐCĐ bãi nhiệm thành viên HĐQT trong các trường hợp sau:⁶³

- Không tham gia các hoạt động của HĐQT trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng.
- Trường hợp khác quy định tại Điều lệ Công ty.

Việc miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT do ĐHĐCĐ quyết định bằng biểu quyết và⁶⁴ được công bố theo quy định về công bố thông tin.⁶⁵

⁵⁹ Sử dụng các con số trong ví dụ nhỏ, $((1 \times 15.000) / (5 + 1)) + 1 = 2.501$ cổ phần. $(2.501 / 15.000) \times 100\% = 16,7\%$.

⁶⁰ Theo công thức: $((1 \times 15.000) / (7 + 1)) + 1 = 1.876$ cổ phần. $(1.876 / 15.000) \times 100\% = 12,5\%$.

⁶¹ Theo công thức: $((1 \times 15.000) / (9 + 1)) + 1 = 1.501$ cổ phần. $(1.501 / 15.000) \times 100\% = 10\%$.

⁶² Khoản 1, Điều 160, LDN.

⁶³ Khoản 2, Điều 160, LDN.

⁶⁴ Khoản 4, Điều 8, Thông tư 116/2020/TT-BTC, Quy chế mẫu về hoạt động của HĐQT.

GIỚI THIỆU VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

CƠ CẤU QUẢN TRỊ CÔNG TY

TÀI LIỆU NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

GIỚI THIỆU VỀ QUYỀN CẠM CỔ ĐÔNG

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

BAN GIÁM ĐỐC

THỦ KÝ CÔNG TY

MỘT TRƯỞNG KIỂM SOÁT

CÔNG BỐ THÔNG TIN

GAO DI CHỨC VỚI NGƯỜI CỎ LIÊN QUAN (GOLU)

CỐ TỨC

VỐN ĐIỀU LỆ

6.5. Quy mô và Thành phần

6.5.1. Số lượng Thành viên HĐQT

Trừ khi Điều lệ Công ty có quy định khác, số thành viên HĐQT sẽ giới hạn theo số lượng quy định trong LDN. HĐQT phải có tối thiểu 03 và tối đa 11 thành viên HĐQT.⁶⁶ Ngoài ra, Điều lệ Công ty phải quy định số lượng thành viên HĐQT phải cư trú tại Việt Nam.

Khi xác định quy mô của HĐQT, ngoài yêu cầu pháp luật, công ty cần dựa trên nhu cầu cụ thể của công ty và lợi ích của cổ đông. Số lượng thành viên HĐQT được chọn sẽ cho phép HĐQT:

- Tổ chức thảo luận hiệu quả và mang tính xây dựng.
- Ra quyết định nhanh chóng và hợp lý.
- Tổ chức hiệu quả công việc của các ủy ban.

Việc có quá ít hoặc quá nhiều thành viên HĐQT có thể gây ra vấn đề đối với việc ra quyết định hiệu quả. Một HĐQT nhỏ có thể không cho phép công ty được hưởng lợi từ kết hợp phù hợp giữa các kỹ năng và bề dày kinh nghiệm. Một HĐQT lớn thường khó quản lý hơn và có thể khó hoặc mất nhiều thời gian để đạt được đồng thuận. Thách thức trong việc lựa chọn quy mô HĐQT phù hợp là đạt được cân bằng hiệu quả giữa những vấn đề này.



THÔNG LỆ TỐT NHẤT

Số lượng thành viên HĐQT có thể khác nhau tùy theo ngành, quy mô, mức độ phức tạp của công ty, cũng như giai đoạn vòng đời của công ty, và những ủy ban trực thuộc nào cần phải thành lập. Nên có số lượng lẻ từ 5 đến 11 thành viên HĐQT.⁶⁷ HĐQT nên đặt mục tiêu có tối thiểu 2 thành viên HĐQT nữ hoặc 30% thành viên HĐQT nữ để tối ưu hóa lợi ích của đa dạng giới trong HĐQT.

⁶⁵ Khoản 2, Điều 10, Thông tư 116/2020/TT-BTC, Quy chế mẫu về hoạt động của HĐQT.

⁶⁶ Khoản 1, Điều 154, LDN.

⁶⁷ Bộ Nguyên tắc Quản trị Công ty theo Thông lệ Tốt nhất của Việt Nam, Nguyên tắc 2.1.7.

6.5.2. Các Loại Thành viên HĐQT

Thông lệ quốc tế phân biệt các loại thành viên HĐQT tùy theo mức độ tham gia hoặc có liên quan của các thành viên HĐQT vào công việc của công ty - thành viên điều hành, thành viên không điều hành, và thành viên độc lập.

Thành viên HĐQT điều hành

Mặc dù thuật ngữ “thành viên HĐQT điều hành” không được định nghĩa cụ thể theo LDN⁶⁸ và Điều lệ Mẫu, thuật ngữ này thường được hiểu là bao gồm các thành viên HĐQT đồng thời nắm giữ vị trí điều hành trong công ty, cụ thể là:

- TGD, Phó TGD, hoặc bất kỳ cán bộ điều hành cấp cao nào khác.

Nói cách khác, các thành viên ban giám đốc kiêm nhiệm vị trí thành viên HĐQT được coi là thành viên HĐQT điều hành. Trong Bộ Nguyên tắc về Quản trị Công ty theo Thông lệ Tốt nhất của Việt Nam, TGD được định nghĩa là thành viên HĐQT chịu trách nhiệm điều hành đối với các hoạt động hàng ngày của một phần hoặc toàn bộ tổ chức.

Ngoài ra, theo khuyến nghị thì CEO không nên đồng thời giữ chức Chủ tịch HĐQT (được gọi là “TGD kép” theo thông lệ quốc tế). Điều lệ Mẫu áp dụng cho các công ty đại chúng cấm Chủ tịch kiêm TGD.⁶⁹

Các lập luận ủng hộ việc tách biệt bao gồm:

- Vai trò của Chủ tịch HĐQT và TGD về cơ bản là khác nhau. Trong khi TGD điều hành hoạt động kinh doanh, Chủ tịch HĐQT điều hành HĐQT.
- Nếu vị trí của Chủ tịch HĐQT và TGD được kết hợp, giám sát của HĐQT đối với người điều hành – và đặc biệt việc Chủ tịch HĐQT giám sát TGD – sẽ trở nên khó khăn do xung đột tiềm ẩn. Vì vậy, việc tách biệt hai vị trí này là điều kiện tiên quyết để đảm bảo tính độc lập của HĐQT.
- Chủ tịch HĐQT không điều hành/độc lập có thể sẽ tích cực hơn trong việc định hướng HĐQT thực hiện các chức năng chính, đặc biệt là giám sát chiến lược.

⁶⁸ Mặc dù Điều 155 Luật Doanh nghiệp 2020 có yêu cầu về “thành viên HĐQT độc lập,” thuật ngữ “thành viên HĐQT điều hành” không được đề cập cụ thể.

⁶⁹ Điều 29, Thông tư số 116/2020/TT-BTC, Điều lệ Mẫu.

GỚI THIỆU VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

CƠ CẤU QUẢN TRỊ CÔNG TY

TÀI LIỆU MỜI BỎ VẾ QUẢN TRỊ CÔNG TY

GỚI THIỆU VỀ QUẢN TRỊ CƠ ĐỒNG

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

BAN GIÁM ĐỐC

THỦ KÝ CÔNG TY

MỐI TRƯỜNG KIỂM SÁT

CÔNG BỐ THÔNG TIN

GAO DI CHÚC VỚI NGƯỜI CÒN LẠI QUAN (GOLLO)

CỐ TỨC

VỐN ĐẦU TƯ

- Chủ tịch HĐQT không điều hành/độc lập là người lý tưởng để đối phó với trọng tâm ngắn hạn (tiềm tàng) của TGD bằng tầm nhìn dài hạn, độc lập.
- Việc kết hợp hai vai trò này có thể dẫn đến khó khăn trong quy hoạch kế nhiệm. Nếu Chủ tịch HĐQT-TGD từ chức, bị miễn nhiệm hoặc mất năng lực, HĐQT phải giải quyết hai vị trí quan trọng bị trống.

Theo Bộ Nguyên tắc Quản trị Công ty theo Thông lệ Tốt nhất của Việt Nam,⁷⁰ cần phân tách vị trí Chủ tịch HĐQT và TGD để bảo đảm cân bằng quyền lực phù hợp, tăng cường trách nhiệm giải trình, và nâng cao năng lực của HĐQT trong việc ra quyết định độc lập. Chủ tịch HĐQT cũng nên là thành viên HĐQT độc lập. Trường hợp Chủ tịch HĐQT không độc lập và khi vai trò của Chủ tịch HĐQT và TGD được kết hợp, cần áp dụng các cơ chế phù hợp để bảo đảm quan điểm và cách nhìn độc lập. Quan trọng hơn, việc này sẽ tránh được việc lạm dụng thẩm quyền và quyền hạn, và những xung đột lợi ích tiềm ẩn. Một cơ chế đề xuất là bổ nhiệm một “thành viên HĐQT đứng đầu” có vai trò mạnh mẽ trong số các thành viên HĐQT độc lập và HĐQT cũng nên bao gồm đa số thành viên HĐQT độc lập nếu Chủ tịch không độc lập.

Thành viên HĐQT không điều hành

Theo Bộ Nguyên tắc Quản trị Công ty theo Thông lệ Tốt nhất của Việt Nam⁷¹, thành viên HĐQT không điều hành là thành viên HĐQT không có trách nhiệm điều hành và không thực hiện bất kỳ công việc nào liên quan đến hoạt động của công ty, nhưng có liên quan đến công ty theo cách nhất định. Thành viên HĐQT không điều hành hiệu quả nên có các đặc điểm cá nhân sau đây:

- Chính trực và có tiêu chuẩn đạo đức cao.
- Có khả năng nhận định hợp lý.
- Có khả năng và sẵn sàng thách thức và tìm hiểu.
- Có kỹ năng giao tiếp mạnh mẽ.

⁷⁰ Bộ Nguyên tắc Quản trị Công ty theo Thông lệ Tốt nhất của Việt Nam, Nguyên tắc 3.5.

⁷¹ Bộ Nguyên tắc Quản trị Công ty theo Thông lệ Tốt nhất của Việt Nam, Trang 18.

Theo Điều lệ Mẫu, tối thiểu một phần ba tổng số thành viên HĐQT của Công ty là thành viên không điều hành, thấp hơn mức khuyến nghị tại Bộ Nguyên tắc Quản trị Công ty theo Thông lệ Tốt nhất của Việt Nam (xem Thông lệ Tốt nhất dưới đây). Nếu Công ty chưa niêm yết, thì tối thiểu một phần năm tổng số thành viên HĐQT phải là thành viên độc lập. Trường hợp số thành viên HĐQT của công ty đại chúng chưa niêm yết hoạt động theo mô hình nêu trên có ít hơn 05 người, Công ty phải bảo đảm có 01 thành viên HĐQT là thành viên độc lập.⁷²

Đối với công ty niêm yết, tổng số thành viên độc lập HĐQT phải bảo đảm quy định sau:⁷³

- Có tối thiểu 01 thành viên độc lập nếu HĐQT có từ 03 – 05 thành viên
- Có tối thiểu 02 thành viên độc lập nếu HĐQT có từ 06 – 08 thành viên
- Có tối thiểu 03 thành viên độc lập nếu HĐQT có từ 09 – 11 thành viên



THÔNG LỆ TỐT NHẤT

Theo Bộ Nguyên tắc Quản trị Công ty theo Thông lệ Tốt nhất của Việt Nam, HĐQT phải bao gồm ít nhất hai phần ba số thành viên HĐQT không điều hành có trình độ chuyên môn cần thiết để tham gia hiệu quả và giúp bảo đảm các phán quyết khách quan, độc lập về các vấn đề của công ty và chứng minh các hoạt động kiểm soát phù hợp.

Phần lớn các bộ quy tắc quản trị công ty quốc tế và quốc gia khuyến nghị về việc HĐQT cần bao gồm đa số thành viên không điều hành, là những người góp phần mang lại:

- Góc nhìn từ bên ngoài và công bằng hơn trong nhận định.
- Kinh nghiệm và kiến thức bổ sung từ bên ngoài.
- Có các liên hệ hữu ích.

⁷² Điều 29, Thông tư 116/2020/TT-BTC, Điều lệ Mẫu.

⁷³ Khoản 3, Điều 26, Thông tư 116/2020/TT-BTC, Điều lệ Mẫu.

- GỚI THIỆU VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
- CƠ CẤU QUẢN TRỊ CÔNG TY
- THÌ LIỆU NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
- GỚI THIỆU VỀ QUYỀN CỦA CỔ ĐÔNG
- ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
- HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
- BAN GIÁM ĐỐC
- THỦ KÝ CÔNG TY
- MỘT TRƯỞNG KIỂM SOÁT
- CÔNG BỐ THÔNG TIN
- GAO DỊCH VỚI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN (GOLU)
- CỐ TỨC
- VỐN ĐIỀU LỆ

Ở hầu hết các quốc gia Liên minh Châu Âu, thành viên HĐQT không điều hành thường thực hiện giám sát các bộ phận hoạch định tài chính và chiến lược của công ty. Ngoài trách nhiệm này, có ba lĩnh vực cần có sự giám sát không vụ lợi của các thành viên HĐQT không điều hành:⁷⁴

- Đề cử thành viên HĐQT.
- Thù lao của người quản lý cấp cao và thành viên HĐQT.
- Kiểm toán nội bộ và độc lập.

Ở Vương quốc Anh, báo cáo Higgs nhóm vai trò của thành viên HĐQT không điều hành thành bốn vấn đề:⁷⁵

- Chiến lược: Các thành viên HĐQT không điều hành cần chất vấn theo cách xây dựng và đóng góp trong việc xây dựng chiến lược của công ty.
- Kết quả hoạt động: Các thành viên HĐQT không điều hành cần giám sát chặt chẽ kết quả hoạt động của ban giám đốc trong việc đạt được các mục đích và mục tiêu đã thống nhất và giám sát việc báo cáo kết quả hoạt động.
- Rủi ro: Các thành viên HĐQT không điều hành phải bảo đảm rằng thông tin tài chính là chính xác, và các biện pháp kiểm soát tài chính cũng như hệ thống quản lý rủi ro thực sự vững chắc và có khả năng bảo vệ công ty.
- Con người: Thành viên HĐQT không điều hành chịu trách nhiệm xác định mức thù lao phù hợp cho thành viên HĐQT điều hành và có vai trò chính trong lập quy hoạch kế nhiệm cũng như bổ nhiệm và miễn nhiệm người quản lý cấp cao.

Điều lệ Mẫu đề cập đến các thành viên độc lập và không điều hành để hạn chế số lượng thành viên HĐQT điều hành trong HĐQT. Bảng 1 tóm tắt các quy định pháp lý liên quan và khuyến nghị về chức năng của thành viên HĐQT điều hành và không điều hành.

⁷⁴ Báo cáo của Nhóm Chuyên gia Cao cấp về Luật Doanh nghiệp liên quan đến Khung Pháp lý Hiện đại cho Luật Doanh nghiệp Châu Âu, tháng 11/2002, trang 60. Xem thêm: http://ec.europa.eu/internal_market/company/docs/modern/report_en.pdf.

⁷⁵ Derek Higgs, Đánh giá về Vai trò và Hiệu quả của Thành viên HĐQT Không Điều hành, tháng 1/2003. Xem thêm: <http://www.ecgi.org/codes/documents/higgsreport.pdf>

Bảng 1. Hạn chế đối với Thành viên HĐQT Điều hành và Thành viên HĐQT Không Điều hành

Câu hỏi	Trả lời Dựa trên Pháp luật Hiện hành	Trả lời Dựa trên Thông lệ Tốt nhất
Thành viên HĐQT có thể là thành viên ban giám đốc không?	Có, nhưng thành viên ban giám đốc chỉ được chiếm từ 2/3 tổng số vị trí trong HĐQT trở xuống (tối thiểu 1/3 số thành viên HĐQT không điều hành).	HĐQT phải bao gồm ít nhất 2/3 số thành viên HĐQT không điều hành.
Thành viên HĐQT có thể là TGD không?	Có, trừ trường hợp Điều lệ Công ty không cho phép.	Có, TGD là tham gia HĐQT sẽ được tính là thành viên HĐQT điều hành.
Chủ tịch HĐQT có thể là TGD không?	(a) Có, đối với công ty cổ phần chưa niêm yết, trừ trường hợp Điều lệ Công ty không cho phép. (b) Không, đối với công ty niêm yết ⁷⁶ .	Không khuyến nghị. Chủ tịch HĐQT nên là thành viên HĐQT độc lập. HĐQT nên chỉ định một thành viên HĐQT đứng đầu trong số các thành viên HĐQT độc lập nếu Chủ tịch HĐQT không độc lập, kể cả trường hợp vị trí Chủ tịch HĐQT và Tổng Giám đốc do một người nắm giữ.
Chủ tịch HĐQT có thể là thành viên ban giám đốc ngoài vị trí TGD không?	Có, trừ trường hợp Điều lệ Công ty không cho phép.	

Thành viên HĐQT độc lập

Thông lệ quốc tế phân biệt thành viên HĐQT độc lập và thành viên HĐQT không độc lập. Bộ Nguyên tắc Quản trị Công ty theo Thông lệ Tốt nhất của Việt Nam quy định rằng thành viên HĐQT độc lập là thành viên không có mối quan hệ nào với công ty, các công ty liên quan của công ty, cổ đông lớn của công ty (nắm giữ từ 1% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên) hoặc cán bộ của công ty có khả năng can thiệp, hoặc được cho là đã can thiệp, vào việc thực hiện phán quyết kinh doanh độc lập của thành viên HĐQT vì lợi ích tốt nhất của công ty. Để thúc đẩy nhận định độc lập của tất cả các thành viên HĐQT, và sự liêm chính của hệ thống quản trị, HĐQT nên có tối thiểu một phần ba số thành viên độc lập.

Theo quy định của pháp luật, thành viên HĐQT độc lập phải đáp ứng các tiêu chí và điều kiện sau:⁷⁷

⁷⁶ Khoản 2, Điều 156, LDN.

⁷⁷ Khoản 2, Điều 155, LDN.

GIỚI THIỆU VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
CƠ CẤU QUẢN TRỊ CÔNG TY
TÀI LIỆU NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
GIỚI THIỆU VỀ QUẢN TRỊ CÔNG ĐÔNG
ĐẠI HỘI ĐÔNG CỔ ĐÔNG
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
BAN GIÁM ĐỐC
THỦ KÝ CÔNG TY
MỘT TRƯỞNG KIỂM SÁT
CÔNG BỐ THÔNG TIN
GIAO DỊCH VỚI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN (GOLU)
CỐ TỨC
VỐN ĐIỀU LỆ

- Không phải là người đang làm việc cho công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của công ty. Không phải là người đã từng làm việc cho công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó.
- Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên HĐQT được hưởng theo quy định.
- Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của công ty, là người quản lý của công ty hoặc công ty con của công ty.
- Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của công ty.
- Không phải là người đã từng làm thành viên HĐQT, BKS của công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ.

Sự hiện diện của các thành viên HĐQT độc lập trong HĐQT bảo đảm việc thực hiện nhận định độc lập về các vấn đề của công ty và giám sát thích hợp hoạt động quản lý, bao gồm ngăn ngừa xung đột lợi ích và cân bằng các yêu cầu cạnh tranh của công ty.



THÔNG LỆ TỐT NHẤT

Các thành viên HĐQT độc lập có thể đóng góp đáng kể đối với các quyết định quan trọng của công ty, đặc biệt trong đánh giá kết quả điều hành, thiết lập thù lao cho thành viên HĐQT và cán bộ điều hành, rà soát báo cáo tài chính, và giải quyết xung đột của công ty. Các thành viên HĐQT độc lập giúp nhà đầu tư tin tưởng hơn rằng các cuộc thảo luận của HĐQT sẽ không có những thiên vị rõ ràng. Các công ty cần công bố thông tin về thành viên HĐQT độc lập trong báo cáo thường niên.

IFC định nghĩa “Thành viên HĐQT độc lập” là thành viên HĐQT:

1. Không được công ty hoặc Người có liên quan của công ty tuyển dụng trong 5 năm qua.
2. Không liên kết với một công ty là cổ vấn hoặc tư vấn cho công ty hoặc người có liên quan của công ty.
3. Không liên kết với một khách hàng hoặc nhà cung cấp quan trọng của công ty hoặc người có liên quan của công ty.

4. Không có hợp đồng dịch vụ cá nhân với công ty, người có liên quan, hoặc người quản lý cấp cao của công ty.
5. Không liên kết với một tổ chức phi lợi nhuận có tài trợ đáng kể của công ty hoặc người có liên quan của công ty.
6. Không được tuyển dụng với tư cách là người điều hành của một công ty khác, nơi bất kỳ thành viên HĐQT điều hành nào của công ty phục vụ trong HĐQT của công ty đó.
7. Không phải là thành viên gia đình trực hệ của một cá nhân đang, hoặc đã từng làm việc cho công ty hoặc người có liên quan của công ty với tư cách là người điều hành trong 5 năm qua.
8. Hiện tại, cũng như trong 5 năm qua, không có liên kết với hoặc được tuyển dụng bởi công ty kiểm toán hiện tại hoặc trước đây của công ty hoặc của một người có liên quan.

Nếu một thành viên HĐQT không còn là thành viên độc lập, thành viên HĐQT đó phải thông báo ngay cho HĐQT và giải thích lý do tại sao các tiêu chí về độc lập không còn đáp ứng. HĐQT nên:

- Thông báo cho cổ đông về việc thành viên HĐQT không còn độc lập.
- Công bố thông tin về thành viên HĐQT độc lập trong báo cáo thường niên của công ty, giúp cổ đông có cơ hội xác minh mọi thay đổi về tư cách thành viên HĐQT độc lập.

Trong mọi trường hợp, thành viên độc lập phải nỗ lực tránh những hành động có thể gây ảnh hưởng đến vị thế độc lập của họ.

Các bộ quy tắc quản trị công ty quốc tế và quốc gia khác có định nghĩa tương tự về thành viên HĐQT độc lập. Ví dụ ở Vương quốc Anh, thành viên HĐQT không điều hành được coi là độc lập khi HĐQT xác định rằng thành viên đó độc lập về nhân thân và nhận định, và không có mối quan hệ hoặc hoàn cảnh nào có thể ảnh hưởng đến, hoặc dường như ảnh hưởng đến nhận định của thành viên đó. Những mối quan hệ và hoàn cảnh như vậy sẽ bao gồm những mối quan hệ và hoàn cảnh mà thành viên HĐQT:⁷⁸

- Đang hoặc từng là người lao động của công ty hoặc tập đoàn trong 5 năm qua.
- Trong vòng ba năm qua, có, hoặc đã có, quan hệ kinh doanh trọng yếu với công ty theo cách trực tiếp hoặc với tư cách là đối tác, cổ đông, thành viên HĐQT, hoặc nhân sự cấp cao của một cơ quan có quan hệ như vậy với công ty.

GỚI THIỆU VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

CƠ CẤU QUẢN TRỊ CÔNG TY

TÀI LIỆU MỐI BÓNG QUẢN TRỊ CÔNG TY

GỚI THIỆU VỀ QUYỀN CỦA CỔ ĐÔNG

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

BAN GIÁM ĐỐC

THỦ KÝ CÔNG TY

MỐI TRƯỜNG KIỂM SÁT

CÔNG BỐ THÔNG TIN

GAO DỊCH VỚI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN (GỎU)

CỐ TỨC

VỐN ĐỂU LỆ

⁷⁸ Bộ luật Tổng hợp về Quản trị Công ty, Hội đồng Báo cáo Tài chính, tháng 1/2024. https://media.frc.org.uk/documents/UK_Corporate_Governance_Code_2024_kRCm5ss.pdf

- Nhận hoặc đã nhận thù lao bổ sung từ công ty ngoài phí cho thành viên HĐQT, tham gia quyền chọn mua cổ phần của công ty hoặc chế độ trả lương liên quan đến kết quả công việc, hoặc tham gia chương trình hưu trí của công ty.
- Có quan hệ gia đình thân thiết với bất kỳ cố vấn, thành viên HĐQT, hoặc nhân sự cấp cao nào của công ty.
- Giữ chức vụ thành viên HĐQT chéo hoặc có liên kết quan trọng với các thành viên HĐQT khác thông qua việc tham gia vào các công ty hoặc cơ quan khác.
- Đại diện cho một cổ đông lớn.
- Đã phục vụ trong HĐQT trên 10 năm.

Số lượng lớn các định nghĩa với các tiêu chuẩn chi tiết có thể gây bối rối. Trên thực tế, việc hiểu và định nghĩa sự độc lập không cần phức tạp. Hội đồng các Nhà đầu tư Tổ chức (CII), một nhóm bao gồm một số nhà đầu tư tổ chức lớn nhất trên thế giới, định nghĩa đơn giản về thành viên HĐQT độc lập như sau: “Nói một cách đơn giản nhất, thành viên HĐQT độc lập là người mà chức vụ thành viên HĐQT tạo nên mối liên hệ duy nhất của thành viên đó với công ty.” Điều này đi thẳng vào trọng tâm của vấn đề. Đối với những người quan tâm đến việc học cách áp dụng định nghĩa đơn giản này trên thực tế, CII cũng liệt kê các trường hợp cụ thể ảnh hưởng đến tính độc lập.⁷⁹

Cuối cùng, cần lưu ý rằng sự độc lập của thành viên HĐQT không phải là thuốc chữa bách bệnh. Sở Giao dịch Chứng khoán New York là một ví dụ điển hình. Năm 2003, sở giao dịch vướng vào một vụ bê bối về khoản thù lao quá cao cho Tổng Giám đốc, bất kể việc mức thù lao đã được phê duyệt bởi một ủy ban do các thành viên HĐQT độc lập chủ trì.

6.6. Các Ủy ban trực thuộc HĐQT

Khi môi trường kinh doanh tiếp tục trở nên phức tạp hơn, yêu cầu đối với HĐQT và trách nhiệm của HĐQT và các thành viên cũng ngày càng lớn. Để vượt qua những thách thức này, HĐQT có thể lựa chọn thành lập các ủy ban chuyên trách trực thuộc HĐQT để hỗ trợ HĐQT thực hiện các chức năng của mình và tránh mọi xung đột lợi ích. Cụ thể hơn, các ủy ban:

⁷⁹ Để biết thêm thông tin về CII (bằng tiếng Anh), xem: https://www.cii.org/corp_gov_policies#indep_director

- Hỗ trợ HĐQT xử lý nhiều vấn đề phức tạp hơn một cách hiệu quả hơn, bằng cách cho phép các chuyên gia tập trung vào các vấn đề cụ thể và cung cấp phân tích và khuyến nghị chi tiết cho HĐQT.
- Cho phép HĐQT phát triển chuyên môn theo chủ đề cụ thể đối với hoạt động của công ty, đặc biệt là về báo cáo tài chính, rủi ro và kiểm soát nội bộ.
- Nâng cao tính khách quan và độc lập trong nhận định của HĐQT, bảo vệ HĐQT khỏi những ảnh hưởng tiềm ẩn không hợp lý của người quản lý và cổ đông kiểm soát.

Vấn đề rất quan trọng là các ủy ban phải được hiểu là một phần trong HĐQT. Chính HĐQT thành lập các ủy ban, thiết lập quy chế hoạt động của các ủy ban thông qua các quy định nội bộ của ủy ban, bổ nhiệm thành viên, và thực hiện khuyến nghị của các ủy ban.⁸⁰

HĐQT phải ban hành quy chế chi tiết về việc thành lập, và nhiệm vụ, trách nhiệm của từng ủy ban và thành viên của ủy ban.⁸¹

Các Loại Ủy ban

Một công ty có thể thành lập một số loại ủy ban, như thảo luận chi tiết hơn trong Bảng 2. Không bắt buộc thành lập các ủy ban, trừ Ủy ban Kiểm toán đối với công ty đại chúng không có Ban Kiểm soát.⁸² Bộ Nguyên tắc Quản trị Công ty của G20/OECD và Bộ Nguyên tắc Quản trị Công ty theo Thông lệ Tốt nhất của Việt Nam khuyến nghị HĐQT thành lập các ủy ban để hỗ trợ HĐQT trong hoạt động. Các loại ủy ban theo khuyến nghị bao gồm Ủy ban Kiểm toán, Ủy ban Quản lý Rủi ro, Ủy ban Quản trị Công ty, Bổ nhiệm và Lương thưởng.⁸³

Cần lưu ý rằng số lượng lớn các ủy ban có thể khó quản lý và có thể dẫn đến phân tán của HĐQT. Nên thành lập các ủy ban khi có nhu cầu, bắt đầu với những ủy ban quan trọng nhất, sau đó thành lập những ủy ban khác khi có kinh nghiệm. HĐQT có thể thành lập các ủy ban thường trực hoặc bất thường thuộc HĐQT. Ủy ban quan trọng nhất từ góc độ cổ đông là Ủy ban Kiểm toán.

⁸⁰ Khoản 1, Điều 31, Thông tư 116/2020/TT-BTC, Điều lệ Mẫu.

⁸¹ Khoản 6, Điều 3, Thông tư 116/2020/TT-BTC, Điều lệ Mẫu.

⁸² Khoản 1, Điều 137, LDN; và Điều 7, Thông tư 116/2020/TT-BTC.

⁸³ Bộ Nguyên tắc Quản trị Công ty theo Thông lệ Tốt nhất của Việt Nam, Nguyên tắc 4.

Bảng 2. Các loại Ủy ban Khác nhau

	Trách nhiệm Chính	Khuyến nghị về Thành phần của Ủy ban
Ủy ban Kiểm toán⁸⁴	<p>Giám sát sự liêm chính của báo cáo tài chính của công ty và công bố thông tin chính thức liên quan đến kết quả tài chính của công ty.</p> <p>Rà soát hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro của công ty.</p> <p>Xem xét giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền của HĐQT hoặc ĐHĐCĐ và kiến nghị các giao dịch cần được HĐQT hoặc ĐHĐCĐ thông qua.</p> <p>Giám sát bộ phận kiểm toán nội bộ của công ty.</p> <p>Đề xuất việc bổ nhiệm, thù lao và các điều khoản thuê kiểm toán độc lập để HĐQT xem xét và phê duyệt trước khi trình ĐHĐCĐ thông qua lần cuối.</p> <p>Theo dõi và đánh giá sự độc lập, khách quan của kiểm toán độc lập và hiệu quả của quy trình kiểm toán, chủ yếu khi công ty sử dụng dịch vụ phi kiểm toán của kiểm toán độc lập.</p> <p>Giám sát để bảo đảm công ty tuân thủ tất cả các yêu cầu pháp luật và quy định cũng như quy định nội bộ khác của công ty.</p>	<p>Theo LDN, Ủy ban Kiểm toán bao gồm từ hai thành viên trở lên.⁸⁵ Theo khuyến nghị tại Bộ Nguyên tắc Quản trị Công ty theo Thông lệ Tốt nhất của Việt Nam, HĐQT nên thành lập một Ủy ban Kiểm toán, bao gồm tối thiểu ba thành viên, tất cả đều là thành viên HĐQT không điều hành và đa số là thành viên độc lập, bao gồm chủ tịch ủy ban.</p> <p>Ủy ban cần có kiến thức chung về kiểm toán nội bộ, Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế (IFRS) và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (VAS), kế toán, tuân thủ, báo cáo tài chính, và kiểm soát. Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán phải có chuyên môn tài chính và là thành viên HĐQT độc lập.⁸⁶</p> <p>Vai trò và trách nhiệm của Ủy ban Kiểm toán phải được quy định trong quy chế hoạt động riêng, do HĐQT phê chuẩn và được công bố trên website của công ty. Thẩm quyền, cơ cấu, và quy trình hoạt động của Ủy ban Kiểm toán cần được quy định cụ thể trong quy chế hoạt động của Ủy ban Kiểm toán, là chuẩn mực thực tiễn để dựa vào đó có thể đánh giá được kết quả công việc của Ủy ban Kiểm toán.⁸⁷</p>
Ủy ban quản lý rủi ro⁸⁸	<p>Phê duyệt và giám sát các quy trình và chính sách của công ty trong nhận dạng và quản lý rủi ro tài chính và phi tài chính.</p> <p>Giám sát và theo dõi kết quả hoạt động của ban giám đốc trong thực hiện chính sách quản lý rủi ro của công ty.</p> <p>Rà soát và kiến nghị HĐQT phê duyệt khẩu vị rủi ro và chiến lược quản lý rủi ro.</p> <p>Đề xuất với HĐQT các hạn mức rủi ro và thẩm quyền chấp nhận rủi ro giao cho TGD và ban giám đốc.</p> <p>Xem xét các khía cạnh rủi ro của chiến lược và đề xuất của ban giám đốc.</p> <p>Giám sát hiệu quả của bộ phận quản lý rủi ro và bảo đảm bộ phận này có đủ nguồn lực và hệ thống để đáp ứng mức năng lực mong muốn và vượt yêu cầu tuân thủ tối thiểu.</p> <p>Thiết lập các chương trình giáo dục thường xuyên để cải thiện kiến thức thành viên HĐQT về quản lý rủi ro.</p>	<p>HĐQT nên thành lập Ủy ban Quản lý Rủi ro bao gồm tối thiểu ba thành viên không điều hành, trong số đa số, bao gồm cả chủ tịch ủy ban, phải độc lập. HĐQT nên thông qua điều lệ ủy ban quản lý rủi ro, điều lệ này sẽ được công bố rộng rãi trên website của công ty. Thẩm quyền, thành phần và quy trình làm việc quy định trong điều lệ của ủy ban quản lý rủi ro cần được xây dựng thành chuẩn mực thực tiễn để dựa vào đó có thể đánh giá được kết quả công việc của ủy ban quản lý rủi ro.</p> <p>Tùy thuộc quy định của pháp luật về quy mô công ty, bản chất của môi trường kinh doanh và các yếu tố khác, nếu không có nhu cầu cấp bách phải thành lập Ủy ban Quản lý Rủi ro riêng, Ủy ban Kiểm toán có thể kết hợp trách nhiệm giám sát kiểm toán và quản lý rủi ro.</p>

	Trách nhiệm Chính	Khuyến nghị về Thành phần của Ủy ban
Ủy ban Quản trị Công ty, Bổ nhiệm, và Lương thưởng (CGNR)⁸⁹	<p>Xây dựng, đề xuất và rà soát hàng năm chính sách quản trị công ty và giám sát các vấn đề quản trị công ty.</p> <p>Xác định cá nhân đủ điều kiện trở thành thành viên HĐQT và giới thiệu những cá nhân đó tới HĐQT để đề cử ứng cử vào HĐQT.</p> <p>Kiến nghị với HĐQT liên quan đến việc bổ nhiệm vào các ủy ban (trừ Ủy ban QTCT-BN-LT).</p> <p>Phối hợp đánh giá hàng năm về HĐQT, thành viên HĐQT, và các ủy ban.</p> <p>Bảo đảm tuân thủ các quy định của chính sách (sổ tay) quản trị công ty và Bộ Quy tắc Ứng xử.</p> <p>Hỗ trợ HĐQT thực hiện trách nhiệm liên quan đến thù lao của các thành viên HĐQT, TGD, ban giám đốc, thư ký công ty, và thành viên khác của ban giám đốc khi được chỉ định để HĐQT xem xét.</p> <p>Giám sát việc quản lý lương thưởng của công ty và các chế độ phúc lợi.</p> <p>Lập báo cáo thường niên về chính sách lương thưởng và các thông lệ sẽ tạo thành một phần của kế hoạch hàng năm của công ty báo cáo.</p>	<p>HĐQT nên thành lập Ủy ban Quản trị Công ty, Bổ nhiệm, và Lương thưởng (CGNR) bao gồm tối thiểu ba thành viên HĐQT không điều hành có đủ năng lực, trong đó đa số, kể cả chủ tịch ủy ban, phải độc lập.</p> <p>HĐQT cần phải phê duyệt quy chế hoạt động của Ủy ban CGNR và quy chế này cần phải được công bố trên website của công ty.</p> <p>Thẩm quyền, cơ cấu, và quy trình hoạt động được quy định trong quy chế hoạt động của Ủy ban CGNR nên được xây dựng thành chuẩn mực thực tiễn để dựa vào đó có thể đánh giá được kết quả công việc của Ủy ban CGNR.⁹⁰</p>

⁸⁴ Khoản 3, Điều 161, LDN.

⁸⁵ Khoản 1, Điều 161, LDN.

⁸⁶ Bộ Nguyên tắc Quản trị Công ty theo Thông lệ Tốt nhất của Việt Nam, Khuyến nghị 4.1.2.

⁸⁷ Bộ Nguyên tắc Quản trị Công ty theo Thông lệ Tốt nhất của Việt Nam, Nguyên tắc 4.1.3.

⁸⁸ Bộ Nguyên tắc Quản trị Công ty theo Thông lệ Tốt nhất của Việt Nam, Nguyên tắc 4.2.

⁸⁹ Bộ Nguyên tắc Quản trị Công ty theo Thông lệ Tốt nhất của Việt Nam, Nguyên tắc 4.3.

⁹⁰ Bộ Nguyên tắc Quản trị Công ty theo Thông lệ Tốt nhất của Việt Nam, Nguyên tắc 4.3.2.

- GỚI THIỆU VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
- CƠ CẤU QUẢN TRỊ CÔNG TY
- THÀ LỆU MỚI ĐÓNG VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
- GỚI THIỆU VỀ QUYỀN CỦA CỔ ĐÔNG
- ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
- HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
- BAN GIÁM ĐỐC
- THƯ KÝ CÔNG TY
- MỐI TRƯỞNG KHIEM SƠI
- CÔNG BỐ THÔNG TIN
- GAO DỊCH VỚI NGƯỜI CÒI LIÊN QUAN (GOLU)
- CỐ TỨC
- VỐN ĐỂU LỆ



THÔNG LỆ TỐT NHẤT

Ủy ban Phát triển Bền vững thuộc HĐQT

Quản trị công ty tốt có thể tăng cường năng lực của công ty trong quản lý hiệu quả các rủi ro trong môi trường hoạt động cũng như nhận biết và nắm bắt cơ hội. HĐQT chịu trách nhiệm tạo dựng nền tảng này và do đó, sự phát triển bền vững của công ty phải được quản lý như một phần không thể thiếu trong hoạt động của HĐQT.

Đối với các công ty ít phức tạp hơn và ít có các vấn đề về bền vững, HĐQT có trách nhiệm trực tiếp bảo đảm để những cân nhắc về bền vững được lồng ghép trong chiến lược và việc thực hiện kế hoạch kinh doanh. Trong trường hợp này, giả định là HĐQT có năng lực và kiến thức cần thiết để quản lý hiệu quả sự bền vững của công ty. Khi các công ty thậm chí không đạt được mức thông lệ cơ bản, sẽ không có giám sát của HĐQT về nội dung này. Theo cách khác, HĐQT có thể thành lập một ủy ban giám sát bền vững theo cách tập trung và chi tiết hơn, trong trường hợp đó, các luồng công việc hoặc chức năng khác nhau có nhiệm vụ phát triển bền vững sẽ báo cáo cho Ủy ban Phát triển Bền vững.

Vai trò của Ủy ban Phát triển Bền vững ở cấp HĐQT là quản trị sự tương tác của công ty với bối cảnh bao gồm ba khía cạnh mà công ty hoạt động. Bối cảnh ba khía cạnh bao gồm nền kinh tế, môi trường, và xã hội, và bản thân các khía cạnh này lại bao gồm nhiều thành phần khác nhau. Ủy ban Phát triển Bền vững thuộc HĐQT sẽ chịu trách nhiệm phê duyệt các chính sách và khung phát triển bền vững và giám sát việc thực hiện các chính sách và khung phát triển bền vững.

(IFC Tiêu điểm 15: Ủy ban Phát triển Bền vững: Cơ cấu và Hoạt động)

Tham khảo Phụ lục X về mẫu quy chế hoạt động Ủy ban Phát triển Bền vững.

Thẩm quyền của các Ủy ban trực thuộc HĐQT

HĐQT là cơ quan tập thể trong đó:

- Tất cả các thành viên đều có quyền và nghĩa vụ ngang nhau (trừ Chủ tịch HĐQT có phiếu bầu quyết định trong trường hợp số phiếu ngang nhau).⁹¹
- Tất cả các thành viên HĐQT chịu trách nhiệm chung và liên đới.
- Thành viên HĐQT hoạt động cùng nhau trong vai trò một cơ quan theo quy trình ra quyết định cụ thể.

Mặc dù những điều trên cho thấy trách nhiệm ra quyết định cuối cùng thuộc về toàn bộ HĐQT, trên thực tế các ủy ban trực thuộc HĐQT có thể giải quyết và ra quyết định đối với những vấn đề được HĐQT giao. Tuy nhiên, nghị quyết của một ủy ban chỉ có hiệu lực và có thể thi hành khi đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của ủy ban cũng đồng thời là thành viên HĐQT.⁹²

Thành phần của các Ủy ban trực thuộc HĐQT

Số lượng thành viên của mỗi ủy ban do HĐQT quyết định, nhưng mỗi ủy ban trực thuộc HĐQT nên có tối thiểu 3 thành viên. Thành viên của ủy ban có thể là thành viên HĐQT và thành viên bên ngoài, nhưng tối thiểu một thành viên của ủy ban phải là thành viên HĐQT và đáp ứng các tiêu chuẩn cần có của một thành viên độc lập. Các thành viên độc lập/thành viên không điều hành chiếm đa số trong ủy ban. Một thành viên sẽ được chỉ định làm Chủ tịch ủy ban theo quyết định của HĐQT.⁹³ Các bên khác, nhất là người quản lý, những người không phải là thành viên của ủy ban trực thuộc HĐQT, có thể được mời tham gia hoặc giải thích về các vấn đề cụ thể, nhưng chỉ có tư cách quan sát viên, tức là không được trao đổi hoặc quyết định về các vấn đề cụ thể. Quy định này nhằm tránh một cấu trúc lai ghép thường thấy trong các ủy ban trực thuộc HĐQT của các công ty Việt Nam, nơi các thành viên của ủy ban bao gồm một thành viên HĐQT và cán bộ quản lý điều hành không phải là thành viên HĐQT. Các ủy ban lai ghép như vậy có thể thiếu mức độ độc lập và khách quan của một ủy ban trực thuộc HĐQT chỉ bao gồm các thành viên HĐQT. Do đó, rất khuyến khích thành lập các ủy ban trực thuộc HĐQT chỉ bao gồm các thành viên HĐQT.

⁹¹ Khoản 12, Điều 157, LDN.

⁹² Khoản 1, Điều 31, Thông tư 116/2020/TT-BTC, Điều lệ Mẫu.

⁹³ Khoản 1, Điều 31, Thông tư 116/2020/TT-BTC, Điều lệ Mẫu.

GỚI THIỆU
VỀ QUẢN TRỊ
CÔNG TY

CƠ CẤU
QUẢN TRỊ
CÔNG TY

TÀI LIỆU NỘI BỘ
VỀ QUẢN TRỊ
CÔNG TY

GỚI THIỆU VỀ
QUYỀN CỎA
CỔ ĐỒNG

ĐẠI HỘI
ĐỒNG CỔ ĐỒNG

HỘI ĐỒNG
QUẢN TRỊ

BAN GIÁM ĐỐC

THỦ KÝ CÔNG TY

MỘI TRƯỞNG
KIỂM SÁT

CÔNG BỐ
THÔNG TIN

GIAO DỊCH VỚI
NGƯỜI CÓ LIÊN
QUAN (GỎI)

CỐ TỨC

VỐN ĐIỀU LỆ



THÔNG LỆ TỐT NHẤT

Thành viên HĐQT phải là người có kinh nghiệm và hiểu biết. Cần phải có đủ số lượng thành viên HĐQT để hoàn thành công việc được giao. Vì công việc của các ủy ban trực thuộc HĐQT có thể liên quan đến hoạt động rà soát tốn nhiều thời gian, nên hạn chế sự tham gia của các thành viên HĐQT trong nhiều ủy ban trực thuộc HĐQT. Trước khi cho phép tham gia nhiều ủy ban, HĐQT cần xem xét lại tất cả các hoạt động được giao cho ủy ban, ước tính thời gian cần thiết để thực hiện hiệu quả các hoạt động này, cũng như thời gian rảnh rỗi mà các thành viên tiềm năng có thể dành cho công việc của ủy ban. Các ủy ban trực thuộc HĐQT đôi khi có thể yêu cầu hỗ trợ của cố vấn bên ngoài. Tuy nhiên, những cố vấn này không được nhận tư cách thành viên HĐQT.

Nhiều sở giao dịch chứng khoán khuyến nghị thêm rằng các ủy ban trực thuộc HĐQT bao gồm và/hoặc do các thành viên HĐQT độc lập làm chủ tịch. Yêu cầu niêm yết của một số sở giao dịch chứng khoán, như Sở giao dịch Chứng khoán New York, có yêu cầu cao hơn và yêu cầu đa số thành viên HĐQT độc lập, cũng như Ủy ban Kiểm toán, Bổ nhiệm, và Lương thưởng chỉ bao gồm toàn bộ các thành viên độc lập.⁹⁴

Chủ tịch của một ủy ban chịu trách nhiệm về hiệu quả của ủy ban, bất kể các nhiệm vụ khác của người đó.



THÔNG LỆ TỐT NHẤT

Chủ tịch của một ủy ban đóng một vai trò quan trọng trong việc tổ chức công việc của ủy ban. Lý tưởng nhất là các ủy ban nên được thành viên HĐQT độc lập và không điều hành đóng vai trò chủ tịch. Điều này đặc biệt đúng đối với Ủy ban Kiểm toán, và Bổ nhiệm và Lương thưởng mà theo thông lệ quản trị công ty tốt nhất, sẽ do các thành viên HĐQT độc lập làm chủ tịch.

Chủ tịch ủy ban phải báo cáo cho Chủ tịch HĐQT về công việc của ủy ban. Ngoài ra, các Chủ tịch ủy ban cần có mặt tại ĐHCĐ để trả lời câu hỏi của cổ đông.

Chủ tịch ủy ban cần:

- Báo cáo cho HĐQT về tất cả các vấn đề quan trọng đối với công việc của ủy ban tối thiểu ba tháng một lần.
- Nhanh chóng gửi tất cả các dữ liệu theo yêu cầu của HĐQT.
- Thực hiện các biện pháp hành chính cần thiết để bảo đảm ủy ban thực hiện được nhiệm vụ của mình.

⁹⁴ Sổ tay công ty niêm yết trên NYSE, Tiêu chuẩn Quản trị Công ty theo Mục 303A, Câu hỏi thường gặp (2021) https://www.nyse.com/publicdocs/nyse/regulation/nyse/FAQ_NYSE_Listed_Company_Manual_Section_303A_7_28_2021.pdf

6.7. Chủ tịch HĐQT

Chủ tịch HĐQT do HĐQT bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên HĐQT.⁹⁵ Chủ tịch HĐQT công ty đại chúng không được kiêm TGD.⁹⁶

Trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch HĐQT theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch HĐQT chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch HĐQT theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của HĐQT.⁹⁷

Chủ tịch HĐQT có quyền và nghĩa vụ sau đây:⁹⁸

- Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của HĐQT.
- Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp, triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp HĐQT.
- Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của HĐQT.
- Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT.
- Chủ tọa cuộc họp ĐHĐCĐ.
- Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của LDN và Điều lệ Công ty.

⁹⁵ Khoản 1, Điều 156, LDN.

⁹⁶ Khoản 2, Điều 156, LDN.

⁹⁷ Khoản 4, Điều 156, LDN.

⁹⁸ Khoản 3, Điều 156, LDN.

GIỚI THIỆU VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

CƠ CẤU QUẢN TRỊ CÔNG TY

TÀI LIỆU NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

GIỚI THIỆU VỀ QUYỀN CẢI BIẾN CƠ ĐỒNG

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

BAN GIÁM ĐỐC

THỦ KÝ CÔNG TY

MỐI TRƯỜNG KIỂM SOÁT

CÔNG BỐ THÔNG TIN

GAO DỊCH VỚI NGƯỜI CÒN LIÊN QUAN (GỎI)

CỐ TỨC

VỐN ĐIỀU LỆ



THÔNG LỆ TỐT NHẤT

Các nhiệm vụ hoặc trách nhiệm khác của Chủ tịch HĐQT cần được quy định trong quy chế nội bộ của HĐQT. Ngoài ra, công ty có thể soạn thảo mô tả vị trí công việc, hoặc phạm vi công việc, có thể bao gồm các nội dung sau:

Chủ tịch HĐQT:

- Lãnh đạo và bảo đảm hiệu quả hoạt động của HĐQT.
- Thiết lập, thực hiện và rà soát các quy trình điều chỉnh hoạt động của HĐQT.
- Lên lịch họp HĐQT và phối hợp với các chủ tịch ủy ban trực thuộc HĐQT.
- Tổ chức và trình bày chương trình họp và bảo đảm tất cả các thành viên HĐQT nhận được thông tin phù hợp một cách kịp thời.
- Bảo đảm trao đổi hiệu quả giữa HĐQT và lãnh đạo điều hành.
- Bảo đảm thông tin chính xác, kịp thời, và rõ ràng tới và từ các thành viên HĐQT khác.
- Bảo đảm truyền đạt thông tin hiệu quả với cổ đông và các bên có quyền lợi liên quan khác.
- Tổ chức đánh giá thường xuyên về kết quả hoạt động của HĐQT, cũng như của các ủy ban trực thuộc và từng thành viên HĐQT.
- Tạo điều kiện cho đóng góp hiệu quả của các thành viên HĐQT không điều hành và độc lập và quan hệ mang tính xây dựng giữa các thành viên HĐQT điều hành và không điều hành.
- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo yêu cầu của ĐHCĐ và HĐQT tùy theo nhu cầu và hoàn cảnh.

6.8. Quy trình Họp và Làm việc

HĐQT là cơ quan quản trị, hoạt động theo quy trình theo quy định tại LDN, Điều lệ Công ty, hoặc quy chế nội bộ của công ty.

6.8.1. Các cuộc họp của Chủ tịch HĐQT và HĐQT

Chủ tịch HĐQT được bầu trong cuộc họp đầu tiên của HĐQT trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử HĐQT đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập

và chủ trì. Trường hợp có có nhiều hơn một thành viên trở lên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp HĐQT.⁹⁹



THÔNG LỆ TỐT NHẤT

Cuộc họp đầu tiên của HĐQT mới được bầu phải được tổ chức không muộn hơn một tháng sau khi được bầu. Để thuận tiện, cuộc họp đầu tiên của HĐQT có thể được tổ chức sau ĐHCĐ. Ngoài ra, cuộc họp HĐQT đầu tiên được khuyến nghị thực hiện:

- Xác định và xác nhận các hoạt động ưu tiên của HĐQT.
- Thành lập các ủy ban nếu thích hợp.
- Bầu chủ tịch ủy ban.

Một công ty cũng nên xây dựng khóa đào tạo định hướng cho thành viên HĐQT mới với chủ đề, ngoài những chủ đề khác, tổng quan về công ty:

- Ngành và lĩnh vực hoạt động.
- Hoạt động kinh doanh.
- Tình hình tài chính hiện tại.
- Chiến lược.
- Rủi ro kinh doanh.
- Nền tảng và kỹ năng của nhân sự chủ chốt.



THÔNG LỆ TỐT NHẤT

Cụ thể hơn, Chủ tịch HĐQT tạo điều kiện thuận lợi cho công việc của HĐQT bằng cách:

- Bảo đảm hoạt động hiệu quả của HĐQT, bao gồm lên lịch họp, bảo đảm thông báo đầy đủ trước các cuộc họp, gửi tài liệu phù hợp kịp thời trước bất kỳ cuộc họp nào, và tạo điều kiện cho việc ra quyết định về các nội dung trong chương trình họp.
- Khuyến khích thảo luận cởi mở về các vấn đề theo cách thân thiện và có tính xây dựng.
- Tạo cơ hội cho các thành viên HĐQT bày tỏ quan điểm về các vấn đề được thảo luận.

⁹⁹ Khoản 1, Điều 157, LDN.

GIỚI THIỆU VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
CƠ CẤU QUẢN TRỊ CÔNG TY
TÀI LIỆU NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
GIỚI THIỆU VỀ QUYỀN CẠM CỔ ĐÔNG
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
BAN GIÁM ĐỐC
THỦ KÝ CÔNG TY
MỘT TRƯỞNG KIỂM SOÁT
CÔNG BỐ THÔNG TIN
GIAO DỊCH VỚI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN (GỎI)
CỐ TỨC
VỐN ĐIỀU LỆ

- Tạo điều kiện cho các cuộc họp riêng của các thành viên HĐQT không điều hành và xây dựng quy trình cho cuộc họp đó.
- Bảo đảm tổ chức định hướng phù hợp cho thành viên HĐQT mới.
- Sẵn sàng hỗ trợ cổ đông khi cần thiết (ví dụ: tại ĐHĐCĐ, giữa các cuộc họp HĐQT), mặc dù việc đại diện như vậy không được làm mất hiệu lực nguyên tắc trách nhiệm tập thể.
- Sẵn sàng hỗ trợ TGD để tham vấn khi cần thiết.
- Giám sát công việc của các ủy ban trực thuộc HĐQT và liên lạc thường xuyên với các chủ tịch ủy ban mà can thiệp vào trách nhiệm của các ủy ban.
- Bảo đảm quy trình đánh giá hiệu quả và thường xuyên đối với HĐQT và các ủy ban trực thuộc HĐQT.

Khi làm như vậy, Chủ tịch HĐQT phải hành động với niềm tin và, tại mọi thời điểm, vì lợi ích cao nhất của công ty. Ngoài ra, các quy định nội bộ hoặc các văn bản nội bộ khác cần nêu rõ trách nhiệm của Chủ tịch HĐQT trong việc:

- Khuyến khích các thành viên HĐQT tự do bày tỏ ý kiến.
- Thảo luận ý kiến của các thành viên HĐQT một cách cởi mở.
- Chỉ đạo soạn thảo các quyết định của HĐQT.

Cuộc họp HĐQT. HĐQT phải tuân thủ các yêu cầu pháp luật trong việc đưa ra các quyết định hợp lệ, nếu không sẽ có nguy cơ bị tòa án bác bỏ khi có khiếu nại.



THÔNG LỆ TỐT NHẤT

Các thành viên HĐQT cần bảo đảm rằng các cuộc họp của HĐQT và các ủy ban trực thuộc được tổ chức định kỳ và đúng quy định. Các thành viên HĐQT phải tham gia tích cực vào các cuộc họp của HĐQT và mỗi thành viên HĐQT cần:

- Tham gia thảo luận và biểu quyết.
- Tham gia công việc của các ủy ban trực thuộc HĐQT nếu là thành viên của ủy ban.
- Đề xuất họp HĐQT để thảo luận các vấn đề quan tâm.
- Thông báo cho HĐQT khi thành viên đó không thể tham dự các cuộc họp.

Ngoài ra, các thành viên HĐQT phải có đủ thời gian để thực hiện chức năng của mình. HĐQT cần xây dựng quy chế để điều chỉnh sự tham gia của thành

viên HĐQT trong HĐQT của các công ty khác. Tuy nhiên, nguyên tắc chung đối với việc tham gia nhiều HĐQT phải dựa trên hạn chế về thời gian. Nếu một thành viên HĐQT không có thời gian, thành viên đó không nên đảm nhận trách nhiệm.

HĐQT thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ Công ty quy định. Mỗi thành viên HĐQT có một phiếu biểu quyết.¹⁰⁰

6.8.2. Lịch họp HĐQT

HĐQT họp ít nhất mỗi quý một lần, và có thể họp bất thường.¹⁰¹



THÔNG LỆ TỐT NHẤT

HĐQT nên có kế hoạch công tác bên cạnh lịch họp của HĐQT với những vấn đề cần được giải quyết. HĐQT nên tổ chức họp định kỳ tối thiểu bốn lần một năm. Tuy nhiên, HĐQT có thể tổ chức họp thường xuyên hơn nếu thấy cần thiết. Dưới đây là một số hướng dẫn về việc tiến hành các cuộc họp HĐQT một cách hiệu quả:

- Xây dựng lịch họp hàng năm. Điều này sẽ cho phép các thành viên HĐQT bố trí thời gian cho các cuộc họp trong chương trình làm việc. Lịch họp hàng năm này đóng vai trò định hướng, vì HĐQT có thể tổ chức các cuộc họp bổ sung khi cần thiết và ngược lại, hủy họp khi các vấn đề được giải quyết.
- Đề ra chương trình, nội dung họp trước. Điều này sẽ cho phép thành viên HĐQT chuẩn bị cho công việc được giao. Chủ tịch HĐQT có thể gửi trước dự thảo chương trình nội dung họp, cho phép các thành viên HĐQT có ý kiến đóng góp. Các vấn đề thiết yếu nên được sắp xếp ở đầu chương trình họp. Do đó, việc tổ chức họp sớm trong ngày, thay vì vào cuối ngày, thường khiến việc thảo luận hiệu quả hơn.

Ngoài các cuộc họp định kỳ, HĐQT cần tổ chức họp để xem xét và thông qua báo cáo thường niên. Cuộc họp này của HĐQT thường diễn ra ít nhất hai tháng trước ĐHCĐ.

¹⁰⁰ Khoản 3, Điều 153, LDN.

¹⁰¹ Khoản 2, Điều 157, LDN.

GIỚI THIỆU
VE QUẢN TRỊ
CÔNG TY

CƠ CẤU
QUẢN TRỊ
CÔNG TY

TÀI LIỆU NỘI BỘ
VE QUẢN TRỊ
CÔNG TY

GIỚI THIỆU VỀ
QUYỀN CÒA
CƠ ĐỒNG

ĐẠI HỘI
ĐỒNG CỐ ĐỒNG

HỘI ĐỒNG
QUẢN TRỊ

BAN GIÁM ĐỐC

THỦ KÝ CÔNG TY

MỘT TRƯỞNG
KIỂM SÁT

CÔNG BỐ
THÔNG TIN

GAO DI CHÚC VỚI
NGƯỜI CÒI LIÊN
QUAN (GỎI LỘ)

CỐ TỨC

VỐN ĐIỀU LỆ

6.8.3. Ai có Quyền Triệu tập Hội đồng Quản trị?

Chủ tịch HĐQT thường triệu tập các cuộc họp HĐQT định kỳ và phải triệu tập họp như vậy trong trường hợp sau đây:¹⁰²

- Có đề nghị của BKS hoặc thành viên HĐQT độc lập.
- Có đề nghị của TGD hoặc ít nhất năm người quản lý khác.
- Có đề nghị của ít nhất hai thành viên HĐQT.
- Trường hợp khác do Điều lệ Công ty quy định.

Đề nghị phải nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của HĐQT.

Chủ tịch HĐQT có nghĩa vụ triệu tập họp HĐQT trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị. Trường hợp không triệu tập họp HĐQT theo đề nghị thì Chủ tịch HĐQT phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với công ty. Người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch HĐQT triệu tập họp HĐQT.¹⁰³

6.8.4. Thông báo Thỉnh họp về Cuộc họp của HĐQT

Những thông tin và tài liệu liên quan phải được gửi cho các thành viên HĐQT cùng với thông báo họp HĐQT trước đủ thời gian để các thành viên HĐQT có thể xem xét tài liệu một cách kỹ lưỡng.

Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập họp HĐQT phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp nếu Điều lệ Công ty không có quy định khác. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên. Thông báo mời họp có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ Công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên HĐQT được đăng ký tại công ty.¹⁰⁴

¹⁰² Khoản 3, Điều 157, LDN.

¹⁰³ Khoản 5, Điều 157, LDN.

¹⁰⁴ Khoản 6, Điều 157, LDN



THÔNG LỆ TỐT NHẤT

Quy chế nội bộ hoặc văn bản nội bộ khác phải xác định hình thức thông báo và phương thức cung cấp tài liệu thuận tiện nhất và được tất cả các thành viên HĐQT chấp nhận (ví dụ: qua thư, hoặc e-mail). Phương thức chuyển phát đó phải đủ an toàn để bảo đảm thông báo đến được địa chỉ đăng ký của thành viên HĐQT.

Mặc dù thời gian tối thiểu để gửi thông báo mời họp và các tài liệu liên quan được gửi đến HĐQT là ba ngày làm việc theo LDN,¹⁰⁵ quy định nội bộ của công ty nên quy định thời gian thông báo hợp lý để bảo đảm rằng thành viên HĐQT có đủ thời gian để chuẩn bị đầy đủ và kịp thời, đưa ra các quyết định sáng suốt tại các cuộc họp HĐQT.

Thẻ điểm Quản trị Công ty ASEAN cho rằng thông lệ tốt nhất là gửi thông báo mời họp HĐQT và tài liệu họp cho các thành viên HĐQT ít nhất 5 ngày làm việc trước cuộc họp.¹⁰⁶

6.8.5. Số Đại biểu Quy định cho Cuộc họp HĐQT

Số đại biểu quy định là số lượng thành viên HĐQT tối thiểu tham dự một cuộc họp để các quyết định đưa ra trong cuộc họp đó có hiệu lực. Trừ khi Điều lệ Công ty hoặc quy định nội bộ quy định số lượng lớn hơn, Cuộc họp HĐQT được tiến hành khi có từ ba phần tư (75%) tổng số thành viên trở lên dự họp.¹⁰⁷

6.8.6. Cách thức thành viên HĐQT có thể tham dự cuộc họp của HĐQT

Thành viên HĐQT có thể tham dự và biểu quyết tại cuộc họp khi họ:¹⁰⁸

- Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp.
- Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết.

¹⁰⁵ Khoản 6, Điều 157, LDN.

¹⁰⁶ Câu hỏi của Thẻ điểm Quản trị Công ty ASEAN (mục E.3.6): Tài liệu của HĐQT cho các cuộc họp HĐQT/ thành viên HĐQT có được cung cấp cho HĐQT ít nhất 5 ngày làm việc trước cuộc họp HĐQT không?

¹⁰⁷ Khoản 8, Điều 157, LDN.

¹⁰⁸ Khoản 9 & 10, Điều 157, LDN.

GỚI THIỆU
VE QUẢN TRỊ
CÔNG TY

CƠ CẤU
QUẢN TRỊ
CÔNG TY

TÀI LIỆU MỜI DỌ
VE QUẢN TRỊ
CÔNG TY

GỚI THIỆU VE
QUYỀN CHỌA
CƠ ĐỒNG

ĐẠI HỘI
ĐỒNG CỔ ĐÔNG

HỘI ĐỒNG
QUẢN TRỊ

BAN GIÁM ĐỐC

THỦ KÝ CÔNG TY

MỘT TRƯỞNG
KHIEM SÓT

CÔNG BỐ
THÔNG TIN

GAO DI CỬ VỚI
NGƯỜI CÒN LIÊN
QUAN (GỎU)

CỐ TỨC

VỐN ĐIỀU LỆ

- Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác.
- Không có mặt nhưng gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử cho Chủ tịch HĐQT hoặc phương thức khác quy định trong Điều lệ Công ty. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch HĐQT chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.



THÔNG LỆ TỐT NHẤT

Mặc dù pháp luật không quy định rõ ràng, có nhiều vấn đề quan trọng cần đến sự có mặt trực tiếp của các thành viên HĐQT. Như vậy, công ty nên xem xét có quy định bắt buộc thành viên HĐQT phải thông qua nghị quyết về những vấn đề đó trong cuộc họp trực tiếp (chứ không phải gửi phiếu biểu quyết hoặc họp từ xa qua điện thoại). Những vấn đề này bao gồm:

- Phê duyệt kế hoạch chiến lược và kế hoạch tài chính, kinh doanh của công ty.
- Triệu tập họp ĐHĐCĐ thường niên và quyết định các vấn đề liên quan đến việc tổ chức ĐHĐCĐ thường niên.
- Phê duyệt trước báo cáo thường niên của công ty.
- Triệu tập hoặc từ chối yêu cầu triệu tập ĐHĐCĐ bất thường của bên thứ ba.
- Bầu chọn Chủ tịch HĐQT.
- Thành lập và chấm dứt sớm thẩm quyền của các cơ quan điều hành trong công ty.
- Đình chỉ chức vụ TGD và bổ nhiệm TGD tạm thời.
- Tổ chức lại hoặc giải thể công ty.
- Tăng vốn điều lệ và phát hành cổ phiếu.

Mọi thành viên HĐQT phải tham dự đầy đủ các cuộc họp HĐQT. Tuy nhiên, nếu một thành viên HĐQT không thể tham dự, thành viên đó được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết tại cuộc họp nếu được đa số thành viên HĐQT chấp thuận.¹⁰⁹



THÔNG LỆ TỐT NHẤT

Để chuẩn bị đầy đủ trước cuộc họp HĐQT, mỗi thành viên HĐQT cần:

- Nghiên cứu kỹ tài liệu cuộc họp.
- Nhận biết và tư vấn cho HĐQT những xung đột lợi ích tiềm ẩn liên quan đến các vấn đề được quyết định tại cuộc họp, nếu có.
- Yêu cầu tài liệu hỗ trợ. Khi trình bày về một vấn đề cụ thể không tương ứng với lĩnh vực chuyên môn của thành viên HĐQT, thông tin bổ sung dưới dạng nghiên cứu, đánh giá hoặc ý kiến độc lập, và các tài liệu khác về chủ đề này phải được yêu cầu trước cuộc họp.
- Kiểm tra các thông tin cập nhật có liên quan về xu hướng của ngành, điều kiện thị trường và những thay đổi trong quy định pháp luật.

Khi tham dự cuộc họp của HĐQT, mỗi thành viên HĐQT cần:

- Lắng nghe và đặt câu hỏi để hiểu nội dung trình bày.
- Tham gia tích cực vào thảo luận và tranh luận liên quan đến các nội dung chương trình họp.
- Đóng góp hiểu biết và quan điểm dựa trên chuyên môn của mình.
- Tôn trọng thời gian được phân bổ cho các cuộc thảo luận và tuân thủ chương trình họp.
- Giữ bí mật về thông tin nhạy cảm được thảo luận trong các cuộc họp.
- Hợp tác hiệu quả với các thành viên HĐQT và thúc đẩy văn hóa HĐQT tích cực và mang tính xây dựng.

Sau cuộc họp, mỗi giám đốc cần:

- Kịp thời theo dõi các nội dung hành động và cam kết được đưa ra trong cuộc họp.

¹⁰⁹ Khoản 11, Điều 157, LDN.

- GỚI THIỆU VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
- CƠ CẤU QUẢN TRỊ CÔNG TY
- TÀI LIỆU NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
- GỚI THIỆU VỀ QUYỀN CỦA CỔ ĐÔNG
- ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
- HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
- BAN GIÁM ĐỐC
- THỦ KÝ CÔNG TY
- MỐI TRƯỞNG KIỂM SOÁT
- CÔNG BỐ THÔNG TIN
- GAO DI CHÚC VỚI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN (GOLU)
- CỐ TỨC
- VĂN ĐIỀU LỆ

6.8.7. Xem xét Ý kiến bằng Văn bản (Phiếu bầu Vắng mặt)

Theo thông lệ quản trị công ty tốt, Điều lệ Công ty hoặc quy chế nội bộ cần quy định rõ trường hợp nào ý kiến bằng văn bản của các thành viên HĐQT có thể được xem xét để xác định số thành viên tối thiểu cần thiết cho cuộc họp của HĐQT và hiệu lực của kết quả biểu quyết.



THÔNG LỆ TỐT NHẤT

Điều lệ Công ty, quy chế nội bộ, hoặc các văn bản nội bộ khác phải cho phép thành viên HĐQT ra quyết định bằng hình thức gửi phiếu lấy ý kiến. Tuy nhiên, đối với những nghị quyết theo quy định của Điều lệ Công ty phải được thông qua bằng biểu quyết trực tiếp, phiếu lấy ý kiến không được tính cho số đại biểu cần thiết. Các công ty cần xây dựng quy trình lấy ý kiến bằng văn bản, bao gồm thời hạn gửi phiếu lấy ý kiến và thời hạn nhận lại các phiếu lấy ý kiến đã trả lời. Thành viên HĐQT cần có đủ thời gian để nhận phiếu lấy ý kiến và quyết định về những nội dung trong chương trình họp. Cụ thể hơn:

- Quy định rõ các trường hợp cụ thể hoặc các loại quyết định đủ điều kiện để gửi phiếu lấy ý kiến.
- Quy định thể thức và phương thức gửi phiếu ý kiến đối với biểu quyết vắng mặt, bảo đảm rõ ràng, thống nhất.
- Thiết lập quy trình an toàn và bảo mật để thu thập và xử lý phiếu lấy ý kiến nhằm duy trì tính toàn vẹn của hệ thống biểu quyết.
- Truyền đạt rõ ràng quy trình gửi phiếu lấy ý kiến cho tất cả thành viên HĐQT để bảo đảm hiểu biết và tuân thủ.
- Quy định rõ mọi thông tin hoặc tài liệu cần thiết mà thành viên HĐQT phải đưa vào khi gửi phiếu biểu quyết bằng văn bản.
- Chỉ định một bên hoặc văn phòng có trách nhiệm giám sát và quản lý quy trình biểu quyết vắng mặt, bảo đảm trách nhiệm giải trình.
- Cân nhắc việc sử dụng các nền tảng điện tử an toàn để gửi phiếu lấy ý kiến, cân nhắc các vấn đề về an ninh mạng và bảo vệ dữ liệu.
- Nêu rõ mọi điều kiện hoặc hạn chế việc áp dụng lấy ý kiến bằng văn bản để tránh lạm dụng hoặc hiểu sai.
- Bảo đảm quy trình phù hợp với quy định pháp luật và quy định liên quan đến việc lấy ý kiến bằng văn bản.
- Định kỳ rà soát và cập nhật quy trình lấy ý kiến bằng văn bản để thích ứng với những thay đổi về công nghệ, quy định, hoặc nhu cầu của tổ chức.

- Cung cấp cơ chế để các thành viên HĐQT tìm kiếm thông tin làm rõ hoặc bổ sung về các nội dung trong chương trình hợp trước khi gửi phiếu lấy ý kiến.
- Thiết lập quy trình xác minh tính xác thực của phiếu lấy ý kiến và giải quyết mọi tranh chấp hoặc sai lệch.
- Khuyến khích sự minh bạch bằng cách ghi nhận và báo cáo kết quả lấy ý kiến bằng văn bản cho tất cả thành viên HĐQT.

6.8.8. Quyết định của HĐQT

Nghị quyết, quyết định của HĐQT được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành, trừ trường hợp Điều lệ Công ty có quy định tỷ lệ khác cao hơn. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch HĐQT.⁷⁰ Việc Chủ tịch HĐQT không độc lập có quyền quyết định cuối cùng được thừa nhận là sẽ có rủi ro cao hơn. Các công ty nên cân nhắc tác động tiềm ẩn đối với việc ra quyết định khách quan. Các công ty có thể lựa chọn giải quyết rủi ro này bằng cách bổ nhiệm một Chủ tịch HĐQT độc lập hoặc cơ chế quản trị khác quy định tại Điều lệ Công ty.

6.8.9. Biên bản họp HĐQT

Các cuộc họp HĐQT phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt (có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài) bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:¹¹¹

- Tên, địa chỉ trụ sở chính, số đăng ký doanh nghiệp, và ngày đăng ký doanh nghiệp.
- Thời gian, địa điểm họp.
- Mục đích, chương trình, và nội dung họp.
- Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp. Họ, tên các thành viên không dự họp và lý do.
- Tuyên bố xác nhận việc thiết lập số đại biểu cần thiết vào đầu cuộc họp để cho biết số lượng thành viên HĐQT cần thiết có mặt.
- Thông tin về bất kỳ khách mời hoặc quan sát viên nào có mặt tại cuộc họp.
- Bất kỳ xung đột lợi ích nào được các thành viên HĐQT tuyên bố và hành động được thực hiện để giải quyết.

¹¹⁰ Khoản 12, Điều 157, LDN.

¹¹¹ Khoản 1, Điều 158, LDN.

GỚI THIỆU VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

CƠ CẤU QUẢN TRỊ CÔNG TY

TÀI LIỆU NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

GỚI THIỆU VỀ QUYỀN CỎA CỔ ĐÔNG

ĐẠI HỘI ĐÔNG CỔ ĐÔNG

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

BAN GIÁM ĐỐC

THỦ KÝ CÔNG TY

MỐI TRƯỞNG KIỂM SÁT

CÔNG BỐ THÔNG TIN

GAO DI CHUYỂN NGƯỜI CỎ LIÊN QUAN (GỎU)

CÓ TỨC

VỐN ĐỂU LỆ

- Rà soát và phê duyệt biên bản cuộc họp trước đó.
- Mọi văn bản, báo cáo, hoặc tài liệu được trình bày trong cuộc họp và tóm tắt những điểm chính.
- Những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp.
- Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp.
- Kết quả biểu quyết, trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành, và không có ý kiến.
- Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng. Nêu ra mọi nội dung hành động hoặc nhiệm vụ được giao trong cuộc họp, bao gồm các bên chịu trách nhiệm và thời hạn.
- Ghi nhận mọi tư vấn hoặc ý kiến của luật sư trong cuộc họp.
- Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản.

Chủ tọa, người ghi biên bản và người ký biên bản chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của biên bản họp HĐQT.¹¹²



THÔNG LỆ TỐT NHẤT

Khi các yêu cầu pháp luật và quy định đối với thành viên HĐQT trở nên nặng nề hơn, biên bản là hồ sơ quan trọng để cho thấy HĐQT đã thực hiện bốn phạm cần trọng đối với doanh nghiệp. Theo thông lệ quản trị công ty tốt, biên bản sẽ bao gồm biểu quyết của từng thành viên HĐQT.

HĐQT thường phải phân công một người làm thư ký để ghi chép và chuẩn bị biên bản. Theo thông lệ quốc tế, Thư ký Công ty thường kiêm vai trò thư ký HĐQT và cũng có thể ký tên vào các biên bản cùng với Chủ tọa.

Biên bản chỉ cung cấp nội dung tóm tắt về cuộc họp HĐQT. Ngoài biên bản, sau mỗi cuộc họp cần có những báo cáo đầy đủ nguyên văn về những nội dung đã được thảo luận. Những báo cáo này tạo thành một phần không tách rời của biên bản. Các báo cáo đầy đủ nguyên văn về nội dung các cuộc họp cần phải được lưu trong các hồ sơ của công ty như là một phần của biên bản.

¹¹² Khoản 3, Điều 158, LDN.



THÔNG LỆ TỐT NHẤT

Dù công ty có lưu hồ sơ biên bản và/hoặc báo cáo nguyên văn hay không, những tài liệu sau đây phải được lưu cùng với biên bản và/hoặc báo cáo nguyên văn:

- Các lá phiếu biểu quyết.
- Phiếu lấy ý kiến của các thành viên HĐQT không tham dự họp.

Mỗi thành viên HĐQT cần nhận được một bản tóm tắt các quyết định của HĐQT. Công ty cần xây dựng một quy trình để đảm bảo rằng tất cả các thành viên HĐQT đều nhận được:

- Bản sao biên bản và/hoặc báo cáo nguyên văn.
- Báo cáo thể hiện chi tiết kết quả bỏ phiếu.

6.8.10. Thư ký Công ty và Hội đồng Quản trị

Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Thư ký Công ty có các nhiệm vụ sau tại các cuộc họp HĐQT:¹¹³

- Chuẩn bị các cuộc họp HĐQT và BKS theo yêu cầu của HĐQT hoặc BKS. Phối hợp với Chủ tịch HĐQT và các bên có quyền lợi liên quan khác để xây dựng chương trình họp toàn diện phù hợp với các ưu tiên của tổ chức và quy định pháp luật.
- Tư vấn về thủ tục họp HĐQT.
- Tham dự họp HĐQT. Đóng góp trong thảo luận về chiến lược quản lý rủi ro, bảo đảm HĐQT được thông báo về các rủi ro tiềm ẩn và các biện pháp giảm thiểu.
- Giám sát và thúc đẩy hành vi đạo đức trong tổ chức, tư vấn cho HĐQT về các cân nhắc đạo đức trong việc ra quyết định.
- Tư vấn thủ tục ban hành nghị quyết của HĐQT phù hợp với quy định pháp luật. Bảo đảm mọi hành động và quyết định được đưa ra trong các cuộc họp đều tuân thủ quy định pháp luật và quy định liên quan.
- Cung cấp thông tin tài chính, bản sao biên bản họp HĐQT, và các thông tin khác cho thành viên HĐQT, BKS.
- Giám sát và báo cáo HĐQT về hoạt động công bố thông tin của công ty.¹¹³

- GỚI THIỆU VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
- CƠ CẤU QUẢN TRỊ CÔNG TY
- TÀI LIỆU NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
- GỚI THIỆU VỀ QUYỀN CẠM VÀ CƠ ĐỒNG
- ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
- HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
- BAN GIÁM ĐỐC
- THƯ KÝ CÔNG TY
- MỐI TRƯỞNG KIỂM SÁT
- CÔNG BỐ THÔNG TIN
- GAO DI CHÚC VỚI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN (GOLU)
- CỐ TỨC
- VỐN ĐIỀU LỆ

¹¹⁴ Khoản 5, Điều 156, LDN; và Điều 32, Thông tư 116/2020/TT-BTC, Điều lệ Mẫu.

- Xây dựng và giám sát quy trình biểu quyết theo ủy quyền trong các cuộc họp, bảo đảm quy trình công bằng và minh bạch cho các thành viên HĐQT vắng mặt.
- Đóng vai trò đầu mối liên lạc giữa HĐQT và các bên có quyền lợi liên quan khác, tạo điều kiện thuận lợi cho việc liên lạc và bảo đảm thông tin liên quan được phổ biến đến các bên thích hợp.
- Hỗ trợ nhận dạng, giải quyết, và quản lý xung đột lợi ích giữa các thành viên HĐQT, bảo đảm minh bạch và tuân thủ các chính sách về xung đột lợi ích.
- Tạo điều kiện và tham gia quá trình tự đánh giá định kỳ để HĐQT đánh giá kết quả hoạt động và xác định các lĩnh vực cần cải thiện.
- Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.



THÔNG LỆ TỐT NHẤT

Thư ký Công ty nên chịu trách nhiệm đối với các vấn đề tổ chức và quản lý liên quan đến việc chuẩn bị và tiến hành các cuộc họp HĐQT. Dù quyết định tiến hành cuộc họp HĐQT là trách nhiệm của Chủ tịch HĐQT, Thư ký Công ty cần chịu trách nhiệm đối với những vấn đề sau:

- Gửi thông báo triệu tập họp cho tất cả các thành viên HĐQT.
- Gửi phiếu bầu.
- Thu nhận phiếu bầu đã điền và các phiếu bầu vắng mặt.
- Bảo đảm tuân thủ quy trình họp HĐQT.
- Lưu biên bản và báo cáo nguyên văn.

6.9. Thù lao Thành viên HĐQT

Công ty có quyền trả phí (thù lao) cho thành viên HĐQT theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.¹¹⁴

Các thành viên HĐQT không điều hành thường được trả thù lao dựa trên vai trò và mức độ trách nhiệm, có tính đến thời gian và công sức dự kiến cần có. Tuy nhiên, phí của họ không nên gắn trực tiếp với kết quả hoạt động của công ty để tránh xung đột lợi ích tiềm tàng, bảo vệ tính độc lập và khách quan của họ.¹¹⁵

¹¹⁴ Khoản 1, Điều 163, LDN.

¹¹⁵ Viện Thành viên HĐQT Singapore, Hướng dẫn Quản trị Công ty dành cho Hội đồng Quản trị tại Singapore: Điều khoản 7.2: <https://www.eguide.sid.org.sg/index.php/singapore-code-of-corporate-governance/remuneration-matters/principle-7/provision-7-2>.

Thù lao của từng thành viên HĐQT được tính vào chi phí kinh doanh của công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp. Thù lao của thành viên HĐQT được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của công ty và phải báo cáo ĐHCĐ tại cuộc họp thường niên.¹¹⁶

Vấn đề thù lao của thành viên HĐQT là một trong những vấn đề gây tranh cãi nhất trong lĩnh vực quản trị công ty, và các công ty nên chọn cách tiếp cận thận trọng trong vấn đề thù lao của HĐQT. Mức thù lao quá cao thường được coi là một đặc quyền phi lý. Vì vậy, điều quan trọng nhất là mức thù lao của các thành viên HĐQT phải mang tính cạnh tranh, nhưng phải nằm trong giới hạn hợp lý.

Tuy nhiên, cần có phân biệt quan trọng về vấn đề này giữa thành viên HĐQT điều hành và thành viên HĐQT không điều hành. Thông thường, thành viên HĐQT điều hành không nhận được nhận thêm thù lao cho công việc trong HĐQT. Các gói lương thưởng cho công tác điều hành thường được xem là đã bao gồm thù lao cho công việc của họ trong HĐQT, dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của HĐQT.¹¹⁷ Mặt khác, thành viên HĐQT không điều hành nên được trả thù lao. Hình thức thù lao phổ biến nhất dành cho thành viên HĐQT không điều hành là một khoản phí bằng tiền. Ví dụ, thành viên HĐQT có thể nhận được:

- Một khoản phí hàng năm (có thể được trả dưới dạng cổ phiếu thay cho tiền mặt).
- Một khoản phí cho việc tham gia các cuộc họp HĐQT.
- Phí cho công việc bổ sung, như công việc trong các ủy ban thuộc HĐQT.
- Phí cho các trách nhiệm bổ sung, như làm Chủ tịch HĐQT hoặc một ủy ban trực thuộc HĐQT.

Thành viên HĐQT có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên HĐQT, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp ĐHCĐ, HĐQT, hoặc các ủy ban trực thuộc HĐQT.¹¹⁸ Ngoài ra, thành viên HĐQT có thể được công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có chấp thuận của ĐHCĐ.¹¹⁹

¹¹⁶ Khoản 3, Điều 163, LDN.

¹¹⁷ Khoản 4, Điều 19, Thông tư 116/2020/TT-BTC, Quy chế mẫu về hoạt động của HĐQT.

¹¹⁸ Khoản 2b, Điều 163, LDN; và Khoản 5, Điều 28, Thông tư 116/2020/TT-BTC, Điều lệ Mẫu.

¹¹⁹ Khoản 6, Điều 28 Thông tư 116/2020/TT-BTC, Điều lệ Mẫu.

GIỚI THIỆU
VE QUẢN TRỊ
CÔNG TYCƠ CẤU
QUẢN TRỊ
CÔNG TYTÀI LIỆU NỘI BỘ
VE QUẢN TRỊ
CÔNG TYGIỚI THIỆU VỀ
QUYỀN CÒN
CƠ ĐỒNGĐẠI HỘI
ĐỒNG CỐ ĐỒNGHỘI ĐỒNG
QUẢN TRỊ

BAN GIÁM ĐỐC

THỦ KÝ CÔNG TY

MỘT TRƯỞNG
KIỂM SÁTCÔNG BỐ
THÔNG TINGIAO DỊCH VỚI
NGƯỜI CÒN LIÊN
QUAN (GOLLO)

CỐ TỨC

VỐN ĐIỀU LỆ



THÔNG LỆ TỐT NHẤT

Thù lao dành cho thành viên HĐQT phải bằng nhau cho tất cả các thành viên HĐQT không điều hành. Ngoài ra, các khoản thù lao mà công ty trả cho thành viên HĐQT phải có tính cạnh tranh, tức là đủ để thu hút cá nhân có năng lực. Mức thù lao nên được thiết lập không quá thấp cũng không quá cao so với mức mà các công ty khác trong ngành chi trả. Việc thiết lập mức thù lao hợp lý cho thành viên HĐQT có ý nghĩa đặc biệt quan trọng để không gây tổn hại tới sự độc lập của thành viên HĐQT. Dù độc lập hay không, nhận định của thành viên HĐQT có thể bị ảnh hưởng nếu thù lao cho công việc trong HĐQT chiếm tỷ lệ phần trăm đáng kể trong tổng thu nhập của thành viên đó. Một thành viên HĐQT sống dựa vào khoản thù lao của HĐQT của một công ty sẽ sớm trở thành người chịu ơn công ty và có thể không hoàn thành trách nhiệm của mình một cách khách quan.

HĐQT cần thường xuyên rà soát thù lao của các thành viên HĐQT.

Cần hết sức thận trọng trong việc thiết lập thù lao dựa trên kết quả công việc, đặc biệt là mức lương thưởng dựa trên cổ phiếu, vì cách thiết lập thù lao này không được coi là thông lệ tốt. Thù lao dựa trên kết quả công việc thường được coi là một yếu tố ảnh hưởng đến sự độc lập của thành viên HĐQT.

Các khoản vay cá nhân hoặc tín dụng cho thành viên HĐQT của công ty cũng tiềm ẩn nhiều vấn đề và là nguồn gây tranh cãi tiềm tàng mà công ty nên tránh.

6.10. Đánh giá Kết quả Hoạt động

Để hoạt động hiệu quả, thành viên HĐQT cần có nguồn lực và mạng lưới cần thiết để phát triển và duy trì kiến thức, kỹ năng, và kinh nghiệm nhằm giúp thúc đẩy hiệu quả hoạt động của HĐQT. Các chương trình tập huấn, đào tạo có ý nghĩa nên tăng để đạt được mục tiêu này, dựa trên đánh giá định kỳ đối với HĐQT và thành viên HĐQT.

Đánh giá của HĐQT giúp các thành viên HĐQT xem xét lại kết quả hoạt động của mình và hiểu rõ vai trò cũng như trách nhiệm của họ. Một nội dung rất quan trọng là HĐQT phải tiến hành đánh giá kết quả hoạt động, bao gồm kết quả hoạt động của Chủ tịch HĐQT, từng thành viên và các ủy ban,

trên cơ sở hàng năm thông qua tự đánh giá, đánh giá kín giữa các thành viên HĐQT, hoặc đánh giá của chuyên gia độc lập ba năm một lần.¹²⁰ Kết quả tổng hợp về đánh giá kết quả hoạt động của HĐQT cần được công bố trong báo cáo thường niên của công ty. Thông qua việc tự nhận xét và tự đánh giá, các thành viên HĐQT có thể trả lời nhanh hơn trước cổ đông, nhà đầu tư và các các bên có quyền lợi liên quan khác.

Đánh giá của HĐQT xem xét sự có mặt của thành viên HĐQT tại các cuộc họp HĐQT và ủy ban trực thuộc HĐQT, sự tham gia vào các cuộc thảo luận trong phòng họp, và biểu quyết về các vấn đề quan trọng. Việc sử dụng tổ chức tư vấn đánh giá độc lập có thể nâng cao tính khách quan của việc đánh giá. Tổ chức tư vấn đánh giá bao gồm các công ty tư vấn, tổ chức học thuật, hoặc các tổ chức chuyên nghiệp.

HĐQT phải có một hệ thống cung cấp ít nhất các tiêu chí và quy trình để xác định hiệu quả hoạt động của HĐQT, từng thành viên HĐQT, và các ủy ban trực thuộc HĐQT. Một hệ thống như vậy cần cho phép cơ chế phản hồi từ cổ đông.¹²¹ Quá trình đánh giá thường chịu sự giám sát của Ủy ban Quản trị Công ty, Bộ nhiệm, và Lương thưởng.

Việc đánh giá có thể tạo ra hiểu biết quan trọng về điểm mạnh và điểm yếu của HĐQT và các thành viên. Thông tin này rất hữu ích để hỗ trợ HĐQT xác định những điểm yếu và những điểm cần đào tạo thêm.

Việc tự đánh giá của HĐQT lý tưởng nhất là bao gồm các khía cạnh được trình bày dưới đây:

Khía cạnh	Thiếu hụt tiềm tàng
Thành phần, cơ cấu, và tương tác	Thiếu năng lực trong HĐQT dẫn đến quá trình ra quyết định kém, căng thẳng giữa HĐQT và cán bộ điều hành do có chống chéo hoặc phân công trách nhiệm không rõ ràng giữa những đối tượng này.
Các ủy ban trực thuộc HĐQT	Thành lập không đủ hoặc quá nhiều ủy ban, các vấn đề quan trọng của HĐQT như lương thưởng, rủi ro và kiểm toán không được hỗ trợ của các ủy ban có năng lực cụ thể hoặc có mức độ độc lập không phù hợp.
Thư ký Công ty	Tài liệu đọc trước không được gửi trước, tài liệu có quá nhiều thông tin hoặc rời rạc. Không có chương trình họp rõ ràng.

¹²⁰ Bộ Nguyên tắc Quản trị Công ty theo Thông lệ Tốt nhất của Việt Nam, Nguyên tắc 5.1.

¹²¹ Nguyên tắc Thông lệ Quản trị Công ty Tốt nhất của Việt Nam, Nguyên tắc 5.2.

Khía cạnh	Thiếu hụt tiềm tàng
Quy trình và điều kiện làm việc	Áp lực về thời gian trong quá trình ra quyết định, căng thẳng trong phòng họp, và các vấn đề liên quan đến sự độc lập của HĐQT.
Sự vững chắc của quá trình ra quyết định	Thiếu sử dụng kỹ thuật ra quyết định theo nhóm, chia sẻ thông tin, đối thoại trong HĐQT, và tin tưởng (động lực của HĐQT – các yếu tố hành vi).
Định hướng ESG	HĐQT không có chương trình họp để thảo luận về chủ đề này.
Thị trường vốn	Hoạt động tương tác của HĐQT với cổ đông và giám sát thị trường không được tổ chức chặt chẽ, và giao tiếp kém với nhà đầu tư khiến công ty gặp rủi ro.

6.11. Tập huấn và Đào tạo

Việc đánh giá có thể tạo ra hiểu biết quan trọng về điểm mạnh và điểm yếu của HĐQT và các thành viên. Thông tin này rất hữu ích để hỗ trợ HĐQT xác định những điểm yếu và những điểm cần đào tạo thêm. Đào tạo về quản trị công ty có thể có giá trị đặc biệt đối với các công ty hoạt động trong các nền kinh tế chuyển đổi, nơi các thành viên HĐQT cần theo sát những thay đổi thường xuyên đối với khung pháp lý và quy định, cũng như các tiêu chuẩn thông lệ tốt nhất. Điều này khiến chính sách đào tạo của công ty dành cho HĐQT và các thành viên HĐQT trở thành một yếu tố thành công quan trọng trong việc phát triển và hỗ trợ một HĐQT có năng lực, kiến thức, và nhiệt huyết.

Theo Bộ Nguyên tắc Quản trị Công ty theo Thông lệ Tốt nhất của Việt Nam, tất cả các thành viên HĐQT phải tham dự ít nhất một chương trình đào tạo về quản trị công ty hoặc chương trình đào tạo thành viên HĐQT do một tổ chức chuyên nghiệp và được công nhận tổ chức để bảo đảm các thành viên HĐQT nắm vững các nguyên tắc cơ bản của quản trị công ty tốt và cố gắng cập nhật xu hướng và yêu cầu quản trị mới nhất hàng năm. Chính sách của công ty về phát triển thường xuyên đối với thành viên HĐQT, bao gồm chương trình định hướng cho thành viên HĐQT mới (đào tạo tiếp nhận công việc) và tập huấn thường xuyên hàng năm cho tất cả thành viên HĐQT cần được quy định trong Điều lệ HĐQT và quy chế quản trị công ty. Các hoạt động phát triển chuyên môn và đào tạo cho thành viên HĐQT cũng cần được công bố trong nội dung về Quản trị Công ty trong các báo cáo thường niên.



THÔNG LỆ TỐT NHẤT

Nhiều tổ chức đóng góp vào công tác đào tạo và phát triển chuyên môn của thành viên HĐQT. Những tổ chức này bao gồm các sở giao dịch chứng khoán, tổ chức tài chính, chính phủ, cơ quan quản lý ngành, hiệp hội doanh nghiệp, phòng thương mại, tổ chức giáo dục đại học, viện thành viên HĐQT, và các hiệp hội được thành lập để thúc đẩy áp dụng thông lệ tốt trong quản trị công ty.

Việc đào tạo thành viên HĐQT chủ yếu được thực hiện bởi hai loại tổ chức. Một là các hiệp hội quản trị công ty, có mục tiêu cải thiện quản trị công ty và cung cấp các khóa đào tạo để thực hiện mục đích đó. Hai là các tổ chức tập trung vào thành viên HĐQT và hỗ trợ, đại diện và thiết lập tiêu chuẩn cho các thành viên HĐQT. Cả hai loại tổ chức đều có thể là hiệp hội thành viên, như Hiệp hội Quốc gia Thành viên HĐQT Công ty của Hoa Kỳ, Viện Thành viên HĐQT của Vương quốc Anh, và Viện Quản trị Công ty của Braxin. Các tổ chức này cũng có thể phục vụ các thành viên HĐQT mà không cần đăng ký hội viên, như Trung tâm Quản trị Công ty của Kenya và Diễn đàn Quản trị Công ty của Thổ Nhĩ Kỳ.

Tại Việt Nam, Viện Thành viên HĐQT Việt Nam cung cấp chương trình phát triển và đào tạo chuyên môn cho các thành viên HĐQT công ty. Đây là một cơ quan chuyên môn có mục tiêu cải thiện sự chuyên nghiệp của HĐQT, ủng hộ đạo đức kinh doanh và minh bạch, bồi dưỡng đội ngũ thành viên HĐQT độc lập và thúc đẩy cơ hội kết nối giữa các lãnh đạo công ty và các bên có quyền lợi liên quan.

Phát triển và đào tạo chuyên môn có thể cung cấp cho các thành viên HĐQT:

- Kỹ năng mới.
- Nâng cao tính chuyên nghiệp.
- Nhận thức rõ hơn về các vấn đề liên quan.
- Tiếp cận các yêu cầu và xu hướng hiện tại về quản trị công ty và các vấn đề khác.
- Cơ hội thảo luận các vấn đề với đồng nghiệp và giảng viên.

GIỚI THIỆU
VE QUẢN TRỊ
CÔNG TYCƠ CẤU
QUẢN TRỊ
CÔNG TYTÀI LIỆU NỘI BỘ
VE QUẢN TRỊ
CÔNG TYGIỚI THIỆU VE
QUYỀN LỢI
CƠ ĐỒNGĐẠI HỘI
ĐỒNG CỔ ĐÔNGHỘI ĐỒNG
QUẢN TRỊ

BAN GIÁM ĐỐC

THỦ KÝ CÔNG TY

MÔI TRƯỜNG
KIỂM SÁTCÔNG BỐ
THÔNG TINGIAO DỊCH VỚI
NGƯỜI CÓ LIÊN
QUAN (GOLU)

CỐ TỨC

VỐN ĐIỀU LỆ

Bảng 3. Danh mục Kiểm tra Tóm tắt để Xác định Hiệu quả của HĐQT¹²²

Câu hỏi	Có	Không
1. HĐQT có xem xét các mục tiêu dài hạn của công ty và xem xét các phương án chiến lược để đạt được các mục tiêu này? Nếu có, HĐQT đã đạt được thống nhất để có quyết định về các mục tiêu và chiến lược tương lai chưa, và những quyết định này có được lập thành văn bản không?		
2. HĐQT có cân nhắc một cách có ý thức về triết lý nền tảng của công ty, bao gồm hệ thống giá trị, trách nhiệm đạo đức và xã hội, 'hình ảnh' mong muốn của công ty? Công ty có xây dựng chính sách nội bộ để thiết lập những giá trị này không? Công ty có quy trình chính thức để ghi nhận và ban hành các quyết định quan trọng của HĐQT như định hướng chính sách cho người quản lý không?		
3. HĐQT có định kỳ rà soát cơ cấu tổ chức của công ty và xem xét khả năng thay đổi của cơ cấu này trong tương lai? HĐQT có xem xét và phê chuẩn tất cả những bổ nhiệm quan trọng đối với lãnh đạo điều hành cấp cao không? Có các chương trình phát triển nguồn nhân lực phù hợp không?		
4. HĐQT có thường xuyên nhận được mọi thông tin cần thiết để bảo đảm kiểm soát hiệu quả công ty và ban giám đốc công ty không? Có kết quả không thuận lợi hoặc khủng hoảng không lường trước có thể do thiếu thông tin kịp thời hoặc chính xác?		
5. HĐQT có thường xuyên yêu cầu TGD trình kế hoạch và ngân sách hàng năm để HĐQT xem xét và phê duyệt không? HĐQT có thường xuyên giám sát hoạt động của TGD và người quản lý cấp dưới trực tiếp của TGD về kết quả thực tế đạt được so với kế hoạch và ngân sách đã thống nhất?		
6. Khi HĐQT được yêu cầu ra các quyết định quan trọng về mục tiêu tương lai, chiến lược, chính sách, các khoản đầu tư lớn, và bổ nhiệm người quản lý cấp cao, HĐQT có đủ thời gian và kiến thức để ra các quyết định này một cách sáng suốt không? HĐQT có chuyên môn về các vấn đề E&S hoặc có thể tiếp cận các chuyên gia về phát triển bền vững/E&S để ra quyết định về những rủi ro và cơ hội như vậy không?		

Nếu câu trả lời cho tất cả các câu hỏi này là “có”, có thể nói rằng HĐQT của công ty được coi là có năng lực đầy đủ. Mặt khác, nếu câu trả lời là không, hoặc không rõ ràng, công ty cần đánh giá lại thành phần và vai trò của HĐQT và thực hiện các hoạt động khác để cải thiện kết quả hoạt động của HĐQT.

¹²² Nguồn: Parker, Hugh, *Thư gửi Chủ tịch HĐQT Mới*, (1990) London: Director Publications, tr. 12-14. (Như trích dẫn trong Cadbury, Adrian, *Quản trị Công ty và vai trò Chủ tịch HĐQT*, (2002) Oxford University Press, trang 47-48).

PHỤ LỤC X

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG ỦY BAN PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA [CÔNG TY ABC]

Ngày phê duyệt của HĐQT: DD/MM/YYYY

MỤC TIÊU

- Hội đồng Quản trị (“HĐQT”) của Công ty đã ra nghị quyết thành lập Ủy ban Bền vững (“Ủy ban”), là ủy ban thuộc HĐQT được thành lập theo nghị quyết của HĐQT để hỗ trợ HĐQT giám sát các vấn đề bền vững, bao gồm phát triển bền vững, tiêu dùng bền vững, kinh doanh bền vững, và đầu tư bền vững; các vấn đề về môi trường, xã hội và quản trị (ESG);¹²³ tác động khí hậu; và ứng phó với biến đổi khí hậu. Tác động của biến đổi khí hậu có tính đan chéo và không chỉ nằm trong phạm vi bền vững. Có thể thấy hoạt động tài chính khí hậu và quản lý rủi ro khí hậu của một công ty hoặc tổ chức tài chính hoàn toàn thuộc phạm vi ESG.
- Việc thành lập Ủy ban được quy định tại [Điều lệ Công ty, Điều lệ Thành lập, Chính sách Quản trị Công ty, và Quy định Nội bộ] của Công ty. HĐQT và ban giám đốc Công ty đã thiết lập cơ cấu quản trị rủi ro môi trường và xã hội (E&S) và khí hậu để quản lý những rủi ro đáng kể mà Công ty phải đối mặt, giám sát hoạt động của khuôn khổ quản trị rủi ro môi trường và xã hội (E&S) và khí hậu, và cung cấp bảo đảm hợp lý rằng Công ty sẽ đạt được các mục tiêu bền vững quan trọng.
- Trách nhiệm chính của Ủy ban là hỗ trợ HĐQT trong:
 - Giám sát việc xây dựng và rà soát hàng năm các chính sách và quy trình bền vững của Công ty, giám sát việc thực hiện các vấn đề bền vững cũng như khung quản lý rủi ro khí hậu và rủi ro môi trường và xã hội của Công ty, và giám sát và theo dõi kết quả hoạt động của ban giám đốc.

¹²³ Xem định nghĩa về ESG của Tập đoàn Tài chính Quốc tế (https://www.ifc.org/wps/wcm/connect/topics_ext_content/ifc_external_corporate_site/sustainability-at-ifc/environmental_social_and_governance).

“Tính bền vững” được sử dụng ở đây như một thuật ngữ rộng bao gồm tất cả các khía cạnh của ESG và quản lý rủi ro khí hậu; “E&S” hoặc “climate” được sử dụng khi đề cập cụ thể đến các rủi ro hoặc rủi ro tiềm ẩn về môi trường hoặc xã hội liên quan đến biến đổi khí hậu. “G” trong ESG đề cập đến các cấu trúc và quy trình mà các công ty được chỉ đạo và kiểm soát (ví dụ: cơ cấu và tính đa dạng của hội đồng quản trị, hành vi có đạo đức, quản lý rủi ro, công bố thông tin và tính minh bạch), bao gồm việc quản trị các chính sách và thủ tục E&S quan trọng.

GIỚI THIỆU
VE QUẢN TRỊ
CÔNG TY

CƠ CẤU
QUẢN TRỊ
CÔNG TY

TÀI LIỆU NỘI BỘ
VE QUẢN TRỊ
CÔNG TY

GIỚI THIỆU VE
QUẢN TRỊ
CƠ ĐỒNG

ĐẠI HỘI
ĐỒNG CỔ ĐÔNG

HỘI ĐỒNG
QUẢN TRỊ

BAN GIÁM ĐỐC

THỦ LÝ CÔNG TY

MÔI TRƯỜNG
KIỂM SOÁT

CÔNG BỐ
THÔNG TIN

GAO DI CỬ VỚI
NGƯỜI CỘNG
QUẦN (GOLU)

CỐ TỨC

VỐN ĐIỀU LỆ

- b) Bảo đảm tuân thủ các chính sách và quy trình liên quan đến E&S và khí hậu, Quy tắc Ứng xử hoặc Đạo đức, [và chính sách công bố thông tin] của Công ty.
- c) Phối hợp đánh giá kết quả công việc hàng năm.

THÀNH VIÊN CỦA ỦY BAN

1. HĐQT sẽ chỉ định một thành viên Ủy ban làm Chủ tịch, là người đáp ứng các yêu cầu về độc lập quy định tại [nguồn]. Ủy ban sẽ được bổ nhiệm theo đa số phiếu biểu quyết của HĐQT trong số các thành viên có tham vấn với Chủ tịch. Ủy ban sẽ bao gồm không ít hơn ba thành viên, HĐQT sẽ xác định số lượng chính xác trong từng thời kỳ, tất cả đều là thành viên HĐQT không điều hành [và phần lớn trong số này phải đáp ứng các yêu cầu về độc lập quy định tại [nguồn]].¹²⁵
2. Tất cả các thành viên Ủy ban phải có kỹ năng và kiến thức cần thiết về hệ thống và hoạt động quản lý rủi ro của Công ty cũng như hiểu biết về rủi ro E&S và và rủi ro liên quan đến khí hậu. Ít nhất một thành viên Ủy ban phải có kiến thức chuyên sâu về rủi ro E&S, và một thành viên Ủy ban khác phải có hiểu biết sâu sắc về rủi ro liên quan đến khí hậu. Trong vai trò tập thể, Ủy ban phải có đủ kiến thức về chiến lược và lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty cũng như các rủi ro trọng yếu về môi trường và khí hậu liên quan đến các lĩnh vực kinh doanh đó để đánh giá hiệu quả của hệ thống quản lý rủi ro khí hậu và môi trường của Công ty, đề xuất cải tiến hệ thống và đưa ra khuyến nghị cho HĐQT về các mục tiêu bền vững.
3. Chủ tịch, với ý kiến đóng góp từ các thành viên khác của Ủy ban, sẽ xây dựng chương trình họp cho các cuộc họp Ủy ban, chương trình này sẽ được gửi cho HĐQT, và sẽ tham dự Đại hội Đồng Cổ đông thường niên của Công ty để thảo luận với cổ đông về bền vững và các vấn đề trọng yếu về môi trường và xã hội, cũng như cũng như các rủi ro liên quan đến khí hậu thuộc trách nhiệm của Ủy ban. Nếu Chủ tịch hoặc người được chỉ định của Chủ tịch không thể tham dự một cuộc họp Ủy ban, các thành viên còn lại có mặt sẽ bầu một người trong số họ chủ trì cuộc họp.
4. Thư ký Công ty hoặc người được Thư ký Công ty chỉ định sẽ làm Thư ký cho Ủy ban.

¹²⁵ Theo thông lệ tốt, cần có ít nhất một thành viên độc lập, tốt nhất là Ủy ban do một thành viên độc lập làm chủ tịch. Thông lệ tốt hơn yêu cầu phải có đa số thành viên HĐQT độc lập, tốt nhất là tất cả thành viên HĐQT độc lập.

5. Ủy ban có thể yêu cầu bất kỳ thành viên HĐQT, cán bộ, nhân viên nào khác của Công ty hoặc bất kỳ người nào khác mà Ủy ban lấy ý kiến và xin tư vấn tham dự họp Ủy ban và cung cấp thông tin thích hợp theo yêu cầu của Ủy ban. Ủy ban có thể loại khỏi các cuộc họp bất kỳ người nào mà Ủy ban cho là phù hợp để thực hiện trách nhiệm của Ủy ban.

QUYỀN HẠN VÀ TRÁCH NHIỆM

Ủy ban hỗ trợ HĐQT trong giám sát khung và hệ thống quản lý rủi ro khí hậu, và môi trường & xã hội của Công ty. Ủy ban bảo đảm rằng, khi phù hợp, các rủi ro trọng yếu về E&S và rủi ro liên quan đến khí hậu sẽ được đưa vào các rủi ro chiến lược quan trọng và được quản lý theo các chính sách liên quan, và phù hợp với mức độ chấp nhận rủi ro và giới hạn chấp nhận rủi ro mà HĐQT xác định (dựa trên khuyến nghị của Ủy ban). Ủy ban sẽ có thẩm quyền như vậy khi được yêu cầu thực hiện các chức năng và nghĩa vụ theo quy định trong các quy định nội bộ của Công ty hoặc theo khuyến nghị hoặc yêu cầu tại Bộ Nguyên tắc Quản trị Công ty Việt Nam và các quy định niêm yết, bao gồm việc tìm kiếm thông tin mà Ủy ban cần từ bất kỳ nhân viên Công ty nào để thực hiện nhiệm vụ. Mọi nhân viên được chỉ đạo hợp tác với bất kỳ yêu cầu nào từ Ủy ban. Đặc biệt, và không giới hạn ở những quy định trên đây, Ủy ban sẽ có thẩm quyền cụ thể sau đây, ngoài bất kỳ thẩm quyền nào khác mà HĐQT có thể trao cho Ủy ban trong từng thời kỳ:

1. Cơ cấu Quản trị Công ty

- a) Rà soát và đề xuất sửa đổi, bổ sung đề xuất đối với bản ghi nhớ và điều lệ thành lập của Công ty, mọi quy trình hoạt động của HĐQT, và quy chế hoạt động của các ủy ban trực thuộc HĐQT của Công ty, và rà soát và đề xuất sửa đổi, bổ sung các tài liệu khác liên quan đến hoạt động bền vững của Công ty.
- b) Rà soát chính sách của Công ty về bền vững và đưa ra khuyến nghị cho HĐQT liên quan đến những chính sách đó.
- c) Rà soát tất cả những diễn biến về ESG và khí hậu theo quy định luật pháp có thể ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty và đưa ra khuyến nghị cho HĐQT liên quan đến các vấn đề đó, luôn cố gắng bảo đảm để Công ty đi đầu về thông lệ tốt nhất.
- d) Giám sát việc thực hiện chương trình hành động cải thiện tính bền vững của Công ty, nếu có.

GỚI THIỆU VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
CƠ CẤU QUẢN TRỊ CÔNG TY
TÀI LIỆU NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
GỚI THIỆU VỀ QUYỀN CỦA CỔ ĐÔNG
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
BAN GIÁM ĐỐC
THU KẾ CÔNG TY
MÔI TRƯỜNG KIỂM SOÁT
CÔNG BỐ THÔNG TIN
GAO DI CỤ VỚI NGƯỜI CÒI LIÊN QUAN (GOLU)
CỐ TỨC
VỐN ĐIỀU LỆ

- e) Bảo đảm tuân thủ các tiêu chuẩn và công bố thông tin liên quan đến ESG và khí hậu tại Bộ Nguyên tắc Quản trị Công ty của Việt Nam và phản ánh trong nội dung công bố thông tin trong các báo cáo của Công ty.
- f) Nhận và xem xét báo cáo về mọi quan điểm mà cổ đông, cơ quan đại diện cổ đông, các bên có quyền lợi liên quan, và các bên quan tâm khác bày tỏ về các vấn đề ESG và biến đổi khí hậu.
- g) Nhận báo cáo định kỳ từ ban giám đốc về tuân thủ chính sách và quy trình về ESG và khí hậu của Công ty, rà soát các yêu cầu miễn trừ áp dụng các chính sách và quy trình đó, và tiếp đón kiểm toán độc lập về hiệu quả của hệ thống quản lý rủi ro khí hậu và E&S của công ty và quy trình tham gia của các bên có quyền lợi liên quan.

2. Quản trị Rủi ro E&S

- a) Giám sát việc thiết lập các chính sách và chiến lược để định hướng công ty đạt được các mục tiêu kinh doanh đồng thời quản lý rủi ro E&S hiệu quả và giám sát việc xây dựng, triển khai, và quản lý khung quản lý rủi ro E&S để đáp ứng mục tiêu của Công ty, quy định pháp luật, và các yêu cầu bên ngoài khác và các cam kết khác [tham chiếu các chuẩn mực quốc tế hiện hành].
- b) Rà soát và đề xuất HĐQT phê duyệt các chính sách quản lý rủi ro E&S và chỉ đạo ban giám đốc xây dựng và triển khai chính sách bổ sung liên quan đến quản lý rủi ro E&S ở cấp vận hành.
- c) Định kỳ rà soát các vấn đề và sự cố trong tuân thủ môi trường, sức khỏe và an toàn để xác định xem liệu Công ty có thực hiện mọi hành động cần thiết liên quan đến những vấn đề đó hay không và liệu Công ty có hoàn thành trách nhiệm và thực hiện hoạt động cần thiết liên quan đến vấn đề đó hay không.
- d) Rà soát kết quả kiểm toán hoạt động, sức khỏe, an toàn, và môi trường và hoạt động quản lý để duy trì kiểm toán nội bộ và độc lập phù hợp về sức khỏe, an toàn và môi trường; xác định các lĩnh vực quan trọng về sức khỏe, an toàn, rủi ro và tác động môi trường; và bảo đảm có đủ nguồn lực phân bổ để giải quyết những vấn đề này.
- e) Bảo đảm đối thoại phù hợp giữa Công ty và các bên có quyền lợi liên quan chính và hiệu quả của cơ chế khiếu nại và truyền thông bên ngoài của công ty.

- f) Theo dõi phát triển của các chuẩn mực quốc tế và thông lệ tốt nhất trong quản trị và quản lý rủi ro E&S, và đưa ra khuyến nghị cho HĐQT khi có những thay đổi phù hợp với Công ty.

GỚI THIỆU
VỀ QUẢN TRỊ
CÔNG TY

3. Quản trị Khí hậu

- a) Bảo đảm có một bộ phận, hội đồng liên quan về khí hậu, hoặc cá nhân được chỉ định chịu trách nhiệm quản lý rủi ro và cơ hội liên quan đến khí hậu ở cấp điều hành và bảo đảm để bộ phận, hội đồng, hoặc cá nhân đó báo cáo lên Ủy ban.
- b) Bảo đảm có các hệ thống quản lý được áp dụng để nhận dạng và quản lý rủi ro, tác động, và cơ hội về khí hậu.
- c) Thường xuyên rà soát đánh giá của ban giám đốc về tính trọng yếu trong ngắn, trung, và dài hạn của các tác động, rủi ro, và cơ hội liên quan đến khí hậu đối với Công ty; rà soát hành động và ứng phó của Công ty với biến đổi khí hậu; và xác định xem những hành động và ứng phó đó có tương xứng với mức độ trọng yếu của biến đổi khí hậu đối với Công ty hay không.
- d) Giám sát tiến độ thực hiện các mục tiêu và chỉ tiêu nhằm giải quyết các thách thức liên quan đến khí hậu trong khuôn khổ chiến lược và quản lý rủi ro của Công ty.
- e) Bảo đảm Công ty đã thực hiện định giá nội bộ về carbon để hiểu cách thức biến đổi khí hậu sẽ ảnh hưởng đến Công ty trong tương lai.
- f) Thực hiện quy hoạch kế nhiệm để bảo đảm rằng luôn có thành viên HĐQT và thành viên Ủy ban và các cá nhân trong ban giám đốc có nhận thức, kỹ năng và kinh nghiệm về khí hậu.
- g) Theo dõi sự phát triển của các chuẩn mực quốc tế và thông lệ tốt nhất trong quản trị và quản lý rủi ro khí hậu¹²⁶, và đưa ra khuyến nghị cho HĐQT khi có những thay đổi phù hợp với Công ty.

CƠ CẤU
QUẢN TRỊ
CÔNG TY

TÀI LIỆU NỘI BỘ
VỀ QUẢN TRỊ
CÔNG TY

GỚI THIỆU VỀ
QUYỀN CHỌI
CƠ ĐỒNG

ĐẠI HỘI
ĐỒNG CỔ ĐÔNG

HỘI ĐỒNG
QUẢN TRỊ

BAN GIÁM ĐỐC

THỦ KÝ CÔNG TY

MỐI TRƯỞNG
KIỂM SÁT

CÔNG BỐ
THÔNG TIN

GIAO DỊCH VỚI
NGƯỜI CÒN LIÊN
QUAN (GOLU)

4. Bổ nhiệm Ủy ban và Ban điều hành

- a) Xác định các thành viên HĐQT đủ năng lực để bù đắp chỗ trống trong Ủy ban Phát triển Bền vững và đề nghị HĐQT bổ nhiệm thành viên hoặc các thành viên được xác định vào ủy ban liên quan.

CỐ TỨC

VỐN ĐIỀU LỆ

¹²⁶ Nhiệm vụ này cũng có thể được giao cho một ủy ban quản lý rủi ro riêng ở cấp HĐQT.

- b) Xác nhận mô tả công việc của Giám đốc Phát triển bền vững (CSO) hoặc Giám đốc E&S; phỏng vấn các ứng cử viên cuối cùng vào danh sách ngắn trong quá trình lựa chọn CSO; và bảo đảm CSO có đủ thẩm quyền, nguồn lực, và hỗ trợ để thực hiện trách nhiệm, bao gồm quyền tiếp cận không cản trở với Ủy ban. Việc bổ nhiệm và bãi nhiệm CSO phải có được Ủy ban thông qua.
- c) Phê duyệt quy chế hoạt động của bộ phận, hội đồng, hoặc cá nhân cụ thể về khí hậu ở cấp điều hành liên quan đến biến đổi khí hậu và bảo đảm bộ phận, hội đồng, hoặc cá nhân đó có đủ thẩm quyền, nguồn lực, và hỗ trợ để thực hiện trách nhiệm, bao gồm quyền tiếp cận không cản trở với Ủy ban.

THỦ TỤC TỔ CHỨC HỌP

1. Ủy ban sẽ họp ở mức độ thường xuyên mà Ủy ban thấy cần thiết nhưng ít nhất ba lần một năm vào thời gian và địa điểm do Chủ tịch Ủy ban xác định, với các cuộc họp tiếp theo diễn ra hoặc hành động được thực hiện theo ý kiến thống nhất bằng văn bản khi Ủy ban hoặc Chủ tịch Ủy ban thấy cần thiết hoặc nên thực hiện. Các cuộc họp đặc biệt có thể được triệu tập theo yêu cầu của HĐQT và TGD. Ủy ban sẽ xây dựng và phê duyệt lịch họp hàng năm.
2. Các cuộc họp của Ủy ban có thể được tiến hành với sự có mặt trực tiếp của thành viên hoặc trong các hội nghị trực tuyến có hình ảnh hoặc âm thanh.
3. Thông báo mời họp và nội dung họp phải được gửi đến các thành viên Ủy ban trước tối thiểu 5 ngày làm việc, trừ khi có thỏa thuận khác.
4. Hai thành viên của Ủy ban sẽ cấu thành số đại biểu cần thiết.¹²⁷ Khi có trên hai thành viên có mặt, hành động của đa số thành viên tại cuộc họp có đủ số đại biểu sẽ là hành động của Ủy ban. Khi chỉ có hai thành viên có mặt, thống nhất biểu quyết của hai thành viên sẽ cấu thành hành động của Ủy ban. Ủy ban cũng có thể hành động bất cứ khi nào có thống nhất bằng văn bản.

¹²⁷ Nếu một thành viên HĐQT độc lập được bổ nhiệm, thành viên đó phải có mặt để cấu thành số đại biểu cần thiết.

- Ủy ban sẽ lưu giữ biên bản họp để gửi cho các thành viên tán thành và không tán thành. Biên bản sẽ được thông qua nếu không có phản đối trong thời hạn năm ngày làm việc. Sau khi được phê duyệt, biên bản đó sẽ được cung cấp cho HĐQT.
- Trừ khi được quy định rõ ràng trong Quy chế này, Ủy ban sẽ thiết lập các quy tắc thủ tục riêng của Ủy ban.

TIẾP CẬN CỔ VẤN VÀ ĐÀO TẠO

- Ủy ban sẽ có ngân sách riêng và có thẩm quyền tương tác, nhận tư vấn, và hỗ trợ của luật sư nội bộ hoặc bên ngoài, cố vấn E&S hoặc quản lý rủi ro khí hậu, hoặc cố vấn khác khi Ủy ban thấy cần thiết trong khi thực hiện nhiệm vụ mà không cần phải xin phê duyệt của HĐQT và bằng chi phí của Công ty.
- Ủy ban sẽ ra quyết định liên quan đến việc thanh toán cho cố vấn bên ngoài mà Ủy ban sử dụng.
- Các thành viên Ủy ban sẽ được đào tạo phù hợp về rủi ro E&S nói chung và đối với ngành khi nhậm chức và trên cơ sở liên tục và kịp thời để bảo đảm họ có thể thực hiện chức năng của mình.

QUAN HỆ VỚI CÁC ỦY BAN KHÁC TRỰC THUỘC HĐQT

- Chủ tịch Ủy ban sẽ phối hợp với Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán và Ủy ban Quản lý Rủi ro để bảo đảm công việc của ba ủy ban có tính bổ sung cho nhau. Ủy ban sẽ dựa vào Ủy ban Kiểm toán để bảo đảm các biện pháp kiểm soát nội bộ đối với từng rủi ro trọng yếu được thiết lập, duy trì, và giám sát, và thiết lập đủ bộ phận tuân thủ và kiểm toán nội bộ.
- Ủy ban sẽ dựa vào Ủy ban Quản lý Rủi ro để bảo đảm khung quản lý rủi ro được thiết lập, duy trì và giám sát. Trong trường hợp không có Ủy ban Kiểm toán hoặc Ủy ban Quản lý Rủi ro, sửa đổi quy định để yêu cầu HĐQT bảo đảm các hoạt động này được thực hiện.

NGHĨA VỤ BÁO CÁO

- Ủy ban sẽ lưu giữ biên bản họp và báo cáo định kỳ cho HĐQT, bao gồm hành động, kết luận, khuyến nghị của Ủy ban và các vấn đề khác mà HĐQT quy định trong từng thời kỳ. Báo cáo lên HĐQT có thể dưới hình thức báo cáo miệng của Chủ tịch Ủy ban hoặc bất kỳ thành viên Ủy ban nào mà Ủy ban chỉ định.

GIỚI THIỆU
VE QUẢN TRỊ
CÔNG TYCƠ CẤU
QUẢN TRỊ
CÔNG TYTÀI LIỆU MỜI BỎ
VE QUẢN TRỊ
CÔNG TYGIỚI THIỆU VE
QUẢN TRỊ
CƠ ĐỒNGĐẠI HỘI
ĐỒNG CỔ ĐÔNGHỘI ĐỒNG
QUẢN TRỊ

BAN GIÁM ĐỐC

THỦ KÝ CÔNG TY

MỐI TRƯỜNG
KIỂM SOÁTCÔNG BỐ
THÔNG TINGIAO DỊCH VỚI
NGƯỜI CÓ LIÊN
QUAN (GOLU)

CỐ TỨC

VỐN ĐIỀU LỆ

2. Ủy ban sẽ trình nộp Báo cáo Thường niên lên HĐQT về các hoạt động của Ủy ban trong năm, trong đó mô tả tình hình thực hiện quản lý rủi ro E&S và rủi ro khí hậu của Công ty, các lĩnh vực cần cải thiện, và khuyến nghị của Ủy ban để giải quyết những lĩnh vực cần cải thiện.
3. Ngoài những nghĩa vụ báo cáo trên, Ủy ban phải chuẩn bị báo cáo về công việc của Ủy ban trong việc thực hiện trách nhiệm để đưa vào Báo cáo Thường niên của Công ty hoặc các báo cáo đặc biệt về khí hậu hoặc bền vững (ví dụ: theo yêu cầu của Lực lượng Đặc nhiệm về Công khai Tài chính liên quan đến Khí hậu (TCFD)).
4. Những điều khoản này, và các sửa đổi, bổ sung trong từng thời kỳ, sẽ được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA ỦY BAN

Ủy ban sẽ rà soát kết quả hoạt động của mình, đánh giá lại sự đầy đủ của quy chế hoạt động này tối thiểu hàng năm theo cách thức mà Ủy ban cho là phù hợp, và gửi bản đánh giá đó, bao gồm mọi khuyến nghị thay đổi, lên HĐQT để xem xét, thảo luận, và phê duyệt.

LƯƠNG THƯỞNG

Không thành viên Ủy ban nào được nhận, trực tiếp hoặc gián tiếp, bất kỳ khoản lương thưởng nào từ Công ty ngoài khoản phí trả cho các thành viên HĐQT để phục vụ trong HĐQT, các khoản phí bổ sung cho các thành viên HĐQT để phục vụ trong một ủy ban thuộc HĐQT (bao gồm Ủy ban) hoặc trong vai trò Chủ tịch của bất kỳ ủy ban nào, và lương hưu hoặc thù lao trả chậm khác cho công việc trước đây không phụ thuộc vào hoạt động trong HĐQT trong tương lai với điều kiện là khoản thù lao đó không ảnh hưởng đến sự độc lập của thành viên Ủy ban.

KHÁC

Ủy ban sẽ cân nhắc thận trọng các quy định luật pháp, các điều khoản trong Bộ Nguyên tắc Quản trị Công ty Việt Nam, và các quy định niêm yết, tùy trường hợp phù hợp.

NOTES

A series of horizontal dashed lines for taking notes.

GIỚI THIỆU
VE QUẢN TRỊ
CÔNG TY

CƠ CẤU
QUẢN TRỊ
CÔNG TY

TÀI LIỆU NỘI BỘ
VE QUẢN TRỊ
CÔNG TY

GIỚI THIỆU VỀ
QUYỀN CHỐI
CƠ ĐỒNG

ĐẠI HỘI
ĐỒNG CỔ ĐÔNG

HỘI ĐỒNG
QUẢN TRỊ

BAN GIÁM ĐỐC

THƯ KẾ CÔNG TY

MỘT TRƯỞNG
KHEM SƠ T

CÔNG BỐ
THÔNG TIN

GAO DỊCH VỚI
NGƯỜI CÓ LIÊN
QUAN (G/L)

CỐ TỨC

VỐN ĐIỀU LỆ

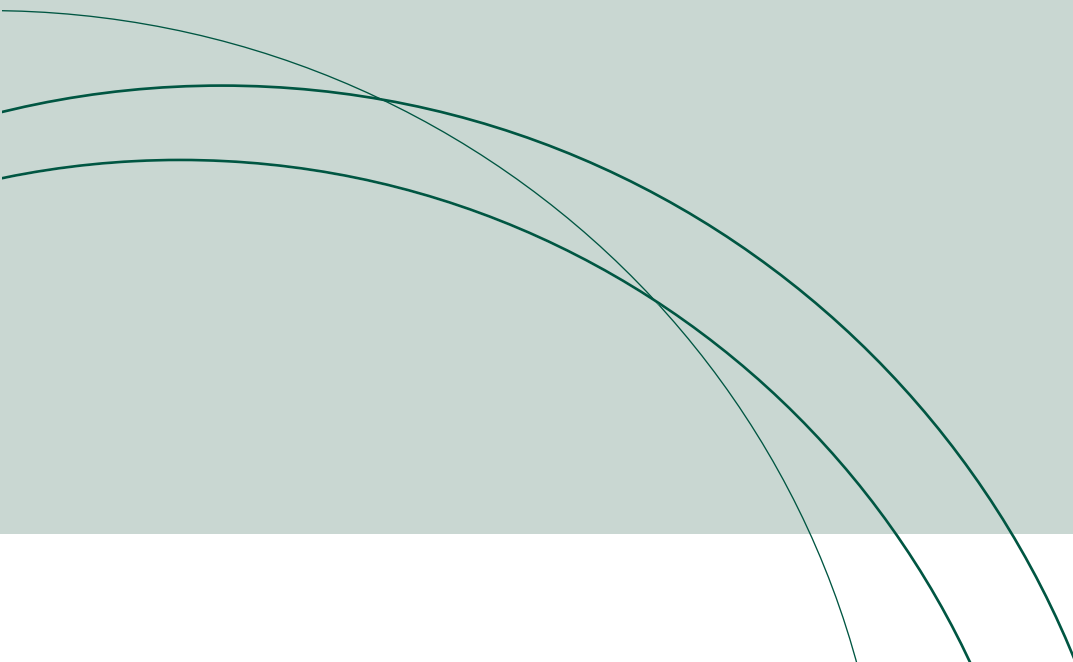
NOTES

A series of 25 horizontal dashed lines for writing notes.

Chương **7**

BAN GIÁM ĐỐC

7 | BAN GIÁM ĐỐC



Mục lục

7.1. Thẩm quyền	295
7.2. Nhiệm vụ và Trách nhiệm	296
7.3. Thành phần	297
7.4. Phẩm chất và Năng lực	298
7.5. Bổ nhiệm và Miễn nhiệm TGD và các thành viên khác của Ban Giám đốc	299
7.6. Hợp đồng Lao động cho Người quản lý điều hành	301
7.7. Quy trình Hợp và Làm việc	302
7.8. Chế độ Lương thưởng và Thù lao	303
7.9. Đánh giá Kết quả Công việc	306

GIỚI THIỆU
VE QUẢN TRỊ
CÔNG TYCƠ CẤU
QUẢN TRỊ
CÔNG TYTÀI LIỆU NỘI BỘ
VE QUẢN TRỊ
CÔNG TYGIỚI THIỆU VE
QUẢN TRỊ
CƠ ĐỒNGĐẠI HỘI
ĐỒNG CỔ ĐÔNGHỘI ĐỒNG
QUẢN TRỊ

BAN GIÁM ĐỐC

THU KẾ CÔNG TY

MỘT TRƯỞNG
KIỂM SÁTCÔNG BỐ
THÔNG TINGIAO DỊCH VỚI
NGƯỜI CÓ LIÊN
QUAN (GOLU)

CỐ TỨC

VỐN ĐIỀU LỆ



Những vấn đề Chủ tịch HĐQT cần lưu ý:

- Công ty có phân định và phân tách rõ ràng thẩm quyền giữa cổ đông, thành viên HĐQT, và người quản lý không? Công ty đã thành lập Ban Giám đốc một cách thỏa đáng chưa? Điều lệ Công ty hoặc các quy chế nội bộ khác có phân định rõ quyền hạn của Tổng Giám đốc (TGD) với quyền hạn của Ban Giám đốc không?
- TGD và tất cả các thành viên Ban Giám đốc có kiến thức và kỹ năng cần thiết để quản lý công ty không? Họ có thực hiện nhiệm vụ trên cơ sở toàn thời gian không? Có phân công công việc rõ ràng giữa các thành viên ban giám đốc, như tài chính, pháp chế, tiếp thị, quản lý rủi ro, kiểm soát nội bộ, và vận hành không?
- Ai là người bầu chọn các thành viên của Ban Giám đốc? TGD có tham gia đầy đủ vào quá trình để cử các thành viên khác trong Ban Giám đốc không?
- Ban Giám đốc có họp định kỳ để thảo luận về công việc của công ty không? Các cuộc họp này có được chuẩn bị kỹ lưỡng, có chương trình họp và tài liệu tham khảo được gửi trước (bằng văn bản và/hoặc điện tử) không?
- TGD và Ban Giám đốc có thông báo định kỳ và đầy đủ cho HĐQT về mọi hoạt động của công ty không? Ban Giám đốc có cung cấp kịp thời tất cả các thông tin liên quan cho HĐQT, các ủy ban trực thuộc HĐQT, Ban Kiểm soát, và Kiểm toán Độc lập không?
- Tất cả các thành viên của Ban Giám đốc có hiểu rõ bổn phận phải hành động hợp lý và trung thực vì lợi ích cao nhất của công ty không? HĐQT có áp dụng các biện pháp để đảm bảo rằng người quản lý làm trái những bổn phận này sẽ phải chịu trách nhiệm pháp lý theo quy định của luật dân sự, hành chính, và hình sự?
- Việc đánh giá kỹ lưỡng kết quả hoạt động của Ban Giám đốc có dựa trên phân tích định kỳ các chỉ số kết quả chính không? HĐQT có đánh giá Ban Giám đốc một cách nghiêm khắc tối thiểu hàng năm, nếu không phải thường xuyên hơn? HĐQT có gắn kết quả công việc của các thành viên Ban Giám đốc với lương thưởng không?

Luật Doanh nghiệp (LDN) không quy định rõ thành phần và chức năng của “Ban Giám đốc”. Chức năng quản lý cơ bản trong công ty cổ phần, theo quy định tại LDN, do TGD công ty lãnh đạo.¹ Điều lệ Mẫu có quy định rõ hơn về vấn đề này khi dành một điều khoản chi tiết về “tổ chức bộ máy quản lý của công ty niêm yết”, bao gồm TGD, một hoặc một số Phó TGD, và Kế toán Trưởng, đều do HĐQT bổ nhiệm, miễn nhiệm.²

Mặc dù không có một định nghĩa chính xác theo pháp luật, “Ban Giám đốc” là thuật ngữ được sử dụng rộng rãi để chỉ các cán bộ quản lý điều hành được giao nhiệm vụ quản lý hoạt động hàng ngày của công ty. Họ thực hiện định hướng chiến lược do HĐQT và Đại hội Đồng Cổ đông (ĐHĐCĐ) đưa ra và là một bộ phận thiết yếu trong cơ cấu quản trị của công ty. Ban Giám đốc, theo định nghĩa trong Bộ Nguyên tắc Quản trị Công ty theo Thông lệ Tốt nhất của Việt Nam, là một nhóm cán bộ điều hành được HĐQT trao thẩm quyền thực thi các chính sách do HĐQT phê duyệt trong quá trình tiến hành hoạt động kinh doanh của công ty. Chương này mô tả cơ cấu, thành phần của “Ban Giám đốc” trên thực tế, và thẩm quyền, quy trình thành lập và quy chế hoạt động của Ban Giám đốc, cũng như tương tác của Ban Giám đốc với HĐQT, nhiệm vụ, đánh giá, trách nhiệm, và thù lao của Ban Giám đốc.

7.1. Thẩm quyền

Ban Giám đốc có thể bao gồm TGD, các Phó TGD, Kế toán Trưởng và những người khác do HĐQT bổ nhiệm, nắm giữ các vị trí điều hành cấp cao khác.³ TGD là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của công ty, chịu sự giám sát của HĐQT, chịu trách nhiệm trước HĐQT và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.⁴

Pháp luật Việt Nam yêu cầu ĐHĐCĐ và HĐQT quyết định một số vấn đề trọng yếu cụ thể của công ty cổ phần. ĐHĐCĐ và HĐQT không được ủy quyền cho ban giám đốc những vấn đề thuộc thẩm quyền của mình. Ngoài ra, điều lệ công ty và các quy định nội bộ cần quy định rõ thẩm quyền của ban giám đốc.

³ Khoản 1, Điều 34, Thông tư 116/2020/TT-BTC Điều lệ Mẫu.

⁴ Khoản 2, Điều 162, LDN.

⁵ Khoản 3, Điều 162, LDN.

GIỚI THIỆU
VE QUẢN TRỊ
CÔNG TYCƠ CẤU
QUẢN TRỊ
CÔNG TYTÀI LIỆU NỘI BỘ
VE QUẢN TRỊ
CÔNG TYGIỚI THIỆU VỀ
QUYỀN CỦA
CỔ ĐÔNGĐẠI HỘI
ĐỒNG CỔ ĐÔNGHỘI ĐỒNG
QUẢN TRỊ

BAN GIÁM ĐỐC

THU KẾ CÔNG TY

MỘT TRƯỞNG
KIỂM SOÁTCÔNG BỐ
THÔNG TINGIAO DỊCH VỚI
NGƯỜI CÓ LIÊN
QUAN (GIAO)

CỐ TỨC

VỐN ĐIỀU LỆ



THÔNG LỆ TỐT NHẤT

Công việc của ban giám đốc cần được định hướng bằng kế hoạch tài chính và kinh doanh được HĐQT phê duyệt hàng năm. Khuyến nghị bổ sung của các nguyên tắc quản trị công ty tốt bao gồm:

- TGD và Ban Giám đốc báo cáo và xin ý kiến của HĐQT đối với các giao dịch ngoài phạm vi kế hoạch tài chính và kinh doanh (hoạt động phi tiêu chuẩn).
- Công ty cần xây dựng quy định nội bộ hoặc văn bản nội bộ khác quy định chi tiết quy trình để TGD và Ban Giám đốc xin phê duyệt của HĐQT.
- HĐQT có quyền phủ quyết các quyết định của TGD và Ban Giám đốc để triển khai các hoạt động phi chuẩn đó.

7.2. Nhiệm vụ và Trách nhiệm

Pháp luật Việt Nam không quy định khung pháp lý đối với Ban Giám đốc, trong vai trò cơ quan điều hành, ra quyết định kinh doanh hàng ngày. Cơ chế này có thể được quy định tại Điều lệ Công ty. LDN quy định nhiệm vụ và nghĩa vụ của TGD đối với việc điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của công ty, bao gồm:⁵

- Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hàng ngày của công ty mà không thuộc thẩm quyền của HĐQT.
- Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT.
- Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của công ty.
- Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của công ty.
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của HĐQT.
- Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của TGD.
- Tuyển dụng lao động.
- Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh.
- Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, và nghị quyết, quyết định của HĐQT.

⁵ Khoản 3, Điều 162, LDN.

7.3. Thành phần

Số lượng thành viên Ban Giám đốc phải được quy định trong Điều lệ Công ty, quy chế nội bộ, hoặc nghị quyết cụ thể của HĐQT.



THÔNG LỆ TỐT NHẤT

Số lượng thành viên Ban Giám đốc phải được điều chỉnh phù hợp với hoàn cảnh thực tế của công ty, và do đó sẽ khác nhau về thành phần. Số lượng thành viên phụ thuộc vào hoạt động của công ty, quy mô (số lượng lao động), mức độ phát triển, và các đặc điểm khác của công ty. Tất cả các yếu tố này rất quan trọng đối với việc xác định số lượng thành viên tối ưu và trình độ và kỹ năng chuyên môn. Ban Giám đốc có thể bao gồm những vị trí sau đây:

- TGD
- (Các) Phó TGD
- Giám đốc Điều hành
- Giám đốc Tài chính (hoặc Kế toán Trưởng)
- Giám đốc Pháp chế (hay Luật sư Trưởng)
- Giám đốc Rủi ro
- Trưởng Kiểm toán Nội bộ
- Giám đốc Công nghệ
- Giám đốc Bền vững
- Giám đốc Bán hàng và Tiếp thị
- Trưởng phòng Mua sắm
- Trưởng phòng Nghiên cứu và Phát triển
- Trưởng phòng Quan hệ Công chúng/Nhà đầu tư
- Trưởng các phòng Kinh doanh/Dòng Sản phẩm
- Giám đốc Nhân sự

Trừ trường hợp có quy định khác trong chương này, thành viên Ban Giám đốc cũng có thể là thành viên HĐQT hoặc bất kỳ người nào khác được LDN cho phép đảm trách vai trò là thành viên Ban Giám đốc. Đối với công ty niêm yết, Điều lệ Mẫu và bộ nguyên tắc quản trị công ty hạn chế số lượng thành viên Ban Giám đốc đồng thời là thành viên HĐQT, do đó thành viên Ban Giám đốc chỉ có thể chiếm ít hơn 2/3 tổng số ghế trong HĐQT.⁶ Tuy nhiên, theo khuyến nghị tại Bộ Nguyên tắc Quản trị Công ty Việt Nam, không quá 1/3 số thành viên HĐQT nên giữ vị trí điều hành trong một công ty.

⁶ Khoản 2, Điều 270, Nghị định 155/2020/NĐ-CP

GIỚI THIỆU
VE QUẢN TRỊ
CÔNG TYCƠ CẤU
QUẢN TRỊ
CÔNG TYTÀI LIỆU NỘI BỘ
VE QUẢN TRỊ
CÔNG TYGIỚI THIỆU VE
QUẢN TRỊ CỦA
CƠ ĐỒNGĐẠI HỘI
ĐỒNG CƠ ĐỒNGHỘI ĐỒNG
QUẢN TRỊ

BAN GIÁM ĐỐC

THỦ KÝ CÔNG TY

MỘT TRƯỞNG
KIỂM SOÁTCÔNG ĐÓ
THÔNG TINGIAO DIỆN VỚI
NGƯỜI CÒN LIÊN
QUAN (GIAO)

CỐ TỨC

VỐN ĐIỀU LỆ

7.4. Phẩm chất và Năng lực

Bất kỳ cá nhân nào cũng có thể là TGD hoặc thành viên Ban Giám đốc. Tuy nhiên, có những tiêu chí cụ thể đối với TGD của công ty đại chúng,⁸ doanh nghiệp Nhà nước hoặc công ty con của DNNN:⁹

- TGD không thuộc đối tượng quy định tại Khoản 2, Điều 17 của LDN.
- TGD không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên của công ty và công ty mẹ, người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại công ty và công ty mẹ.
- TGD trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của công ty.

Để có thêm thông tin, khái niệm về (i) những đối tượng bị cấm tham gia các hoạt động quản lý doanh nghiệp và (ii) người có liên quan, xem Mục 6.3.1.



THÔNG LỆ TỐT NHẤT

Theo thông lệ tốt nhất, không nên bổ nhiệm một người vào Ban Giám đốc khi người đó đồng thời là:

- Thành viên HĐQT của một công ty cạnh tranh.
- Người quản lý của một công ty cạnh tranh.
- Nhân viên của một công ty cạnh tranh.

TGD không nên tham gia bất kỳ hoạt động kinh doanh nào ngoài những hoạt động liên quan đến quản lý, điều hành công ty và quản trị các công ty con của công ty.

Các cơ quan điều hành chỉ có thể hoạt động hiệu quả khi có đủ nguồn lực tài chính và con người, và các thành viên có kinh nghiệm, kiến thức, kỹ năng và thời gian cần thiết để thực hiện nhiệm vụ của mình.

⁷ Bộ Nguyên tắc Quản trị Công ty theo Thông lệ Tốt nhất của Việt Nam, Nguyên tắc 2.2.

⁸ Khoản 5, Điều 162, LDN.

⁹ Khoản 1, Điều 88, LDN.



THÔNG LỆ TỐT NHẤT

Điều lệ hoặc quy chế nội bộ của công ty cần quy định rõ các yêu cầu về phẩm chất, năng lực của thành viên Ban Giám đốc cũng như người đứng đầu các bộ phận chính. Thành viên Ban Giám đốc nhìn chung phải là những người:

- Có được sự tin nhiệm của cổ đông, thành viên HĐQT, người quản lý khác và nhân viên công ty.
- Có khả năng xem xét lợi ích của tất cả các bên có quyền lợi liên quan và ra quyết định hợp lý.
- Có chuyên môn, bằng cấp, và kỹ năng tổ chức phù hợp.
- Có kinh nghiệm kinh doanh (quốc tế), kiến thức về các vấn đề kinh tế, chính trị, luật pháp và xã hội của quốc gia, cũng như xu hướng và kiến thức về thị trường, sản phẩm và đối thủ cạnh tranh (trong nước và quốc tế).
- Có khả năng chuyển đổi kiến thức và kinh nghiệm thành giải pháp thực tế có thể áp dụng cho công ty.

Ngoài ra, việc kiểm tra lý lịch đối với các ứng cử viên cần được thực hiện nhằm xác minh về tiền án hình sự hoặc vi phạm hành chính. Bằng chứng về những vi phạm như vậy có thể dẫn đến việc loại bỏ một ứng cử viên.

7.5. Bổ nhiệm và Miễn nhiệm TGD và các thành viên khác của Ban Giám đốc

LDN và các thông lệ quốc tế tốt nhất quy định các yêu cầu liên quan đến việc bổ nhiệm, thay thế, và miễn nhiệm TGD như sau:

- HĐQT bổ nhiệm TGD.¹⁰
- Nhiệm kỳ của TGD không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.¹¹
- Thành viên Ban Giám đốc được bổ nhiệm có thời hạn và có thể được bổ nhiệm lại.
- Điều lệ Công ty quy định về các thành viên khác của Ban Giám đốc.
- Điều lệ Công ty, quy chế nội bộ quy định quy trình cụ thể cho việc bổ nhiệm, thay thế, miễn nhiệm thành viên Ban Giám đốc, và cũng có thể quy định về quy trình đề cử.

¹⁰ Khoản 1, Điều 162, LDN.

¹¹ Khoản 2, Điều 162, LDN.

GIỚI THIỆU
VE QUẢN TRỊ
CÔNG TYCƠ CẤU
QUẢN TRỊ
CÔNG TYTÀI LIỆU NỘI BỘ
VE QUẢN TRỊ
CÔNG TYGIỚI THIỆU VỀ
QUYỀN CỦA
CỔ ĐÔNGĐẠI HỘI
ĐỒNG CỐ ĐÔNGHỘI ĐỒNG
QUẢN TRỊ

BAN GIÁM ĐỐC

THỦ KÝ CÔNG TY

MỘT TRƯỞNG
KIỂM SOÁTCÔNG BỐ
THÔNG TINGIAO DIỆN VỚI
NGƯỜI CÒ LIÊN
QUAN (GIAO)

CỐ TỨC

VỐN ĐIỀU LỆ

TGD nên cùng với HĐQT ra quyết định về các vị trí nhân sự cấp cao nói chung, và việc lựa chọn thành viên Ban Giám đốc nói riêng, trừ vị trí Kế toán Trưởng.¹² Quyết định về nhân sự không nên là quyết định mang tính chính trị. Việc đánh giá kỹ năng và phẩm chất của các ứng cử viên của Ban Giám đốc tốt nhất nên được thực hiện bởi một người có phối hợp công tác chặt chẽ với các ứng cử viên. Cổ đông hoặc HĐQT nếu muốn giám sát chặt chẽ quá trình này nên thiết lập chính sách theo định hướng kết quả thay vì tham gia quản lý vi mô quá trình tuyển chọn. Việc thiết lập quy chế hoạt động chính xác cho các vị trí điều hành chủ chốt có ý nghĩa thiết yếu. Theo thông lệ quản trị công ty tiêu chuẩn, HĐQT bổ nhiệm TGD, là người tập hợp Ban Giám đốc theo định hướng của HĐQT.

Cổ đông cần có cơ hội nhận được đầy đủ thông tin (bằng văn bản và/hoặc điện tử) về các ứng cử viên cho vị trí TGD và thành viên Ban Giám đốc trước ĐHĐCĐ. Thông tin cập nhật cũng cần được cung cấp cho tất cả cổ đông trong ĐHĐCĐ. Thông tin về các ứng cử viên cho bộ máy điều hành nên bao gồm các thông tin sau:

- Danh tính của ứng cử viên, bao gồm tuổi và giới tính.
- Học vấn của ứng cử viên.
- Các vị trí mà ứng cử viên đã đảm nhiệm trong sự nghiệp chuyên môn.
- Các vị trí mà ứng cử viên đang đảm nhiệm tại thời điểm được đề cử.
- Mọi mối quan hệ hiện tại giữa ứng cử viên và công ty.
- Tư cách thành viên của ứng cử viên (thành viên Ban Giám đốc hoặc HĐQT) tại các pháp nhân khác.
- Mối quan hệ của ứng cử viên với những người có liên quan, bao gồm các đối tác kinh doanh lớn của công ty.
- Thông tin liên quan đến bất kỳ hoàn cảnh nào có thể ảnh hưởng đến khả năng thực hiện bốn phận của ứng cử viên.
- Việc ứng cử viên từ chối cung cấp thông tin theo yêu cầu.

Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xem xét, chấp thuận danh sách ứng cử viên chức danh TGD của một ngân hàng.¹³

¹² Ai nên được Ủy ban Kiểm toán bổ nhiệm. Theo thông lệ tốt nhất, Ủy ban Kiểm toán chịu trách nhiệm bổ nhiệm, miễn nhiệm Trưởng Kiểm toán Nội bộ. Trưởng Kiểm toán Nội bộ nên báo cáo chủ tịch Ủy ban Kiểm toán.

¹³ Điều 3 và 4, Thông tư 22/2018/TT-NHNN.

7.6. Hợp đồng Lao động cho Người quản lý điều hành

Theo quy định của pháp luật Việt Nam, công ty phải ký kết hợp đồng lao động với TGD và các thành viên Ban Giám đốc, cũng như với người lao động khác của công ty.

Ngoài thông tin chung về các bên ký kết hợp đồng, hợp đồng dành cho người quản lý công ty nên bao gồm:

- Ngày bắt đầu và kết thúc của hợp đồng.
- Quyền và nhiệm vụ của TGD, hoặc thành viên Ban Giám đốc.
- Quyền và nhiệm vụ của công ty.
- Chi tiết về thù lao, bao gồm lợi ích và các đặc quyền khác (ví dụ: chiết khấu khi mua cổ phần của công ty theo Kế hoạch Mua Cổ phiếu cho Nhân viên, bảo hiểm y tế, hoàn trả chi phí nhà ở/đi lại).
- Các điều khoản và điều kiện, bao gồm các hình phạt đối với việc không thực hiện các nhiệm vụ và trách nhiệm cụ thể.
- Điều khoản bảo mật trong thời hạn của hợp đồng và sau khi người quản lý rời công ty với bất kỳ lý do gì.
- Các điều khoản không cạnh tranh áp dụng trong và sau khi người quản lý làm việc với công ty.
- Cam kết bảo vệ lợi ích của công ty và cổ đông.
- Điều kiện chấm dứt hợp đồng trước thời hạn.
- Bồi thường.



THÔNG LỆ TỐT NHẤT

Công ty đại chúng có thể xem xét ủy quyền việc bổ nhiệm TGD và một số vị trí quản lý điều hành cho Ủy ban Để cử và Lương thưởng. Ví dụ, ủy ban có thể thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Lựa chọn các ứng cử viên tiềm năng cho vị trí Thành viên HĐQT và TGD.
- Rà soát và phê duyệt việc bổ nhiệm các vị trí cấp cao khác.
- Tổ chức đánh giá HĐQT và tiến hành đánh giá kết quả công việc của thành viên HĐQT, TGD và cán bộ điều hành cấp cao khác.

¹⁴ Khoản 4, Điều 162, LDN.

GIỚI THIỆU
VỀ QUẢN TRỊ
CÔNG TY

CƠ CẤU
QUẢN TRỊ
CÔNG TY

TÀI LIỆU NỘI BỘ
VỀ QUẢN TRỊ
CÔNG TY

GIỚI THIỆU VỀ
QUYỀN CỦA
CỔ ĐÔNG

ĐẠI HỘI
ĐỒNG CỔ ĐÔNG

HỘI ĐỒNG
QUẢN TRỊ

BAN GIÁM ĐỐC

THỦ KÝ CÔNG TY

MỘT TRƯỞNG
KIỂM SOÁT

CÔNG BỐ
THÔNG TIN

GAO DIỆN VỚI
NGƯỜI CÒN LIÊN
QUAN (GIAO)

CỐ TỨC

VỐN ĐIỀU LỆ

- Bảo đảm quy hoạch kế nhiệm cho HĐQT, TGD, và các vị trí quản lý chủ chốt khác.
- Bãi nhiệm TGD và các thành viên khác của Ban Giám đốc khi cần thiết.
- Soạn thảo hoặc đánh giá quy trình đề cử và bổ nhiệm cho các thành viên Ban Giám đốc.
- Định kỳ đánh giá quy mô, thành phần của Ban Giám đốc và các tiêu chí bổ nhiệm và có khuyến nghị thay đổi khi phù hợp.

7.7. Quy trình Họp và Làm việc

Điều lệ Công ty, quy chế nội bộ hoặc nghị quyết cụ thể của HĐQT cần quy định nội dung sau đây:

- Tần suất họp Ban Giám đốc.
- Thể thức tổ chức và tiến hành họp Ban Giám đốc.
- Thể thức ra quyết định trong các cuộc họp của Ban Giám đốc.

Điều lệ, quy chế nội bộ, hoặc nghị quyết cụ thể của HĐQT phải quy định người có thẩm quyền triệu tập họp Ban Giám đốc và quy định cụ thể thể thức triệu tập và tiến hành các cuộc họp. Thông thường, TGD nên có quyền hạn này. Tuy nhiên, tất cả các thành viên Ban Giám đốc nên có tiếng nói trong việc triệu tập các cuộc họp của Ban Giám đốc và xây dựng các nội dung trong chương trình họp. Trong khi TGD chủ trì các cuộc họp của Ban Giám đốc, các cuộc họp của hội đồng khác ở cấp điều hành sẽ do các cán bộ điều hành khác chủ trì.

Thông báo mời họp: Quy chế nội bộ cần quy định cách thức thuận tiện và phù hợp nhất để gửi thông báo và tài liệu họp đến các thành viên Ban Giám đốc. Các thành viên Ban Giám đốc cần được nhận thông báo mời họp kèm theo chương trình họp đủ chi tiết từ trước nhằm bảo đảm có đủ thời gian chuẩn bị để tham dự họp hiệu quả.

Số lượng đại biểu tối thiểu dự họp Ban Giám đốc: Số lượng thành viên phải tham gia cuộc họp để quyết định đưa ra trong cuộc họp có hiệu lực. Điều lệ Công ty, quy chế nội bộ hoặc nghị quyết của HĐQT cần quy định số lượng thành viên tối thiểu cần thiết trong mỗi cuộc họp của Ban Giám đốc. Số người tham gia không nên ít hơn một nửa tổng số thành viên ban giám đốc. Một cuộc họp Ban Giám đốc không đủ số lượng thành viên tham dự theo yêu cầu thì không thể ra quyết định một cách hợp lệ.

Biểu quyết trong các cuộc họp của Ban Giám đốc: Đa số quá bán thành viên Ban Giám đốc tham dự cuộc họp là đủ để thông qua quyết định, trừ trường hợp Điều lệ Công ty, quy chế nội bộ, hoặc nghị quyết cụ thể của HĐQT yêu cầu phải đạt đại đa số phiếu biểu quyết. Mỗi thành viên Ban Giám đốc sở hữu một phiếu bầu. Điều lệ Công ty, quy chế nội bộ, hoặc nghị quyết của Hội đồng quản trị có thể quy định cụ thể về việc TGD có lá phiếu quyết định trong trường hợp có số phiếu bầu ngang nhau.

Biên bản các cuộc họp của Ban Giám đốc: Thư ký Công ty có trách nhiệm ghi biên bản tất cả các cuộc họp của Ban Giám đốc. Mặc dù không có yêu cầu theo quy định pháp luật về việc biên bản phải được lưu ở bộ phận lưu trữ của công ty, kinh nghiệm tốt cho thấy tất cả các biên bản của các cuộc họp của Ban Giám đốc cần được lưu ở bộ phận lưu trữ hoặc sổ biên bản của công ty.

Biên bản họp Ban Giám đốc nên bao gồm các thông tin sau:

- Địa điểm và thời gian diễn ra cuộc họp.
- Tên những người tham dự cuộc họp.
- Chương trình họp.
- Các nội dung trong chương trình họp, cũng như kết quả biểu quyết của từng nội dung.
- Các quyết định của Ban Giám đốc.
- Lý do giải thích cho các quyết định đó.

TGD ký biên bản họp của Ban Giám đốc. Để thực hành quản trị công ty tốt và cải thiện sự minh bạch, biên bản họp Ban Giám đốc cần được cung cấp khi có yêu cầu của:

- Thành viên HĐQT hoặc Ủy ban Kiểm toán.
- Kiểm toán Độc lập.
- Ban Kiểm soát và các thành viên.
- Cổ đông (hoặc nhóm cổ đông) sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết.

7.8. Chế độ Lương thưởng và Thù lao

Chế độ đãi ngộ đối với các thành viên ban giám đốc có vai trò thiết yếu trong việc thu hút tài năng quản lý. Mặt khác, những khoản lương thưởng quá lớn cho người quản lý thường bị coi là đặc quyền phi lý. Do đó, điều hết

- GHI THIỆU VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
- CƠ CẤU QUẢN TRỊ CÔNG TY
- TÀI LIỆU NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
- GHI THIỆU VỀ QUYỀN CỦA CỔ ĐÔNG
- ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
- HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
- BAN GIÁM ĐỐC
- THƯ KÝ CÔNG TY
- MỘT SỐ TRƯỜNG KIỂM SOÁT
- CÔNG BỐ THÔNG TIN
- GAO DIỆP VỚI NGƯỜI CÒ LIÊN QUAN (GIAO)
- CỐ TỨC
- VỐN ĐIỀU LỆ

sức quan trọng là bảo đảm mức thù lao dành cho thành viên Ban Giám đốc ở trong phạm vi chấp nhận được, tốt nhất là ở mức cạnh tranh với công ty thuộc nhóm ngành kinh doanh tương tự.

LDN quy định rõ ràng rằng TGD và người quản lý khác được hưởng lương và thưởng, HĐQT có thẩm quyền quyết định mức lương và thưởng của TGD và người quản lý chủ chốt khác mà việc bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm thuộc thẩm quyền của HĐQT.¹⁵ Tiền lương của TGD và người quản lý khác được tính vào chi phí kinh doanh của công ty theo quy định của Luật Thuế Thu nhập Doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của công ty và phải báo cáo ĐHCĐ tại cuộc họp thường niên.¹⁶

Khi xây dựng chính sách thù lao cho Ban Giám đốc, điều quan trọng là HĐQT phải xem xét các yếu tố liên quan đến kết quả hoạt động dựa trên các chỉ số kết quả chính của công ty. Một số vấn đề liên quan đến lương thưởng bao gồm:

- Phạm vi trách nhiệm.
- Mức độ và các loại hình phẩm chất, năng lực yêu cầu.
- Kinh nghiệm của ứng cử viên.
- Mức thù lao tương đương ở các công ty công ty thuộc nhóm ngành kinh doanh tương tự.
- Tình hình tài chính của công ty.



THÔNG LỆ TỐT NHẤT

Thông lệ quản trị công ty quốc tế thường chia thù lao của người quản lý điều hành cấp cao thành hai phần: lương cơ bản/lương cố định và thu nhập biến đổi (chi trả theo kết quả công việc). Mức lương cơ bản của người quản lý điều hành thường dựa trên trình độ chuyên môn và kinh nghiệm liên quan và lý tưởng nhất là tương đương với mức thù lao của người quản lý điều hành trong một nhóm công ty cùng ngành. Mặt khác, thu nhập biến đổi thường dựa trên kết quả công việc của người quản lý và đóng góp của người quản lý đó đối với kết quả tài chính của công ty.

Thông thường ở các quốc gia khác, thu nhập biến đổi chiếm một phần lớn trong tổng thù lao cho người quản lý để tối ưu hóa kết quả công việc của họ. Các khoản thu nhập biến đổi phải hài hòa lợi ích của người quản lý với lợi ích

¹⁵ Khoản 2(c), Điều 163, LDN.

¹⁶ Khoản 3, Điều 163, LDN; và Khoản 4, Điều 34, Thông tư 116/2020/TT-BTC, Điều lệ Mẫu.

lâu dài của công ty và cổ đông. Có nhiều cách để gắn thù lao của người quản lý với kết quả hoạt động của cá nhân đó và công ty. Một số chỉ số tài chính phổ biến được sử dụng trong xác định chi trả thu nhập biến đổi bao gồm:

- Thu nhập trước lãi vay, thuế và khấu hao (EBITDA).
- Lợi nhuận hoạt động.
- Tỷ suất lợi nhuận trên tài sản (ROA).
- Tỷ suất lợi nhuận đầu tư (ROI) hoặc lợi nhuận trên vốn cổ phần (ROE).
- Tỷ suất lợi nhuận trên vốn khả dụng (ROCE).
- Giá trị kinh tế thặng dư (EVA).
- Mức độ đạt được các mục tiêu cụ thể cho từng cá nhân.

Các chỉ số phi tài chính cũng có tầm quan trọng như chỉ số tài chính trong việc đánh giá năng lực điều hành và có thể được phân loại theo các lĩnh vực sau:

- Khách hàng (mức độ hài lòng của khách hàng, tỷ lệ duy trì khách hàng).
- Quy trình hoạt động và hiệu quả (đo lường chất lượng, chu kỳ kinh doanh, biện pháp quản lý chi phí, và dịch vụ hậu mãi).
- Tăng trưởng nội bộ/quản lý tri thức (chương trình đào tạo, mức độ hài lòng của nhân viên, số ngày nhân viên nghỉ việc trong năm, và mức độ nhân viên thôi việc).
- Môi trường kiểm soát mạnh mẽ (phát hiện của kiểm toán nội bộ).
- Giảm phát thải carbon.

Một hình thức thu nhập biến đổi điển hình là quyền chọn cổ phiếu hoặc tiền thưởng liên quan đến kết quả công việc. Các công ty nên tìm kiếm chấp thuận của cổ đông trước khi chi trả thù lao bằng cổ phần và quyền chọn, vì các hình thức thù lao như vậy thường ẩn chứa chi phí đáng kể cho cổ đông. Những chi phí này thường được giấu kín do các thông lệ kế toán không phản ánh đúng giá trị của những khoản chi trả bằng quyền chọn cổ phiếu. Vì lý do này, ngày càng nhiều công ty đang sửa đổi quy trình kế toán và công bố thông tin. Ngoài ra, một số sở giao dịch như Sở giao dịch Chứng khoán New York, hiện yêu cầu cổ đông thông qua tất cả các kế hoạch thù lao dựa trên vốn chủ sở hữu.¹⁷

- GIỚI THIỆU VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
- CƠ CẤU QUẢN TRỊ CÔNG TY
- TÀI LIỆU NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
- GIỚI THIỆU VỀ QUYỀN CHỌN CỔ ĐÔNG
- ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
- HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
- BAN GIÁM ĐỐC
- THỦ KÝ CÔNG TY
- MÔI TRƯỜNG KIỂM SOÁT
- CÔNG BỐ THÔNG TIN
- GIAO DỊCH VỚI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN (GIAO)
- CỐ TỨC
- VỐN ĐIỀU LỆ

¹⁷ Cẩm nang công ty niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán New York (New York: Sở giao dịch Chứng khoán New York, 2009), Điều 703.09 Quyền chọn Cổ phiếu, Mua Cổ phiếu và Thù lao Khác, <https://www.sec.gov/files/rules/sro/nyse/2009/34-61067.pdf>

Trong khi chế độ lương thưởng có thể được sử dụng để thu hút tài năng quản lý điều hành hàng đầu và thúc đẩy kết quả tốt hơn, chế độ thù lao cho người quản lý vừa phức tạp vừa là vấn đề hay bị cố đông và công chúng chỉ trích. Các công ty áp dụng chế độ lương thưởng như vậy, đặc biệt khi dùng cơ chế quyền mua cổ phiếu phải rất thận trọng và tăng cường sự minh bạch.

THÔNG LỆ SO SÁNH

Ở các quốc gia khác, người quản lý có thể bị miễn nhiệm mà không cần lý do trong một số trường hợp nhất định, và sẽ nhận được khoản trợ cấp thôi việc dưới dạng bồi thường. Điều này có thể xảy ra khi một công ty được mua lại, và người chủ mới muốn thay thế bộ máy quản lý. Những khoản trợ cấp này đôi khi được xem như là “chiếc dù vàng” (golden parachutes). “Chiếc dù vàng” thực chất là một điều khoản trong hợp đồng lao động với cán bộ quản lý, quy định khoản trợ cấp đáng kể khi công ty bị mua lại và hợp đồng với người quản lý bị chấm dứt. Những khoản trợ cấp này có thể được chi trả dưới dạng tiền trợ cấp thôi việc, tiền thưởng, quyền mua cổ phiếu, hoặc kết hợp các loại hình này. Cũng giống như các hình thức bồi thường khác, việc sử dụng “chiếc dù vàng” thường bị công chúng chỉ trích. ĐHĐCĐ hoặc các quy chế nội bộ của công ty sẽ xác định liệu các công ty có cung cấp cho người quản lý “tiền thưởng/khoản phí cao” trong trường hợp sáp nhập hoặc thôn tính không.

Công ty phải có được thông qua của cổ đông nếu muốn cung cấp cho người quản lý khoản trợ cấp thôi việc “chiếc dù vàng” hoặc bất kỳ hình thức chi trả nào khác.

7.9. Đánh giá Kết quả Công việc

Đánh giá kết quả công việc định kỳ đóng vai trò một công cụ quan trọng để giám sát Ban Giám đốc của công ty. Việc đánh giá có thể giúp tạo ra một hệ thống quản lý kết quả công việc liên tục và cung cấp thông tin chi tiết để xác định các bước cần thiết nhằm cải thiện năng lực và hiệu quả hoạt động của Ban Giám đốc.

Điều lệ Công ty hoặc các quy định nội bộ có thể quy định việc HĐQT thực hiện đánh giá kết quả hoạt động của bộ máy điều hành tối thiểu hàng năm và thường xuyên hơn nếu xét thấy cần thiết. HĐQT cũng có thể nhận đánh giá về kết quả hoạt động của bộ máy điều hành do chính TGD và các thành viên Ban Giám đốc tự thực hiện, thông qua tự đánh giá trong quy trình lập kế hoạch và đánh giá hiệu quả nguồn nhân lực của công ty.

NOTES

Handwriting practice area consisting of 20 horizontal dashed lines.

GỚI THIỆU
VỀ QUẢN TRỊ
CÔNG TY

CƠ CẤU
QUẢN TRỊ
CÔNG TY

TÀI LIỆU NỘI BỘ
VỀ QUẢN TRỊ
CÔNG TY

GỚI THIỆU VỀ
QUYỀN CỦA
CƠ BÔNG

ĐẠI HỘI
ĐỒNG CƠ BÔNG

HỘI ĐỒNG
QUẢN TRỊ

BAN GIÁM ĐỐC

THỦ KÝ CÔNG TY

MỘT TRƯỞNG
KIỂM SOÁT

CÔNG BỐ
THÔNG TIN

GIAO DIỆN VỚI
NGƯỜI CÓ LIÊN
QUAN (GIAO)

CỐ TỨC

VỐN ĐIỀU LỆ

NOTES

A series of 25 horizontal dashed lines for writing notes.

Chương

8

THƯ KÝ CÔNG TY

8 | Thư ký Công ty



Mục lục

8.1. Vai trò và Nhiệm vụ của Thư ký Công ty	314
8.1.1. Xây dựng Chính sách và Thông lệ Quản trị Công ty	317
8.1.2. Hỗ trợ Pháp lý và Tổ chức của HĐQT	317
8.1.3. Tổ chức họp HĐQT	318
8.1.4. Bảo đảm Công bố Thông tin và Minh bạch	321
8.1.5. Bảo vệ Quyền của Cổ đông	322
8.1.6. Tạo thuận lợi cho Luồng Thông tin	325
8.1.7. Tạo Điều kiện Thuận lợi cho Chương trình Định hướng cho Thành viên HĐQT Mới	325
8.2. Trình độ và Năng lực của Thư ký Công ty	326
8.2.1. Trình độ, Năng lực và Kỹ năng	326
8.2.2. Đào tạo Liên tục và Phát triển Chuyên môn	328
8.3. Bổ nhiệm và Miễn nhiệm	329
8.3.1. Thông tin về Ứng cử viên cho Vị trí Thư ký Công ty	329
8.3.2. Hợp đồng với Thư ký Công ty	330
8.3.3. Đánh giá Kết quả Công việc của Thư ký Công ty	330
8.3.4. Miễn nhiệm	332

GIỚI THIỆU
VE QUẢN TRỊ
CÔNG TY

CƠ CẤU
QUẢN TRỊ
CÔNG TY

TÀI LIỆU NỘI BỘ
VE QUẢN TRỊ
CÔNG TY

GIỚI THIỆU VE
QUYỀN CỦA
CỔ ĐÔNG

ĐẠI HỘI
ĐÔNG CỔ ĐÔNG

HỘI ĐỒNG
QUẢN TRỊ

BAN GIÁM ĐỐC

THƯ KÝ CÔNG TY

MỐI TRƯỞNG
KIỂM SÁT

CÔNG BỐ
THÔNG TIN

GAO DỊCH VỚI
NGƯỜI CÒI LIÊN
QUAN (GOLU)

CỐ TỨC

VỐN ĐIỀU LỆ



Những vấn đề Chủ tịch HĐQT cần lưu ý:

- Công ty có Thư ký Công ty không? Liệu công ty có cần có một Thư ký Công ty không? Thư ký Công ty có thể đóng góp gì cho việc quản trị trong công ty?
- Thư ký Công ty có cần phải là một vị trí chuyên trách không, hay Thư ký Công ty có thể làm các công việc kiêm nhiệm khác?
- Thư ký Công ty có hội đủ năng lực, kỹ năng chuyên môn, phẩm chất nghề nghiệp và các kỹ năng cần thiết không?
- Công ty quy định về các hoạt động của Thư ký Công ty như thế nào? Công ty có đề cập đến vị trí Thư ký Công ty trong điều lệ hoặc trong quy chế nội bộ không, hoặc thậm chí công ty có áp dụng quy chế nội bộ về vai trò của Thư ký Công ty không?
- Công ty có quy định nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị (HĐQT) và ban giám đốc để bảo đảm rằng Thư ký Công ty có thể tiếp cận mọi nội dung thông tin cần thiết để thực thi bổn phận không? Các thành viên HĐQT và người quản lý có nghĩa vụ cung cấp cho Thư ký Công ty mọi thông tin theo yêu cầu hoặc cần thiết để hoàn thành nhiệm vụ của Thư ký Công ty không?
- Thư ký Công ty có đóng vai trò là cầu nối tích cực giữa HĐQT và ban giám đốc của công ty không?
- Thư ký Công ty có vai trò gì trong việc bảo đảm công bố thông tin kịp thời và đầy đủ tới nhà đầu tư và công chúng?
- Thư ký Công ty có vai trò gì trong việc lập kế hoạch và tổ chức các cuộc họp Đại hội Đồng Cổ đông (ĐHĐCĐ)?
- Thư ký Công ty hỗ trợ HĐQT trong chuẩn bị và điều hành các cuộc họp HĐQT như thế nào?



↘

- Thư ký Công ty có đóng vai trò hữu ích trong việc tập huấn và đánh giá năng lực của HĐQT không?
- Thư ký Công ty có tư vấn cho HĐQT về luật pháp, quy định, tiêu chuẩn, và quy tắc hiện hành không?
- Thư ký Công ty có đóng vai trò đảm bảo tuân thủ các yêu cầu theo quy định pháp luật, sở hữu cổ phần, và yêu cầu của các bên có quyền lợi liên quan khác không? Thư ký Công ty có phối hợp công việc với các phòng ban phụ trách về các vấn đề pháp chế và quan hệ nhà đầu tư không?

Thư ký Công ty có vai trò thiết yếu trong công tác quản trị và điều hành công ty bằng cách cung cấp hỗ trợ quan trọng giúp HĐQT và Ban Giám đốc thực hiện nhiệm vụ và trách nhiệm của mình.

Chương này tập trung vào chức năng, yêu cầu về trình độ, và thẩm quyền của Thư ký Công ty trong việc thực hiện các thông lệ tốt trong quản trị công ty.

- GỚI THIỆU VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
- CƠ CẤU QUẢN TRỊ CÔNG TY
- TÀI LIỆU NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
- GỚI THIỆU VỀ QUYỀN CỦA CỔ ĐÔNG
- ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
- HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
- BAN GIÁM ĐỐC
- THƯ KÝ CÔNG TY
- MỘT TRƯỞNG KIỂM SOÁT
- CÔNG BỐ THÔNG TIN
- GAO DỊCH VỚI NGƯỜI CÒN LIÊN QUAN (GOLU)
- CỐ TỨC
- VỐN ĐIỀU LỆ

8.1. Vai trò và Nhiệm vụ của Thư ký Công ty

Việc thiết lập vai trò Thư ký Công ty được áp dụng rộng rãi như một chuẩn mực toàn cầu thông qua quy định, luật pháp và các nguyên tắc, tiêu chuẩn, và quy tắc quản trị công ty ở các quốc gia.

“Trên thế giới ngày nay, vai trò của Thư ký Công ty không có định nghĩa chung duy nhất và bao trùm rất nhiều nhiệm vụ và trách nhiệm. Dù vậy, vai trò này là trung tâm của hệ thống quản trị của các công ty và ngày càng nhận được nhiều chú ý.”

—David Jackson, Thư ký Công ty, BP Plc¹

Thuật ngữ “Thư ký Công ty” (Corporate Secretary) được sử dụng phổ biến hơn ở Hoa Kỳ, Canada và Đông Âu, trong khi “Thư ký Công ty” (company secretary) phổ biến ở Vương quốc Anh, Úc, Nam Phi và một số thị trường châu Á như Singapore và Thái Lan. Ngoài ra, “Thư ký Hội đồng Quản trị” là một thuật ngữ nữa được sử dụng thường xuyên.

Các công ty Việt Nam thường có thư ký HĐQT² hoặc văn phòng HĐQT³. Không như chức danh Thư ký HĐQT, vai trò Thư ký Công ty là khái niệm khá mới mẻ đối với hầu hết các công ty Việt Nam⁴. Phát hiện của Thẻ điểm Quản trị Công ty ASEAN (ACGS) 2019 cho thấy thư ký công ty tại Việt Nam hầu như chưa được đào tạo về luật, kế toán, hoặc nghiệp vụ thư ký công ty.⁵

Bộ Nguyên tắc Quản trị Công ty theo Thông lệ Tốt nhất của Việt Nam⁶ khuyến nghị HĐQT bổ nhiệm một Thư ký Công ty có trình độ chuyên môn, là người chịu trách nhiệm trực tiếp trước HĐQT về tất cả các vấn đề liên quan

1 Như trích dẫn tại Thư ký Công ty: Sổ tay Quản trị Chuyên nghiệp của IFC. 2016. Washington, DC.

2 “Thư ký Hội đồng Quản trị” bằng tiếng Việt.

3 “Văn phòng Hội đồng Quản trị” bằng tiếng Việt. Chức năng chính của thư ký hoặc văn phòng HĐQT là hỗ trợ HĐQT liên quan đến thủ tục hành chính như tổ chức họp HĐQT hoặc ĐHQĐ, soạn thảo biên bản họp hoặc thực hiện thủ tục hành chính khác liên quan đến chức năng của HĐQT (ví dụ: xác nhận chuyển nhượng cổ đông và phát hành cổ phiếu mới).

4 Mặc dù thư ký hoặc văn phòng của HĐQT có thể thực hiện một số vai trò nhất định của Thư ký Công ty, một số chức năng quan trọng của Thư ký Công ty như xây dựng chính sách và quy chế quản trị công ty, hỗ trợ về pháp lý và tổ chức cho HĐQT hoặc hỗ trợ giải quyết xung đột thì không thuộc nhiệm vụ của thư ký hoặc văn phòng HĐQT. Khác với Thư ký Công ty, kiến thức cơ bản về pháp luật không phải là tiêu chuẩn bắt buộc đối với Thư ký HĐQT ở hầu hết các công ty Việt Nam.

5 <https://www.adb.org/publications/asean-corporate-governance-scorecard-reports-assessments-2019>

6 Bộ Nguyên tắc Quản trị Công ty theo Thông lệ Tốt nhất của Việt Nam, Nguyên tắc 2.3.

đến hoạt động phù hợp của HĐQT. Yêu cầu về việc phải có vị trí Thư ký Công ty đối với các công ty Việt Nam có khác biệt theo cấu trúc công ty tương ứng. Theo quy định pháp luật, HĐQT có thể bổ nhiệm một Thư ký Công ty để hỗ trợ HĐQT. Điều lệ Mẫu bổ sung yêu cầu công ty đại chúng phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp, và người này có thể kiêm nhiệm làm Thư ký Công ty.⁷

Thư ký Công ty đóng vai trò thiết yếu trong quản trị và điều hành công ty thông qua việc cung cấp hỗ trợ quan trọng để giúp HĐQT và các chủ thể quản trị khác trong công ty để họ thực hiện nhiệm vụ và trách nhiệm của mình. Theo ACGS 2019⁸, hầu hết các công ty niêm yết tại Malaysia, Philippines và Singapore đều công nhận vai trò quan trọng của Thư ký Công ty trong việc hỗ trợ HĐQT hoàn thành trách nhiệm và bảo đảm các thông lệ quản trị công ty tốt. Vị trí này có phạm vi trách nhiệm rộng rãi trong bốn lĩnh vực chính: quản trị, cố vấn, truyền thông, và tuân thủ.

Theo Bộ Nguyên tắc Quản trị Công ty theo Thông lệ Tốt nhất của Việt Nam⁹, chức năng chính của Thư ký Công ty là cung cấp tư vấn chuyên môn cho cổ đông, HĐQT, từng thành viên HĐQT, ban giám đốc và các bên có quyền lợi liên quan khác về các khía cạnh quản trị công ty của các quyết định chiến lược. Thư ký Công ty thường đóng vai trò cầu nối về thông tin, truyền thông, cố vấn, và trọng tài giữa HĐQT và ban giám đốc. Thư ký Công ty cũng đóng vai trò là cầu nối giữa công ty với cổ đông và các bên có quyền lợi liên quan. Tuy nhiên, trong những tổ chức lớn, vai trò này thường do “cán bộ phụ trách quan hệ nhà đầu tư” đảm nhận.

Theo LDN và Điều lệ Mẫu, quyền và nghĩa vụ của Thư ký Công ty bao gồm:¹⁰

Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp ĐHCĐ, HĐQT. Ghi chép các biên bản họp và tư vấn thủ tục ban hành nghị quyết của HĐQT đúng pháp luật.

- Hỗ trợ thành viên HĐQT trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.

7 Khoản 5, Điều 156, LDN; Điều 32, Thông tư 116/2020/TT-BTC, Điều lệ Mẫu.

8 <https://www.adb.org/publications/asean-corporate-governance-scorecard-reports-assessments-2019>

9 Bộ Nguyên tắc Quản trị Công ty theo Thông lệ Tốt nhất của Việt Nam, Nguyên tắc 2, mục 2.3.1-4.

10 Khoản 5, Điều 156, LDN; và Khoản 3, Điều 32, Thông tư 116/2020/TT-BTC, Điều lệ Mẫu.

GỚI THIỆU VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

CƠ CẤU QUẢN TRỊ CÔNG TY

TÀI LIỆU MỐI BÓNG VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

GỚI THIỆU VỀ QUYỀN LỢI CỔ ĐÔNG

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

BAN GIÁM ĐỐC

THƯ KÝ CÔNG TY

MỐI TRƯỞNG KIỂM SOÁT

CÔNG BỐ THÔNG TIN

GAO DI CHÚC VỚI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN (GGLU)

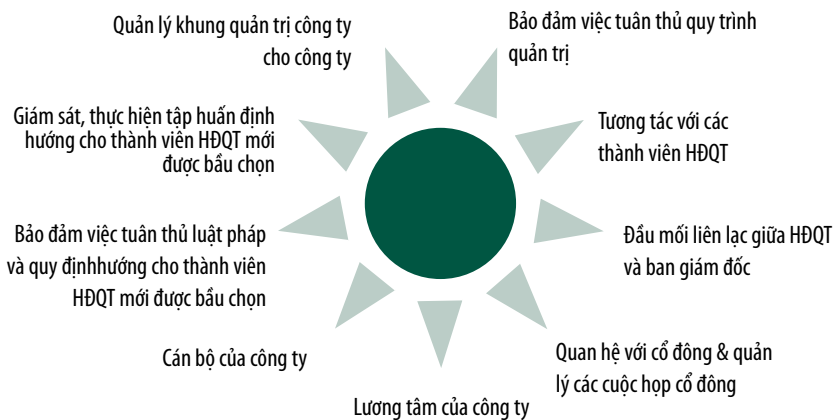
CỐ TỨC

VỐN ĐỀU LỆ

- Hỗ trợ HĐQT trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp HĐQT và các thông tin khác cho thành viên HĐQT và thành viên BKS. Giám sát và báo cáo HĐQT về hoạt động công bố thông tin của Công ty.
- Hỗ trợ công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông.
- Tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính.
- Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Nhiệm vụ của Thư ký Công ty sẽ khác nhau, tùy thuộc vào loại hình tổ chức, lĩnh vực mà tổ chức đó hoạt động và cơ cấu, chính sách và thủ tục mà tổ chức áp dụng. Theo thông lệ tốt nhất, Điều lệ Công ty, quy chế quản trị công ty và văn bản nội bộ khác cần quy định chi tiết thẩm quyền của Thư ký Công ty và nghĩa vụ của tất cả các chủ thể quản trị trong việc hỗ trợ Thư ký Công ty thực hiện nhiệm vụ. nêu bật một số nhiệm vụ thường được Thư ký Công ty thực hiện.

Hình 1. Vai trò của Thư ký Công ty



8.1.1. Xây dựng Chính sách và Thông lệ Quản trị Công ty

Thư ký Công ty có thể đóng vai trò quan trọng trong việc xây dựng chính sách, hoạt động quản trị công ty, và giám sát việc tuân thủ những chính sách đó. Khi thực hiện chức năng này, Thư ký Công ty cần định kỳ rà soát chính sách của công ty và so sánh những chính sách này với thông lệ quốc tế tốt nhất, bảo đảm cập nhật những phát triển mới nhất về quản trị công ty, bao gồm thay đổi về luật pháp và quy định quốc gia và quốc tế liên quan. Mọi vi phạm phải được báo cáo cho HĐQT và/hoặc Ban Giám đốc. Thông qua việc định kỳ rà soát các chính sách của công ty, Thư ký Công ty bảo đảm công ty duy trì các tiêu chuẩn quản trị công ty vững chắc và cập nhật.

8.1.2. Hỗ trợ Pháp lý và Tổ chức của HĐQT

a) Hỗ trợ cho thành viên HĐQT về các vấn đề quản trị

Mặc dù luật pháp Việt Nam không có quy định về thẩm quyền này của Thư ký Công ty, theo thông lệ tốt nhất thì Thư ký Công ty phải nắm vững mọi yêu cầu của quốc gia đối với nhiệm vụ của HĐQT, dù những yêu cầu này được quy định trong luật pháp, quy định, án lệ, điều lệ thành lập, hay thông lệ tốt nhất về quản trị công ty. Thư ký Công ty phải tư vấn cho HĐQT về cách thực hiện bốn phận và trách nhiệm của HĐQT, và cung cấp truyền đạt thông tin đó trong khuôn khổ chương trình tập huấn định hướng và chương trình tập huấn hàng năm cho thành viên HĐQT.¹¹

b) Hỗ trợ thành viên HĐQT về các vấn đề tuân thủ

Thư ký Công ty cũng phải hỗ trợ công ty để bảo đảm công ty đáp ứng mọi nghĩa vụ công bố thông tin và tuân thủ quy trình hợp ĐHĐCĐ và HĐQT. Liên quan đến nội dung này, vai trò của Thư ký Công ty là giám sát sự tuân thủ của công ty với tất cả các luật liên quan, và quy định bên ngoài và nội bộ. Thư ký Công ty không nên cung cấp tư vấn pháp lý nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ của mình. Do đó, công ty phải phân định rõ nhiệm vụ của Thư ký Công ty với nhiệm vụ của cố vấn pháp lý.

Thư ký Công ty phải báo cáo lên Chủ tịch HĐQT về mọi vi phạm trong việc tuân thủ các quy trình của công ty khi phát hiện được. Những vi phạm như vậy có thể bao gồm:

11 Bộ công cụ Thư ký Công ty của IFC 2013, Chương 7.

- Những hành vi bị cáo buộc là bất hợp pháp hoặc sơ suất dẫn đến việc cán bộ hay nhân viên công ty không tuân thủ trong khi thực thi nghĩa vụ và bổn phận pháp lý.
- Những vi phạm đối với các quy trình liên quan tới việc tổ chức họp ĐHĐCĐ, họp HĐQT, công bố thông tin, và bảo vệ quyền lợi của cổ đông.

8.1.3. Tổ chức họp HĐQT

Thư ký Công ty của công ty niêm yết có trách nhiệm tổ chức họp HĐQT. Mặc dù Chủ tịch HĐQT là người chịu trách nhiệm cuối cùng đối với các cuộc họp HĐQT, Thư ký Công ty giải quyết tất cả các vấn đề về tổ chức và hành chính, như:

- Hỗ trợ người chuẩn bị chương trình họp.
- Chuẩn bị các bản thuyết trình về những vấn đề về nội dung và thủ tục sẽ được thảo luận.
- Chuẩn bị các nội dung tóm tắt để thảo luận trong phòng họp HĐQT.

Đây là lý do tại sao Chủ tịch HĐQT nên tổ chức các cuộc họp HĐQT cùng với Thư ký Công ty.

Thư ký Công ty cũng nên chịu trách nhiệm liên lạc với những thành viên khác của HĐQT và tổ chức và tiến hành các cuộc họp HĐQT. Những hoạt động này bao gồm:

- Gửi thông báo mời họp HĐQT tới tất cả các thành viên HĐQT.
- Gửi và thu phiếu biểu quyết và phiếu lấy ý kiến của các thành viên HĐQT không trực tiếp có mặt tại cuộc họp.
- Thu phiếu biểu quyết đã điền đầy đủ và ý kiến bằng văn bản của những thành viên HĐQT không trực tiếp có mặt tại cuộc họp.
- Chuyển các phiếu biểu quyết và ý kiến bằng văn bản tới Chủ tịch HĐQT.
- Tiến hành những hoạt động khác nhằm tổ chức việc trao đổi thông tin giữa các thành viên HĐQT với nhau và với Chủ tịch HĐQT trong thời gian giữa các cuộc họp.

Ngoài ra, Thư ký Công ty nên hỗ trợ để bảo đảm tuân thủ đầy đủ quy trình cho các cuộc họp HĐQT.

Cùng với Chủ tịch HĐQT, Thư ký Công ty chịu trách nhiệm soạn thảo biên bản các cuộc họp của HĐQT, cũng như lưu biên bản trong kho lưu trữ của công ty.



Thông lệ tốt nhất

Để chuẩn bị cho các cuộc họp HĐQT, Thư ký Công ty thường chịu trách nhiệm thực hiện các hoạt động sau:¹²

- (1) Xác định ngày cho cuộc họp HĐQT sau khi liên lạc với Chủ tịch HĐQT và TGD.
- (2) Bảo đảm HĐQT được thành lập phù hợp và các thành viên HĐQT đã được bổ nhiệm phù hợp và đang hoạt động trong nhiệm kỳ.
- (3) Thông báo cho các thành viên HĐQT về thời gian, ngày, và địa điểm họp cùng với thời gian thông báo mời họp đủ để chuẩn bị.
- (4) Gặp Chủ tịch HĐQT xây dựng chương trình họp.
- (5) Bảo đảm để toàn bộ tài liệu họp HĐQT được chuẩn bị kỹ càng và được gửi kịp thời.
- (6) Bảo đảm để HĐQT nhận được thông tin, ở định dạng dễ hiểu, trước cuộc họp HĐQT và các thành viên HĐQT được nghe báo cáo ngắn gọn trước khi thảo luận diễn ra hoặc HĐQT ra quyết định.
- (7) Sắp xếp việc tham dự của người thuyết trình và cố vấn.
- (8) Tổ chức sắp xếp hậu cần, như địa điểm, thiết bị, an ninh, giải khát, sắp xếp chỗ ngồi, và nghi thức HĐQT.
- (9) Tổ chức bất kỳ sự kiện liên quan nào, như ăn trưa, ăn tối, hoặc cuộc họp của các ủy ban.
- (10) Báo cáo ngắn gọn với Chủ tịch HĐQT trước cuộc họp.
- (11) Thông báo cho Chủ tịch HĐQT hoặc các thành viên HĐQT về việc thảo luận trước đối với những vấn đề trong chương trình họp cần đến kiến thức chuyên môn mà HĐQT không có.
- (12) Chuẩn bị các nghị quyết chính thức cần được thông qua tại cuộc họp.
- (13) Bảo đảm sự sẵn có của mọi tài liệu chứng minh có thể cần tham chiếu đến, như tài khoản, biên bản ghi nhớ, và điều khoản thành lập.



12 Bộ công cụ Thư ký Công ty của IFC 2013, Chương 2.

- GỚI THIỆU VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
- CƠ CẤU QUẢN TRỊ CÔNG TY
- TÀI LIỆU MỜI BỔ VE QUẢN TRỊ CÔNG TY
- GỚI THIỆU VỀ QUYỀN CỦA CỔ ĐÔNG
- ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
- HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
- BAN GIÁM ĐỐC
- THƯ KÝ CÔNG TY
- MÔI TRƯỜNG KIỂM SOÁT
- CÔNG BỐ THÔNG TIN
- GIAO DỊCH VỚI NGƯỜI CÒN LIÊN QUAN (GOLU)
- CỐ TỨC
- VỐN ĐIỀU LỆ

- (14) Kiểm tra xem đã có số điện thoại chưa nếu cuộc họp được tổ chức qua hội nghị truyền hình/truyền thanh.
- (15) Bảo đảm có đủ số đại biểu dự họp theo quy định.
- (16) Kiểm tra xem liệu có bất kỳ thành viên HĐQT nào có xung đột lợi ích tiềm ẩn về bất kỳ vấn đề gì sẽ được xem xét tại cuộc họp. Thảo luận về những xung đột lợi ích tiềm ẩn này với thành viên HĐQT liên quan trước cuộc họp, và sau đó tư vấn cho Chủ tịch HĐQT.
- (17) Kiểm tra xem HĐQT có cần tư vấn chuyên môn độc lập về bất kỳ nội dung nào trong chương trình họp.
- (18) Tổ chức thanh toán trợ cấp cho các thành viên HĐQT dự họp.
- (19) Bảo đảm để thiết bị như máy chiếu, máy tính xách tay, và hệ thống hội nghị truyền hình hoạt động bình thường

Vai trò của Thư ký Công ty trong cuộc họp HĐQT:¹³

- (1) Bảo đảm để người chủ tọa là đúng theo quy định.
- (2) Bảo đảm để có đủ số đại biểu hiện diện theo quy định và tiếp tục hiện diện trong suốt cuộc họp.
- (3) Thông báo cho Chủ tịch HĐQT và các thành viên HĐQT nếu bất kỳ thành viên HĐQT nào có xung đột lợi ích tiềm ẩn.
- (4) Bảo đảm để cuộc họp tuân thủ điều lệ, chính sách, và quy trình của công ty, và với mọi luật pháp, quy định, tiêu chuẩn, và nguyên tắc theo thông lệ tốt nhất liên quan.
- (5) Báo cáo với Chủ tịch HĐQT nếu có thành viên HĐQT chưa nhận được thông báo mời họp, hoặc về một nội dung cụ thể có thể đã được bổ sung vào chương trình khi bắt đầu cuộc họp hoặc bất kỳ vấn đề nào khác.
- (6) Điều phối để người trình bày vào họp đúng nội dung của cuộc họp mà người đó được chỉ định.
- (7) Bảo đảm để các cuộc thảo luận trong các cuộc họp HĐQT được tiến hành theo cách cởi mở, thu hút, và tôn trọng.
- (8) Hỗ trợ Chủ tịch HĐQT thúc đẩy năng lượng, mục đích, và sự tin tưởng tại các cuộc họp HĐQT.
- (9) Hỗ trợ Chủ tịch HĐQT tuân thủ thời gian quy định cho các bài trình bày trong các cuộc họp.
- (10) Tổ chức biểu quyết tại các cuộc họp HĐQT.
- (11) Ghi chép về thủ tục, hướng dẫn đã được cung cấp, các điểm thảo luận chính, các quyết định được đưa ra, và thông tin đã khiến HĐQT ra quyết định như vậy.
- (12) Hỗ trợ Chủ tọa tạo ra động lực cho cuộc họp có mục đích.



Vai trò của Thư ký Công ty sau cuộc họp HĐQT:¹⁴

- (1) Xóa bỏ mọi tài liệu bảo mật khỏi phòng họp.
- (2) Truyền đạt các quyết định của HĐQT tới ban giám đốc và các bên có quyền lợi liên quan.
- (3) Cập nhật lịch họp hàng năm của HĐQT.
- (4) Soạn thảo biên bản.
- (5) Theo dõi các hành động tiếp theo.
- (6) Tổ chức tư vấn độc lập tiếp theo về chuyên môn, nếu HĐQT hoặc các thành viên HĐQT yêu cầu.

Khác:

- (1) Nuôi dưỡng ý thức tận tụy, trung thành với HĐQT.
- (2) Tổ chức chương trình tập huấn định hướng cho thành viên HĐQT mới.
- (3) Khuyến khích công nhận, ngoài việc chi trả thù lao, những đóng góp của thành viên HĐQT và giá trị của HĐQT đối với tổ chức.
- (4) Giám sát một quy trình minh bạch.

8.1.4. Bảo đảm Công bố Thông tin và Minh bạch

Thư ký Công ty có thể đóng vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ HĐQT và TGD thực hiện trách nhiệm công bố thông tin trọng yếu một cách kịp thời cho các tổ chức bên ngoài và cổ đông của công ty, theo đúng quy định của thị trường tài chính. Thư ký Công ty cũng giúp duy trì sự minh bạch trong các quy trình của công ty và đóng vai trò đầu mối liên lạc giữa HĐQT và Ban Giám đốc.

14 Bộ công cụ Thư ký Công ty của IFC 2013, Chương 4.

GIỚI THIỆU
VE QUẢN TRỊ
CÔNG TYCƠ CẤU
QUẢN TRỊ
CÔNG TYTÀI LIỆU MỜI BỎ
VE QUẢN TRỊ
CÔNG TYGIỚI THIỆU VE
QUẢN TRỊ
CƠ ĐỒNGĐẠI HỘI
ĐỒNG CỔ ĐÔNGHỘI ĐỒNG
QUẢN TRỊ

BAN GIÁM ĐỐC

THƯ KÝ CÔNG TY

HỘI TRƯỞNG
KIỂM SÁTCÔNG BỐ
THÔNG TINGIAO DỊCH VỚI
NGƯỜI CÒN LIÊN
QUAN (GOLU)

CỐ TỨC

VỐN ĐIỀU LỆ

Hình 2. Vai trò của Thư ký Công ty trong Công bố Thông tin

Thư ký Công ty			
Bảo đảm rằng công ty hoạt động tuân thủ với các quy định và quy trình trong việc lưu giữ và công bố thông tin về công ty.	Chứng nhận các bản sao tài liệu trước khi phát cho cổ đông.	Bảo đảm rằng các tài liệu của công ty được lưu giữ một cách an toàn.	Bảo đảm việc cổ đông có thể tiếp cận không hạn chế đối với thông tin về công ty theo quy định của pháp luật.

8.1.5. Bảo vệ Quyền của Cổ đông

Sự tách biệt giữa quyền sở hữu và quyền kiểm soát là trọng tâm của luật pháp và quy định về doanh nghiệp và chứng khoán, cũng như thông lệ tốt nhất về quản trị công ty, đã được phát triển trên toàn cầu để bảo đảm bảo vệ quyền và tài sản của các nhà đầu tư/chủ sở hữu công ty những lợi ích cá nhân của người quản lý. Vị trí Thư ký Công ty là một phần trong khuôn khổ bảo vệ đã phát triển trong những năm qua.

Vai trò của Thư ký Công ty trong bảo vệ quyền sở hữu của cổ đông thường bao gồm việc cung cấp các dịch vụ được liệt kê tại Hình 3:

Hình 3. Vai trò của Thư ký Công ty đối với Cổ đông

Vai trò với Cổ đông	Bảo đảm quyền lợi của cổ đông mới được đăng ký
	Tổ chức việc chuyển nhượng hoặc chuyển giao cổ phần từ một cổ đông sang cổ đông khác
	Xử lý đối với trường hợp cổ đông không còn là thành viên
	Tư vấn và soạn thảo thỏa thuận cổ đông
	Bảo đảm việc bảo vệ quyền hạn và quyền lợi của cổ đông
	Bảo vệ cổ đông trước hành vi lạm dụng: như giao dịch nội gián, pha loãng, bòn rút lợi nhuận, giao dịch với người có liên quan
	Phát hành/hủy bỏ cổ phiếu
	Tư vấn và tổ chức các hoạt động vốn

a) Tổ chức ĐHĐCĐ

Thư ký Công ty đóng vai trò quan trọng trong việc tổ chức ĐHĐCĐ. Hình 4 thể hiện các chức năng của Thư ký Công ty theo thông lệ tốt nhất về vấn đề này:

Hình 4. Vai trò của Thư ký Công ty trong ĐHĐCĐ	
Trước cuộc họp	(1) Xác định ngày họp và bảo đảm thông báo kịp thời về ĐHĐCĐ cho cổ đông và phát hành thông báo báo chí.
	(2) Tư vấn cho HĐQT về thời gian và địa điểm tổ chức ĐHĐCĐ.
	(3) Tổ chức sắp xếp hậu cần, như giải khát, quà tặng, sắp xếp địa điểm, an ninh, tiếp cận cho người khuyết tật, và thiết bị.
	(4) Kiểm tra các yêu cầu về sức khỏe và an toàn để tổ chức họp.
	(5) Xây dựng chương trình họp.
	(6) Chuẩn bị và gửi tài liệu họp.
	(7) Lập kế hoạch để biểu quyết.
	(8) Lập kế hoạch và báo cáo cho Chủ tịch HĐQT để chuẩn bị cho mục hỏi đáp.
	(9) Thực hiện các biện pháp để giải quyết xung đột phát sinh khi chuẩn bị và thực hiện ĐHĐCĐ.
	(10) Tổ chức các sự kiện liên quan.
	(11) Sắp xếp giới truyền thông.
Trong ngày họp	(1) Bảo đảm tất cả thành viên HĐQT và cán bộ quản lý điều hành cao cấp đều có mặt.
	(2) Đọc thông báo ĐHĐCĐ.
	(3) Đọc báo cáo kiểm toán.
	(4) Đề nghị và thông qua nghị quyết.
	(5) Tổ chức các câu hỏi từ cổ đông.
	(6) Hỗ trợ Chủ tọa ĐHĐCĐ trong việc xác định sự hợp lệ của bất kỳ giấy ủy quyền nào được trình và đối chiếu giấy ủy quyền.
	(7) Xử lý các yêu cầu của cổ đông về điều chỉnh nghị quyết và các vấn đề thủ tục khác.
	(8) Thông báo cho cổ đông về kết quả biểu quyết.
	(9) Giữ trật tự tại ĐHĐCĐ.
	(10) Quản lý luồng thông tin liên lạc tại cuộc họp để bảo đảm tất cả người tham dự đều được tiếp nhận thông tin.
Sau cuộc họp	(1) Lưu hồ sơ.
	(2) Chuẩn bị biên bản.
	(3) Tổ chức thực hiện trả cổ tức (nếu được thông qua tại ĐHĐCĐ).



b) Liên lạc giữa các Cổ đông trong các Giao dịch Kiểm soát

Các quy định của Việt Nam không đề cập đến vai trò này của Thư ký Công ty trong giao dịch kiểm soát, là giao dịch dẫn đến thay đổi quyền kiểm soát đối với công ty. Theo thông lệ tốt nhất, Thư ký Công ty đóng vai trò người liên lạc giữa (các) cổ đông kiểm soát và các cổ đông còn lại của công ty. Thư ký Công ty thực hiện nhiệm vụ này bằng cách bảo đảm để đề nghị chào mua bắt buộc của bên đề nghị được chuyển tới tất cả các cổ đông. Thư ký Công ty phải tuân thủ quy trình trong việc chuyển đề nghị chào mua bắt buộc tới các cổ đông không chi phối. Quy trình tương tự có thể được áp dụng cho thủ tục bán cổ phần của cổ đông nhỏ lẻ cho các cổ đông lớn hoặc bán lại cho công ty. Vai trò này của Thư ký Công ty cũng bao hàm việc hợp tác tích cực với cá nhân và tổ chức bên ngoài (môi giới, doanh nhân, hay các ngân hàng) có chuyên môn và thẩm quyền trong việc hiện thực hóa những hoạt động đó. Thư ký Công ty cũng phải liên lạc với các cổ đông nhỏ lẻ để thông báo về quyền lợi của họ trong trường hợp công ty bị thu tóm.

c) Hỗ trợ Thực thi Quyền của Cổ đông:

Thông lệ tốt cho thấy Thư ký Công ty nên:

- Bảo đảm để công ty xem xét một cách thích hợp tất cả các kiến nghị của cổ đông được đệ trình hợp lệ.
- Chuyển tất cả câu hỏi của cổ đông đến các chủ thể quản trị và phòng ban liên quan của công ty.
- Giải quyết mọi xung đột một cách nhanh chóng và công bằng, đặc biệt những mâu thuẫn liên quan đến việc duy trì sổ cổ đông.

d) Hỗ trợ Giải quyết Xung đột Doanh nghiệp

Xung đột trong công ty có thể phát sinh giữa HĐQT, ban giám đốc, và cổ đông của công ty. Nếu xảy ra xung đột, Thư ký Công ty phải chịu trách nhiệm liên lạc giữa các bên có xung đột. Thư ký Công ty cũng phải thông báo cho Chủ tịch HĐQT về mọi xung đột hiện tại hoặc tiềm ẩn để những xung đột này có thể được giải quyết theo cách phù hợp.

Hiệu quả ngăn ngừa và giải quyết xung đột của công ty phụ thuộc vào năng lực giải quyết các khiếu nại hợp lệ. Thư ký Công ty nên ghi sổ các câu hỏi, thư từ và yêu cầu của cổ đông, và rà soát, ghi nhận, và chuyển các câu hỏi, thư

từ và yêu cầu đến các cơ quan quản lý có thẩm quyền giải quyết xung đột. Thư ký Công ty cũng cần định kỳ theo dõi tình trạng khiếu nại để bảo đảm khiếu nại được xử lý đầy đủ, và được giải quyết hoặc từ chối phù hợp.

8.1.6. Tạo thuận lợi cho Luồng Thông tin

Thư ký Công ty đóng vai trò then chốt trong việc cung cấp thông tin kịp thời, thường xuyên, và đầy đủ cho HĐQT để thực hiện nhiệm vụ và trách nhiệm của mình một cách phù hợp. Những thông tin như vậy thường bao gồm:

- Biên bản họp HĐQT.
- Các quyết định, văn bản được HĐQT thông qua.
- Biên bản họp và báo cáo của Ủy ban Kiểm toán, Kiểm toán Nội bộ, Ban Kiểm soát, và Kiểm toán Độc lập, hoặc bất kỳ ủy ban nào khác do HĐQT thành lập.
- Báo cáo và trình bày của ban giám đốc.
- Cập nhật về pháp luật và tuân thủ.
- Kế hoạch chiến lược và đánh giá rủi ro.
- Đề xuất (ví dụ: sáp nhập và mua lại).
- Hồ sơ tài chính.

8.1.7. Tạo Điều kiện Thuận lợi cho Chương trình Định hướng cho Thành viên HĐQT Mới

Thư ký Công ty phải báo cáo tóm tắt cho các thành viên HĐQT mới được bầu về:

- Quy trình của công ty áp dụng đối với các chủ thể quản trị của công ty.
- Cơ cấu tổ chức và cán bộ công ty.
- Văn bản nội bộ của công ty và các văn bản khác.
- Quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT và Ban Giám đốc đang có hiệu lực.

GIỚI THIỆU
VE QUẢN TRỊ
CÔNG TY

CƠ CẤU
QUẢN TRỊ
CÔNG TY

THA LỆU NỘI BỘ
VE QUẢN TRỊ
CÔNG TY

GIỚI THIỆU VE
CƠ FEN CUA
CƠ ĐONG

ĐẠI HỘI
ĐONG CƠ ĐONG

HỘI ĐỒNG
QUẢN TRỊ

BAN GIÁM ĐỐC

THƯ KÝ CÔNG TY

MỘT TRƯỜNG
KIỂM SOÁT

CÔNG BỐ
THÔNG TIN

GIÀO DỊCH VỚI
NGƯỜI CÒI LIÊN
QUAN (GỎI)

CỐ TỨC

VỐN ĐIỀU LỆ

- Mọi thông tin khác liên quan theo yêu cầu của thành viên HĐQT để thực hiện đúng nhiệm vụ. Những thông tin này có thể bao gồm thông tin cụ thể của ngành, xu hướng thị trường gần đây, các dự án đang triển khai, cần nhắc về pháp lý, hoặc bất kỳ thông tin nào khác được coi là có liên quan để thành viên HĐQT có thể tham gia thảo luận và ra quyết định của HĐQT một cách hiệu quả.

8.2. Trình độ và Năng lực của Thư ký Công ty

Khi lựa chọn Thư ký Công ty, HĐQT nên sử dụng nhiều nguồn khác nhau để xác định các yêu cầu chung và tiêu chí cụ thể sử dụng để đánh giá các ứng cử viên cho vị trí này. Điều quan trọng là Thư ký Công ty cũng cần có danh tiếng tốt. Các công ty phải tránh bổ nhiệm những cá nhân có tiền án hoặc có liên quan đến các vi phạm hành chính.

Theo thông lệ tốt nhất, vị trí này nên được đảm nhiệm bởi một cán bộ tận tâm, là một quản lý cấp cao chuyên trách. Các công ty lớn có thể cần thành lập văn phòng Thư ký Công ty, có một vài nhân viên. Việc bổ sung nhân sự có thể hữu ích cho các công ty có nhiều thành viên HĐQT, ban giám đốc, và cổ đông. Nếu công ty quyết định thành lập văn phòng Thư ký Công ty, công ty có thể quy định trách nhiệm của văn phòng này trong quy chế nội bộ của công ty hoặc văn bản khác. Ở các công ty nhỏ hơn, Cố vấn Pháp lý hoặc một người ở vị trí tương tự có thể thực hiện nhiệm vụ của Thư ký Công ty. Tuy nhiên, Thư ký Công ty nên dành đủ thời gian cho trách nhiệm và nhiệm vụ của mình. Chỉ nên cho phép kiêm nhiệm các vị trí nếu điều này không cản trở Thư ký Công ty hoàn thành nhiệm vụ của mình một cách hiệu quả.

8.2.1. Trình độ, Năng lực và Kỹ năng

LDN và Điều lệ Mẫu không quy định cụ thể về yêu cầu đối với Thư ký Công ty. Do đó, HĐQT đánh giá trình độ học vấn, kinh nghiệm làm việc, phẩm chất chuyên môn, và kỹ năng của ứng cử viên. Điều lệ Công ty nên đưa ra yêu cầu chung đối với ứng cử viên. Ngược lại, các văn bản tổng thể khác được HĐQT thông qua cần có tiêu chí chi tiết và cụ thể hơn để đánh giá các ứng cử viên đó (như quy chế quản trị công ty hoặc quy chế nội bộ dành cho Thư ký Công ty). HĐQT có trách nhiệm xây dựng bản mô tả chi tiết công việc của Thư ký Công ty phù hợp với hợp đồng ký kết giữa Thư ký Công ty và

HĐQT. Đồng thời, cần lưu ý rằng nhiệm kỳ của Thư ký Công ty phải được quy định tại Điều lệ Công ty.

Để luôn hành động vì lợi ích của công ty và cổ đông của công ty, Thư ký Công ty phải luôn được bảo vệ khỏi ảnh hưởng quá mức từ ban giám đốc và các bên khác. Do vậy, Thư ký Công ty phải chịu trách nhiệm trước và chịu sự kiểm soát của HĐQT. Thư ký Công ty không được đồng thời làm việc cho kiểm toán độc lập của công ty và không được là người có liên quan của kiểm toán độc lập, hoặc cán bộ của kiểm toán độc lập, dù là người thân trong gia đình của TGD hoặc đối tác kinh doanh.

Một số quốc gia, như Úc, yêu cầu công ty phải công khai kinh nghiệm và trình độ, năng lực của Thư ký Công ty trong báo cáo thường niên.¹⁵

minh họa các kỹ năng cần thiết để thực hiện hiệu quả vai trò Thư ký Công ty.

Hình 5. Kỹ năng cần thiết của Thư ký Công ty	
Thư ký Công ty:	
<input type="checkbox"/>	Giao tiếp tôn trọng, ngoại giao, và hiệu quả.
<input type="checkbox"/>	Là người biết lắng nghe tích cực.
<input type="checkbox"/>	Lên tiếng về các vấn đề, đặc biệt là những vấn đề liên quan đến rủi ro danh tiếng.
<input type="checkbox"/>	Mô tả mối quan tâm và lợi ích chung.
<input type="checkbox"/>	Tạo ra các giải pháp thay thế.
<input type="checkbox"/>	Tôn trọng và duy trì bảo mật thông tin.
<input type="checkbox"/>	Được tất cả các bên tôn trọng.
<input type="checkbox"/>	Thể hiện sự phản đối mang tính xây dựng.
<input type="checkbox"/>	Nhấn mạnh phương thức tiếp cận có tính thương mại.

Nguồn: Bộ công cụ Thư ký Công ty của IFC, 2013.

15 Viện Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty Úc: Vai trò của Thư ký Công ty: <https://www.aicd.com.au/content/dam/aicd/pdf/tools-resources/director-tools/organisation/role-of-the-company-secretary.pdf>

GIỚI THIỆU
VỀ QUẢN TRỊ
CÔNG TYCƠ CẤU
QUẢN TRỊ
CÔNG TYTÀI LIỆU MỜI BỎ
VỀ QUẢN TRỊ
CÔNG TYGIỚI THIỆU VỀ
QUYỀN CỦA
CỔ ĐÔNGĐẠI HỘI
ĐÔNG CỔ ĐÔNGHỘI ĐỒNG
QUẢN TRỊ

BAN GIÁM ĐỐC

THƯ KÝ CÔNG TY

MÔI TRƯỜNG
KIỂM SOÁTCÔNG BỐ
THÔNG TINGIAO DỊCH VỚI
NGƯỜI CÓ LIÊN
QUAN (GOLU)

CỐ TỨC

VỐN ĐIỀU LỆ

8.2.2. Đào tạo Liên tục và Phát triển Chuyên môn

Thư ký Công ty cần theo kịp những thay đổi mới nhất về pháp luật và quy định quản lý cũng như thông lệ tốt nhất được công nhận trên thế giới. Thư ký Công ty sẽ cung cấp thông tin cập nhật định kỳ cho các thành viên HĐQT và quản lý cấp cao của công ty và được kỳ vọng sẽ phối hợp chặt chẽ với bộ phận pháp chế của công ty về khía cạnh này.

Do đó, đào tạo liên tục và phát triển chuyên môn có vai trò rất quan trọng để Thư ký Công ty có thể hoạt động trong bối cảnh quản trị và tuân thủ thường xuyên thay đổi. Đào tạo có thể bao gồm các khóa học, hội nghị, hội thảo, và chứng chỉ dành cho quản trị công ty, tuân thủ pháp luật, đạo đức, giao tiếp, và lãnh đạo. Thư ký Công ty nên tìm kiếm các bằng cấp hoặc chứng chỉ có thể nâng cao chuyên môn và uy tín của mình. Một số ví dụ bao gồm thư ký công chứng (chartered secretary), thư ký công ty được chứng nhận, chuyên gia quản trị được chứng nhận, và các chứng chỉ được công nhận trên toàn cầu tập trung vào quản trị công ty, luật công ty, tuân thủ, và chuẩn mực đạo đức. Tham gia các hiệp hội chuyên nghiệp và mạng lưới người hành nghề đồng nghiệp sẽ giúp Thư ký Công ty tiếp cận nguồn lực, cơ hội kết nối, và phát triển chuyên môn liên tục để luôn cập nhật trong lĩnh vực này.

Việc phát triển chuyên môn giúp cải thiện năng lực và kỹ năng giao tiếp hiệu quả, lập biên bản, quan hệ cổ đông, và luật công ty. Việc này giúp tăng cường năng lực của Thư ký Công ty trong việc hỗ trợ HĐQT và ban giám đốc, đồng thời duy trì sự minh bạch, liêm chính, và trách nhiệm giải trình trong tổ chức.

Chương trình Chuyên sâu về Thư ký Quản trị Công ty của Viện Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty Việt Nam, với hỗ trợ kỹ thuật của IFC, cung cấp hiểu biết thực tế về nhiều khía cạnh khác nhau của vai trò và trách nhiệm của Thư ký Công ty trong vai trò chuyên gia về quản trị công ty.

8.3. Bổ nhiệm và Miễn nhiệm

Các quy định nội bộ của công ty nên quy định thủ tục đề cử và bổ nhiệm Thư ký Công ty. HĐQT chịu trách nhiệm bổ nhiệm Thư ký Công ty.¹⁶ HĐQT cần quy định điều khoản tham chiếu chi tiết, có thể bao gồm quyền hạn, nhiệm vụ, và trách nhiệm của Thư ký Công ty ngoài yêu cầu theo quy định pháp luật, nhiệm kỳ của Thư ký Công ty, và quy định liên quan khác. Ngoài ra, hợp đồng lao động của Thư ký Công ty phải xác định chính xác mức thù lao cũng như các quyền và nghĩa vụ khác áp dụng cho vị trí này.

8.3.1. Thông tin về Ứng cử viên cho Vị trí Thư ký Công ty

Trước khi quyết định về ứng cử viên phù hợp cho vị trí Thư ký Công ty, HĐQT cần có tất cả các thông tin cần thiết liên quan để đánh giá về năng lực chuyên môn, kinh nghiệm, và phẩm chất cá nhân của ứng cử viên. Người được đề cử vào vị trí Thư ký Công ty cần cung cấp cho HĐQT đầy đủ thông tin để đánh giá việc ứng cử của mình. Ở mức độ tối thiểu, công ty cần yêu cầu các ứng viên cung cấp những thông tin sau đây:

- Trình độ học vấn.
- Quá trình công tác tại các công ty khác.
- Các mối quan hệ với công ty, HĐQT và ban giám đốc công ty, người có liên quan và đối tác kinh doanh quan trọng của công ty.
- Số lượng và loại cổ phiếu của công ty mà họ sở hữu, nếu có.
- Xác nhận không có tiền án tiền sự và vi phạm hành chính.
- Tất cả những khía cạnh và hoàn cảnh có thể làm ảnh hưởng tới kết quả công việc của họ với tư cách là Thư ký Công ty, phù hợp với quy định chung của công ty và yêu cầu của HĐQT.

Những thông tin này có thể được bổ sung bằng thư giới thiệu cá nhân và phỏng vấn với các thành viên HĐQT, đặc biệt là với Chủ tịch HĐQT. Sự hòa hợp cá nhân giữa Chủ tịch HĐQT, các thành viên HĐQT khác, với Thư ký Công ty sẽ đóng vai trò quan trọng trong việc duy trì mối quan hệ hiệu quả trong công việc. Thư ký Công ty phải thông báo ngay cho HĐQT về bất kỳ thay

¹⁶ Khoản 5, Điều 156, LDN.

đổi nào về hoàn cảnh có thể gây ảnh hưởng tới khả năng phục vụ công ty một cách có hiệu quả với tư cách là Thư ký Công ty.

8.3.2. Hợp đồng với Thư ký Công ty

Lương thưởng và quyền lợi khác và bốn phạm của Thư ký Công ty được thể hiện chính xác trong hợp đồng lao động ký kết giữa HĐQT và Thư ký Công ty. HĐQT có thể đề nghị ký hợp đồng lao động với Thư ký Công ty. Hợp đồng lao động có thể dưới dạng hợp đồng cố định hoặc ngắn hạn, nhưng không nên có thời hạn quá 5 năm. Như nêu bật ở trên, các công ty lớn nên tuyển dụng một Thư ký Công ty chuyên trách dành toàn bộ thời gian cho công việc để bảo đảm thực thi đầy đủ bốn phạm.

Chủ tịch HĐQT thường có thẩm quyền soạn thảo hợp đồng để ký kết với Thư ký Công ty.

Ở những quốc gia có bảo hiểm trách nhiệm thành viên HĐQT và cán bộ quản lý, phạm vi nên bao gồm Thư ký Công ty. Ngoài ra, có thể có nghĩa vụ nộp hồ sơ theo quy định khi bổ nhiệm và miễn nhiệm Thư ký Công ty.

8.3.3. Đánh giá Kết quả Công việc của Thư ký Công ty

Việc đánh giá kết quả công việc của Thư ký Công ty có ý nghĩa rất quan trọng để bảo đảm quản trị hiệu quả, tuân thủ, và MỘT HĐQT được hỗ trợ tốt trong tổ chức. Trong số các nguyên tắc của mình, Báo cáo của King về Quản trị Công ty, cụ thể là Bộ Quy tắc King IV, yêu cầu cơ quan quản trị phải bảo đảm việc đánh giá kết quả công việc của HĐQT, Chủ tịch, thành viên HĐQT, TGĐ, và Thư ký Công ty dẫn đến việc kết quả và hiệu quả được cải thiện liên tục.¹⁷

Chủ tịch HĐQT, với hỗ trợ của bộ phận Nhân sự, nên thực hiện đánh giá kết quả công việc của Thư ký Công ty. Phương thức đánh giá có thể áp dụng quy trình đánh giá 360 độ, trong đó phản hồi được thu thập từ những đối tượng làm việc trực tiếp với Thư ký Công ty, bao gồm HĐQT, cùng với quy trình tự đánh giá. Ngoài ra, việc đánh giá kết quả công việc có thể xem xét thông tin đầu vào từ các nguồn bên ngoài như khách hàng, nhà cung cấp, hoặc các bên có quyền lợi liên quan khác, nếu phù hợp. Cần có một bộ chỉ số kết quả chính rõ ràng cho Thư ký Công ty, phản ánh vai trò về quản trị, cố vấn,

17 Báo cáo King về Quản trị Công ty do Viện Thành viên HĐQT Nam Phi công bố (IoDSA): <https://www.werksmans.com/wp-content/uploads/2013/05/061741-WERKSMANS-king-iv-booklet.pdf>

truyền thông, và tuân thủ để đánh giá kết quả công việc.¹⁸

- *Tuân thủ*: Đánh giá mức độ tuân thủ của Thư ký Công ty đối với các yêu cầu theo quy định pháp luật, hướng dẫn quản trị công ty, và chính sách nội bộ. Khía cạnh này bao gồm đảm bảo lưu giữ hồ sơ chính xác, lưu hồ sơ kịp thời, và tuân thủ luật pháp hiện hành.
- *Hỗ trợ HĐQT và truyền thông*: Đánh giá chất lượng hỗ trợ dành cho HĐQT. Việc này bao gồm đánh giá sự rõ ràng, đầy đủ, và kịp thời của truyền thông, cũng như hiệu quả của việc chuẩn bị và thực hiện các công việc tiếp theo các cuộc họp của HĐQT.
- *Hành vi đạo đức*: Đánh giá cam kết của Thư ký Công ty đối với hành vi đạo đức và tính chính trực trong khi thực hiện nhiệm vụ. Việc này bao gồm duy trì bảo mật, tránh xung đột lợi ích, và thúc đẩy sự minh bạch trong quá trình ra quyết định.
- *Quan hệ với các bên có quyền lợi liên quan*: Đánh giá năng lực của Thư ký Công ty trong quản lý quan hệ với các bên có quyền lợi liên quan nội bộ và bên ngoài như cổ đông, cơ quan quản lý, và các bên khác. Việc này bao gồm giao tiếp hiệu quả, phản hồi yêu cầu, và tạo điều kiện cho sự tham gia của cổ đông.
- *Quản lý rủi ro*: Đánh giá đóng góp của Thư ký Công ty cho các quy trình quản lý rủi ro trong tổ chức. Việc này bao gồm xác định các rủi ro quản trị tiềm ẩn, thực hiện các biện pháp kiểm soát để giảm thiểu rủi ro, và bảo đảm công bố thông tin về rủi ro phù hợp cho các bên có quyền lợi liên quan.
- *Phản hồi của HĐQT và ban giám đốc*: Lấy ý kiến phản hồi của các thành viên HĐQT, ban giám đốc, và các bên có quyền lợi liên quan khác về kết quả công việc của Thư ký Công ty.
- *Cải tiến liên tục*: Xem xét việc tự đánh giá và nỗ lực của Thư ký Công ty, hướng tới phát triển chuyên môn và cải thiện quy trình. Điều này bao gồm việc cập nhật thông lệ tốt nhất của ngành, tìm kiếm cơ hội phát triển kỹ năng, và thực hiện cải tiến đối với các quy trình quản trị.

GIỚI THIỆU
VE QUẢN TRỊ
CÔNG TYCƠ CẤU
QUẢN TRỊ
CÔNG TYTÀI LIỆU NỘI BỘ
VE QUẢN TRỊ
CÔNG TYGIỚI THIỆU VE
QUYỀN CỎ ĐÔNG
CỎ ĐÔNGĐẠI HỘI
ĐÔNG CỎ ĐÔNGHỘI ĐÔNG
QUẢN TRỊ

BAN GIÁM ĐỐC

THƯ KÝ CÔNG TY

MÔI TRƯỜNG
KIỂM SOÁTCÔNG BỐ
THÔNG TINGIAO DỊCH VỚI
NGƯỜI CỎ LIÊN
QUAN (GỎI)

CỐ TỨC

VỐN ĐIỀU LỆ

18 *Thư ký Công ty: Sổ tay Quản trị Chuyên nghiệp của IFC 2016.*

Viện Thành viên Hội đồng Quản trị Nam Phi cung cấp một ví dụ tuyệt vời cho mẫu đánh giá kết quả công việc của Thư ký Công ty.¹⁹

8.3.4. Miễn nhiệm

Việc bãi nhiệm Thư ký Công ty phải được toàn thể HĐQT chấp thuận để đảm bảo việc miễn nhiệm công bằng. Khi rời đi, Thư ký Công ty thường được yêu cầu thông báo cho HĐQT nếu có bất kỳ vấn đề quản trị nào liên quan đến việc họ dừng công việc. Những lý do này phải được ghi nhận trong biên bản họp HĐQT.²⁰

Một số quốc gia có thể yêu cầu nộp hồ sơ theo quy định khi Thư ký Công ty rời khỏi công ty. Ví dụ, tại Úc, công ty phải thông báo cho Ủy ban Chứng khoán và Đầu tư Úc (ASIC) trong vòng 28 ngày kể từ ngày Thư ký Công ty từ chức/ngỉ hưu²¹. Tại Nam Phi, theo Đạo luật Công ty,²² nếu Thư ký Công ty bị HĐQT bãi nhiệm, công ty có thể phải công bố tại báo cáo của thành viên HĐQT trong báo cáo tài chính thường niên của năm tài chính đó, nêu rõ bất đồng của Thư ký Công ty liên quan đến tình huống dẫn đến việc bãi nhiệm.

19 Viện Thành viên Hội đồng Quản trị Nam Phi: Ghi chú thực hành King III Chương 2: Bản câu hỏi đánh giá thư ký công ty. https://cdn.ymaws.com/www.iodsa.co.za/resource/collection/24CB4885-33FA-4D34-BB84-E559E336FF4E/King_III_Ch_2_Company_Secretary_Evaluation_Questionnaire_Aug_2011.pdf

20 Thư ký Công ty: Sổ tay Quản trị Chuyên nghiệp của IFC 2016.

21 Viện Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty Úc: Vai trò của Thư ký Công ty: <https://www.aicd.com.au/content/dam/aicd/pdf/tools-resources/director-tools/organisation/role-of-the-company-secretary.pdf>

22 Đạo luật Công ty Nam Phi (2008) Điều 89. Từ chức hoặc bãi nhiệm Thư ký Công ty.

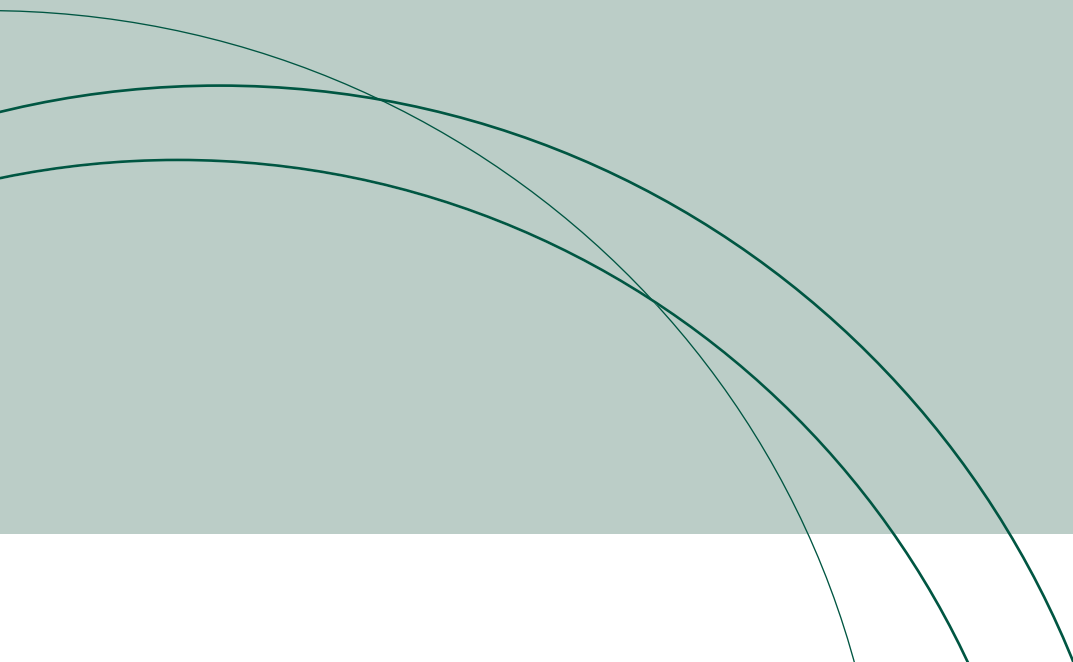
NOTES

A series of horizontal dashed lines for writing notes.

Chương **9**

MÔI TRƯỜNG KIỂM SOÁT

9 | Môi trường kiểm soát



Mục lục

9.1. Quản trị Rủi ro	343
9.2. Kiểm soát Nội bộ	345
9.2.1. Các Yếu tố Cấu thành của Hệ thống Kiểm soát Nội bộ	348
9.2.2. Nguyên tắc Kiểm soát Nội bộ	349
9.2.3. Kiểm soát Nội bộ đối với Báo cáo Phát triển Bền vững	352
9.3. Ban Kiểm soát	355
9.3.1. Thành phần và Yêu cầu đối với Kiểm soát viên	355
9.3.2. Thẩm quyền	357
9.3.3. Bầu và Miễn nhiệm	362
9.3.4. Hợp đồng với Thành viên BKS	364
9.3.5. Thù lao của Kiểm soát viên	364
9.3.6. Quy trình hoạt động và các cuộc họp của BKS	365
9.3.7. Báo cáo	367
9.4. Ủy ban Kiểm toán	368
9.4.1. Thành phần và Yêu cầu đối với thành viên Ủy ban Kiểm toán	368
9.4.2. Thẩm quyền	369
9.4.3. Đề cử Thành viên Ủy ban Kiểm toán	371
9.4.4. Quy trình Hoạt động và các Cuộc họp của Ủy ban Kiểm toán	371
9.4.5. Tiếp cận Thông tin và Nguồn lực	372
9.4.6. Báo cáo	373

GỚI THIỆU
VE QUẢN TRỊ
CÔNG TY

CƠ CẤU
QUẢN TRỊ
CÔNG TY

TÀI LIỆU NỘI BỘ
VE QUẢN TRỊ
CÔNG TY

GỚI THIỆU VE
QUẢN TRỊ
CƠ ĐỒNG

ĐẠI HỘI
ĐỒNG CỔ ĐÔNG

HỘI ĐỒNG
QUẢN TRỊ

BAN GIÁM ĐỐC

THỦ KÝ CÔNG TY

MỘT TRƯỞNG
KIỂM SOÁT

CÔNG BỐ
THÔNG TIN

GAO DI CHÚC VỚI
NGƯỜI CÓ LIÊN
QUAN (GỎI LỜI)

CỐ TỨC

VỐN ĐIỀU LỆ

9.5. Kiểm toán Nội bộ	375
9.5.1. Vai trò của Kiểm toán Nội bộ	375
9.5.2. Yêu cầu đối với Người làm công tác Kiểm toán Nội bộ	377
9.5.3. Thẩm quyền	378
9.5.4. Nhiệm vụ của HĐQT và những người có liên quan đến Kiểm toán Nội bộ	382
9.5.5. Quy chế Kiểm toán Nội bộ	385
9.5.6. Báo cáo	386
9.6. Kiểm toán Độc lập	388
9.6.1. Khi nào cần Kiểm toán Độc lập Hàng năm	389
9.6.2. Quyền và Nhiệm vụ của Kiểm toán Độc lập	389
9.6.3. Quyền và Nhiệm vụ của Công ty được Kiểm toán	391
9.6.4. Chỉ định Kiểm toán Độc lập	392
9.6.5. Thù lao	397
9.6.6. Báo cáo	398
9.6.7. Trách nhiệm của Kiểm toán Độc lập	399
9.7. Tuân thủ	401
9.7.1. Trách nhiệm của Bộ phận Tuân thủ	402
9.7.2. Chu kỳ Hoạt động của Bộ phận Tuân thủ	403
9.8. Quản trị Công ty con	405

Những vấn đề Chủ tịch HĐQT cần lưu ý:

Quản trị Rủi ro và Kiểm soát Nội bộ:

- Công ty có thiết lập hệ thống quản lý rủi ro đầy đủ không?
- Công ty có áp dụng mô hình “Ba Tuyến Bảo vệ” cho quản lý rủi ro, kiểm soát nội bộ, và kiểm toán nội bộ không?
- HĐQT có phê duyệt khẩu vị rủi ro không?
- Công ty có thiết lập vị trí Giám đốc Rủi ro hoặc tương đương, với quyền tiếp cận không hạn chế với HĐQT không?
- Hệ thống này có đồng thời bao quát được rủi ro ở cấp độ công ty con không?
- Các rủi ro kinh doanh, hoạt động, tài chính, danh tiếng, an ninh mạng, và môi trường và xã hội (MT&XH) được nhận dạng như thế nào?
- Công ty có thiết lập hệ thống kiểm soát nội bộ đầy đủ không? Công ty có chính sách và quy trình chính thức về kiểm soát nội bộ không? Những văn bản này có được rà soát định kỳ không?
- Hệ thống kiểm soát nội bộ có được xây dựng theo chuẩn mực quốc tế không?

Kiểm toán Nội bộ:

- Bộ phận kiểm toán nội bộ có thường xuyên giao tiếp với Kiểm toán Độc lập không? Kiểm toán Nội bộ có chịu trách nhiệm giải trình trước HĐQT không?
- Bộ phận kiểm toán nội bộ có độc lập, khách quan, và thực hiện kiểm toán trên cơ sở rủi ro với phạm vi hoạt động không giới hạn không?
- Trưởng Kiểm toán Nội bộ có báo cáo lên Ủy ban Kiểm toán và báo cáo về hành chính lên ban giám đốc không?
- Chất lượng của bộ phận kiểm toán nội bộ có được bên thứ ba đánh giá định kỳ không?



GIỚI THIỆU
VE QUẢN TRỊ
CÔNG TY

CƠ CẤU
QUẢN TRỊ
CÔNG TY

TÀI LIỆU NỘI BỘ
VE QUẢN TRỊ
CÔNG TY

GIỚI THIỆU VE
QUYỀN CỬA
CƠ ĐỒNG

ĐẠI HỘI
ĐỒNG CỔ ĐÔNG

HỘI ĐỒNG
QUẢN TRỊ

BAN GIÁM ĐỐC

THỦ KÝ CÔNG TY

MÔI TRƯỜNG
KIỂM SOÁT

CÔNG BỐ
THÔNG TIN

GAO DI CHỨC VỚI
NGƯỜI CÒN LIÊN
QUAN (GOLU)

CỐ TỨC

VỐN ĐIỀU LỆ



Tuân thủ:

- Công ty có chương trình tuân thủ toàn diện với cơ chế báo cáo hành vi vi phạm và sai trái không? Công ty có thực hiện rà soát hàng năm đối với chương trình tuân thủ không?
- Công ty có Cán bộ Tuân thủ được chỉ định và báo cáo lên Ủy ban Kiểm toán hoặc tương đương và báo cáo hành chính lên ban giám đốc không?

Ban Kiểm soát (BKS):

- BKS có hoàn thành chức năng và nhiệm vụ của mình không?
- BKS có từng phát hiện và báo cáo các sai sót hoặc các vi phạm khác cho Đại hội Đồng Cổ đông (ĐHĐCĐ) không?
- Ai là thành viên BKS? Thành viên BKS có hoàn toàn độc lập với ban giám đốc không? Thành viên BKS có phải do cổ đông bầu chọn không và họ có tuân thủ các yêu cầu về thành viên HĐQT độc lập không?
- Thành viên BKS trình độ, năng lực, và kinh nghiệm liên quan không?
- BKS có họp định kỳ và giải đáp mọi yêu cầu, chất vấn của cổ đông không?
- Kiểm toán Nội bộ có báo cáo lên BKS không? Có trở ngại nào cản trở việc Kiểm toán Nội bộ báo cáo các phát hiện của mình không?

Ủy ban Kiểm toán trực thuộc Hội đồng Quản trị (HĐQT):

- HĐQT của công ty có nên thành lập Ủy ban Kiểm toán không? Chi phí và lợi ích như thế nào? Cần phải làm gì để bảo đảm tránh được xung đột giữa BKS và Ủy ban Kiểm toán liên quan đến việc điều hành bộ phận Kiểm toán Nội bộ?
- Nếu công ty có Ủy ban Kiểm toán, có phải tất cả các thành viên đều không điều hành và đa số thành viên, bao gồm cả chủ tịch ủy ban, đều độc lập?
- Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán có trình độ kinh nghiệm chuyên môn và kỹ năng lãnh đạo cần thiết không? Các thành viên của Ủy ban Kiểm toán có kiến thức chung về Kiểm toán Nội bộ, kế toán theo Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế (IFRS) và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (VAS), tuân thủ, báo cáo và kiểm soát tài chính không?
- Ủy ban Kiểm toán có họp đủ thường xuyên để thực hiện nhiệm vụ một cách hiệu quả không? Ủy ban Kiểm toán có đưa vào chương trình họp những vấn đề cần thiết và phù hợp không?





Ủy ban Kiểm toán có đóng góp thêm giá trị cho các cuộc thảo luận của HĐQT về kiểm toán, rủi ro, kiểm soát nội bộ, và báo cáo tài chính không?

GIỚI THIỆU
VE QUẢN TRỊ
CÔNG TY



Ủy ban Kiểm toán có nhận được thông tin cần thiết để thực hiện nhiệm vụ của mình một cách hiệu quả không? Ủy ban Kiểm toán có nguồn lực để thuê dịch vụ kế toán hoặc tư vấn pháp lý bên ngoài không? Ủy ban Kiểm toán có tiếp cận với và họp định kỳ với Kiểm toán Độc lập và Trưởng Kiểm toán Nội bộ không?

CƠ CẤU
QUẢN TRỊ
CÔNG TY

TÀI LIỆU NỘI BỘ
VE QUẢN TRỊ
CÔNG TY



Ủy ban Kiểm toán có định kỳ thực hiện đánh giá kết quả công tác không?

GIỚI THIỆU VE
QUYỀN CỦA
CƠ ĐỒNG



Ủy ban Kiểm toán có quản lý quan hệ với Kiểm toán Độc lập, thống nhất về phạm vi và phí kiểm toán, và thực hiện đánh giá chất lượng định kỳ đối với Kiểm toán Độc lập với việc sử dụng các Chỉ số Chất lượng Kiểm toán liên quan không?

ĐẠI HỘI
ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Kiểm toán Độc lập:



Công ty có Kiểm toán Độc lập không? Kiểm toán Độc lập có cung cấp dịch vụ phi kiểm toán khác cho công ty mà có thể ảnh hưởng đến tính độc lập của họ không? Chủ phần hùn kiểm toán có được luân chuyển không?

HỘI ĐỒNG
QUẢN TRỊ



Kiểm toán Độc lập được lựa chọn và đánh giá như thế nào về tình trạng độc lập? Có thực hiện quy trình đấu thầu công khai hay không? Nếu có, ai tổ chức quy trình đấu thầu này? Công ty có chính sách luân chuyển đối với Kiểm toán Độc lập không?

BAN GIÁM ĐỐC

THỦ KÝ CÔNG TY



Kiểm toán Độc lập báo cáo cho ai?

MÔI TRƯỜNG
KIỂM SOÁT



Phạm vi kiểm toán được xác định như thế nào, và những yếu tố nào góp phần xác định tính trọng yếu trong quy trình kiểm toán? Kiểm toán Độc lập đánh giá và kiểm tra hiệu quả của các chốt kiểm soát nội bộ của công ty như thế nào? Kiểm toán Độc lập có cung cấp thư quản lý bằng văn bản không?

CÔNG BỐ
THÔNG TIN



Những phương pháp nào được sử dụng để nhận dạng và đánh giá những rủi ro có thể tác động đến báo cáo tài chính? Kiểm toán Độc lập đảm bảo tính liên tục của nhóm kiểm toán như thế nào và áp dụng những biện pháp nào để duy trì sự độc lập của kiểm toán viên?

GAO DI CHỨC VỚI
NGƯỜI CÒN LIÊN
QUAN (GOLLO)



Kiểm toán Độc lập có tham gia ĐHĐCĐ thường niên và trả lời tất cả các câu hỏi của cổ đông liên quan đến việc kiểm toán không?

CỐ TỨC

VỐN ĐIỀU LỆ





Quản trị Công ty con:

- Công ty có thể xác định các công ty con của mình không?
- Công ty có chính sách và quy trình kiểm soát việc thành lập và giải thể công ty con không?
- Công ty có chức năng quản trị tập trung đối với công ty con không? Các công ty con có được phân nhóm dựa trên mức độ phức tạp và khung quản trị phù hợp được áp dụng cho từng nhóm không?
- HĐQT có thực hiện giám sát rủi ro và kiểm soát đối với cơ cấu tổ chức và hoạt động của các công ty con, bao gồm các vấn đề MT&XH không?

Khung kiểm toán nội bộ và độc lập là những công cụ thiết yếu trong quản lý và giám sát hiệu quả một công ty, đồng thời thúc đẩy báo cáo tài chính minh bạch và đáng tin cậy. Việc quản lý, giám sát tình hình hoạt động và tình hình tài chính của công ty có sự tham gia của một số bộ phận trong nội bộ công ty và cả các tổ chức bên ngoài. Các chủ thể này có sự đa dạng về đặc điểm, chức năng và cách thức báo cáo. Sự tham gia của một số chủ thể mang tính bắt buộc, trong khi một số khác là do công ty tùy chọn.

Theo Luật Doanh nghiệp (LDN), công ty cổ phần được quyền quyết định cơ cấu tổ chức quản lý theo một trong hai mô hình sau¹:

- ĐHCĐ, HĐQT, BKS và TGD: Trường hợp công ty cổ phần có dưới 11 cổ đông và các cổ đông là tổ chức sở hữu dưới 50% tổng số cổ phần của công ty thì không bắt buộc phải có BKS.
- ĐHCĐ, HĐQT và TGD: Trường hợp này ít nhất 20% số thành viên HĐQT phải là thành viên độc lập, và có Ủy ban Kiểm toán trực thuộc HĐQT. Cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của Ủy ban Kiểm toán quy định tại Điều lệ Công ty, và HĐQT sẽ ban hành quy chế hoạt động của Ủy ban Kiểm toán.

Chương này thảo luận chi tiết về vai trò, thẩm quyền và nhiệm vụ của các chủ thể quản trị nêu trên và cách thức các chủ thể này kiểm soát hoặc cung cấp giám sát hiệu quả đối với kiểm soát trong một công ty.

1 Điều 137. LDN 2020.

9.1. Quản trị Rủi ro

Quản trị rủi ro thành công có ý nghĩa quan trọng đối với thành công của tất cả các tổ chức. Quản lý rủi ro đã phát triển đáng kể từ trọng tâm ban đầu là rủi ro hoạt động. Điểm khác biệt chính của các tiêu chuẩn quốc tế gần đây về quản lý rủi ro (như ISO 31000:2018, Quản lý Rủi ro Doanh nghiệp COSO—Khung Tích hợp) với quản lý rủi ro truyền thống là việc gắn các rủi ro chính với các mục tiêu chiến lược của tổ chức, việc mở rộng trách nhiệm quản lý rủi ro trên toàn tổ chức, và định nghĩa rộng hơn về rủi ro là “tác động của tình trạng không chắc chắn đối với các mục tiêu”, do đó bao gồm rủi ro chiến lược, danh tiếng, tài chính, MT&XH, và CNTT, trong số những rủi ro khác, trái với việc chỉ tập trung vào rủi ro hoạt động.

HDQT và Ban Giám đốc chịu trách nhiệm cuối cùng trong việc xác định bản chất và mức độ rủi ro mà tổ chức sẵn sàng chấp nhận để đạt được các mục tiêu chiến lược và bảo đảm để những rủi ro này được nhận dạng và quản lý phù hợp. Ban Giám đốc chịu trách nhiệm triển khai hệ thống quản lý rủi ro, trong khi HDQT giám sát và đánh giá việc thực hiện. Bộ Nguyên tắc Quản trị Công ty của Việt Nam khuyến nghị như sau:²

- HDQT cần bảo đảm tích hợp giữa chiến lược, rủi ro, kiểm soát, và giám sát hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của công ty.
- HDQT cần giám sát hệ thống quản lý rủi ro toàn công ty và bảo đảm các hoạt động quản lý rủi ro hỗ trợ công ty ra các quyết định chiến lược tốt hơn và dựa trên cơ sở hiểu biết đầy đủ về rủi ro, và quản lý rủi ro trong phạm vi khẩu vị rủi ro của công ty.
- HDQT cần thực thi việc phân chia trách nhiệm và trách nhiệm giải trình rõ ràng trong toàn bộ tổ chức.
- HDQT phải bảo đảm việc công ty thiết lập nền tảng và khung quản lý an ninh mạng phù hợp.
- HDQT, với hỗ trợ của Ủy ban Kiểm toán và Rủi ro, cần định kỳ đánh giá hiệu quả của các chốt kiểm soát nội bộ của công ty. Chương trình, nội dung hợp của HDQT về kiểm soát nội bộ không nên là chương trình cố định. Chương trình, nội dung hợp nên được điều chỉnh theo các vấn đề và rủi ro yêu cầu có quan tâm cao nhất của HDQT.

2 Bộ Nguyên tắc Quản trị Công ty theo Thông lệ Tốt nhất của Việt Nam, Nguyên tắc 7.

- GIỚI THIỆU VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
- CƠ CẤU QUẢN TRỊ CÔNG TY
- TÀI LIỆU NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
- GIỚI THIỆU VỀ QUYỀN CẠM QUẢN TRỊ CÔNG ĐỒNG
- ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
- HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
- BAN GIÁM ĐỐC
- THỦ KÝ CÔNG TY
- MÔI TRƯỜNG KIỂM SOÁT
- CÔNG BỐ THÔNG TIN
- GAO DI CHÚC VỚI NGƯỜI CỎ LIÊN QUAN (GOLU)
- CỐ TỨC
- VỐN ĐIỀU LỆ

- Hệ thống kiểm soát nội bộ nên có quan điểm hướng tới tương lai và chủ động để dự báo rủi ro tiềm ẩn.
- Các Ủy ban Kiểm toán và Rủi ro nên tổ chức họp trực tiếp với ban giám đốc để hiểu các vấn đề kiểm soát nội bộ cấp bách nhất.

Báo cáo Ma trận Tiến bộ Quản trị Công ty dành cho các Công ty Niêm yết của IFC xem xét việc công ty đã thiết lập khung quản lý rủi ro với vị trí Giám đốc Rủi ro hoặc tương đương có quyền tiếp cận không hạn chế với HĐQT hay chưa. Giám đốc Rủi ro báo cáo trực tiếp lên Ủy ban Quản lý Rủi ro cấp HĐQT hoặc tương đương.³ Báo cáo cũng khuyến nghị rằng HĐQT thường xuyên giám sát công tác quản lý rủi ro và việc tuân thủ các chính sách và quy trình.



Thông lệ tốt nhất

Mục đích của quản lý rủi ro là tạo ra và bảo vệ giá trị. Quản lý rủi ro cải thiện kết quả, khuyến khích đổi mới sáng tạo và hỗ trợ đạt được các mục tiêu. Để bảo đảm quản lý rủi ro hiệu lực và hiệu quả, ISO 31000:2018 khuyến nghị các tổ chức tuân thủ những nguyên tắc sau đây:⁴

- Được tích hợp:** Quản lý rủi ro là một phần không thể tách rời của tất cả các hoạt động của tổ chức.
- Có cấu trúc và toàn diện:** Một cách tiếp cận triệt để và có cấu trúc để quản lý rủi ro mang lại kết quả nhất quán và có thể so sánh được.
- Được tùy chỉnh:** Khung và quy trình quản lý rủi ro được tùy chỉnh và thích hợp với bối cảnh nội bộ và bên ngoài của tổ chức có liên quan đến các mục tiêu của tổ chức.
- Sự tham gia:** Sự tham gia thích hợp và kịp thời của các bên có quyền lợi liên quan cho phép xem xét tri thức, quan điểm, và cảm nhận của họ. Điều này dẫn đến việc nâng cao nhận thức và quản lý rủi ro trên cơ sở có đầy đủ thông tin.
- Tính động:** Rủi ro có thể hình thành, thay đổi hoặc biến mất do hoàn cảnh nội bộ, bên ngoài của tổ chức thay đổi. Quản lý rủi ro dự báo, phát hiện, ghi nhận, và ứng phó một cách kịp thời, thích hợp với những thay đổi và sự kiện đó.
- Thông tin sẵn có tốt nhất:** Đầu vào cho quản lý rủi ro dựa trên thông tin trong quá khứ, hiện tại, cũng như dự báo trong tương lai. Quản lý rủi ro tính đến một cách rõ ràng mọi hạn chế và tình trạng không chắc chắn gắn liền với những thông tin và dự báo đó. Thông tin cần kịp thời, minh bạch, và có sẵn cho người có liên quan.
- Yếu tố con người và văn hóa:** Hành vi của con người và văn hóa ảnh hưởng đáng kể đến tất cả các khía cạnh của quản lý rủi ro tại mỗi cấp và giai đoạn.
- Cải tiến liên tục:** Quản lý rủi ro được cải tiến liên tục thông qua học hỏi và kinh nghiệm.

3 Tham khảo Chương 6 về trách nhiệm và thành phần của Ủy ban Quản lý Rủi ro.

4 ISO31000:2018. Nguyên tắc. ISO 31000:2018(en), Quản lý rủi ro — Hướng dẫn.

9.2. Kiểm soát Nội bộ

Việc quản lý rủi ro yêu cầu phải thiết lập và duy trì một hệ thống kiểm soát nội bộ hiệu quả. Kiểm soát nội bộ là “quy trình được HĐQT, ban giám đốc, và tất cả các cấp nhân viên xây dựng và thực hiện nhằm có được sự bảo đảm hợp lý về việc đạt được các mục tiêu thông qua hoạt động hiệu lực và hiệu quả; thông tin quản lý và tài chính đáng tin cậy, đầy đủ và kịp thời; tuân thủ luật pháp và quy định hiện hành, chính sách và quy trình của công ty”.⁵ Kiểm soát nội bộ không chỉ đơn là các tiêu chuẩn, chính sách, quy trình, hệ thống, và biểu mẫu mà còn đề cập đến con người, hành vi và hành động được thực hiện ở mọi cấp độ của tổ chức có ảnh hưởng đến kiểm soát nội bộ. Do đó, kiểm soát nội bộ có thể mang lại bảo đảm hợp lý, chứ không phải bảo đảm tuyệt đối, rằng một tổ chức có thể đạt được các mục tiêu của mình theo các nhóm sau: hoạt động (hiệu lực và hiệu quả của các hoạt động của tổ chức, bao gồm các mục tiêu hoạt động và tài chính và bảo vệ tài sản không bị tổn thất), báo cáo (mức độ tin cậy, kịp thời, và minh bạch của báo cáo tài chính và phi tài chính nội bộ và bên ngoài), và tuân thủ (tuân thủ luật pháp và quy định liên quan).

Bộ Nguyên tắc Quản trị Công ty theo Thông lệ Tốt nhất của Việt Nam đưa ra một nguyên tắc về kiểm soát nội bộ: “HĐQT cần bảo đảm tích hợp chiến lược, rủi ro, kiểm soát, và giám sát hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của công ty”.⁶ Ngoài ra, HĐQT cần thành lập Ủy ban Kiểm toán để bảo đảm duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ phù hợp và công ty tuân thủ mọi luật pháp và quy định liên quan. Bộ phận Kiểm toán Nội bộ cũng cần được thành lập để có bảo đảm khách quan và tư vấn độc lập nhằm gia tăng giá trị và cải tiến hoạt động của tổ chức.⁷

5 Bộ Nguyên tắc Quản trị Công ty theo Thông lệ Tốt nhất của Việt Nam, Thuật ngữ QTCT chung.

6 Bộ Nguyên tắc Quản trị Công ty theo Thông lệ Tốt nhất của Việt Nam, Nguyên tắc 7.1.

7 Bộ Nguyên tắc Quản trị Công ty theo Thông lệ Tốt nhất của Việt Nam, Nguyên tắc 7.2.



Thông lệ tốt nhất

Công ty cần thiết lập một hệ thống kiểm soát nội bộ đáng tin cậy bảo đảm đạt được các mục tiêu chiến lược của công ty, và định kỳ báo cáo cập nhật lên HĐQT.

Hệ thống kiểm soát nội bộ của công ty phải được thiết kế phù hợp, sử dụng một khung quy định liên quan (Ví dụ: COSO, COBIT, BASEL).

COSO: Ủy ban các Tổ chức Bảo trợ của Ủy ban Treadway (COSO) cung cấp tư duy lãnh đạo thông qua việc xây dựng các khung và hướng dẫn về quản lý rủi ro doanh nghiệp, kiểm soát nội bộ, và ngăn chặn gian lận.

Theo Sổ tay Kiểm soát Nội bộ của IFC,⁸ một hệ thống kiểm soát nội bộ hiệu quả đóng góp đáng kể cho sự sẵn sàng của tổ chức đối với những thay đổi trong bối cảnh kinh tế và thị trường. Để một hệ thống kiểm soát nội bộ được coi là đầy đủ, cần có đủ năm cấu phần của mô hình COSO và các cấu phần phải hoạt động phù hợp. Ngoài ra, các cấu phần phải hoạt động như một hệ thống tích hợp. Mỗi tổ chức đều có sứ mệnh, cấu trúc và hoạt động riêng, vì vậy các tổ chức sẽ không có hệ thống kiểm soát nội bộ giống hệt nhau. Trong khi mô hình COSO xác định các khối mang tính nền tảng của kiểm soát nội bộ, mỗi tổ chức phải tự quyết định các hoạt động cụ thể và cấu trúc nội bộ của các hệ thống kiểm soát nội bộ. Thiết kế và thành phần cuối cùng của một hệ thống kiểm soát nội bộ phải phù hợp với các mục tiêu của tổ chức và môi trường mà tổ chức đó hoạt động.

COBIT: Đây là một khung được xây dựng bởi Hiệp hội Kiểm toán và Kiểm soát Hệ thống Thông tin (ISACA) về quản trị và quản lý thông tin và công nghệ của doanh nghiệp, bao trùm toàn bộ doanh nghiệp.

BASEL: Ủy ban Basel về Giám sát Ngân hàng cung cấp khung cho hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro trong các tổ chức ngân hàng.

Mô hình Ba Tuyến Bảo vệ:⁹

Mô hình Ba Tuyến Bảo vệ có hiệu quả nhất khi được điều chỉnh để phù hợp với các mục tiêu và bối cảnh của tổ chức. Ban Giám đốc và chủ thể quản trị xác định cơ cấu của tổ chức và cách thức giao nhiệm vụ. Chủ thể quản trị có thể thành lập các ủy ban để giám sát bổ sung đối với các khía cạnh cụ thể thuộc trách nhiệm của mình, như kiểm toán, rủi ro, tài chính, kế hoạch, và lương thưởng. Trong ban giám đốc, có thể sắp xếp theo chức năng và thứ bậc và có xu hướng chuyên môn hóa ngày càng tăng khi các tổ chức phát triển về quy mô và mức độ phức tạp.

Mô hình này dựa trên sáu nguyên tắc nền tảng:

Quản trị: Việc quản trị của một tổ chức phải có cơ cấu và quy trình phù hợp cho phép trách nhiệm giải trình, hành động, bảo đảm, và tư vấn.

Vai trò của Chủ thể Quản trị: Chủ thể quản trị bảo đảm áp dụng các quy trình và cấu trúc phù hợp để quản trị hiệu quả. Chủ thể quản trị cũng bảo đảm rằng các mục tiêu và hoạt động được gắn với và ưu tiên với mục tiêu và hoạt động của các bên có quyền lợi liên quan.

8 Sổ tay Kiểm soát Nội bộ của IFC, Trang 10.

9 *Three-Lines-Model-Updated.pdf* (theiia.org)

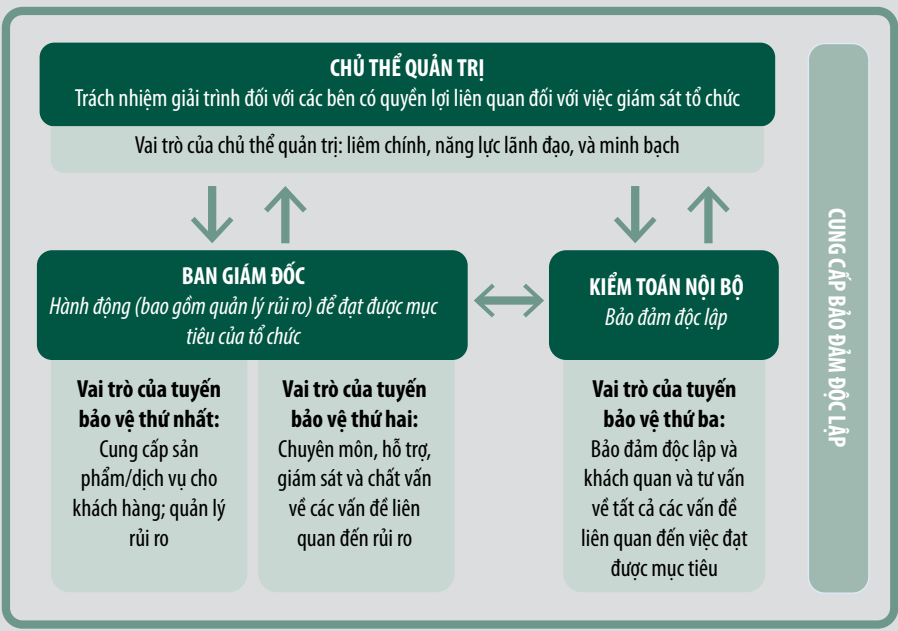
Ban Giám đốc và vai trò của Tuyến Bảo vệ Thứ nhất và Thứ hai: Hoạt động của ban giám đốc bao gồm cả vai trò của tuyến bảo vệ thứ nhất và thứ hai trong việc đạt được các mục tiêu của tổ chức. Vai trò của tuyến bảo vệ thứ nhất gắn liền hơn với việc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và các chức năng hỗ trợ cụ thể. Vai trò của tuyến bảo vệ thứ hai thường cung cấp hỗ trợ trung vào việc quản lý rủi ro. Tuyến bảo vệ thứ nhất và thứ hai hoạt động đồng thời.

Vai trò của Tuyến Bảo vệ Thứ ba: Kiểm toán Nội bộ cung cấp bảo đảm và tư vấn độc lập và khách quan liên quan đến tính đầy đủ và hiệu quả của quản trị và quản lý rủi ro.

Sự Độc lập của Tuyến Bảo vệ Thứ ba: Kiểm toán Nội bộ phải duy trì sự độc lập với ban giám đốc để không làm giảm tính khách quan, thẩm quyền, và độ tin cậy.

Tạo ra và Bảo vệ Giá trị: Ba tuyến bảo vệ này phối hợp với nhau để tạo ra và bảo vệ giá trị khi được gắn với và ưu tiên với lợi ích của các bên có quyền lợi liên quan. Có thể đạt được sự gắn kết này thông qua giao tiếp, hợp tác, và cộng tác.

Hình 1. Mô hình Ba Tuyến Bảo vệ của IIA



Chú thích

- ↑ Trách nhiệm giải trình, báo cáo
- ↓ Giao nhiệm vụ, chỉ đạo, nguồn lực, giám sát
- ↔ Gắn kết, truyền thông, điều phối, cộng tác

GIỚI THIỆU VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

CƠ CẤU QUẢN TRỊ CÔNG TY

TÀI LIỆU NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

GIỚI THIỆU VỀ QUYỀN CẠM CÔNG ĐỒNG

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

BAN GIÁM ĐỐC

THỦ KÝ CÔNG TY

MÔI TRƯỜNG KIỂM SOÁT

CÔNG BỐ THÔNG TIN

GIAO DỊCH VỚI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN (GỎI)

CỐ TỨC

VỐN ĐIỀU LỆ

Để có thể hiểu rõ hơn về hệ thống kiểm soát nội bộ, ở phần sau, chúng ta sẽ thảo luận các nguyên tắc kiểm soát nội bộ, các yếu tố cấu thành của hệ thống kiểm soát nội bộ, các cơ quan và cá nhân chịu trách nhiệm về hệ thống kiểm soát nội bộ cũng như vai trò của kiểm toán nội bộ trong hệ thống kiểm soát nội bộ.

9.2.1. Các Yếu tố Cấu thành của Hệ thống Kiểm soát Nội bộ

Hệ thống kiểm soát nội bộ bao gồm các yếu tố cấu thành có liên quan lẫn nhau sau đây:¹⁰

- **Môi trường kiểm soát:** Môi trường kiểm soát là một tập hợp các tiêu chuẩn, quy trình, và cấu trúc cung cấp nền tảng cho việc thực hiện kiểm soát nội bộ trong toàn tổ chức. Các thành phần của môi trường kiểm soát bao gồm sự liêm chính và các giá trị đạo đức của tổ chức, các chỉ số cho phép HĐQT thực hiện trách nhiệm giám sát, cơ cấu tổ chức và phân công thẩm quyền, trách nhiệm, quy trình thu hút và giữ chân nhân lực, và các biện pháp thực hiện, chính sách khuyến khích, và phần thưởng để bảo đảm trách nhiệm giải trình và kết quả.
- **Đánh giá rủi ro:** Đánh giá rủi ro là quá trình nhận dạng và đánh giá rủi ro để đạt được mục tiêu của công ty, là cơ sở để xác định cách thức quản lý những rủi ro này. Trọng tâm của đánh giá rủi ro là thiết lập các mục tiêu cụ thể liên quan đến hoạt động, báo cáo và tuân thủ, cho phép nhận dạng và quản lý rủi ro liên quan đến những mục tiêu này.
- **Hoạt động kiểm soát:** Hoạt động kiểm soát là hành động bắt nguồn từ chính sách và quy trình nhằm giảm thiểu rủi ro xuống mức chấp nhận được. Hoạt động kiểm soát diễn ra trên toàn tổ chức, ở tất cả các cấp và các bộ phận. Những hoạt động này bao gồm nhiều hoạt động như phê duyệt, ủy quyền, xác minh, đối chiếu, rà soát kết quả hoạt động, bảo vệ tài sản, và phân tách trách nhiệm. Các hoạt động kiểm soát phải nghiêm ngặt từ trên xuống dưới trong hoạt động của công ty, tạo sự tin cậy cho môi trường kiểm soát, và thiết lập quan điểm từ lãnh đạo cấp cao để bảo đảm tất cả nhân viên tuân thủ.
- **Thông tin và truyền thông:** Các công ty phải xác định, có được, tạo ra, và phổ biến thông tin thích hợp dưới hình thức và trong khung thời gian cho

10 *Kiểm soát nội bộ - Khung khổ tích hợp (Ủy ban các Tổ chức Tài trợ của Ủy ban Treadway, 2013), 14-12.*

phép nhân viên thực hiện hiệu quả trách nhiệm của mình. Truyền thông hiệu quả nên diễn ra theo nghĩa rộng – có luồng thông tin ngược, xuôi, và xuyên suốt trong tổ chức. Mọi người lao động phải nhận được thông điệp rõ ràng từ lãnh đạo cấp cao về việc phải thực hiện nghiêm túc trách nhiệm kiểm soát. Ngoài ra, mỗi cá nhân phải hiểu vai trò của chính mình trong hệ thống kiểm soát nội bộ, và mối quan hệ giữa hoạt động cá nhân với công việc của những người khác. Vấn đề thiết yếu là ban giám đốc không chỉ truyền thông về riêng biện pháp kiểm soát mà phải nhấn mạnh một cách chính xác về ý nghĩa và mục đích của các thành cấu phần khác nhau trong hệ thống kiểm soát nội bộ. Người lao động cũng nên có phương tiện để truyền đạt những thông tin quan trọng cho cấp lãnh đạo. Công ty cũng cần truyền thông với các bên bên ngoài - như khách hàng, nhà cung cấp, cơ quan quản lý và cổ đông - về các vấn đề ảnh hưởng đến hoạt động kiểm soát nội bộ.

- **Hoạt động giám sát:** Hệ thống kiểm soát nội bộ cần được giám sát theo thời gian để đánh giá chất lượng hoạt động của hệ thống. Điều này được thực hiện thông qua đánh giá liên tục, đánh giá riêng, hoặc kết hợp cả hai. Giám sát liên tục được thực hiện trong quá trình hoạt động và được tích hợp vào các quy trình kinh doanh ở các cấp độ khác nhau trong tổ chức. Giám sát liên tục bao gồm các hoạt động quản lý và giám sát thường xuyên, và các hành động khác mà nhân viên thực hiện khi thực hiện nhiệm vụ. Phạm vi và tần suất của các đánh giá riêng phụ thuộc chủ yếu vào đánh giá rủi ro và hiệu quả của các quy trình giám sát liên tục. Các điểm yếu về kiểm soát nội bộ phải được báo cáo lên cấp cao hơn, và những vấn đề nghiêm trọng nhất được báo cáo trực tiếp cho HĐQT. HĐQT và ban giám đốc cần quy định từ trước các biện pháp xử phạt đối với các hành vi vi phạm kiểm soát.

9.2.2. Nguyên tắc Kiểm soát Nội bộ

Kiểm soát nội bộ giúp các công ty đạt được các mục tiêu kinh doanh thiết yếu, cũng như duy trì và cải thiện kết quả hoạt động. Việc thiết kế và triển khai một hệ thống kiểm soát nội bộ hiệu quả có thể khá thách thức, trong khi việc vận hành hệ thống đó một cách hiệu lực và hiệu quả có ý nghĩa quan trọng. Các mô hình kinh doanh mới và thay đổi nhanh chóng, việc sử dụng và phụ thuộc nhiều hơn vào công nghệ, các yêu cầu pháp luật và giám sát ngày càng tăng, toàn cầu hóa và các thách thức khác yêu cầu mọi hệ thống kiểm soát nội bộ phải linh hoạt thích ứng với những thay đổi trong môi trường kinh doanh, hoạt động, và pháp luật. Một hệ thống kiểm soát nội bộ hiệu quả yêu

GIỚI THIỆU
VỀ QUẢN TRỊ
CÔNG TYCƠ CẤU
QUẢN TRỊ
CÔNG TYTÀI LIỆU NỘI BỘ
VỀ QUẢN TRỊ
CÔNG TYGIỚI THIỆU VỀ
QUYỀN CỎA
CỔ ĐÔNGĐẠI HỘI
ĐÔNG CỔ ĐÔNGHỘI ĐỒNG
QUẢN TRỊ

BAN GIÁM ĐỐC

THỦ KÝ CÔNG TY

MÔI TRƯỜNG
KIỂM SOÁTCÔNG BỐ
THÔNG TINGIAO DỊCH VỚI
NGƯỜI CỎ LIÊN
QUAN (GỎ LI)

CỐ TỨC

VỐN ĐIỀU LỆ

cầu nhiều hơn là chỉ tuân thủ chính sách và quy trình: hệ thống này yêu cầu khả năng nhận định. Ban Giám đốc và HĐQT sử dụng nhận định để xác định mức độ kiểm soát. Ban Giám đốc và nhân viên khác sử dụng nhận định hàng ngày để lựa chọn, xây dựng, và triển khai các biện pháp kiểm soát trên toàn tổ chức. Ban Giám đốc và Kiểm toán Nội bộ, cùng với các nhân viên khác, sử dụng nhận định khi giám sát và đánh giá hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ. Kiểm soát nội bộ không phải là một quá trình nối tiếp mà là một quá trình động và tích hợp.

Tại Việt Nam, Thông tư số 13/2018/TT-NHNN quy định về hệ thống kiểm soát nội bộ áp dụng đối với các tổ chức tín dụng, và Thông tư số 70/2022/TT-BTC quy định về kiểm soát nội bộ của doanh nghiệp bảo hiểm và tái bảo hiểm. Mặc dù các quy định này áp dụng cho các tổ chức tài chính, nhưng doanh nghiệp nói chung nên tham khảo. Hệ thống kiểm soát nội bộ của tổ chức tín dụng phải đáp ứng các yêu cầu sau:¹¹

- Hệ thống kiểm soát nội bộ phải phù hợp với quy mô, điều kiện, và mức độ phức tạp trong hoạt động kinh doanh của tổ chức. Hệ thống kiểm soát nội bộ phải có đủ nguồn lực về tài chính, con người, công nghệ thông tin để đảm bảo hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, và xây dựng, duy trì văn hóa kiểm soát, chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp cho tổ chức.
- Tổ chức tín dụng phải có quy định kiểm soát nội bộ được cơ quan quản lý có thẩm quyền phê duyệt.
- Hệ thống kiểm soát nội bộ phải có ba tuyến bảo vệ như sau:
 - a) Tuyến bảo vệ thứ nhất có chức năng nhận dạng, kiểm soát và giảm thiểu rủi ro do các bộ phận sau thực hiện:
 - (i) Các bộ phận kinh doanh (bao gồm cả bộ phận phát triển sản phẩm), các bộ phận có chức năng tạo ra doanh thu khác, và các bộ phận có chức năng thực hiện các quyết định có rủi ro.
 - (ii) Các bộ phận có chức năng phân bổ hạn mức rủi ro, kiểm soát rủi ro, giảm thiểu rủi ro (thuộc bộ phận kinh doanh hoặc bộ phận độc lập) đối với từng loại hình giao dịch, hoạt động kinh doanh.
 - (iii) Bộ phận nhân sự, bộ phận kế toán.

11 Điều 5, Thông tư 13/2018/TT-NHNN.

- b) Tuyển bảo vệ thứ hai có chức năng xây dựng chính sách quản lý rủi ro, quy định nội bộ về quản lý rủi ro, đo lường, theo dõi rủi ro và tuân thủ quy định pháp luật do bộ phận tuân thủ, bộ phận quản lý rủi ro thực hiện.¹²
- c) Tuyển bảo vệ thứ ba có chức năng kiểm toán nội bộ, do bộ phận kiểm toán nội bộ thực hiện.¹³
- Ý kiến thảo luận (ý kiến thống nhất và không thống nhất) và kết luận về hệ thống kiểm soát nội bộ trong cuộc họp của HĐQT, BKS, Ủy ban Kiểm toán, Ủy ban Quản lý Rủi ro, Ủy ban Nhân sự, Hội đồng Rủi ro, Hội đồng Quản lý Vốn, Hội đồng Quản lý Tài sản/Nợ phải trả (Hội đồng ALCO) phải được ghi lại bằng văn bản.
 - Việc đánh giá độc lập đối với hệ thống kiểm soát nội bộ được thực hiện theo quy định về kiểm toán độc lập đối với ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.



Thông lệ tốt nhất

Kiểm soát Nội bộ theo COSO—Khung Tích hợp cho phép các tổ chức xây dựng các hệ thống kiểm soát nội bộ hiệu lực và hiệu quả và thích ứng với môi trường kinh doanh và hoạt động thường xuyên biến đổi, giảm thiểu rủi ro xuống mức chấp nhận được, đồng thời hỗ trợ việc ra quyết định và quản trị đúng đắn của tổ chức. Khung này cung cấp 17 nguyên tắc, mỗi nguyên tắc được ánh xạ trực tiếp tới một trong năm cấu phần kiểm soát nội bộ. Các điểm trọng tâm nhằm cung cấp hướng dẫn hữu ích để hỗ trợ ban giám đốc trong thiết kế, thực hiện và triển khai kiểm soát nội bộ và đánh giá xem liệu các nguyên tắc liên quan có còn phù hợp với hiện tại và có hiệu quả không. Hình vẽ dưới đây cho thấy điểm số trọng tâm của mỗi nguyên tắc, tổng cộng là 77 điểm, theo quy định tại khung này:¹⁴



12 Điều 18 và 22, Thông tư 13/2018/TT-NHNN.

13 Điều 68, Thông tư 13/2018/TT-NHNN.

14 COSO, Kiểm soát nội bộ – Khung tích hợp 2013: Tham khảo tóm tắt tại https://www.coso.org/_files/ugd/3059fc_1df7d5dd38074006bce8df621a942cf.pdf

Cấu phần	Nguyên tắc	Số điểm TT
<div style="border: 1px solid black; padding: 2px; margin-bottom: 2px;">Môi trường Kiểm soát</div> <div style="border: 1px solid black; padding: 2px; margin-bottom: 2px;">Đánh giá Rủi ro</div> <div style="border: 1px solid black; padding: 2px; margin-bottom: 2px;">Hoạt động Kiểm soát</div> <div style="border: 1px solid black; padding: 2px; margin-bottom: 2px;">Thông tin & Truyền thông</div> <div style="border: 1px solid black; padding: 2px;">Hoạt động giám sát</div>	1. Cam kết về liêm chính và giá trị đạo đức	4
	2. Giám sát độc lập của HĐQT	4
	3. Cơ cấu, tuyển báo cáo, thẩm quyền, trách nhiệm	3
	4. Thu hút, phát triển, và giữ chân nhân sự có năng lực	4
	5. Người chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ	5
	6. Các mục tiêu rõ ràng	5
	7. Các rủi ro được nhận dạng để đạt được các mục tiêu	5
	8. Gian lận tiềm ẩn được xem xét	4
	9. Thay đổi quan trọng được xác định và đánh giá	3
	10. Các hoạt động kiểm soát được chọn và xây dựng	6
	11. Các kiểm soát chung về CNTT được chọn và xây dựng	4
	12. Các kiểm soát được triển khai thông qua chính sách và quy trình	6
	13. Các hoạt động kiểm soát được chọn và xây dựng	5
	14. Các kiểm soát chung về CNTT được chọn và xây dựng	4
	15. Các kiểm soát được triển khai thông qua chính sách và quy trình	5
	16. Đánh giá liên tục và/hoặc đánh giá riêng được thực hiện	7
	17. Điểm yếu trong kiểm soát nội bộ được đánh giá và truyền thông	3

9.2.3. Kiểm soát Nội bộ đối với Báo cáo Phát triển Bền vững

Báo cáo phát triển bền vững cung cấp sự minh bạch về các hoạt động môi trường, xã hội, và quản trị (ESG) của công ty, cho phép các bên có quyền lợi liên quan đánh giá cam kết của công ty về phát triển bền vững. Báo cáo cũng giúp các tổ chức nhận dạng và quản lý rủi ro, nâng cao hiệu quả hoạt động, và xây dựng giá trị lâu dài.

Tháng 3/2023, COSO công bố một nghiên cứu mang tính đột phá kèm theo hướng dẫn bổ sung được thiết kế để giúp các công ty có kiểm soát nội bộ hiệu quả đối với hoạt động báo cáo phát triển bền vững. Hướng dẫn này sử dụng Khung Kiểm soát Nội bộ theo COSO—Khung Tích hợp được công nhận trên toàn cầu. COSO tin rằng việc thực hiện khuôn khổ này sẽ cải thiện niềm tin và sự tin tưởng đối với ESG và báo cáo phát triển bền vững, công khai thông tin, và quá trình ra quyết định của doanh nghiệp. Kiểm soát nội bộ tốt có ý nghĩa thiết yếu đối với phát triển bền vững của doanh nghiệp và áp dụng xa hơn nhiều phạm vi tuân thủ và yêu cầu bắt buộc về công khai thông tin ra bên ngoài.

COSO nhấn mạnh các khuyến nghị sau đây để có hệ thống kiểm soát nội bộ vững chắc đối với hoạt động báo cáo phát triển bền vững:¹⁵

1. Các công ty nên cam kết bảo đảm kiểm soát nội bộ hiệu quả đối với các vấn đề liên quan đến phát triển bền vững, bao gồm vận hành, tuân thủ, và các loại báo cáo khác nhau (bên ngoài, nội bộ, phi tài chính, và tuân thủ).
2. Mặc dù sẽ đạt được kiểm soát nội bộ hiệu quả khi có đủ 17 nguyên tắc và các nguyên tắc đều hoạt động, việc điều chỉnh và thích ứng có ý nghĩa quan trọng vì việc này sẽ khác nhau ở mức độ nhất định tại mỗi tổ chức, tùy thuộc mức độ trưởng thành, ngành nghề, nguồn lực, và yêu cầu.
3. Các công ty nên phối hợp với chủ thể khác để xác định cơ cấu tổ chức, vai trò, và trách nhiệm tốt nhất nhằm tạo ra kết quả mong muốn, đạt được hiệu quả nội bộ và bên ngoài phù hợp, và đạt được kiểm soát nội bộ hiệu quả. Những chủ thể này bao gồm HĐQT và các ủy ban trực thuộc HĐQT, ban giám đốc, vận hành, tuân thủ, và kiểm toán nội bộ. Mô hình Ba Tuyến Bảo vệ có thể đặc biệt hữu ích trong việc phân định những trách nhiệm này.
4. Các công ty nên tự đào tạo về các chủ đề mới về bền vững.
5. Các công ty có thể tận dụng các tài liệu COSO liên quan khác về những chủ đề như ERM và ESG, điện toán đám mây, và các chủ đề khác (tại www.coso.org).
6. Phải có được bảo đảm nội bộ và tin tưởng vào báo cáo phát triển bền vững trước bảo đảm bên ngoài. Các công ty cần bảo đảm rằng bộ phận kiểm toán nội bộ có thể đưa ra bảo đảm khách quan và các tư vấn khác.
7. Các công ty nên lập báo cáo ESG (nội bộ và bên ngoài) theo phương thức tự động, hiệu quả và liên tục.
8. Báo cáo phát triển bền vững là lĩnh vực phát triển nhanh chóng. Do vậy, các hoạt động giám sát có ý nghĩa quan trọng trong việc đánh giá tiến bộ và biết khi nào cần thực hiện chỉnh sửa và cải tiến.

15 COSO, 2023, *Đạt được Kiểm soát Nội bộ Hiệu quả đối với Báo cáo Phát triển Bền vững (ICSR): Xây dựng niềm tin và sự tin tưởng thông qua Khung Kiểm soát Nội bộ theo COSO—Khung Tích hợp*: https://www.coso.org/_files/ugd/719ba0_0b33989b84454d1682399ab5c71e49cb.pdf.

GIỚI THIỆU
VỀ QUẢN TRỊ
CÔNG TYCƠ CẤU
QUẢN TRỊ
CÔNG TYTÀI LIỆU NỘI BỘ
VỀ QUẢN TRỊ
CÔNG TYGIỚI THIỆU VỀ
QUYỀN CỎA
CƠ ĐỒNGĐẠI HỘI
ĐỒNG CỎ ĐỒNGHỘI ĐỒNG
QUẢN TRỊ

BAN GIÁM ĐỐC

THUẬT CÔNG TY

MÔI TRƯỜNG
KIỂM SOÁTCÔNG BỐ
THÔNG TINGIAO DỊCH VỚI
NGƯỜI CỎ LIÊN
QUAN (GỎU)

CÓ TỨC

VỐN ĐỀU LẺ

9.

Môi trường kiểm soát

9. COSO dành cho tất cả các tổ chức xây dựng hệ thống kiểm soát nội bộ hiệu quả nhằm đáp ứng các mục tiêu, quản lý rủi ro, phát triển và thành công trong mọi lĩnh vực kinh doanh và hoạt động.
10. Điều quan trọng đối với các công ty là thành lập một nhóm đa chức năng bao gồm các chuyên gia về kinh doanh bền vững, và về kiểm soát nội bộ và báo cáo.

9.3. Ban Kiểm soát

BKS thực hiện kiểm soát các hoạt động vận hành và tài chính của công ty. Chức năng chính của BKS là giám sát HĐQT và TGD trong việc quản lý và điều hành công ty. Hoạt động này bao gồm kiểm tra sự hợp lý, hợp pháp, trung thực, và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê, và lập báo cáo tài chính.¹⁶

Công ty cổ phần có thể thành lập BKS hoặc Ủy ban Kiểm toán. Công ty cổ phần có dưới 11 cổ đông và các cổ đông là tổ chức sở hữu dưới 50% tổng số cổ phần của công ty thì không bắt buộc phải có BKS.¹⁷

9.3.1. Thành phần và Yêu cầu đối với Kiểm soát viên

BKS của công ty cổ phần có từ ba đến năm kiểm soát viên, nhiệm kỳ không quá năm năm. Thành viên BKS có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.¹⁸ BKS phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.¹⁹

¹⁶ Khoản 1&2, Điều 170, LDN.

¹⁷ Khoản 1a, Điều 137, LDN.

¹⁸ Khoản 1, Điều 168, LDN.

¹⁹ Khoản 1, Điều 38, Thông tư 116/2020/TT-BTC Điều lệ Mẫu và Khoản 2, Điều 4, Mẫu quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.

GIỚI THIỆU
VE QUẢN TRỊ
CÔNG TYCƠ CẤU
QUẢN TRỊ
CÔNG TYTÀI LIỆU NỘI BỘ
VE QUẢN TRỊ
CÔNG TYGIỚI THIỆU VE
QUẢN TRỊ
CƠ ĐỒNGĐẠI HỘI
ĐỒNG CỔ ĐÔNGHỘI ĐỒNG
QUẢN TRỊ

BAN GIÁM ĐỐC

THỦ KÝ CÔNG TY

MỘT TRƯỞNG
KIỂM SOÁTCÔNG BỐ
THÔNG TINGIAO DỊCH VỚI
NGƯỜI CÓ LIÊN
QUAN (GOLU)

CỐ TỨC

VỐN ĐIỀU LỆ



Thông lệ tốt nhất

Nhiều công ty Việt Nam áp dụng mô hình quản trị hai cấp, tương tự mô hình phổ biến ở nhiều quốc gia khác như Áo, Đan Mạch, Phần Lan, Đức, Hà Lan và Thụy Sĩ ở Châu Âu hay Trung Quốc và Indonesia ở Châu Á. Mô hình này tách HĐQT thành Ban Kiểm soát và Ủy ban Điều hành bao gồm các thành viên HĐQT điều hành. Mặc dù doanh nghiệp Việt Nam tuân thủ cơ cấu này, vẫn tồn tại những khác biệt nhỏ trong việc duy trì BKS. Đáng chú ý là thành viên BKS không phải là thành viên HĐQT không điều hành mà được cổ đông bầu chọn, có khả năng bao gồm cả nhân viên công ty, không bảo đảm sự độc lập. Theo LDN hiện hành (2020), BKS có từ 3 đến 5 kiểm soát viên, có thể phục vụ số nhiệm kỳ không hạn chế.²¹

Tuy nhiên, theo thông lệ quản trị công ty tốt, do BKS đảm nhiệm vai trò quan trọng của Ủy ban Kiểm toán trong việc giám sát ban giám đốc, các yêu cầu về tính độc lập áp dụng đối với các thành viên Ủy ban Kiểm toán cũng cần được mở rộng đối với kiểm soát viên, theo đó kiểm soát viên có thể mất đi sự độc lập sau khi phục vụ trên chín năm.

Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:²²

- Không thuộc đối tượng không có quyền thành lập và quản lý doanh nghiệp tại Việt Nam của LDN.²³
- Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.
- Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên HĐQT, TGD và người quản lý khác.
- Không phải là người quản lý của công ty.
- Không làm việc trong bộ phận Kế toán, Tài chính của Công ty.
- Không là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.

20 Học viện Quản trị Công ty: Cơ cấu hội đồng quản trị hai cấp là gì? <https://www.thecorporategovernanceinstitute.com/insights/lexicon/what-is-a-two-tiered-board-structure/#:~:text=In%20the%20two%2Dtiered%20system%2C%20the%20management%20board%20looks%20after.management%20board%20features%20executive%20directors.>

21 Khoản 1, Điều 168, LDN

22 Khoản 1, Điều 169, LDN và Khoản 2, Điều 37, Thông tư 116/2020/TT-BTC, Điều lệ Mẫu.

23 Khoản 2, Điều 17, LDN.

Ngoài ra, Kiểm soát viên công ty đại chúng không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn của doanh nghiệp, người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty mẹ và tại công ty.²⁴

9.3.2. Thẩm quyền

BKS có quyền và nghĩa vụ sau đây:²⁵

- Giám sát HĐQT, TGD trong việc quản lý và điều hành công ty.
- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, và tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
- Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm và 06 tháng của công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp ĐHĐCĐ.
- Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của HĐQT hoặc ĐHĐCĐ và đưa ra kiến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của HĐQT hoặc ĐHĐCĐ. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của công ty.
- Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và tài liệu khác của công ty. Việc này bao gồm công việc quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết ĐHĐCĐ hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông.
- Thực hiện kiểm tra các vấn đề cần kiểm tra theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông.
- Kiến nghị HĐQT hoặc ĐHĐCĐ biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.
- Thông báo ngay bằng văn bản cho HĐQT và yêu cầu người vi phạm nghĩa

24 Khoản 2, Điều 5, Thông tư 116/2020/TT-BTC Mẫu quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.

25 Điều 170, LDN.

vụ của người quản lý công ty chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

- Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp ĐHĐCĐ, HĐQT và các cuộc họp khác của công ty. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận Kiểm toán Nội bộ của công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao. Tham khảo ý kiến của HĐQT trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên ĐHĐCĐ.
- Kiểm tra các vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành Công ty theo yêu cầu của cổ đông.
- Yêu cầu HĐQT triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường.
- Triệu tập họp ĐHĐCĐ thay cho HĐQT trong thời hạn 30 ngày nếu HĐQT không triệu tập.²⁶
- Yêu cầu Chủ tịch HĐQT triệu tập họp HĐQT.
- Xem xét, trích lục, sao chép toàn bộ hoặc một phần danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan của các thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, TGD và người quản lý khác của công ty.
- Đề xuất và kiến nghị ĐHĐCĐ phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.
- Giám sát tình hình tài chính công ty, việc tuân thủ pháp luật của thành viên HĐQT, TGD và người quản lý khác.
- Đảm bảo phối hợp hoạt động với HĐQT, TGD và cổ đông.
- Thông báo bằng văn bản cho HĐQT trong vòng 48 giờ kể từ khi phát hiện hành vi vi phạm pháp luật, Điều lệ Công ty của thành viên HĐQT, TGD hoặc người quản lý khác. Yêu cầu người vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
- Chứng kiến HĐQT tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu nếu được HĐQT yêu cầu trong trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua nghị quyết của ĐHĐCĐ.

- Trường BKS điều hành để ĐHĐCĐ bầu chủ tọa cuộc họp đối với trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc mà các thành viên HĐQT còn lại không bầu được người làm chủ tọa. Trường hợp này, người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

Ban Kiểm soát có trách nhiệm sau đây:²⁷

- Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ Công ty, nghị quyết ĐHĐCĐ và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.
- Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của công ty.
- Trung thành với lợi ích của công ty và cổ đông. Không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
- Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của BKS.
- Xây dựng quy chế hoạt động của BKS và trình ĐHĐCĐ thông qua.
- Trường hợp không thực hiện đúng trách nhiệm mà gây thiệt hại cho công ty hoặc người khác thì thành viên BKS phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại. Thu nhập và lợi ích khác mà thành viên BKS có được do vi phạm phải hoàn trả cho Công ty.
- Trường hợp phát hiện có thành viên BKS vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến BKS, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

Trách nhiệm triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường

BKS thay thế HĐQT triệu tập họp ĐHĐCĐ trong thời hạn 30 ngày nếu HĐQT không triệu tập họp ĐHĐCĐ trong các trường hợp sau:²⁸

- Số lượng thành viên BKS còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật.
- Có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn theo quy định của Điều lệ Công ty.

27 Điều 173, LDN và Điều 11, Thông tư 116/2020/TT-BTC, Mẫu quy chế hoạt động của BKS.

28 Khoản 3, Điều 140, LDN và Khoản 1, Điều 13, Thông tư 116/2020/TT-BTC, Mẫu quy chế hoạt động của BKS.

- Khi có yêu cầu triệu tập họp bất thường ĐHĐCĐ của BKS nhưng HĐQT không thực hiện.

Trường hợp BKS không triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định trên đây, BKS phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.²⁹

Chi phí triệu tập và tiến hành họp ĐHĐCĐ sẽ được Công ty hoàn lại.

Trách nhiệm họp HĐQT:

- Kiểm soát viên có quyền dự các cuộc họp HĐQT và có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.³⁰
- BKS có quyền đề nghị Chủ tịch HĐQT triệu tập họp HĐQT.³¹

Tiếp cận Thông tin

BKS có quyền được cung cấp các tài liệu và thông tin sau đây theo phương thức như cung cấp cho các thành viên HĐQT:³²

- Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên HĐQT và tài liệu kèm theo.
- Nghị quyết, quyết định, và biên bản họp của HĐQT, ĐHĐCĐ.
- Báo cáo của TGD trình HĐQT hoặc tài liệu khác do công ty phát hành.
- Kiểm soát viên có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác. Kiểm soát viên cũng có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của công ty trong giờ làm việc.³³
- HĐQT, thành viên HĐQT, TGD, và người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của công ty theo yêu cầu của Kiểm soát viên hoặc BKS.³⁴

29 Khoản 2, Điều 13, Thông tư 116/2020/TT-BTC Mẫu quy chế hoạt động của BKS.

30 Khoản 7, Điều 157, LDN.

31 Khoản 3a, Điều 157, LDN và Khoản 15, Điều 11, Thông tư 116/2020/TT-BTC, Mẫu quy chế hoạt động của BKS.

32 Khoản 1, Điều 171, LDN.

33 Khoản 2, Điều 171, LDN.

34 Khoản 3, Điều 171, LDN.

Kết thúc năm tài chính, HĐQT phải lập và gửi cho BKS các báo cáo và tài liệu sau đây để thẩm định chậm nhất 30 ngày trước ngày khai mạc họp ĐHĐCĐ thường niên, trừ trường hợp Điều lệ Công ty có quy định khác:³⁵

- Báo cáo kết quả kinh doanh của công ty.
- Báo cáo tài chính.
- Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành công ty.



Thông lệ tốt nhất

Ở một số quốc gia khác, BKS được giao thêm một số thẩm quyền và nhiệm vụ như sau:

- Điều tra các vụ việc sử dụng nguồn thông tin nội bộ.
- Kiểm tra sự đúng hạn của các khoản thanh toán cho nhà thầu và các khoản phải nộp ngân sách.
- Kiểm tra sự đúng hạn của các khoản tích lũy và chi trả cổ tức, cũng như việc thực hiện các cam kết khác về tài chính của công ty.
- Kiểm tra sự phù hợp trong việc sử dụng các quỹ của công ty.
- Kiểm tra sự đúng hạn trong việc thanh toán cho cổ phần phát hành của công ty.
- Giám sát sự đúng hạn của việc định giá tài sản ròng của công ty.
- Yêu cầu và nhận thông tin về người có liên quan và giao dịch với người có liên quan.
- Rà soát tình hình tài chính của công ty, đặc biệt là khả năng thanh toán, tính thanh khoản của tài sản, và khả năng trả khoản nợ.

*Quyền và Nghĩa vụ của Trưởng Ban Kiểm soát*³⁶

- Triệu tập cuộc họp BKS.
- Yêu cầu HĐQT, TGD và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo BKS.
- Lập và ký báo cáo của BKS sau khi đã tham khảo ý kiến của HĐQT để trình ĐHĐCĐ.

Các thành viên BKS có mối quan hệ độc lập và phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của mình. Trưởng BKS là người điều phối công việc chung của BKS nhưng không có quyền chi phối các thành viên BKS.³⁷

³⁵ Khoản 1, 2, Điều 175, LDN.

³⁶ Khoản 2, Điều 38, Thông tư 116/2020/TT-BTC Điều lệ Mẫu.

³⁷ Điều 19, Thông tư 116/2020/TT-BTC Mẫu quy chế hoạt động của BKS.

GIỚI THIỆU
VE QUẢN TRỊ
CÔNG TYCƠ CẤU
QUẢN TRỊ
CÔNG TYTÀI LIỆU NỘI BỘ
VE QUẢN TRỊ
CÔNG TYGIỚI THIỆU VE
CƠ ĐỐC
CƠ ĐỒNGĐẠI HỘI
ĐỒNG CỔ ĐÔNGHỘI ĐỒNG
QUẢN TRỊ

BAN GIÁM ĐỐC

THỦ KÝ CÔNG TY

MỘT TRƯỞNG
KIỂM SOÁTCÔNG BỐ
THÔNG TINGIAO DỊCH VỚI
NGƯỜI CÓ LIÊN
QUAN (GOLU)

CỔ TỨC

VỐN ĐIỀU LỆ

9.3.3. Bầu và Miễn nhiệm

Đề cử Thành viên

Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ Công ty có quyền đề cử một hoặc một số ứng cử viên vào BKS. Việc đề cử cần được thực hiện trước khi khai mạc ĐHĐCĐ.³⁸

Trường hợp số ứng cử viên được người có quyền lợi liên quan nêu trên đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của ĐHĐCĐ thì số ứng cử viên còn lại do HĐQT, BKS và các cổ đông khác đề cử.³⁹

Trường hợp số lượng các ứng viên ít hơn 3 người thì BKS đương nhiệm đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về QTCT, và quy chế hoạt động của BKS. Việc này phải được công bố trước khi ĐHĐCĐ biểu quyết bầu thành viên BKS theo quy định của pháp luật.⁴⁰

Quy trình đề cử ứng viên vào BKS của công ty được thực hiện tương tự quy trình đề cử ứng viên vào HĐQT.⁴¹ Điều lệ Công ty có thể yêu cầu cung cấp thông tin bổ sung về các ứng cử viên trong đề xuất đề cử của họ.

Danh sách ứng cử viên BKS ngân hàng phải được Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phê duyệt.⁴²

Bầu kiểm soát viên

Việc bầu và miễn nhiệm thành viên BKS thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.⁴³

Việc biểu quyết bầu thành viên BKS phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu.⁴⁴ Điều này nghĩa là mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết

38 Khoản 1a, Điều 7, Thông tư 116/2020/TT-BTC Mẫu quy chế hoạt động của BKS.

39 Khoản 1b, Điều 7, Thông tư 116/2020/TT-BTC Mẫu quy chế hoạt động của BKS.

40 Khoản 2, Điều 36, Thông tư 116/2020/TT-BTC Điều lệ Mẫu và Khoản 2, Điều 7, Mẫu quy chế hoạt động của BKS.

41 Khoản 1, Điều 36, Thông tư 116/2020/TT-BTC Điều lệ Mẫu.

42 Điều 3 và 4, Thông tư 22/2018/TT-NHNN.

43 Khoản 2c, Điều 138, LDN.

44 Khoản 3, Điều 148, LDN.

tương ứng với số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của BKS và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của BKS thì sẽ tiến hành bầu lại hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Công ty.⁴⁵

Nhiệm kỳ của kiểm soát viên không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.⁴⁶ Tuy nhiên, để phù hợp với các nguyên tắc quản trị công ty tốt, do BKS đảm nhiệm vai trò quan trọng của Ủy ban Kiểm toán trong việc giám sát ban giám đốc, các tiêu chí về độc lập áp dụng đối với các thành viên Ủy ban Kiểm toán cũng cần được mở rộng đối với kiểm soát viên. Việc mở rộng này bao gồm những cân nhắc như khả năng mất đi sự độc lập sau nhiệm kỳ vượt quá chín năm để đảm bảo tính độc lập với ban giám đốc và các bộ phận khác.

Trường hợp kiểm soát viên có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì kiểm soát viên đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi kiểm soát viên nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.⁴⁷

Trường BKS do BKS bầu trong số các thành viên BKS. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trường BKS được thực hiện theo nguyên tắc đa số.⁴⁸

Bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát

Chỉ có ĐHĐCĐ mới có quyền bãi nhiệm thành viên BKS trước khi họ kết thúc nhiệm kỳ. Thành viên BKS có thể bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau đây:⁴⁹

- Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên BKS.

45 Khoản 1, Điều 38, Thông tư số 116/2020/TT-BTC Điều lệ Mẫu và Khoản 2, Điều 8, Mẫu quy chế hoạt động của BKS.

46 Khoản 1, Điều 168, LDN.

47 Khoản 3, Điều 168, LDN.

48 Khoản 2, Điều 6, Thông tư 116/2020/TT-BTC, Mẫu quy chế hoạt động của BKS.

49 Điều 174, LDN, Khoản 3 và 4 Điều 37, Thông tư 116/2020/TT-BTC, Điều lệ Mẫu và Điều 9, Mẫu quy chế hoạt động của BKS.

GIỚI THIỆU
VE QUẢN TRỊ
CÔNG TYCƠ CẤU
QUẢN TRỊ
CÔNG TYTÀI LIỆU NỘI BỘ
VE QUẢN TRỊ
CÔNG TYGIỚI THIỆU VỀ
QUYỀN CŨA
CƠ ĐỒNGĐẠI HỘI
ĐỒNG CŨ ĐỒNGHỘI ĐỒNG
QUẢN TRỊ

BAN GIÁM ĐỐC

THỦ KÝ CÔNG TY

MỘT TRƯỞNG
KIỂM SOÁTCÔNG BỐ
THÔNG TINGIAO DỊCH VỚI
NGƯỜI CÓ LIÊN
QUAN (GOLU)

CỐ TỨC

VỐN ĐIỀU LỆ

- Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng.
- Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công.
- Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên BKS theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
- Có đơn từ chức và được chấp thuận.
- Trường hợp khác được quy định tại nghị quyết của ĐHĐCĐ.

Ngoài ra, kiểm soát viên có thể bị miễn nhiệm tại bất kỳ thời điểm nào theo một nghị quyết của ĐHĐCĐ.⁵⁰

9.3.4. Hợp đồng với Thành viên BKS

Tuy không có văn bản pháp luật nào quy định, thành viên BKS sẽ ký hợp đồng với công ty dưới hình thức hợp đồng lao động thông thường.



Thông lệ tốt nhất

Điều lệ hoặc quy chế nội bộ của công ty cần quy định rõ ai là người đại diện công ty để ký hợp đồng. Về nguyên tắc, Chủ tịch ĐHĐCĐ hoặc HĐQT sẽ là người đại diện. Mặt khác, nếu TGD hoặc một thành viên điều hành khác ký hợp đồng, việc này sẽ làm ảnh hưởng đến sự độc lập của BKS, cả trên lý thuyết lẫn thực tế. Tất nhiên, thẩm quyền ký hợp đồng không được bao hàm quyền thương lượng hay thay đổi các điều khoản hợp đồng. Các điều khoản chủ yếu của hợp đồng, như thù lao, phải được ĐHĐCĐ chấp thuận.

9.3.5. Thù lao của Kiểm soát viên

Trừ trường hợp Điều lệ Công ty quy định, tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của Kiểm soát viên được thực hiện theo quy định sau đây:⁵¹

- ĐHĐCĐ quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hàng năm của BKS.
- Kiểm soát viên được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá

50 Khoản 2d, Điều 174, LDN.

51 Điều 172, LDN và Khoản 1, Điều 41, Thông tư số 116/2020/TT-BTC, Điều lệ Mẫu.

tổng ngân sách hoạt động hàng năm của BKS đã được ĐHĐCĐ chấp thuận, trừ trường hợp ĐHĐCĐ có quyết định khác.

- Tiền lương và chi phí hoạt động của BKS được tính vào chi phí kinh doanh của công ty theo quy định của pháp luật.



Thông lệ tốt nhất

Theo OECD⁵², thành viên BKS sẽ nhận được thù lao cố định hàng năm, và không có các thu nhập biến đổi. Thành viên BKS không được trả lương dựa trên hiệu quả công việc, cổ phần, hoặc quyền hưởng lương hưu của công ty, và cũng không được nhận trợ cấp thôi việc khi rời khỏi BKS. Thù lao cho BKS được đánh giá định kỳ, với hướng dẫn của chuyên gia bên ngoài khi cần thiết.

Thông thường, thành viên BKS không được nhận tiền thưởng ngắn hạn hoặc lương thưởng gắn với kết quả kinh doanh để tránh liên kết lợi ích với các nhà quản lý điều hành, điều này có thể ảnh hưởng đến tính độc lập của thành viên BKS và khuyến khích việc chấp nhận rủi ro ngắn hạn quá mức.

9.3.6. Quy trình hoạt động và các cuộc họp của BKS

Quy trình hoạt động của BKS có thể được quy định trong Điều lệ Công ty, hoặc tốt nhất là trong quy chế hoạt động của BKS được ĐHĐCĐ thông qua. BKS có thể ban hành quy chế họp BKS và phương thức hoạt động của BKS sau khi tham vấn HĐQT.

Theo Điều lệ Mẫu, BKS phải họp ít nhất 2 lần trong một năm và số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên BKS.⁵³

BKS có quyền yêu cầu thành viên HĐQT, TGD và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự các cuộc họp của BKS và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.⁵⁴

52 OECD (2022), *Thù lao của Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành trong Doanh nghiệp Nhà nước*, Nhà xuất bản OECD, Paris, <https://doi.org/10.1787/80d6dc04-en>. Mặc dù khảo sát này của OECD được thực hiện đối với doanh nghiệp nhà nước ở nhiều quốc gia, các khuyến nghị của khảo sát có thể được áp dụng đối với thù lao của Ban Kiểm soát ở các loại hình tổ chức khác.

53 Khoản 1, Điều 40, Thông tư số 116/2020/TT-BTC Điều lệ Mẫu và Khoản 1, Điều 14, Mẫu quy chế hoạt động của BKS.

54 Khoản 2, Điều 40, Thông tư số 116/2020/TT-BTC Điều lệ Mẫu và Khoản 2, Điều 14, Mẫu quy chế hoạt động của BKS.

Biên bản họp BKS được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên BKS tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của BKS phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên BKS.⁵⁵



Thông lệ tốt nhất

Điều lệ hoặc quy chế nội bộ của công ty quy định trách nhiệm của Trưởng BKS như sau:

- Triệu tập, tổ chức và chủ trì các cuộc họp của BKS.
- Chuẩn bị và ký biên bản cuộc họp và các quyết định khác.
- Đại diện cho BKS trong các cuộc họp với bên thứ ba.
- Bỏ phiếu quyết định tại các cuộc họp trong trường hợp số phiếu bầu ngang nhau.
- Phối hợp làm việc với Chủ tịch HĐQT.

Điều lệ hoặc quy chế nội bộ của Công ty nên quy định việc thiết lập số đại biểu cần thiết và quy trình bỏ phiếu. Số đại biểu cần thiết không ít hơn một nửa số thành viên và quyết định của BKS phải được sự đồng ý của đa số quá bán.

Trong khi thực hiện nhiệm vụ của mình, BKS có thể kiểm tra tất cả các tài liệu của công ty, kiểm tra độ tin cậy và tính toàn vẹn của dữ liệu, yêu cầu HĐQT, ban giám đốc và người lao động báo cáo và giải trình. Để thực hiện nhiệm vụ, BKS có thể sử dụng dịch vụ tư vấn của các chuyên gia bên ngoài với mức phí phù hợp.

Trong một số trường hợp, cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ Công ty có quyền yêu cầu BKS thực hiện kiểm tra bất thường. BKS thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu, và báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến HĐQT và cổ đông hoặc nhóm cổ đông yêu cầu trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra. Việc kiểm tra của BKS quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của HĐQT, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.⁵⁶

55 Khoản 1, Điều 40, Thông tư số 116/2020/TT-BTC Điều lệ Mẫu và Điều 15, Mẫu quy chế hoạt động của BKS.

56 LDN, Điều 170, Khoản 6.

9.3.7. Báo cáo

BKS phải trình ĐHĐCĐ các báo cáo dưới đây, bao gồm:⁵⁷

- Báo cáo thường niên của Công ty của HĐQT (gồm báo cáo kết quả kinh doanh của công ty, báo cáo tài chính, và báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành công ty) kèm theo Báo cáo Thẩm định của BKS. Báo cáo Thẩm định phải được lưu trữ tại trụ sở chính của công ty chậm nhất là mười ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ, nếu Điều lệ Công ty không có quy định khác.⁵⁸
- Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của BKS và thành viên BKS.
- Thù lao, chi phí hoạt động, và các lợi ích khác của BKS và từng thành viên BKS.
- Tổng kết các cuộc họp của BKS, và các kết luận, kiến nghị của BKS, kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của công ty.
- Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty khác do công ty đại chúng nắm giữ 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên HĐQT, Tổng giám đốc và những người có liên quan của thành viên đó, giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên HĐQT là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.
- Kết quả giám sát đối với HĐQT, TGD và những người điều hành doanh nghiệp khác.
- Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa BKS với HĐQT, TGD và các cổ đông.



Thông lệ tốt nhất

Tất cả các thành viên của BKS phải ký báo cáo và:

- Những người chưa ký báo cáo giải trình lý do vì sao chưa ký.
- Cho biết một thành viên đã từ chối ký báo cáo và không sẵn sàng giải thích cho việc từ chối đó.

Thành viên BKS tham dự họp ĐHĐCĐ cần tạo cơ hội cho cổ đông đặt câu hỏi và thảo luận về kết quả kiểm tra.

57 Điều 16, Thông tư 116/2020/TT-BTC, Mẫu quy chế hoạt động của BKS.

58 Khoản 4, Điều 175, LDN.

GIỚI THIỆU
VE QUẢN TRỊ
CÔNG TY

CƠ CẤU
QUẢN TRỊ
CÔNG TY

TÀI LIỆU NỘI BỘ
VE QUẢN TRỊ
CÔNG TY

GIỚI THIỆU VE
QUYỀN CỬA
CỔ ĐÔNG

ĐẠI HỘI
ĐÔNG CỔ ĐÔNG

HỘI ĐỒNG
QUẢN TRỊ

BAN GIÁM ĐỐC

THỦ KÝ CÔNG TY

MỘT TRƯỞNG
KIỂM SOÁT

CÔNG BỐ
THÔNG TIN

GIAO DỊCH VỚI
NGƯỜI CÓ LIÊN
QUAN (GOLU)

CỐ TỨC

VỐN ĐIỀU LỆ

9.4. Ủy ban Kiểm toán

Theo cơ cấu tổ chức không có BKS, công ty cổ phần có ít nhất 20% số thành viên HĐQT là thành viên độc lập phải có Ủy ban Kiểm toán trực thuộc HĐQT.⁵⁹

9.4.1. Thành phần và Yêu cầu đối với thành viên Ủy ban Kiểm toán

Ủy ban Kiểm toán là cơ quan chuyên môn thuộc HĐQT và có tối thiểu 02 thành viên.⁶⁰

Thành viên Ủy ban Kiểm toán phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau:⁶¹

- Có kiến thức về kế toán, kiểm toán, có hiểu biết chung về pháp luật và hoạt động của Công ty.
- Không làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty.
- Không phải là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.
- Là thành viên HĐQT không điều hành (độc lập).

Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh. Trưởng ban là thành viên độc lập của HĐQT.⁶²

59 Khoản 1b, Điều 137, LDN.

60 Khoản 1, Điều 161, LDN và Điều 43, Thông tư số 116/2020/TT-BTC, Điều lệ Mẫu.

61 Khoản 1, Điều 161, LDN và Điều 43, Thông tư số 116/2020/TT-BTC, Điều lệ Mẫu.

62 Khoản 1, Điều 161, LDN và Điều 43, Thông tư số 116/2020/TT-BTC, Điều lệ Mẫu.



Thông lệ tốt nhất

Theo Bộ Nguyên tắc Quản trị Công ty theo Thông lệ Tốt nhất của Việt Nam, thành viên của Ủy ban Kiểm toán phải am hiểu về tài chính. Một cá nhân có kinh nghiệm là chuyên gia tài chính nên đóng vai trò chủ tịch Ủy ban Kiểm toán. Sự độc lập, năng lực, và kỹ năng lãnh đạo của chủ tịch có ý nghĩa quan trọng đối với thành công của ủy ban.

Ủy ban Kiểm toán cũng nên bao gồm toàn bộ các thành viên HĐQT độc lập. Nếu điều này là không khả thi trên thực tế, một thành viên HĐQT độc lập nên làm chủ tịch Ủy ban Kiểm toán và Ủy ban chỉ bao gồm các thành viên HĐQT không điều hành.

9.4.2. Thẩm quyền

LDN và Điều lệ Mẫu quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Kiểm toán như sau:⁶³

- Giám sát tính trung thực của báo cáo tài chính của công ty và công bố chính thức liên quan đến kết quả tài chính của công ty.
- Rà soát hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro.
- Rà soát giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của HĐQT hoặc ĐHĐCĐ và đưa ra khuyến nghị về những giao dịch này.
- Giám sát bộ phận kiểm toán nội bộ của công ty.
- Kiến nghị việc bổ nhiệm, thù lao và điều khoản hợp đồng của công ty kiểm toán độc lập để HĐQT thông qua trước khi trình lên ĐHĐCĐ phê duyệt.
- Theo dõi và đánh giá sự độc lập, khách quan của công ty kiểm toán và hiệu quả của quá trình kiểm toán, đặc biệt trong trường hợp công ty có sử dụng các dịch vụ phi kiểm toán của bên kiểm toán.
- Giám sát nhằm bảo đảm công ty tuân thủ quy định của pháp luật, yêu cầu của cơ quan quản lý và quy định nội bộ khác của công ty.
- Tiếp cận các tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của công ty, trao đổi với các thành viên HĐQT, TGD, Kế toán trưởng và cán bộ quản lý khác để thu thập thông tin phục vụ hoạt động của Ủy ban Kiểm toán.

63 Khoản 3, Điều 161, LDN và Điều 44, Thông tư số 116/2020/TT-BTC, Điều lệ Mẫu.

GỚI THIỆU
VE QUẢN TRỊ
CÔNG TY

CƠ CẤU
QUẢN TRỊ
CÔNG TY

TÀI LIỆU NỘI BỘ
VE QUẢN TRỊ
CÔNG TY

GỚI THIỆU VE
QUYỀN CỦA
CƠ ĐỒNG

ĐẠI HỘI
ĐỒNG CƠ ĐỒNG

HỘI ĐỒNG
QUẢN TRỊ

BAN GIÁM ĐỐC

THỦ KÝ CÔNG TY

MỘT TRƯỞNG
KIỂM SOÁT

CÔNG BỐ
THÔNG TIN

GIAO DỊCH VỚI
NGƯỜI CÓ LIÊN
QUAN (GỎI LỘ)

CỐ TỨC

VỐN ĐIỀU LỆ

- Yêu cầu đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề liên quan báo cáo tài chính kiểm toán tại các cuộc họp của Ủy ban Kiểm toán.
- Sử dụng dịch vụ tư vấn pháp luật, kế toán hoặc các tư vấn khác bên ngoài khi cần thiết.
- Xây dựng và trình HĐQT các chính sách phát hiện và quản lý rủi ro, đề xuất với HĐQT các giải pháp xử lý rủi ro phát sinh trong hoạt động của công ty.
- Lập báo cáo bằng văn bản gửi đến HĐQT khi phát hiện thành viên HĐQT, TGD, hoặc người quản lý khác không thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định tại LDN và Điều lệ Công ty.
- Xây dựng quy chế hoạt động của Ủy ban Kiểm toán và trình HĐQT thông qua.



Thông lệ tốt nhất

Hiệp hội Quốc gia các Thành viên HĐQT, một viện đào tạo quốc tế độc lập dành cho thành viên HĐQT tại Hoa Kỳ, đã xác định các chỉ số rủi ro sau đây mà Ủy ban Kiểm toán nên theo dõi và kiểm tra chặt chẽ:

- Các thỏa thuận kinh doanh phức tạp hầu như không phục vụ mục đích thực tế.
- Các giao dịch lớn vào phút cuối dẫn đến doanh thu đáng kể trong báo cáo quý hoặc năm.
- Sa thải hoặc thay đổi công ty kiểm toán được bổ nhiệm sau bất đồng về kế toán hoặc kiểm toán.
- Những thông cáo báo chí quá lạc quan trong đó TGD tìm cách thuyết phục nhà đầu tư tin vào tăng trưởng tương lai.
- Địa điểm kinh doanh phân tán rộng rãi, với quản lý phi tập trung, và hệ thống báo cáo nội bộ yếu kém.
- Không nhất quán giữa thảo luận, phân tích của ban giám đốc và báo cáo tài chính cơ sở.
- Giám đốc tài chính nhất định có mặt tại tất cả các cuộc họp của Ủy ban Kiểm toán.
- Kết quả theo kế hoạch và kết quả báo cáo rất sát nhau hoặc hoàn toàn trùng khớp, và người quản lý luôn đạt được 100% cơ hội tiền thưởng.
- Do dự, lảng tránh, hoặc thiếu thông tin chi tiết từ ban giám đốc hoặc kiểm toán đối với các câu hỏi về báo cáo tài chính.





- Thường xuyên có khác biệt về quan điểm giữa ban giám đốc và Kiểm toán Độc lập.
- Lặp lại mô hình giao hàng đối với phần lớn doanh số bán hàng của tháng hoặc quý trong tuần cuối cùng hoặc ngày cuối cùng.
- Kiểm toán nội bộ hoạt động trong điều kiện hạn chế về phạm vi, như Kiểm toán Nội bộ không được trao đổi trực tiếp với Ủy ban Kiểm toán.
- Bảng cân đối kế toán có thay đổi bất thường, hoặc thay đổi về xu hướng và quan hệ quan trọng trên BCTC. Ví dụ: các khoản phải thu tăng nhanh hơn doanh thu, hoặc các khoản phải trả liên tục bị chậm.
- Chính sách kế toán bất thường, đặc biệt đối với việc ghi nhận doanh thu và hoãn chi phí, như ghi nhận doanh thu trước khi giao sản phẩm (“phát hành hóa đơn và giữ lại”), hoặc hoãn các hạng mục chi phí thường được tính vào chi phí khi phát sinh.
- Các phương pháp kế toán có vẻ thiên về hình thức hơn bản chất.
- Các nguyên tắc/thông lệ kế toán khác với các chuẩn mực của ngành.
- Phát hiện nhiều điều chỉnh hoặc điều chỉnh định kỳ không được ghi nhận hoặc “được miễn” liên quan đến kiểm toán hàng năm.

9.4.3. Đề cử Thành viên Ủy ban Kiểm toán⁶⁴

Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán và các thành viên khác của Ủy ban Kiểm toán do HĐQT đề cử và không phải là người điều hành công ty.

Việc bổ nhiệm Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán và các thành viên khác trong Ủy ban Kiểm toán phải được HĐQT thông qua tại cuộc họp.

9.4.4. Quy trình Hoạt động và các Cuộc họp của Ủy ban Kiểm toán

Ủy ban Kiểm toán cần xác định và giám sát các chỉ số đo lường chất lượng của công ty kiểm toán (việc Kiểm toán Độc lập tuân thủ các yêu cầu về tính độc lập, số năm kinh nghiệm kiểm toán, kinh nghiệm trong ngành, tỷ lệ kiểm toán viên nghỉ việc) và giám sát hoạt động của công ty Kiểm toán Độc lập và hiệu quả của quy trình kiểm toán. Ủy ban cần rà soát chính sách của công ty đối với Kiểm toán Độc lập (lựa chọn, thay đổi, đánh giá năng lực)

64 Điều 42, Thông tư 116/2020/TT-BTC, Điều lệ Mẫu.

- GỚI THIỆU VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
- CƠ CẤU QUẢN TRỊ CÔNG TY
- TÀI LIỆU NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
- GỚI THIỆU VỀ QUYỀN CẠM CỔ ĐÔNG
- ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
- HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
- BAN GIÁM ĐỐC
- THỦ KÝ CÔNG TY
- MỘT TRƯỞNG KIỂM SOÁT
- CÔNG BỐ THÔNG TIN
- GAO DI CHUYỂN NGƯỜI CỎ LIÊN QUAN (GOLU)
- CỐ TỨC
- VỐN ĐIỀU LỆ

và báo cáo các khuyến nghị của ủy ban lên HĐQT nếu có các khuyến nghị cần thiết để điều chỉnh các chính sách này cho phù hợp.⁶⁵ Ủy ban Kiểm toán còn có chức năng giám sát môi trường đạo đức, kiểm soát nội bộ, và quản lý rủi ro cũng như kiểm toán nội bộ và tuân thủ.

Ủy ban Kiểm toán phải họp ít nhất 02 lần trong một năm. Biên bản họp được lập chi tiết, rõ ràng và phải được lưu giữ đầy đủ. Người ghi biên bản và các thành viên Ủy ban Kiểm toán tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp.⁶⁶

Ủy ban Kiểm toán thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty hoặc Quy chế hoạt động Ủy ban kiểm toán quy định. Mỗi thành viên Ủy ban kiểm toán có một phiếu biểu quyết. Trừ trường hợp Điều lệ công ty hoặc quy chế hoạt động Ủy ban Kiểm toán có quy định tỷ lệ khác cao hơn, quyết định của Ủy ban kiểm toán được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán.⁶⁷



Thông lệ tốt nhất

Ở một số quốc gia, Ủy ban Kiểm toán phải họp mỗi tháng một lần. Tuy nhiên, việc họp hàng tháng có thể bị coi là nặng nề, phiền hà, và tốn kém chi phí. Bộ luật Kết hợp mới của Vương quốc Anh đề xuất tổ chức họp Ủy ban Kiểm toán trùng với các thời điểm quan trọng trong chu kỳ báo cáo tài chính và kiểm toán, và tối thiểu ba cuộc họp thông thường mỗi năm. Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán có thể sẽ triệu tập các cuộc họp bổ sung để thiết lập liên hệ thường xuyên và không chính thức với Chủ tịch HĐQT và TGD.

9.4.5. Tiếp cận Thông tin và Nguồn lực

Để thực hiện chức năng của mình một cách hiệu quả, Ủy ban Kiểm toán cần có thẩm quyền điều tra bất kỳ vấn đề nào thuộc phạm vi trách nhiệm. Các thành viên của Ủy ban Kiểm toán phải có quyền tiếp cận không hạn chế đối với mọi tài liệu và thông tin của công ty, bao gồm cả hợp tác đầy đủ của ban

65 Bộ Nguyên tắc Quản trị Công ty theo Thông lệ Tốt nhất của Việt Nam, Khuyến nghị 7.6.2.

66 Khoản 1, Điều 161, LDN và Khoản 1, Điều 45, Thông tư số 116/2020/TT-BTC, Điều lệ Mẫu.

67 Khoản 2, Điều 161, LDN và Khoản 2, Điều 45, Thông tư số 116/2020/TT-BTC, Điều lệ Mẫu.

giám đốc. Thu ký Công ty thường đóng vai trò quan trọng liên quan đến vấn đề này bằng cách tạo điều kiện thuận lợi cho việc cung cấp thông tin nhằm đáp ứng các yêu cầu của Ủy ban Kiểm toán. Ủy ban Kiểm toán cũng cần được cung cấp nguồn lực hợp lý cần thiết để hoàn thành chức năng của mình.

Ủy ban Kiểm toán cần nhận được kết quả đánh giá rủi ro hàng năm, báo cáo kiểm toán nội bộ, kết quả kế hoạch đánh giá và cải tiến chất lượng của bộ phận Kiểm toán Nội bộ, cập nhật về các vấn đề kiểm toán trọng yếu, gia hạn nghị quyết kiểm toán.⁶⁸

9.4.6. Báo cáo

Các thành viên HĐQT độc lập trong Ủy ban Kiểm toán có trách nhiệm báo cáo tại cuộc họp ĐHĐCĐ. Báo cáo phải có các nội dung sau:⁶⁹

- Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ủy ban Kiểm toán và từng thành viên Ủy ban kiểm toán theo quy định tại LDN và Điều lệ Công ty.
- Tổng kết các cuộc họp của Ủy ban Kiểm toán và các kết luận, kiến nghị của Ủy ban Kiểm toán.
- Kết quả giám sát đối với báo cáo tài chính, tình hình hoạt động, tình hình tài chính của công ty.
- Đánh giá về giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty khác do công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên HĐQT, TGD, người điều hành khác của doanh nghiệp và những người có liên quan của đối tượng đó, giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên HĐQT, TGD, người điều hành khác của doanh nghiệp là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch, và các giao dịch với người có liên quan khác.
- Đánh giá về hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro của công ty.
- Kết quả giám sát đối với HĐQT, TGD và người điều hành khác của công ty.
- Sự phối hợp giữa UBKT với HĐQT, TGD và cổ đông.

68 Bộ Nguyên tắc Quản trị Công ty theo Thông lệ Tốt nhất của Việt Nam, Khuyến nghị 7.2.4.

69 Điều 46, Thông tư 116/2020/TT-BTC Điều lệ Mẫu.

GỚI THIỆU VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

CƠ CẤU QUẢN TRỊ CÔNG TY

TÀI LIỆU NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

GỚI THIỆU VỀ QUYỀN CỬA CỔ ĐÔNG

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

BAN GIÁM ĐỐC

THU KÝ CÔNG TY

MÔI TRƯỜNG KIỂM SOÁT

CÔNG BỐ THÔNG TIN

GIAO DỊCH VỚI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN (GỎU)

CỐ TỨC

VỐN ĐIỀU LỆ



Thông lệ tốt nhất

Mẫu Điều lệ Ủy ban Kiểm toán của IFC

Điều lệ Ủy ban Kiểm toán Công ty ABC

Ngày HĐQT phê duyệt: DD/MM/YYYY

- Mục tiêu
- Thành phần Ủy ban
- Thể thức Họp
- Lương thưởng
- Chức năng và Trách nhiệm
- Đánh giá Kết quả Hoạt động của UBKT
- Tiếp cận Cố vấn và Đào tạo
- Nghĩa vụ Báo cáo

Tham khảo phụ lục của chương để biết nội dung chi tiết của Mẫu Điều lệ Ủy ban Kiểm toán.

9.5. Kiểm toán Nội bộ

9.5.1. Vai trò của Kiểm toán Nội bộ

Kiểm toán nội bộ là dịch vụ tư vấn và bảo đảm độc lập, khách quan được thiết kế để gia tăng giá trị và cải thiện hoạt động của một tổ chức.⁷⁰ Kiểm toán Nội bộ đánh giá môi trường kiểm soát, đánh giá rủi ro, biện pháp kiểm soát, và báo cáo các phát hiện lên HĐQT (thông qua Ủy ban Kiểm toán hoặc Ban Kiểm soát) và ban giám đốc, và đưa ra các đề xuất cải tiến. Kiểm toán Nội bộ không chỉ kiểm toán các vấn đề tài chính của công ty mà cả hoạt động, hệ thống và quy trình của công ty. Do đó, Kiểm toán Nội bộ giúp các công ty hoàn thành mục tiêu bằng cách đưa ra cách tiếp cận chặt chẽ, có hệ thống để đánh giá và cải thiện hiệu quả của quy trình quản lý rủi ro, kiểm soát, và quản trị công ty. Theo quy định pháp luật, các công ty niêm yết và doanh nghiệp nhà nước phải có bộ phận Kiểm toán Nội bộ.⁷¹

Kiểm toán Nội bộ cung cấp bảo đảm cho HĐQT và ban giám đốc về:

- Hiệu quả và hiệu lực của các hoạt động đối với toàn bộ tổ chức, các bộ phận, công ty con, đơn vị vận hành, và chức năng kinh doanh.
- Khung quản lý rủi ro (bao gồm nhận dạng, đánh giá, ứng phó và giám sát rủi ro).
- Môi trường kiểm soát nội bộ, bao gồm bảo vệ tài sản và sự lành mạnh và trung thực của các quy trình báo cáo.
- Tuân thủ các quy định, chính sách, và quy trình.

Kiểm toán Nội bộ cần áp dụng Chuẩn mực Kiểm toán Nội bộ Việt Nam⁷² và thực hiện theo các nguyên tắc sau:⁷³

- Tính độc lập: Người làm công tác kiểm toán nội bộ không được đồng thời đảm nhận các công việc thuộc đối tượng của kiểm toán nội bộ. Đơn vị phải đảm bảo rằng kiểm toán nội bộ không chịu bất cứ sự can thiệp nào trong khi thực hiện nhiệm vụ báo cáo và đánh giá.

70 Chuẩn mực Kiểm toán Nội bộ Toàn cầu 2024, Viện Kiểm toán Nội bộ.

71 Khoản 1, Điều 10, Nghị định 05/2019/NĐ-CP.

72 Thông tư 8/2021/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc ban hành Chuẩn mực kiểm toán nội bộ Việt Nam và các nguyên tắc đạo đức nghề nghiệp kiểm toán nội bộ.

73 Điều 5, Nghị định 05/2019/NĐ-CP.

- Tính khách quan: Người làm công tác kiểm toán nội bộ phải đảm bảo khách quan, chính xác, trung thực, công bằng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của kiểm toán nội bộ.
- Tuân thủ pháp luật và chịu trách nhiệm trước pháp luật về hoạt động kiểm toán nội bộ.



Thông lệ tốt nhất

Các nguyên tắc cốt lõi để cập rõ ràng về hiệu quả của kiểm toán nội bộ, và tất cả các nguyên tắc này phải luôn hiện diện và hoạt động hiệu quả.⁷⁴ Các lĩnh vực và nguyên tắc tương ứng như sau:

Đạo đức và Chuyên nghiệp

- (1) Thể hiện sự chính trực.
- (2) Bảo đảm sự khách quan.
- (3) Thể hiện năng lực.
- (4) Thực hiện cẩn trọng chuyên môn.
- (5) Bảo đảm bảo mật thông tin.

Quản trị Chức năng Kiểm toán Nội bộ

- (6) Được HĐQT trao thẩm quyền.
- (7) Có vị thế độc lập.
- (8) Chịu sự giám sát của HĐQT.

Quản lý Chức năng Kiểm toán Nội bộ

- (9) Lập kế hoạch một cách chiến lược.
- (10) Quản lý nguồn lực.
- (11) Giao tiếp hiệu quả.
- (12) Cải tiến chất lượng.

Thực hiện Dịch vụ Kiểm toán nội bộ

- (13) Lập kế hoạch cho đợt kiểm toán một cách hiệu quả.
- (14) Thực hiện đợt kiểm toán.
- (15) Trao đổi kết quả đợt kiểm toán và giám sát kế hoạch hành động.

74 Viện Kiểm toán Nội bộ Quốc tế IIA, Khung Thực hành Nghề nghiệp Quốc tế của IIA (IPPF), [IPPF | Hướng dẫn kỹ thuật | IIA](#)

9.5.2. Yêu cầu đối với Người làm công tác Kiểm toán Nội bộ

Người làm công tác kiểm toán nội bộ phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau:⁷⁵

- Có bằng đại học trở lên các chuyên ngành phù hợp với yêu cầu kiểm toán, có kiến thức đầy đủ và luôn được cập nhật về các lĩnh vực được giao thực hiện kiểm toán nội bộ.
- Đã có thời gian từ 05 năm trở lên làm việc theo chuyên ngành đào tạo hoặc từ 03 năm trở lên làm việc tại đơn vị đang công tác hoặc từ 03 năm trở lên làm kiểm toán, kế toán hoặc thanh tra.
- Có kiến thức, hiểu biết chung về pháp luật và hoạt động của đơn vị, và có khả năng thu thập, phân tích, đánh giá và tổng hợp thông tin, và có kiến thức, kỹ năng về kiểm toán nội bộ.
- Chưa bị kỷ luật ở mức cảnh cáo trở lên do sai phạm trong quản lý kinh tế, tài chính, kế toán.

Nhằm bảo đảm tính độc lập, khách quan, ngăn ngừa sự thiếu công bằng, định kiến và xung đột lợi ích, người làm công tác kiểm toán nội bộ:⁷⁶

- Không thực hiện kiểm toán đối với quy định, chính sách nội bộ, thủ tục, quy trình mà mình là người chịu trách nhiệm chính trong việc xây dựng.
- Không có những xung đột về quyền và lợi ích kinh tế với đơn vị, bộ phận được kiểm toán. Người làm công tác kiểm toán nội bộ không được thực hiện kiểm toán đối với đơn vị, bộ phận mà người điều hành đơn vị, bộ phận đó là người có liên quan của mình.
- Không được tham gia kiểm toán các hoạt động, các bộ phận mà mình chịu trách nhiệm thực hiện hoạt động hoặc quản lý bộ phận đó trong thời hạn 03 năm kể từ khi có quyết định không thực hiện hoạt động hoặc quản lý bộ phận đó.

⁷⁵ Điều 11, Nghị định 05/2019/NĐ-CP.

⁷⁶ Khoản 3, Điều 6, Nghị định 05/2019/NĐ-CP.

Trưởng Kiểm toán Nội bộ do HĐQT bổ nhiệm, miễn nhiệm theo đề nghị của Trưởng BKS/Ủy ban Kiểm toán. Phó trưởng Kiểm toán Nội bộ và các chức danh khác do HĐQT bổ nhiệm, miễn nhiệm theo đề nghị của Trưởng BKS/Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán trên cơ sở đề nghị của Trưởng Kiểm toán Nội bộ.⁷⁷

9.5.3. Thẩm quyền

Bộ phận Kiểm toán Nội bộ có các nhiệm vụ sau:⁷⁸

- Xây dựng quy trình nghiệp vụ kiểm toán nội bộ tại đơn vị trình Trưởng Kiểm toán Nội bộ xem xét, phê duyệt.
- Lập kế hoạch kiểm toán nội bộ hàng năm trên cơ sở rủi ro trình BKS/Ủy ban Kiểm toán phê duyệt và thực hiện hoạt động kiểm toán nội bộ theo kế hoạch được phê duyệt.
- Thực hiện các chính sách, quy trình và thủ tục kiểm toán nội bộ đã được phê duyệt, đảm bảo chất lượng và hiệu quả.
- Thực hiện kiểm toán đột xuất và tư vấn theo yêu cầu của HĐQT.
- Kiến nghị các biện pháp sửa chữa, khắc phục sai sót, và đề xuất biện pháp nhằm hoàn thiện, nâng cao hiệu lực, hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ.
- Lập báo cáo kiểm toán.
- Thông báo và gửi kịp thời kết quả kiểm toán nội bộ theo quy định.
- Phát triển, chỉnh sửa, bổ sung, hoàn thiện phương pháp kiểm toán nội bộ và phạm vi hoạt động của kiểm toán nội bộ để có thể cập nhật, theo kịp sự phát triển của đơn vị.
- Tư vấn cho cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp trong việc lựa chọn, kiểm soát sử dụng dịch vụ kiểm toán độc lập bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả.
- Trình bày ý kiến của kiểm toán nội bộ khi có yêu cầu để HĐQT xem xét, quyết định dự toán ngân sách, phân bổ và giao dự toán ngân sách, quyết toán ngân sách, báo cáo tài chính, báo cáo quản trị.

⁷⁷ Điều 14, Thông tư số 44/2011/TT-NHNN và Thông tư số 13/2018/TT-NHNN.

⁷⁸ Điều 20, Nghị định 05/2019/NĐ-CP.

- Duy trì việc trao đổi hiệu quả với tổ chức kiểm toán độc lập của đơn vị.
- Thực hiện các nhiệm vụ khác do HĐQT giao hoặc theo quy định của pháp luật.

Trách nhiệm của bộ phận Kiểm toán Nội bộ bao gồm:⁷⁹

- Bảo mật tài liệu, thông tin theo quy định của pháp luật và quy chế kiểm toán nội bộ của công ty.
- Chịu trách nhiệm về kết quả hoạt động kiểm toán nội bộ, về các đánh giá, kết luận, kiến nghị, đề xuất trong báo cáo kiểm toán nội bộ.
- Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra kết quả thực hiện các kiến nghị của các đơn vị trong công ty sau kiểm tra nội bộ.
- Tổ chức đào tạo nâng cao và bảo đảm năng lực chuyên môn cho Kiểm toán viên Nội bộ.

Quyền hạn của Bộ phận Kiểm toán Nội bộ:⁸⁰

- Được trang bị nguồn lực cần thiết, được cung cấp đầy đủ, kịp thời tất cả các thông tin, tài liệu, hồ sơ cần thiết cho hoạt động kiểm toán nội bộ, bao gồm việc lập, phân bổ và giao dự toán ngân sách, kế toán và quyết toán ngân sách đối với đơn vị dự toán, báo cáo tài chính và báo cáo quản trị, chiến lược đối với doanh nghiệp, và các loại báo cáo khác liên quan đến tổ chức và hoạt động của đơn vị được kiểm toán.
- Được tiếp cận, xem xét tất cả các quy trình nghiệp vụ, tài sản khi thực hiện kiểm toán nội bộ, được tiếp cận. Phòng vấn cán bộ, nhân viên của đơn vị về các vấn đề liên quan đến nội dung kiểm toán.
- Được nhận tài liệu, văn bản, biên bản họp của HĐQT và các đơn vị khác có liên quan đến công việc của Kiểm toán Nội bộ.
- Được tham dự các cuộc họp nội bộ theo quy định của pháp luật hoặc theo quy định tại Điều lệ, quy định nội bộ của đơn vị.

79 Điều 21, Nghị định 05/2019/NĐ-CP.

80 Điều 22, Nghị định 05/2019/NĐ-CP.

GỚI THIỆU
VỀ QUẢN TRỊ
CÔNG TY

CƠ CẤU
QUẢN TRỊ
CÔNG TY

TÀI LIỆU NỘI BỘ
VỀ QUẢN TRỊ
CÔNG TY

GỚI THIỆU VỀ
QUYỀN CỦA
CƠ ĐỒNG

ĐẠI HỘI
ĐỒNG CƠ ĐỒNG

HỘI ĐỒNG
QUẢN TRỊ

BAN GIÁM ĐỐC

THỦ KÝ CÔNG TY

MỘT TRƯỞNG
KIỂM SÁT

CÔNG BỐ
THÔNG TIN

GIAO DỊCH VỚI
NGƯỜI CÓ LIÊN
QUAN (GỎI)

CỐ TỨC

VỐN ĐIỀU LỆ

- Được giám sát, đánh giá và theo dõi các hoạt động sửa chữa, khắc phục, hoàn thiện của lãnh đạo các đơn vị, bộ phận đối với các vấn đề mà kiểm toán nội bộ đã ghi nhận và có khuyến nghị.
- Được bảo vệ an toàn trước hành động bất hợp tác của bộ phận/đơn vị được kiểm toán.
- Được đào tạo để nâng cao năng lực cho nhân sự trong bộ phận Kiểm toán Nội bộ.
- Được chủ động thực hiện nhiệm vụ theo kế hoạch kiểm toán đã được phê duyệt.
- Các quyền hạn khác theo quy định của pháp luật và quy chế kiểm toán nội bộ của đơn vị.

Trách nhiệm của người làm công tác kiểm toán nội bộ:⁸¹

- Thực hiện kế hoạch kiểm toán đã được phê duyệt.
- Xác định các thông tin đầy đủ, tin cậy, phù hợp và hữu ích cho việc thực hiện các mục tiêu kiểm toán.
- Căn cứ vào các phân tích và đánh giá phù hợp để đưa ra kết luận và các kết quả kiểm toán một cách độc lập, khách quan.
- Lưu các thông tin liên quan để hỗ trợ các kết luận và đưa ra kết quả kiểm toán.
- Chịu trách nhiệm về kết quả kiểm toán được giao thực hiện.
- Bảo mật thông tin theo đúng quy định của pháp luật.
- Không ngừng nâng cao năng lực chuyên môn, giữ gìn đạo đức nghề nghiệp.
- Các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật và quy chế kiểm toán nội bộ của đơn vị.



Thông lệ tốt nhất

- Bộ phận Kiểm toán Nội bộ nên mở rộng phạm vi kiểm toán bằng cách kết hợp kiểm toán bảo đảm và tư vấn. Điều này bao gồm việc tra cứu hiểu biết toàn diện về các mục tiêu chiến lược của tổ chức và tiến hành đánh giá rủi ro chi tiết để xác định những lĩnh vực hoặc quy trình hiện chưa được kiểm toán. Ưu tiên những lĩnh vực này dựa trên mức độ rủi ro có ý nghĩa rất quan trọng, và việc củng cố quan hệ với các bên có quyền lợi liên quan sẽ góp phần đạt được mục tiêu này.
- Đồng thời, bộ phận Kiểm toán Nội bộ nên quy định chính thức quy trình lập kế hoạch lao động hàng năm, áp dụng các biểu mẫu và phương pháp chuẩn hóa. Biện pháp này nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả của công tác quản lý nhân sự trong bộ phận, trên cơ sở cân nhắc các hoạt động kiểm toán và phi kiểm toán trong kế hoạch lao động.
- Để bảo đảm đánh giá rủi ro dựa trên hoạt động kiểm toán một cách hiệu quả và duy trì sự nhất quán và chất lượng kiểm toán, bộ phận Kiểm toán Nội bộ nên xây dựng Ma trận Rủi ro và Chốt Kiểm soát cho mỗi đợt kiểm toán và tập trung vào hoạt động kiểm toán bảo đảm. Việc xác định các rủi ro trọng yếu trước mỗi cuộc kiểm toán và tiến hành phân tích kỹ lưỡng các chức năng hoặc quy trình liên quan trong quá trình kiểm toán sẽ nâng cao giá trị và hiệu quả của hoạt động kiểm toán, góp phần đạt được mục tiêu của tổ chức, trong khi giảm nhẹ rủi ro tiềm ẩn.
- Bộ phận Kiểm toán Nội bộ cần ghi nhận phương pháp lấy mẫu, giải thích các kỹ thuật mà người làm công tác kiểm toán nội bộ có thể sử dụng và đưa ra hướng dẫn về các yếu tố cần cân nhắc khi xác định cỡ mẫu. Ma trận rủi ro và chốt kiểm soát trong quá trình lập kế hoạch kiểm toán phải bao gồm thông tin chi tiết về phương pháp lấy mẫu, và hồ sơ kiểm toán phải có thông tin cụ thể về các phương pháp sử dụng trong quá trình thực hiện kiểm toán.
- Báo cáo kiểm toán nội bộ cần được lập theo phương pháp báo cáo trên cơ sở rủi ro, tạo điều kiện thuận lợi cho việc giám sát các phát hiện của kiểm toán trên cơ sở rủi ro.
- Ngoài ra, bộ phận Kiểm toán Nội bộ nên tiến hành đánh giá hàng năm về năng lực và kỹ năng. Mọi thiếu hụt về năng lực xác định được đều phải được giải quyết thông qua tuyển dụng kiểm toán viên mới và thực hiện đào tạo. Bên cạnh đó, bộ phận Kiểm toán Nội bộ phải xây dựng kế hoạch cải tiến và bảo đảm chất lượng, kết hợp đánh giá nội bộ và độc lập. Theo Chuẩn mực Kiểm toán Nội bộ Toàn cầu, đánh giá độc lập phải được thực hiện ít nhất 5 năm một lần bởi một đánh giá viên độc lập, có trình độ, hoặc nhóm đánh giá bên ngoài tổ chức.

GIỚI THIỆU
VE QUẢN TRỊ
CÔNG TYCƠ CẤU
QUẢN TRỊ
CÔNG TYTÀI LIỆU NỘI BỘ
VE QUẢN TRỊ
CÔNG TYGIỚI THIỆU VE
QUẢN TRỊ
CƠ ĐỒNGĐẠI HỘI
ĐỒNG CỔ ĐÔNGHỘI ĐỒNG
QUẢN TRỊ

BAN GIÁM ĐỐC

THỦ KÝ CÔNG TY

MỘT TRƯỞNG
KIỂM SOÁTCÔNG BỐ
THÔNG TINGIAO DỊCH VỚI
NGƯỜI CÓ LIÊN
QUAN (GOLU)

CỐ TỨC

VỐN ĐIỀU LỆ

Trưởng Kiểm toán Nội bộ:⁸²

- Quản lý và điều hành bộ phận kiểm toán nội bộ thực hiện nhiệm vụ theo quy định.
- Đảm bảo nhân sự của bộ phận kiểm toán nội bộ được đào tạo thường xuyên, có đủ trình độ, năng lực chuyên môn để thực hiện nhiệm vụ.
- Bảo đảm tính độc lập, khách quan, trung thực của kiểm toán nội bộ.
- Báo cáo HĐQT, TGD khi phát hiện các vấn đề yếu kém, tồn tại của hệ thống kiểm soát nội bộ.
- Chịu trách nhiệm về kết quả kiểm toán do bộ phận kiểm toán nội bộ thực hiện.
- Bảo mật thông tin theo đúng quy định của pháp luật.
- Các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật và quy chế kiểm toán nội bộ của đơn vị.

9.5.4. Nhiệm vụ của HĐQT và những người có liên quan đến Kiểm toán Nội bộ

HĐQT:⁸³

- Ban hành quy chế về kiểm toán nội bộ của đơn vị.
- Tạo điều kiện thuận lợi để đảm bảo bộ phận kiểm toán nội bộ thực hiện đầy đủ các quyền hạn và nhiệm vụ theo quy định.
- Rà soát, kiểm tra, đánh giá hiệu lực và hiệu quả của bộ phận kiểm toán nội bộ, chịu trách nhiệm chính về việc đảm bảo chất lượng hoạt động kiểm toán nội bộ.
- Trang bị các nguồn lực cần thiết cho bộ phận kiểm toán nội bộ.
- Quyết định việc thực hiện các kiến nghị của kiểm toán nội bộ, đơn đốc, theo dõi các bộ phận thực hiện kiến nghị của kiểm toán nội bộ, có biện pháp xử lý kịp thời khi có các kiến nghị, đề xuất của kiểm toán nội bộ.

82 Điều 24, Nghị định 05/2019/NĐ-CP.

83 Điều 26, Nghị định 05/2019/NĐ-CP.

- Phê duyệt, điều chỉnh kế hoạch kiểm toán nội bộ hàng năm đảm bảo kế hoạch kiểm toán nội bộ được định hướng theo rủi ro.
- Các trách nhiệm khác đối với kiểm toán nội bộ theo quy định của pháp luật và quy chế kiểm toán nội bộ của đơn vị.



Thông lệ tốt nhất

Theo thông lệ tốt nhất, Ủy ban Kiểm toán/BKS có trách nhiệm đánh giá hiệu quả hoạt động của Trưởng Kiểm toán Nội bộ và đưa ra chế độ đãi ngộ phù hợp, bao gồm lương, thưởng và các khoản thù lao khác. Ngoài ra, Ủy ban Kiểm toán/BKS cần xem xét, phê duyệt việc phân bổ ngân sách hàng năm của bộ phận Kiểm toán Nội bộ để duy trì sự độc lập của bộ phận này.

Ủy ban Kiểm toán/BKS sẽ họp định kỳ với Trưởng Kiểm toán Nội bộ trong các phiên họp mà không có hiện diện của ban giám đốc.

Các tiêu chí đánh giá kết quả hoạt động của kiểm toán nội bộ chủ yếu phải xuất phát từ việc đạt được các mục tiêu theo chức năng, như hoàn thành thành công kế hoạch kiểm toán nội bộ, thay vì phụ thuộc vào kết quả tài chính của công ty.

TGD:⁸⁴

- Tạo điều kiện thuận lợi để Kiểm toán Nội bộ thực hiện nhiệm vụ được giao và chỉ đạo các bộ phận thực hiện phối hợp công tác với kiểm toán nội bộ theo quy định của quy chế về kiểm toán nội bộ.
- Đôn đốc các đơn vị, các bộ phận thực hiện những kiến nghị đã thống nhất với bộ phận Kiểm toán Nội bộ hoặc theo chỉ đạo của HĐQT, thông báo cho bộ phận Kiểm toán Nội bộ tình hình thực hiện những kiến nghị đã thống nhất với bộ phận Kiểm toán Nội bộ.
- Đảm bảo bộ phận Kiểm toán Nội bộ được thông báo đầy đủ về các thay đổi, những vấn đề phát sinh mới trong hoạt động của đơn vị nhằm xác định sớm những rủi ro liên quan.
- Các trách nhiệm khác đối với Kiểm toán Nội bộ theo quy định của pháp luật và quy chế kiểm toán nội bộ của đơn vị.

84 Điều 27, Nghị định 05/2019/NĐ-CP.

GỚI THIỆU
VE QUẢN TRỊ
CÔNG TY

CƠ CẤU
QUẢN TRỊ
CÔNG TY

TÀI LIỆU NỘI BỘ
VE QUẢN TRỊ
CÔNG TY

GỚI THIỆU VE
QUẢN TRỊ
CƠ ĐỒNG

ĐẠI HỘI
ĐỒNG CỐ ĐỒNG

HỘI ĐỒNG
QUẢN TRỊ

BAN GIÁM ĐỐC

THỦ KÝ CÔNG TY

MÔI TRƯỜNG
KIỂM SÁT

CÔNG BỐ
THÔNG TIN

GAO DI CHÚC VỚI
NGƯỜI CÓ LIÊN
QUAN (GỎI LỜI)

CỐ TỨC

VỐN ĐIỀU LỆ



Thông lệ tốt nhất

TGD đóng vai trò then chốt trong việc thúc đẩy văn hóa hỗ trợ kiểm toán nội bộ trong tổ chức. Vai trò này bao gồm:

- **Hoan nghênh những chất vấn về mức độ tin cậy:** TGD thể hiện cam kết với bộ phận kiểm toán nội bộ bằng cách chủ động khuyến khích và đón nhận những chất vấn về mức độ tin cậy. Hỗ trợ này mở rộng sang việc hoan nghênh các quan điểm của kiểm toán nội bộ và quản lý rủi ro độc lập, thúc đẩy một môi trường coi trọng công tác kiểm soát, giám sát mang tính xây dựng.⁸⁵
- **Tham gia quá trình ra quyết định:** Kiểm toán nội bộ được tham gia trong các quy trình ra quyết định quan trọng, bao gồm xây dựng chính sách, triển khai sản phẩm và dịch vụ mới, thay đổi về kế hoạch chiến lược và chiến thuật, thay đổi về tổ chức và cơ cấu. Sự tham gia này bảo đảm để những thông tin và đánh giá rủi ro mà kiểm toán nội bộ cung cấp được coi là một phần không tách rời trong hoạt động kinh doanh quan trọng.
- **Xây dựng chính sách:** TGD chủ động mời Kiểm toán Nội bộ tham gia quá trình xây dựng chính sách của tổ chức. Sự hợp tác này bảo đảm để các chính sách có tính tuân thủ và đánh giá kỹ lưỡng về rủi ro và điểm yếu tiềm ẩn.
- **Triển khai sản phẩm, dịch vụ mới:** Kiểm toán Nội bộ được tham vấn và chủ động tham gia lập kế hoạch, triển khai sản phẩm và dịch vụ mới. TGD công nhận tầm quan trọng về chuyên môn của Kiểm toán Nội bộ trong nhận dạng và giảm thiểu rủi ro liên quan đến những hoạt động này.
- **Thay đổi chiến lược:** Trong quá trình thay đổi chiến lược tổ chức, TGD bảo đảm rằng Kiểm toán Nội bộ có vai trò đóng góp chính. Điều này bao gồm việc tận dụng những hiểu biết sâu sắc của Kiểm toán Nội bộ để đánh giá rủi ro và thách thức tiềm ẩn liên quan đến những thay đổi chiến lược, từ đó ra quyết định trên cơ sở có đầy đủ thông tin.

Đơn vị được kiểm toán:⁸⁶

- Cung cấp đầy đủ thông tin, tài liệu, hồ sơ cần thiết cho công việc của kiểm toán nội bộ theo yêu cầu của bộ phận kiểm toán nội bộ một cách trung thực, chính xác, không được che giấu thông tin.
- Thông báo ngay cho bộ phận Kiểm toán Nội bộ khi phát hiện những yếu kém, tồn tại, các sai phạm, rủi ro, giao dịch gian lận, nguy cơ hoặc thất thoát lớn về tài sản.

⁸⁵ Nguồn: Bộ Ngân khố, Văn phòng Kiểm soát Tiền tệ (OCC), Phần 12 CFR 30 và 170.

⁸⁶ Điều 28, Nghị định 05/2019/NĐ-CP.

- Thực hiện những kiến nghị đã thống nhất với bộ phận Kiểm toán Nội bộ hoặc theo quyết định của HĐQT.
- Tạo mọi điều kiện thuận lợi để bộ phận Kiểm toán Nội bộ làm việc hiệu quả.
- Các trách nhiệm khác đối với Kiểm toán Nội bộ theo quy định của pháp luật và quy chế Kiểm toán Nội bộ của đơn vị.

9.5.5. Quy chế Kiểm toán Nội bộ

HĐQT có thẩm quyền ban hành Quy chế Kiểm toán Nội bộ, tối thiểu bao gồm các nội dung sau:⁸⁷

- Mục tiêu, phạm vi hoạt động.
- Vị trí, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của Bộ phận Kiểm toán Nội bộ trong đơn vị và mối quan hệ với các bộ phận khác.
- Yêu cầu về tính độc lập, khách quan, các nguyên tắc cơ bản, yêu cầu về trình độ chuyên môn, việc đảm bảo chất lượng của kiểm toán nội bộ và các nội dung có liên quan.

Trưởng Kiểm toán Nội bộ cần xây dựng quy trình Kiểm toán Nội bộ chi tiết phù hợp với đặc thù hoạt động của doanh nghiệp, và tham vấn ý kiến của TGD trước khi trình Ủy ban Kiểm toán/BKS hoặc HĐQT ban hành.⁸⁸ Quy trình kiểm toán nội bộ quy định và hướng dẫn chi tiết về phương thức đánh giá rủi ro, lập kế hoạch kiểm toán nội bộ hàng năm, kế hoạch từng cuộc kiểm toán, cách thức thực hiện công việc kiểm toán, lập và gửi báo cáo kiểm toán, theo dõi, giám sát chỉnh sửa sau kiểm toán, theo dõi thực hiện kiến nghị sau kiểm toán, lưu hồ sơ, tài liệu kiểm toán nội bộ.⁸⁹

Bộ phận Kiểm toán Nội bộ lập kế hoạch kiểm toán nội bộ dựa trên kết quả đánh giá rủi ro hàng năm và xin ý kiến của Ủy ban Kiểm toán/BKS trước khi trình HĐQT phê duyệt. Kế hoạch kiểm toán nội bộ bao gồm phạm vi kiểm toán, đối tượng kiểm toán, các mục tiêu kiểm toán, nội dung kiểm toán, niên độ kiểm toán, thời gian kiểm toán, lịch trình làm việc, và các yêu cầu về ngân sách và nguồn lực cho năm tài chính/năm dương lịch tiếp theo. Kế hoạch kiểm toán nội bộ sẽ được xây dựng dựa trên ưu tiên của kiểm toán bằng phương

87 Khoản 1, Điều 12, Nghị định 05/2019/NĐ-CP, Quy chế Mẫu về KTNB.

88 Điều 18, Quy chế Mẫu về KTNB.

89 Khoản 2, Điều 12, Nghị định 05/2019/NĐ-CP.

pháp định hướng theo rủi ro, có xem xét đến các ý kiến đóng góp của HĐQT, Ủy ban Kiểm toán/BKS. Trưởng Kiểm toán Nội bộ phải đánh giá rủi ro toàn diện các hoạt động, quy trình nghiệp vụ, các đơn vị/bộ phận để lập kế hoạch kiểm toán nội bộ, và xem xét và điều chỉnh kế hoạch nếu cần, để đáp ứng với những thay đổi trong kinh doanh, rủi ro, hoạt động, chương trình, hệ thống và kiểm soát của doanh nghiệp.⁹⁰

Vai trò của kiểm toán nội bộ trong lĩnh vực Môi trường, Xã hội và Quản trị (ESG) cần được cân nhắc trong toàn bộ chu kỳ kiểm toán nội bộ. Ví dụ, đánh giá rủi ro hàng năm nên bao trùm các rủi ro liên quan đến ESG. Để có hướng dẫn chi tiết hơn, tham khảo “Hướng dẫn dành cho Kiểm toán Nội bộ về Rủi ro và Cơ hội liên quan đến ESG” do IIA Việt Nam phối hợp với IFC xây dựng.

9.5.6. Báo cáo

Báo cáo kiểm toán nội bộ phải trình bày rõ nội dung, phạm vi kiểm toán, những đánh giá, kết luận về nội dung đã được kiểm toán và cơ sở đưa ra các ý kiến này, các yếu kém, tồn tại, các sai sót, vi phạm, kiến nghị các biện pháp sửa chữa, khắc phục sai sót và xử lý vi phạm, đề xuất các biện pháp hợp lý hóa, cải tiến quy trình nghiệp vụ, hoàn thiện chính sách quản lý rủi ro, cơ cấu tổ chức của đơn vị (nếu có).⁹¹

Báo cáo kiểm toán nội bộ phải có ý kiến của ban lãnh đạo bộ phận/đơn vị được kiểm toán. Trong trường hợp bộ phận/đơn vị được kiểm toán không thống nhất với kết quả kiểm toán, báo cáo kiểm toán nội bộ cần nêu rõ ý kiến không thống nhất của bộ phận/đơn vị được kiểm toán.⁹²

Báo cáo kiểm toán nội bộ phải có chữ ký của trưởng đoàn kiểm toán hoặc Trưởng Kiểm toán Nội bộ. Trường hợp đi thuê thực hiện kiểm toán nội bộ thì báo cáo kiểm toán ít nhất phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền và đóng dấu (nếu có) của đơn vị cung cấp dịch vụ.⁹³

90 Điều 17, Thông tư 66/2020/TT-BTC, Quy chế Mẫu về KTNB.

91 Khoản 2, Điều 16, Nghị định 05/2019/NĐ-CP và Khoản 1b, Điều 19, Thông tư 66/2020/TT-BTC, Quy chế Mẫu về KTNB.

92 Khoản 3, Điều 16, Nghị định 05/2019/NĐ-CP và Khoản 1c, Điều 19, Quy chế Mẫu về KTNB.

93 Khoản 4, Điều 16, Nghị định 05/2019/NĐ-CP.

Báo cáo kiểm toán năm phải được nộp cho HĐQT trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

Báo cáo kiểm toán nội bộ hàng năm tối thiểu gồm các nội dung sau:⁹⁴

- Kế hoạch kiểm toán để ra, và công việc kiểm toán đã được thực hiện.
- Tồn tại, sai phạm lớn được phát hiện, biện pháp mà kiểm toán nội bộ kiến nghị.
- Đánh giá về hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan đến hoạt động được kiểm toán và đề xuất nhằm hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ.
- Tình hình thực hiện các biện pháp, kiến nghị, đề xuất của kiểm toán nội bộ.
- Tự đánh giá về thành quả kiểm toán nội bộ đã đạt được, và các hướng phát triển trong tương lai.

GIỚI THIỆU
VE QUẢN TRỊ
CÔNG TYCƠ CẤU
QUẢN TRỊ
CÔNG TYTÀI LIỆU NỘI BỘ
VE QUẢN TRỊ
CÔNG TYGIỚI THIỆU VE
QUẢN CẠM
CƠ ĐỒNGĐẠI HỘI
ĐỒNG CỔ ĐÔNGHỘI ĐỒNG
QUẢN TRỊ

BAN GIÁM ĐỐC

THỦ KÝ CÔNG TY

MỘT TRƯỞNG
KIỂM SOÁTCÔNG BỐ
THÔNG TINGIAO DỊCH VỚI
NGƯỜI CÓ LIÊN
QUAN (GOLU)

CỐ TỨC

VỐN ĐIỀU LỆ

94 Khoản 5, Điều 16, Nghị định 05/2019/NĐ-CP và Khoản 2b, Điều 19, Quy chế Mẫu về KTNB.

9.6. Kiểm toán Độc lập

Kiểm toán độc lập do đơn vị Kiểm toán Độc lập thực hiện là một yếu tố quan trọng của khung kiểm soát của công ty. Vai trò của đơn vị Kiểm toán Độc lập là đưa ra ý kiến về việc liệu báo cáo tài chính của công ty có được lập theo khung báo cáo tài chính đã xác định không và báo cáo có đáng tin cậy không. Kiểm toán Độc lập cung cấp cho cổ đông, người quản lý, người lao động, và người tham gia thị trường ý kiến độc lập về tình hình tài chính của công ty và, nếu được thực hiện đúng cách, sẽ chứng thực cho mức độ chính xác của các báo cáo. Một cuộc kiểm toán độc lập do một công ty kiểm toán được công nhận thực hiện sẽ nâng cao danh tiếng của công ty và nhờ đó cải thiện triển vọng thu hút đầu tư của công ty.

Sau đây là những khía cạnh quan trọng về kiểm toán độc lập:

- Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính của công ty.
- Kiểm toán Độc lập chịu trách nhiệm chuẩn bị và đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính do ban giám đốc lập.
- Việc kiểm toán báo cáo tài chính không làm giảm bớt trách nhiệm của ban giám đốc hoặc những người chịu trách nhiệm quản trị.⁹⁵

Công ty Kiểm toán cần phải độc lập, có đầy đủ năng lực để thực hiện nhiệm vụ của mình mà không bị vướng vào các xung đột lợi ích. Công ty Kiểm toán cần đưa ra ý kiến kiểm toán một cách độc lập và chú ý hạn chế cung cấp các dịch vụ phi kiểm toán cho công ty. Báo cáo tài chính nên được kiểm toán tuân thủ theo các Chuẩn mực Kiểm toán Quốc tế (ISA).⁹⁶

HĐQT cần phải thiết lập các tiêu chí lựa chọn Công ty Kiểm toán Độc lập, đánh giá chất lượng công việc của kiểm toán độc lập cũng như quy trình để theo dõi việc thực hiện các khuyến nghị mà kiểm toán độc lập đưa ra.⁹⁷

95 *Chuẩn mực Kiểm toán Quốc tế (ISA), Sổ tay IAASB ISA 260 (ifac.org).*

96 *Bộ Nguyên tắc Quản trị Công ty theo thông lệ tốt nhất của Việt Nam, Thông lệ Khuyến nghị 7.6.3.*

97 *Bộ Nguyên tắc Quản trị Công ty theo thông lệ tốt nhất của Việt Nam, Nguyên tắc 7.6.*

9.6.1. Khi nào cần Kiểm toán Độc lập Hàng năm

Luật Kiểm toán Độc lập quy định báo cáo tài chính hàng năm của các tổ chức dưới đây phải được một công ty kiểm toán độc lập đủ điều kiện thực hiện kiểm toán:⁹⁸

- Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.
- Tổ chức tín dụng được thành lập và hoạt động theo Luật các Tổ chức Tín dụng.
- Tổ chức tài chính, doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm.
- Công ty đại chúng, tổ chức phát hành và tổ chức kinh doanh chứng khoán.
- Ngoài ra, công ty niêm yết phải được kiểm toán bởi công ty kiểm toán được công nhận thuộc danh sách công ty kiểm toán được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán theo các điều kiện do Bộ Tài chính quy định.⁹⁹

9.6.2. Quyền và Nhiệm vụ của Kiểm toán Độc lập

Khi thực hiện Kiểm toán Độc lập của công ty, Kiểm toán Độc lập (hoặc công ty kiểm toán) có quyền:¹⁰⁰

- Nhận phí dịch vụ cho dịch vụ cung cấp cho khách hàng.
- Yêu cầu đơn vị được kiểm toán cung cấp đầy đủ, kịp thời thông tin, tài liệu cần thiết và giải trình các vấn đề có liên quan đến nội dung kiểm toán.
- Yêu cầu kiểm kê tài sản, đối chiếu công nợ của đơn vị được kiểm toán có liên quan đến nội dung kiểm toán.
- Kiểm tra toàn bộ hồ sơ, tài liệu có liên quan đến hoạt động kinh tế, tài chính của đơn vị được kiểm toán ở trong và ngoài đơn vị trong quá trình thực hiện kiểm toán.

98 Điều 37, Luật Kiểm toán Độc lập (Luật số 67/2011/QH12) và Điều 15, Nghị định 17/2012/NĐ-CP.

99 Điều 15, Nghị định 17/2012/NĐ-CP, Khoản 1, Điều 10, Thông tư 96/2020/TT-BTC, và Điều 21, LCK.

100 Khoản 1, Điều 28, Luật Kiểm toán Độc lập (Luật số 67/2011/QH12).

- Kiểm tra, xác nhận các thông tin kinh tế, tài chính có liên quan đến đơn vị được kiểm toán ở trong và ngoài đơn vị trong quá trình thực hiện kiểm toán.
- Yêu cầu tổ chức, cá nhân có liên quan cung cấp tài liệu, thông tin cần thiết liên quan đến nội dung được kiểm toán thông qua đơn vị được kiểm toán.

Đồng thời, Kiểm toán viên Độc lập phải tuân thủ các nghĩa vụ sau:¹⁰¹

- Hoạt động theo nội dung ghi trong giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán.
- Bố trí nhân sự có trình độ chuyên môn phù hợp để bảo đảm chất lượng dịch vụ kiểm toán.
- Bồi thường thiệt hại do thành viên nhóm kiểm toán gây ra cho khách hàng dựa trên hợp đồng dịch vụ kiểm toán và quy định liên quan khác.
- Thông báo cho đơn vị được kiểm toán khi nhận thấy đơn vị được kiểm toán có dấu hiệu vi phạm pháp luật về kinh tế, tài chính, kế toán.
- Cung cấp thông tin về kiểm toán viên hành nghề, công ty kiểm toán, và chi nhánh công ty kiểm toán nước ngoài tại Việt Nam cho cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.
- Chịu trách nhiệm trước pháp luật và công ty được kiểm toán về kết quả kiểm toán theo hợp đồng kiểm toán.
- Chịu trách nhiệm với người sử dụng kết quả kiểm toán khi người sử dụng kết quả kiểm toán: (i) có lợi ích liên quan trực tiếp đến kết quả kiểm toán của đơn vị được kiểm toán, (ii) có hiểu biết một cách hợp lý về báo cáo tài chính và cơ sở lập báo cáo tài chính là các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định khác của pháp luật có liên quan, (iii) đã sử dụng một cách thận trọng thông tin trên báo cáo tài chính đã kiểm toán.
- Từ chối thực hiện kiểm toán khi xét thấy không bảo đảm tính độc lập, không đủ năng lực chuyên môn, không đủ điều kiện kiểm toán.
- Từ chối thực hiện kiểm toán khi khách hàng, đơn vị được kiểm toán có yêu cầu trái với đạo đức nghề nghiệp, yêu cầu chuyên môn, nghiệp vụ, hoặc trái với quy định của pháp luật.

101 Điều 29, Luật KTĐL.



Thông lệ tốt nhất

Ngoài báo cáo kiểm toán, Kiểm toán Độc lập thường sẽ gửi, và các công ty muốn thực hiện quản trị công ty tốt nên yêu cầu thư quản lý. Thư quản lý thường đề cập đến tất cả các điểm yếu quan trọng trong quy trình kiểm soát nội bộ, kế toán và hoạt động của công ty. Mục đích của thư quản lý là cung cấp các đề xuất mang tính xây dựng cho ban giám đốc liên quan đến việc cải thiện các quy trình đó.

Những phát hiện trong thư quản lý là “không thể báo cáo” cho bên thứ ba, nhưng cần có hành động khắc phục của ban giám đốc. Các công ty muốn thu hút tài trợ bên ngoài nên biết rằng các nhà đầu tư thường sẽ yêu cầu bản sao của thư quản lý.

9.6.3. Quyền và Nhiệm vụ của Công ty được Kiểm toán

Đơn vị được kiểm toán có quyền:¹⁰²

- Lựa chọn doanh nghiệp kiểm toán, chi nhánh doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài tại Việt Nam và kiểm toán viên hành nghề có đủ điều kiện hành nghề theo quy định của pháp luật để giao kết hợp đồng kiểm toán, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.
- Yêu cầu doanh nghiệp kiểm toán cung cấp các thông tin trong hồ sơ đăng ký hành nghề kiểm toán và thông tin về kiểm toán viên hành nghề và doanh nghiệp kiểm toán thực hiện kiểm toán.
- Từ chối cung cấp thông tin, tài liệu không liên quan đến nội dung kiểm toán.
- Đề nghị thay thế thành viên tham gia cuộc kiểm toán khi có căn cứ cho rằng thành viên đó vi phạm nguyên tắc hoạt động kiểm toán độc lập trong quá trình thực hiện kiểm toán.
- Thảo luận, giải trình bằng văn bản về những vấn đề được nêu trong dự thảo báo cáo kiểm toán nếu thấy chưa phù hợp.
- Khiếu nại về hành vi của thành viên tham gia cuộc kiểm toán trong quá trình thực hiện kiểm toán khi có căn cứ cho rằng hành vi đó là trái pháp luật.

102 Điều 38, Luật KTĐL.

GIỚI THIỆU
VE QUẢN TRỊ
CÔNG TY

CƠ CẤU
QUẢN TRỊ
CÔNG TY

TÀI LIỆU NỘI BỘ
VE QUẢN TRỊ
CÔNG TY

GIỚI THIỆU VE
QUYỀN CỦA
CƠ ĐỒNG

ĐẠI HỘI
ĐỒNG CỔ ĐÔNG

HỘI ĐỒNG
QUẢN TRỊ

BAN GIÁM ĐỐC

THƯ KÝ CÔNG TY

MÔI TRƯỜNG
KIỂM SOÁT

CÔNG BỐ
THÔNG TIN

GIAO DỊCH VỚI
NGƯỜI CÓ LIÊN
QUAN (GOLU)

CỐ TỨC

VỐN ĐIỀU LỆ

- Yêu cầu bồi thường đối với thiệt hại do doanh nghiệp kiểm toán gây ra.

Đơn vị được kiểm toán có nghĩa vụ:¹⁰³

- Cung cấp đầy đủ, chính xác, trung thực, kịp thời, khách quan thông tin, tài liệu cần thiết theo yêu cầu của kiểm toán viên hành nghề và doanh nghiệp kiểm toán, và chịu trách nhiệm về thông tin cung cấp.
- Thực hiện yêu cầu của kiểm toán viên về việc thu thập bằng chứng kiểm toán theo yêu cầu của chuẩn mực kiểm toán, và điều chỉnh các sai sót để báo cáo kiểm toán không có ý kiến ngoại trừ đối với các nội dung không được ngoại trừ.
- Phối hợp, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động kiểm toán trong cuộc kiểm toán.
- Không được có hành vi hạn chế phạm vi các vấn đề cần kiểm toán.
- Xem xét đề nghị của doanh nghiệp kiểm toán về tồn tại, sai sót trong báo cáo tài chính và trong việc tuân thủ pháp luật để có biện pháp khắc phục kịp thời.
- Thông báo kịp thời, đầy đủ các vi phạm pháp luật và vi phạm hợp đồng kiểm toán trong hoạt động kiểm toán của kiểm toán viên hành nghề và doanh nghiệp kiểm toán cho cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.
- Thanh toán phí dịch vụ kiểm toán theo thỏa thuận trong hợp đồng kiểm toán.
- Trường hợp ký hợp đồng kiểm toán với một doanh nghiệp kiểm toán từ ba năm liên tục trở lên, công ty phải yêu cầu doanh nghiệp kiểm toán thay đổi kiểm toán viên hành nghề ký báo cáo kiểm toán.

9.6.4. Chỉ định Kiểm toán Độc lập

Điều lệ Mẫu quy định rằng ĐHĐCĐ sẽ thông qua việc lựa chọn Kiểm toán Độc lập của công ty.¹⁰⁴ ĐHĐCĐ sẽ chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và được UBCKNN cho phép kiểm toán các công ty niêm yết thực hiện kiểm toán công ty cho năm tài chính tiếp theo

¹⁰³ Điều 39, Luật KTDL.

¹⁰⁴ Điều 57, Thông tư 116/2020/TT-BTC, Điều lệ Mẫu.

dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với HĐQT. BKS hoặc Ủy ban Kiểm toán trực thuộc HĐQT sẽ đề xuất việc lựa chọn công ty kiểm toán độc lập, phí kiểm toán và mọi vấn đề liên quan đến việc bãi miễn công ty kiểm toán độc lập.¹⁰⁵



Thông lệ tốt nhất

Các Hướng dẫn quốc tế, như hướng dẫn của Tổ chức các Ủy ban Chứng khoán Quốc tế, khuyến nghị các công ty phòng ngừa những rủi ro sau đối với sự độc lập của kiểm toán viên:¹⁰⁶

- Tư lợi, khi kiểm toán viên có thể hưởng lợi từ lợi ích tài chính hoặc hình thức khác đối với hoặc mối quan hệ với công ty được kiểm toán, như đầu tư vào công ty hoặc phụ thuộc quá mức vào phí của dịch vụ bảo đảm hoặc phi bảo đảm.
- Tự soát xét, như việc thực hiện dịch vụ cho khách hàng kiểm toán dẫn đến việc công ty kiểm toán tự kiểm toán hoạt động của mình.
- Biện hộ, như đóng vai trò người biện hộ về tình hình của khách hàng kiểm toán trong giao dịch với bên thứ ba.
- Sự quen thuộc, như đối tác kiểm toán hoặc nhân sự kiểm toán chủ chốt khác có mối quan hệ lâu dài với một khách hàng cụ thể, hoặc đối tác cũ gần đây hoặc nhân viên cấp cao của công ty kiểm toán giữ chức vụ giám đốc tài chính hoặc giữ vai trò quản lý chủ chốt khác tại khách hàng kiểm toán.
- Đe dọa, như đe dọa thay thế kiểm toán viên do không đồng ý với việc áp dụng nguyên tắc kế toán.

a) Ai có thể là Kiểm toán Độc lập

Bất kỳ pháp nhân nào có giấy phép thực hiện dịch vụ kiểm toán đều có thể được chỉ định là đơn vị Kiểm toán Độc lập. Tuy nhiên, như đã đề cập ở trên, đơn vị Kiểm toán Độc lập của công ty đại chúng phải là công ty kiểm toán độc lập và đủ điều kiện được Bộ Tài chính phê duyệt và công bố. Ngoài ra, đơn vị Kiểm toán Độc lập của công ty niêm yết phải được UBCKNN chấp thuận.

Nhìn chung, công ty kiểm toán phải đáp ứng các điều kiện sau về thành lập và hoạt động:¹⁰⁷

105 Khoản 1, Điều 39, Thông tư 116/2020/TT-BTC Điều lệ Mẫu.

106 Nguyên tắc về tính độc lập của kiểm toán viên và vai trò của quản trị công ty trong việc giám sát tính độc lập của kiểm toán viên (Tổ chức các Ủy ban Chứng khoán Quốc tế, 2002), 4-5, <https://www.iosco.org/library/pubdocs/pdf/IOSCOPD133.pdf>

107 Điều 21, Luật KTĐL.

GIỚI THIỆU
VE QUẢN TRỊ
CÔNG TYCƠ CẤU
QUẢN TRỊ
CÔNG TYTÀI LIỆU NỘI BỘ
VE QUẢN TRỊ
CÔNG TYGIỚI THIỆU VE
QUẢN TRỊ
CƠ ĐỒNGĐẠI HỘI
ĐỒNG CỔ ĐÔNGHỘI ĐỒNG
QUẢN TRỊ

BAN GIÁM ĐỐC

THU KẾ CÔNG TY

MỘT TRƯỞNG
KIỂM SÁTCÔNG BỐ
THÔNG TINGIAO DỊCH VỚI
NGƯỜI CÓ LIÊN
QUAN (GOLU)

CỐ TỨC

VỐN ĐIỀU LỆ

- Có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đầu tư.
- Có ít nhất năm kiểm toán viên, trong đó tối thiểu phải có hai thành viên góp vốn (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn), hoặc tối thiểu hai kiểm toán viên là thành viên hợp danh (đối với công ty hợp danh), hoặc chủ doanh nghiệp (đối với công ty tư nhân).
- Người đại diện theo pháp luật, TGD, phải là kiểm toán viên.

Ngoài các điều kiện trên, để được chấp thuận thực hiện kiểm toán cho công ty đại chúng, công ty kiểm toán phải đáp ứng các điều kiện sau:¹⁰⁸

- Có vốn điều lệ từ 6 tỷ đồng trở lên đối với cả công ty trong nước và chi nhánh doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài, và phải thường xuyên duy trì vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán không thấp hơn 6 tỷ đồng.
- Có số lượng kiểm toán viên hành nghề từ 10 người trở lên, bao gồm cả TGD.
- Có thời gian hoạt động kiểm toán tại Việt Nam tối thiểu là 24 tháng tính từ ngày được cơ quan có thẩm quyền xác nhận danh sách đăng ký hành nghề kiểm toán lần đầu hoặc từ ngày được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán lần đầu đến ngày nộp hồ sơ đăng ký thực hiện kiểm toán.
- Đã phát hành báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính năm cho tối thiểu 200¹⁰⁹ đơn vị được kiểm toán từ ngày 01 tháng 10 năm trước đến ngày 30 tháng 9 năm nộp hồ sơ đăng ký.

Ngoài ra, kiểm toán viên phải đáp ứng đầy đủ các yêu cầu để được chấp nhận thực hiện kiểm toán cho công ty đại chúng:¹¹⁰

- Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ.
- Có phẩm chất đạo đức tốt, có ý thức trách nhiệm, liêm khiết, trung thực, khách quan.

108 Khoản 1, Điều 5, Nghị định 84/2016/NĐ-CP và Khoản 1a, 2a, Điều 1, Nghị định 151/2018/NĐ-CP.

109 Yêu cầu là 250 báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính năm nếu công ty kiểm toán đủ điều kiện kiểm toán các công ty niêm yết (Khoản 2c, Điều 5, Nghị định số 84/2016/NĐ-CP và khoản 1b, Điều 1, Nghị định số 151/2018/NĐ-CP).

110 Khoản 1, Điều 14 & Điều 19 Luật KTĐL và Điều 6, Nghị định 84/2016/NĐ-CP.

- Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc chuyên ngành tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán hoặc chuyên ngành khác theo quy định của Bộ Tài chính.
- Có chứng chỉ kiểm toán đủ Điều kiện hành nghề kiểm toán do Bộ Tài chính cấp.
- Có tên trong danh sách kiểm toán viên đủ điều kiện hành nghề kiểm toán trong kỳ chấp thuận được Bộ Tài chính công khai tại thời điểm nộp hồ sơ đăng ký thực hiện kiểm toán.
- Có ít nhất 2 năm thực tế hành nghề kiểm toán tính từ ngày được cơ quan có thẩm quyền xác nhận đủ điều kiện hành nghề kiểm toán đến ngày nộp hồ sơ đăng ký thực hiện kiểm toán.
- Không phải là cổ đông, người đại diện theo pháp luật của cổ đông có quyền biểu quyết tại công ty được kiểm toán.
- Không giữ chức vụ quản lý, điều hành, thành viên BKS, hoặc là Kế toán Trưởng của đơn vị được kiểm toán trong vòng 2 năm trở lại.
- Không thực hiện công việc ghi sổ kế toán, lập báo cáo tài chính, hoặc thực hiện kiểm toán nội bộ cho đơn vị được kiểm toán trong năm trước hoặc hiện không cung cấp các dịch vụ đó hoặc bất kỳ dịch vụ nào khác có thể ảnh hưởng đến tính độc lập của kiểm toán viên hành nghề theo các chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp kế toán và kiểm toán.
- Không phải là cha mẹ, vợ, chồng, con, hoặc anh, chị, em ruột của người có lợi ích tài chính trực tiếp hoặc gián tiếp đáng kể trong đơn vị được kiểm toán, theo quy định của chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp kế toán và kiểm toán, hoặc người đang giữ chức vụ quản lý, điều hành hoặc thành viên của BKS và Kế toán trưởng của đơn vị được kiểm toán.

Doanh nghiệp kiểm toán độc lập phải độc lập với công ty và ban giám đốc của công ty. Cụ thể, doanh nghiệp kiểm toán không được thực hiện kiểm toán trong các trường hợp sau đây:¹¹¹

- Đang thực hiện hoặc đã thực hiện trong năm trước liên kế công việc ghi sổ kế toán, lập báo cáo tài chính, thực hiện kiểm toán nội bộ, định giá tài sản, tư vấn quản lý hoặc tài chính, hoặc bất kỳ dịch vụ nào khác có thể ảnh

111 Khoản 1, Điều 30, Luật KTĐL.

GỚI THIỆU
VE QUẢN TRỊ
CÔNG TY

CƠ CẤU
QUẢN TRỊ
CÔNG TY

TÀI LIỆU NỘI BỘ
VE QUẢN TRỊ
CÔNG TY

GỚI THIỆU VE
QUYỀN CỎA
CỔ ĐÔNG

ĐẠI HỘI
ĐÔNG CỔ ĐÔNG

HỘI ĐÔNG
QUẢN TRỊ

BAN GIÁM ĐỐC

THU KẾ CÔNG TY

MÔI TRƯỜNG
KIỂM SÁT

CÔNG BỐ
THÔNG TIN

GAO DI CHỈ VỚI
NGƯỜI CỎ LIÊN
QUAN (GỎU)

CÓ TỨC

VỐN ĐIỀU LỆ

hưởng đến tính độc lập của kiểm toán viên hành nghề theo chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp kế toán, kiểm toán cho đơn vị được kiểm toán.

- Kiểm toán viên, nhân viên, hoặc người quản lý của công ty kiểm toán là cổ đông, hoặc có quan hệ kinh tế, tài chính với đơn vị được kiểm toán, theo quy định tại chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp kế toán, kiểm toán.
- Người chịu trách nhiệm quản lý và vận hành công ty kiểm toán có bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị, em ruột là thành viên, cổ đông, hoặc người có ảnh hưởng đáng kể đối với công ty được kiểm toán hoặc chịu trách nhiệm quản lý, điều hành, thành viên BKS hoặc Kế toán Trưởng của đơn vị được kiểm toán.
- Người chịu trách nhiệm về hoạt động quản lý, thành viên BKS, hoặc Kế toán Trưởng của đơn vị được kiểm toán cũng là cổ đông hoặc người có ảnh hưởng đáng kể đến công ty kiểm toán.
- Doanh nghiệp kiểm toán và đơn vị được kiểm toán có cùng một cá nhân hoặc doanh nghiệp, tổ chức thành lập.
- Đơn vị được kiểm toán trong năm trước liền kề hoặc đang thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính cho doanh nghiệp kiểm toán.

Bộ Tài chính có trách nhiệm xác định và công bố rộng rãi danh sách công ty kiểm toán và kiểm toán viên đủ điều kiện thực hiện kiểm toán cho công ty đại chúng.¹¹²



Thông lệ tốt nhất

Tại Hoa Kỳ, Đạo luật Sarbanes-Oxley năm 2002 cấm doanh nghiệp kế toán cung cấp dịch vụ phi kiểm toán cho khách hàng kiểm toán, bao gồm: (1) thực hiện công việc ghi sổ kế toán hoặc các dịch vụ khác liên quan đến sổ sách kế toán hoặc lập báo cáo tài chính cho khách hàng kiểm toán, (2) thiết kế và triển khai hệ thống thông tin tài chính, (3) dịch vụ định giá và thẩm định, cung cấp ý kiến đánh giá khách quan, hoặc báo cáo góp vốn, (4) dịch vụ định phí bảo hiểm, (5) dịch vụ kiểm toán nội bộ thuê ngoài, (6) các nhiệm vụ quản lý hoặc quản trị nguồn nhân lực, (7) môi giới hoặc giao dịch, tư vấn đầu tư, hoặc nghiệp vụ ngân hàng đầu tư, (8) dịch vụ giám định và dịch vụ pháp lý không liên quan đến kiểm toán, (9) bất kỳ dịch vụ nào khác mà HĐQT xác định là bị cấm theo quy định.¹¹³

Có trường hợp ngoại lệ đối với một số dịch vụ phi kiểm toán không nằm trong danh sách nêu trên nhưng đã được HĐQT chấp thuận trước. Tuy nhiên, Ủy ban Kiểm toán phải trình bày về việc chấp thuận các dịch vụ này với nhà đầu tư trong các báo cáo định kỳ. Một ngoại lệ khác là nếu phí của các dịch vụ phi kiểm toán chiếm tỷ lệ ít hơn 5% tổng số tiền trả cho đơn vị kiểm toán thì không được coi là dịch vụ phi kiểm toán tại thời điểm ký cam kết, và Ủy ban Kiểm toán phải chấp thuận các dịch vụ này trước khi kết thúc cuộc kiểm toán.

b) Hợp đồng với Kiểm toán Độc lập

Công ty ký hợp đồng với doanh nghiệp kiểm toán sau khi được ĐHCĐ chấp thuận. LDN không quy định người đại diện công ty để ký hợp đồng này. Trên thực tế, TGD thường là người ký. Hợp đồng với doanh nghiệp kiểm toán quy định rõ quyền và trách nhiệm của doanh nghiệp kiểm toán và của đơn vị được kiểm toán và có thể bao gồm các điều khoản khác theo thỏa thuận của hai bên.

9.6.5. Thù lao

Công ty trả tiền cho các dịch vụ của kiểm toán viên/công ty kiểm toán. BKS phải xem xét phí Kiểm toán Độc lập và đưa ra đề xuất, kiến nghị cho HĐQT.¹¹⁴ Điều quan trọng là quy trình trả thù lao và số tiền thù lao phải được xác định độc lập với kết quả kiểm toán.

113 Phần 201(a), Đạo luật Sarbanes-Oxley năm 2002. Chi tiết xem <http://news.findlaw.com/hdocs/docs/gwbush/sarbanesoxley072302.pdf>.

114 Khoản 1, Điều 39, Thông tư 116/2020/TT-BTC Điều lệ Mẫu.

GIỚI THIỆU
VE QUẢN TRỊ
CÔNG TYCƠ CẤU
QUẢN TRỊ
CÔNG TYTÀI LIỆU NỘI BỘ
VE QUẢN TRỊ
CÔNG TYGIỚI THIỆU VE
QUẢN TRỊ
CÔNG ĐỒNGĐẠI HỘI
ĐỒNG CỔ ĐÔNGHỘI ĐỒNG
QUẢN TRỊ

BAN GIÁM ĐỐC

THỦ KÝ CÔNG TY

MÔI TRƯỜNG
KIỂM SOÁTCÔNG BỐ
THÔNG TINGIAO DỊCH VỚI
NGƯỜI CÓ LIÊN
QUAN (GOLU)

CỐ TỨC

VỐN ĐIỀU LỆ

Doanh nghiệp kiểm toán và đơn vị được kiểm toán có thể thỏa thuận về phí dịch vụ kiểm toán trong hợp đồng kiểm toán trên cơ sở sau:¹¹⁵

- Nội dung, khối lượng và tính chất công việc.
- Thời gian và điều kiện làm việc của kiểm toán viên.
- Trình độ, kinh nghiệm và uy tín của kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán.
- Mức độ trách nhiệm và thời hạn kiểm toán.

Ngoài ra, phí dịch vụ kiểm toán được tính theo các phương thức sau đây:¹¹⁶

- Tính theo giờ làm việc và mức phí theo giờ của kiểm toán viên.
- Tính theo dịch vụ kiểm toán với mức phí trọn gói.
- Tính theo hợp đồng kiểm toán nhiều kỳ với mức phí cố định từng kỳ.

9.6.6. Báo cáo

Đối với công ty niêm yết, Kiểm toán Độc lập phải lập báo cáo kiểm toán và trình HĐQT trong vòng 2 tháng kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính.

- Kiểm toán Độc lập trình bày kết luận của mình về mức độ tin cậy của báo cáo tài chính của đơn vị được kiểm toán và việc tuân thủ các quy trình về kế toán. Đoạn trình bày ý kiến của kiểm toán phải đưa ra ý kiến về việc các báo cáo tài chính của đơn vị được kiểm toán có được lập trung thực và hợp lý hay không trên tất cả các khía cạnh trọng yếu, có tuân thủ các chuẩn mực về báo cáo tài chính và, nếu có, các báo cáo tài chính của công ty có tuân thủ các quy định của pháp luật hay không.

Kiểm toán Độc lập phải lập báo cáo kiểm toán hàng năm bao gồm:

- Ý kiến về mức độ chính xác của báo cáo tài chính và tài liệu tài chính khác.
- Thông tin về việc vi phạm quy trình về kế toán hoặc lập báo cáo tài chính, nguyên tắc công bố, quy định và luật pháp liên quan.

¹¹⁵ Khoản 1, Điều 44, Luật KTĐL.

¹¹⁶ Khoản 2, Điều 44, Luật KTĐL.



Thông lệ tốt nhất

Kiểm toán Độc lập phải trình bày những sai sót (tiềm ẩn), những vi phạm đạo đức nghề nghiệp, vi phạm quy định pháp luật hoặc các nội quy của công ty trong quá trình thực hiện kiểm toán và báo cáo ngay với Ủy ban Kiểm toán/BKS hoặc BKS. Kiểm toán Độc lập giúp đơn vị được kiểm toán nhận thức và chịu trách nhiệm đối với các điểm yếu kém mang tính trọng yếu trong thiết lập hoặc điều hành hệ thống kiểm soát nội bộ và kế toán ở mức độ phù hợp mà các kiểm toán viên phát hiện ra trong quá trình kiểm toán. Ủy ban Kiểm toán hoặc BKS có trách nhiệm thực hiện các bước phù hợp để khắc phục các vấn đề yếu kém do kiểm toán đề xuất.

Nếu công ty có kế hoạch tiếp cận với thị trường vốn quốc tế, Kiểm toán Độc lập phải báo cáo theo Chuẩn mực Kiểm toán Quốc tế (ISA) do Liên đoàn Kế toán Quốc tế (IFAC) ban hành. Báo cáo kiểm toán phải đưa ra ý kiến nhận xét về báo cáo tài chính được lập theo Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế (IFRS) do Hội đồng Chuẩn mực Kế toán Quốc tế (IASB) phê chuẩn.



Thông lệ tốt nhất

Kiểm toán Độc lập nên tham dự cuộc họp ĐHĐCĐ và trả lời các câu hỏi của cổ đông về các vấn đề liên quan đến báo cáo kiểm toán. Ngoài ra, Ủy ban Kiểm toán hoặc BKS phải đánh giá:

- Cuộc kiểm toán có được thực hiện theo đúng quy trình và liệu kiểm toán viên có bỏ sót bất kỳ vấn đề nào trong khi thực hiện kiểm toán không.
- Ý kiến của kiểm toán viên độc lập trước khi báo cáo được trình bày tại cuộc họp ĐHĐCĐ.

9.6.7. Trách nhiệm của Kiểm toán Độc lập

Luật pháp Việt Nam không xác định rõ ràng nguồn trách nhiệm (dân sự, hành chính, hoặc hình sự) sẽ áp dụng cho kiểm toán viên được cấp phép, và kiểm toán viên có thể phải chịu trách nhiệm theo cả ba nguồn này. Vì kiểm toán viên hoặc công ty kiểm toán có thể phải chịu trách nhiệm đối với vi phạm dân sự, hành chính, và hình sự, kiểm toán viên hoặc công ty kiểm toán đó nên được bảo hiểm đầy đủ bởi một công ty bảo hiểm có danh tiếng (trong nước hoặc quốc tế) với phạm vi bảo hiểm phù hợp. Theo nguyên tắc chung, phạm

GIỚI THIỆU
VE QUẢN TRỊ
CÔNG TYCƠ CẤU
QUẢN TRỊ
CÔNG TYTÀI LIỆU NỘI BỘ
VE QUẢN TRỊ
CÔNG TYGIỚI THIỆU VE
QUẢN TRỊ
CƠ ĐỒNGĐẠI HỘI
ĐỒNG CỔ ĐÔNGHỘI ĐỒNG
QUẢN TRỊ

BAN GIÁM ĐỐC

THỦ KÝ CÔNG TY

MỘT TRƯỞNG
KIỂM SOÁTCÔNG BỐ
THÔNG TINGIAO DỊCH VỚI
NGƯỜI CÒN LÊN
QUẢN (GOLU)

CỐ TỨC

VỐN ĐIỀU LỆ

vi bảo hiểm phải bao trùm các rủi ro liên quan đến tình trạng thiếu chính xác trong ý kiến kiểm toán, và việc không áp dụng đúng các Chuẩn mực Kiểm toán Quốc tế và quy tắc đạo đức của kế toán viên chuyên nghiệp.

a) Trách nhiệm Dân sự

Cơ sở và các điều khoản của trách nhiệm dân sự thường được quy định rõ trong hợp đồng giữa kiểm toán viên hoặc doanh nghiệp kiểm toán và đơn vị được kiểm toán. Kiểm toán viên hành nghề và doanh nghiệp kiểm toán phải bảo đảm bảo mật các thông tin hoạt động của đơn vị được kiểm toán. Đơn vị được kiểm toán có thể đòi bồi thường thiệt hại do việc nếu kiểm toán viên hành nghề và doanh nghiệp kiểm toán để lộ những thông tin mật này.

b) Trách nhiệm Hành chính

Theo quy định về kiểm toán và kế toán, kiểm toán viên hành nghề phải chịu trách nhiệm hành chính nếu thực hiện một số hành vi cụ thể thuộc phạm vi bị xử phạt hành chính theo các luật và quy định hiện hành tại Việt Nam về kế toán công, bao gồm thao túng hoặc hỗ trợ thao túng hoặc làm sai lệch dữ liệu liên quan đến dịch vụ cung cấp. Các hình thức xử phạt hành chính bao gồm từ cảnh cáo, phạt tiền, đến thu hồi giấy chứng nhận hành nghề.¹¹⁷ Mức phạt hành chính tối đa lên tới 100 triệu đồng.¹¹⁸

c) Trách nhiệm Hình sự

Luật Kế toán quy định khi một kiểm toán viên hành nghề sử dụng quyền hạn của mình vào các mục đích cá nhân và vi phạm quyền lợi của một doanh nghiệp hoặc các bên liên quan thì kiểm toán viên hành nghề đó có thể bị truy tố.¹¹⁹

117 Điều 60, Luật KTĐL và Nghị định số 41/2018/NĐ-CP.

118 Khoản 1, Điều 6, Nghị định 41/2018/NĐ-CP.

119 Khoản 2, Điều 60, Luật KTĐL.

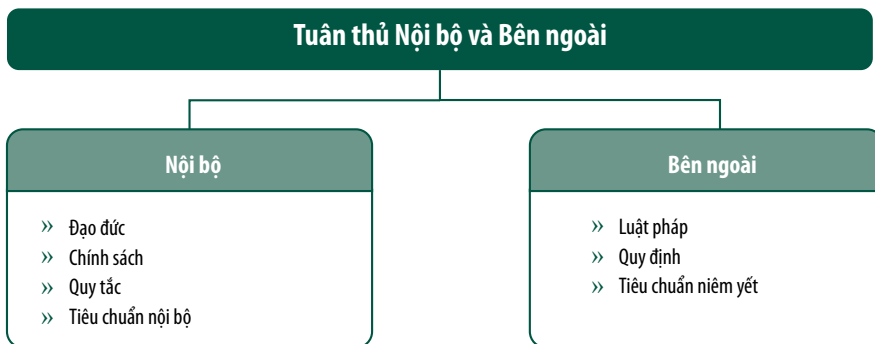
9.7. Tuần thủ

Việc thiết lập bộ phận tuần thủ trong công ty có ý nghĩa rất quan trọng vì nhiều lý do. Trước tiên, việc này giúp bảo đảm để tổ chức hoạt động trong khuôn khổ pháp luật, bao gồm tuần thủ các chính sách nội bộ của chính công ty và các quy định bên ngoài theo quy định của cơ quan nhà nước hoặc các tiêu chuẩn ngành. Nhờ có bộ phận tuần thủ chuyên trách, công ty có thể giám sát và thực thi có hệ thống các quy tắc và quy định này ở tất cả các cấp trong tổ chức. Điều này không chỉ giảm thiểu rủi ro phát sinh hậu quả pháp lý, mà còn thúc đẩy văn hóa liêm chính và hành vi đạo đức trong công ty.

Ngoài ra, cổ đông có quyền lợi khi có bảo đảm rằng những công ty mà họ đầu tư được điều hành hợp pháp, có trách nhiệm và đạo đức. Bộ phận tuần thủ mạnh mẽ mang lại bảo đảm này thông qua việc chứng minh rằng công ty thực hiện nghiêm túc công tác tuần thủ quy định và có quy trình giám sát hiệu quả để giảm thiểu trách nhiệm tiềm ẩn.

Về bản chất, bộ phận tuần thủ đóng vai trò biện pháp bảo vệ chống lại rủi ro pháp lý và danh tiếng, giúp công ty duy trì niềm tin với cổ đông, khách hàng, và các bên có quyền lợi liên quan khác, duy trì giá trị của công ty và bảo vệ danh tiếng của công ty trên thị trường.

Hình 2. Bộ phận Tuần thủ

GIỚI THIỆU
VE QUẢN TRỊ
CÔNG TYCƠ CẤU
QUẢN TRỊ
CÔNG TYTÀI LIỆU NỘI BỘ
VE QUẢN TRỊ
CÔNG TYGIỚI THIỆU VE
QUYỀN CỎ ĐÔNG
CỎ ĐÔNGĐẠI HỢI
ĐÔNG CỎ ĐÔNGHỘI ĐỒNG
QUẢN TRỊ

BAN GIÁM ĐỐC

THỦ KẾ CÔNG TY

MÔI TRƯỜNG
KIỂM SÁTCÔNG BỐ
THÔNG TINGIAO DỊCH VỚI
NGƯỜI CỎ LIÊN
QUAN (GỎU)

CÓ TỨC

VỐN ĐIỀU LỆ

9.7.1. Trách nhiệm của Bộ phận Tuân thủ

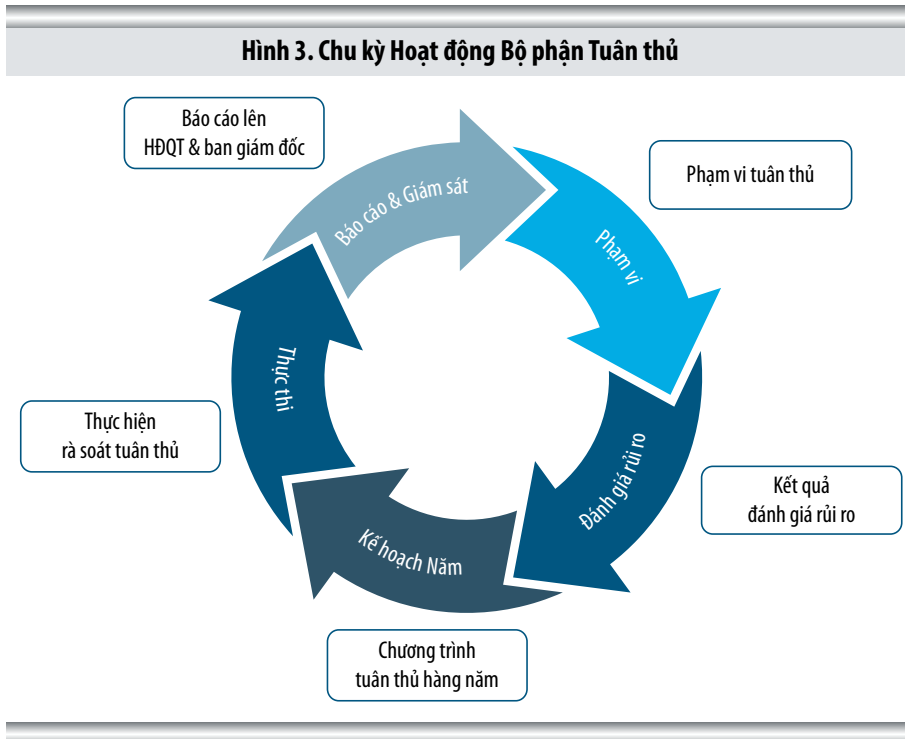
Bộ phận tuân thủ có những trách nhiệm sau.

- *Giám sát thay đổi về quy định và tư vấn:* Bộ phận tuân thủ cân tư vấn cho ban giám đốc về luật pháp, quy định, và chuẩn mực, bao gồm thông báo cho ban giám đốc về mọi thay đổi trong những lĩnh vực này.
- *Hướng dẫn và giáo dục:* Bộ phận tuân thủ hỗ trợ ban giám đốc trong việc thiết lập các chính sách và quy trình. Bộ phận tuân thủ thường chịu trách nhiệm xây dựng và duy trì một bộ chính sách và quy trình toàn diện nhằm vạch ra những kỳ vọng của công ty về hành vi đạo đức, tuân thủ quy định, và quản lý rủi ro. Bộ phận cũng đào tạo nhân viên về các vấn đề tuân thủ. Bộ phận tuân thủ cũng đóng vai trò điểm kết nối trong công ty để giải đáp các thắc mắc về tuân thủ.
- *Nhận dạng, đo lường và đánh giá:* Bộ phận tuân thủ nhận dạng, ghi nhận, và đánh giá các rủi ro tuân thủ và đánh giá sự phù hợp của các quy trình và hướng dẫn tuân thủ của công ty. Đây cũng là bộ phận theo dõi những sai sót đã xác định.
- *Giám sát, kiểm tra và báo cáo:* Bộ phận tuân thủ giám sát và kiểm tra tình hình tuân thủ và báo cáo kết quả cho ban giám đốc. Bộ phận tuân thủ phải báo cáo thường xuyên cho ban giám đốc về tất cả các vấn đề tuân thủ để ban giám đốc nắm được về tình trạng tuân thủ của công ty và mọi rủi ro hoặc vấn đề mới nổi. Bộ phận tuân thủ cũng có thể đóng vai trò đầu mối liên hệ với các cơ quan quản lý và các bên liên quan bên ngoài khác.
- *Trách nhiệm theo luật định và liên hệ:* Bộ phận tuân thủ đảm nhiệm các trách nhiệm cụ thể theo luật định và liên hệ với các cơ quan bên ngoài liên quan để báo cáo tuân thủ.
- *Chương trình tuân thủ:* Bộ phận tuân thủ phải thiết kế và thực hiện một chương trình tuân thủ nhằm vạch ra các hoạt động theo kế hoạch trong năm. Chương trình phải trên cơ sở rủi ro và chịu sự giám sát của người đứng đầu bộ phận tuân thủ.
- *Thúc đẩy văn hóa tuân thủ:* Cuối cùng, bộ phận tuân thủ đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy văn hóa liêm chính, đạo đức, và tuân thủ trong toàn tổ chức. Trách nhiệm này bao gồm việc nâng cao nhận thức và hiểu

biết về các yêu cầu tuân thủ, ghi nhận và khen thưởng hành vi đạo đức, và cung cấp các kênh để báo cáo các lo ngại hoặc hành vi sai trái.

Bộ phận tuân thủ thường báo cáo lên các lãnh đạo điều hành cấp cao của công ty, mặc dù theo thông lệ hàng đầu, cán bộ tuân thủ cần báo cáo trực tiếp lên HĐQT và/hoặc Ủy ban Kiểm toán. Ủy ban Kiểm toán có trách nhiệm nắm bắt và giám sát quy trình tuân thủ. Do đó, cán bộ tuân thủ báo cáo cả lên một lãnh đạo cấp cao hoặc TGD và Ủy ban Kiểm toán. Từ khía cạnh rủi ro pháp lý và danh tiếng, điều quan trọng là HĐQT phải nhận được thông tin cập nhật thường xuyên từ cán bộ tuân thủ về các rủi ro tuân thủ tại công ty.

9.7.2. Chu kỳ Hoạt động của Bộ phận Tuân thủ



Tuần thủ là một quy trình đánh giá, lập kế hoạch, thực hiện, và rà soát liên tục. Do đó, chu kỳ hoạt động của bộ phận tuân thủ có thể được chia thành một số giai đoạn chính, mỗi giai đoạn đóng một vai trò quan trọng trong việc đảm bảo quản lý tuân thủ hiệu quả trong một tổ chức.

Phạm vi Tuân thủ: Tổ chức xác định phạm vi đầy đủ của nghĩa vụ tuân thủ mà tổ chức cần thực hiện, bao gồm luật pháp, quy định, tiêu chuẩn, và chính sách nội bộ.

Đánh giá Rủi ro: Tổ chức nhận dạng và phân tích các vấn đề tiềm ẩn có thể tác động tiêu cực đến tổ chức, tập trung vào rủi ro tuân thủ. Kết quả đánh giá rủi ro xác định mức độ rủi ro tuân thủ trong các lĩnh vực khác nhau của tổ chức, từ đó cung cấp thông tin cho các giai đoạn tiếp theo trong chu kỳ.

Kế hoạch Năm: Một kế hoạch chiến lược được xây dựng hàng năm, dựa trên kết quả đánh giá rủi ro, vạch ra các hoạt động tuân thủ cần được thực hiện trong cả năm.

Thực hiện Kế hoạch Năm và Rà soát Tuân thủ: Giai đoạn triển khai trong đó các hoạt động theo kế hoạch năm được thực hiện. Hàng năm, tổ chức rà soát và đánh giá hiệu quả của các nỗ lực, chính sách, và quy trình tuân thủ.

Báo cáo lên HĐQT và Ban Giám đốc: Việc này bao gồm theo dõi thực hiện kế hoạch tuân thủ, giám sát thực hiện khuyến nghị, báo cáo về tiến độ và hiệu quả của chương trình tuân thủ để bảo đảm hoạt động tuân thủ được hoàn thành theo kế hoạch.



Thông lệ tốt nhất

Theo khuyến nghị tại Bộ Nguyên tắc Quản trị Công ty theo Thông lệ Tốt nhất của Việt Nam,¹²⁰ bộ phận tuân thủ cần báo cáo trực tiếp lên HĐQT để có thể thực hiện chức năng của mình theo cách độc lập hơn. Trưởng Bộ phận Tuân thủ phải có vị trí và thẩm quyền cần thiết trong công ty. Trưởng Bộ phận Tuân thủ phải có quyền tiếp cận trực tiếp và không bị cản trở với HĐQT hoặc ủy ban cấp HĐQT (Ủy ban Quản lý Rủi ro, Ủy ban Kiểm toán). HĐQT hoặc ủy ban liên quan thuộc HĐQT cần được nhận thông tin cập nhật định kỳ từ bộ phận tuân thủ.

120 Bộ Nguyên tắc Quản trị Công ty theo Thông lệ Tốt nhất của Việt Nam, 2019. Nguyên tắc 7, Khuyến nghị 7.3.2.

9.8. Quản trị Công ty con

Trách nhiệm của HĐQT công ty con khác nhau tùy thuộc cơ cấu sở hữu và tính chất của công ty con.¹²¹ Mặc dù HĐQT công ty con thường hoạt động dưới ảnh hưởng của công ty mẹ, họ có nghĩa vụ pháp lý phải hành động trung thành và vì lợi ích tốt nhất của công ty con và tất cả cổ đông của công ty chứ không chỉ cổ đông lớn. Thông tin chi tiết hơn về trách nhiệm của HĐQT và cơ cấu quản trị đối với công ty con tùy thuộc vào loại công ty con.

Khi công ty con hoàn toàn thuộc sở hữu công ty mẹ, không phát sinh xung đột lợi ích vì công ty mẹ đại diện cho tất cả cổ đông. Sự trung thành của HĐQT sẽ dành cho công ty mẹ và công ty mẹ có thể lựa chọn mức độ tự chủ dành cho HĐQT của công ty con.

Tuy nhiên, trong trường hợp có cổ đông thiểu số ngoài công ty mẹ, HĐQT công ty con phải cân bằng lợi ích của cả công ty mẹ và cổ đông thiểu số. Khi xảy ra xung đột, HĐQT phải giải quyết một cách công bằng để đối xử bình đẳng với tất cả cổ đông.

Nếu công ty con là công ty niêm yết và cổ phiếu của công ty con được giao dịch trên sàn giao dịch chứng khoán, HĐQT chịu sự ràng buộc của các quy định trên thị trường chứng khoán, được thiết kế để bảo vệ cổ đông thiểu số. Điều này có thể yêu cầu HĐQT phản đối những chỉ đạo của công ty mẹ có xung đột với các quy định này.

Nếu công ty con là một phần của liên doanh, công ty con thường chịu sự điều hành của nhiều cổ đông lớn và yêu cầu HĐQT phải điều phối lợi ích của những bên khác nhau này. Khung quản trị khác biệt đáng kể so với khung quản trị của các công ty con thuộc sở hữu toàn bộ hoặc sở hữu một phần.

Nhìn chung, trách nhiệm chính của HĐQT công ty con là bảo đảm công ty con hoạt động theo cách công bằng và hợp pháp đối với tất cả các bên có quyền lợi liên quan, cân bằng các chỉ đạo của công ty mẹ với nghĩa vụ pháp lý và lợi ích của tất cả cổ đông.

Các giao dịch với người có liên quan, đặc biệt trong một tập đoàn, thường gây lo ngại về quản trị do xung đột lợi ích tiềm ẩn giữa công ty con và công ty mẹ hoặc các đơn vị khác trong tập đoàn. Những giao dịch này có

121 https://www.oecd.org/en/publications/duties-and-duty-of-boards-in-company-groups_859ec8fe-en.html

- GỚI THIỆU VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
- CƠ CẤU QUẢN TRỊ CÔNG TY
- TÀI LIỆU MÔI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
- GỚI THIỆU VỀ QUYỀN CỦA CỔ ĐÔNG
- ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
- HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
- BÀN GIÁM ĐỐC
- THỦ KÝ CÔNG TY
- MÔI TRƯỜNG KIỂM SÁT
- CÔNG BỐ THÔNG TIN
- GIAO DỊCH VỚI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN (GOLU)
- CỐ TỨC
- VỐN ĐIỀU LỆ

thể bao gồm phí quản lý, cổ tức, việc làm của các cá nhân cụ thể, cơ hội kinh doanh được chuyển hướng đến các đơn vị khác trong tập đoàn hoặc hỗ trợ tài chính cho các thành viên gặp khó khăn trong tập đoàn. Có rủi ro là những giao dịch như vậy có thể có lợi cho công ty mẹ hoặc tập đoàn nhưng gây bất lợi cho công ty con, có khả năng gây tổn hại cho cổ đông thiểu số và các bên có quyền lợi liên quan khác.

Vấn đề này càng trở nên trầm trọng hơn do tần suất cao và phạm vi rộng của các giao dịch nội bộ tập đoàn. Ví dụ, một số tập đoàn sử dụng hệ thống quản lý tiền mặt tập trung để luân chuyển tiền mặt hàng ngày giữa các đơn vị, điều này có thể gây bất lợi cho một số công ty khi tước đi cơ hội đầu tư tiềm năng bằng tiền mặt nhàn rỗi của công ty con, mặc dù điều đó có thể mang lại lợi ích cho họ sau này.

Để giải quyết những xung đột này, một số biện pháp thường được thực hiện:

- *Công bố thông tin*: Bảo đảm mọi giao dịch với người có liên quan đều được công khai đầy đủ. Theo yêu cầu của IAS 24 (Công khai Thông tin về Người có liên quan), cần công khai giao dịch với người có liên quan hàng năm trong báo cáo tài chính. Ngoài ra, các công ty niêm yết phải báo cáo thông tin chi tiết về giao dịch với người có liên quan trong báo cáo quản trị công ty.
- *Phê duyệt của HĐQT và/hoặc Cổ đông*: Yêu cầu HĐQT hoặc cổ đông của công ty con phê duyệt giao dịch, tùy thuộc mức độ, sẽ bảo đảm mang lại lợi ích tốt nhất cho công ty con (tham khảo Chương 11 để có thêm thông tin về vai trò của HĐQT và cổ đông trong giao dịch với người có liên quan).
- *Cấm*: Cấm hoàn toàn một số loại giao dịch được coi là có thiệt hại quá mức đối với cổ đông thiểu số hoặc công ty con.

Những biện pháp quản trị này nhằm mục đích cân bằng lợi ích trong một nhóm, bảo đảm các giao dịch có tính công bằng và không gây bất lợi quá mức cho bất kỳ bộ phận nào trong tập đoàn, đặc biệt là các bên có quyền lợi liên quan thiểu số.

Nhiều thất bại và bê bối của các tập đoàn bắt nguồn từ thất bại về quản trị trong các công ty con. Do đó, việc quản lý hiệu quả công tác quản trị công ty con là rất quan trọng để giảm thiểu rủi ro liên quan đến các đơn vị này và cần được coi là một cấu phần quan trọng trong cơ cấu quản trị chung của công ty. Điều này đặc biệt quan trọng đối với các tập đoàn có công ty con ở nước ngoài, khi việc giảm thiểu rủi ro còn quan trọng hơn nữa.

PHỤ LỤC CỦA CHƯƠNG

Điều lệ Ủy ban Kiểm toán Công ty ABC

Ngày HĐQT phê duyệt: DD/MM/YYYY

Mục tiêu

- Hội đồng Quản trị (“HĐQT”) của Công ty đã có nghị quyết thành lập Ủy ban Kiểm toán (“UBKT”). UBKT có chức năng giám sát, tách biệt với chức năng giám sát của ban giám đốc Công ty, bộ phận kiểm toán nội bộ, và kiểm toán độc lập.
- Trách nhiệm chính của UBKT là hỗ trợ HĐQT:
 - thực hiện** giám sát sự trung thực của báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con hợp nhất, và mọi công bố chính thức liên quan đến kết quả hoạt động tài chính của Công ty;
 - đánh giá** hệ thống kiểm soát tài chính nội bộ, hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro của Công ty;
 - giám sát** và đánh giá hiệu quả của bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty;
 - kiến nghị** với HĐQT về công ty kiểm toán độc lập để cổ đông thông qua tại đại hội đồng cổ đông, và phê duyệt thù lao và điều khoản hợp đồng kiểm toán với công ty kiểm toán độc lập;
 - giám sát** và đánh giá tính độc lập, khách quan của kiểm toán độc lập và hiệu quả của quy trình kiểm toán;
 - xây dựng** và thực hiện chính sách về thuê kiểm toán độc lập để cung cấp dịch vụ phi kiểm toán; và
 - bảo đảm** Công ty tuân thủ tất cả các quy định của pháp luật và cơ quan quản lý, và quy định nội bộ khác của Công ty.

GIỚI THIỆU
VỀ QUẢN TRỊ
CÔNG TYCƠ CẤU
QUẢN TRỊ
CÔNG TYTÀI LIỆU NỘI BỘ
VỀ QUẢN TRỊ
CÔNG TYGIỚI THIỆU VỀ
QUYỀN CỦA
CƠ ĐỒNGĐẠI HỘI
ĐỒNG CỔ ĐÔNGHỘI ĐỒNG
QUẢN TRỊ

BAN GIÁM ĐỐC

THỦ KÝ CÔNG TY

MỘT TRƯỞNG
KIỂM SOÁTCÔNG BỐ
THÔNG TINGIAO DỊCH VỚI
NGƯỜI CÓ LIÊN
QUAN (GOLU)

CỐ TỨC

VỐN ĐIỀU LỆ

Thành phần UBKT

1. UBKT được bổ nhiệm theo hình thức biểu quyết đa số của HĐQT trong số các thành viên HĐQT. UBKT sẽ bao gồm tối thiểu ba thành viên, số thành viên chính xác sẽ do HĐQT xác định trong từng thời kỳ, trong đó tất cả thành viên là thành viên HĐQT không điều hành và đa số thành viên đáp ứng các yêu cầu về độc lập quy định tại [Quy định Liên quan]. Chủ tịch HĐQT không được là thành viên của UBKT.
2. Với điều kiện vẫn là thành viên HĐQT của Công ty, các thành viên UBKT có nhiệm kỳ một năm, và có thể được bầu lại với điều kiện mỗi thành viên liên quan tiếp tục duy trì sự độc lập.
3. Ít nhất một thành viên UBKT phải có chuyên môn phù hợp và cập nhật về tài chính, theo quyết định của HĐQT.
4. HĐQT sẽ chỉ định một thành viên UBKT làm Chủ tịch UBKT, là người phải đáp ứng yêu cầu về tính độc lập. Chủ tịch UBKT, với ý kiến đóng góp của các thành viên khác của UBKT, thiết lập chương trình làm việc cho các cuộc họp UBKT, và chương trình sẽ được gửi cho HĐQT, và tham dự đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty để thảo luận với cổ đông về các vấn đề thuộc trách nhiệm của UBKT. Trường hợp Chủ tịch UBKT hoặc người được chỉ định không thể tham dự cuộc họp UBKT, các thành viên còn lại tham dự họp phải bầu một trong số những thành viên tham dự họp chủ trì cuộc họp.
5. Thư ký Công ty hoặc người được chỉ định sẽ làm thư ký cho UBKT.
6. UBKT có thể yêu cầu bất kỳ thành viên HĐQT, cán bộ, thành viên nào của bộ phận kiểm toán nội bộ hoặc nhân viên khác của Công ty, hoặc bất kỳ người nào khác mà UBKT muốn lấy ý kiến hoặc tư vấn, tham dự bất kỳ cuộc họp nào và cung cấp thông tin thích hợp theo yêu cầu của UBKT. Trưởng kiểm toán nội bộ phải họp với UBKT ít nhất mỗi năm một lần mà không có sự hiện diện của ban giám đốc. UBKT có thể loại khỏi các cuộc họp bất kỳ người nào mà UBKT cho là phù hợp để hoàn thành trách nhiệm của mình.
7. Kiểm toán độc lập của Công ty sẽ được định kỳ mời tham dự các cuộc họp của UBKT và sẽ họp với UBKT ít nhất mỗi năm một lần mà không có sự hiện diện của ban giám đốc.

Thể thức Tổ chức Họp

- UBKT sẽ họp thường xuyên khi thấy cần thiết nhưng trong mọi trường hợp ít nhất bốn lần một năm, được tổ chức trùng với các thời điểm quan trọng trong chu kỳ báo cáo tài chính và kiểm toán, và tối thiểu ba cuộc họp thông thường mỗi năm, vào thời gian và địa điểm do Chủ tịch UBKT xác định, và có thể tổ chức các cuộc họp khác, hoặc thực hiện hành động khi có đồng thuận bằng văn bản, khi UBKT hoặc Chủ tịch UBKT thấy cần thiết hoặc mong muốn. HĐQT, TGD, trưởng kiểm toán nội bộ và chủ phần hùn của công ty kiểm toán độc lập của Công ty có thể yêu cầu triệu tập họp bất thường. UBKT sẽ xây dựng và phê duyệt lịch họp hàng năm của UBKT.
- Các cuộc họp của UBKT có thể được tiến hành khi các thành viên có mặt trực tiếp hoặc dưới hình thức hội nghị truyền hình hoặc âm thanh.
- Thông báo mời họp và nội dung họp phải được gửi cho các thành viên UBKT trước ít nhất 5 ngày làm việc, trừ trường hợp có thoả thuận khác.
- Hai thành viên của UBKT sẽ tạo thành số đại biểu tối thiểu, với điều kiện mỗi thành viên đều là thành viên HĐQT độc lập. Khi có sự tham gia của trên hai thành viên, hành động của đa số thành viên tại cuộc họp có đủ số đại biểu là hành động của UBKT, và khi chỉ có hai thành viên có mặt thì biểu quyết đồng thuận của hai thành viên sẽ cấu thành hành động của UBKT. Ngoài ra, UBKT có thể hành động bất cứ thời điểm nào khi có đồng thuận bằng văn bản.
- UBKT sẽ lưu giữ biên bản họp và gửi cho các thành viên để có ý kiến phản đối và thông qua. Nếu không có ý kiến phản đối trong thời hạn năm ngày làm việc, biên bản họp sẽ được thông qua. Sau khi được thông qua, biên bản đó sẽ được gửi cho HĐQT.
- Trừ trường hợp được quy định rõ ràng tại Quy chế Hoạt động, UBKT sẽ thiết lập các quy tắc hoạt động riêng.

Lương thưởng

Không thành viên nào của UBKT được nhận, trực tiếp hoặc gián tiếp, bất kỳ khoản thù lao nào từ Công ty ngoài (i) các khoản phí trả cho thành viên HĐQT để phục vụ trong HĐQT, (ii) các khoản phí bổ sung trả cho thành viên

GIỚI THIỆU
VE QUẢN TRỊ
CÔNG TYCƠ CẤU
QUẢN TRỊ
CÔNG TYTÀI LIỆU MỜI BỎ
VE QUẢN TRỊ
CÔNG TYGIỚI THIỆU VE
CỬN/CHA
CƠ ĐỒNGĐẠI HỘI
ĐỒNG CỎ ĐỒNGHỘI ĐỒNG
QUẢN TRỊ

BAN GIÁM ĐỐC

THỦ KÝ CÔNG TY

MỘT TRƯỞNG
KIỂM SÁTCÔNG BỐ
THÔNG TINGIAO DỊCH VỚI
NGƯỜI CỎ LIÊN
QUAN (GỎI)

CỐ TỨC

VỐN ĐIỀU LỆ

HĐQT để phục vụ trong một ủy ban thuộc HĐQT (bao gồm UBKT) hoặc với vai trò Chủ tịch của bất kỳ ủy ban nào, và (iii) lương hưu hoặc thù lao trả chậm khác cho công việc trước đây không phụ thuộc vào công việc tương lai trong HĐQT với điều kiện công việc đó không làm ảnh hưởng đến sự độc lập của thành viên UBKT.

Chức năng và Trách nhiệm

UBKT sẽ có quyền hạn cần thiết để thực hiện mọi chức năng và nghĩa vụ theo quy định tại các quy chế nội bộ của Công ty hoặc được theo khuyến nghị hoặc yêu cầu của [Quy định Liên quan]. Đặc biệt, và không giới hạn ở những quy định trên đây, UBKT có các quyền hạn cụ thể sau đây (ngoài bất kỳ quyền hạn nào khác mà HĐQT có thể giao cho UBKT trong từng thời kỳ):

1. *Tìm kiếm Thông tin*

UBKT có thẩm quyền:

- a) Điều tra bất kỳ hoạt động nào thuộc thẩm quyền của UBKT theo quy định tại điều lệ này; và
- b) Tìm kiếm bất kỳ thông tin nào mà UBKT cần từ bất kỳ nhân viên nào của Công ty và tất cả nhân viên được chỉ đạo hợp tác với bất kỳ yêu cầu nào của UBKT.

2. *Kiểm toán Nội bộ*

a) UBKT:

- **giám sát** và đánh giá hiệu quả và cơ cấu tổ chức của bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty trong bối cảnh hệ thống quản lý rủi ro tổng thể của Công ty;
- **phê chuẩn** việc bổ nhiệm, bãi nhiệm trưởng kiểm toán nội bộ, đánh giá năng lực, trình độ, và hiệu quả của nhân sự kiểm toán nội bộ;
- **xem xét**, phê duyệt nhiệm vụ của bộ phận kiểm toán nội bộ và bảo đảm bộ phận này có đủ nguồn lực và khả năng tiếp cận thông tin phù hợp để có thể thực hiện chức năng của mình một cách hiệu quả và phù hợp với các chuẩn mực nghề nghiệp liên quan;

- **xem xét**, đánh giá kế hoạch kiểm toán nội bộ hàng năm;
- **xem xét** kịp thời mọi báo cáo của kiểm toán nội bộ về Công ty;
- **xem xét**, giám sát hành động của ban giám đốc đối với các phát hiện và khuyến nghị của kiểm toán nội bộ; và
- **hợp** với trưởng kiểm toán nội bộ ít nhất một lần mỗi năm mà không có sự hiện diện của ban giám đốc để thảo luận về phân công nhiệm vụ của kiểm toán nội bộ và mọi vấn đề phát sinh từ các cuộc kiểm toán nội bộ được thực hiện. Ngoài ra, trưởng kiểm toán nội bộ có quyền tiếp cận trực tiếp Chủ tịch HĐQT và UBKT.

3. Kiểm toán Độc lập

- UBKT xem xét, kiến nghị lên HĐQT để trình cổ đông phê duyệt việc chỉ định, tái chỉ định, và bãi miễn kiểm toán độc lập của Công ty. UBKT sẽ giám sát quá trình lựa chọn công ty kiểm toán và nếu một công ty kiểm toán từ chức, UBKT sẽ điều tra các vấn đề dẫn đến việc này và quyết định xem có cần thực hiện bất kỳ hành động nào không.
- Kiểm toán Độc lập của Công ty sẽ báo cáo trực tiếp cho UBKT.
- Ngoài các trách nhiệm nêu trên, UBKT sẽ giám sát mối quan hệ với kiểm toán độc lập, bao gồm (nhưng không giới hạn):
 - **phê duyệt** thù lao cho kiểm toán độc lập, dù là phí dịch vụ kiểm toán hay dịch vụ phi kiểm toán và mức phí phù hợp để có thể thực hiện kiểm toán đầy đủ;
 - **phê duyệt** các điều khoản hợp đồng kiểm toán, bao gồm thu chấp nhận kiểm toán được phát hành tại thời điểm bắt đầu mỗi cuộc kiểm toán và phạm vi kiểm toán;
 - **đánh giá** hàng năm tính độc lập và khách quan của kiểm toán, trên cơ sở xem xét các yêu cầu chuyên môn và quy định liên quan, và quan hệ với công ty kiểm toán nói chung, bao gồm cả việc cung cấp bất kỳ dịch vụ phi kiểm toán nào;
 - **bảo đảm** để không có mối quan hệ nào (như gia đình, việc làm, đầu tư, tài chính hoặc kinh doanh) giữa công ty kiểm toán và công ty

GIỚI THIỆU
VE QUẢN TRỊ
CÔNG TYCƠ CẤU
QUẢN TRỊ
CÔNG TYTÀI LIỆU NỘI BỘ
VE QUẢN TRỊ
CÔNG TYGIỚI THIỆU VE
QUẢN TRỊ
CƠ ĐỒNGĐẠI HỘI
ĐỒNG CỔ ĐÔNGHỘI ĐỒNG
QUẢN TRỊ

BAN GIÁM ĐỐC

THỦ KÝ CÔNG TY

MỘT TRƯỞNG
KIỂM SOÁTCÔNG BỐ
THÔNG TINGIAO DỊCH VỚI
NGƯỜI CÓ LIÊN
QUAN (GOLU)

CỐ TỨC

VỐN ĐIỀU LỆ

(ngoài hoạt động kinh doanh thông thường);

- **thống nhất** với HĐQT về chính sách tuyển dụng nhân viên cũ của kiểm toán độc lập của công ty, và giám sát việc thực hiện chính sách này;
 - **giám sát** việc công ty kiểm toán tuân thủ các hướng dẫn về đạo đức và nghề nghiệp liên quan về luân chuyển chủ phần hùn kiểm toán, mức phí công ty trả so với tổng thu nhập từ phí của công ty, văn phòng và chủ phần hùn kiểm toán, và các yêu cầu liên quan khác; và
 - **đánh giá** hàng năm về năng lực, chuyên môn và nguồn lực của kiểm toán độc lập, và hiệu quả của quy trình kiểm toán, bao gồm báo cáo của kiểm toán độc lập về các quy trình chất lượng nội bộ của chính công ty kiểm toán;
- d) UBKT sẽ xây dựng và thực hiện chính sách về việc cung cấp dịch vụ phi kiểm toán của kiểm toán độc lập, trên cơ sở cân nhắc hướng dẫn đạo đức liên quan và quy định pháp luật liên quan đến vấn đề này.
- e) Để bảo đảm tính độc lập liên tục của công ty kiểm toán độc lập, UBKT sẽ xem xét việc có cần luân chuyển thường xuyên chủ phần hùn kiểm toán chính hay không.
- f) UBKT sẽ xem xét và thảo luận với HĐQT, kiểm toán độc lập, và kiểm toán nội bộ của Công ty về kết quả hoạt động và sự phù hợp của bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty, bao gồm trách nhiệm, ngân sách, nhân sự, và mọi thay đổi đề xuất về phạm vi hoặc quy trình của kiểm toán nội bộ qua các năm. UBKT sẽ giám sát và đánh giá hành động của ban giám đốc liên quan đến các khuyến nghị của kiểm toán độc lập, bao gồm khuyến nghị trong Thư Quản lý.

4. Báo cáo Tài chính và Hoạt động Báo cáo về Tài chính

- a) UBKT sẽ giám sát, rà soát, và đánh giá sự trung thực của các báo cáo tài chính của Công ty và mọi công bố chính thức liên quan đến hoạt động tài chính của Công ty, và rà soát mọi vấn đề báo cáo quan trọng và các nhận định trong đó.
- b) UBKT thảo luận với ban giám đốc và kiểm toán độc lập hàng quý (trừ quý cuối cùng), rà soát và thông qua báo cáo tài chính quý trước khi

HĐQT phê duyệt.

- c) UBKT thảo luận với ban giám đốc và kiểm toán độc lập hàng năm, rà soát và thông qua báo cáo tài chính năm trước khi HĐQT phê duyệt.
- d) UBKT thảo luận với ban giám đốc và kiểm toán độc lập trước khi công bố thông tin của Công ty theo quy định của pháp luật, bao gồm các công bố có tính nhạy cảm về giá.
- e) UBKT thảo luận với kiểm toán độc lập về kết quả của mọi cuộc kiểm toán hoặc soát xét thông tin tài chính của Công ty (trước khi công bố thông tin đó) và các vấn đề bắt buộc phải công bố trong đó theo các chuẩn mực hiện hành.
- f) UBKT rà soát và chất vấn khi cần thiết về:
- sự nhất quán, và mọi thay đổi đối với, chính sách kế toán trong từng năm và trên toàn công ty/tập đoàn;
 - phương pháp sử dụng để hạch toán các giao dịch đáng kể hoặc bất thường mà có thể áp dụng các phương pháp khác;
 - việc công ty có tuân thủ các chuẩn mực kế toán phù hợp và đưa ra các dự toán và phán đoán phù hợp hay không, trên cơ sở có cân nhắc quan điểm của kiểm toán độc lập;
 - sự rõ ràng của việc công bố thông tin trong báo cáo tài chính của công ty và bối cảnh lập báo cáo; và
 - tất cả thông tin trọng yếu được trình bày cùng với báo cáo tài chính, như báo cáo soát xét hoạt động và tài chính và báo cáo quản trị công ty (ở mức độ những thông tin này liên quan đến kiểm toán và quản lý rủi ro).
- g) UBKT sẽ xem xét các phát hiện của cuộc kiểm toán cùng với kiểm toán độc lập. Việc này sẽ bao gồm nhưng không giới hạn ở những nội dung sau đây:
- thảo luận về mọi vấn đề lớn phát sinh trong quá trình kiểm toán,
 - mọi nhận định về kế toán và kiểm toán, và
 - mức độ các sai sót phát hiện trong quá trình kiểm toán.

GIỚI THIỆU
VE QUẢN TRỊ
CÔNG TY

CƠ CẤU
QUẢN TRỊ
CÔNG TY

TÀI LIỆU NỘI BỘ
VE QUẢN TRỊ
CÔNG TY

GIỚI THIỆU VE
QUẢN TRỊ
CƠ ĐỒNG

ĐẠI HỘI
ĐỒNG CỔ ĐÔNG

HỘI ĐỒNG
QUẢN TRỊ

BAN GIÁM ĐỐC

THƯ KÝ CÔNG TY

MỘT TRƯỜNG
KIỂM SOÁT

CÔNG BỐ
THÔNG TIN

GIAO DỊCH VỚI
NGƯỜI CÓ LIÊN
QUAN (GOLU)

CỐ TỨC

VỐN ĐIỀU LỆ

- h) UBKT sẽ cùng với kiểm toán nội bộ và kiểm toán độc lập xem xét kế hoạch kiểm toán hàng năm của kiểm toán nội bộ và kiểm toán độc lập và mức độ phối hợp của các kế hoạch đó và bảo đảm kế hoạch đó phù hợp với phạm vi của cuộc kiểm toán.
- i) UBKT sẽ giám sát và định kỳ rà soát sự đầy đủ và việc thực hiện quy trình đã thiết lập để (a) tiếp nhận, lưu giữ, và giải quyết khiếu nại mà Công ty nhận được về các vấn đề liên quan đến báo cáo tài chính, kế toán, kiểm soát kế toán nội bộ và/hoặc kiểm toán; và (b) việc nhân viên Công ty gửi thông tin bí mật, ẩn danh về những lo ngại liên quan đến báo cáo tài chính, kế toán, kiểm toán, hoặc các vấn đề khác. Mục tiêu của UBKT là bảo đảm có các biện pháp điều tra phù hợp và độc lập về những vấn đề đó, và có hành động tiếp theo phù hợp.

5. Kiểm soát Nội bộ và Quản lý Rủi ro

- a) UBKT sẽ giám sát và rà soát hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro của Công ty.
- b) UBKT sẽ rà soát tất cả các giao dịch trọng yếu với người có liên quan trước khi HĐQT xem xét.
- c) UBKT sẽ thảo luận về quy trình và biện pháp kiểm soát việc công bố thông tin của Công ty (bao gồm mọi thiếu sót đáng kể trong kiểm soát nội bộ hoặc điểm yếu nghiêm trọng và mọi thay đổi được thực hiện do những thiếu sót hoặc điểm yếu trọng yếu trong kiểm soát) với HĐQT và kiểm toán độc lập hàng quý (trước khi phát hành báo cáo tài chính quý hoặc năm).
- d) UBKT sẽ thảo luận với ban giám đốc, kiểm toán nội bộ và kiểm toán độc lập về các chính sách của Công ty liên quan đến đánh giá rủi ro và quản lý rủi ro. Thảo luận này nên đề cập đến mức độ chấp nhận rủi ro của Công ty, rủi ro tài chính và phi tài chính lớn, và các bước quản lý đã thực hiện để giám sát và kiểm soát những rủi ro này.

6. Tuân thủ

- a) UBKT sẽ rà soát các phát hiện của bất kỳ cuộc kiểm tra nào của cơ quan quản lý và giám sát.
- b) UBKT cùng với luật sư của Công ty, kiểm toán nội bộ, và các bên thích

hợp khác, rà soát các vấn đề pháp lý có thể có tác động trọng yếu đối với báo cáo tài chính và quy trình tuân thủ của Công ty, và mọi báo cáo trọng yếu nhận được hoặc thông tin trao đổi với các cơ quan quản lý hoặc cơ quan nhà nước.

Đánh giá Kết quả Hoạt động của UBKT

UBKT đánh giá hoạt động của chính UBKT tối thiểu hàng năm theo cách thức mà UBKT cho là phù hợp, và gửi bản đánh giá đó, bao gồm mọi kiến nghị thay đổi, tới toàn bộ HĐQT để xem xét, thảo luận, và phê duyệt.

Tiếp cận Cổ vấn và Đào tạo

1. UBKT sẽ có ngân sách riêng và có quyền yêu cầu tham gia và có được tư vấn và hỗ trợ của cổ vấn nội bộ hoặc bên ngoài về pháp lý, kế toán hoặc chuyên môn khác mà không cần phải xin phê duyệt của HĐQT và Công ty phải chịu chi phí.
2. UBKT sẽ ra quyết định liên quan đến việc thanh toán cho kiểm toán độc lập của Công ty và các cổ vấn khác do UBKT thuê.
3. Các thành viên của UBKT sẽ được đào tạo phù hợp khi nhận nhiệm vụ và được đào tạo liên tục và kịp thời để bảo đảm có thể thực hiện được chức năng của mình.

Nghĩa vụ Báo cáo

1. UBKT sẽ lưu giữ biên bản họp và báo cáo thường xuyên cho HĐQT, bao gồm các hành động, kết luận, và khuyến nghị của UBKT và các vấn đề khác mà HĐQT quy định trong từng thời kỳ. Báo cáo lên HĐQT có thể dưới hình thức báo cáo miệng của Chủ tịch UBKT hoặc bất kỳ thành viên nào khác của UBKT được UBKT chỉ định cung cấp báo cáo.
2. Ngoài nghĩa vụ báo cáo trên đây của UBKT, UBKT phải chuẩn bị báo cáo mô tả công việc của UBKT trong việc thực hiện trách nhiệm của UBKT để đưa vào Báo cáo Thường niên của Công ty.
3. Điều lệ này, và các sửa đổi, bổ sung trong từng thời kỳ, sẽ được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty.

GIỚI THIỆU
VE QUẢN TRỊ
CÔNG TYCƠ CẤU
QUẢN TRỊ
CÔNG TYTÀI LIỆU NỘI BỘ
VE QUẢN TRỊ
CÔNG TYGIỚI THIỆU VE
QUẢN TRỊ
CƠ ĐỒNGĐẠI HỘI
ĐỒNG CỔ ĐÔNGHỘI ĐỒNG
QUẢN TRỊ

BAN GIÁM ĐỐC

THƯ KÝ CÔNG TY

MỘT TRƯỞNG
KIỂM SOÁTCÔNG BỐ
THÔNG TINGIAO DỊCH VỚI
NGƯỜI CÓ LIÊN
QUAN (GOLU)

CỐ TỨC

VỐN ĐIỀU LỆ

NOTES

A series of 25 horizontal dashed lines for writing notes.

CHƯƠNG 10

CÔNG BỐ THÔNG TIN

10 | CÔNG BỐ THÔNG TIN



Mục lục

10.1. Khung Pháp lý	423	GIỚI THIỆU VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
10.2. Người Chịu Trách nhiệm Công bố Thông tin	425	CƠ CẤU QUẢN TRỊ CÔNG TY
10.3. Phân loại Thông tin	426	TÀI LIỆU NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
10.3.1. Thông tin Mật	426	GIỚI THIỆU VỀ QUYỀN CỦA CỔ ĐÔNG
10.3.2. Thông tin Nội bộ	427	ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
10.3.3. Công bố Thông tin so với Minh bạch	429	HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
10.3.4. Trách nhiệm đối với việc Không Công bố Thông tin	430	BAN GIÁM ĐỐC
10.4. Nội dung Công bố Thông tin	430	THỦ KÝ CÔNG TY
10.4.1. Thông tin Công ty	432	MỘT TRƯỜNG KIỂM SÁT
10.4.2. Quản trị Công ty	434	CÔNG BỐ THÔNG TIN
10.4.3. Kết quả Tài chính và Hoạt động Kinh doanh	445	GAO DI CHỨC VỚI NGƯỜI CÒN LIÊN QUAN (GOLU)
10.4.4. Công bố Thông tin Bất thường	453	CỐ TỨC
10.4.5. Báo cáo Phát triển Bền vững	457	VỐN ĐIỀU LỆ
10.4.6. Bản cáo bạch	462	
10.5. Báo cáo Thường niên	462	
10.6. Trang Thông tin Điện tử của Công ty	465	
10.7. Truyền thông Đại chúng	466	



Những vấn đề Chủ tịch HĐQT cần lưu ý:

- Công ty đã có chính sách bằng văn bản về công tác công bố thông tin hay chưa? Chính sách đó có thể hiện đầy đủ cam kết của công ty trong việc thực hiện minh bạch hóa thông tin không?
- Những người tham gia thị trường và các bên quan tâm khác có dễ dàng tiếp cận chính sách công bố thông tin của công ty không?
- Công ty có tuân thủ đầy đủ quy định của pháp luật về công bố thông tin không? Công ty có thiết lập hệ thống để đảm bảo công bố thông tin trọng yếu đầy đủ và kịp thời không?
- Các thành viên HĐQT và cán bộ điều hành có nhận thức đầy đủ về trách nhiệm của công ty và trách nhiệm liên đới của từng cá nhân trong trường hợp công bố thông tin sai lệch hoặc không đầy đủ không? Các thành viên HĐQT và cán bộ điều hành có can thiệp để đảm bảo thực hiện tốt công tác công bố thông tin không?
- Cơ cấu sở hữu cổ đông của công ty có minh bạch và cổ đông sở hữu hưởng lợi cuối cùng đáng kể có được công bố đầy đủ không? Thông tin về số lượng cổ phiếu của tất cả các loại do cổ đông kiểm soát và các công ty liên kết của họ nắm giữ (tập trung sở hữu) có được công bố chính xác và kịp thời không?
- Những biện pháp nào đang được thực hiện để đảm bảo tình hình tài chính của công ty được truyền đạt một cách rõ ràng ra thị trường bên ngoài?
- Báo cáo tài chính có được lập theo Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế (IFRS) hoặc chuẩn mực tương đương không? Báo cáo tài chính có được kiểm toán theo các tiêu chuẩn của Chuẩn mực Kiểm toán Quốc tế (ISA) không?
- Báo cáo tài chính có được một tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán không?
- Công ty có công khai khẩu vị rủi ro của mình bằng thông tin định tính và định lượng không, đặc biệt là các ngân hàng?
- Việc công bố thông tin có được thực hiện một cách công bằng không? Chẳng hạn, công ty có đảm bảo tất cả các nhà đầu tư đều nhận được

thông tin cùng lúc và công ty không dành đặc quyền tiếp cận thông tin cho một số nhà đầu tư là tổ chức hoặc cá nhân nào đó không?

- Toàn bộ thông tin công bố và trao đổi với cổ đông và bên có quyền lợi liên quan có được cung cấp trực tuyến một cách phù hợp, bình đẳng và kịp thời không?
- Chính sách cổ tức có được công khai không?
- Lương thưởng của lãnh đạo điều hành có được công khai không?
- Công ty có chính sách về giao dịch nội bộ không, và có thực thi chính sách đó không? Công ty có những hệ thống gì để đảm bảo việc quản lý thông tin nội bộ và thông tin nhạy cảm khác?
- Công ty có hiểu rõ rằng việc tự nguyện công bố thông tin cho thị trường là vì lợi ích thiết thực của chính công ty không? Nếu như vậy, làm thế nào để công ty đảm bảo tính xác thực của thông tin và đảm bảo rằng việc công bố thông tin không chỉ vì mục đích marketing hay quan hệ công chúng?
- Công ty có công khai bộ quy tắc đạo đức hay ứng xử không?
- Công ty có cung cấp thông tin phi tài chính định kỳ về các vấn đề môi trường, xã hội và quản trị (ESG) và các vấn đề phát triển bền vững mà các bên có quyền lợi liên quan quan tâm trong báo cáo thường niên hoặc theo định dạng khác theo yêu cầu tối thiểu của quốc gia hoặc các chuẩn mực quốc tế cao nhất, như Sáng kiến Báo cáo Toàn cầu (GRI), Hội đồng Báo cáo Tích hợp (IIRC), và Hội đồng Chuẩn mực Kế toán Bền vững (SASB) không?
- Dữ liệu ESG có được đơn vị cung cấp dịch vụ độc lập thực hiện kiểm toán hàng năm không?
- Công ty có thực sự hiểu định nghĩa về thông tin nhạy cảm về thương mại không? Hay công ty có lợi dụng việc bảo vệ thông tin nhạy cảm để tránh không cho thị trường biết về các vấn đề trọng yếu liên quan đến hoạt động của công ty không?
- Trường hợp công ty cổ phần có vốn góp của cổ đông nước ngoài, việc công bố thông tin của công ty được thực hiện như thế nào so với yêu cầu công bố thông tin của quốc tế, như Bộ Nguyên tắc Quản trị Công ty của G20 và Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD), Chuẩn mực Công bố Thông tin Phát triển Bền vững theo IFRS (IFRS S1 Yêu cầu Chung về Công bố Thông tin Tài chính Liên quan đến Phát triển Bền vững và IFRS S2 Chuẩn mực Công bố Thông tin liên quan đến Khí hậu), Lực lượng Đặc nhiệm về Công bố Thông tin Tài chính liên quan đến Khí hậu (TCFD) và Chuẩn mực GRI?

GỚI THIỆU
VE QUẢN TRỊ
CÔNG TY

CƠ CẤU
QUẢN TRỊ
CÔNG TY

TÀI LIỆU NỘI BỘ
VE QUẢN TRỊ
CÔNG TY

GỚI THIỆU VỀ
QUYỀN CỎ ĐÔNG
CỎ ĐÔNG

ĐẠI HỘI
ĐÔNG CỎ ĐÔNG

HỘI ĐỒNG
QUẢN TRỊ

BAN GIÁM ĐỐC

THỦ KÝ CÔNG TY

MÔI TRƯỜNG
KIỂM SÁT

CÔNG BỐ
THÔNG TIN

GIAO DỊCH VỚI
NGƯỜI CỎ LIÊN
QUAN (GỎI LỎ)

CỔ TỨC

VỐN ĐIỀU LỀ

Những quy định điều chỉnh thị trường được chia thành hai dạng chính: quy định dựa trên luật lệ và quy định dựa trên công bố thông tin. Cả hai phương pháp này đều nhằm mục đích bảo vệ cổ đông và bảo đảm thị trường tài chính công bằng và ổn định. Những quy định dựa trên luật lệ nêu rõ những gì công ty được phép và không được phép làm, và tìm cách để ra một tập hợp các quy định liên quan đến một vài kịch bản tiềm tàng. Những quy định dựa trên công bố thông tin chủ yếu dựa vào các cơ chế thị trường để trừng phạt và thưởng các hành vi cụ thể của công ty. Những quy định như vậy chuyển giao một phần trách nhiệm bảo vệ nhà đầu tư cho các đối tượng tham gia thị trường, theo phương châm *caveat emptor*, tức là người mua chịu trách nhiệm về hàng đã nhận. Những quy định dựa trên việc công bố thông tin được xây dựng một phần xuất phát từ giả định rằng thị trường sẽ giám sát các hành vi sai lệch trong kinh doanh tốt hơn các cơ quan quản lý, và việc công bố thông tin là giải pháp ít tốn kém và hiệu quả thay thế cho các quy định nặng tính bắt buộc. Trên thực tế, hai giải pháp này thường được kết hợp, mặc dù một số quốc gia dựa vào việc công bố thông tin ở mức độ cao hơn các quốc gia khác.

Để những quy định dựa trên việc công bố thông tin phát huy hiệu quả, cần có sự kết hợp của một số yếu tố và chính sách khuyến khích, bao gồm môi trường luật pháp phù hợp, cơ chế thực thi hiệu quả, như việc cơ quan quản lý sàng lọc thông tin tài chính để phát hiện những báo cáo sai lệch, và tòa án uốn nắn những hành vi sai lệch. Kiểm toán Độc lập cũng đóng vai trò quan trọng, cung cấp đảm bảo nhất định đối với thị trường, khi là đơn vị thẩm định chủ động, thực hiện chất vấn chiến lược và truyền thông của công ty. Cuối cùng, một Hội đồng Quản trị (HĐQT) có năng lực và hoạt động tích cực đóng vai trò thiết yếu. Thực tiễn đã chứng minh ngay cả những hệ thống công bố thông tin hiệu quả nhất cũng không thể cản trở cá nhân cố tình lừa dối công ty và cổ đông. Việc công bố thông tin đầy đủ không thể phát huy hiệu quả hoàn toàn nếu không có một HĐQT luôn không nhân nhượng trước những hành vi gian lận.

Dù những quy định dựa trên công bố thông tin có thể không được áp dụng một cách hoàn hảo tại những thị trường mới nổi, việc công bố thông tin rất quan trọng và sẽ ngày càng trở nên quan trọng ở Việt Nam cùng với sự lớn mạnh của các thị trường tài chính. Trong số những nội dung đa dạng của việc công bố thông tin, cần đặc biệt chú trọng tới kết quả tài chính và hoạt động, giao dịch với người có liên quan và cơ cấu sở hữu công ty.

Các công ty phải thông báo cho thị trường nơi họ hoạt động về tất cả các vấn đề liên quan đến tình hình tài chính và triển vọng kinh doanh của

công ty. Trong bối cảnh quản trị công ty, công bố thông tin là quy trình theo đó công ty bảo đảm tất cả các bên quan tâm có thể tiếp cận thông tin liên quan của công ty thông qua quy trình hiệu quả và minh bạch.

Việc tiếp cận thông tin tài chính và phi tài chính trọng yếu giúp bảo vệ quyền của cổ đông bằng cách cho phép cổ đông đánh giá tình hình của công ty và phản ứng với những thay đổi liên quan đến lo ngại của cổ đông. Việc công bố thông tin cũng mang lại lợi ích cho công ty khi cho phép các công ty thể hiện trách nhiệm công ty đối với cổ đông, hành động minh bạch đối với thị trường, và duy trì sự tin tưởng và tín nhiệm của công chúng. Cuối cùng, minh bạch và công bố thông tin lấp đầy khoảng trống thông tin cho nhà đầu tư, chủ nợ, nhà cung cấp, khách hàng, và người lao động, và do đó có thể có tác động tích cực đến doanh thu hoặc khả năng tiếp cận nguồn vốn nhân lực và tài chính của công ty.

10.1. Khung Pháp lý

Công cụ pháp lý chính quy định nghĩa vụ công bố thông tin và báo cáo của tổ chức phát hành, công ty đại chúng, và tất cả các tổ chức hỗ trợ và ngành nghề hỗ trợ thị trường vốn của quốc gia là Luật Chứng khoán (LCK) và Thông tư số 96/2020/TT-BTC quy định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Theo LCK, các quy tắc công bố thông tin sau đây được áp dụng đối với các công ty đại chúng¹:

- Việc công bố thông tin phải đầy đủ, chính xác, kịp thời.
- Đối tượng công bố thông tin phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố. Trường hợp có thay đổi nội dung thông tin đã công bố, đối tượng công bố thông tin phải công bố kịp thời, đầy đủ nội dung thay đổi và lý do thay đổi.
- Khi công bố thông tin, đối tượng công bố phải đồng thời báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) và tổ chức nơi chứng khoán đó niêm yết, đăng ký giao dịch về nội dung thông tin công bố.
- Việc công bố thông tin của công ty phải do người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền công bố thông tin thực hiện. Việc công bố thông tin của cá nhân do cá nhân tự thực hiện hoặc ủy quyền cho tổ chức hoặc cá nhân khác thực hiện.

¹ Điều 119, LCK và Điều 4, Thông tư số 96/2020/TT-BTC.

GIỚI THIỆU
VỀ QUẢN TRỊ
CÔNG TY

CƠ CẤU
QUẢN TRỊ
CÔNG TY

TÀI LIỆU NỘI BỘ
VỀ QUẢN TRỊ
CÔNG TY

GIỚI THIỆU VỀ
QUYỀN CŨA
CỔ ĐÔNG

ĐẠI HỘI
ĐÔNG CỔ ĐÔNG

HỘI ĐỒNG
QUẢN TRỊ

BAN GIÁM ĐỐC

THỦ KÝ CÔNG TY

MÔI TRƯỜNG
KIỂM SÁT

CÔNG BỐ
THÔNG TIN

GIAO DỊCH VỚI
NGƯỜI CŨA LIÊN
QUAN (GIAO LƯU)

CỐ TỨC

VỐN ĐIỀU LỆ



THÔNG LỆ TỐT NHẤT

Nguyên tắc Công bố Thông tin và Minh bạch của công ty tại các Thị trường Mới nổi:²

- **Có tính kết nối.** Liên kết thông tin chiến lược, quản trị và tài chính.
- **Tích hợp.** Sự bền vững được coi là một phần của các chức năng quản lý và quản trị cốt lõi của công ty.
- **Cởi mở.** Thúc đẩy văn hóa cởi mở và minh bạch trong và ngoài tổ chức, dựa trên vòng lặp đối thoại và phản hồi và hệ thống quản lý thông tin năng động.
- **Bao trùm.** Hỗ trợ đối thoại và học hỏi lẫn nhau giữa công ty và các bên có quyền lợi liên quan.
- **Trọng yếu.** Có liên quan, dựa trên bối cảnh hoạt động, đặc biệt là ở các thị trường mới nổi.
- **Đáng tin cậy/có tính thuyết phục.** Quy trình quản lý mạnh mẽ để thu thập dữ liệu nội bộ và xác minh độc lập, bao gồm cả thông tin về môi trường, xã hội, và quản trị (MT-XH-QT).

Bản công bố thông tin trên thị trường chứng khoán phải được thực hiện bằng tiếng Việt và kèm theo bản dịch tiếng Anh nếu có.³ Theo thông lệ tốt nhất, thông tin công bố trên trang thông tin điện tử của công ty nên được cung cấp bằng cả tiếng Việt và tiếng Anh.⁴ Đối tượng công bố thông tin có trách nhiệm bảo quản, lưu giữ thông tin công bố định kỳ và thông tin về việc đăng ký công ty đại chúng dưới dạng văn bản (nếu có) và dữ liệu điện tử tối thiểu 10 năm.⁵

Yêu cầu công bố thông tin đối với công ty đại chúng khác yêu cầu đối với công ty tư nhân, khi các quy tắc nghiêm ngặt hơn được áp dụng cho công ty đại chúng niêm yết và không niêm yết. Điều này là do các công ty đại chúng thường có số lượng lớn chủ sở hữu phân tán rộng rãi và do đó có trách nhiệm giải trình đối với số lượng cổ đông. Công ty tư nhân không dựa vào vốn đầu tư của công chúng thường chỉ cần tuân thủ các yêu cầu tối thiểu về công bố thông tin quy định tại Luật Doanh nghiệp (LDN)⁶ và không phải tuân thủ nghĩa vụ báo cáo của UBCKNN.

² Bộ Công cụ Công bố Thông tin và Minh bạch của IFC, trang 6.

³ Điều 5, Thông tư số 96/2020/TT-BTC.

⁴ Bộ Nguyên tắc Quản trị Công ty theo Thông lệ Tốt nhất của Việt Nam, Khuyến nghị 8.2.2.

⁵ Khoản 5a, Điều 4, Thông tư 96/2020/TT-BTC.

⁶ Điều 176, LDN.



THÔNG LỆ TỐT NHẤT

Các nguyên tắc sau đây cung cấp nền tảng cho các hoạt động công bố thông tin hiệu quả:

- Thông tin phải được cung cấp thường xuyên và kịp thời.
- Thông tin phải được cung cấp rộng rãi và dễ dàng.
- Thông tin phải chính xác, đầy đủ, và đáng tin cậy.
- Thông tin phải nhất quán, có liên quan, và được ghi nhận đầy đủ.

10.2. Người Chịu Trách nhiệm Công bố Thông tin

Luật pháp yêu cầu công ty đại chúng công bố thông tin thông qua người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền công bố thông tin. Người đại diện theo pháp luật phải chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác và kịp thời về thông tin do người được ủy quyền công bố thông tin công bố. Trường hợp phát sinh sự kiện công bố thông tin mà tất cả người đại diện theo pháp luật và người được ủy quyền công bố thông tin đều vắng mặt, thành viên giữ chức vụ cao nhất của HĐQT có trách nhiệm thay thế thực hiện công bố thông tin. Trường hợp có hơn 01 người giữ chức vụ cao nhất, các thành viên còn lại của HĐQT phải thực hiện bầu hoặc chỉ định 01 người chịu trách nhiệm công bố thông tin.⁷

Thông tin về người thực hiện công bố thông tin phải được báo cáo cho UBCKNN và sở giao dịch chứng khoán trong vòng 24 giờ kể từ khi việc chỉ định, ủy quyền, hoặc thay đổi người thực hiện công bố thông tin có hiệu lực. Nội dung thông tin báo cáo về người thực hiện công bố thông tin bao gồm:⁸

- Giấy ủy quyền công bố thông tin.⁹
- Bản cung cấp thông tin.¹⁰

⁷ Khoản 4, Điều 119, LCK và Khoản 1a, Điều 6, Thông tư số 96/2020/TT-BTC.

⁸ Khoản 1b, Điều 6, Thông tư số 96/2020/TT-BTC.

⁹ Phụ lục I, Thông tư 96/2020/TT-BTC.

¹⁰ Phụ lục III, Thông tư 96/2020/TT-BTC.

GIỚI THIỆU
VE QUẢN TRỊ
CÔNG TY

CƠ CẤU
QUẢN TRỊ
CÔNG TY

TÀI LIỆU NỘI BỘ
VE QUẢN TRỊ
CÔNG TY

GIỚI THIỆU VE
QUYỀN CỦA
CƠ ĐỒNG

ĐẠI HỘI
ĐỒNG CƠ ĐỒNG

HỘI ĐỒNG
QUẢN TRỊ

BAN GIÁM ĐỐC

THỦ KÝ CÔNG TY

MỐI TRƯỞNG
KIỂM SÁT

CÔNG BỐ
THÔNG TIN

GIAO DỊCH VỚI
NGƯỜI CÓ LIÊN
QUAN (GOLU)

CỐ TỨC

VỐN ĐIỀU LỆ

Theo khuyến nghị tại Bộ Nguyên tắc Quản trị Công ty theo Thông lệ Tốt nhất của Việt Nam, HĐQT cần thiết lập các nguyên tắc và quy trình để công bố thông tin cho cổ đông và các bên có quyền lợi liên quan khác cũng như giám sát việc thực hiện các nguyên tắc và quy trình này. Ủy ban Kiểm toán phải giám sát toàn bộ công tác báo cáo tài chính và phi tài chính theo đúng quy định của chính sách này. Công ty cần có bộ phận quan hệ nhà đầu tư chuyên nghiệp, chịu trách nhiệm giám sát truyền thông ra bên ngoài và lưu trữ thông tin theo quy định của pháp luật.¹¹

10.3. Phân loại Thông tin

10.3.1. Thông tin Mật

Là bên tham gia ký kết Hiệp định Tổ chức Thương mại Thế giới về các Khía cạnh Liên quan đến Thương mại của Quyền Sở hữu Trí tuệ (TRIPS),¹² một số loại thông tin kinh doanh có thể có tính nhạy cảm về thương mại. Luật Sở hữu Trí tuệ Việt Nam (LSHTT) định nghĩa bí mật thương mại phù hợp với định nghĩa liên quan trong Hiệp định TRIPS, là thông tin trong lĩnh vực công nghệ và/hoặc kinh doanh có giá trị kinh tế, chưa được công chúng biết đến, và chủ sở hữu thông tin đó thực hiện các biện pháp để duy trì bí mật thông tin. Ví dụ bao gồm thông tin kỹ thuật và khoa học như công thức, phương pháp sản xuất và thông số kỹ thuật, thiết kế và mã hóa máy tính, cũng như thông tin tài chính và thương mại như danh sách khách hàng, sở thích mua hàng và yêu cầu của khách hàng, thông tin về giá cả, kế hoạch tiếp thị và kinh doanh, sắp xếp nhà cung cấp, cơ cấu chi phí nội bộ, và các thông tin không công khai tương tự khác.¹³

Bí mật kinh doanh được bảo hộ nếu đáp ứng các điều kiện sau đây:¹⁴

- Không phải là hiểu biết thông thường và không dễ dàng có được.
- Khi được sử dụng trong kinh doanh sẽ tạo cho người nắm giữ bí mật kinh doanh lợi thế so với người không nắm giữ hoặc không sử dụng bí mật kinh doanh đó.
- Được chủ sở hữu bảo mật bằng các biện pháp cần thiết để bí mật kinh doanh đó không bị bộc lộ và không dễ dàng tiếp cận được.

¹¹ Bộ Nguyên tắc Quản trị Công ty theo Thông lệ Tốt nhất của Việt Nam, Nguyên tắc 8.

¹² Hiệp định về các khía cạnh liên quan tới thương mại của quyền sở hữu trí tuệ, ngày 15/04/1994, Hiệp định Marrakesh Thành lập Tổ chức Thương mại Thế giới, Phụ lục 1C, 1869 UNTS299 (Hiệp định TRIPS).

¹³ Hiệp định TRIPS, Điều 39(2).

¹⁴ Điều 84, Luật SHTT.



THÔNG LỆ TỐT NHẤT

Công ty cần nắm rõ những gì thực sự là thông tin bí mật và không nên diễn giải các định nghĩa khái quát của luật pháp một cách quá rộng để tránh việc không công bố những thông tin liên quan cho nhà đầu tư và các bên có quyền lợi liên quan quan trọng. Công ty cần xây dựng các chính sách và quy trình bằng văn bản, và đưa ra định nghĩa về những gì được xem là thông tin bí mật trong các quy chế nội bộ của công ty. Chẳng hạn, công ty có thể coi thông tin cá nhân là thông tin bí mật, và ngăn cấm việc thu thập, tàng trữ, sử dụng, và phát tán các thông tin riêng tư của một cá nhân nào đó mà không được sự cho phép của cá nhân đó, trừ trường hợp tòa án có phán quyết khác.

10.3.2. Thông tin Nội bộ

Giao dịch nội bộ bao gồm cả hành vi hợp pháp và hành vi bị cấm. Giao dịch nội bộ diễn ra hàng ngày một cách hợp pháp, khi người trong công ty¹⁵ mua bán cổ phần của công ty mình trong giới hạn theo quy định của luật pháp và chính sách của công ty. Bên cạnh đó, cũng có nhiều giao dịch nội bộ bất hợp pháp. Đây là những giao dịch diễn ra khi những người có quyền tiếp cận thông tin nội bộ sử dụng thông tin đó để thu lợi hoặc tránh thua lỗ trên thị trường chứng khoán. Những nhà đầu tư không có khả năng tiếp cận thông tin nội bộ thường phải trả giá cho giao dịch nội gián.

Một chi phí khác, và đáng kể hơn nhiều, của giao dịch nội gián là tổn thất về mức độ tin cậy của thị trường chứng khoán. Một trong những lý do khiến cho nguồn vốn luôn dồi dào trên những thị trường chứng khoán thành công nhất trên thế giới chính là việc nhà đầu tư tin tưởng rằng những thị trường đó luôn công bằng. Quan niệm phổ biến tại một vài quốc gia rằng một số nhà đầu tư được hưởng đặc quyền nào đó nhờ thu lợi từ khả năng tiếp cận thông tin nội bộ có lẽ là một trong những nguyên nhân dẫn đến tỷ lệ sở hữu tương đối thấp của công chúng tại những quốc gia đó. Chính phủ không thể phớt lờ hiện tượng giao dịch nội gián nếu muốn xây dựng một thị trường chứng khoán tích cực và thu hút các nhà đầu tư quốc tế. Điều này cũng đúng trong trường hợp một HĐQT muốn bảo vệ cổ đông và thu hút đầu tư.

¹⁵ Khoản 45, Điều 4, LCK định nghĩa người nội bộ doanh nghiệp bao gồm những người nắm giữ các vị trí quan trọng trong việc quản lý doanh nghiệp, quỹ đại chúng hoặc công ty đầu tư đại chúng.

GIỚI THIỆU
VE QUẢN TRỊ
CÔNG TYCƠ CẤU
QUẢN TRỊ
CÔNG TYTÀI LIỆU NỘI BỘ
VE QUẢN TRỊ
CÔNG TYGIỚI THIỆU VE
QUYỀN CỎ ĐÔNG
CỎ ĐÔNGĐẠI HỘI
ĐÔNG CỎ ĐÔNGHỘI ĐÔNG
QUẢN TRỊ

BAN GIÁM ĐỐC

THU KẾ CÔNG TY

MÔI TRƯỜNG
KIỂM SÁTCÔNG BỐ
THÔNG TINGIAO DỊCH VỚI
NGƯỜI CÓ LIÊN
QUAN (GOLLO)

CỐ TỨC

VỐN ĐIỀU LỆ

“Người nội bộ” thường là những cá nhân có quyền tiếp cận thông tin bí mật về một công ty do vị trí của họ trong công ty. Những người nội bộ có thể bao gồm nhân viên, cán bộ điều hành, thành viên HĐQT, hoặc bất kỳ ai có liên quan đến công ty và có quyền tiếp cận thông tin không công khai.

Thông tin nội bộ thường nhạy cảm và có thể tác động đáng kể đến thị trường tài chính nếu bị tiết lộ không phù hợp hoặc sử dụng để trục lợi cá nhân. Quy định liên quan đến giao dịch nội bộ được đưa ra để ngăn chặn các cá nhân khai thác những thông tin đó để đạt được lợi thế không công bằng trong giao dịch chứng khoán.

Tại Việt Nam, thông tin nội bộ được định nghĩa là thông tin có bản chất chính xác liên quan đến công ty đại chúng, tổ chức niêm yết, tổ chức đăng ký giao dịch, quỹ đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng chưa được công bố mà nếu được công bố có thể ảnh hưởng lớn, trực tiếp hoặc gián tiếp, đến giá chứng khoán của công ty đại chúng đó trên thị trường.¹⁶

Người nội bộ là người giữ vị trí quan trọng trong bộ máy quản trị, điều hành của doanh nghiệp, quỹ đại chúng, công ty đầu tư đại chúng. Luật pháp định nghĩa “người nội bộ” một cách rộng rãi như sau:¹⁷

- Chủ tịch HĐQT và các thành viên HĐQT khác, người đại diện theo pháp luật, TGD, Phó TGD, Giám đốc Tài chính (CFO), Kế toán Trưởng, và các chức danh quản lý tương đương do ĐHĐCĐ bầu hoặc HĐQT bổ nhiệm, trưởng và thành viên Ban Kiểm sát, thành viên Ủy ban Kiểm toán, Thư ký Công ty, người phụ trách quản trị công ty, và người được ủy quyền công bố thông tin.
- Người nội bộ của quỹ đại chúng hoặc công ty đầu tư chứng khoán đại chúng là thành viên một quỹ đại chúng hoặc thành viên HĐQT của công ty đầu tư đại chúng, người điều hành công ty đầu tư chứng khoán đại chúng, người nội bộ của công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán (sau đây gọi là “công ty quản lý quỹ”).

Người nội bộ bị cấm sử dụng thông tin nội bộ để mua bán chứng khoán cho chính mình hoặc người khác, tiết lộ hoặc cung cấp thông tin nội bộ, hoặc tư vấn cho người khác mua hoặc bán chứng khoán dựa trên thông tin nội bộ.¹⁸

¹⁶ Khoản 44, Điều 4, LCK.

¹⁷ Khoản 45, Điều 4, LCK.

¹⁸ Khoản 2, Điều 12, LCK.

¹⁹ Điều 132, LCK.

Pháp luật Việt Nam cũng có quy định về trách nhiệm hình sự liên quan đến việc lạm dụng thông tin nội bộ. Theo đó, những cá nhân được xem là người biết thông tin nội bộ có trách nhiệm bảo mật thông tin nội bộ đó và việc vi phạm quy định này có thể dẫn tới các khoản phạt hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự, tùy thuộc bản chất và mức độ nghiêm trọng của vi phạm.¹⁹



THÔNG LỆ TỐT NHẤT

Việc tiết lộ thông tin nội bộ có thể ảnh hưởng lớn tới giá trị thị trường của cổ phiếu và các chứng khoán khác của công ty. Vì vậy, những cá nhân có thể tiếp cận thông tin nội bộ không được sử dụng những thông tin nội bộ mà mình biết để thực hiện giao dịch, hoặc tiết lộ thông tin nội bộ cho một bên thứ ba. Việc sử dụng thông tin nội bộ một cách bất hợp pháp có thể làm tổn hại đến lợi ích của cổ đông và ảnh hưởng tiêu cực tới tình hình tài chính và uy tín của công ty cũng như của thị trường chứng khoán rộng hơn. Công ty cần có chính sách bằng văn bản liên quan đến vấn đề giao dịch nội bộ và phải thực thi chính sách đó một cách mạnh mẽ. Kiểm toán Nội bộ của công ty cần giám sát xem liệu các thành viên HĐQT, người quản lý, và cán bộ khác của công ty có tuân thủ luật pháp, quy định, và quy chế nội bộ của công ty về giao dịch nội bộ hay không.

10.3.3. Công bố Thông tin so với Minh bạch

Công bố thông tin đôi khi bị nhầm lẫn với minh bạch. Công ty có thể công bố một lượng lớn thông tin không có giá trị đối với người sử dụng, trong khi giữ lại những thông tin thiết yếu. Thông tin được công bố có thể không liên quan, hoặc tệ hơn, bị bóp méo để che đậy tình hình chính xác của công ty. Ví dụ, dù công ty có thể công bố cơ cấu sở hữu của công ty theo yêu cầu của luật pháp, chủ sở hữu thực sự và mức độ kiểm soát của những chủ sở hữu này vẫn có thể bị che giấu sau những cơ cấu pháp lý phức tạp, như những pháp nhân phục vụ mục đích duy nhất, công ty mẹ và tập đoàn ở nước ngoài. Cơ chế công bố thông tin hiệu quả khuyến khích sự minh bạch tuyệt đối, chính là đặc trưng cơ bản trong công tác giám sát thị trường của cơ quan quản lý, và đóng vai trò trung tâm trong việc giúp cổ đông thực thi quyền sở hữu trên cơ sở có đầy đủ thông tin.

¹⁹ Điều 132, LCK.

GIỚI THIỆU
VE QUẢN TRỊ
CÔNG TYCƠ CẤU
QUẢN TRỊ
CÔNG TYTÀI LIỆU NỘI BỘ
VE QUẢN TRỊ
CÔNG TYGIỚI THIỆU VE
QUẢN TRỊ
CƠ ĐỒNGĐẠI HỘI
ĐỒNG CỔ ĐÔNGHỘI ĐỒNG
QUẢN TRỊ

BAN GIÁM ĐỐC

THỦ KÝ CÔNG TY

MÔI TRƯỜNG
KIỂM SOÁTCÔNG BỐ
THÔNG TINGIAO DỊCH VỚI
NGƯỜI CÓ LIÊN
QUAN (GÓI LỘ)

CỐ TỨC

VỐN ĐIỀU LỆ

10.3.4. Trách nhiệm đối với việc Không Công bố Thông tin

Theo quy định, những công ty cung cấp thông tin sai sự thật, không đầy đủ, hoặc xuyên tạc sẽ phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho cổ đông và nhà đầu tư. Ngoài công ty, tất cả những người tham gia soạn thảo thông tin công bố đều phải chịu trách nhiệm do họ biết, hoặc do tính chất công việc phải biết rằng, những thông tin đó không chính xác. Ví dụ, Chủ tịch HĐQT, Kế toán trưởng, hoặc người thực hiện chức năng này, và Kiểm toán Độc lập, sẽ được coi là người có trách nhiệm.²⁰ Những người này phải chịu trách nhiệm cá nhân và liên đới với tổ chức phát hành về bất kỳ thiệt hại nào gây ra cho nhà đầu tư do thông tin không trung thực, không đầy đủ và gây hiểu lầm. Nếu nhà đầu tư tin rằng họ bị thiệt hại, họ có thể khởi kiện lên tòa án.

Tổ chức, cá nhân vi phạm quy định của pháp luật về công bố thông tin thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính, hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự. Nếu gây thiệt hại, những tổ chức, cá nhân này phải bồi thường theo quy định của pháp luật.²¹ Hình phạt tối đa đối với hành vi vi phạm gây thiệt hại đáng kể là phạt tù đến 5 năm²² và phạt tiền tối đa 3 tỷ đồng.²³

10.4. Nội dung Công bố Thông tin

Theo Khuyến nghị tại Bộ Nguyên tắc QTCT của OECD, các công ty cần công bố kịp thời và chính xác tất cả thông tin trọng yếu, bao gồm tình hình tài chính và phi tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, cơ cấu sở hữu, và công tác quản trị của công ty.²⁴ Khái niệm nền tảng cho khuyến nghị của OECD là khái niệm về tính trọng yếu, nghĩa là mức độ mà thông tin hoặc sự kiện có tác động đến giá cổ phiếu của công ty, và do đó ảnh hưởng đến quyết định của nhà đầu tư. Nguyên tắc trọng yếu đặt ra ranh giới đối với phạm vi thông tin mà các công ty phải công bố. Khái niệm này thừa nhận rằng nghĩa vụ công bố thông tin có yêu cầu quá cao - như buộc các công ty công bố thông tin ngoài thông tin liên quan đến cổ đông, nhà đầu tư, và thị trường - có thể gây ra chi phí hành chính cao, gây ảnh hưởng xấu đến hoạt động kinh doanh.

²⁰ Khoản 1, Điều 132, LCK.

²¹ Khoản 1, Điều 132, LCK.

²² Điều 209 đến 212, Bộ luật Hình sự.

²³ Khoản 4, Điều 132, LCK và Khoản 2, Điều 5, Nghị định 156/2020/NĐ-CP.

²⁴ Bộ Nguyên tắc Quản trị Công ty G20/OECD, Nguyên tắc V về Công khai và Minh bạch. Xem thêm: https://www.oecd.org/content/dam/oecd/en/publications/reports/2023/09/g20-oecd-principles-of-corporate-governance-2023_60836fcb/ed750b30-en.pdf.

Tòa án Tối cao Hoa Kỳ định nghĩa trọng yếu là “Một sự kiện bị bỏ sót có tính trọng yếu nếu có khả năng đáng kể để một cổ đông hợp lý sẽ coi sự kiện đó là quan trọng khi quyết định cách biểu quyết”²⁵

Việc thông tin có tính trọng yếu đối với hoạt động của công ty hay không phụ thuộc vào nhiều yếu tố, bao gồm hoạt động kinh doanh, quy mô công ty, và cơ cấu sở hữu. Ví dụ, thiệt hại 130 triệu đồng về giấy tồn kho của một công ty đại chúng lớn sẽ không mấy quan trọng đối với nhà đầu tư. Mặt khác, thiệt hại này có thể là trọng yếu đối với một cửa hàng in nhỏ thuộc sở hữu gia đình. Như vậy, tính trọng yếu là một khái niệm mang tính tương đối và thường khó xác định với độ chính xác cao. Các công ty và kiểm toán viên đôi khi áp dụng các ngưỡng giá trị nhất định để đơn giản hóa việc ứng dụng, như các sự kiện khiến công ty chịu thiệt hại từ 5% thu nhập trở lên). Tuy nhiên, những ngưỡng này chỉ có thể đóng vai trò là điểm khởi đầu để áp dụng khái niệm tính trọng yếu một cách đầy đủ và hiệu quả hơn.

Luật pháp Việt Nam cũng công nhận khái niệm về tính trọng yếu. Ngoài những thông tin bắt buộc và theo hạng mục, luật pháp quy định thông tin về tất cả các vấn đề khác liên quan đến hiểu biết về tình hình pháp lý, tài chính, và lợi nhuận của công ty là thông tin trọng yếu. Như vậy, các công ty phải đánh giá các vấn đề và vụ việc kiện tụng có thể ảnh hưởng đáng kể đến giá chứng khoán và cung cấp những đánh giá đó cho công chúng.

THÔNG LỆ TỐT NHẤT

Theo IFRS: “Thông tin được coi là trọng yếu nếu việc bỏ sót, báo cáo sai lệch, hoặc che khuất thông tin đó có thể được kỳ vọng một cách hợp lý là có ảnh hưởng đến quyết định mà người sử dụng chính đưa ra dựa trên cơ sở là các báo cáo tài chính cho mục đích chung cung cấp thông tin tài chính về một đơn vị báo cáo cụ thể”²⁶

Tương tự như vậy, theo các tiêu chuẩn IFRS S1 và S2 mới về báo cáo phát triển bền vững, thông tin tài chính liên quan đến bền vững là trọng yếu nếu việc bỏ sót, báo cáo sai lệch, hoặc che khuất thông tin đó có thể được kỳ vọng là có ảnh hưởng đến quyết định mà người sử dụng chính của báo cáo tài chính cho mục đích chung đưa ra dựa trên báo cáo đó.²⁷

²⁵ Bàn tròn Kinh doanh (2015) *Chuẩn mực Trọng yếu cho Công bố Thông tin Công ty Đại chúng: Duyệt và hiệu chỉnh*. <https://s3.amazonaws.com/brt.org/archive/reports/Materiality%20White%20Paper%20FINAL%2009-29-15.pdf>

²⁶ Tóm tắt Dự án Chuẩn mực IFRS và Tuyên bố Phản hồi (2018): <https://www.ifrs.org/content/dam/ifrs/project/conceptual-framework/fact-sheet-project-summary-and-feedback-statement/conceptual-framework-feedback-statement.pdf>

²⁷ IFRS S1 Yêu cầu chung về Công bố Thông tin Tài chính liên quan đến Bền vững và IFRS S2 Công bố Thông tin liên quan đến Khí hậu.

- GIỚI THIỆU VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
- CƠ CẤU QUẢN TRỊ CÔNG TY
- TÀI LIỆU MỞ BÓ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
- GIỚI THIỆU VỀ QUẢN LÝ RỦI RO CÔNG ĐỒNG
- ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
- HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
- BAN GIÁM ĐỐC
- THỦ KÝ CÔNG TY
- MÔI TRƯỜNG KIỂM SÁT
- CÔNG BỐ THÔNG TIN
- GIAO DỊCH VỚI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN (GOLU)
- CỐ TỨC
- VỐN ĐIỀU LỆ

Bộ Nguyên tắc Quản trị Công ty G20/OECD (2023) yêu cầu công bố tất cả các thông tin trọng yếu trong các lĩnh vực sau:²⁸

- Kết quả tài chính và hoạt động.
- Mục tiêu của công ty và thông tin liên quan đến phát triển bền vững.
- Cấu trúc vốn, cấu trúc tập đoàn, và các sắp xếp kiểm soát.
- Sở hữu cổ phần lớn, bao gồm người sở hữu hưởng lợi và quyền biểu quyết.
- Thông tin về cơ cấu HĐQT và thành viên HĐQT, bao gồm trình độ năng lực, quy trình tuyển chọn, vai trò thành viên HĐQT trong các công ty khác, và việc thành viên HĐQT có được coi là độc lập không.
- Thù lao của thành viên HĐQT và cán bộ điều hành chủ chốt.
- Giao dịch với người có liên quan.
- Những yếu tố rủi ro có thể thấy trước.
- Cơ cấu và chính sách quản trị, bao gồm mức độ tuân thủ các nguyên tắc hoặc chính sách quản trị công ty của quốc gia và quy trình để thực hiện những nguyên tắc này.
- Hợp đồng nợ, bao gồm rủi ro không tuân thủ các điều khoản hợp đồng.

Theo khuyến nghị của Bộ Nguyên tắc Quản trị Công ty theo Thông lệ Tốt nhất của Việt Nam,²⁹ HĐQT cần bảo đảm việc công bố những thông tin phi tài chính quan trọng, bao gồm báo cáo môi trường và xã hội (MT&XH). HĐQT cần bảo đảm công ty công bố các tác động MT&XH đáng kể và chiến lược quản lý rủi ro MT&XH. Thông tin này phải tuân thủ các tiêu chuẩn được công nhận trên toàn cầu, như các tiêu chuẩn do IIRC, GRI, hoặc SASB đặt ra, và phải được xác minh độc lập.

Luật pháp Việt Nam có quy định khá chi tiết về những nội dung thiết yếu này. Các mục sau đây thảo luận về các yêu cầu và thông lệ công bố thông tin của Việt Nam đối với các nội dung công bố nêu trên.

10.4.1. Thông tin Công ty

a) Nội dung Đăng ký Công ty

²⁸ Bộ Nguyên tắc Quản trị Công ty G20/OECD, 41-46.

²⁹ Bộ Nguyên tắc Quản trị Công ty theo Thông lệ Tốt nhất của Việt Nam, Nguyên tắc 8.3.

Khi cấp hoặc thay đổi nội dung giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, doanh nghiệp phải công bố công khai trên cổng thông tin Đăng ký Doanh nghiệp Quốc gia trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày công khai và nộp phí theo quy định của pháp luật. Thông tin công bố phải bao gồm nội dung giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và các thông tin sau đây:³⁰

- Ngành nghề kinh doanh.
- Danh sách cổ đông sáng lập và cổ đông nước ngoài (nếu có).

Ngoài ra, công ty đại chúng phải công bố về việc trở thành công ty đại chúng kèm bản công bố thông tin về công ty đại chúng trên trang thông tin điện tử của công ty, cũng như hệ thống công bố thông tin của UBCKNN trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày UBCKNN xác nhận hoàn tất việc đăng ký công ty đại chúng.³¹

b) Định hướng phát triển công ty

Thị trường, cổ đông, và các bên có quyền lợi liên quan khác cần nhận thức được định hướng phát triển của công ty. Định hướng phát triển nên bao gồm mục tiêu chính của công ty, chiến lược phát triển trung và dài hạn, mục tiêu của công ty về môi trường, xã hội, và bền vững cộng đồng. Việc truyền thông về các mục tiêu của công ty có thể để đáp ứng quy định pháp luật hoặc mang tính tự nguyện.



THÔNG LỆ TỐT NHẤT

Luật pháp của các quốc gia khác quy định phải công bố trong bản cáo bạch các mục tiêu của công ty (như phát hành chứng khoán, kế hoạch mua lại, thay thế và bán tài sản, hoặc nghiên cứu và phát triển). Ngoài ra, báo cáo thường niên và giữa kỳ phải có thông tin dự kiến cho tương lai, bao gồm nguồn doanh thu, kế hoạch cho quy trình sản xuất mới, mở rộng hoặc thu hẹp sản xuất, phát triển sản phẩm mới, thay thế sản phẩm cũ, hiện đại hóa hoặc sửa chữa tài sản cố định, và điều chỉnh các loại hình hoạt động của công ty. Ngoài ra, báo cáo thường niên phải mô tả vị trí của công ty trong ngành, lĩnh vực hoạt động ưu tiên và xu thế phát triển.

³⁰ Điều 21, LDN.

³¹ Điều 9, Nghị định 96/2020/TT-BTC.

- GỚI THIỆU VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
- CƠ CẤU QUẢN TRỊ CÔNG TY
- TÀI LIỆU NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
- GỚI THIỆU VỀ QUẢN TRỊ RỦI RO VÀ QUẢN TRỊ MÔI TRƯỜNG, XÃ HỘI VÀ BỀN VỮNG CỘNG ĐỒNG
- ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
- HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
- BẢN GIÁM ĐỐC
- THU NHẬP CÔNG TY
- MÔI TRƯỜNG KIỆM SỢI
- CÔNG BỐ THÔNG TIN
- GAO DI CHỨC VỚI NGƯỜI CÒN LIÊN QUAN (GOLU)
- CỐ TỨC
- VỐN ĐIỀU LỆ

Công bố thông tin tự nguyện có thể bao gồm các vấn đề như chính sách của công ty về đạo đức kinh doanh, các vấn đề MT&XH, và các cam kết chính sách công khác. Thông tin này có thể giúp đánh giá phù hợp triển vọng về kết quả kinh doanh của công ty, quan hệ của công ty với các bên có quyền lợi liên quan và cộng đồng nơi công ty hoạt động, và các giải pháp mà công ty đã thực hiện để đạt được mục tiêu. Cũng như các loại công bố thông tin khác, chất lượng thông tin cung cấp cho công chúng được cải thiện đáng kể thông qua việc tuân thủ tiêu chuẩn được chấp nhận rộng rãi.³²



THÔNG LỆ TỐT NHẤT

Theo khuyến nghị của Bộ Nguyên tắc Quản trị Công ty G20/OECD 2023, ngoài mục tiêu thương mại, các công ty nên công bố những chính sách trọng yếu và các chỉ số kết quả liên quan đến các vấn đề MT&XH.

Các công ty có thể công bố mục tiêu trong điều lệ công ty, bộ nguyên tắc quản trị công ty, và bộ quy tắc đạo đức. Bất kể hình thức nào, các công ty cần bảo đảm để thông tin này có thể dễ dàng được cho công chúng tiếp cận, như trên trang thông tin điện tử của công ty.

c) Các yếu tố rủi ro trọng yếu có thể dự báo

Nội dung về rủi ro, cùng với lợi nhuận, là một trong những vấn đề quan trọng nhất mà mọi nhà đầu tư đều quan tâm. Các yếu tố rủi ro có thể dự báo có thể bao gồm rủi ro riêng của ngành đối với một số ngành nhất định, ví dụ, đình công của người lao động sẽ có tác động lớn hơn đến ngành sản xuất và những ngành khác sử dụng nhiều nhân lực. Các nguồn rủi ro khác có thể liên quan đến thay đổi quy định, bối cảnh chính trị, giá cả hàng hóa, yếu tố MT&XH, điều kiện thị trường, hoặc rủi ro biến động lãi suất và tiền tệ.

10.4.2. Quản trị Công ty

Sở hữu Cổ phần Lớn và Quyền Biểu quyết

Sở hữu Cổ phần Lớn

³² Để tham khảo thêm phần thảo luận chung về công bố thông tin phi tài chính, xem Hướng dẫn dành cho Doanh nghiệp Đa quốc gia của OECD. Tham khảo website của OECD tại <https://www.oecd.org/> hoặc tham khảo hướng dẫn trực tiếp tại: <https://www.oecd.org/corporate/mne/>.

Cổ đông cần được thông báo về cơ cấu sở hữu của công ty để hiểu các quyền, vai trò và thẩm quyền của cổ đông trong điều hành công ty và tác động đến chính sách của công ty. Tùy thuộc vào quy mô sở hữu, cổ đông có mức độ ảnh hưởng khác nhau đến việc ra quyết định trong công ty. Pháp luật quy định nhiều quyền hơn cho cổ đông sở hữu cổ phần lớn hơn.

Đối với nhà đầu tư và những người khác có quyền lợi đối với công ty, điều quan trọng là phải biết ai ở vị trí ra quyết định hoặc có ảnh hưởng đến quyết định. Vì lý do này, việc cung cấp thông tin đầy đủ về giá trị vốn phát hành, giá trị tăng và giảm vốn, các quyền gắn liền với cổ phiếu thuộc các loại và hạng khác nhau, và số lượng cổ đông trong công ty rất được các nhà đầu tư và công chúng quan tâm.

Theo quy định của Việt Nam, công ty phải công bố thông tin về mọi cổ đông lớn (tức là sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết).³³ Theo quy định của pháp luật Việt Nam, tổ chức, cá nhân, nhóm người có liên quan khi trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn của công ty đại chúng phải công bố thông tin và thông báo cho tổ chức phát hành, UBCKNN, và Sở giao dịch chứng khoán liên quan trong thời hạn năm ngày làm việc kể từ ngày trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn. Việc công bố thông tin tương tự cần được thực hiện đối với mọi mức tăng hoặc giảm số lượng cổ phiếu sở hữu qua các ngưỡng 1% số cổ phiếu có quyền biểu quyết.³⁴



THÔNG LỆ TỐT NHẤT

Các công ty muốn công bố cơ cấu sở hữu có thể muốn tham khảo ví dụ theo quy định của Hoa Kỳ và Liên minh Châu Âu. Các quy định của Hoa Kỳ định nghĩa chủ sở hữu hưởng lợi là bất kỳ người nào, trực tiếp hoặc gián tiếp, thông qua hợp đồng, hiểu biết, mối quan hệ, hoặc bằng cách khác có hoặc chia sẻ:

- Quyền biểu quyết, bao gồm quyền biểu quyết hoặc chỉ đạo việc biểu quyết đối với chứng khoán đó, và/hoặc
- Quyền đầu tư bao gồm quyền xử lý hoặc chỉ đạo việc xử lý chứng khoán đó.

Luật pháp về chứng khoán của Hoa Kỳ quy định rằng bất kỳ người nào trực tiếp hoặc gián tiếp là chủ sở hữu hưởng lợi của từ 5% giá trị chứng khoán vốn

³³ Khoản 3, Điều 3, Thông tư 96/2020/TT-BTC.

³⁴ Khoản 1&2, Điều 31, Thông tư 96/2020/TT-BTC.

GỚI THIỆU
VE QUẢN TRỊ
CÔNG TY

CƠ CẤU
QUẢN TRỊ
CÔNG TY

TÀI LIỆU MỜI BỎ
VE QUẢN TRỊ
CÔNG TY

GỚI THIỆU VE
QUYỀN CŨA
CỔ ĐÔNG

ĐẠI HỘI
ĐÔNG CỔ ĐÔNG

HỘI ĐỒNG
QUẢN TRỊ

BAN GIÁM ĐỐC

THỦ KÝ CÔNG TY

MÔI TRƯỜNG
KIỂM SÁT

CÔNG BỐ
THÔNG TIN

GIAO DỊCH VỚI
NGƯỜI CÓ LIÊN
QUAN (GOLU)

CỐ TỨC

VỐN ĐIỀU LỆ

của bất kỳ hạng chứng khoán nào, phải thông báo cho tổ chức phát hành và mỗi sở giao dịch nơi chứng khoán được giao dịch trong vòng mười ngày về việc tăng hoặc giảm từ 1% trở lên. Nếu chủ sở hữu hưởng lợi hành động cùng với các tổ chức hoặc cá nhân khác, tên của chủ sở hữu và quan hệ với chủ sở hữu hưởng lợi phải được công bố.

Chỉ thị Minh bạch của EU năm 2004,³⁵ sửa đổi bổ sung theo Chỉ thị (EU) 2022/2464 về báo cáo phát triển bền vững doanh nghiệp, có hiệu lực từ ngày 6/07/2024, quy định về khung công bố thông tin, về cơ bản như sau:

- Điều 9 quy định nhà đầu tư phải công bố thông tin về việc mua lại hoặc chuyển nhượng cổ phần lớn trong các công ty đại chúng dựa trên các ngưỡng bắt đầu từ 5% và tiếp tục với các khoảng từ 5% đến 30% quyền biểu quyết, vốn điều lệ, hoặc cả hai.
- Điều 11(2) rút ngắn thời gian báo cáo của người mua với công ty và cơ quan quản lý có thẩm quyền từ bảy ngày xuống còn năm ngày làm việc, và của công ty với công chúng từ chín ngày xuống còn ba ngày làm việc.
- Điều 2 mở rộng định nghĩa về “người sở hữu chứng khoán” để bao gồm cả người giám sát và những người sở hữu chứng khoán cho mục đích bù trừ và thanh toán.
- Điều 11(5) mở rộng các yêu cầu thông báo đối với các loại cổ phần khác nhau, như chứng quyền và trái phiếu chuyển đổi, nếu số cổ phần sở hữu đạt hoặc giảm xuống dưới ngưỡng quy định tại Điều 9.
- Theo các quy tắc tại Chỉ thị (EU) 2022/2464 về báo cáo phát triển bền vững doanh nghiệp, tất cả các công ty niêm yết trên các thị trường do Liên minh Châu Âu quản lý phải công khai thông tin liên quan đến tác động của công ty đối với các vấn đề phát triển bền vững (như quyền môi trường, quyền xã hội, nhân quyền, và các yếu tố quản trị) và thông tin cần thiết để hiểu cách thúc các khía cạnh bền vững ảnh hưởng đến phát triển, kết quả kinh doanh, và vị thế của công ty trong báo cáo quản lý. Việc áp dụng những quy tắc này sẽ được đưa vào áp dụng dần từ năm 2024 đến 2026 tùy thuộc quy mô và mức độ phức tạp.

³⁵ <https://eur-lex.europa.eu/EN/legal-content/summary/issuers-of-securities-more-transparent-information.html> và <https://eur-lex.europa.eu/legal-content/EN/TXT/?uri=celex%3A32022L2464>

Tất cả các quốc gia thành viên đã áp dụng chỉ thị này bằng cách ban hành luật hoặc quy định. Ngoài ra, Chỉ thị về Mua Thâu tóm của Liên minh Châu Âu quy định về các vấn đề minh bạch, bao gồm cả việc công bố cấu trúc sở hữu hưởng lợi. Các công ty đại chúng ở Liên minh Châu Âu phải công bố thông tin liên quan trong báo cáo hàng năm về:

- Cơ cấu vốn.
- Mọi hạn chế về khả năng chuyển nhượng tự do của chứng khoán.
- Sở hữu trực tiếp và gián tiếp đáng kể (bao gồm sơ đồ kim tự tháp và sở hữu chéo).
- Người sở hữu chứng khoán có quyền kiểm soát đặc biệt.
- Hệ thống kiểm soát của bất kỳ kế hoạch cổ phần nào cho người lao động mà quyền kiểm soát không phải do người lao động thực hiện trực tiếp.
- Hạn chế về quyền biểu quyết.
- Thỏa thuận cổ đông mà công ty biết.
- Quy chế bổ nhiệm, thay thế thành viên HĐQT.
- Các thỏa thuận quan trọng mà công ty thực hiện mà có hiệu lực khi thay đổi quyền kiểm soát.

Cơ cấu Vốn, Cơ cấu Tập đoàn, và các Sắp xếp Kiểm soát

Các tập đoàn thường bao gồm các sắp xếp phức tạp với nhiều lớp công ty con hoạt động trong nhiều ngành và khu vực khác nhau. Sự phức tạp này có thể gây thách thức cho cổ đông, đặc biệt cổ đông không có quyền kiểm soát, vì họ có thể gặp khó khăn trong việc tác động đến các quyết định của công ty và hiểu được các rủi ro liên quan. Trong khi đó, cổ đông kiểm soát có thể khai thác cơ cấu này để thu lợi cá nhân trong khi gây tổn hại đến tập đoàn.³⁶

Kiểm soát Gián tiếp

Cổ đông sở hữu ít hơn mức cổ phần đa số có thể thực hiện kiểm soát gián tiếp đối với công ty thông qua cấu trúc kim tự tháp và sở hữu chéo. Mối quan hệ với người có liên quan cũng có thể ảnh hưởng đến cơ cấu kiểm soát của công ty.

³⁶ Bộ Nguyên tắc Quản trị Công ty G20/OECD (2023).

GIỚI THIỆU
VE QUẢN TRỊ
CÔNG TY

CƠ CẤU
QUẢN TRỊ
CÔNG TY

TÀI LIỆU NỘI BỘ
VE QUẢN TRỊ
CÔNG TY

GIỚI THIỆU VỀ
QUYỀN CỬA
CỔ ĐÔNG

ĐẠI HỘI
ĐÔNG CỔ ĐÔNG

HỘI ĐÔNG
QUẢN TRỊ

BAN GIÁM ĐỐC

THỦ KÝ CÔNG TY

MỐI TRƯỞNG
KIỂM SOÁT

CÔNG BỐ
THÔNG TIN

GAO DI CHUYỂN
NGƯỜI CÓ LIÊN
QUAN (GOLU)

CỐ TỨC

VỐN ĐIỀU LỆ



THÔNG LỆ TỐT NHẤT

Các Nguyên tắc Cấp cao của G20 về Minh bạch Quyền sở hữu Hưởng lợi³⁷ khuyến nghị các quốc gia xây dựng định nghĩa rõ ràng và mạnh mẽ về chủ sở hữu hưởng lợi để nắm bắt được (những) thể nhân sở hữu hoặc kiểm soát cuối cùng đối với pháp nhân hoặc thực thể. Nguyên tắc G20 bao gồm các nội dung sau:

- Định nghĩa về chủ sở hữu hưởng lợi.
- Đánh giá rủi ro liên quan đến các pháp nhân và thực thể.
- Thông tin sở hữu hưởng lợi của pháp nhân.
- Thông tin sở hữu hưởng lợi của quỹ.
- Tiếp cận quyền sở hữu hưởng lợi của quỹ.
- Vai trò và trách nhiệm của tổ chức tài chính, doanh nghiệp và chuyên gia hỗ trợ.
- Hợp tác trong nước và quốc tế.
- Thông tin sở hữu hưởng lợi và trốn thuế.
- Cổ phiếu vô danh và người được ủy quyền.

Bộ Nguyên tắc G20 khuyến nghị rằng chủ sở hữu hưởng lợi nên được định nghĩa là “một thể nhân trực tiếp hoặc gián tiếp thực hiện quyền kiểm soát cuối cùng đối với một pháp nhân hoặc thực thể” và quyền sở hữu đó nên được diễn giải theo nghĩa rộng để bao hàm quyền kiểm soát thông qua các phương tiện khác ngoài quyền sở hữu hợp pháp.

Điều đáng lưu ý là Bộ Nguyên tắc G20 nhấn mạnh sự cần thiết của việc các công ty phải thu thập và lưu trữ thông tin về chủ sở hữu hưởng lợi cuối cùng. Ví dụ: năm 2016, Vương quốc Anh đã sửa đổi Đạo luật Công ty 2006 để đưa vào điều khoản mới yêu cầu các công ty thu thập thông tin về quyền sở hữu hưởng lợi của cổ đông và tất cả cổ đông được ủy quyền phải thông báo cho công ty nếu cổ phần được sở hữu nhân danh bên thứ ba. Vương quốc Anh cũng yêu cầu các công ty đăng ký nội dung này với Companies House, là cơ quan đăng ký công ty của chính phủ, để cho phép chính phủ lưu giữ hồ sơ về thông tin sở hữu hưởng lợi.

³⁷ Nguyên tắc cấp cao của G20 về sự Minh bạch về Quyền sở hữu Hưởng lợi (Ngân hàng Thế giới và UNODC, 2015), <https://star.worldbank.org/resources/g20-high-level-principles-beneficial-ownership-transparency>.

Thỏa thuận của Cổ đông và Giới hạn Biểu quyết

Ngoài các mối quan hệ sở hữu, cổ đông thường sử dụng nhiều cơ chế khác nhau để củng cố quyền kiểm soát.

Thỏa thuận cổ đông và giới hạn biểu quyết cũng có thể ảnh hưởng đến quyền kiểm soát. Các thỏa thuận (về biểu quyết) của cổ đông thường buộc các bên tham gia bỏ phiếu gộp và có thể trao quyền từ chối mua cổ phần lần đầu cho một cổ đông khác. Thỏa thuận cổ đông cho phép các nhóm cổ đông có tỷ lệ sở hữu cổ phần tương đối nhỏ cùng nhau tạo ra ảnh hưởng đáng kể. Những thỏa thuận này thường trao cho những người tham gia quyền ưu tiên mua cổ phần và có thể áp đặt hạn chế đối với việc bán cổ phần trong một khoảng thời gian nhất định. Thỏa thuận cổ đông có thể bao gồm nhiều vấn đề khác như đề cử ứng viên vào HĐQT hoặc lựa chọn Chủ tịch HĐQT, và rõ ràng là mối quan tâm lớn của cổ đông. Mặc dù khó phát hiện, các công ty nên nỗ lực hợp lý để có được thông tin về sự tồn tại của các thỏa thuận cổ đông và công bố thông tin đó cho mọi cổ đông. Về nguyên tắc, các bên tham gia thỏa thuận cổ đông nên tự nguyện công bố thông tin này. Một số quốc gia giám sát và quản lý những thỏa thuận này để ngăn chặn việc lạm dụng.

Giới hạn biểu quyết là một công cụ khác để phân phối lại kiểm soát bằng cách giới hạn số lượng phiếu biểu quyết của mỗi cổ đông, bất kể số lượng cổ phần sở hữu. Như vậy, giới hạn này đi ngược nguyên tắc “một cổ phần, một phiếu biểu quyết” và quyền kiểm soát tỷ lệ thuận với quyền sở hữu. Giới hạn biểu quyết thường được sử dụng để củng cố vị trí của cổ đông kiểm soát hoặc ban giám đốc hiện hữu và hiếm khi được các nhà đầu tư thiện chí ủng hộ. LDN đã ngầm cấm giới hạn biểu quyết bằng cách đưa ra nguyên tắc bắt buộc mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết.³⁸ Theo quy định của luật, công ty cổ phần bị cấm hạn chế quyền biểu quyết bằng cách tối đa hóa số phiếu biểu quyết của một cổ đông.

Thỏa thuận cổ đông và giới hạn biểu quyết là những công cụ phổ biến để củng cố quyền kiểm soát, thường yêu cầu giám sát của cơ quan quản lý. Việc công bố những cơ cấu này có ý nghĩa rất quan trọng cho việc ra quyết định trên cơ sở có đủ thông tin cho tất cả các bên có quyền lợi liên quan và bảo vệ lợi ích của cổ đông thiểu số.³⁹

³⁸ Khoản 1a, Điều 115, LDN.

³⁹ Bộ Nguyên tắc Quản trị Công ty G20/OECD (2023).

- GỚI THIỆU VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
- CƠ CẤU QUẢN TRỊ CÔNG TY
- TÀI LIỆU MỜI BỎ VỐ QUẢN TRỊ CÔNG TY
- GỚI THIỆU VỀ QUYỀN CỎ ĐÔNG CỔ ĐÔNG
- ĐẠI HỘI ĐÔNG CỔ ĐÔNG
- HỘI ĐÔNG QUẢN TRỊ
- BAN GIÁM ĐỐC
- THỦ KÝ CÔNG TY
- MÔI TRƯỜNG KIỂM SOÁT
- CÔNG BỐ THÔNG TIN
- GAO DI CỬ VỚI NGƯỜI CỎ LIÊN QUAN (GỎI LỎ)
- CÓ TỨC
- VỐN ĐỂU LỄ

Theo quy định của pháp luật, công ty đại chúng tại Việt Nam phải công bố thông tin về ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu tối thiểu 10 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến hoặc tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu để tham dự ĐHĐCĐ.⁴⁰

Cổ đông nước ngoài

Công ty cổ phần không phải là công ty niêm yết phải thông báo cho Cơ quan Đăng ký Kinh doanh nơi công ty có trụ sở chính chậm nhất là 03 ngày làm việc sau khi có thông tin hoặc có thay đổi các thông tin về:⁴¹

- Họ, tên, quốc tịch, số hộ chiếu, địa chỉ liên lạc, số cổ phần và loại cổ phần của cổ đông là cá nhân nước ngoài.
- Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, số cổ phần và loại cổ phần của cổ đông là tổ chức nước ngoài và họ, tên, quốc tịch, số hộ chiếu, địa chỉ liên lạc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức nước ngoài.

Công ty đại chúng thực hiện công bố tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa và các thay đổi liên quan đến tỷ lệ sở hữu này trên trang thông tin điện tử của công ty, sở giao dịch chứng khoán và VSDCC, và hệ thống công bố thông tin của UBCKNN.⁴²

Thông tin về ĐHĐCĐ Thường niên và ĐHĐCĐ Bất thường

Theo quy định pháp luật, tối thiểu 21 ngày trước ngày khai mạc họp ĐHĐCĐ, nếu Điều lệ Công ty không quy định thời hạn dài hơn, công ty đại chúng phải công bố trên trang thông tin điện tử của công ty và của UBCKNN, sở giao dịch chứng khoán (trường hợp là tổ chức niêm yết) về việc họp ĐHĐCĐ, bao gồm thông báo mời họp ĐHĐCĐ, chương trình họp, phiếu biểu quyết, tài liệu sử dụng trong cuộc họp, và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.⁴³ Theo khuyến nghị tại Bộ Nguyên tắc Quản trị Công ty Việt Nam, biên bản họp ĐHĐCĐ thường niên và ĐHĐCĐ bất thường phải được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty trong thời hạn 24 (hai mươi bốn) giờ sau khi họp.

⁴⁰ Khoản 4, Điều 11, Thông tư 96/2020/TT-BTC.

⁴¹ Khoản 3, Điều 176, LDN.

⁴² Khoản 2, Điều 13, Thông tư 96/2020/TT-BTC.

⁴³ Khoản 3, Điều 10, Thông tư 96/2020/TT-BTC.

ĐHĐCĐ bất thường của công ty đại chúng phải được công bố công khai trong vòng 24 giờ. ĐHĐCĐ bất thường được quy định tại Điều 11, Thông tư số 96/2020/TT-BTC. Việc công bố thông tin về họp ĐHĐCĐ bất thường hoặc thông qua nghị quyết ĐHĐCĐ có thể thực hiện dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, bao gồm:⁴⁴

- Thông tin về ĐHĐCĐ bất thường.
- Trường hợp lấy ý kiến ĐHĐCĐ bằng văn bản, thì tối thiểu 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến nếu Điều lệ Công ty không quy định thời hạn khác dài hơn, công ty đại chúng phải công bố trên trang thông tin điện tử của mình, đồng thời gửi cho tất cả các cổ đông phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết ĐHĐCĐ và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết.



THÔNG LỆ TỐT NHẤT

Tham gia ĐHĐCĐ là quyền cơ bản của cổ đông và cổ đông cần được cung cấp thông tin cần thiết để có thể biểu quyết tại ĐHĐCĐ. Theo Bộ Nguyên tắc Quản trị Công ty G20/OECD (2023): “Cổ đông phải được cung cấp thông tin đầy đủ và kịp thời về ngày, hình thức, địa điểm, và chương trình họp của các đại hội đồng cổ đông, cũng như thông tin chi tiết và kịp thời về các vấn đề sẽ được quyết định tại cuộc họp”.⁴⁵

Trong số các quốc gia tham gia khảo sát của OECD cho Bảng thông tin 2023, 51% yêu cầu thông báo 15-21 ngày trước cuộc họp, với xu hướng tăng thời gian thông báo trong thời gian gần đây.⁴⁶ 39% khác yêu cầu thời gian thông báo dài hơn, ví dụ như ở Úc, Canada, Đức, Hungary, Indonesia, Ý, Hà Lan và Hoa Kỳ. Chỉ thị về Quyền Cổ đông của Liên minh Châu Âu yêu cầu thời gian thông báo ít nhất 21 ngày đối với đại hội đồng cổ đông. Tuy nhiên, tại Chile, Nhật Bản, New Zealand, Hàn Quốc và Singapore, thời gian thông báo bắt buộc tối thiểu là dưới 15 ngày.

Bộ Nguyên tắc Quản trị Công ty theo Thông lệ Tốt nhất của Việt Nam khuyến nghị HĐQT gửi thông báo mời họp ĐHĐCĐ thường niên và bất thường có đủ thông tin liên quan, ít nhất 21 ngày trước cuộc họp,⁴⁷ tương tự quy định pháp luật hiện hành.

Ở một số quốc gia khác, như Colombia và Hồng Kông (Trung Quốc), các khuyến nghị của bộ quy tắc quản trị công ty tự nguyện đóng vai trò phương tiện thúc đẩy thời gian thông báo dài hơn.

⁴⁴ Khoản 1c và Khoản 3, Điều 11, Thông tư 96/2020/TT-BTC.

⁴⁵ Bộ Nguyên tắc Quản trị Công ty G20/OECD (2023). Nguyên tắc II.C.1.

⁴⁶ OECD (2023), *Sổ tay Thông tin Quản trị Công ty OECD 2023*, Nhà xuất bản OECD, Paris, <https://doi.org/10.1787/6d912314-en>.

⁴⁷ Bộ Nguyên tắc Quản trị Công ty theo Thông lệ Tốt nhất của Việt Nam, Nguyên tắc 9.2.

- GỚI THIỆU VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
- CƠ CẤU QUẢN TRỊ CÔNG TY
- TÀI LIỆU MỜI BỐ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
- GỚI THIỆU VỀ QUYỀN CỎ ĐÔNG CỔ ĐÔNG
- ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
- HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
- BAN GIÁM ĐỐC
- THỦ KÝ CÔNG TY
- MÔI TRƯỜNG KIỂM SÁT
- CÔNG BỐ THÔNG TIN
- GAO DI CHỨC VỚI NGƯỜI CỎ LIÊN QUAN (GOLU)
- CỐ TỨC
- VỐN ĐỂ LIỆ

Cơ cấu và Chính sách Quản trị Công ty

Khi đánh giá về cơ cấu quản trị của công ty, các đối tượng tham gia thị trường muốn có được thông tin về các chủ thể quản trị của công ty, bao gồm phân chia thẩm quyền giữa cổ đông, các thành viên BKS, HĐQT và cán bộ điều hành, cũng như chính sách Quản trị Công ty, cam kết của công ty đối với các nguyên tắc Quản trị Công ty, các cơ chế để tuân thủ.

Cam kết về Quản trị Công ty

Thành viên tham gia thị trường rất quan tâm để hiểu được mức độ cam kết của công ty đối với thông lệ quản trị công ty tốt. Thị trường muốn xác định xem liệu công ty có coi quản trị công ty là một hoạt động quan hệ công chúng, chỉ để “làm cho đủ thủ tục” hay có tính “thể hiện” không, hoặc liệu trên thực tế công ty có sẵn sàng “làm đúng” đối với cổ đông, nhằm tạo ra và thực hiện những thay đổi thực sự khi cần thiết và phù hợp. Mặc dù việc công bố thông tin tốt là không đủ để đảm bảo quản trị công ty tốt một cách nhất quán và đồng bộ, đây là một cách thể hiện cam kết của công ty đối với cổ đông và bên có quyền lợi liên quan khác của công ty.

Cơ cấu Quản trị Công ty

Các công ty phải mô tả cơ cấu quản trị của mình, bao gồm thẩm quyền của mỗi chủ thể quản trị và cơ chế kiểm soát nội bộ, trong báo cáo thường niên và bản cáo bạch của công ty. Ngoài ra, các công ty nên quy định và công bố công khai về quy trình triệu tập và tiến hành họp ĐHĐCĐ thông qua các quy định nội bộ của công ty và công khai các quyết định của ĐHĐCĐ thông qua báo cáo về các sự kiện quan trọng.

Chính sách Quản trị Công ty

Điều lệ Công ty là tài liệu đặt ra các quy tắc và thủ tục của hệ thống quản trị của công ty và cần được công bố rộng rãi. Quy tắc quản trị công ty cũng góp phần làm nổi bật các khái niệm và cấu trúc quản trị công ty chung. Các quy định nội bộ hướng dẫn chi tiết hơn về quy trình. Các công ty nên tạo điều kiện để các bên quan tâm tiếp cận thông tin này với chi phí tối thiểu.



THÔNG LỆ TỐT NHẤT

Thông lệ tốt nhất về quản trị công ty khuyến nghị công ty xây dựng chính sách công bố thông tin do HĐQT phê duyệt, và chính sách này có tính bắt buộc. Một số chính sách gợi ý bao gồm:

- Cơ cấu và trách nhiệm của Ủy ban Công bố Thông tin, nếu có.
- Danh sách thông tin công ty dự định công bố.
- Các quy tắc truyền thông với phương tiện đại chúng cũng như nguồn thông tin và mức độ thường xuyên của việc truyền thông.
- Quan hệ với phương tiện thông tin đại chúng, như hợp báo, xuất bản ấn phẩm và các sách giới thiệu, quảng cáo nhỏ.
- Yêu cầu các chủ thể quản trị trong tổ chức hợp với cổ đông và các nhà phân tích.
- Quy trình trả lời chất vấn của tất cả cổ đông.
- Danh sách thông tin, văn bản, và tài liệu cần cung cấp cho tất cả cổ đông tại ĐHĐCĐ.
- Quy trình xác định và xử lý thông tin nội bộ.
- Các chính sách hoặc quy định nội bộ khác, bao gồm quy tắc đạo đức, chính sách MT&XH, và quy định nội bộ áp dụng đối với HĐQT và các ủy ban thuộc HĐQT.

Các công ty nên công bố thông tin về các xung đột của công ty do việc thực hiện không đúng các nguyên tắc/thông lệ quản trị công ty mà công ty đã tuyên bố thực thi. Ngoài ra, các công ty phải tuân thủ nguyên tắc “tuân thủ hoặc giải thích” trong việc áp dụng các khuyến nghị và quy tắc quản trị công ty được chấp nhận, và giải thích lý do dẫn đến những sai lệch so với việc thực hiện trên thực tế.

Các công ty cũng nên công bố thông tin về những thay đổi về danh tính của, hoặc sắp xếp hợp đồng với, Kiểm toán Độc lập của công ty và những đối tượng bên ngoài khác cung cấp cho công ty những dịch vụ có tác động đáng kể đến hoạt động kinh doanh của công ty (như các công ty luật đại diện trong các vụ kiện lớn).

GIỚI THIỆU
VE QUẢN TRỊ
CÔNG TY

CƠ CẤU
QUẢN TRỊ
CÔNG TY

TÀI LIỆU NỘI BỘ
VE QUẢN TRỊ
CÔNG TY

GIỚI THIỆU VE
QUYỀN CỦA
CỔ ĐÔNG

ĐẠI HỘI
ĐÔNG CỔ ĐÔNG

HỘI ĐÔNG
QUẢN TRỊ

BAN GIÁM ĐỐC

THỦ KÝ CÔNG TY

MÔI TRƯỜNG
KIỂM SÁT

CÔNG BỐ
THÔNG TIN

GAO DI CHỨC VỚI
NGƯỜI CÓ LIÊN
QUAN (GÓI LỘ)

CỐ TỨC

VỐN ĐIỀU LỆ

Báo cáo Quản trị Công ty

Công ty đại chúng phải công bố thông tin về báo cáo tình hình quản trị công ty trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm và kết thúc năm dương lịch.⁴⁸

Báo cáo quản trị công ty bao gồm các nội dung sau:⁴⁹

1. Hoạt động của ĐHĐCĐ.
2. Báo cáo của HĐQT:
 - Thông tin về thành viên HĐQT.
 - Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Giám đốc.
 - Hoạt động của các ủy ban thuộc HĐQT (nếu có).
 - Các Nghị quyết/Quyết định của HĐQT.
3. Báo cáo của Ban kiểm soát hoặc Ủy ban Kiểm toán:
 - Thông tin về thành viên BKS hoặc Ủy ban Kiểm toán.
 - Các cuộc họp của BKS hoặc Ủy ban Kiểm toán.
 - Hoạt động giám sát của BKS/ Ủy ban Kiểm toán đối với HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và cổ đông
4. Thông tin về thành viên Ban Giám đốc: họ tên, ngày tháng năm sinh, trình độ chuyên môn, ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm.
5. Thông tin về kế toán trưởng: họ tên, ngày tháng năm sinh, trình độ chuyên môn, ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm.
6. Các khóa đào tạo về quản trị công ty.
7. Thông tin chi tiết về người có liên quan của công ty đại chúng và giao dịch của người có liên quan của công ty với chính Công ty.
8. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người liên quan của người nội bộ.

Báo cáo quản trị công ty phải được Chủ tịch HĐQT công ty phê duyệt.

⁴⁸ Khoản 4, Điều 10, Thông tư 96/2020/TT-BTC.

⁴⁹ Phụ lục V, Thông tư 96/2020/TT-BTC.



THÔNG LỆ TỐT NHẤT

Theo Bộ Nguyên tắc Quản trị Công ty theo Thông lệ Tốt nhất của Việt Nam,⁵⁰ HĐQT cần đảm bảo thù lao của thành viên HĐQT và Ban Giám đốc được công bố công khai để thông tin cho cổ đông liên quan đến thù lao, kết quả hoạt động, và tạo ra giá trị.

Báo cáo thường niên của công ty phải có nội dung về các chính sách và tiêu chí để thiết lập thù lao, cũng như tên, số tiền, và chi tiết về thù lao cũng như các khoản thanh toán và lợi ích khác, do công ty và các công ty con của công ty chi trả cho:

- a) Từng thành viên HĐQT, thành viên BKS (nếu có) và TGD.
- b) Nhân sự quản lý chủ chốt (không phải là thành viên HĐQT hoặc TGD).

10.4.3. Kết quả Tài chính và Hoạt động Kinh doanh

a) Trình bày Thông tin Tài chính

Thông tin về tình hình tài chính, kết quả kinh doanh, và tình hình hoạt động của công ty có ý nghĩa vô cùng quan trọng đối với cổ đông, nhà đầu tư tiềm năng, chủ nợ, và các bên có quyền lợi liên quan khác. Danh sách dưới đây là các loại báo cáo tài chính điển hình nhất, và các nội dung bổ sung cho báo cáo tài chính:

- **Bảng cân đối kế toán** cung cấp vắn tắt tình hình tài sản, nguồn vốn và nợ phải trả của công ty tại ngày báo cáo. Đối với các nhà phân tích có kinh nghiệm, bảng cân đối kế toán còn cung cấp thông tin quan trọng về mức độ rủi ro khi đầu tư vào công ty và khả năng trả nợ của công ty.
- **Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh** cung cấp thông tin về hoạt động kinh doanh của công ty trong một giai đoạn nhất định. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh có thể được lập theo một số cách khác nhau. Theo thông lệ quốc tế, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phải phản ánh: 1) doanh thu hoặc doanh số bán hàng, 2) kết quả hoạt động kinh doanh, 3) chi phí tài chính, 4) thu nhập từ hoạt động liên kết và liên

⁵⁰ Bộ Nguyên tắc Quản trị Công ty theo Thông lệ Tốt nhất của Việt Nam, Nguyên tắc 8.4.

GIỚI THIỆU
VE QUẢN TRỊ
CÔNG TY

CƠ CẤU
QUẢN TRỊ
CÔNG TY

TÀI LIỆU NỘI BỘ
VE QUẢN TRỊ
CÔNG TY

GIỚI THIỆU VE
QUYỀN CŨA
CƠ ĐỒNG

ĐẠI HỘI
ĐỒNG CỔ ĐÔNG

HỘI ĐỒNG
QUẢN TRỊ

BAN GIÁM ĐỐC

THU NHẬP CÔNG TY

MỐI TRƯỜNG
KIỂM SÁT

CÔNG BỐ
THÔNG TIN

GAO DI CHUYỂN
NGƯỜI CŨ LIÊN
QUAN (GOLU)

CỐ TỨC

VỐN ĐIỀU LỆ

doanh, 5) các loại thuế, 6) lợi nhuận hoặc lỗ từ hoạt động kinh doanh thông thường, và 7) lãi hoặc lỗ ròng. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh thể hiện tính bền vững của doanh nghiệp.

- **Báo cáo lưu chuyển tiền tệ** thể hiện nguồn và việc sử dụng tiền mặt của công ty. Báo cáo liệt kê tất cả thay đổi có ảnh hưởng đến tiền trong các hoạt động kinh doanh, đầu tư và tài chính. Ví dụ, thu nhập ròng trong hoạt động kinh doanh làm tăng dòng tiền, việc mua một nhà máy là một khoản đầu tư làm giảm dòng tiền, và phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu là một hoạt động tài chính làm tăng dòng tiền.
- **Bản thuyết minh báo cáo tài chính** giúp giải thích báo cáo tài chính của công ty bằng cách cung cấp những chi tiết quan trọng và phân tích sâu cách thức công ty lập báo cáo tài chính. Báo cáo mô tả ngắn gọn các đặc điểm hoạt động của công ty, các chỉ số đánh giá hoạt động kinh doanh chính, các yếu tố ảnh hưởng đến kết quả tài chính của công ty cũng như các quyết định về báo cáo tài chính, và giải thích về việc phân phối lợi nhuận ròng của công ty. Thuyết minh này tham chiếu thông tin liên quan cần thiết nhằm đem lại cho người sử dụng một bức tranh khách quan và hoàn chỉnh về tình hình tài chính của công ty, kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo và thay đổi về tình hình tài chính của công ty. Thuyết minh báo cáo tài chính phải nêu rõ ràng nội dung của giao dịch với người có liên quan theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (VAS) số 26 và thông tư hướng dẫn thi hành VAS số 26. Thuyết minh cũng phải có các báo cáo bộ phận theo quy định tại VAS số 28 và thông tư hướng dẫn kèm theo. Ngoài ra, Thuyết minh báo cáo tài chính còn bao gồm báo cáo biến động của vốn chủ sở hữu, trình bày tất cả những thay đổi liên quan đến vốn điều lệ, thặng dư vốn, các quỹ dự phòng, và lợi nhuận chưa phân phối. Báo cáo này cung cấp thông tin về việc trích lập các quỹ theo quy định pháp luật và cho biết giá trị sổ sách của tài sản ròng của công ty tại thời điểm báo cáo.
- Cuối cùng, **báo cáo Kiểm toán Độc lập** cho phép Kiểm toán Độc lập đưa ra ý kiến về việc báo cáo tài chính của công ty, xét trên các khía cạnh trọng yếu, có được lập theo các quy định hiện hành về báo cáo tài chính và chuẩn mực kế toán báo cáo hay không và liệu báo cáo tài chính có đáng tin cậy hay không. Báo cáo này cung cấp cho cổ đông, người quản lý, người lao động và những người tham gia thị trường ý kiến độc lập của kiểm toán bên ngoài về tình hình tài chính của công ty, và nếu được thực hiện chính xác, cung cấp kiểm chứng về tính chính xác của

báo cáo tài chính. Các báo cáo tài chính thường niên của tất cả các công ty đại chúng và công ty niêm yết phải được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập và đủ điều kiện hành nghề (tổ chức kiểm toán được chấp thuận là công ty kiểm toán độc lập thuộc danh mục các công ty kiểm toán được UBCKNN chấp thuận kiểm toán theo điều kiện do Bộ Tài chính quy định).⁵² Báo cáo tài chính được kiểm toán hàng năm phải được trình ĐHĐCĐ xem xét phê chuẩn.⁵³



THÔNG LỆ TỐT NHẤT

Thông lệ quốc tế tốt nhất cũng khuyến khích việc Ban Giám đốc có một báo cáo thảo luận và phân tích về tình hình hoạt động kinh doanh của công ty (MD&A hay gọi tắt là Báo cáo phân tích của Ban Giám đốc). Báo cáo này trình bày quan điểm của Ban Giám đốc về hoạt động cũng như triển vọng tương lai của công ty. Báo cáo phân tích của Ban Giám đốc thường được trình bày trong báo cáo thường niên của công ty, nhằm:

- Bổ sung thông tin cho báo cáo tài chính.
- Có định hướng tới tương lai.
- Tập trung vào việc tạo ra giá trị lâu dài.
- Tích hợp triển vọng ngắn và dài hạn.
- Trình bày thông tin quan trọng phục vụ nhu cầu ra quyết định của người sử dụng báo cáo tài chính.
- Phản ánh độ tin cậy, khả năng so sánh, nhất quán, phù hợp, ổn định và dễ hiểu của báo cáo tài chính.

Báo cáo của Ban Giám đốc trình bày quan điểm phân tích và định tính hơn so với phần còn lại của báo cáo tài chính.⁵⁴

b) Chuẩn bị Thông Tin tài chính

Các quy định, chuẩn mực kế toán, và các chuẩn mực khác sẽ quyết định nội dung và hình thức cụ thể của báo cáo tài chính. Kết hợp với nhau và so sánh theo thời gian, báo cáo tài chính sẽ cung cấp một bức tranh tổng thể

⁵² Điều 10, 14, Thông tư 96/2020/TT-BTC và Khoản 11, Điều 4, LCK.

⁵³ Khoản 2, Điều 175, LDN.

⁵⁴ Tham khảo thêm hướng dẫn của SEC về Báo cáo phân tích của Ban Giám đốc:

- GỚI THIỆU VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
- CƠ CẤU QUẢN TRỊ CÔNG TY
- TÀI LIỆU NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
- GỚI THIỆU VỀ QUYỀN CỦA CỔ ĐÔNG
- ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
- HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
- BAN GIÁM ĐỐC
- THỦ KÝ CÔNG TY
- MỐI THƯƠNG KIỆM SỢT
- CÔNG BỐ THÔNG TIN
- GAO DỊCH VỚI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN (GỎU)
- CỐ TỨC
- VỐN ĐIỀU LỆ

về tình hình hoạt động và tài chính của công ty. Các công ty nên tuân thủ các nguyên tắc sau khi chuẩn bị thông tin tài chính:⁵⁵

- **Kế toán trên cơ sở dồn tích**, theo đó các khoản doanh thu và chi phí được ghi nhận tại thời điểm phát sinh giao dịch và không phải tại thời điểm nhận hay trả tiền. Nguyên tắc này yêu cầu các khoản doanh thu và chi phí liên quan hoặc gắn với một khoảng thời gian cụ thể phải được ghi nhận tại thời điểm phát sinh chứ không căn cứ vào thời điểm thực tế thu hoặc chi tiền.⁵⁶
- **Giả định về hoạt động liên tục**, nghĩa là báo cáo tài chính được lập trên cơ sở giả định doanh nghiệp đang hoạt động liên tục và sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh bình thường trong tương lai gần và doanh nghiệp không có ý định cũng như không buộc phải ngừng hoạt động hoặc phải thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình. Giả định hoạt động liên tục là một nguyên tắc cơ bản trong việc lập báo cáo tài chính. Vì vậy, ban giám đốc có trách nhiệm đánh giá khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp. Tuy nhiên, đánh giá của ban giám đốc không cần phải phân tích chi tiết, chủ yếu khi công ty đang kinh doanh có lãi và dễ dàng tiếp cận với các nguồn lực tài chính.⁵⁷
- **Tính nhất quán**, trong đó nêu rõ việc các quy định và phương pháp kế toán đã chọn phải được áp dụng nhất quán trong kỳ kế toán năm. Trường hợp thay đổi các quy định và phương pháp kế toán đã chọn thì đơn vị kế toán phải giải trình trong báo cáo tài chính.⁵⁸
- **Tách biệt tài sản và nợ phải trả**, nghĩa là tài sản (cố định và ngắn hạn) và nợ phải trả (nợ phải trả và vốn chủ sở hữu) phải được ghi nhận riêng biệt với tài sản của chủ sở hữu công ty và các tổ chức khác.⁵⁹
- **Tính đầy đủ của việc công bố thông tin**, nghĩa là báo cáo tài chính của công ty phải công bố tất cả các sự kiện và kết quả kinh doanh trọng yếu (thực tế và tiềm tàng) có thể ảnh hưởng đến việc ra quyết định kinh tế của người sử dụng và tham khảo những tài liệu này. Việc thiếu thông tin như vậy có thể khiến hồ sơ bị sai lệch hoặc gây hiểu lầm, và không đáng tin cậy.⁶⁰

⁵⁵ Tiêu chuẩn chung, VAS số 01.

⁵⁶ Điều 3, VAS số 01.

⁵⁷ Điều 4, VAS số 01.

⁵⁸ Điều 7, VAS số 01 (hoặc Khoản 2, Điều 6, LKT).

⁵⁹ Khoản 3, Điều 9, LKT.

⁶⁰ Khoản 2, Điều 32, LKT.

- **Kịp thời**, nghĩa là công ty phải công bố báo cáo một cách nhanh chóng, vì thông tin cập nhật có giá trị hơn nhiều đối với người dùng so với thông tin cũ có thể đã bị thay thế bởi các sự kiện khác. Công ty đại chúng phải công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không vượt quá 90 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.⁶¹
- **Bảo thủ**, yêu cầu một công ty đưa ra các lựa chọn và ước tính kế toán thận trọng và có cân nhắc khi các sự kiện trong tương lai có thể có tác động tiêu cực đến tình hình tài chính của công ty.
- **Nội dung quan trọng hơn hình thức**, nghĩa là công ty nên ghi lại các giao dịch và sự kiện theo cách phản ánh chính xác nội dung và tình hình kinh tế thực tế của công ty (nên chiếm ưu thế), chứ không chỉ đơn thuần là hình thức pháp lý.
- **Triển vọng phân tích**, nghĩa là tổng tài khoản chi tiết phải bằng tài khoản tổng hợp.⁶²
- **Cân bằng giữa lợi ích và chi phí**, do tính phức tạp và phạm vi của các yêu cầu báo cáo cụ thể, các công ty nhỏ có thể điều chỉnh thông tin tài chính sao cho hiệu quả về chi phí. Tuy nhiên, không nên sử dụng khái niệm này để từ chối cung cấp thông tin cho người sử dụng. Như vậy, phải cung cấp thông tin theo yêu cầu của pháp luật và chuẩn mực kế toán cho người sử dụng trừ khi có dấu hiệu rõ ràng về việc chi phí lớn hơn lợi ích.
- **Phù hợp**. Chi phí ghi nhận phải phù hợp với doanh thu có liên quan thích hợp để xác định thu nhập trong kỳ.⁶³



THÔNG LỆ TỐT NHẤT

Các công ty cần lập báo cáo tài chính theo chuẩn mực kế toán được quốc tế chấp nhận để tiếp cận thị trường vốn quốc tế hoặc cải thiện chất lượng báo cáo tài chính. IFRS và Nguyên tắc Kế toán được Chấp nhận Chung của Hoa Kỳ (US GAAP) là các tiêu chuẩn được công nhận rộng rãi nhất.⁶⁴

Ngoài việc lập báo cáo tài chính chuẩn theo VAS, công ty có thể xem xét lập báo cáo theo IFRS vì những lý do sau:

- IFRS có logic kinh tế rõ ràng và cung cấp thông tin tốt hơn cho ban giám đốc so với chuẩn mực kế toán Việt Nam hiện hành.

⁶¹ Khoản 1c, Điều 10, Thông tư 96/2020/TT-BTC.

⁶² Điều 6, LKT.

⁶³ Điều 7, LKT.

⁶⁴ US GAAP được cung cấp trên website của Ủy ban Chuẩn mực Kế toán Tài chính tại: <http://www.fasb.org>. Bản tóm tắt IFRS được cung cấp trên website của Ủy ban Chuẩn mực Kế toán Quốc tế tại: <http://www.iasb.org>.

GỚI THIỆU VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

CƠ CẤU QUẢN TRỊ CÔNG TY

TÀI LIỆU NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

GỚI THIỆU VỀ QUẢN TRỊ CƠ ĐỒNG

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐỒNG

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

BAN GIÁM ĐỐC

THỦ KÝ CÔNG TY

MỘT TRƯỞNG KIỂM SOÁT

CÔNG BỐ THÔNG TIN

GIAO DỊCH VỚI NGƯỜI CÒI LIÊN QUAN (GOLU)

CỐ TỨC

VỐN ĐIỀU LỆ

- Các chuẩn mực quốc gia ngày càng thống nhất để hướng tới IFRS.
- Việc thống nhất các chuẩn mực kế toán sẽ cho phép người sử dụng báo cáo tài chính “đọc” được tất cả các báo cáo tài chính theo các quy tắc chuẩn.
- Việc áp dụng IFRS có thể giúp các công ty Việt Nam giảm chi phí thu hút đầu tư.

Việc áp dụng IFRS thường có tác động như sau đối với Bảng Cân đối Kế toán của một công ty Việt Nam:

- Sự cần thiết phải lập báo cáo tài chính hợp nhất (IAS 27.7/11).
- Hàng tồn kho không chỉ được ghi nhận theo giá gốc mà theo giá trị thấp hơn hoặc giá trị thực hiện ròng (IAS 2.6).
- Thay đổi đáng kể về giá trị tài sản cố định.
- Sử dụng phương pháp định giá lại theo giá trị thị trường hợp lý thay vì phương pháp giá gốc đối với nhiều tài sản và nợ phải trả.
- Sự xuất hiện của các công cụ tài chính mới, đặc biệt là công cụ phái sinh.
- Ghi nhận tài sản và nợ phải trả, kiểm soát tài sản và công nợ không phát sinh trực tiếp từ vốn cổ phần.

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cũng bao gồm một số khoản mục khác, như điều chỉnh giá trị hợp lý cho các công cụ tài chính và ghi nhận hoặc hoàn nhập giá trị giảm của tài sản. Việc công bố các thông tin này là thực sự hữu ích và có tính định hướng đối với người sử dụng báo cáo tài chính.

c) Công khai Thông tin Tài chính

Thông tin tài chính thông thường sẽ được trình bày dưới các hình thức khác nhau và vào các thời điểm khác trong suốt năm tài chính. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh sẽ xuất hiện trong bản cáo bạch, báo cáo thường niên, báo cáo tài chính hàng quý, giữa niên độ và hàng năm.

Thông tư số 96/2020/TT-BTC về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán quy định tất cả các công ty đại chúng phải công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không vượt quá 90 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.⁶⁵

⁶⁵ Khoản 1c, Điều 10, Thông tư 96/2020/TT-BTC.

Công ty niêm yết và công ty đại chúng quy mô lớn⁶⁶ phải công bố thông tin tài chính bổ sung như sau:

- Báo cáo tài chính quý phải là báo cáo tài chính giữa niên độ dạng đầy đủ theo Chuẩn mực Kế toán “Báo cáo tài chính giữa niên độ”.⁶⁷
- Toàn văn báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính quý đã được soát xét (nếu có) phải được công bố đầy đủ, kèm theo kết luận soát xét và văn bản giải trình của công ty trong trường hợp báo cáo tài chính quý được soát xét có kết luận soát xét không phải là kết luận chấp nhận toàn phần.⁶⁸
- Báo cáo tài chính quý phải được công bố trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày kết thúc quý. Thời hạn này có thể kéo dài đến 30 ngày đối với trường hợp công ty mẹ phải lập báo cáo tài chính hợp nhất. Báo cáo tài chính quý đã được soát xét (nếu có) phải được công bố trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét nhưng không được vượt quá 45 ngày, kể từ ngày kết thúc quý.⁶⁹
- Trong báo cáo tài chính quý phải giải trình nguyên nhân khi xảy ra một trong các trường hợp sau:⁷⁰
 - Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước.
 - Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại.
 - Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán hoặc soát xét từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại.
- Báo cáo tài chính quý phải được công bố trên phương tiện công bố thông tin của UBCKNN và Sở giao dịch chứng khoán, được công bố và lưu giữ tại công ty tối thiểu 05 năm.⁷¹
- Báo cáo tài chính bán niên phải là báo cáo tài chính giữa niên độ dạng đầy đủ theo Chuẩn mực kế toán “Báo cáo tài chính giữa niên độ”, trình

⁶⁷ Theo Điều 18, Thông tư 96/2020/TT-BTC: Công ty đại chúng thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin của công ty đại chúng quy mô lớn theo quy định tại Thông tư này kể từ thời điểm có vốn góp của chủ sở hữu từ 120 tỷ đồng trở lên tại báo cáo tài chính năm gần nhất đã được kiểm toán. Công ty tiếp tục thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin như công ty đại chúng quy mô lớn trong thời hạn 01 năm kể từ ngày không còn là công ty đại chúng quy mô lớn.

⁶⁸ Khoản 3a, Điều 14, Thông tư 96/2020/TT-BTC.

⁶⁹ Khoản 3, Điều 14, Thông tư 96/2020/TT-BTC.

⁷⁰ Khoản 4, Điều 14, Thông tư 96/2020/TT-BTC.

⁷¹ Khoản 5b, Điều 4, Thông tư 96/2020/TT-BTC.

⁷² Khoản 2b, Điều 14, Thông tư 96/2020/TT-BTC.

GIỚI THIỆU VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

CƠ CẤU QUẢN TRỊ CÔNG TY

TÀI LIỆU NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

GIỚI THIỆU VỀ QUẢN LÝ RỦI RO VÀ QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

BAN GIÁM ĐỐC

THỦ KÝ CÔNG TY

MỐI TRƯỜNG KIỂM SOÁT

CÔNG BỐ THÔNG TIN

GAO DỊCH VỚI NGƯỜI CÒI LIÊN QUAN (GOLU)

CỐ TỨC

VỐN ĐIỀU LỆ

- Báo cáo tài chính bán niên phải được soát xét theo Chuẩn mực về Công tác Soát xét Báo cáo Tài chính. Toàn văn báo cáo tài chính bán niên phải được công bố đầy đủ, kèm theo kết luận soát xét và văn bản giải trình của công ty trong trường hợp kết luận soát xét không phải là kết luận chấp nhận toàn phần.⁷³
- Báo cáo tài chính bán niên phải được công bố trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét và 45 ngày kể từ ngày kết thúc sáu tháng đầu năm tài chính (hoặc 60 ngày đối với công ty mẹ).⁷⁴
- Báo cáo tài chính bán niên đã công bố phải được lưu giữ dưới dạng bản in (nếu có) và dữ liệu điện tử trong thời hạn tối thiểu 10 năm, đồng thời phải được lưu giữ và truy cập được trên trang thông tin điện tử của công ty trong thời hạn tối thiểu 05 năm.



THÔNG LỆ TỐT NHẤT

Các công ty nên công bố tất cả các thông tin trọng yếu một cách kịp thời và theo cách sao cho thông tin trở nên chính xác và dễ hiểu nhất đối với người sử dụng. Các công ty phải tuân thủ tinh thần của luật pháp và không tự giới hạn mình ở các tiêu chuẩn tối thiểu về công bố thông tin theo luật định

d) Thông tin Tài chính trong Tập đoàn

Một cấu phần quan trọng để đảm bảo tính minh bạch trong bối cảnh của tập đoàn là tất cả các công ty con phải công bố đầy đủ tất cả các mối quan hệ, giao dịch, điều khoản tài chính trong tập đoàn, và các tài khoản hợp nhất. Quy định của Việt Nam cũng yêu cầu các công ty phải lập báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tài chính riêng lẻ của tất cả các công ty con trong tập đoàn. Dữ liệu này sẽ cấu thành một thành phần không thể thiếu của bản cáo bạch.⁷⁵

⁷³ Khoản 2c, Điều 14, Thông tư 96/2020/TT-BTC.

⁷⁴ Khoản 2c, Điều 14, Thông tư 96/2020/TT-BTC.

⁷⁵ Khoản 2b, Điều 29, LKT.



THÔNG LỆ TỐT NHẤT

Khi lập báo cáo hợp nhất, các công ty phải tuân thủ các chính sách kế toán thống nhất cho công ty mẹ và các công ty con. Nếu điều này là không khả thi, công ty phải trình bày tỷ lệ các khoản mục trong báo cáo tài chính hợp nhất áp dụng các chính sách kế toán khác nhau. Trong báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ, các công ty con có thể được thể hiện theo giá gốc, theo giá trị được định giá lại, hoặc sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu. IFRS quy định các tài khoản hợp nhất của công ty phải bao gồm tối thiểu:

- Tên, sở hữu, và tỷ lệ biểu quyết, cho từng công ty con quan trọng.
- Lý do không hợp nhất công ty con.
- Bản chất của mối quan hệ nếu công ty mẹ không sở hữu trên 50% quyền biểu quyết của công ty con hợp nhất.
- Bản chất của mối quan hệ nếu công ty mẹ sở hữu trên 50% quyền biểu quyết của một công ty con bị loại trừ khỏi hợp nhất.
- Ảnh hưởng của việc mua và thanh lý công ty con trong kỳ.
- Trong báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ, mô tả các phương pháp giám sát tài khoản của các công ty con.

10.4.4. Công bố Thông tin Bất thường

Công ty đại chúng phải công bố thông tin trọng yếu bất thường trong thời hạn 24 giờ kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây:⁷⁶

a) Tài khoản của công ty tại ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị phong tỏa theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền hoặc khi tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán phát hiện có dấu hiệu gian lận, vi phạm pháp luật liên quan đến tài khoản thanh toán, tài khoản được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa.

b) Khi nhận được văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc khi công ty có quyết định về tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh, thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, thu hồi giấy chứng nhận

⁷⁶ Khoản 2, Điều 120, LCK và Điều 11, Thông tư 96/2020/TT-BTC.

GIỚI THIỆU VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
CƠ CẤU QUẢN TRỊ CÔNG TY
TÀI LIỆU NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
GIỚI THIỆU VỀ QUYỀN CỦA CỔ ĐÔNG
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
BAN GIÁM ĐỐC
THỦ KÝ CÔNG TY
MỘT TRƯỞNG KIỂM SOÁT
CÔNG BỐ THÔNG TIN
GIAO DỊCH VỚI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN (GỎI)
CỐ TỨC
VỐN ĐIỀU LỆ

đăng ký doanh nghiệp, sửa đổi, bổ sung hoặc bị đình chỉ, thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động hoặc giấy phép hoạt động.

c) Thông qua quyết định của ĐHĐCĐ bất thường. Tài liệu công bố bao gồm nghị quyết của ĐHĐCĐ, biên bản họp và tài liệu kèm theo biên bản, và nghị quyết hoặc biên bản kiểm phiếu (trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản). Trường hợp ĐHĐCĐ thông qua việc hủy niêm yết, công ty phải công bố thông tin về việc hủy niêm yết kèm theo tỷ lệ thông qua của cổ đông không phải là cổ đông lớn.

d) Quyết định mua lại cổ phiếu của công ty hoặc bán cổ phiếu quỹ, ngày thực hiện quyền mua cổ phần của người sở hữu trái phiếu kèm theo quyền mua cổ phần hoặc ngày thực hiện chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu, quyết định chào bán chứng khoán ra nước ngoài và các quyết định liên quan đến việc chào bán, phát hành chứng khoán.

đ) Quyết định về mức cổ tức, hình thức trả cổ tức, thời gian trả cổ tức, quyết định tách, gộp cổ phiếu.

e) Quyết định về việc tổ chức lại doanh nghiệp (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp), giải thể, phá sản doanh nghiệp, thay đổi mã số thuế, thay đổi tên công ty, con dấu của công ty, thay đổi địa điểm, thành lập mới hoặc đóng cửa trụ sở chính, chi nhánh, nhà máy, văn phòng đại diện, ban hành, sửa đổi, bổ sung Điều lệ, chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty.

g) Quyết định thay đổi kỳ kế toán, chính sách kế toán áp dụng (trừ trường hợp thay đổi chính sách kế toán áp dụng do thay đổi quy định pháp luật), thông báo doanh nghiệp kiểm toán đã ký hợp đồng kiểm toán báo cáo tài chính năm hoặc thay đổi doanh nghiệp kiểm toán (sau khi đã ký hợp đồng), và việc hủy hợp đồng kiểm toán đã ký.

h) Quyết định tham gia góp vốn thành lập, mua để tặng sở hữu trong một công ty dẫn đến công ty đó trở thành công ty con, công ty liên kết hoặc bán để giảm tỷ lệ sở hữu tại công ty con, công ty liên kết dẫn đến công ty đó không còn là công ty con, công ty liên kết hoặc giải thể công ty con, công ty liên kết.

j) Quyết định của ĐHĐCĐ hoặc HĐQT thông qua hợp đồng, giao dịch giữa công ty với người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ hoặc người có liên quan của công ty đại chúng.

k) Khi có sự thay đổi số cổ phiếu có quyền biểu quyết. Thời điểm công bố thông tin thực hiện như sau:

- Trường hợp công ty phát hành thêm cổ phiếu hoặc chuyển đổi trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi thành cổ phiếu, tính từ thời điểm công ty báo cáo UBCKNN về kết quả phát hành, kết quả chuyển đổi theo quy định pháp luật về phát hành chứng khoán.
- Trường hợp công ty mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc bán cổ phiếu quỹ, tính từ thời điểm công ty báo cáo kết quả giao dịch theo quy định pháp luật về mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ.
- Trường hợp công ty mua lại cổ phiếu của người lao động theo quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động của công ty hoặc mua lại cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của cổ đông, hoặc công ty chứng khoán mua cổ phiếu của chính mình để sửa lỗi giao dịch hoặc mua lại cổ phiếu lô lẻ, công ty công bố thông tin trong thời hạn 10 ngày đầu tiên của tháng trên cơ sở các giao dịch đã hoàn tất và cập nhật đến ngày công bố thông tin.

l) Công ty thay đổi, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm người nội bộ, nhận được đơn xin từ chức của người nội bộ (công ty cần nêu rõ về thời điểm hiệu lực theo quy định tại LDN và Điều lệ Công ty). Đồng thời, công ty gửi cho UBCKNN và sở giao dịch chứng khoán Bản cung cấp thông tin của người nội bộ mới theo mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư.

m) Quyết định mua, bán tài sản hoặc thực hiện các giao dịch có giá trị lớn hơn 15% tổng tài sản của công ty căn cứ vào báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính 06 tháng gần nhất được soát xét. Trường hợp công ty đại chúng là công ty mẹ thì căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất.

n) Khi nhận được quyết định khởi tố đối với công ty, người nội bộ của công ty, tạm giam, truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người nội bộ của công ty.

o) Khi nhận được bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án liên quan đến hoạt động của công ty, quyết định xử phạt vi phạm pháp luật về thuế.

p) Công ty nhận được thông báo của tòa án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản doanh nghiệp.

GỚI THIỆU VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
CƠ CẤU QUẢN TRỊ CÔNG TY
TÀI LIỆU NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
GỚI THIỆU VỀ QUYỀN CỎ ĐÔNG CỔ ĐÔNG
ĐẠI HỘI ĐÔNG CỔ ĐÔNG
HỘI ĐÔNG QUẢN TRỊ
BẢN GIÁM ĐỐC
THỦ KÝ CÔNG TY
MÔI TRƯỜNG KIỂM SOÁT
CÔNG BỐ THÔNG TIN
GAO DỊCH VỚI NGƯỜI CỎ LIÊN QUAN (GỎU)
CÓ TỨC
VÓN ĐIỀU LỆ

q) Trường hợp công ty nhận biết được sự kiện, thông tin làm ảnh hưởng đến giá chứng khoán của chính công ty, công ty phải xác nhận hoặc đính chính về sự kiện, thông tin đó.

r) Khi xảy ra các sự kiện khác có ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc tình hình quản trị của công ty.

s) Được chấp thuận hoặc hủy bỏ niêm yết tại sở giao dịch chứng khoán nước ngoài.

Công ty đại chúng niêm yết và quy mô lớn phải công bố thêm các thông tin sau:⁷⁷

- Quyết định tăng, giảm vốn điều lệ.
- Quyết định góp vốn đầu tư vào một tổ chức, dự án, vay, cho vay hoặc các giao dịch khác với giá trị từ 10% trở lên trên tổng tài sản của công ty tại báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét (căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất đối với trường hợp công ty đại chúng là công ty mẹ).
- Quyết định góp vốn có giá trị từ 50% trở lên vốn điều lệ của một tổ chức (xác định theo vốn điều lệ của tổ chức nhận vốn góp trước thời điểm góp vốn).

Công bố thông tin về giao dịch mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ: Trường hợp công ty đại chúng mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc bán cổ phiếu quỹ, công ty phải thực hiện công bố thông tin theo quy định pháp luật về việc mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ. Trường hợp công ty mua lại cổ phiếu của chính mình, sau khi thanh toán hết số cổ phiếu mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán giảm hơn 10% thì công ty phải thông báo cho tất cả các chủ nợ biết và công bố thông tin trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày hoàn tất nghĩa vụ thanh toán việc mua lại cổ phiếu.⁷⁸

Các thông tin công bố về giao dịch trọng yếu phải được lưu giữ dưới dạng văn bản và trang thông tin điện tử của công ty cũng như trên các hệ thống công bố thông tin của UBCKNN hoặc các sở giao dịch.⁷⁹ Ngoài ra, tại Thông tư 96 cũng quy định, khi công bố thông tin trọng yếu, công ty đại chúng phải nêu rõ sự kiện xảy ra, nguyên nhân, và các giải pháp khắc phục (nếu có).⁸⁰

⁷⁷ Điều 15, Thông tư 96/2020/TT-BTC.

⁷⁸ Khoản 3, Điều 13, Thông tư 96/2020/TT-BTC.

⁷⁹ Khoản 3 và 5b, Điều 4, Thông tư 96/2020/TT-BTC.

⁸⁰ Khoản 2, Điều 11, Thông tư 96/2020/TT-BTC.



THÔNG LỆ TỐT NHẤT

Các công ty cần có các thông tin sau về các giao dịch trọng yếu trong báo cáo thường niên:

- Danh sách tất cả các giao dịch trọng yếu được công ty ký kết trong năm báo cáo.
- Danh sách các giao dịch được coi là trọng yếu dựa trên định nghĩa trong Điều lệ Công ty.
- Các điều khoản chính của từng giao dịch trọng yếu.

10.4.5. Báo cáo Phát triển Bền vững

Cam kết của doanh nghiệp về phát triển bền vững, minh bạch, và tác động MT&XH có tương quan trực tiếp với kết quả kinh doanh và lợi nhuận lâu dài của công ty. Theo khuyến nghị tại Bộ Nguyên tắc Quản trị Công ty theo Thông lệ Tốt nhất của Việt Nam, thông tin MT&XH cần được chuẩn bị theo các tiêu chuẩn được chấp nhận trên toàn cầu, như các tiêu chuẩn do IIRC, GRI hoặc SASB ban hành, và phải được xác minh độc lập.⁸¹

Công ty đại chúng phải chuẩn bị và công bố tối thiểu các nội dung sau đây liên quan đến MT&XH trong báo cáo thường niên:⁸²

- Tác động môi trường của phát thải khí nhà kính và các sáng kiến và biện pháp của công ty để giảm thiểu phát thải khí nhà kính.
- Quản lý nguồn nguyên vật liệu.
- Tiêu thụ năng lượng và các biện pháp, sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả của công ty.
- Tiêu thụ nước, tái chế và tái sử dụng nước.
- Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường.
- Chính sách liên quan đến người lao động: số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động, đào tạo người lao động và chính sách lao động đảm bảo sức khỏe, an toàn, và phúc lợi.

⁸¹ Bộ Nguyên tắc Quản trị Công ty theo Thông lệ Tốt nhất của Việt Nam, Thông lệ Khuyến nghị 8.3.3.

⁸² Khoản 2, Điều 10, Thông tư 96/2020/TT-BTC.

GIỚI THIỆU
VỀ QUẢN TRỊ
CÔNG TY

CƠ CẤU
QUẢN TRỊ
CÔNG TY

TÀI LIỆU MỞI BỘ
VỀ QUẢN TRỊ
CÔNG TY

GIỚI THIỆU VỀ
QUYỀN CÒA
CƠ ĐỒNG

ĐẠI HỘI
ĐỒNG CỔ ĐÔNG

HỘI ĐỒNG
QUẢN TRỊ

BAN GIÁM ĐỐC

THỦ KÝ CÔNG TY

MÔI TRƯỜNG
KIỂM SÁT

CÔNG BỐ
THÔNG TIN

GIAO DỊCH VỚI
NGƯỜI CÒ LIÊN
QUAN (GOLU)

CỐ TỨC

VỐN ĐỀU LỆ

- Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương.
- Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN.

Công ty hoạt động trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm không bắt buộc phải báo cáo tác động môi trường, tiêu thụ nguyên vật liệu, năng lượng.



THÔNG LỆ TỐT NHẤT

- Việc công bố thông tin về bền vững phải nhất quán, có thể so sánh được, và đáng tin cậy, đồng thời bao gồm thông tin trọng yếu mang tính hồi cứu và hướng tới tương lai mà một nhà đầu tư hợp lý sẽ coi là quan trọng trong việc ra quyết định đầu tư hoặc biểu quyết.
- Thông tin về bền vững nên được coi là trọng yếu nếu thông tin đó có thể được kỳ vọng một cách hợp lý sẽ ảnh hưởng đến đánh giá của nhà đầu tư về giá trị của công ty. Nếu phù hợp với quy định pháp luật và công bố thông tin của quốc gia, việc đánh giá như vậy cũng có thể xem xét các vấn đề về bền vững có ý nghĩa quan trọng đối với các bên có quyền lợi liên quan chính của công ty hoặc ảnh hưởng của công ty đối với những rủi ro không thể đa dạng hóa.
- Các khuôn khổ công bố thông tin bền vững phải nhất quán với các tiêu chuẩn cốt lõi có chất lượng cao, dễ hiểu, có thể thi hành và được quốc tế chấp nhận, tạo điều kiện thuận lợi để đạt được sự tương đồng về thông tin bền vững giữa các thị trường.
- Việc quản trị và công bố thông tin về các vấn đề bền vững, báo cáo tài chính và các thông tin khác của công ty nên có tính kết nối.
- Nếu một công ty đặt ra mục tiêu hoặc chỉ tiêu liên quan đến bền vững một cách công khai, khung công bố thông tin phải đảm bảo số liệu có thể kiểm chứng được công bố để cho phép các nhà đầu tư đánh giá độ tin cậy và tiến độ đạt được mục tiêu hoặc chỉ tiêu đã công bố.
- Việc giảm dần các yêu cầu nên được xem xét đối với các chứng nhận đảm bảo hàng năm bởi một nhà cung cấp dịch vụ đảm bảo độc lập, có thẩm quyền và đủ điều kiện theo các tiêu chuẩn đảm bảo quốc tế chất lượng cao nhằm cung cấp đánh giá độc lập và khách quan về công bố thông tin bền vững của công ty.

(Nguồn: Bộ Nguyên tắc Quản trị Công ty G20/OECD)



THÔNG LỆ TỐT NHẤT

Mặc dù báo cáo kết quả tài chính có ý nghĩa quan trọng, báo cáo này không phải là chỉ số duy nhất về thành công và năng lực chống chịu. Việc cung cấp thông tin minh bạch về hoạt động quản lý và kết quả của công ty trong lĩnh vực ESG—bao gồm việc tích hợp những vấn đề ESG quan trọng trong chiến lược và hoạt động của công ty—có thể cung cấp hiểu biết có giá trị về chất lượng công tác hoạch định và bền vững lâu dài của công ty.

Lợi ích của việc công bố thông tin bao gồm cung cấp hiểu biết để cho phép các bên có quyền lợi liên quan:

- i. Hiểu được những ưu tiên và quan tâm chính của các bên có quyền lợi liên quan.
- ii. Đánh giá tốt hơn các rủi ro và cơ hội của công ty và cách thức quản lý hoặc theo đuổi những rủi ro và cơ hội này.
- iii. Đánh giá năng lực của công ty trong thực hiện chiến lược nhằm đạt được nhiều mục tiêu, cả về tài chính và phi tài chính.

Ngoài ra, việc công bố thông tin đầy đủ cho phép so sánh giữa các công ty và các ngành.

Việc công bố thông tin cởi mở và có trách nhiệm đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy lòng tin giữa nhiều bên có quyền lợi liên quan, bao gồm khách hàng và cộng đồng. Trong những ngành mà sự minh bạch đã tăng lên để giải quyết những rủi ro cụ thể, có bằng chứng cho thấy sự gia tăng trách nhiệm giải trình có thể mang lại tác động tích cực rộng rãi, nâng cao hiệu quả hoạt động và tạo điều kiện thuận lợi cho việc tiếp cận thị trường.

Những lợi thế của việc công bố thông tin ESG không chỉ giới hạn ở các công ty đại chúng lớn. Trong khi các doanh nghiệp vừa và nhỏ thường không có nghĩa vụ phải tuân thủ các tiêu chuẩn báo cáo bắt buộc, một số doanh nghiệp tự nguyện công bố thông tin. Ví dụ, việc báo cáo có thể giúp các doanh nghiệp vừa và nhỏ có vị thế tốt hơn để trở thành nhà cung cấp cho các công ty lớn. Khi các công ty đa quốc gia đang chịu áp lực ngày càng tăng về công tác báo cáo và quản lý rủi ro chuỗi cung ứng, họ yêu cầu các nhà cung cấp chính cũng phải báo cáo về chính sách và kết quả ESG.⁸³

(Nguồn: Sổ tay Hướng dẫn ESG của IFC)

⁸³ Intel, (tháng 5/2020), Trách nhiệm Công ty tại Intel, Báo cáo 2019-2020, <http://csrreportbuilder.intel.com/pdfbuilder/pdfs/CSR-2019-20-Full-Report.pdf>

- GỚI THIỆU VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
- CƠ CẤU QUẢN TRỊ CÔNG TY
- TÀI LIỆU NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
- GỚI THIỆU VỀ QUYỀN CỎA CỘNG ĐỒNG
- ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
- HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
- BAN GIÁM ĐỐC
- THU KẾ CÔNG TY
- MÔI TRƯỜNG KIỆM SỢI
- CÔNG BỐ THÔNG TIN
- GAO DI CHUYỂN NGƯỜI CỎ LIÊN QUAN (GỎ LI)
- CỎ TỨC
- VỎN ĐỂU LỆ

Hình 1: Mẫu Báo cáo Thường niên của IFC⁸⁴

NGUỒN LỰC. CHƯƠNG TRÌNH CÔNG BỐ THÔNG TIN & MINH BẠCH CỦA IFC – MẪU BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

1. CHIẾN LƯỢC

- Môi trường hoạt động
- Mô hình kinh doanh
- Chiến lược và mục tiêu chiến lược
- Phân tích và ứng phó với rủi ro
- Đánh giá tính trọng yếu
- Tham gia của các bên có quyền lợi liên quan
- Các chỉ số hoạt động chính

2. QUẢN TRỊ

- Cam kết về ESG
- Hội đồng Quản trị
- Môi trường kiểm soát
- Đối xử với cổ đông thiểu số
- Quản trị sự tham gia của các bên có quyền lợi liên quan

3. KẾT QUẢ

- Kết quả tài chính
- Nguồn lực tài chính
- Kết quả về phát triển bền vững
- Báo cáo về tài chính và phát triển bền vững
- Các chỉ số hoạt động chính
- Xác minh

⁸⁴ Phía sau Bảng Cân đối Kế toán, Bộ Công cụ của IFC về Minh bạch và Công bố Thông tin (2018).

KHUNG BÁO CÁO BỀN VỮNG QUỐC TẾ

Tiêu chuẩn Báo cáo Bền vững

Tháng 6/2023, Hội đồng Tiêu chuẩn Bền vững Quốc tế (ISSB) đã ban hành hai Tiêu chuẩn Công bố Thông tin về Phát triển Bền vững đầu tiên theo IFRS®, IFRS S1 Yêu cầu Chung về Công bố Thông tin Tài chính Liên quan đến Phát triển Bền vững và IFRS S2 Chuẩn mực Công bố Thông tin liên quan đến Khí hậu.⁸⁵ Các tiêu chuẩn này bao gồm bốn lĩnh vực cốt lõi: (1) Quản trị: quy trình quản trị, biện pháp kiểm soát và thủ tục mà công ty sử dụng để giám sát và quản lý các rủi ro và cơ hội liên quan đến phát triển bền vững, (2) Chiến lược: cách tiếp cận mà công ty sử dụng để quản lý các rủi ro và cơ hội liên quan đến phát triển bền vững, (3) Quản lý Rủi ro: quy trình mà công ty sử dụng để nhận dạng, đánh giá, ưu tiên và giám sát các rủi ro và cơ hội liên quan đến phát triển bền vững, và (4) Chỉ số và Mục tiêu: kết quả của công ty liên quan đến các rủi ro và cơ hội liên quan đến phát triển bền vững. Các công ty phải xem xét khả năng áp dụng các Tiêu chuẩn SASB⁸⁶ theo ngành khi áp dụng các Tiêu chuẩn Công bố Thông tin về Phát triển Bền vững IFRS. Các tiêu chuẩn sẽ được áp dụng kể từ ngày 01/01/2024.

Các khung báo cáo phát triển bền vững phổ biến khác bao gồm Tiêu chuẩn GRI, Khung Báo cáo Tích hợp (thuộc Quỹ IFRS), Khuyến nghị của Lực lượng Đặc nhiệm về Công bố Thông tin Tài chính liên quan đến khí hậu (TCFD) (thuộc Quỹ IFRS). Vui lòng tham khảo thêm tại

<https://www.ifcbeyondthebalancesheet.org/understanding-global-reporting-frameworks>.

Sáng kiến Báo cáo Toàn cầu (GRI) ban hành ba nhóm tiêu chuẩn báo cáo, cụ thể là Tiêu chuẩn Toàn cầu, Tiêu chuẩn Ngành, và Tiêu chuẩn Chủ đề.⁸⁷ Các tổ chức có thể sử dụng Tiêu chuẩn GRI để biên soạn báo cáo phát triển bền vững toàn diện theo những hướng dẫn này. Ngoài ra, họ có thể chọn các Tiêu chuẩn cụ thể hoặc một phần của những Tiêu chuẩn đó để chia sẻ thông tin mục tiêu với các đối tượng cụ thể, như công bố thông tin về tác động của biến đổi khí hậu cho nhà đầu tư và người tiêu dùng.

Các Tiêu chuẩn bao gồm việc công bố thông tin theo cách có cấu trúc để các tổ chức báo cáo về hoạt động và tác động. Việc công bố

⁸⁴ Phía sau Bảng Cân đối Kế toán, Bộ Công cụ của IFC về Minh bạch và Công bố Thông tin (2018).

⁸⁵ Nguồn: <https://www.ifrs.org/groups/international-sustainability-standards-board/>.

⁸⁶ <https://sasb.ifrs.org/>

⁸⁷ <https://www.globalreporting.org/media/wtaf14tw/a-short-introduction-to-the-gri-standards.pdf>

- GỚI THIỆU VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
- CƠ CẤU QUẢN TRỊ CÔNG TY
- TÀI LIỆU NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
- GỚI THIỆU VỀ QUYỀN CỎA CỐ ĐỒNG
- ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐỒNG
- HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
- BAN GIÁM ĐỐC
- THỦ KẾ CÔNG TY
- MÔI TRƯỜNG KIỂM SOÁT
- CÔNG BỐ THÔNG TIN
- GAO DI CHÚC VỚI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN (GGLU)
- CỐ TỨC
- VỐN ĐIỀU LỆ

thông tin này có thể bao gồm các yêu cầu, là các yếu tố báo cáo bắt buộc, và khuyến nghị, gợi ý nhưng không bắt buộc về thông tin hoặc hành động nhất định.

Tiêu chuẩn Toàn cầu GRI áp dụng cho tất cả các tổ chức và bao gồm GRI 1: Nền tảng 2021 (GRI 1), GRI 2: Công bố Thông tin Chung 2021 (GRI 2), và GRI 3: Các Chủ đề Trọng yếu 2021 (GRI 3).

Các Tiêu chuẩn Ngành GRI đang được xây dựng cho 40 ngành, bắt đầu từ những ngành có tác động lớn nhất, như dầu khí, nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản, và đánh bắt cá. Các Tiêu chuẩn xác định các chủ đề thường có tính trọng yếu đối với hầu hết các tổ chức trong một ngành cụ thể và khuyến nghị công bố thông tin liên quan để báo cáo về những chủ đề này.

Các Tiêu chuẩn Chủ đề GRI bao gồm công bố thông tin để cung cấp thông tin về các chủ đề, ví dụ như Tiêu chuẩn về chất thải, sức khỏe và an toàn nghề nghiệp, và thuế.

10.4.6. Bản cáo bạch

Việc phát hành chứng khoán ra công chúng chỉ có thể được thực hiện khi công ty đăng ký trước bản cáo bạch của mình với UBCKNN. Bản cáo bạch cung cấp những thông tin trọng yếu của công ty mà nhà đầu tư dựa vào đó để ra quyết định nhằm thu về mức lợi nhuận xứng đáng từ các khoản đầu tư. Bản cáo bạch cung cấp hình thức và đối tượng của đợt phát hành là cổ phiếu, trái phiếu hoặc các chứng khoán khác, đặc tính của khoản đầu tư và đặc tính rủi ro của đợt phát hành. Các nhà đầu tư phải nghiên cứu Bản cáo bạch trước khi quyết định mua chứng khoán.

10.5. Báo cáo Thường niên

Công ty đại chúng phải lập và công bố báo cáo thường niên trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày công bố báo cáo tài chính năm được kiểm toán nhưng không vượt quá 110 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính.⁸⁸

Thông tư số 96/2020/TT-BTC quy định chi tiết về các thông tin doanh nghiệp phải công bố trong báo cáo thường niên như sau:⁸⁹

⁸⁸ Khoản 2, Điều 10, Thông tư 96/2020/TT-BTC.

⁸⁹ Phụ lục IV, Thông tư 96/2020/TT-BTC.

1. Thông tin chung

- Tên đầy đủ của công ty, số giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, vốn điều lệ, vốn đầu tư của chủ sở hữu, địa chỉ kinh doanh, quá trình hình thành và phát triển.
- Ngành, nghề và địa bàn kinh doanh.
- Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh.
- Định hướng phát triển.
- Nêu các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh hoặc đối với việc thực hiện các mục tiêu của Công ty, trong đó có rủi ro về môi trường.

GỚI THIỆU
VỀ QUẢN TRỊ
CÔNG TY

CƠ CẤU
QUẢN TRỊ
CÔNG TY

TÀI LIỆU MỞ BÓ
VỀ QUẢN TRỊ
CÔNG TY

2. Tình hình hoạt động của công ty trong năm

- Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Tổ chức và nhân sự.
- Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án.
- Tình hình tài chính, và các chỉ tiêu tài chính chủ yếu.
- Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.
- Báo cáo tác động liên quan đến ESG của công ty.

GỚI THIỆU VỀ
QUYỀN CÒA
CƠ ĐỒNG

ĐẠI HỘI
ĐỒNG CỔ ĐÔNG

HỘI ĐỒNG
QUẢN TRỊ

3. Đánh giá của Ban Giám đốc

- Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Tình hình tài chính: tài sản và nợ phải trả.
- Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, và quản lý.
- Kế hoạch phát triển trong tương lai.
- Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về MT&XH của công ty.

BAN GIÁM ĐỐC

THƯ KÝ CÔNG TY

MÔI TRƯỜNG
KIỂM SÁT

4. Đánh giá của HĐQT

- Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm MT&XG.
- Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Giám đốc.
- Kế hoạch, định hướng của HĐQT.

CÔNG BỐ
THÔNG TIN

GIÁO DỤC VỚI
NGƯỜI CÒI LIÊN
QUAN (GOLU)

5. Quản trị công ty

- HĐQT: thành viên và cơ cấu HĐQT, các ủy ban thuộc HĐQT, hoạt động của các thành viên HĐQT độc lập.

CỐ TỨC

VỐN ĐIỀU LỆ

- Ban Kiểm soát/Ủy ban Kiểm toán: thành viên và cơ cấu BKS, hoạt động của các thành viên.
- Giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát/Ủy ban Kiểm toán.

6. Báo cáo tài chính

- Ý kiến kiểm toán.
- Báo cáo tài chính được kiểm toán.

Thông tin tài chính trong báo cáo thường niên phải tương ứng với thông tin trong báo cáo tài chính năm được kiểm toán của công ty.

Báo cáo thường niên phải được xác nhận bằng chữ ký của người đại diện theo pháp luật của công ty.

LDN yêu cầu công ty cổ phần, ngoài công ty đại chúng, phải công bố báo cáo thường niên đánh giá kết quả hoạt động của HĐQT và BKS.

Thư ký Công ty đóng vai trò chủ chốt trong việc chuẩn bị báo cáo thường niên và giám sát mọi khía cạnh công bố thông tin. Ngoài ra, các phòng ban nội bộ của công ty đóng vai trò nguồn thông tin đầu vào có giá trị cho việc lập báo cáo. Phụ lục của Chương nêu ra các khuyến nghị về các chủ thể nội bộ có thể đóng vai trò nguồn thông tin thiết yếu cho các cấu phần khác nhau của báo cáo, cùng với ví dụ về các câu hỏi liên quan cần cân nhắc trong quá trình lập báo cáo, được trích từ khung lập kế hoạch nội bộ cho công tác chuẩn bị báo cáo thường niên theo khuyến nghị của IFC.⁹⁰

Vượt trên các yêu cầu tuân thủ, thông lệ tốt nhất về công bố thông tin và minh bạch nên mô tả đặc điểm của báo cáo ESG và cách thức tích hợp những vấn đề đó trong chiến lược, văn hóa và quản lý rủi ro của công ty, và thông tin cần được xác minh và bảo đảm độc lập.

10.6. Trang Thông tin Điện tử của Công ty

Trang thông tin điện tử của công ty có thể là phương tiện truyền thông đặc biệt mạnh mẽ vì dễ dàng được công chúng tiếp cận với chi phí thấp. Ngày càng nhiều công ty Việt Nam sử dụng internet như một kênh công bố thông tin chính thức. Công ty cổ phần tối thiểu phải công bố các thông tin sau trên trang thông tin điện tử:⁹¹

- Điều lệ Công ty.
- Sơ yếu lý lịch, trình độ học vấn, và kinh nghiệm công tác của thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, TGĐ của công ty.
- Báo cáo tài chính hàng năm được ĐHCĐ thông qua.
- Báo cáo đánh giá kết quả hoạt động của HĐQT, BKS hàng năm.

Các công ty đại chúng được pháp luật yêu cầu phải thiết lập một trang thông tin điện tử.⁹² Công ty đại chúng phải lập trang thông tin điện tử khi thực hiện thủ tục đăng ký công ty đại chúng với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và công khai địa chỉ trang thông tin điện tử và mọi thay đổi liên quan đến địa chỉ này trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất việc lập trang thông tin điện tử hoặc khi thay đổi địa chỉ trang thông tin điện tử này. Trang thông tin điện tử phải hiển thị thời gian đăng tải thông tin, đồng thời phải đảm bảo nhà đầu tư có thể tìm kiếm và tiếp cận được các dữ liệu trên trang thông tin điện tử đó. Trang thông tin điện tử phải có ngành nghề kinh doanh và thông tin được công bố trên cổng thông tin Đăng ký Doanh nghiệp Quốc gia theo LDN và văn bản sửa đổi, bổ sung của LDN, có trang thông tin riêng về quan hệ với cổ đông (nhà đầu tư), trong đó có Điều lệ Công ty, quy chế công bố thông tin, quy chế quản trị công ty (nếu có), quy chế hoạt động của HĐQT, BKS (nếu có), bản cáo bạch (nếu có), thông tin công bố định kỳ hoặc bất thường và theo quy định⁹³. Thông tin này phải được lưu giữ và truy cập trên trang thông tin điện tử của công ty tối thiểu năm năm.⁹⁴

⁹² Khoản 2, Điều 7, Thông tư 96/2020/TT-BTC.

⁹³ Khoản 2, Điều 7, Thông tư 96/2020/TT-BTC.

⁹⁴ Khoản 5, Điều 4, Thông tư 96/2020/TT-BTC.

GIỚI THIỆU
VỀ QUẢN TRỊ
CÔNG TYCƠ CẤU
QUẢN TRỊ
CÔNG TYTÀI LIỆU NƠI BỐ
VỀ QUẢN TRỊ
CÔNG TYGIỚI THIỆU VỀ
QUYỀN CỦA
CƠ ĐỒNGĐẠI HỘI
ĐỒNG CƠ ĐỒNGHỘI ĐỒNG
QUẢN TRỊ

BAN GIÁM ĐỐC

THỦ KÝ CÔNG TY

MỐI TRƯỜNG
KIỂM SOÁTCÔNG BỐ
THÔNG TINGIAO DỊCH VỚI
NGƯỜI CÓ LIÊN
QUAN (GOLU)

CỐ TỨC

VỐN ĐIỀU LỆ



THÔNG LỆ TỐT NHẤT

Bộ Nguyên tắc Quản trị Công ty theo Thông lệ Tốt nhất của Việt Nam khuyến nghị:⁹⁵

- Công ty cần thiết lập và thường xuyên cập nhật các nội dung công bố trên trang thông tin điện tử của công ty. HĐQT của công ty niêm yết cần đảm bảo tất cả thông tin cung cấp qua trang thông tin điện tử của công ty được cung cấp bằng cả tiếng Việt và tiếng Anh.
- Công ty nên cho phép các nhà đầu tư và nhà phân tích đặt ra các câu hỏi liên quan đến hoạt động của Công ty. Điều này có thể được thực hiện thông qua các cuộc họp mở với nhà đầu tư/nhà phân tích, họp báo, họp ngắn dành cho nhà phân tích, hay theo các hình thức khác mà công ty cho phép và bảo đảm không vi phạm quy định cấm theo luật pháp/quy định niêm yết hiện hành.

10.7. Truyền thông Đại chúng

Các phương tiện báo cáo, công bố thông tin bao gồm: a) Trang thông tin điện tử (website) của tổ chức là đối tượng công bố thông tin; b) Hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước; c) Trang thông tin điện tử của Sở giao dịch chứng khoán, phương tiện công bố thông tin khác theo Quy chế của Sở giao dịch chứng khoán; d) Trang thông tin điện tử của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam; e) Các phương tiện thông tin đại chúng khác theo quy định pháp luật (báo in, báo điện tử,...).

Bên cạnh đó, các phương tiện truyền thông in ấn là một kênh bổ sung để công bố thông tin. Mặc dù việc sử dụng ấn bản có thể làm phát sinh thêm chi phí, đây là một kênh hợp pháp được công nhận để công bố thông tin. Nhiều công ty công bố thông tin về sản phẩm mới, hợp đồng lớn, giao dịch mua doanh nghiệp, kết quả tài chính, kế hoạch sản xuất, và phát hành chứng khoán trên các phương tiện truyền thông in ấn bên cạnh trang thông tin điện tử.

⁹⁵ Bộ Nguyên tắc Quản trị Công ty theo Thông lệ Tốt nhất của Việt Nam, Thông lệ Khuyến nghị 8.2.2 và 8.2.3.

⁹⁶ Khoản 1, Điều 7, Thông tư 96/2020/TT-BTC.

PHỤ LỤC CỦA CHƯƠNG

NGUỒN LỰC NỘI BỘ CHO BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, VÀ NHỮNG CÂU HỎI CHÍNH CẦN ĐẶT RA⁹⁷

Loại thông tin	Nguồn thông tin	Câu hỏi cần nghĩ tới
Chiến lược		
Mô hình kinh doanh	<ul style="list-style-type: none"> Chiến lược Hoạt động 	<ul style="list-style-type: none"> Doanh nghiệp làm gì, điều gì tạo ra sự khác biệt cho doanh nghiệp? Khách hàng, sản phẩm hoặc dịch vụ, hoặc quy trình kinh doanh của doanh nghiệp? Doanh nghiệp có mô hình kinh doanh rõ ràng không? Mô hình này có thể được mô tả và/hoặc trình bày rõ ràng trong một sơ đồ? Đầu vào, đầu ra và kết quả của các hoạt động của doanh nghiệp là gì? Các mối quan hệ chính của doanh nghiệp?
Môi trường kinh doanh	<ul style="list-style-type: none"> Chiến lược Hoạt động Phát triển bền vững 	<ul style="list-style-type: none"> Doanh nghiệp hoạt động ở đâu? Môi trường hoạt động nội bộ là gì? Môi trường bên ngoài là gì, và các xu hướng trong môi trường? Cấu trúc doanh nghiệp có liên quan thế nào đến môi trường của doanh nghiệp?
Mục tiêu chiến lược	<ul style="list-style-type: none"> Chiến lược Ban điều hành HĐQT Bền vững 	<ul style="list-style-type: none"> Doanh nghiệp hướng đến mục tiêu gì và dự định làm thế nào để đạt được điều đó? Doanh nghiệp làm thế nào để bảo tồn và tạo ra giá trị? Các mục tiêu ngắn và dài hạn là gì? KPI tài chính và phi tài chính nào được sử dụng để đảm bảo doanh nghiệp đang thực hiện chiến lược? Chiến lược đó đáp ứng môi trường kinh doanh như thế nào? Nói cách khác, tại sao chiến lược này là đúng đắn? Quản trị chiến lược là gì? HĐQT có liên quan như thế nào?
Phân tích và ứng phó với rủi ro	<ul style="list-style-type: none"> Quản lý rủi ro Ban điều hành HĐQT 	<ul style="list-style-type: none"> Những rủi ro cụ thể nào có thể ảnh hưởng đến khả năng tạo ra giá trị của doanh nghiệp trong ngắn hạn và dài hạn? Tại sao ban điều hành tin rằng đây là những rủi ro chính? Những rủi ro này được đánh giá như thế nào? Những rủi ro này được quản lý hoặc giảm thiểu như thế nào? Làm thế nào để doanh nghiệp thấy những rủi ro này thay đổi theo thời gian? Những rủi ro mới hoặc mới nổi được nhận dạng thế nào?
Cơ hội và rủi ro về phát triển bền vững	<ul style="list-style-type: none"> Phát triển bền vững Chiến lược Quản lý rủi ro Ban điều hành HĐQT 	<ul style="list-style-type: none"> Những vấn đề nào có ảnh hưởng đến hiệu quả tài chính, tác động xã hội/phát triển, danh tiếng, và giấy phép hoạt động? Những vấn đề nào có ảnh hưởng đến khả năng tạo ra giá trị của doanh nghiệp? Có quy trình để xác định những vấn đề này không? Nếu có, quy trình này cung cấp thông tin thế nào cho các ưu tiên của ban điều hành?

GIỚI THIỆU
VỀ QUẢN TRỊ
CÔNG TYCƠ CẤU
QUẢN TRỊ
CÔNG TYTÀI LIỆU NỘI BỘ
VE QUẢN TRỊ
CÔNG TYGIỚI THIỆU VỀ
CƠ CẤU
CƠ ĐỒNGĐẠI HỘI
ĐỒNG CỔ ĐÔNGHỘI ĐỒNG
QUẢN TRỊ

BAN GIÁM ĐỐC

THỦ KÝ CÔNG TY

MÔI TRƯỜNG
KIỂM SÁTCÔNG BỐ
THÔNG TINGIAO DỊCH VỚI
NGƯỜI CÓ LIÊN
QUAN (GOLU)

CỐ TỨC

VỐN ĐIỀU LỆ

⁹⁷ Phía sau Bảng Cân đối Kế toán, Bộ Công cụ của IFC về Minh bạch và Công bố Thông tin (2018): <https://www.ifc.org/content/dam/ifc/doc/mgrt/beyond-the-balance-sheet-ifc-toolkit-for-disclosure-transparency.pdf>

Loại thông tin	Nguồn thông tin	Câu hỏi cần nghĩ tới
Giới thiệu các Chỉ số Hoạt động Chính	<ul style="list-style-type: none"> Chiến lược Quản lý rủi ro Hoạt động 	<ul style="list-style-type: none"> KPI được chọn như thế nào? KPI có liên quan đến chiến lược của doanh nghiệp không? KPI có được sử dụng để đánh giá kết quả hoạt động? KPI có cho phép so sánh kết quả hoạt động theo thời gian và với doanh nghiệp tương tự không?
Quản trị công ty		
Lãnh đạo và Văn hóa	<ul style="list-style-type: none"> Ban điều hành HĐQT Chủ tịch HĐQT và Chủ tịch các Ủy ban 	<ul style="list-style-type: none"> Doanh nghiệp đại diện cho điều gì? Văn hóa doanh nghiệp được định nghĩa và tích hợp thế nào trong toàn doanh nghiệp? Giá trị của doanh nghiệp là gì? Công ty có những chính sách quản trị nào có liên quan? Những chính sách này được thực hiện như thế nào trên thực tế? Những lĩnh vực quản trị trọng tâm chính trong năm là lĩnh vực nào?
Cơ cấu và hoạt động của HĐQT	<ul style="list-style-type: none"> HĐQT Chủ tịch HĐQT và các Ủy ban, bao gồm Ủy ban Đề cử 	<ul style="list-style-type: none"> Quy trình bầu thành viên HĐQT như thế nào? Cơ cấu quản trị của doanh nghiệp như thế nào? Các ủy ban khác nhau của HĐQT bao gồm những ủy ban nào? Hiệu quả quản trị (hoặc hiệu quả hoạt động của HĐQT) có được đánh giá trong năm? HĐQT giám sát phát triển bền vững như thế nào?
Môi trường kiểm soát	<ul style="list-style-type: none"> Pháp chế và Tuân thủ Quản lý Rủi ro Kiểm soát Nội bộ Kiểm toán Nội bộ Ủy ban Kiểm toán hoặc Rủi ro 	<ul style="list-style-type: none"> Khẩu vị rủi ro của doanh nghiệp là gì? Có những hệ thống nào để đảm bảo tuân thủ? Môi trường kiểm soát trông như thế nào? Doanh nghiệp có sử dụng mô hình ba tuyến phòng vệ cho quản lý rủi ro, kiểm soát nội bộ, và kiểm toán nội bộ không? HĐQT giám sát mô hình này như thế nào và có trách nhiệm giải trình thế nào? Các đơn vị kiểm toán độc lập có đề xuất gì để cải thiện môi trường kiểm soát?
Đối xử với cổ đông thiểu số	<ul style="list-style-type: none"> Tài chính và Kế toán Pháp chế và Tuân thủ Ủy ban Lương thưởng 	<ul style="list-style-type: none"> Ai sở hữu doanh nghiệp? Doanh nghiệp được kiểm soát như thế nào? Có quyền sở hữu gián tiếp đáng kể không? Có cổ đông nào nắm quyền kiểm soát chi phối không? Những cổ đông đó là ai và có vai trò gì? Có chính sách kế nhiệm không? Cổ đông thiểu số có những quyền gì, bao gồm quyền trong quá trình thay đổi kiểm soát? Chính sách thù lao như thế nào? Thù lao dành cho HĐQT và lãnh đạo cấp cao trong năm vừa qua? Thù lao có gắn với chiến lược không? Có gắn với kết quả hoạt động không? Chính sách về giao dịch với bên liên quan như thế nào? Giao dịch đáng kể đã được ký kết hoặc vẫn còn hiệu lực trong kỳ báo cáo?

Loại thông tin	Nguồn thông tin	Câu hỏi cần nghĩ tới
Quản trị sự tham gia của các bên có quyền lợi liên quan	<ul style="list-style-type: none"> • Phát triển Bền vững • HĐQT • Chiến lược 	<ul style="list-style-type: none"> • Các bên có quyền lợi liên quan của doanh nghiệp bao gồm những đối tượng nào và hoạt động của doanh nghiệp có ảnh hưởng gì đến họ? • Các vấn đề lo ngại của các bên có quyền lợi liên quan được tích hợp như thế nào trong chiến lược? • Quy trình quản lý các vấn đề lo ngại của các bên có quyền lợi liên quan là quy trình gì, kể cả cơ chế khiếu nại và truyền thông ra bên ngoài? • Vai trò của HĐQT là gì?
Tình hình tài chính và kết quả hoạt động		
Kết quả hoạt động	<ul style="list-style-type: none"> • Ban điều hành • HĐQT • Chiến lược • Tài chính và Kế toán • Phát triển Bền vững • Quản lý rủi ro 	<ul style="list-style-type: none"> • Kết quả hoạt động và tài chính của công ty là gì? • Có những xu hướng quan trọng nào thúc đẩy kết quả hoạt động và tài chính, bao gồm nhu cầu đầu tư, tài sản vô hình và bền vững? • Kết quả phi tài chính của công ty là gì, kể cả kết quả về quản lý rủi ro và cơ hội phát triển bền vững? • Các khía cạnh khác nhau của kết quả hoạt động (tài chính, hoạt động, phát triển bền vững) có liên kết thế nào với nhau? • Mục tiêu kết quả hoạt động trong tương lai và triển vọng cho kết quả hoạt động trong tương lai là gì?
Báo cáo Tài chính	<ul style="list-style-type: none"> • Kế toán và Tài chính • Pháp chế và Tuân thủ • Ủy ban Kiểm toán và/hoặc Tài chính • Đơn vị Kiểm toán Độc lập 	<ul style="list-style-type: none"> • Có những yêu cầu nào trong nước đối với báo cáo tài chính và kiểm toán? • Chuẩn mực kế toán nào cần được tuân thủ, cả trong nước và quốc tế? • Những thông tin tài chính bổ sung nào cần có hoặc được khuyến nghị cho ngành? • Hoạt động kinh doanh được phân đoạn thế nào? • Kết quả của kiểm toán độc lập là gì?
Báo cáo Phát triển Bền vững	<ul style="list-style-type: none"> • Ban điều hành • HĐQT • Phát triển Bền vững • Chiến lược • Tài chính và Kế toán 	<ul style="list-style-type: none"> • Doanh nghiệp theo dõi hàng năm đối với những chỉ số xuyên suốt, chỉ số cụ thể theo ngành, và chỉ số cụ thể theo doanh nghiệp nào? • Có thể trình bày dữ liệu có giá trị nhiều hơn một năm để so sánh không? • Những chuẩn mực báo cáo/kế toán nào nên được sử dụng? Liệu có thể thực hiện kiểm toán không? • Cần những chú thích nào để đảm bảo rằng dữ liệu dễ hiểu và có thể so sánh?

GIỚI THIỆU
VE QUẢN TRỊ
CÔNG TYCƠ CẤU
QUẢN TRỊ
CÔNG TYTÀI LIỆU NỘI BỘ
VE QUẢN TRỊ
CÔNG TYGIỚI THIỆU VE
QUẢN TRỊ
CƠ ĐỒNGĐẠI HỘI
ĐỒNG CỔ ĐÔNGHỘI ĐỒNG
QUẢN TRỊ

BAN GIÁM ĐỐC

THỦ KẾ CÔNG TY

MỘT TRƯỞNG
KIỂM SOÁTCÔNG BỐ
THÔNG TINGIAO DỊCH VỚI
NGƯỜI CÓ LIÊN
QUAN (GOLU)

CỐ TỨC

VỐN ĐIỀU LỆ

NOTES

A series of horizontal dashed lines for writing notes.

CHƯƠNG 11

GIAO DỊCH VỚI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

11 | GIAO DỊCH VỚI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN (GDLQ)



Mục lục

11.1. Định nghĩa GDLQ	475
11.2. Phê duyệt GDLQ	480
11.3. Nhận biết GDLQ	486
11.4. Yêu cầu về Công bố Thông tin	486
11.5. GDLQ bị vô hiệu	489
11.6. Trách nhiệm khi Vi phạm Quy định	491

GIỚI THIỆU
VE QUẢN TRỊ
CÔNG TYCƠ CẤU
QUẢN TRỊ
CÔNG TYTÀI LIỆU NỘI BỘ
VE QUẢN TRỊ
CÔNG TYGIỚI THIỆU VE
QUẢN TRỊ CỦA
CƠ ĐỒNGĐẠI HỘI
ĐỒNG CỔ ĐÔNGHỘI ĐỒNG
QUẢN TRỊ

BAN GIÁM ĐỐC

THỦ KÝ CÔNG TY

MỘT TRƯỞNG
KHIỂM SÁTCÔNG BỐ
THÔNG TINGIAO DỊCH VỚI
NGƯỜI CÓ LIÊN
QUAN (GDLQ)

CỐ TỨC

VỐN ĐIỀU LỆ



Những vấn đề Chủ tịch HĐQT cần lưu ý:

- Công ty có quy trình chính thức để xác định và công bố thông tin về giao dịch với người có liên quan (GDLQ) không?
- Có chính sách nào được áp dụng để giải quyết và quản lý xung đột lợi ích có thể phát sinh trong quá trình xem xét hoặc phê duyệt GDLQ không?
- Công ty có thực hiện đánh giá hoặc rà soát định kỳ về hiệu quả của quy trình và biện pháp kiểm soát áp dụng để xử lý GDLQ không?
- Công ty có tổng hợp và coi các giao dịch tương tự với một cá nhân hoặc tổ chức có liên quan như một giao dịch khi đánh giá các ngưỡng trọng yếu không, kể cả khi các giao dịch riêng lẻ ở dưới ngưỡng tối thiểu?
- Có cơ chế báo cáo thường xuyên cho Hội đồng Quản trị (HĐQT) và cổ đông về tổng giá trị các giao dịch liên quan đến tất cả các bên liên quan và chi tiết bất kỳ khoản xóa nợ nào liên quan đến GDLQ không?
- HĐQT có đảm bảo người có liên quan công bố đầy đủ các lợi ích của họ trong các giao dịch với công ty không? Người có liên quan có từ chối tham gia thảo luận và thông qua các giao dịch này?
- HĐQT có đảm bảo tuân thủ tất cả các yêu cầu pháp luật liên quan đến việc thông qua GDLQ không? Thành viên HĐQT độc lập đóng vai trò gì trong GDLQ?
- HĐQT có áp dụng đầy đủ các biện pháp công bố thông tin về người có liên quan và GDLQ không?
- Tất cả các thành viên HĐQT có hiểu được trách nhiệm của họ đối với việc vi phạm các thủ tục phê duyệt GDLQ không?
- Công ty truyền đạt thông tin về các GDLQ quan trọng cho cổ đông như thế nào, và có những cơ chế nào để cổ đông phản hồi và chấp thuận?
- Có chương trình đào tạo chính thức nào dành cho thành viên HĐQT để bảo đảm họ luôn được cập nhật về các hoạt động quản trị thường xuyên biến đổi không, đặc biệt là liên quan đến GDLQ?
- Công ty sử dụng Kiểm toán Độc lập như thế nào trong việc rà soát và đánh giá sự trung thực của GDLQ và tác động của những giao dịch này đối với báo cáo tài chính?

- ☑ Công ty quản lý hồ sơ hoặc cơ sở dữ liệu liên quan đến GDLQ như thế nào, và các bên có quyền lợi liên quan có thể tiếp cận những thông tin này bằng thế nào?
- ☑ Quản lý rủi ro, tuân thủ, và kiểm toán nội bộ góp phần giám sát GDLQ như thế nào, và HĐQT thực hiện những bước nào để giám sát chức năng tổ giác, đặc biệt đối với GDLQ?

GDLQ có sự tham gia của các bên là người nội bộ hoặc có liên quan đến công ty, như thành viên HĐQT, người quản lý, cổ đông lớn, hoặc người có liên quan của những đối tượng này. Một số GDLQ có mục đích hợp pháp và có thể được tiến hành một cách công bằng, một số giao dịch khác thì không. Dù thế nào thì những giao dịch này dễ bị lạm dụng và cần được đặc biệt chú ý vì có thể làm giảm giá trị của công ty và làm giảm quyền lợi của cổ đông. Pháp luật quy định chi tiết các thủ tục nhằm hạn chế các đối tượng trong nội bộ công ty tham gia GDLQ và góp phần đảm bảo sự công bằng khi thực hiện GDLQ.

Chương này xem xét các khuôn khổ pháp luật và quy định điều chỉnh GDLQ tại Việt Nam, và so sánh những khuôn khổ này với thông lệ quốc tế tốt nhất. Thảo luận này có mục tiêu minh họa cách thức công ty Việt Nam áp dụng để tuân thủ các tiêu chuẩn quản trị chặt chẽ và bảo vệ quyền lợi của cổ đông trong các sự kiện lớn của công ty.

11.1. Định nghĩa GDLQ

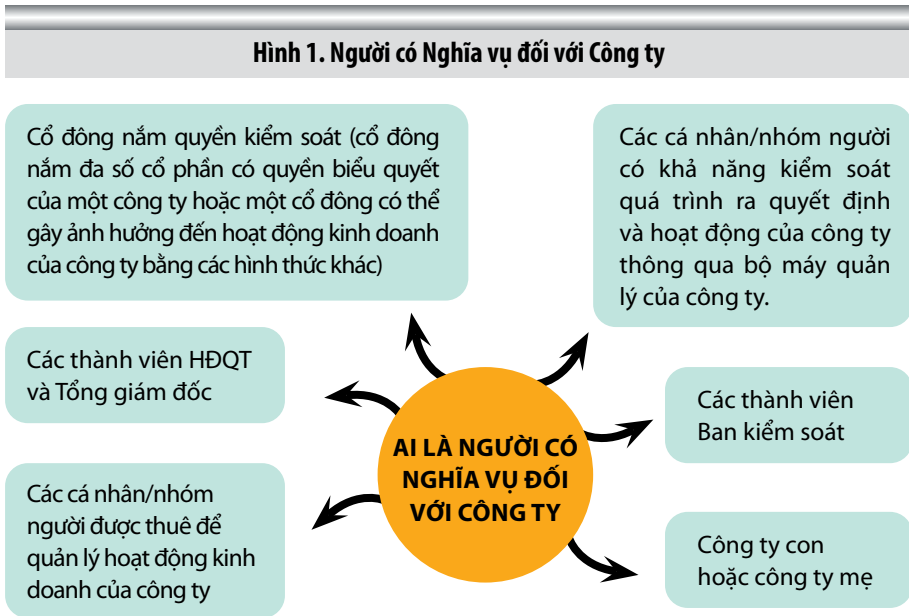
GDLQ không chỉ diễn ra giữa một bên là công ty với thành viên HĐQT, người quản lý, và cổ đông lớn của công ty, mà còn diễn ra giữa các công ty trong cùng tập đoàn (cơ cấu sở hữu), trong đó thường xảy ra giao dịch giữa công ty mẹ và các công ty con. Nói cách khác, GDLQ là giao dịch được thực hiện giữa những người có liên quan của công ty.

Để xem xét một giao dịch có được coi là GDLQ hay không, mỗi bên tham gia vào giao dịch phải xem xét xem có tồn tại hai điều kiện sau hay không:

- a) *Người Có thể có Liên quan - Những người có Nghĩa vụ đối với Công ty và những Người có Liên quan của họ*

- GỚI THIỆU VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
- CƠ CẤU QUẢN TRỊ CÔNG TY
- TÀI LIỆU NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
- GỚI THIỆU VỀ QUYỀN LỢI CỦA CỔ ĐÔNG
- ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
- HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
- BAN GIÁM ĐỐC
- THỦ KẾ CÔNG TY
- MỘT SỐ TRƯỜNG KIỆM SƠ T
- CÔNG BỐ THÔNG TIN
- GIAO DỊCH VỚI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN (GDLQ)
- CỐ TỨC
- VỐN ĐỀU LỆ

Một vài đối tượng có thể được coi là có liên quan với công ty nếu họ có những vai trò nhất định trong một giao dịch. Tại Việt Nam, người có liên quan là cá nhân, tổ chức có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với doanh nghiệp.¹ Những người có liên quan như vậy được trình bày tại Hình 1.



Bên cạnh những người có nghĩa vụ đối với công ty như trên, những người có thể có liên quan cũng có thể bao gồm thành viên trong gia đình của những đối tượng trên (người có quan hệ gia đình). Thành viên gia đình của người có nghĩa vụ đối với công ty bao gồm vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu, anh ruột của vợ, anh ruột của chồng, chị ruột của vợ, chị ruột của chồng, em ruột của vợ, em ruột của chồng.

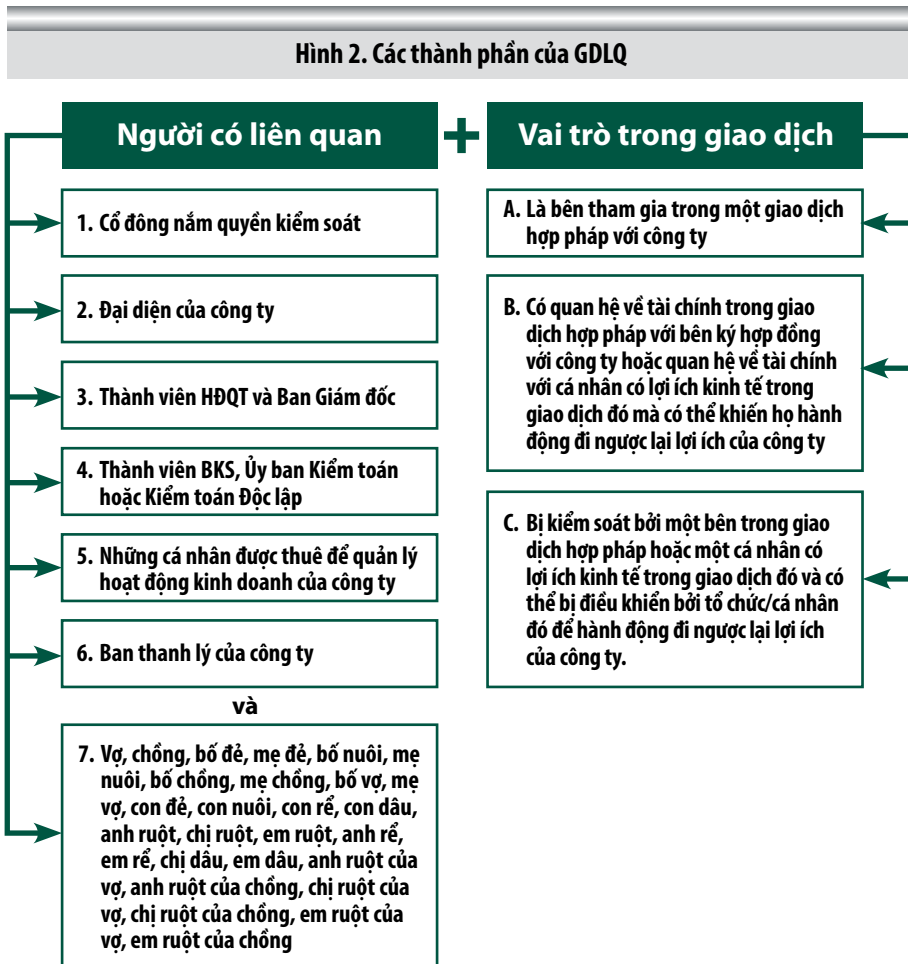
b) Người có Liên quan tham gia Giao dịch

Với mục đích xác định GDLQ, các bên được xác định trong phần trước phải tham gia vào giao dịch với công ty và thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

¹ Khoản 23, Điều 4, LDN.

- Tham gia với tư cách là một bên trong giao dịch hợp pháp với công ty.
- Có quan hệ về tài chính trong giao dịch hợp pháp với bên ký hợp đồng với công ty hoặc có quan hệ về tài chính với một cá nhân có lợi ích kinh tế trong giao dịch đó mà có thể khiến họ hành động đi ngược lại lợi ích của công ty.
- Bị kiểm soát bởi một bên trong giao dịch hợp pháp hoặc một cá nhân có lợi ích kinh tế trong giao dịch đó và có thể bị điều khiển bởi tổ chức/ cá nhân đó để hành động đi ngược lại lợi ích của công ty.

Hình 2 mô tả các thành phần phải có trong một GDLQ.



Để xác định một giao dịch có phải là GDLQ hay không, cần phải có một bên như đề cập tại cột bên trái của Hình 2 tham gia vào giao dịch với các vai trò như được trình bày tại cột bên phải của Hình 2. Trên thực tế, điều này đồng nghĩa với việc công ty phải lập một danh sách người có liên quan và thường xuyên kiểm tra xem liệu các đối tượng này (các mục từ 1 đến 6 cột bên trái Hình 2) hoặc những người có liên quan của họ (mục 7 cột bên trái Hình 2) có tham gia vào từng giao dịch do công ty thực hiện như đề cập tại các mục A đến C cột bên phải của Hình 2 hay không.



THÔNG LỆ TỐT NHẤT

Các Nguyên tắc Quản trị Công ty của G20/OECD đưa ra định nghĩa chung về người có liên quan bao gồm các đơn vị thực hiện kiểm soát hoặc cùng chịu kiểm soát với công ty, cùng với các cổ đông lớn bao gồm thành viên trong gia đình họ và những người nắm giữ các vị trí quản lý chủ chốt.²

Chuẩn mực Kế toán Quốc tế (IAS) số 24 đưa ra định nghĩa chi tiết hơn, theo đó các bên được coi là người có liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát bên kia hoặc có ảnh hưởng đáng kể hoặc đồng kiểm soát đối với bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động.³ Một bên được coi là có liên quan với một công ty nếu:

1. Trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hay nhiều trung gian:
 - Có quyền kiểm soát công ty đó, hoặc bị kiểm soát bởi công ty đó hoặc cả hai công ty cùng chịu một sự kiểm soát của một công ty khác (bao gồm công ty mẹ, công ty con và các công ty con trong cùng tập đoàn).
 - Có sở hữu vốn trong công ty dẫn đến việc có ảnh hưởng đáng kể tới công ty đó.
 - Có quyền đồng kiểm soát đối với công ty đó.
2. Là công ty liên kết của công ty đó (như định nghĩa tại IAS số 28 - Đầu tư vào công ty liên kết).⁴
3. Là một bên liên doanh trong một công ty liên doanh với công ty đó (xem IAS 31 Đầu tư vào công ty liên doanh).⁵

² Các Nguyên tắc Quản trị Công ty G20/OECD 2015, Trang 50.

³ Xem thêm: website của Chuẩn mực kế toán quốc tế tại <http://www.iasplus.com/standard/ias24.htm>

⁴ Xem thêm: website của Chuẩn mực kế toán quốc tế tại <http://www.iasb.org/NR/rdonlyres/8E1664C6-AD47-4B84-A8D7-88476F1D83AC/0/IAS28.pdf>

⁵ Xem thêm: website của Chuẩn mực kế toán quốc tế tại <http://www.iasb.org/NR/rdonlyres/13E1409D-1100-4AF5-A7D9-B5AC69E40CB1/0/IAS31.pdf>

4. Là cán bộ quản lý chủ chốt của công ty đó hoặc của công ty mẹ của công ty đó.
5. Là thành viên mật thiết trong gia đình của cá nhân được nêu ở mục (1) hoặc (4) trên đây.
6. Là một tổ chức chịu sự kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc bị chi phối đáng kể một cách trực tiếp hoặc gián tiếp bởi các cá nhân nêu ở mục (4) hoặc (5) trên đây.
7. Hiện đang cung cấp kế hoạch quỹ phúc lợi nghỉ hưu/nghỉ việc cho nhân viên của công ty đó hoặc cho nhân viên của một người có liên quan của công ty đó.

Đồng thời, IAS số 24 cũng nêu rõ các trường hợp sau đây không được coi là người có liên quan:

- Hai công ty chỉ đơn giản có chung một thành viên HĐQT hoặc chung người quản lý chủ chốt.
- Hai công ty đồng kiểm soát một liên doanh.
- Nhà cung cấp tài chính, công đoàn, các đơn vị cung cấp dịch vụ công cộng, các cơ quan quản lý nhà nước, hay các tổ chức có quan hệ giao dịch thông thường với công ty.
- Một khách hàng, nhà cung cấp, tổ chức nhượng quyền thương mại, nhà phân phối hay các tổng đại lý đơn lẻ mà doanh nghiệp tiến hành một khối lượng lớn giao dịch một cách bất đắc dĩ bởi bị phụ thuộc về lý do kinh tế.

Cuối cùng, Báo cáo số 57 của Ban soạn thảo Chuẩn mực Kế toán (FASB) đã kết luận người có liên quan bao gồm công ty thành viên của một công ty, các quỹ đầu tư tín thác được lập ra phục vụ lợi ích của nhân viên, chủ doanh nghiệp và các thành viên trong gia đình họ, các đơn vị đầu tư của công ty hiện đang được hạch toán khoản mục đầu tư theo phương pháp kế toán vốn chủ sở hữu, các thành viên ban giám đốc, các cổ đông lớn hoặc các đối tượng khác có khả năng gây ảnh hưởng đến chính sách của công ty.

GỚI THIỆU
VE QUẢN TRỊ
CÔNG TY

CƠ CẤU
QUẢN TRỊ
CÔNG TY

TÀI LIỆU NỘI BỘ
VE QUẢN TRỊ
CÔNG TY

GỚI THIỆU VE
QUYỀN CỦA
CƠ ĐỒNG

ĐẠI HỘI
ĐỒNG CỔ ĐÔNG

HỘI ĐỒNG
QUẢN TRỊ

BAN GIÁM ĐỐC

THỦ KÝ CÔNG TY

MỐI TRƯỜNG
KIỂM SOÁT

CÔNG BỐ
THÔNG TIN

GAO DỊCH VỚI
NGƯỜI CÓ LIÊN
QUAN (GOLU)

CỐ TỨC

VỐN ĐIỀU LỆ



THÔNG LỆ TẠI CÁC QUỐC GIA KHÁC:

GDLQ khá phổ biến trong hoạt động của các công ty thuộc cùng tập đoàn, như giữa công ty mẹ và công ty con. Nếu công ty mẹ nắm quyền kiểm soát công ty con, có thể xảy ra rủi ro công ty mẹ sẽ sử dụng công ty con cho mục tiêu kinh doanh riêng của công ty mẹ, mà không quan tâm đến khả năng tài chính dài hạn của công ty con. Trong trường hợp này, các chủ nợ và cổ đông của cả công ty mẹ và công ty con bị đẩy vào rủi ro mà không nhận biết được.

- Rủi ro xảy ra cho các chủ nợ của công ty con là rất rõ ràng, nhưng rủi ro cũng xảy ra cả với các chủ nợ của công ty mẹ vì việc công ty con mất khả năng thanh toán cũng có thể gây tổn hại lớn đến sự sống còn của công ty mẹ
- Các cổ đông cũng chịu rủi ro cho dù vị trí của các cổ đông ở công ty con sẽ yếu hơn so với công ty mẹ. Một mặt, cổ đông của công ty con thường được hưởng lợi từ hoạt động kinh doanh của công ty mẹ. Mặt khác, họ phải đóng góp vào quỹ dự phòng của công ty mẹ cho những thiệt hại của chính công ty con.

11.2. Phê duyệt GDLQ

GDLQ phải được phê duyệt và thực hiện theo cách đảm bảo quản lý tốt xung đột lợi ích và bảo vệ lợi ích của công ty và cổ đông của công ty.⁶ Theo quy định của Luật Doanh nghiệp (LDN), các hợp đồng và giao dịch với người có liên quan giữa công ty với một trong các đối tượng sau phải được phê duyệt bởi Đại hội Đồng Cổ đông (ĐHĐCĐ) hoặc HĐQT chấp thuận:⁷

- Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của công ty và người có liên quan của họ.
- Thành viên HĐQT, TGD, và người có liên quan của họ.
- Công ty thuộc sở hữu của thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, TGD và người quản lý khác hoặc công ty mà người có liên quan của thành viên

⁶ Bộ Nguyên tắc Quản trị Công ty theo Thông lệ Tốt nhất của Việt Nam, Nguyên tắc 9.5.

⁷ Điều 167, LDN.

⁸ Khoản 2, Điều 164, LDN.

⁹ Khoản 2, Điều 167, LDN và Điều 12, Thông tư 116/2020/TT-BTC, Điều lệ HĐQT.

HĐQT, Kiểm soát viên, TGDĐ và người quản lý khác sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp trên 10% vốn điều lệ, được kê khai theo yêu cầu tại Khoản 2, Điều 164, LDN.⁸

a) Chấp thuận của HĐQT

HĐQT phải phê chuẩn tất cả các GDLQ có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất hoặc một tỷ lệ hoặc giá trị khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ Công ty.⁹

Quy trình thực hiện:¹⁰

- Người đại diện công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên HĐQT, Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch.
- HĐQT quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, trừ trường hợp Điều lệ Công ty quy định một thời hạn khác.
- Thành viên HĐQT có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

b) Chấp thuận của ĐHĐCĐ

ĐHĐCĐ chấp thuận các GDLQ sau: ¹¹

- Hợp đồng, giao dịch có giá trị lớn hơn hoặc bằng 35% tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất.
- Hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.

Quy trình thực hiện:¹²

- Người đại diện công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho HĐQT và Kiểm soát viên về đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch.

¹⁰ Khoản 2, Điều 167, LDN và Điều 12, Thông tư 116/2020/TT-BTC, Điều lệ HĐQT.

¹¹ Khoản 3, Điều 167, LDN

¹² Khoản 4, Điều 167, LDN

GỚI THIỆU
VỀ QUẢN TRỊ
CÔNG TY

CƠ CẤU
QUẢN TRỊ
CÔNG TY

TÀI LIỆU NỘI BỘ
VỀ QUẢN TRỊ
CÔNG TY

GỚI THIỆU VỀ
QUYỀN CỎ ĐÔNG
CỔ ĐÔNG

ĐẠI HỘI
ĐÔNG CỔ ĐÔNG

HỘI ĐỒNG
QUẢN TRỊ

BAN GIÁM ĐỐC

THỦ KÝ CÔNG TY

MÔI TRƯỜNG
KIỂM SOÁT

CÔNG BỐ
THÔNG TIN

GIAO DỊCH VỚI
NGƯỜI CÓ LIÊN
QUAN (GDLQ)

CỐ TỨC

VỐN ĐIỀU LỆ

- HĐQT trình dự thảo hợp đồng, giao dịch hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của hợp đồng, giao dịch tại cuộc họp ĐHĐCĐ hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.
- Cổ đông có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết;
- Hợp đồng, giao dịch được chấp thuận khi được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, hoặc số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản,¹³ trừ trường hợp Điều lệ Công ty có quy định khác.



THÔNG LỆ TỐT NHẤT

Bộ Nguyên tắc Quản trị Công ty theo Thông lệ Tốt nhất của Việt Nam¹⁴ khuyến nghị:

- HĐQT cần phải đảm bảo các giao dịch với người có liên quan được thực hiện theo thông lệ thị trường ở tất cả các khía cạnh (ví dụ: giá cả, thời hạn, bảo lãnh và các điều khoản chung). Tất cả GDLQ phát sinh phải được xem xét và phê duyệt/phủ quyết nghiêm ngặt theo phân quyền đã được quy định và phải được công bố một cách phù hợp.
- Thành viên HĐQT và cán bộ quản lý cấp cao cần phải công khai cho HĐQT biết họ có lợi ích đáng kể nào trong bất kỳ giao dịch hay vấn đề gì ảnh hưởng trực tiếp tới công ty hay không, cho dù là trực tiếp, gián tiếp hay thay mặt cho bên thứ ba.
- Trong trường hợp GDLQ có quy mô lớn hoặc có thể có ảnh hưởng lớn đối với định hướng chiến lược hoặc cơ cấu vốn của công ty, cổ đông phải có quyền thông qua GDLQ.

Quy trình phê duyệt bảo đảm rằng tất cả các GDLQ đều được phê duyệt phù hợp. Hình 3 minh họa ví dụ về quy trình phê duyệt đề xuất cho các ngân hàng thương mại tại Việt Nam, trích từ Sổ tay Hướng dẫn dành cho các Ngân hàng Thương mại Việt Nam về Giao dịch với Bên liên quan do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và IFC xuất bản.

¹³ Khoản 1 và 2, Điều 148, LDN

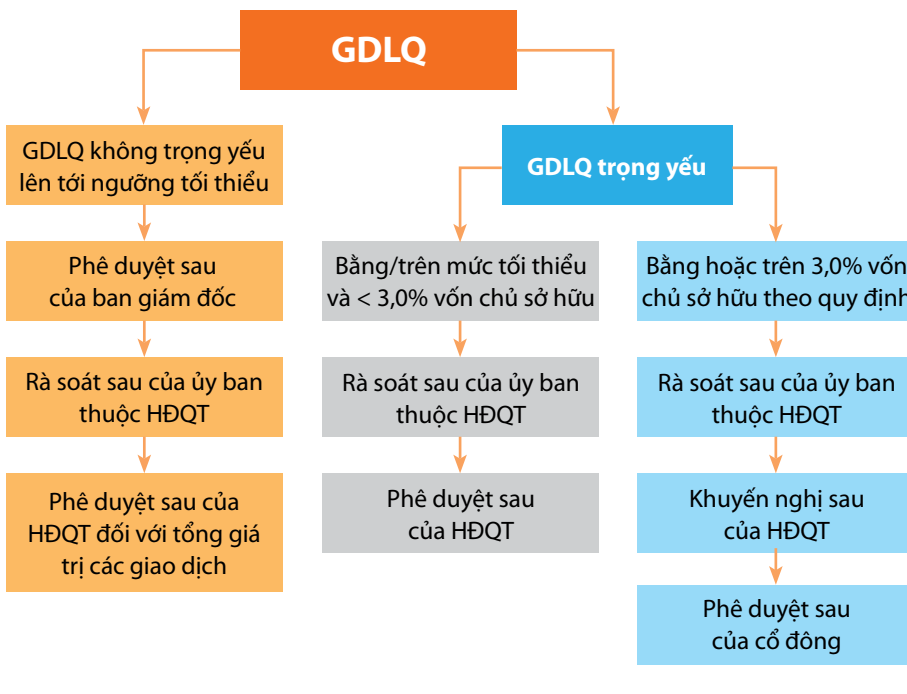
¹⁴ Bộ Nguyên tắc Quản trị Công ty theo Thông lệ Tốt nhất, Nguyên tắc 9.5.

Theo Sổ tay Hướng dẫn, tất cả thông tin về các bên liên quan và GDLQ nên được báo cáo cho HĐQT. Cơ quan quản lý nên đặt ra quy định ở ngưỡng phê duyệt ở ngưỡng tối thiểu (de minimis) thấp đối với mỗi GDLQ đơn lẻ hoặc tổng giá trị các GDLQ với cùng một bên liên quan, mà dưới ngưỡng này ban giám đốc được phép (không) phê duyệt trước, sau đó báo cáo lên HĐQT xin phê duyệt tổng thể và phải được HĐQT phê duyệt sau đó. Sổ tay Hướng dẫn cũng gợi ý rằng các công ty nên chọn đặt mức “de minimis” thấp, thấp hơn bất kỳ mức nào theo quy định của cơ quan quản lý để thể hiện cam kết kiểm soát GDLQ.

GDLQ trọng yếu là những GDLQ có giá trị lớn hơn, bằng hoặc cao hơn ngưỡng tối thiểu, phải tuân thủ quy trình ra quyết định và (không) phê duyệt trước nghiêm ngặt của HĐQT và/hoặc cổ đông.

Trên thực tế, khuôn khổ này bảo đảm để tất cả các GDLQ được HĐQT phê duyệt, hoặc khuyến nghị, sau hoặc trước. Một số giao dịch lớn hơn và trọng yếu hơn sẽ yêu cầu có chấp thuận của cổ đông.

Hình 3: Quy trình Phê duyệt GDLQ dành cho Ngân hàng



GIỚI THIỆU
VE QUẢN TRỊ
CÔNG TY

CƠ CẤU
QUẢN TRỊ
CÔNG TY

TÀI LIỆU NỘI BỘ
VE QUẢN TRỊ
CÔNG TY

GIỚI THIỆU VE
QUẢN TRỊ
CƠ ĐỒNG

ĐẠI HỘI
ĐỒNG CỔ ĐÔNG

HỘI ĐỒNG
QUẢN TRỊ

BAN GIÁM ĐỐC

THỦ TỤC CÔNG TY

MÔI TRƯỜNG
KIỂM SOÁT

CÔNG BỐ
THÔNG TIN

GAO DỊCH VỚI
NGƯỜI CÒN LIÊN
QUAN (GDLQ)

CỐ TỤC

VỐN ĐIỀU LỆ

c) Thông tin Cần thiết để ra Quyết định Phê duyệt GDLQ

Luật pháp quy định người nội bộ của công ty đại chúng và người có liên quan của các đối tượng này phải báo cáo UBCKNN và sở giao dịch chứng khoán trước khi thực hiện giao dịch mua/bán chứng khoán của công ty niêm yết, kể cả giao dịch chuyển nhượng không thông qua hệ thống giao dịch tại sở giao dịch chứng khoán (như các giao dịch cho hoặc được cho, tặng hoặc được tặng, thừa kế, chuyển nhượng hoặc nhận chuyển nhượng chứng khoán) tối thiểu 03 ngày làm việc trước ngày giao dịch. Thời hạn thực hiện giao dịch không quá 30 ngày kể từ ngày đăng ký thực hiện giao dịch và chỉ được thực hiện giao dịch đầu tiên vào ngày giao dịch liền sau ngày có thông tin công bố từ sở giao dịch chứng khoán. Nội dung báo cáo phải tuân thủ Thông tư 96, với các thông tin chi tiết về:¹⁵

- Các bên tham gia giao dịch.
- Các đối tượng hưởng lợi khác trong giao dịch (nếu có).
- Giá trị giao dịch.
- Tài sản và dịch vụ được giao dịch.
- Các điều khoản và điều kiện quan trọng khác của giao dịch

d) Tiêu chí phê duyệt:

Để bảo đảm GDLQ được phê duyệt hợp lệ vì lợi ích tốt nhất của công ty, các vấn đề sau đây phải được xem xét trong quy trình rà soát:¹⁶

GDLQ:

- Được thực hiện vì lợi ích tốt nhất của công ty;
- Có mục đích kinh doanh hợp lý với bên liên quan và là hoạt động kinh doanh thông thường của công ty;
- Xác định rõ đối tác, bao gồm thách thức phát sinh thông qua sở hữu chéo cổ phần và sự thiếu rõ ràng về cổ đông hưởng lợi;
- Với một bên (bên liên quan) có năng lực cung cấp dịch vụ như đã cơ cấu và thỏa thuận;
- Có điều khoản và điều kiện không ưu đãi hơn bất kỳ giao dịch tương tự nào khác trong cùng hoàn cảnh điều kiện, phù hợp và thực sự chính xác, bao gồm tất cả các điều khoản hợp đồng;

¹⁵ Khoản 1, Điều 33, Thông tư 96/2020/TT-BTC, và biểu mẫu/mẫu báo cáo kèm theo thông tư.

¹⁶ Chuyển thể từ Sổ tay Hướng dẫn của IFC dành cho các Ngân hàng Thương mại Việt Nam về Giao dịch với Bên liên quan (2015)

¹⁷ Bộ Nguyên tắc Quản trị Công ty theo Thông lệ Tốt nhất của Việt Nam, Nguyên tắc 9.5.

- Nếu là một phần của các giao dịch phức tạp hơn, thì giao dịch phải có mục đích kinh doanh hợp lý và lợi ích của công ty không bị ảnh hưởng bởi sự phức tạp của các giao dịch;
- Được lập hồ sơ và thẩm định đầy đủ bởi các cán bộ không có liên quan;
- Được xác định giá trị, dự toán tài chính, và kiểm tra nghiêm ngặt một cách độc lập nếu phù hợp;
- Là kết quả của việc giám sát thực chất và độc lập để bảo vệ lợi ích của công ty;
- Nhận biết quy mô và tác động của tất cả lợi ích của bên liên quan trong giao dịch;
- Tác động xuyên biên giới trong giao dịch được điều tra và hiểu rõ đầy đủ;
- Nhận biết tác động của GDLQ đối với công ty và tác động nằm trong phạm vi và khuôn khổ rủi ro của công ty, đặc biệt đối với các ngân hàng;
- Được xác định và phân loại chính xác là GDLQ trọng yếu hoặc không trọng yếu;
- Tuân thủ tất cả các chính sách, quy trình khác của công ty và quy định pháp luật hiện hành; và
- Khuyến nghị cuối cùng là lành mạnh, hợp lý, và có thể biện minh trên cơ sở toàn bộ tình hình thực tế.



THÔNG LỆ TỐT NHẤT

Bộ Nguyên tắc Quản trị Công ty theo Thông lệ Tốt nhất của Việt Nam¹⁷ khuyến nghị HĐQT đệ trình giao dịch để cổ đông phê duyệt và công bố các thông tin sau (cả trước khi kết thúc giao dịch và trong báo cáo thường niên của công ty):

- Danh tính của người hưởng lợi cuối cùng bao gồm mọi chủ sở hữu có quyền kiểm soát và bất kỳ bên nào liên kết với chủ sở hữu có quyền kiểm soát có bất kỳ lợi ích sở hữu trực tiếp/gián tiếp nào trong công ty.
- Doanh nghiệp khác trong đó cổ đông có quyền kiểm soát có lợi ích đáng kể.
- Hợp đồng với cổ đông (vd: cam kết đối với các khoản thanh toán của người có liên quan như phí cấp phép, hợp đồng dịch vụ và các khoản vay).

¹⁷

Bộ Nguyên tắc Quản trị Công ty theo Thông lệ Tốt nhất của Việt Nam, Nguyên tắc 9.5.

GIỚI THIỆU
VE QUẢN TRỊ
CÔNG TY

CƠ CẤU
QUẢN TRỊ
CÔNG TY

THI LỆU NỘI BỘ
VE QUẢN TRỊ
CÔNG TY

GIỚI THIỆU VE
QUYỀN CỦA
CƠ ĐỒNG

ĐẠI HỘI
ĐỒNG CỔ ĐÔNG

HỘI ĐỒNG
QUẢN TRỊ

BAN GIÁM ĐỐC

THỦ KÝ CÔNG TY

HỘI TRƯỞNG
KIỂM SOÁT

CÔNG BỐ
THÔNG TIN

GAO DỊCH VỚI
NGƯỜI CÓ LIÊN
QUAN (GDLQ)

CỐ TỨC

VỐN ĐIỀU LỆ

11.3. Nhận biết GDLQ

Bất kỳ GDLQ nào cũng cần được phê duyệt trước khi thực hiện. Tuy nhiên, trên thực tế không phải giao dịch nào cũng tuân thủ quy trình như vậy.

Có nhiều lý do khác nhau dẫn đến điều này, trong đó có trường hợp HĐQT và cổ đông không phải lúc nào cũng biết giao dịch có sự tham gia của người có liên quan hay không, nhất là khi người trong nội bộ công ty cố tình che giấu việc họ tham gia giao dịch và lợi ích cá nhân của họ trong giao dịch. Trong những trường hợp như vậy, thành viên không điều hành và thành viên độc lập của HĐQT cần phát huy vai trò trong việc phát hiện và công bố GDLQ. Việc lập danh sách người có liên quan và vai trò của các bên trong giao dịch chỉ là một giải pháp, và việc lập danh sách lại khó khăn do hầu hết cơ cấu sở hữu đều không rõ ràng. Một vấn đề khác cũng rất quan trọng là tính trọng yếu của giao dịch. Trong khi một số giao dịch với người có liên quan có thể nhận biết một cách dễ dàng, một số giao dịch khác được sắp đặt một cách kỹ lưỡng và phức tạp nhằm che giấu bản chất của giao dịch.



THÔNG LỆ TỐT NHẤT

Thành phần và kinh nghiệm của HĐQT quyết định phần lớn thành công của việc nhận biết GDLQ. Các thành viên HĐQT độc lập có quan hệ theo nguyên tắc thị trường với các thành viên HĐQT chắc chắn sẽ đóng vai trò chủ chốt trong việc nhận biết các giao dịch với người có liên quan. Kiểm toán Độc lập cũng giữ vai trò hỗ trợ quan trọng. HĐQT và Ủy ban Kiểm toán/Ban Kiểm soát sẽ muốn đảm bảo rằng Kiểm toán Độc lập của công ty phát huy tối đa phạm vi của quy trình kiểm toán để đánh giá các giao dịch mà ban giám đốc tự tiến hành, như vay không lãi suất, giao dịch bán tài sản với giá chênh lệch lớn so với giá trị định giá, giao dịch bằng hiện vật, các khoản cho vay không quy định thời hạn trả nợ.

11.4. Yêu cầu về Công bố Thông tin

Kê khai: Thành viên HĐQT, kiểm soát viên, TGD và người quản lý khác của công ty phải kê khai cho công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:¹⁸

¹⁸ Khoản 2, Điều 164, LDN.

- Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần, tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó.
- Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

Chi tiết về GDLQ: Đối với tất cả các GDLQ trọng yếu đã được thực hiện hoặc dự kiến thực hiện trong năm qua, báo cáo phải công bố các thông tin sau:

- Tên của người có liên quan.
- Loại người có liên quan (công ty mẹ, tổ chức có đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng -đáng kể đối với công ty, công ty con, công ty liên kết, liên doanh, người quản lý chủ chốt, người có liên quan khác).
- Số tiền giao dịch.
- Loại giao dịch chung (bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ, cho vay, v.v...).
- Mọi dư nợ, khoản dự phòng, nợ xấu hoặc tổn thất liên quan đến giao dịch.

Đối với các giao dịch quan trọng, có thể hữu ích nếu kê khai thêm các chi tiết sau:

- Điều khoản của giao dịch (lãi suất và thời hạn cho khoản vay, chi phí theo giờ, và số giờ tư vấn).
- Tính hợp lý (chuẩn mực thị trường, quy trình giao dịch như đấu thầu cạnh tranh).
- Đánh giá của bên thứ ba về giao dịch, nếu có.

Kê khai và thông tin chi tiết về các giao dịch GDLQ phải được báo cáo cho ĐHCĐ tại cuộc họp thường niên và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty. Trong trường hợp cần thiết, một phần hoặc toàn bộ nội dung của các giao dịch trên có thể được lưu giữ tại các chi nhánh của công ty. Cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông, thành viên HĐQT hoặc BKS, Tổng Giám đốc và người quản lý khác có quyền xem xét, trích lục và sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai.¹⁹

¹⁹ Khoản 4, Điều 164, LDN.

GIỚI THIỆU
VỀ QUẢN TRỊ
CÔNG TYCƠ CẤU
QUẢN TRỊ
CÔNG TYTÀI LIỆU NỘI BỘ
VỀ QUẢN TRỊ
CÔNG TYGIỚI THIỆU VỀ
QUYỀN CỦA
CƠ ĐỒNGĐẠI HỘI
ĐỒNG CỔ ĐÔNGHỘI ĐỒNG
QUẢN TRỊ

BAN GIÁM ĐỐC

THU KẾ CÔNG TY

MỘT TRƯỜNG
KIỂM SOÁTCÔNG BỐ
THÔNG TINGIAO DỊCH VỚI
NGƯỜI CÓ LIÊN
QUAN (GDLQ)

CỐ TỨC

VỐN ĐIỀU LỆ



THÔNG LỆ TẠI CÁC QUỐC GIA KHÁC:

Luật công ty của nhiều nước quy định các cá nhân là người có liên quan phải báo cáo với HĐQT, Ủy ban Kiểm toán/Ban Kiểm soát, và Kiểm toán Độc lập về:

- Các pháp nhân mà bản thân họ hoặc kết hợp với những cá nhân khác có sở hữu một tỷ lệ nhất định cổ phần có quyền biểu quyết.
- Các pháp nhân mà tại đó họ đang giữ vị trí quản lý.
- Các giao dịch đang thực hiện hoặc dự kiến thực hiện mà trong các giao dịch đó họ có thể được coi là người có liên quan.

Bên cạnh đó, việc báo cáo quyền sở hữu cũng là yếu tố quan trọng giúp nhận biết GDLQ. Nếu chủ sở hữu thật sự của công ty bị che giấu, sẽ rất khó xác minh được các bên tham gia giao dịch có phải là người có liên quan hay không.

Ngoài ra, công ty đại chúng phải tuân thủ các yêu cầu công bố thông tin về giao dịch mua bán trái phiếu quy định tại Điều 127 Luật Chứng khoán và Điều 31 Thông tư 96/2020/TT-BTC. Ngoài ra, các công ty phải tuân thủ VAS số 26 – về công bố thông tin với người có liên quan.



THÔNG LỆ TỐT NHẤT

Công ty phải trình bày các thông tin sau về GDLQ trong báo cáo thường niên:

- Danh sách các GDLQ mà công ty thực hiện trong năm báo cáo.
- Các điều khoản và điều kiện chính trong từng GDLQ.
- Chủ thể quản trị đã phê duyệt mọi GDLQ.

Ngoài ra, các quy định trong lĩnh vực chứng khoán yêu cầu các công ty công bố các thông tin sau về GDLQ:

- Biên bản cuộc họp của chủ thể quản trị phê duyệt giao dịch, bao gồm thông tin về tỷ lệ đại biểu tham dự tối thiểu và kết quả biểu quyết.
- Danh sách các cá nhân mà giao dịch của họ có thể trở thành GDLQ và danh sách các cá nhân mà giao dịch của họ đã được công ty phê duyệt.
- Thông tin về người có liên quan trước khi phát hành chứng khoán, trong trường hợp phát hành ra công chúng.
- Bản cáo bạch và các báo cáo quý phải trình bày thông tin về GDLQ.

Cuối cùng, các quy định liên quan đến kế toán yêu cầu công ty phải trình bày thông tin về các giao dịch với người có liên quan trong tất cả các báo cáo tài chính kế toán.



THÔNG LỆ TỐT NHẤT

IFRS IAS 24 Công bố Thông tin về Người có Liên quan yêu cầu công bố thông tin về bản chất của mối quan hệ với người có liên quan cũng như thông tin về các giao dịch đó và về dư nợ, bao gồm cả các cam kết, cần thiết để người sử dụng hiểu được tác động tiềm ẩn của mối quan hệ đó trên báo cáo tài chính.

Nguyên tắc G20/OECD cho rằng “nhất thiết phải công bố đầy đủ từng GDLQ trọng yếu và điều khoản của các giao dịch đó cho thị trường.” Nguyên tắc này cũng đề xuất công bố “chính sách/tiêu chí được áp dụng để xác định GDLQ trọng yếu.”

Nguyên tắc Quản trị Toàn cầu của ICGN: “Quy trình xem xét và giám sát GDLQ cần được công bố. Đối với các giao dịch quan trọng, một ủy ban bao gồm các thành viên HĐQT độc lập nên được thành lập để xem xét và phê duyệt giao dịch. Đây có thể là một ủy ban riêng biệt hoặc một ủy ban hiện hữu bao gồm các thành viên HĐQT độc lập, như Ủy ban Kiểm toán. Ủy ban nên xem xét GDLQ trọng yếu để xác định xem liệu những giao dịch đó có mang lại lợi ích tốt nhất cho công ty hay không và nếu có, xác định những điều khoản nào là công bằng và hợp lý. Kết luận của thảo luận của ủy ban về GDLQ trọng yếu nên được công bố trong báo cáo thường niên của công ty cho cổ đông.”

11.5. GDLQ bị vô hiệu

GDLQ có thể bị một bên thứ ba (như cổ đông hoặc chủ nợ) chất vấn nếu giao dịch đó không nhận được các phê duyệt cần thiết theo quy định pháp luật hoặc không được chứng minh là vì lợi ích tốt nhất của công ty tại thời điểm giao dịch đó được giao kết hoặc thực hiện. Bên nào cảm thấy gặp bất lợi có thể gửi đơn phản đối đến công ty hoặc Tòa án. Giao dịch sẽ bị vô hiệu theo quyết định của Tòa án và xử lý theo quy định của pháp luật.²⁰

²⁰ Khoản 5, Điều 167, LDN.

GIỚI THIỆU
VE QUẢN TRỊ
CÔNG TYCƠ CẤU
QUẢN TRỊ
CÔNG TYTÀI LIỆU NỘI BỘ
VE QUẢN TRỊ
CÔNG TYGIỚI THIỆU VE
QUẢN TRỊ
CƠ ĐỒNGĐẠI HỘI
ĐỒNG CỔ ĐÔNGHỘI ĐỒNG
QUẢN TRỊ

BAN GIÁM ĐỐC

THỦ KÝ CÔNG TY

MỘT TRƯỞNG
KIỂM SÁTCÔNG BỐ
THÔNG TINGIAO DỊCH VỚI
NGƯỜI CÓ LIÊN
QUAN (GDLQ)

CỐ TỨC

VỐN ĐIỀU LỆ



THÔNG LỆ TỐT NHẤT

Nếu công ty có thể tìm cách làm cho giao dịch trở nên vô hiệu do chưa được giao kết theo các thủ tục phê duyệt nội bộ, đối tác sẽ gặp phải các vấn đề không đáng có. Do đó, nên thực hiện theo quy định của các nước phương Tây, theo đó để khiến một giao dịch được công nhận là vô hiệu, công ty phải chứng minh được rằng các đối tác tham gia giao dịch đã biết hoặc đương nhiên buộc phải biết thủ tục phê duyệt GDLQ của công ty không theo quy luật thông thường.

Các công ty nên giám sát chặt chẽ các chỉ số sau đây về những GDLQ có khả năng bị lạm dụng:²¹

- Vay hoặc cho vay với lãi suất bằng không hoặc lãi suất thấp hoặc lãi suất ở mức chênh lệch đáng kể với lãi suất đang áp dụng tại thời điểm giao dịch, đặc biệt đối với các ngân hàng.
- Bán hoặc mua bất động sản ở mức giá chênh lệch đáng kể so với giá trị thẩm định.
- Đối tài sản với một tài sản tương tự trong một giao dịch phi tiền tệ.
- Định giá không thực tế.
- Thỏa thuận lòng vòng hoặc phức tạp giữa các bên liên quan.
- Giao dịch có “bên trung gian không cần thiết” hoặc giao dịch có độ phức tạp cao hoặc giao dịch với các tổ chức có cơ cấu tổ chức quá phức tạp.
- Thanh toán cho các dịch vụ với mức giá bị thổi phồng.
- Giao dịch diễn ra nhưng không được ghi nhận trong hệ thống kế toán và và trong các giao dịch bất thường tại thời điểm cuối quý hoặc cuối năm.
- GDLQ trọng yếu tại thời điểm kết thúc kỳ báo cáo.
- Giao dịch vốn do một số bên liên quan cấu kết với nhau hoặc cấu kết với một cổ đông lớn.
- Việc tồn tại các GDLQ không được sự phê duyệt theo quy định tại Luật Các Tổ chức Tín dụng, Luật Doanh nghiệp, hoặc Điều lệ Công ty hay chính sách về GDLQ.

²¹ Chuyển thể từ Sổ tay Hướng dẫn của IFC dành cho các Ngân hàng Thương mại Việt Nam về Giao dịch với Bên liên quan (2015).

11.6. Trách nhiệm khi Vi phạm Quy định

Người có liên quan phải chịu trách nhiệm về các thiệt hại gây ra cho công ty do giao dịch được giao kết không tuân theo các quy định. Các cá nhân tham gia phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân đối với thiệt hại gây ra.



THÔNG LỆ TỐT NHẤT

Bộ Nguyên tắc Quản trị Công ty theo Thông lệ Tốt nhất của Việt Nam khuyến nghị các công ty ban hành chính sách bằng văn bản về GDLQ (được HĐQT phê duyệt) và công bố trên trang thông tin điện tử của công ty. Chính sách này nên bao gồm tối thiểu các nội dung sau:²²

- i. Mục tiêu của chính sách.
- ii. Các định nghĩa.
- iii. Đơn vị phụ trách việc soạn thảo chính sách.
- iv. Phạm vi áp dụng của chính sách.
- v. Xác định người có liên quan và GDLQ, bao gồm các ngưỡng giá trị giao dịch và các yêu cầu công bố thông tin.
- vi. Thông báo, quy trình và trách nhiệm giải trình.
- vii. Quy trình phê duyệt/phủ quyết GDLQ.
- viii. Giám sát các GDLQ.
- ix. Minh bạch và công bố thông tin/báo cáo về GDLQ.
- x. Ban hành và phổ biến chính sách.

GIỚI THIỆU
VE QUẢN TRỊ
CÔNG TYCƠ CẤU
QUẢN TRỊ
CÔNG TYTÀI LIỆU NỘI BỘ
VE QUẢN TRỊ
CÔNG TYGIỚI THIỆU VỀ
QUYỀN CỦA
CƠ ĐỒNGĐẠI HỘI
ĐỒNG CƠ ĐỒNGHỘI ĐỒNG
QUẢN TRỊ

BAN GIÁM ĐỐC

THỦ KÝ CÔNG TY

MỘT TRƯỞNG
KIỂM SÁTCÔNG BỐ
THÔNG TINGIAO DỊCH VỚI
NGƯỜI CÓ LIÊN
QUAN (GDLQ)

CỐ TỨC

VỐN ĐIỀU LỆ

²² Bộ Nguyên tắc Quản trị Công ty theo Thông lệ Tốt nhất của Việt Nam, Thông lệ Khuyến nghị 9.5.3.

NOTES

A series of 25 horizontal dashed lines for writing notes.

CHƯƠNG 12

CỔ TỨC

12.

12 | CỐ TỨC



Mục lục

12.1. Quy định Chung về Cổ tức	497
12.1.1. Quyền Cổ tức	498
12.1.2. Phương thức Thanh toán Cổ tức	499
12.1.3. Số tiền Cổ tức	500
12.2. Thủ tục Công bố và Chi trả Cổ tức	502
12.2.1. Công bố Cổ tức	503
12.2.2. Danh sách Cổ đông được Nhận Cổ tức	506
12.2.3. Trả Cổ tức	506
12.3. Công bố Thông tin về Cổ tức	507

GIỚI THIỆU
VE QUẢN TRỊ
CÔNG TYCƠ CẤU
QUẢN TRỊ
CÔNG TYTÀI LIỆU NỘI BỘ
VE QUẢN TRỊ
CÔNG TYGIỚI THIỆU VE
QUẢN TRỊ
CƠ ĐỒNGĐẠI HỘI
ĐỒNG CỔ ĐÔNGHỘI ĐỒNG
QUẢN TRỊ

BAN GIÁM ĐỐC

THỦ KÝ CÔNG TY

MỘT TRƯỞNG
KIỂM SÁTCÔNG BỐ
THÔNG TINGIAO DỊCH VỚI
NGƯỜI CÓ LIÊN
QUAN (GOLU)

CỔ TỨC

VỐN ĐIỀU LỆ



Những vấn đề Chủ tịch HĐQT cần lưu ý:

- Công ty có xây dựng chính sách cổ tức không và chính sách này để cập những vấn đề chính nào? Bao lâu thì công ty rà soát và đánh giá lại chính sách cổ tức để đảm bảo chính sách này phù hợp và gắn với các mục tiêu của công ty? Chính sách cổ tức của công ty phù hợp với chiến lược phân bổ vốn chung và các mục tiêu tài chính dài hạn của công ty như thế nào?
- Đại hội Đồng Cổ đông (ĐHĐCĐ) có ra các quyết định có trách nhiệm liên quan đến việc sử dụng lợi nhuận ròng để chi trả cổ tức hàng năm hay tái đầu tư các khoản lợi nhuận này?
- Có cân nhắc nào về tác động thuế liên quan đến việc chi trả cổ tức không, và công ty truyền đạt những nội dung này tới các cổ đông như thế nào?
- Hội đồng Quản trị (HĐQT) có công bố đầy đủ về chính sách cổ tức tới cổ đông và nhà đầu tư tiềm năng của công ty không? Nếu việc chi trả cổ tức không được thực hiện đúng với chính sách này thì nguyên nhân là vì sao?
- Công ty có công bố đầy đủ và kịp thời thông tin về chính sách cổ tức và lịch sử chi trả cổ tức của công ty không?
- HĐQT có đề xuất mức cổ tức chi trả tạm thời không? HĐQT làm thế nào để đảm bảo rằng việc chi trả cổ tức tạm thời mang lại lợi ích tốt nhất cho công ty?
- Công ty xác định mức cổ tức như thế nào?
- HĐQT có đảm bảo để quyền lợi của chủ nợ được bảo vệ khi công bố và thực hiện chi trả cổ tức cho cổ đông không?
- Công ty có so sánh hoạt động trả cổ tức của công ty với các công ty cùng ngành và xem xét kỳ vọng của thị trường khi xác định mức cổ tức không?

Các công ty hoạt động kinh doanh thành công tạo ra lợi nhuận và lợi nhuận này có thể được tái đầu tư cho công ty hoặc chi trả cổ tức cho cổ đông. Tại Việt Nam, cổ đông – đặc biệt là cổ đông thiểu số sở hữu một tỉ lệ nhỏ trong tổng số cổ phần của công ty – thường mong muốn công ty chi trả mức cổ tức hợp lý thay vì giữ lại lợi nhuận. Phần lớn các công ty ở Việt Nam đều có nhu cầu bổ sung vốn để đầu tư mở rộng kinh doanh và đôi khi nhiều công ty không có nguồn tài trợ tức thời đáp ứng nhu cầu này ngoài lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh. Vì nguồn tài chính nội bộ là một trong số ít nguồn tài chính sẵn có, việc đưa ra quyết định chi trả cổ tức hợp lý thường tương đối thách thức đối với các công ty Việt Nam.

Chương này thảo luận về cổ tức từ quan điểm của cả cổ đông và chủ nợ, thủ tục công bố và trả cổ tức, cũng như chính sách cổ tức của công ty.

12.1. Quy định Chung về Cổ tức

Cổ đông có quyền được nhận một phần trong tổng số lợi nhuận của công ty. Đó có thể là lợi tức trên vốn (khoản lợi tức phát sinh do giá trị thị trường của cổ phiếu mà họ sở hữu tăng lên), cũng có thể là cổ tức nhận được từ công ty. Như vậy, cổ tức đại diện cho một quyền rất quan trọng của cổ đông, đóng vai trò tiên quyết trong quyết định đầu tư của cổ đông.

“Cổ tức” được định nghĩa là khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác.¹

Ngược lại, việc chi cổ tức bằng tiền mặt có thể làm giảm nguồn tiền và tài sản sẵn có để thanh toán các nghĩa vụ nợ đúng hạn. Vì vậy, cổ tức cần được xem xét cả trên phương diện phải bảo đảm quyền lợi của chủ nợ thông qua việc tuân thủ một số quy tắc cụ thể. Để bảo vệ quyền lợi của chủ nợ, luật pháp giới hạn các loại cổ tức và phương thức thanh toán cổ tức.

Luật Doanh nghiệp (LDN) quy định các nghĩa vụ tối thiểu liên quan đến việc phân chia lợi nhuận của công ty và bảo vệ quyền lợi của chủ nợ. Cổ tức chi trả cho cổ phần phổ thông được xác định căn cứ vào lợi nhuận ròng thực hiện, trong khi nguồn chi trả cổ tức được lấy từ lợi nhuận để lại của công ty. Công ty cổ phần chỉ được chi trả cổ tức cho cổ phần phổ thông khi công ty đáp ứng các điều kiện sau:²

- Công ty đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.

¹ Khoản 5, Điều 4, LDN.

² Khoản 2, Điều 135, LDN.

GỚI THIỆU
VỀ QUẢN TRỊ
CÔNG TY

CƠ CẤU
QUẢN TRỊ
CÔNG TY

TÀI LIỆU NỘI BỘ
VỀ QUẢN TRỊ
CÔNG TY

GỚI THIỆU VỀ
QUYỀN CỦA
CỔ ĐÔNG

ĐẠI HỘI
ĐÔNG CỔ ĐÔNG

HỘI ĐỒNG
QUẢN TRỊ

BAN GIÁM ĐỐC

THỦ KẾ CÔNG TY

MỘT SỐ
TRƯỜNG
KIỂM SÁT

CÔNG BỐ
THÔNG TIN

GAO DI CHÚC VỚI
NGƯỜI CÓ LIÊN
QUAN (GỎI)

CỔ TỨC

VỐN ĐIỀU LỆ

- Công ty đã trích lập các quỹ công ty và bù đắp lỗ trước đó theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
- Ngay sau khi trả hết số cổ tức, công ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.

Cổ tức trả cho cổ phần ưu đãi được thực hiện theo điều kiện áp dụng riêng cho mỗi loại cổ phần ưu đãi. Tại Việt Nam hiện nay không có quy định cũng như hướng dẫn nào liên quan đến việc trích lập các quỹ riêng biệt để chi trả cổ tức cho cổ phần ưu đãi.³ Tuy nhiên, trên thực tế các công ty thường chi trả cổ tức cho cổ phần ưu đãi từ các quỹ được trích lập cho mục đích này. Các công ty không được sử dụng vốn điều lệ để chi trả cổ tức trong bất kỳ trường hợp nào.

12.1.1. Quyền Cổ tức

Chủ sở hữu của cổ phần phổ thông và cổ phần ưu đãi cổ tức có các quyền khác nhau về cổ tức.

Cổ đông phổ thông được nhận cổ tức với mức theo quyết định của ĐHCĐ.⁴ Cổ tức trả cho cổ phần phổ thông được xác định căn cứ vào số lợi nhuận ròng đã thực hiện và khoản chi trả cổ tức được trích từ nguồn lợi nhuận giữ lại của công ty. Điều này nghĩa là lợi nhuận sau thuế của công ty, sau khi trừ các nghĩa vụ tài chính, một phần lợi nhuận sẽ được dùng để chi trả cổ tức cho cổ đông phổ thông.⁵

Mặt khác, người sở hữu cổ phần ưu đãi có quyền nhận cổ tức theo điều kiện áp dụng riêng cho mỗi loại cổ phần ưu đãi.⁶ Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi có quyền sau đây:⁷

- Được trả cổ tức với mức cao hơn so với mức cổ tức của cổ phần phổ thông hoặc mức ổn định hằng năm.
- Cổ tức được chia hằng năm gồm cổ tức cố định và cổ tức thưởng.
- Cổ tức cố định không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của công ty.
- Mức cổ tức cố định cụ thể và phương thức xác định cổ tức thưởng được ghi rõ trong cơ chế của cổ phần ưu đãi cổ tức.

³ Khoản 1, Điều 135, LDN.

⁴ Khoản 1b, Điều 115, LDN.

⁵ Khoản 2, Điều 135, LDN.

⁶ Khoản 1, Điều 135, LDN.

⁷ Khoản 1, Điều 117, LDN.

Cổ đông chỉ thanh toán một phần số cổ phần đã đăng ký mua có quyền nhận cổ tức tương ứng với số cổ phần đã thanh toán.⁸ Đối với công ty đại chúng, Điều lệ Mẫu cũng quy định cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ thì không được hưởng quyền nhận cổ tức.⁹ Mặc dù không có quy định cụ thể về việc xử lý quyền cổ tức đối với cổ phiếu quỹ¹⁰, thực tế phổ biến là cổ phiếu quỹ của công ty không có quyền biểu quyết cũng như nhận cổ tức.

12.1.2. Phương thức Thanh toán Cổ tức

Cổ tức có thể được chi trả bằng tiền mặt, bằng cổ phần của công ty hoặc bằng tài sản khác quy định tại Điều lệ Công ty.¹¹

Trường hợp thanh toán bằng tiền mặt thì phải được thực hiện bằng Đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp.¹² Việc chi trả cổ tức bằng tiền mặt cũng có thể được thực hiện bằng cách ghi có vào tài khoản môi giới của nhà đầu tư đang nắm giữ cổ phần.

Trường hợp chi trả cổ tức bằng cổ phần, công ty phải đăng ký tăng vốn điều lệ tương ứng với tổng mệnh giá các cổ phần dùng để chi trả cổ tức trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán cổ tức.¹³ Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (VSDCC).¹⁴

Việc trả cổ tức bằng tài sản sẽ thực hiện theo quy định tại Điều lệ Công ty. Cổ tức trả cho cổ đông có thể là hàng hoá, sản phẩm của công ty.

Thẩm quyền Quyết định về Cổ tức

HDQT có thẩm quyền kiến nghị mức cổ tức được trả lên ĐHĐCĐ.¹⁵ Sau đó, ĐHĐCĐ quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại

⁸ Khoản 3b, Điều 113, LDN.

⁹ Khoản 2, Điều 9, Thông tư 116/2020/TT-BTC, Điều lệ Mẫu.

¹⁰ Khoản 3, Điều 3, Nghị định 155/2020/NĐ-CP: *Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu đã phát hành bởi công ty cổ phần và được mua lại bởi chính công ty đó.*

¹¹ Khoản 3, Điều 135, LDN.

¹² Khoản 4, Điều 51, Thông tư 116/2020/TT-BTC, Điều lệ Mẫu.

¹³ Khoản 6, Điều 135, LDN.

¹⁴ Khoản 4, Điều 51, Thông tư 116/2020/TT-BTC, Điều lệ Mẫu.

¹⁵ Khoản 2a, Điều 153, LDN.

GỚI THIỆU VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

CƠ CẤU QUẢN TRỊ CÔNG TY

TÀI LIỆU MÔI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

GỚI THIỆU VỀ QUYỀN CỬA CỔ ĐÔNG

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

BAN GIÁM ĐỐC

THỦ KÝ CÔNG TY

MÔI TRƯỜNG KIỆM SỨC

CÔNG BỐ THÔNG TIN

GIAO DỊCH VỚI NGƯỜI CÒN LIÊN QUAN (GLOU)

CỔ TỨC

VỐN ĐIỀU LỆ

được quyền chào bán, và quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần.¹⁶ Căn cứ những quyết định này, HĐQT xác định mức cổ tức được trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả.¹⁷

Trường hợp công ty đại chúng là công ty mẹ phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, lợi nhuận quyết định phân phối không được vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên báo cáo tài chính hợp nhất được kiểm toán.¹⁸

ĐHĐCĐ có thể thông qua hoặc không thông qua đề xuất chi trả cổ tức của HĐQT với từ 50% tổng số phiếu bầu trở lên của cổ đông tham dự họp ĐHĐCĐ.

Đối với tổ chức tín dụng và công ty bảo hiểm, cần có chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hoặc Bộ Tài chính về đề nghị tăng vốn điều lệ để phát hành cổ phiếu để chi trả cổ tức.¹⁹

12.1.3. Số tiền Cổ tức

Tại Việt Nam, số tiền cổ tức thường được thể hiện dưới dạng phần trăm mệnh giá cổ phiếu, là 10.000 đồng/cổ phiếu. Ví dụ, nếu công ty công bố mức chi trả cổ tức là 5%, nhà đầu tư sẽ nhận được cổ tức là 500 đồng/cổ phiếu.

HĐQT phải ưu tiên tối đa hóa giá trị cho cổ đông khi xác định cách thức và số tiền chi trả cổ tức. Tỷ lệ chi trả cổ tức mục tiêu, là tỉ lệ phần trăm tính trên lợi nhuận ròng dùng để chi trả cổ tức dưới hình thức cổ tức trả bằng tiền mặt, phải căn cứ vào kỳ vọng của cổ đông. Cụ thể hơn, cổ đông có thể muốn có được gia tăng giá trị cổ phần (ví dụ, cơ hội sử dụng tiền nhàn rỗi để mua lại cổ phần hoặc tái đầu tư vào công ty), hay nhận cổ tức, hay kết hợp cả hai. HĐQT sẽ xác định chính sách cổ tức tối ưu của công ty trên cơ sở cân bằng giữa việc chi trả cổ tức hiện tại và hỗ trợ tăng trưởng bền vững.

Đối với bất kỳ công ty nào, mức cổ tức tối ưu được xác định bởi bốn yếu tố sau:

- Xu hướng lựa chọn của nhà đầu tư giữa sự gia tăng giá trị cổ phần và cổ tức.

¹⁶ Khoản 2b, Điều 138, LDN.

¹⁷ Khoản 4, Điều 135, LDN.

¹⁸ Khoản 2, Điều 60, Nghị định 155/2020/NĐ-CP.

¹⁹ Khoản 4, Điều 60, Nghị định 155/2020/NĐ-CP.

- Cơ hội đầu tư của công ty (ví dụ, các công ty dư thừa tiền mặt nhưng thiếu cơ hội đầu tư thường phân chia một tỷ lệ lớn lợi nhuận cho cổ đông thông qua cổ tức. Ngược lại, các công ty hoạt động trong những ngành có tốc độ tăng trưởng cao thường tái đầu tư lợi nhuận vào hoạt động sản xuất kinh doanh).
- Cơ cấu vốn mục tiêu của công ty.
- Khả năng huy động và chi phí sử dụng nguồn vốn bên ngoài.

Trong tài chính doanh nghiệp, dựa trên cân nhắc về các yếu tố trên đây, các công ty thường lựa chọn các loại chính sách cổ tức phổ biến sau:

- **Chính sách cổ tức ổn định:** Các công ty thực hiện chính sách này cam kết định kỳ phân phối một khoản cổ tức nhất quán, không phụ thuộc vào biến động thu nhập của công ty. Phương thức này mang lại cho các cổ đông cảm giác tin cậy, vì họ có thể chờ đợi một luồng thu nhập ổn định. Trong thời kỳ lợi nhuận cao, công ty có thể dành nguồn tiền thặng dư để hỗ trợ cùng mức thanh toán cổ tức trong thời kỳ lợi nhuận thấp hơn, đảm bảo tỷ lệ cổ tức ổn định.
- **Chính sách cổ tức có tỷ lệ chi trả không đổi:** Chính sách này đảm bảo chi trả cổ tức ổn định tương ứng với tỷ lệ phần trăm cố định của thu nhập của công ty. Theo chính sách này, cổ tức được chi trả dựa trên tỷ lệ này, bất kể thu nhập tăng hay giảm. Điều này cũng đồng nghĩa với việc số tiền cổ tức có thể thay đổi theo lợi nhuận của công ty. Do đó, cổ đông nhận được một phần lợi nhuận của công ty tỷ lệ thuận với kết quả tài chính của công ty, khiến cách tiếp cận này đặc biệt hấp dẫn trong thời kỳ tăng trưởng thu nhập mạnh mẽ và ít hấp dẫn hơn nhiều trong thời kỳ kinh tế khó khăn.
- **Chính sách cổ tức còn lại:** Chính sách cổ tức còn lại áp dụng một chiến lược độc đáo. Các công ty tuân thủ chính sách này chỉ phân bổ cổ tức sau khi đáp ứng mọi cam kết tài chính và nhu cầu đầu tư chi phí vốn. Về bản chất, cổ tức được chi trả từ số tiền còn lại (còn dư), sau khi thanh toán cho phần chi phí vốn được tài trợ bằng lợi nhuận, thực hiện các khoản đầu tư, và duy trì đủ dự trữ tiền mặt. Do đó, số tiền cổ tức được chi trả hàng năm có thể khác nhau đáng kể tùy thuộc tình hình tài chính và yêu cầu tái đầu tư của công ty.
- **Không có chính sách cổ tức:** Một số công ty có thể chọn tái đầu tư toàn bộ lợi nhuận và do đó không trả cổ tức. Những công ty này có xu hướng tập trung vào tăng trưởng với các cơ hội tái đầu tư tốt và khả năng tạo ra lợi nhuận vững chắc trên vốn chủ sở hữu trong các dự án đầu tư dài

GỚI THIỆU VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
CƠ CẤU QUẢN TRỊ CÔNG TY
TÀI LIỆU NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
GỚI THIỆU VỀ QUYỀN CỦA CỔ ĐÔNG
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
BAN GIÁM ĐỐC
THU NHẬP CÔNG TY
MÔI TRƯỜNG KINH SỞ
CÔNG BỐ THÔNG TIN
GAO DI CHUYỂN NGƯỜI CÒN LIÊN QUAN (GGLU)
CỔ TỨC
VỐN ĐIỀU LỆ

hạn. Do không trả cổ tức, những công ty này có xu hướng thu hút nhà đầu tư tăng trưởng hơn là nhà đầu tư thu nhập. Việc tái đầu tư thành công có thể thúc đẩy đáng kể tăng trưởng của công ty, có khả năng dẫn đến gia tăng đáng kể giá trị cổ phiếu trong dài hạn. Tuy nhiên, những công ty này có thể cần xem xét lại chính sách cổ tức để phân phối lợi nhuận nhiều hơn cho nhà đầu tư khi không còn cơ hội tái đầu tư tốt.

Sự ổn định trong việc chi trả cổ tức có ý nghĩa quan trọng đối với cổ đông, và nhiều cổ đông lấy cổ tức là nguồn thu nhập để chi trả cho các khoản chi tiêu của bản thân. Vì lý do này, công ty cần duy trì sự cân bằng thận trọng về tính ổn định và mức độ tin cậy của chính sách cổ tức.

12.2. Thủ tục Công bố và Chi trả Cổ tức

LDN quy định cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên sẽ thảo luận và thông qua mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại,²⁰ và cổ tức phải được thanh toán đầy đủ trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày kết thúc họp ĐHĐCĐ thường niên.²¹

Theo Điều 135 và 139 của LDN, để kê khai và trả cổ tức, công ty cần thực hiện theo các bước cụ thể, được tóm tắt trong Hình 1.

Hình 1. Thủ tục Công bố và Chi trả Cổ tức

Bước 1: HĐQT kiến nghị lên ĐHĐCĐ về mức cổ tức được trả và phương thức chi trả.

Bước 2: ĐHĐCĐ thảo luận và thông qua mức cổ tức chi trả hàng năm đối với mỗi cổ phần của từng loại và phương thức chi trả từ nguồn lợi nhuận để lại của công ty.

Bước 3: HĐQT lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng cổ phần, thời hạn trả cổ tức chậm nhất 30 ngày trước ngày trả cổ tức.

Bước 4: Công ty gửi thông báo về trả cổ tức cho cổ đông chậm nhất 15 ngày trước khi thực hiện trả cổ tức.

Bước 5: Công ty trả cổ tức đã công bố. Cổ tức phải được thanh toán đầy đủ trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày kết thúc họp ĐHĐCĐ thường niên.

²⁰ Khoản 3e, Điều 139, LDN.

²¹ Khoản 4, Điều 135, LDN.



THÔNG LỆ TỐT NHẤT

Theo khuyến nghị tại Bộ Nguyên tắc Quản trị Công ty theo Thông lệ Tốt nhất của Việt Nam, HĐQT xây dựng và thực hiện chính sách cổ tức công bằng và nhất quán:²²

- HĐQT cần phải áp dụng chính sách rõ ràng và minh bạch về quy trình phân phối và chi trả cổ tức, đảm bảo công bằng giữa các cổ đông. Cổ đông cần được cung cấp đầy đủ thông tin về các điều kiện chia cổ tức và thủ tục chi trả và không gặp cản trở đối với việc nhận cổ tức.
- Cổ tức phải được trả trong vòng 30 ngày sau khi nghị quyết có liên quan được thông qua. Trong trường hợp công ty trả cổ tức dưới dạng cổ phiếu thì thời hạn chi trả là trong vòng 60 ngày từ khi nghị quyết được thông qua.
- Công ty có trách nhiệm chi trả toàn bộ cổ tức đã công bố. Theo đó, công ty phải chịu trách nhiệm trước các cổ đông về việc không thực hiện nghĩa vụ này theo quy định của pháp luật hiện hành.
- HĐQT cần phải công bố chính sách cổ tức thông qua website của công ty.²³

12.2.1. Công bố Cổ tức

HĐQT chịu trách nhiệm công bố cổ tức dựa trên quyết định phân phối lợi nhuận (lỗ) đã được thông qua tại ĐHĐCĐ thường niên. Thông báo về trả cổ tức được gửi bằng phương thức để bảo đảm đến cổ đông theo địa chỉ đăng ký trong sổ đăng ký cổ đông chậm nhất là 15 ngày trước khi thực hiện trả cổ tức. Thông báo phải bao gồm các nội dung sau đây:²⁴

- Tên công ty và địa chỉ trụ sở chính của công ty.
- Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân.
- Tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức.
- Số lượng cổ phần từng loại của cổ đông, mức cổ tức đối với từng cổ phần và tổng số cổ tức mà cổ đông đó được nhận.

²² Bộ Nguyên tắc Quản trị Công ty theo Thông lệ Tốt nhất của Việt Nam, Nguyên tắc 9.3.

²³ Bộ Nguyên tắc Quản trị Công ty theo Thông lệ Tốt nhất của Việt Nam, Thông lệ Khuyến nghị 9.3.1.

²⁴ Khoản 4, Điều 135, LDN.

GỚI THIỆU
VE QUẢN TRỊ
CÔNG TY

CƠ CẤU
QUẢN TRỊ
CÔNG TY

TÀI LIỆU NỘI BỘ
VE QUẢN TRỊ
CÔNG TY

GỚI THIỆU VE
QUẢN TRỊ CỦA
CỔ ĐÔNG

ĐẠI HỘI
ĐỒNG CỔ ĐÔNG

HỘI ĐỒNG
QUẢN TRỊ

BAN GIÁM ĐỐC

THỦ KÝ CÔNG TY

MÔI TRƯỜNG
KIỂM SÁT

CÔNG BỐ
THÔNG TIN

GIAO DỊCH VỚI
NGƯỜI CÒN LIÊN
QUAN (GOLU)

CỔ TỨC

VỐN ĐIỀU LỆ

- Thời điểm và phương thức trả cổ tức.
- Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT và người đại diện theo pháp luật của công ty.

Việc chi trả cổ tức cũng phải tính đến quyền ưu tiên của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi, hoặc các loại cổ phần khác có quyền cổ tức đặc biệt theo quy định tại Điều lệ Công ty. Phải đến khi công ty đã công bố và thanh toán đầy đủ cổ tức cho cổ đông ưu tiên về cổ tức - bao gồm cả cổ tức lũy kế - theo quy định tại Điều lệ Công ty thì công ty mới được công bố và chi trả cổ tức cho cổ phần ưu đãi hoặc cổ phần phổ thông khác. Ngoài ra, công ty chỉ có thể công bố cổ tức cho cổ phần phổ thông, hoặc bất kỳ loại cổ phần nào có mức độ ưu tiên thấp hơn, sau khi đã chi trả cổ tức cho cổ đông ưu tiên.



THÔNG LỆ TỐT NHẤT

Để giúp cổ đông đánh giá đầy đủ về khả năng chi trả cổ tức của công ty, các công ty nên:

- Thiết lập cơ chế minh bạch và thân thiện với cổ đông để giúp cổ đông đánh giá việc chi trả cổ tức.
- Cung cấp đầy đủ thông tin để giúp các cổ đông hiểu rõ các điều kiện công ty phải đáp ứng trước khi trả cổ tức.
- Cung cấp đầy đủ thông tin giúp các cổ đông hiểu rõ quy trình và thủ tục chi trả cổ tức.
- Ngăn chặn việc phát tán các thông tin không chính xác về công ty có thể ảnh hưởng đến đánh giá của cổ đông về chính sách chi trả cổ tức.
- Cung cấp thủ tục chi trả cổ tức đơn giản.
- Áp dụng các biện pháp xử phạt (về mặt tài chính) đối với TGD và các thành viên Ban Giám đốc trong trường hợp không thanh toán đầy đủ hoặc chậm trễ trong việc chi trả cổ tức đã công bố.

Báo cáo cổ tức là một công cụ hữu ích để đánh giá chính sách cổ tức và lịch sử chi trả cổ tức của công ty niêm yết. Các công ty kế toán thương mại và các tổ chức khác thường lập báo cáo cổ tức này để theo dõi việc chi trả cổ tức của công ty niêm yết. Cổ đông có thể mua các báo cáo này.

Khi nào Công ty không thể Công bố Chi trả Cổ tức?

Trong hoàn cảnh bình thường, cổ đông và thành viên HĐQT kiểm soát các quyết định quan trọng của công ty. Tuy nhiên, Điều lệ Công ty và các hợp đồng nợ của công ty có thể quy định các trường hợp khác mà công ty không được công bố chi trả cổ tức. Ví dụ, một số điều khoản của trái phiếu doanh nghiệp và các hợp đồng nợ khác có thể hạn chế đáng kể quyền quyết định của ban giám đốc và cổ đông, như các điều khoản hạn chế chi trả cổ tức, yêu cầu chấp thuận của chủ nợ đối với việc bán các tài sản lớn, hoặc phạt bên nợ nếu đòn bẩy tài chính vượt quá ngưỡng đã định trước. Hình 2 liệt kê các trường hợp²⁵ mà công ty không được công bố cổ tức (tuy nhiên, danh sách này không mang tính toàn diện).

Hình 2. Khi nào Công ty không thể Công bố Chi trả Cổ tức



²⁵ Khoản 2, Điều 135, LDN.

GỚI THIỆU VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
 CƠ CẤU QUẢN TRỊ CÔNG TY
 TÀI LIỆU MỜI BỎ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
 GỚI THIỆU VỀ QUYỀN CỦA CỔ ĐÔNG
 ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
 HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
 BAN GIÁM ĐỐC
 THỦ KÝ CÔNG TY
 MỘT TRƯỞNG KIỂM SOÁT
 CÔNG BỐ THÔNG TIN
 GIAO DỊCH VỚI NGƯỜI CÒN LIÊN QUAN (GOLU)
 CỔ TỨC
 VỐN ĐIỀU LỆ

12.2.2. Danh sách Cổ đông được Nhận Cổ tức

Để phục vụ cho việc chi trả cổ tức, HĐQT phải lập danh sách cổ đông đủ điều kiện nhận cổ tức của công ty. Danh sách này phải được lập chậm nhất 30 ngày trước ngày trả cổ tức.²⁶ Danh sách cổ đông được nhận cổ tức được xác định dựa trên thông tin về cổ đông trên sổ đăng ký cổ đông lưu tại trụ sở chính của công ty hoặc tại VSDCC tại một ngày nhất định được gọi là “ngày chốt quyền nhận cổ tức”.

Không có quy định hay hướng dẫn cụ thể nào về việc xác định ngày chốt quyền nhận cổ tức. Tuy nhiên, Thông tư 96/2020/TT-BTC quy định công ty đại chúng phải công bố thông tin về ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu tối thiểu 10 ngày, hoặc tối thiểu 20 ngày nếu việc đăng ký là để tham dự ĐHĐCĐ, trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến.²⁷

Cổ đông có tên trong danh sách cổ đông tại ngày chốt quyền được nhận cổ tức mà công ty chi trả. Theo đó, các cổ đông sở hữu cổ phần tại ngày chốt quyền và chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách cổ đông và thời điểm trả cổ tức thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức từ công ty.²⁸ Cổ đông mua cổ phiếu sau ngày chốt quyền không được nhận cổ tức cho tới lần trả cổ tức tiếp theo được công bố.

Trường hợp cổ tức đối với một loại cổ phần được công bố, mỗi cổ đông sẽ được nhận cổ tức tương ứng với số lượng và loại cổ phần mà họ sở hữu.

12.2.3. Trả Cổ tức

Công ty có nghĩa vụ thanh toán cổ tức sau khi công bố và trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày kết thúc họp ĐHĐCĐ thường niên.²⁹

Khi trả cổ tức bằng tiền cho nhà đầu tư là cá nhân, công ty phải khấu trừ thuế thu nhập cá nhân bằng 5% trên tổng số cổ tức được trả trước khi thực hiện chi trả.³⁰

²⁶ Khoản 4, Điều 135, LDN.

²⁷ Khoản 4, Điều 11, Thông tư 96/2020/TT-BTC.

²⁸ Khoản 5, Điều 135, LDN.

²⁹ Khoản 4, Điều 135, LDN.

³⁰ Khoản 2, Điều 10, Thông tư 111/2013/TT-BTC.

Công ty chịu có nghĩa vụ thanh toán đầy đủ cổ tức đã công bố. Theo đó, HĐQT phải chịu trách nhiệm trước cổ đông về việc không thực hiện nghĩa vụ này theo quy định của pháp luật hiện hành.³¹

12.3. Công bố Thông tin về Cổ tức

Công ty phải công bố tới tất cả cổ đông về nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT về phân phối lợi nhuận,³² bao gồm thông tin về chính sách cổ tức, loại cổ phần, mức cổ tức, ngày chốt quyền, thời gian và thủ tục thanh toán cổ tức.

Các công ty nên công bố ra thị trường về chính sách cổ tức, ví dụ như thông qua báo chí. Chính sách cổ tức nên được công bố trên cùng phương tiện truyền thông mà thông báo mời họp ĐHĐCĐ được công bố theo quy định tại Điều lệ Công ty. Điều quan trọng là cổ đông nhận được các thông tin tối thiểu sau:

- Phương pháp xác định tỉ lệ lợi nhuận dùng để chi trả cổ tức cho cổ đông.
- Các điều kiện chi trả cổ tức.
- Mức cổ tức tối thiểu sẽ trả cho mỗi cổ phần của từng loại.
- Các tiêu chí mà HĐQT sử dụng để quyết định mức cổ tức đề xuất.
- Thủ tục thanh toán cổ tức bao gồm thời gian, địa điểm và hình thức thanh toán.

Công ty có quyền thay đổi chính sách cổ tức tại bất cứ thời điểm nào. Tuy nhiên, các nhà quản trị phải hiểu rằng việc thay đổi này có thể gây ra các phản ứng từ phía cổ đông và có thể tạo ra những tín hiệu bất lợi ngoài dự tính đến thị trường.

Đối với công ty đại chúng, thông tin về chi trả cổ tức phải được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty, đồng thời báo cáo cho UBCKNN, sở giao dịch chứng khoán nơi chứng khoán được niêm yết hoặc đăng ký, bao gồm các quyết định về mức cổ tức, hình thức trả cổ tức, thời gian trả cổ tức trong thời hạn 24 giờ kể từ cuộc họp ĐHĐCĐ và HĐQT.³³

³¹ Bộ Nguyên tắc QTCT theo thông lệ tốt nhất của Việt Nam, Thông lệ Khuyến nghị 9.3.3 và Điều 136, LDN.

³² Khoản 1đ, Điều 11, Thông tư 96/2020/TT-BTC.

³³ Khoản 1đ, Điều 11, Thông tư 96/2020/TT-BTC.

Các công ty cũng phải báo cáo về chi trả cổ tức trong báo cáo thường niên của công ty.³⁴

Đối với việc phát hành cổ phiếu để trả cổ tức của công ty đại chúng, công ty phải gửi tài liệu báo cáo phát hành cổ phiếu cho UBCKNN,³⁵ bao gồm:³⁶

- Báo cáo phát hành cổ phiếu để trả cổ tức: thông tin về tổ chức phát hành (tên, địa chỉ, mã cổ phiếu, thông tin trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp), số lượng, giá trị cổ phiếu phổ thông, thông tin về cổ phiếu quỹ, cổ phiếu ưu đãi, và phương án phát hành cổ phiếu.³⁷
- Quyết định của ĐHĐCĐ về phương án phát hành.
- Quyết định của HĐQT về việc thực hiện phương án phát hành.
- Báo cáo tài chính được kiểm toán.
- Quyết định của ĐHĐCĐ hoặc HĐQT thông qua phương án xử lý cổ phần, cổ phiếu lẻ.

Trong thời hạn bảy ngày làm việc kể từ ngày nhận được tài liệu báo cáo phát hành đầy đủ và hợp lệ, UBCKNN thông báo bằng văn bản cho tổ chức phát hành và đăng tải trên trang thông tin điện tử của UBCKNN.³⁸

Trong thời hạn bảy ngày làm việc kể từ ngày UBCKNN thông báo về việc nhận được đầy đủ tài liệu báo cáo phát hành, tổ chức phát hành phải công bố Bản thông báo phát hành trên trang thông tin điện tử của tổ chức phát hành, và sở giao dịch chứng khoán. Việc công bố thông tin trên phải được thực hiện ít nhất bảy ngày làm việc trước ngày kết thúc đợt phát hành.³⁹ Ngày kết thúc đợt phát hành không được quá 45 ngày kể từ ngày UBCKNN thông báo về việc nhận được đầy đủ tài liệu báo cáo.⁴⁰

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc đợt phát hành, tổ chức phát hành phải gửi báo cáo kết quả đợt phát hành cho UBCKNN và công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của tổ chức phát hành, sở giao dịch chứng khoán về kết quả đợt phát hành.⁴¹

³⁴ Phụ lục IV, Thông tư 96/2020/TT-BTC.

³⁵ Khoản 1, Điều 69, Nghị định 155/2020/NĐ-CP.

³⁶ Điều 61, Nghị định 155/2020/NĐ-CP.

³⁷ Mẫu số 16, Phụ lục Nghị định 155/2020/NĐ-CP.

³⁸ Khoản 2, Điều 69, Nghị định 155/2020/NĐ-CP.

³⁹ Khoản 3, Điều 69, Nghị định 155/2020/NĐ-CP.

⁴⁰ Khoản 4, Điều 69, Nghị định 155/2020/NĐ-CP.

⁴¹ Khoản 6, Điều 69, Nghị định 155/2020/NĐ-CP.

NOTES

Handwriting practice area consisting of 20 horizontal dashed lines.

GỚI THIỆU
VỀ QUẢN TRỊ
CÔNG TY

CƠ CẤU
QUẢN TRỊ
CÔNG TY

TÀI LIỆU NỘI BỘ
VỀ QUẢN TRỊ
CÔNG TY

GỚI THIỆU VỀ
CỤM VỐN
CƠ ĐỒNG

ĐẠI HỘI
ĐỒNG CỔ ĐÔNG

HỘI ĐỒNG
QUẢN TRỊ

BAN GIÁM ĐỐC

THƯ KẾ CÔNG TY

MỘT TRƯỜNG
KÈM SƠ T

CÔNG BỐ
THÔNG TIN

GIAO DỊCH VỚI
NGƯỜI CÓ LIÊN
QUAN (GOLU)

CỐ TỨC

VỐN ĐIỀU LỆ

NOTES

A series of horizontal dashed lines for writing notes.

CHƯƠNG 13

VỐN ĐIỀU LỆ

13 | VỐN ĐIỀU LỆ



Mục lục

13.1. Quy định Chung về Vốn Điều lệ	515
13.1.1. Định nghĩa Vốn Điều lệ	515
13.1.2. Vốn Pháp định hoặc Vốn Điều lệ Tối thiểu	516
13.1.3. Vốn Điều lệ và Vốn Cổ phần	517
13.1.4. Thanh toán Đầy đủ Vốn Cổ phần	518
13.1.5. Góp Vốn Điều lệ	519
13.2. Tăng Vốn Điều lệ	520
13.2.1. Phương thức Tăng Vốn Điều lệ	520
13.2.2. Bảo vệ Quyền Sở hữu khi Tăng Vốn Điều lệ	525
13.2.3. Thủ tục Tăng vốn Điều lệ	526
13.3. Bảo đảm Vốn Điều lệ	533
13.3.1. Giảm Vốn Điều lệ	534
13.3.2. Mua lại Cổ phần	537
13.3.3. Sở hữu Chéo	544
13.4. Quỹ Dự phòng Bắt buộc và Tự nguyện	545
13.4.1. Quỹ Dự phòng Bắt buộc	545
13.4.2. Quỹ Khác	545

GIỚI THIỆU
VE QUẢN TRỊ
CÔNG TYCƠ CẤU
QUẢN TRỊ
CÔNG TYTÀI LIỆU NỘI BỘ
VE QUẢN TRỊ
CÔNG TYGIỚI THIỆU VE
QUẢN TRỊ
CƠ ĐỒNGĐẠI HỘI
ĐỒNG CỔ ĐỒNGHỘI ĐỒNG
QUẢN TRỊ

BAN GIÁM ĐỐC

THỦ KÝ CÔNG TY

MỘT TRƯỞNG
KIỂM SÁTCÔNG BỐ
THÔNG TINGIAO DỊCH VỚI
NGƯỜI CÓ LIÊN
QUAN (GOLU)

CỐ TỨC

VỐN ĐIỀU LỆ



Những vấn đề Chủ tịch HĐQT cần lưu ý:

- Đại hội Đồng Cổ đông (ĐHĐCĐ) sáng lập có xác lập bảo đảm để cổ phần được đăng ký và thanh toán đầy đủ và việc góp vốn bằng hiện vật đã tuân thủ quy định pháp luật? ĐHĐCĐ sáng lập có quyết định về việc cổ đông sáng lập của công ty đã thực hiện xong nghĩa vụ góp vốn ban đầu và các khoản góp vốn bằng hiện vật đã được định giá hợp lý?
- Hội đồng Quản trị (HĐQT) có hiểu biết rõ ràng về nhu cầu tài chính của công ty và các phương án tài chính doanh nghiệp khác nhau không? HĐQT có được trao quyền để quyết định việc tăng vốn điều lệ không? HĐQT có cân nhắc để tránh làm giảm tỷ lệ sở hữu của cổ đông khi quyết định hạn chế hoặc loại trừ quyền ưu tiên mua trước cổ phần của cổ đông không?
- Việc tăng vốn có hợp lý không? Công ty có cung cấp cho cổ đông đầy đủ thông tin về lý do tăng vốn và tác động của việc tăng vốn đối với cổ đông?
- HĐQT có bảo đảm rằng vốn điều lệ và chủ nợ được bảo vệ phù hợp trong trường hợp giảm vốn điều lệ không? HĐQT có ra quyết định mua lại cổ phần không? HĐQT có bảo đảm cổ đông đăng ký bán lại cổ phần cho công ty được đối xử công bằng không?
- HĐQT làm thế nào để bảo đảm rằng quỹ dự phòng đã được sử dụng một cách tối ưu cho lợi ích của công ty? Công ty đã lập quỹ dự phòng nào khác?

Luật Doanh nghiệp (LDN) và các quy định khác liên quan đã gắn một số chức năng bảo vệ cho vốn điều lệ của công ty, bao gồm việc bảo vệ cổ đông khỏi các rủi ro do cổ phiếu bị pha loãng và bảo đảm ở mức tối thiểu việc thanh toán các khoản nợ của công ty. Mặc dù riêng vốn điều lệ sẽ không đáp ứng được vai trò này, vốn điều lệ vẫn tạo ra một yếu tố để bảo vệ lợi ích của chủ nợ.

Đối với cổ đông, quy mô vốn điều lệ đóng vai trò hết sức quan trọng vì sẽ có ảnh hưởng trực tiếp đến quyền của cổ đông, tương ứng với mức đầu

tư vốn điều lệ của cổ đông. Vốn điều lệ¹ được định nghĩa theo luật pháp, chứ không mang ý nghĩa kinh tế. Do đó, vốn điều lệ chỉ tồn tại trong phạm vi kế toán, như ghi nhận trong bảng cân đối kế toán. Do vậy, vai trò của vốn điều lệ trong vai trò biện pháp bảo vệ thường chỉ được coi là có tính thủ tục. Tuy nhiên, vốn điều lệ vẫn là một yếu tố bắt buộc khi thành lập công ty theo quy định pháp luật, với quy định cụ thể về việc thay đổi vốn điều lệ. Chương này cũng xem xét những cơ chế bổ sung được thiết kế để bảo vệ quyền của cổ đông và chủ nợ, bao gồm việc công ty mua lại cổ phần, quyền của cổ đông trong việc yêu cầu công ty mua lại cổ phần, việc sở hữu chéo cũng như việc duy trì quỹ dự phòng bắt buộc.

13.1. Quy định Chung về Vốn Điều Lệ

Vốn điều lệ là một khía cạnh quan trọng trong khung pháp lý về công ty cổ phần. Công ty cổ phần được định nghĩa là một tổ chức thương mại có vốn điều lệ được xác định và phân chia thành một số lượng cổ phần nhất định. Những cổ phần này xác nhận quyền của cổ đông liên quan đến cổ phần của họ trong công ty.

Vốn điều lệ có một số ý nghĩa pháp lý quan trọng để:

- Xác định trách nhiệm của cổ đông.
- Xác định các quyền của cổ đông tương ứng với tỷ lệ góp vốn trong tổng vốn điều lệ của công ty.
- Xác định giá trị tài sản tối thiểu cần thiết để bảo vệ quyền lợi của chủ nợ. Chủ nợ có thể dựa vào những tài sản này khi tìm cách bảo đảm để công ty thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ theo hợp đồng.

13.1.1. Định nghĩa Vốn Điều Lệ

Vốn điều lệ của công ty cổ phần là tổng mệnh giá cổ phần các loại đã bán. Vốn điều lệ của công ty cổ phần khi đăng ký thành lập doanh nghiệp là tổng mệnh giá cổ phần các loại đã được đăng ký mua và được ghi trong Điều lệ Công ty.² Số cổ phần được đăng ký mua là số cổ phần đã được cổ đông thanh toán đủ cho công ty.

¹ Thuật ngữ “charter capital” là Vốn điều lệ trong tiếng Việt.

² Khoản 33, Điều 4 và Khoản 1, Điều 112, LDN.

- GỚI THIỆU VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
- CƠ CẤU QUẢN TRỊ CÔNG TY
- TÀI LIỆU NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
- GỚI THIỆU VỀ QUYỀN CỦA CỔ ĐÔNG
- ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
- HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
- BAN GIÁM ĐỐC
- THỦ KÝ CÔNG TY
- HOẠT ĐỘNG KIỂM SOÁT
- CÔNG BỐ THÔNG TIN
- GAO DỊCH VỚI NGƯỜI CÒN LIÊN QUAN (GOLU)
- CỐ TỨC
- VỐN ĐIỀU LỆ

Dựa trên định nghĩa này, cần lưu ý rằng vốn điều lệ được ghi trong đăng ký kinh doanh không nhất thiết là vốn điều lệ của công ty. Các trường hợp vốn điều lệ ghi trong đăng ký kinh doanh khác với vốn điều lệ của công ty bao gồm trường hợp công ty phát hành cổ phần mới để tăng vốn điều lệ, nhưng cổ phần này không được thanh toán đủ cho công ty.

13.1.2. Vốn Pháp định hoặc Vốn Điều lệ Tối thiểu

Vốn pháp định là mức vốn tối thiểu phải có theo quy định của pháp luật để thành lập doanh nghiệp. Tại Việt Nam, chính phủ quy định mức vốn pháp định cụ thể cho từng ngành nghề và lĩnh vực kinh doanh thông qua các văn bản pháp luật chuyên ngành, theo đó mỗi ngành nghề khác nhau có một mức vốn pháp định khác nhau. Những doanh nghiệp kinh doanh các ngành nghề mà luật pháp có quy định về vốn pháp định phải duy trì mức vốn điều lệ không thấp hơn mức vốn pháp định trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh.

Cần lưu ý rằng LDN số 59/2020/QH14 không định nghĩa “vốn pháp định”. Thuật ngữ này được định nghĩa trong LDN số 60/2005/QH11 và được đề cập trong Nghị định số 155/2020/NĐ-CP, là mức vốn tối thiểu phải có đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện. Vốn pháp định thường được đề cập trong các quy định cụ thể của ngành. Doanh nghiệp phải đóng góp đủ số vốn pháp định từ khi bắt đầu hoạt động trong các ngành, nghề yêu cầu phải có vốn pháp định.

Không phải tất cả các ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh đều phải đáp ứng yêu cầu về mức vốn điều lệ tối thiểu mới có thể thành lập được công ty. Những ngành nghề kinh doanh phải đáp ứng yêu cầu về mức vốn pháp định bao gồm ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm, du lịch, dịch vụ lao động và kinh doanh vàng bạc, v.v... Ví dụ, ngân hàng thương mại phải có vốn pháp định tối thiểu là 3.000 tỷ đồng, công ty tài chính 500 tỷ đồng, tổ chức tài chính vi mô 5 tỷ đồng.³ Vốn pháp định bắt buộc của công ty môi giới chứng khoán là 25 tỷ đồng.⁴ Công ty bảo hiểm nhân thọ (trừ bảo hiểm hưu trí) và công ty bảo hiểm sức khỏe phải có vốn pháp định tối thiểu là 600 tỷ đồng.⁵

³ TĐiều 2, Nghị định 86/2019/NĐ-CP.

⁴ Điều 175, Nghị định 155/2020/NĐ-CP.

⁵ Khoản 2a, Điều 10, Nghị định 73/2016/NĐ-CP.

Yêu cầu của luật pháp về vốn pháp định nhằm mục đích bảo vệ quyền lợi của khách hàng, chủ nợ, và các bên có quyền lợi liên quan khác của những công ty hoạt động trong lĩnh vực, ngành nghề kinh doanh đó.

13.1.3. Vốn Điều lệ và Vốn Cổ phần

Cổ phần được quyền chào bán là số cổ phần tối đa mà công ty có thể chào bán, hay còn gọi là vốn cổ phần. Số cổ phần này được ghi trong Điều lệ Công ty tại thời điểm thành lập nhưng có thể được thay đổi nếu được cổ đông thông qua. Cổ phần được quyền chào bán được định nghĩa là tổng số cổ phần các loại mà ĐHCĐ quyết định sẽ chào bán để huy động vốn. Số cổ phần được quyền chào bán của công ty cổ phần khi đăng ký thành lập doanh nghiệp là tổng số cổ phần các loại mà công ty sẽ chào bán để huy động vốn, bao gồm cổ phần đã được đăng ký mua và cổ phần chưa được đăng ký mua.⁶

Công ty cổ phần không nhất thiết phải chào bán toàn bộ số cổ phần được quyền chào bán. Để giúp công ty chủ động hơn và giảm chi phí pháp lý cho mỗi đợt chào bán, số lượng cổ phần được quyền chào bán thường lớn hơn nhiều so với số lượng cổ phần mà công ty cần. Trường hợp công ty không chào bán toàn bộ số cổ phần được quyền chào bán, những cổ phần này được xem là được phép chào bán nhưng chưa bán.⁷

Chỉ có số cổ phần đã được chào bán và thanh toán đủ mới hình thành vốn điều lệ của công ty. Theo quy định tại LDN, cổ đông phải thanh toán đủ số cổ phần đã đăng ký mua trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Điều lệ Công ty hoặc thỏa thuận đăng ký mua cổ phần quy định thời hạn ngắn hơn. Trường hợp cổ đông góp vốn bằng tài sản thì thời gian vận chuyển nhập khẩu, thực hiện thủ tục hành chính để chuyển quyền sở hữu tài sản đó không tính vào thời hạn góp vốn này.⁸

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, công ty cổ phần có thể quyết định phát hành thêm cổ phần để tăng vốn điều lệ.

6 Khoản 3, Điều 112, LDN.

7 Khoản 4, Điều 112, LDN.

8 Khoản 1, Điều 113, LDN.

GỚI THIỆU VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
CƠ CẤU QUẢN TRỊ CÔNG TY
TÀI LIỆU NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
GỚI THIỆU VỀ QUYỀN CỎ ĐÔNG CỔ ĐÔNG
ĐẠI HỘI ĐÔNG CỔ ĐÔNG
HỘI ĐÔNG QUẢN TRỊ
BAN GIÁM ĐỐC
THỦ KÝ CÔNG TY
MỐI TRƯỞNG KIỂM SÁT
CÔNG BỐ THÔNG TIN
GIAO DỊCH VỚI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN (GOLU)
CỐ TỨC
VỐN ĐIỀU LỆ

13.1.4. Thanh toán Đầy đủ Vốn Cổ phần

Cổ phần đã được chào bán và đăng ký mua trong thời gian thành lập công ty phải được thanh toán đầy đủ trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.⁹

Trường hợp cổ đông chưa thanh toán hoặc chỉ thanh toán một phần số cổ phần đã đăng ký mua thì thực hiện theo quy định sau đây:¹⁰

- Cổ đông chưa thanh toán số cổ phần đã đăng ký mua đương nhiên không còn là cổ đông của công ty và không được chuyển nhượng quyền mua cổ phần đó cho người khác.
- Cổ đông chỉ thanh toán một phần số cổ phần đã đăng ký mua có quyền biểu quyết, nhận lợi tức và các quyền khác tương ứng với số cổ phần đã thanh toán, và không được chuyển nhượng quyền mua số cổ phần chưa thanh toán cho người khác.
- Cổ phần chưa thanh toán được coi là cổ phần chưa bán và HĐQT được quyền bán.
- Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn phải thanh toán đủ số cổ phần đã đăng ký mua, công ty phải đăng ký điều chỉnh vốn điều lệ bằng mệnh giá số cổ phần đã được thanh toán đủ, trừ trường hợp số cổ phần chưa thanh toán đã được bán hết trong thời hạn này, và đăng ký thay đổi cổ đông sáng lập.

Trong trường hợp số cổ phần đăng ký mua của cổ đông sáng lập không được thanh toán đủ, cổ đông sáng lập phải liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ của công ty tương ứng với giá trị của số cổ phần không được thanh toán.

Đối với các công ty niêm yết, Điều lệ Mẫu quy định, trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phiếu, HĐQT thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại và chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua cho công ty cho thiệt hại do không thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần trong một thời hạn xác định (tối thiểu bảy ngày kể từ ngày thông báo). Nếu trong thời hạn này mà cổ đông vẫn không thanh toán đủ tiền mua cổ phần thì HĐQT có

⁹ Khoản 1, Điều 113, LDN.

¹⁰ Khoản 3, Điều 113, LDN.

quyền thu hồi số cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ và đúng hạn nếu yêu cầu đó không được thực hiện. Cổ phần bị thu hồi sẽ trở thành tài sản của công ty. HĐQT có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi, hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà HĐQT thấy là phù hợp. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với số cổ phần đó, nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm tương ứng với tổng giá trị danh nghĩa của số cổ phần đã đăng ký mua khi bị thu hồi theo quyết định của HĐQT trong thời hạn kể từ ngày thu hồi đến hết ngày thanh toán. HĐQT có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.¹¹

13.1.5. Góp Vốn Điều lệ

Thông thường, tài sản góp vốn là Đồng Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết kỹ thuật, tài sản khác có thể định giá được bằng Đồng Việt Nam.¹² Tài sản góp vốn khi thành lập doanh nghiệp phải được các thành viên, cổ đông sáng lập định giá theo nguyên tắc đồng thuận hoặc do một tổ chức thẩm định giá định giá. Trường hợp tổ chức thẩm định giá định giá thì giá trị tài sản góp vốn phải được trên 50% số thành viên, cổ đông sáng lập chấp thuận. Trường hợp tài sản góp vốn được định giá cao hơn so với giá trị thực tế của tài sản đó tại thời điểm góp vốn thì các thành viên, cổ đông sáng lập cùng liên đới góp thêm bằng số chênh lệch giữa giá trị được định giá và giá trị thực tế của tài sản góp vốn tại thời điểm kết thúc định giá, và liên đới chịu trách nhiệm đối với thiệt hại do cố ý định giá tài sản góp vốn cao hơn giá trị thực tế.¹³

Tài sản góp vốn trong quá trình hoạt động do chủ sở hữu, Hội đồng Thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn và công ty hợp danh, HĐQT đối với công ty cổ phần và người góp vốn thỏa thuận định giá hoặc do một tổ chức thẩm định giá định giá. Trường hợp tài sản góp vốn được định giá cao hơn giá trị thực tế của tài sản đó tại thời điểm góp vốn thì người góp vốn hoặc thành viên HĐQT đối với công ty cổ phần cùng liên đới góp thêm bằng số chênh lệch giữa giá trị được định giá và giá trị thực tế của tài sản góp vốn tại thời điểm kết thúc định giá, và liên đới chịu trách nhiệm đối với thiệt hại do việc cố ý định giá tài sản góp vốn cao hơn giá trị thực tế.¹⁴

¹¹ Điều 10, Thông tư 116/2020/TT-BTC, Điều lệ mẫu.

¹² Khoản 1, Điều 34, LDN.

¹³ Khoản 2, Điều 36, LDN.

¹⁴ Khoản 3, Điều 36, LDN.

GỚI THIỆU
VỀ QUẢN TRỊ
CÔNG TY

CƠ CẤU
QUẢN TRỊ
CÔNG TY

TÀI LIỆU NỘI BỘ
VỀ QUẢN TRỊ
CÔNG TY

GỚI THIỆU VỀ
QUYỀN CỎ ĐÔNG
CỎ ĐÔNG

ĐẠI HỘI
ĐỒNG CỎ ĐÔNG

HỘI ĐỒNG
QUẢN TRỊ

BAN GIÁM ĐỐC

THỦ KÝ CÔNG TY

HỘI TRƯỞNG
KIỂM SÁT

CÔNG BỐ
THÔNG TIN

GAO DI CHÚC VỚI
NGƯỜI CỎ LIÊN
QUAN (GỎ LỢ)

CỐ TỨC

VỐN ĐIỀU LỆ



THÔNG LỆ TỐT NHẤT

Cổ đông, người lao động, nhà thầu, hoặc bất kỳ người nào khác liên kết với công ty không được thực hiện định giá cho chính công ty.

Công ty nên sử dụng một tổ chức định giá độc lập được cấp phép để xác định giá trị thị trường của tài sản, công nợ, và các nghĩa vụ tài sản khác của công ty. Tổ chức định giá độc lập cũng có thể cung cấp trợ giúp đáng kể cho ban giám đốc và cổ đông trong quá trình tái tổ chức công ty.

Theo thông lệ tốt, các tổ chức định giá độc lập cần mua bảo hiểm trách nhiệm dân sự.

13.2. Tăng Vốn Điều lệ

Nhiều yếu tố khác nhau - như điều kiện thị trường, mở rộng kinh doanh, và các hình thức tổ chức lại doanh nghiệp khác - có thể dẫn tới việc công ty cần tăng vốn điều lệ. Vốn điều lệ có thể được huy động từ các nguồn sau đây:

- Nguồn vốn bên ngoài, như thu hút các nguồn lực tài chính của các cổ đông hiện hữu hoặc từ người góp vốn mới, hoặc
- Nguồn vốn nội bộ của công ty bằng cách chuyển đổi các quỹ thuộc nguồn vốn chủ sở hữu thành vốn.

Phần này thảo luận về những vấn đề quan trọng nhất mà một công ty phải giải quyết khi tăng vốn điều lệ.

13.2.1. Phương thức Tăng Vốn Điều lệ

Việc tăng vốn điều lệ có thể được thực hiện thông qua nhiều hình thức theo quy định tại LDN 2020 và Luật Chứng khoán (LCK) 2019.

1. Chào bán cổ phần:

Công ty cổ phần có thể tăng vốn điều lệ bằng cách chào bán cổ phần. Quy trình này được quy định tại Điều 123 LDN 2020, nêu rõ trình tự, thủ tục và điều kiện chào bán cổ phần. Ngoài ra, LCK 2019 còn quy định chi tiết về chào bán cổ phần ra công chúng và chào bán cổ phần riêng lẻ, quy định rõ các điều kiện chào bán cổ phần ra công chúng, bao gồm các yêu cầu liên quan đến vốn điều lệ, lợi nhuận, và cơ cấu cổ đông.¹⁵

¹⁵ Khoản 45, Điều 4, LCK định nghĩa người nội bộ doanh nghiệp bao gồm những người nắm giữ các vị trí quan trọng trong việc quản lý doanh nghiệp, quỹ đại chúng hoặc công ty đầu tư đại chúng.

Để tăng vốn điều lệ, công ty phải xin ý kiến chấp thuận của cổ đông về phương án tăng vốn. Chào bán cổ phần là việc công ty tăng thêm số lượng cổ phần được quyền chào bán và thực hiện việc bán số cổ phần này.¹⁶ Các hình thức chào bán cổ phần được quy định tại LDN bao gồm¹⁷:

- Chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu: Trong trường hợp này, công ty chào bán toàn bộ cổ phần cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ sở hữu cổ phần hiện có của họ.^{18,19} Cổ đông có quyền chuyển quyền mua cổ phần của mình cho người khác.²⁰ Trường hợp số lượng cổ phần chào bán không đăng ký mua hết, HĐQT có quyền bán số cổ phần được quyền chào bán còn lại cho cổ đông của công ty và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông, trừ trường hợp ĐHCĐ có chấp thuận khác hoặc pháp luật về chứng khoán có quy định khác.²¹ Cổ phần được coi là đã bán khi được thanh toán đủ và những thông tin về người mua được ghi đầy đủ vào sổ đăng ký cổ đông.²²
- Chào bán cổ phần ra công chúng: Khi thực hiện chào bán cổ phần ra công chúng, công ty cổ phần niêm yết, công ty đại chúng phải tuân thủ quy định pháp luật chứng khoán hiện hành.^{23,24}
- Chào bán cổ phần riêng lẻ: Đối với chào bán cổ phần riêng lẻ của công ty cổ phần không phải là công ty đại chúng phải đáp ứng các điều kiện quy định tại Khoản 1, Điều 125, LDN 2000, cụ thể:
 - Không chào bán thông qua phương tiện thông tin đại chúng.
 - Chào bán cho dưới 100 nhà đầu tư, không kể nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp hoặc chỉ chào bán cho nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp.

Công ty thực hiện đăng ký thay đổi vốn điều lệ trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thành đợt bán cổ phần.²⁵

¹⁶ Điều 123, LDN.

¹⁷ Khoản 2, Điều 123, LDN.

¹⁸ Đối với công ty cổ phần đại chúng, việc chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 124 LDN.

¹⁹ Đối với công ty cổ phần không phải là công ty đại chúng, việc chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu được thực hiện theo quy định tại Khoản 2, Điều 124 LDN.

²⁰ Khoản 2c, Điều 124, LDN.

²¹ Khoản 3, Điều 124, LDN.

²² Khoản 4, Điều 124, LDN.

²³ Khoản 2c và khoản 3, Điều 123, LDN.

²⁴ Khoản 2, Điều 15, LCK.

²⁵ Khoản 4, Điều 123, LDN.

GIỚI THIỆU
VỀ QUẢN TRỊ
CÔNG TYCƠ CẤU
QUẢN TRỊ
CÔNG TYTÀI LIỆU NỘI BỘ
VỀ QUẢN TRỊ
CÔNG TYGIỚI THIỆU VỀ
QUYỀN CỦA
CỔ ĐÔNGĐẠI HỘI
ĐÔNG CỔ ĐÔNGHỘI ĐỒNG
QUẢN TRỊ

BAN GIÁM ĐỐC

THỦ KÝ CÔNG TY

MỐI QUAN HỆ
KIỂM SÁTCÔNG BỐ
THÔNG TINGIAO DỊCH VỚI
NGƯỜI CÓ LIÊN
QUAN (GOLU)

CỐ TỨC

VỐN ĐIỀU LỆ

2. Chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu

Một hình thức khác là chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi đã phát hành thành cổ phần. Hình thức này được quy định tại Điều 130 LDN²⁶, cho phép chào bán trái phiếu chuyển đổi và sau đó chuyển đổi thành cổ phiếu, qua đó tăng vốn điều lệ của công ty. Điều 15 LCK quy định các điều kiện mà công ty phải đáp ứng để chào bán trái phiếu chuyển đổi ra công chúng. Việc tăng vốn điều lệ chỉ được thực hiện khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện để chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu theo quy định của pháp luật và quy định tại phương án phát hành trái phiếu chuyển đổi.

3. Trả cổ tức bằng cổ phiếu

Công ty cũng có thể tăng vốn điều lệ bằng cách trả cổ tức bằng cổ phần thay vì bằng tiền mặt. Phương pháp này được quy định chi tiết tại Điều 135, LDN²⁷, cho phép công ty phát hành thêm cổ phần cho cổ đông hiện hữu dưới hình thức trả cổ tức, thực chất là tăng vốn điều lệ.

Công ty đại chúng muốn phát hành cổ phiếu để trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ phải được ĐHĐCĐ thông qua và có đủ nguồn thực hiện từ lợi nhuận sau thuế trên báo cáo tài chính năm gần nhất đã được kiểm toán.²⁸

4. Sáp nhập hoặc mua lại công ty khác

Tăng vốn điều lệ thông qua sáp nhập hoặc mua lại là một hình thức khả thi khác mà các công ty nhận sáp nhập có thể hợp nhất vốn điều lệ. Công ty bị sáp nhập chuyển toàn bộ tài sản, quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp cho công ty nhận sáp nhập, qua đó chấm dứt sự tồn tại của công ty bị sáp nhập.²⁹

5. Sử dụng thặng dư vốn để tăng vốn điều lệ

Các công ty có thể sử dụng thặng dư vốn để tăng vốn điều lệ. Quy trình này bao gồm việc kết chuyển nguồn thặng dư vốn để bổ sung tăng vốn điều lệ.³⁰ Thặng dư vốn (hay tài khoản thặng dư vốn) là phần vốn góp bổ sung (khoản thặng dư khi phát hành cổ phiếu theo mệnh giá), khoản lãi hoặc lỗ phát sinh

²⁷ Khoản 3, Điều 135, LDN.

²⁸ Điều 60, Nghị định 155/2020/NĐ-CP.

²⁹ Khoản 1, Điều 201, LDN.

³⁰ Thông tư 19/2003/TT-BTC và Nghị định 155/2020/NĐ-CP.

khi mua lại cổ phiếu quỹ, và mọi giá trị phát sinh khi bán các công cụ tài chính phức tạp. Vốn góp bổ sung khá phổ biến đối với các công ty cổ phần tại Việt Nam. Khi một công ty phát hành thêm cổ phiếu với mệnh giá cố định (thường là 10.000 đồng/cổ phiếu) để tăng vốn điều lệ, giá bán cổ phiếu có thể cao hơn hoặc thấp hơn mệnh giá. Chênh lệch này được ghi nhận là vốn góp bổ sung, còn được gọi là vốn góp vượt quá mệnh giá hay thặng dư vốn.

Điều quan trọng cần lưu ý là sẽ có những thay đổi đối với các quy định hiện hành điều chỉnh hoạt động này. Tại thời điểm phát hành sổ tay hướng dẫn này, phương án sử dụng thặng dư vốn để tăng vốn điều lệ được quy định tại Thông tư số 19/2003/TT-BTC (ngày 20/03/2003) của Bộ Tài chính (BTC) hướng dẫn điều chỉnh tăng giảm vốn điều lệ và quản lý cổ phiếu quỹ trong công ty cổ phần. Tuy nhiên, ngày 17/04/2023, BTC đã ban hành Công văn số 3755/BTC-TCDN về góp ý đối với đề xuất bãi bỏ Thông tư 19. Nếu thông tư này bị BTC bãi bỏ, sẽ không có quy định nào cho phép công ty cổ phần chuyển phần thặng dư vốn để tăng vốn điều lệ vì lựa chọn này sẽ không được quy định trong các hình thức để công ty cổ phần huy động vốn theo LDN. Khác với công ty cổ phần, công ty đại chúng có cơ sở pháp lý vững chắc cho việc chuyển thặng dư vốn để tăng vốn điều lệ theo quy định tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.³¹

Mặc dù còn phụ thuộc vào việc áp dụng các điều kiện cụ thể cho từng trường hợp, những nguồn vốn nội bộ mà công ty có thể sử dụng để tăng vốn điều lệ bao gồm:³²

- Thặng dư vốn cổ phần.
- Quỹ đầu tư phát triển.
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu được sử dụng để bổ sung vốn điều lệ theo quy định của pháp luật.

Chỉ có các cổ đông có tên trong danh sách cổ đông của công ty do HĐQT xác định sau ngày được các cơ quan thẩm quyền chấp thuận việc phát

³¹ Theo Nghị định 155/2020/NĐ-CP, Điều 62 quy định chi tiết thi hành một số điều của LDN, công ty đại chúng được phép phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ từ nguồn vốn chủ sở hữu.

³² Thông tư 19/2003/TT-BTC có một số quy định áp dụng cho việc tăng vốn điều lệ từ nguồn thặng dư vốn cổ phần. Đối với khoản chênh lệch tăng giữa giá bán và giá vốn mua vào của cổ phiếu quỹ, công ty được sử dụng toàn bộ chênh lệch để tăng vốn điều lệ. Đối với khoản chênh lệch giữa giá bán với mệnh giá cổ phiếu được phát hành để thực hiện các dự án đầu tư, khi dự án đầu tư đã hoàn thành đưa vào khai thác, sử dụng. Đối với khoản chênh lệch giữa giá bán với mệnh giá cổ phiếu được phát hành để cơ cấu lại nợ, bổ sung vốn kinh doanh thì công ty cổ phần chỉ được sử dụng để bổ sung tăng vốn điều lệ sau một năm kể từ thời điểm kết thúc đợt phát hành. Tuy nhiên, thông tư này đang được xem xét bãi bỏ.

GIỚI THIỆU
VE QUẢN TRỊ
CÔNG TYCƠ CẤU
QUẢN TRỊ
CÔNG TYTÀI LIỆU NỘI BỘ
VE QUẢN TRỊ
CÔNG TYGIỚI THIỆU VE
QUẢN TRỊ
CƠ ĐỒNGĐẠI HỘI
ĐỒNG CỔ ĐÔNGHỘI ĐỒNG
QUẢN TRỊ

BAN GIÁM ĐỐC

THỦ KÝ CÔNG TY

MỐI TRƯỜNG
KIỂM SÁTCÔNG BỐ
THÔNG TINGIAO DỊCH VỚI
NGƯỜI CÒN LIÊN
QUAN (GOLLO)

CỐ TỨC

VỐN ĐIỀU LỆ

hành cổ phần mới từ nguồn vốn tự có của công ty mới có quyền nhận các cổ phần này. Số lượng cổ phần mà mỗi cổ đông nhận được được tính theo tỷ lệ số cổ phần mà họ nắm giữ trên tổng giá trị vốn cổ phần hiện hành của công ty.

Mọi trường hợp tăng vốn điều lệ phải tuân thủ trình tự, thủ tục và điều kiện quy định tại các văn bản pháp luật nêu trên. HĐQT phải lập phương án tăng vốn điều lệ trình ĐHĐCĐ thông qua và đăng ký thay đổi với cơ quan đăng ký kinh doanh có thẩm quyền.

Về mặt lý thuyết, tất cả các hình thức tăng vốn điều lệ đều có thể được thực hiện thông qua việc phát hành thêm cổ phần. Tại nhiều quốc gia, để tăng vốn điều lệ các công ty thường phát hành cổ phần với mệnh giá cao hơn. Tuy nhiên, các công ty phải chào bán cổ phiếu mới phát hành trong bối cảnh tăng vốn điều lệ cho cổ đông hiện hữu, tương ứng với tỷ lệ với cổ phần cùng loại do cổ đông sở hữu. Quy định này áp dụng trừ trường hợp tăng vốn thuộc Kế hoạch Sở hữu Cổ phần của Người lao động (ESOP) hoặc chào bán cổ phần riêng lẻ.

Nguồn tài trợ cho việc tăng vốn theo các phương pháp nêu trên bao gồm huy động thêm vốn, tăng vốn từ việc chuyển đổi trái phiếu thành vốn cổ phần, và thặng dư vốn. Chi tiết về các hình thức tăng vốn điều lệ được tổng hợp tại Bảng 1 dưới đây.

Bảng 1. Tăng Vốn Điều lệ

	Huy động thêm vốn	Tăng vốn từ việc chuyển đổi trái phiếu thành vốn cổ phần	Tăng vốn từ thặng dư vốn cổ phần, lợi nhuận giữ lại và các quỹ khác
Nguồn vốn	Từ bên ngoài.	Từ bên ngoài.	Nguồn vốn nội bộ trong công ty.
Bên góp vốn	Cổ đông hiện hữu và bên thứ ba.	Chủ sở hữu trái phiếu chuyển đổi.	Công ty (sử dụng các quỹ từ nguồn vốn nội bộ theo quy định của pháp luật).
Mục đích	Để huy động thêm vốn. Tuy nhiên, hình thức này sẽ làm giảm tỷ lệ nắm giữ cổ phần của các cổ đông hiện hữu trong trường hợp các cổ đông hiện hữu không sẵn sàng/không thể sử dụng quyền ưu tiên mua trước của họ.	Cho phép chủ sở hữu trái phiếu chuyển đổi thực hiện quyền chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu.	Để tăng nguồn vốn chủ sở hữu của công ty, giảm các quỹ thuộc nguồn vốn chủ sở hữu.

	Huy động thêm vốn	Tăng vốn từ việc chuyển đổi trái phiếu thành vốn cổ phần	Tăng vốn từ thặng dư vốn cổ phần, lợi nhuận giữ lại và các quỹ khác
Người nhận cổ phần	Cổ đông hiện hữu và bên thứ ba.	Chủ sở hữu trái phiếu chuyển đổi.	Cổ đông hiện hữu.
Thay đổi cơ cấu sở hữu của công ty	Có thể thay đổi.	Có.	Không.
Hình thức tăng vốn	Phát hành thêm cổ phần.	Phát hành thêm cổ phần.	Phát hành thêm cổ phần.
Phương pháp phân phối cổ phần	Đăng ký mua cổ phần (mở hoặc đóng).	Chuyển đổi trái phiếu.	Phân phối quỹ.
Chủ thể quản trị có thẩm quyền phê duyệt	ĐHĐCĐ, trừ trường hợp ủy quyền cho HĐQT.	ĐHĐCĐ.	ĐHĐCĐ.
Áp dụng quyền ưu tiên mua trước	Có.	Không.	Không.

13.2.2. Bảo vệ Quyền Sở hữu khi Tăng Vốn Điều lệ

Cơ cấu sở hữu của công ty có thể sẽ thay đổi khi tăng vốn điều lệ từ các khoản góp vốn bên ngoài. Như đã nhấn mạnh từ các phần trước, tỷ lệ sở hữu của các cổ đông hiện hữu có xu hướng bị suy giảm do việc phát hành thêm cổ phần. Do đó, một nguyên tắc bất di bất dịch trong việc phát hành cổ phần mới là cổ đông hiện hữu của công ty được quyền ưu tiên mua đối với số cổ phần mới này để bảo vệ cổ đông trước rủi ro cổ phần bị pha loãng.³³

Khi tăng vốn điều lệ từ nguồn vốn nội bộ, số cổ phiếu phát hành thêm phải được phân phối cho tất cả các cổ đông hiện hữu theo từng loại cổ phiếu tương ứng với tỷ lệ cổ phần nắm giữ của từng cổ đông.

Hiện tại, ở Việt Nam, không có quy định cụ thể về việc xử lý đối với cổ phần lẻ. Tuy nhiên, theo thông lệ trên thị trường, số cổ phần được phát hành thêm sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị. HĐQT công ty sẽ quyết định việc xử lý số cổ phần lẻ này bằng cách mua lại cổ phần lẻ làm cổ phiếu quỹ hoặc kết chuyển tổng mệnh giá số cổ phần lẻ này vào quỹ đầu tư phát triển.

³³ Khoản 1d, Điều 49, Khoản 1c, Điều 115, LDN, và Khoản 1c, Điều 12, Thông tư 116/2020/TT-BTC, Điều lệ Mẫu.

GIỚI THIỆU
VE QUẢN TRỊ
CÔNG TYCƠ CẤU
QUẢN TRỊ
CÔNG TYTÀI LIỆU NỘI BỘ
VE QUẢN TRỊ
CÔNG TYGIỚI THIỆU VE
QUYỀN CHỌA
CƠ ĐỒNGĐẠI HỘI
ĐỒNG CỔ ĐÔNGHỘI ĐỒNG
QUẢN TRỊ

BAN GIÁM ĐỐC

THỦ KÝ CÔNG TY

MỐI TRƯỜNG
KIỂM SÁTCÔNG BỐ
THÔNG TINGIAO DỊCH VỚI
NGƯỜI CÒN LIÊN
QUAN (GOLU)

CỐ TỨC

VỐN ĐIỀU LỆ



THÔNG LỆ TỐT NHẤT

Thông thường, số lượng cổ phiếu phát hành thêm sẽ được làm tròn xuống hàng đơn vị. ĐHĐCĐ sẽ quyết định cách xử lý số cổ phiếu còn dư do làm tròn. Một số công ty có thể chuyển nhượng mệnh giá của những cổ phiếu đó để tài trợ cho đầu tư và phát triển, một số công ty khác có thể mua lại những cổ phiếu đó để giữ trong quỹ dự phòng của công ty.

Khi công ty đại chúng dự định phát hành cổ phiếu để trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu và tăng vốn điều lệ của công ty, công ty có thể thực hiện việc này với điều kiện:

- ĐHĐCĐ thông qua việc phát hành, và
- Công ty có đủ nguồn tiền phục vụ đợt phát hành từ lợi nhuận sau thuế, căn cứ vào báo cáo tài chính đã kiểm toán gần nhất của công ty.

13.2.3. Thủ tục Tăng vốn Điều lệ

LDN và các quy định về chứng khoán quy định những quy tắc cụ thể mà các công ty đại chúng cần phải tuân thủ trong quá trình điều chỉnh vốn điều lệ, với mục tiêu chính là bảo vệ quyền của cổ đông. UBCKNN có vai trò quan trọng trong quá trình với việc phê duyệt và đăng ký phát hành cổ phần, nhờ đó bảo đảm sự hợp pháp của việc tăng vốn điều lệ và thúc đẩy các công ty thực hiện đầy đủ các thông lệ quản trị công ty tốt.

Đối với các ngân hàng thương mại cổ phần, việc tăng vốn điều lệ phải được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) phê duyệt. Quy trình, thủ tục, và hồ sơ để nghị NHNN chấp thuận thay đổi vốn điều lệ của ngân hàng thương mại cổ phần được quy định từ Điều 11 đến Điều 17 Thông tư 50/2018/TT-NHNN (ngày 31/12/2018) quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục chấp thuận một số nội dung thay đổi của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

Theo Nghị định số 155/2020/NĐ-CP của Chính phủ ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của LCK (Nghị định 155), việc phát hành cổ phiếu riêng lẻ sẽ chịu sự quản lý của các cơ quan Nhà nước sau:³⁴

³⁴ Điều 7, Nghị định 155/2020/NĐ-CP.

- NHNN: trường hợp tổ chức phát hành là tổ chức tín dụng.
- BTC: trường hợp tổ chức phát hành là công ty bảo hiểm.
- UBCKNN: các công ty đại chúng khác (trừ các tổ chức tín dụng và công ty bảo hiểm).

Ở cấp độ công ty, tùy thuộc vào phương án tăng vốn được lựa chọn và thẩm quyền, ĐHĐCĐ hoặc HĐQT đóng vai trò chủ đạo trong việc tăng vốn điều lệ, tùy thuộc vào phương thức lựa chọn và thẩm quyền quyết định trong thủ tục tăng vốn điều lệ.

ĐHĐCĐ Thông qua Quyết định Tăng vốn

Theo quy định tại LDN, HĐQT có thẩm quyền quyết định việc bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại đã được ĐHĐCĐ phê duyệt.

Tuy nhiên, đối với công ty đại chúng, việc phát hành cổ phiếu để trả cổ tức và việc phát hành cổ phiếu thưởng bắt buộc phải được ĐHĐCĐ của công ty phê duyệt.³⁵

Theo Điều lệ Mẫu, ĐHĐCĐ phải quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần mới của từng loại sẽ được quyền chào bán của từng loại cổ phần.³⁶ HĐQT có trách nhiệm kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại để trình lên ĐHĐCĐ phê duyệt.³⁷ Cổ đông, hoặc nhóm cổ đông, sở hữu từ 05% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp ĐHĐCĐ.³⁸

Điều lệ của công ty cổ phần phải được sửa đổi để phù hợp với vốn điều lệ mới sau quyết định tăng vốn. Tại Việt Nam, trên các biên bản họp ĐHĐCĐ, ĐHĐCĐ thường ủy quyền cho HĐQT sửa đổi các điều khoản trong Điều lệ Công ty để phản ánh những thay đổi về vốn do việc phát hành thêm cổ phần.

Vai trò của HĐQT trong các Quyết định Tăng Vốn Điều lệ

Theo LDN, ĐHĐCĐ quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán.³⁹ HĐQT quyết định việc bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại, và quyết

³⁵ Điều 60 & Điều 64, Nghị định 155/2020/NĐ-CP.

³⁶ Khoản 1b, Điều 15, Thông tư 116/2020/TT-BTC, Điều lệ Mẫu.

³⁷ Khoản 2b, Điều 27, Thông tư 116/2020/TT-BTC, Điều lệ Mẫu.

³⁸ Khoản 2d, Điều 12, Thông tư 116/2020/TT-BTC, Điều lệ Mẫu.

³⁹ Khoản 2b, Điều 138, LDN.

GIỚI THIỆU
VỀ QUẢN TRỊ
CÔNG TYCƠ CẤU
QUẢN TRỊ
CÔNG TYTÀI LIỆU NỘI BỘ
VỀ QUẢN TRỊ
CÔNG TYGIỚI THIỆU VỀ
QUYỀN CHỌA
CƠ ĐỒNGĐẠI HỘI
ĐỒNG CỔ ĐÔNGHỘI ĐỒNG
QUẢN TRỊ

BAN GIÁM ĐỐC

THỦ KÝ CÔNG TY

MỐI TƯƠNG
KIỂM SOÁTCÔNG BỐ
THÔNG TINGIAO DỊCH VỚI
NGƯỜI CÓ LIÊN
QUAN (GỎI)

CỐ TỨC

VỐN ĐIỀU LỆ

định huy động thêm vốn theo hình thức khác.⁴⁰ HĐQT cũng quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của công ty.⁴¹ Nhìn chung, mục đích của cổ phần được quyền chào bán là tạo điều kiện để các công ty cổ phần phát hành thêm cổ phiếu một cách dễ dàng. Sẽ là rườm rà, phức tạp, mất thời gian và tốn kém trong trường hợp cần sự thông qua của ĐHĐCĐ mỗi lần tăng vốn điều lệ. Điều này đồng thời sẽ khiến cho công ty gặp khó khăn khi cần huy động vốn một cách nhanh chóng nhằm đáp ứng sự thay đổi của môi trường kinh doanh. Để giúp doanh nghiệp tránh được vấn đề này, LDN cho phép các công ty trao quyền cho HĐQT phát hành cổ phần trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán để huy động vốn. Tuy nhiên, theo quy định của LCK, HĐQT chỉ có thẩm quyền phát hành thêm cổ phần đối với cổ phần chào bán riêng lẻ. Nghị quyết hoặc quyết định của HĐQT được thông qua nếu đa số thành viên dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch HĐQT.⁴²

Thông tin cần có trong Quyết định Chào bán Cổ phần

LDN quy định HĐQT quyết định giá chào bán cổ phần trong số cổ phần được quyền chào bán. Tuy nhiên, không có quy định cụ thể về thông tin và các nội dung cần phải có trong quyết định chào bán cổ phần.

Việc chào bán chứng khoán ra công chúng phải được đăng ký với UBCKNN, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận chào bán chứng khoán ra công chúng cho các công ty cổ phần. Hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng cần nộp cho UBCKNN bao gồm:⁴³

- Giấy đăng ký chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng.
- Bản cáo bạch.
- Điều lệ của tổ chức phát hành.
- Quyết định của ĐHĐCĐ thông qua phương án phát hành, phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán và văn bản cam kết niêm yết hoặc đăng ký giao dịch cổ phiếu trên hệ thống giao dịch chứng khoán.
- Văn bản cam kết đáp ứng: i) tối thiểu 15% số cổ phiếu có quyền biểu quyết của tổ chức phát hành phải được bán cho ít nhất 100 nhà đầu tư

⁴⁰ Khoản 2c, Điều 153, LDN.

⁴¹ Khoản 2d, Điều 153, LDN.

⁴² Khoản 12, Điều 157, LDN.

⁴³ Khoản 1, Điều 18, & Khoản 1, Điều 15, LCK.

không phải là cổ đông lớn (trường hợp vốn điều lệ của tổ chức phát hành từ 1.000 tỷ đồng trở lên, tỷ lệ tối thiểu là 10% số cổ phiếu có quyền biểu quyết của tổ chức phát hành) và ii) tổ chức phát hành không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích.

- Văn bản cam kết của các cổ đông lớn trước thời điểm chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng của tổ chức phát hành về việc cùng nhau nắm giữ ít nhất 20% vốn điều lệ của tổ chức phát hành tối thiểu là 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán.
- Hợp đồng tư vấn hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng với công ty chứng khoán.
- Văn bản xác nhận của ngân hàng về việc mở tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu của đợt chào bán.
- Cam kết bảo lãnh phát hành (nếu có).

Hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng phải kèm theo quyết định của HĐQT thông qua hồ sơ. Đối với việc chào bán cổ phiếu ra công chúng của tổ chức tín dụng, hồ sơ phải có văn bản chấp thuận của NHNN về thay đổi vốn điều lệ. Đối với việc chào bán chứng khoán ra công chúng của tổ chức kinh doanh bảo hiểm làm thay đổi vốn điều lệ, hồ sơ phải có văn bản chấp thuận của BTC về thay đổi vốn điều lệ.⁴⁴

Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng có hiệu lực, tổ chức phát hành phải công bố bản thông báo phát hành trên một tờ báo điện tử hoặc báo in trong ba số liên tiếp.⁴⁵



THÔNG LỆ TỐT NHẤT

Tại Việt Nam, tùy thuộc vào phương thức chào bán, thông báo chào bán cổ phiếu ra công chúng bao gồm các thông tin như được trình bày trong Bảng 2.

⁴⁴ Khoản 6, Điều 18, LCK.

⁴⁵ Khoản 3, Điều 25, LCK.

GIỚI THIỆU
VỀ QUẢN TRỊ
CÔNG TYCƠ CẤU
QUẢN TRỊ
CÔNG TYTÀI LIỆU NỘI BỘ
VỀ QUẢN TRỊ
CÔNG TYGIỚI THIỆU VỀ
QUYỀN CÒI
CƠ ĐỒNGĐẠI HỘI
ĐỒNG CỔ ĐÔNGHỘI ĐỒNG
QUẢN TRỊ

BAN GIÁM ĐỐC

THỦ KÝ CÔNG TY

MÔI TRƯỜNG
KIỂM SÁTCÔNG BỐ
THÔNG TINGIAO DỊCH VỚI
NGƯỜI CÒI LIÊN
QUAN (GÓI LỘ)

CỐ TỨC

VỐN ĐIỀU LỆ

Bảng 2. Các nội dung trên Bản Thông báo Chào bán Cổ phiếu ra Công chúng

Thông tin	Theo hình thức đăng ký mua cổ phần	Theo hình thức chuyển đổi trái phiếu thành cổ phần	Tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn tự có
Thay đổi vốn điều lệ	✓	✓	✓
Phương thức chào bán (Đăng ký mua cổ phần, chuyển đổi trái phiếu hay tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn tự có)	✓	✓	✓
Thời gian đăng ký/ thanh toán với công ty	✓	✓	✓
Mục đích tăng vốn			✓
Ngày chuyển đổi		✓	
Ngày đăng ký cuối cùng để người nắm giữ trái phiếu chuyển đổi thực hiện quyền thực hiện quyền ưu đãi chuyển đổi trái phiếu thành cổ phần		✓	
Tỉ lệ chuyển đổi		✓	
Ngày đăng ký cuối cùng để lập danh sách cổ đông	✓		✓
Các đối tượng được quyền mua/phân phối cổ phần	✓		✓
Nguồn vốn chào bán	✓		
Thời gian chào bán	✓		✓
Giá chào bán hoặc hoặc phương pháp xác định giá chào bán để bảo đảm thực hiện hiệu quả quyền của cổ đông	✓		✓
Loại cổ phiếu			✓
Thời gian cho việc chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu			✓
Địa điểm đăng ký mua cổ phiếu, thực hiện chuyển nhượng quyền mua và nhận bản cáo bạch			✓
Tài khoản ngân hàng để nhận tiền mua cổ phiếu.			✓

Đối với đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ của công ty đại chúng, tổ chức phát hành phải đáp ứng các điều kiện sau:⁴⁶

- Có quyết định của ĐHCĐ thông qua phương án phát hành và sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán, xác định rõ tiêu chí, số lượng nhà đầu tư.
- Đối tượng tham gia đợt chào bán chỉ bao gồm nhà đầu tư chiến lược, nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp.
- Việc chuyển nhượng cổ phiếu chào bán riêng lẻ, trái phiếu chuyển đổi chào bán riêng lẻ, trái phiếu kèm chứng quyền chào bán riêng lẻ bị hạn chế tối thiểu là ba năm đối với nhà đầu tư chiến lược và tối thiểu là một năm đối với nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán, trừ trường hợp chuyển nhượng giữa các nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp hoặc thực hiện theo bản án, quyết định của tòa án đã có hiệu lực pháp luật, quyết định của trọng tài hoặc thừa kế theo quy định của pháp luật.
- Các đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ, trái phiếu chuyển đổi riêng lẻ, trái phiếu kèm chứng quyền riêng lẻ phải cách nhau ít nhất sáu tháng kể từ ngày kết thúc đợt chào bán gần nhất.
- Việc chào bán cổ phiếu, chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu, thực hiện chứng quyền phải đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài theo quy định của pháp luật.

Việc chào bán cổ phần riêng lẻ của công ty cổ phần không phải là công ty đại chúng phải đáp ứng các điều kiện sau đây:⁴⁷

- Không chào bán thông qua phương tiện thông tin đại chúng.
- Chào bán cho dưới 100 nhà đầu tư, không kể nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp hoặc chỉ chào bán cho nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp.

Thanh toán Vốn Cổ phần bằng Hiện vật

Cổ phần của công ty cổ phần có thể được mua bằng Đồng Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết kỹ thuật, tài sản khác quy định tại Điều lệ Công ty.⁴⁸ Mặc dù

⁴⁶ Khoản 1, Điều 31, LCK.

⁴⁷ Khoản 1, Điều 125, LDN.

⁴⁸ Điều 131, LDN.

GIỚI THIỆU
VE QUẢN TRỊ
CÔNG TY

CƠ CẤU
QUẢN TRỊ
CÔNG TY

TÀI LIỆU NỘI BỘ
VE QUẢN TRỊ
CÔNG TY

GIỚI THIỆU VE
QUẢN TRỊ
CƠ ĐỒNG

ĐẠI HỘI
ĐỒNG CỔ ĐÔNG

HỘI ĐỒNG
QUẢN TRỊ

BAN GIÁM ĐỐC

THỦ KÝ CÔNG TY

MỘT TRƯỞNG
KIỂM SÁT

CÔNG BỐ
THÔNG TIN

GAO DI CHỨC VỚI
NGƯỜI CÒN LIÊN
QUAN (GỎI L)

CỐ TỨC

VỐN ĐIỀU LỆ

LDN cho phép việc thanh toán cổ phần bằng hiện vật, hiện vẫn chưa có quy định hoặc hướng dẫn cụ thể về thủ tục và thông tin trong bản công bố chào bán cổ phần riêng lẻ.

Theo thông lệ tốt, nếu quyết định chào bán cổ phần riêng lẻ cho phép các nhà đầu tư thanh toán số cổ phần phát hành thêm bằng các chứng khoán khác hoặc các tài sản khác có giá trị tiền tệ, quyết định đó cần nêu rõ:

- Mô tả chi tiết về phương thức góp vốn bằng hiện vật.
- Cá nhân mà từ đó các chứng khoán hoặc tài sản được mua lại.
- Số lượng và giá trị danh nghĩa (hoặc mệnh giá mỗi cổ phần) của cổ phần được mua trong trường hợp góp vốn bằng cổ phần.

Tài sản góp vốn không phải là đồng Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, hoặc vàng phải được các thành viên, thành viên hợp danh, cổ đông sáng lập hoặc tổ chức thẩm định giá định giá và được thể hiện thành đồng Việt Nam. Tài sản góp vốn khi thành lập doanh nghiệp phải được các thành viên, thành viên hợp danh, cổ đông sáng lập định giá theo nguyên tắc đồng thuận hoặc do một tổ chức thẩm định giá định giá. Trường hợp tổ chức thẩm định giá định giá thì giá trị tài sản góp vốn phải được trên 50% số thành viên, thành viên hợp danh, cổ đông sáng lập chấp thuận.

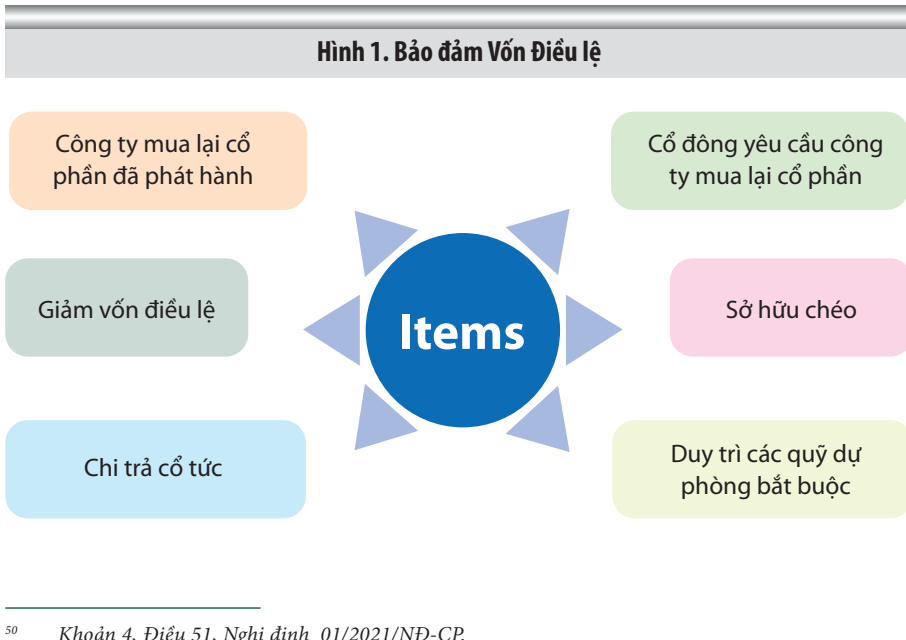
Tài sản góp vốn trong quá trình hoạt động do chủ sở hữu hoặc chủ thể quản trị phù hợp - Hội đồng Thành viên/thành viên hợp danh đối với công ty trách nhiệm hữu hạn và công ty hợp danh, hoặc HĐQT đối với công ty cổ phần - và người góp vốn thỏa thuận định giá hoặc do một tổ chức thẩm định giá định giá. Trường hợp tổ chức thẩm định giá định giá thì giá trị tài sản góp vốn phải được người góp vốn và chủ thể quản trị liên quan chấp thuận. Trường hợp tài sản góp vốn được định giá cao hơn giá trị thực tế của tài sản đó, người góp vốn, chủ sở hữu, thành viên Hội đồng Thành viên/thành viên hợp danh/thành viên HĐQT cùng liên đới góp thêm phần chênh lệch giá trị. Họ cũng phải liên đới chịu trách nhiệm đối với mọi thiệt hại do việc định giá tài sản góp vốn cao hơn giá trị thực tế.⁴⁹

⁴⁹ Điều 36, LDN.

13.3. Bảo đảm Vốn Điều lệ

Một trong những mục tiêu của vốn điều lệ là cung cấp bảo đảm tối thiểu rằng công ty sẽ thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ với chủ nợ. Tuy nhiên, chức năng này của vốn điều lệ chỉ có thể hiệu quả nếu không gắn với việc bảo toàn tài sản của công ty ở mức tối thiểu. Trong trường hợp giảm vốn điều lệ, công ty phải gửi thông báo về quyết định giảm vốn điều lệ tới cơ quan đăng ký kinh doanh nơi công ty đã đăng ký kinh doanh. Công ty cũng phải cam kết bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác còn lại sau khi việc giảm vốn điều lệ có hiệu lực.⁵⁰ Trường hợp giảm vốn đối với doanh nghiệp kinh doanh ngành, nghề phải có vốn pháp định, thì doanh nghiệp không thể đăng ký giảm vốn điều lệ xuống mức thấp hơn mức vốn pháp định áp dụng đối với ngành, nghề đó.

Một số các hoạt động khác có thể ảnh hưởng đến vốn điều lệ và giá trị tài sản ròng của công ty theo một hay nhiều cách khác nhau. Những hoạt động và cơ chế, như được trình bày tại Hình 1 dưới đây, sẽ ngăn ngừa việc công ty phân chia tài sản cho cổ đông và các bên có liên quan khác gây tổn thất cho các chủ nợ của công ty.



⁵⁰ Khoản 4, Điều 51, Nghị định 01/2021/NĐ-CP.

- GỚI THIỆU VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
- CƠ CẤU QUẢN TRỊ CÔNG TY
- TÀI LIỆU NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
- GỚI THIỆU VỀ QUẢN LÝ RỦI RO VÀ QUẢN LÝ CÔNG ĐỒNG
- ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
- HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
- BAN GIÁM ĐỐC
- THỦ KÝ CÔNG TY
- MỘT SỐ TRƯỜNG KIỆM SỬ
- CÔNG BỐ THÔNG TIN
- GAO DỊCH VỚI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN (GỎI)
- CỔ TỨC
- VỐN ĐIỀU LỆ

13.3.1. Giảm Vốn Điều lệ

Việc giảm vốn điều lệ tạo cơ hội để công ty mang lại lợi nhuận cho cổ đông mà không phải trả cổ tức. Việc giảm vốn điều lệ có thể mang lại lợi ích cho một bộ phận cổ đông nhưng cũng gây ra thiệt hại cho một bộ phận cổ đông khác, và do đó tiềm ẩn nguy cơ bị lạm dụng. Một nguyên tắc quan trọng trong hoạt động của một công ty cổ phần là công ty phải nỗ lực đối xử công bằng với tất cả cổ đông của công ty. Nguyên tắc này càng trở nên thiết thực trong trường hợp cổ đông của công ty được chia ra thành nhiều loại với các quyền khác nhau hoặc trong trường hợp công ty có các đối tượng sở hữu các loại chứng khoán khác. Vốn điều lệ giảm sẽ làm giảm mức độ trách nhiệm của cổ đông, đồng thời cũng làm giảm giá trị tài sản tối thiểu để bảo đảm khả năng thực hiện các nghĩa vụ của công ty với các chủ nợ. Việc giảm vốn điều lệ có thể là:

- Giảm vốn thực sự trong trường hợp công ty thực hiện mua lại cổ phần từ cổ đông.
- Giảm vốn danh nghĩa trong trường hợp vốn điều lệ giảm do xóa sổ các khoản lỗ, để tái cấu trúc tình hình tài chính của công ty, hoặc trong trường hợp kết chuyển vốn điều lệ sang các quỹ dự phòng sẽ được dùng để phân chia trong tương lai.

a) Phương thức Giảm Vốn Điều lệ

Theo LDN, vốn điều lệ của công ty cổ phần được điều chỉnh giảm trong các trường hợp sau:

- Theo quyết định của ĐHĐCĐ, công ty hoàn trả một phần vốn góp cho cổ đông theo tỷ lệ sở hữu cổ phần của họ trong công ty nếu công ty đã hoạt động kinh doanh liên tục từ hai năm trở lên kể từ ngày đăng ký thành lập doanh nghiệp và bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác sau khi đã hoàn trả cho cổ đông.
- Công ty mua lại cổ phần đã bán theo yêu cầu của cổ đông hoặc theo quyết định của công ty.
- Vốn điều lệ không được các cổ đông thanh toán đầy đủ và đúng hạn.

⁵¹ Khoản 5, Điều 112, LDN.

Công ty có thể giảm vốn điều lệ khi nhu cầu về vốn giảm do thay đổi hoạt động kinh doanh, tái tổ chức hoặc thu hẹp quy mô. Việc giảm vốn cũng có thể xảy ra khi công ty bị buộc phải hủy bỏ cổ phiếu quỹ theo quy định tại LCK.

Công ty có quyền mua lại không quá 30% tổng số cổ phần phổ thông đã bán, một phần hoặc toàn bộ cổ phần ưu đãi cổ tức đã bán. Công ty có thể mua lại cổ phần của từng cổ đông tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần của họ trong công ty, theo trình tự, thủ tục quy định. Trong quá trình này, công ty sẽ mua cổ phần của bất kỳ cổ đông nào đồng ý bán.⁵² Trường hợp công ty đại chúng mua lại cổ phiếu của chính mình phải đáp ứng các điều kiện sau (1) có quyết định của ĐHĐCĐ thông qua việc mua lại cổ phiếu để giảm vốn điều lệ, phương án mua lại, trong đó nêu rõ số lượng, thời gian thực hiện, nguyên tắc xác định giá mua lại, (2) có đủ nguồn để mua lại cổ phiếu từ nguồn thặng dư vốn cổ phần, quỹ đầu tư phát triển, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối, và quỹ khác, và (3) có công ty chứng khoán được chỉ định thực hiện giao dịch.⁵³ Tuy nhiên, các điều kiện này không áp dụng đối với trường hợp công ty đại chúng mua lại cổ phiếu theo yêu cầu của cổ đông.⁵⁴ Cổ đông biểu quyết phản đối nghị quyết về việc tổ chức lại công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông theo quy định tại điều lệ công ty có quyền yêu cầu công ty mua lại cổ phần của mình. LCK cũng quy định các trường hợp công ty đại chúng không được mua lại cổ phiếu của chính mình.⁵⁵ Công ty đại chúng thực hiện mua lại cổ phiếu của chính mình theo quyết định của công ty hoặc theo yêu cầu của cổ đông phải hoàn thành thủ tục giảm vốn điều lệ tương ứng với tổng giá trị tính theo mệnh giá số cổ phiếu được công ty mua lại trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán mua lại cổ phiếu.

Theo LCK, công ty đại chúng cũng có thể mua lại cổ phiếu của người lao động theo quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động của công ty. Công ty phải báo cáo tổng số lượng cổ phiếu của người lao động đã được công ty mua lại để giảm vốn điều lệ tại ĐHĐCĐ thường niên và hoàn thành thủ tục giảm vốn điều lệ tương ứng với tổng giá trị tính theo mệnh giá số cổ phiếu được công ty mua lại trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày báo cáo ĐHĐCĐ thường niên.⁵⁶

⁵² Điều 133, LDN.
⁵³ Khoản 1, Điều 36, LCK.
⁵⁴ Khoản 2, Điều 36, LCK.
⁵⁵ Khoản 3, Điều 36, LCK.
⁵⁶ Khoản 6, Điều 36, LCK.

GỚI THIỆU VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

CƠ CẤU QUẢN TRỊ CÔNG TY

TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

GỚI THIỆU VỀ QUẢN CẠO CỔ ĐÔNG

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

BAN GIÁM ĐỐC

THỦ KÝ CÔNG TY

MỐI TRƯỞNG KIỆM SỢI

CÔNG BỐ THÔNG TIN

GIAO DỊCH VỚI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN (GOLU)

CỐ TỨC

VỐN ĐIỀU LỆ

Đối với công ty niêm yết, trong trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phiếu, HĐQT có quyền thu hồi số cổ phần đó.⁵⁷ Cổ phần bị thu hồi sẽ trở thành tài sản của công ty. HĐQT có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà HĐQT thấy là phù hợp.⁵⁸ Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn phải thanh toán đủ số cổ phần đã đăng ký mua, công ty phải đăng ký điều chỉnh vốn điều lệ bằng mệnh giá số cổ phần đã được thanh toán đủ. Trong thời hạn này, trừ trường hợp số cổ phần chưa thanh toán đã được bán hết trong thời hạn này, công ty cũng phải đăng ký thay đổi cổ đông sáng lập.⁵⁹

b) Giảm Vốn Điều lệ Bất buộc và Tự nguyện

Trong hầu hết các trường hợp, việc giảm vốn điều lệ là tự nguyện, trừ trường hợp công ty mua lại cổ phiếu quỹ, nhưng sau 3 năm công ty không sử dụng và vốn của các cổ đông ở tình trạng nhỏ hơn vốn điều lệ thì công ty cổ phần phải hủy bỏ cổ phiếu quỹ, đồng thời giảm vốn điều lệ của công ty.⁶⁰ Điều này hàm ý rằng cổ phiếu quỹ sẽ vẫn là một phần của vốn điều lệ cho đến khi cổ phiếu quỹ bị hủy bỏ.

c) Thủ tục Giảm Vốn Điều lệ

Theo quy định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư (BKHDĐT), khi đăng ký thay đổi vốn điều lệ, công ty phải gửi thông báo tới BKHDĐT. Kèm theo thông báo phải có quyết định bằng văn bản và biên bản họp ĐHCĐ về việc thay đổi vốn điều lệ của công ty.⁶¹

d) Thông tin Công bố trong Quyết định Giảm Vốn Điều lệ

LDN và các quy định pháp luật liên quan không đưa ra quy định cụ thể về các thông tin cần được công bố trong quyết định giảm vốn điều lệ.



THÔNG LỆ TẠI CÁC QUỐC GIA KHÁC

Quyết định giảm vốn điều lệ cần bao gồm các thông tin sau đây:

- Giá trị vốn điều lệ giảm.
- Mục đích của việc giảm vốn điều lệ.
- Thủ tục giảm vốn điều lệ.
- Phương thức giảm vốn điều lệ.

⁵⁷ Khoản 3, Điều 10, Thông tư 116/2020/TT-BTC, Điều lệ Mẫu.

⁵⁸ Khoản 4, Điều 10, Thông tư 116/2020/TT-BTC, Điều lệ Mẫu.

⁵⁹ Khoản 3, Điều 113, LDN.

⁶⁰ Điều 5, Thông tư 19/2003/TT-BTC.

⁶¹ Khoản 1, Điều 51, Nghị định 01/2021/NĐ-CP.

e) Giảm Vốn Điều lệ và việc Bảo vệ Quyền của Chủ nợ

Việc giảm vốn điều lệ thường ảnh hưởng đến quyền của chủ nợ vì sẽ làm giảm số lượng tài sản tối thiểu của công ty để đảm bảo rằng công ty có thể đáp ứng các nghĩa vụ của công ty đối với chủ nợ. LDN và các quy định pháp luật liên quan không quy định công ty phải gửi thông báo cho các chủ nợ về việc giảm vốn điều lệ. Sau khi thanh toán hết số cổ phần được mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của công ty giảm hơn 10% thì công ty phải thông báo cho tất cả chủ nợ biết trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày thanh toán hết số cổ phần được mua lại.⁶² Không có quy định hoặc hướng dẫn thêm về thủ tục để bảo vệ quyền lợi của chủ nợ. Công ty chỉ phải cam kết bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ khác sau khi giảm vốn điều lệ khi đăng ký giảm vốn điều lệ với BKHMĐT.⁶³

THÔNG LỆ TỐT NHẤT

Công ty phải thông báo tới các chủ nợ của công ty về kế hoạch giảm vốn điều lệ. Thông thường, Thư ký Công ty hoặc một cá nhân khác do Tổng Giám đốc công ty ủy quyền sẽ chịu trách nhiệm gửi thông báo này.

Quyền của chủ nợ được bảo vệ bởi Bộ luật Dân sự và Luật Phá sản. Theo quy định của Luật Phá sản (2014), chủ nợ không có bảo đảm, chủ nợ có bảo đảm một phần có quyền nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản khi hết thời hạn ba tháng kể từ ngày khoản nợ đến hạn mà doanh nghiệp không thực hiện nghĩa vụ thanh toán.⁶⁴ Doanh nghiệp mất khả năng thanh toán là doanh nghiệp không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ trong thời hạn ba tháng kể từ ngày đến hạn thanh toán.⁶⁵

13.3.2. Mua lại Cổ phần

Trong những hoàn cảnh và điều kiện cụ thể, công ty có quyền mua lại cổ phần của chính mình, được gọi là “mua lại cổ phần”. Những giao dịch này có thể dẫn tới những tác động khác nhau đối với quản trị công ty. Thứ nhất,

⁶² Khoản 4, Điều 134, LDN.
⁶³ Khoản 4, Điều 51, Nghị định 01/2021/NĐ-CP.
⁶⁴ Khoản 1, Điều 5, LPS.
⁶⁵ Khoản 1, Điều 3, LPS.

- GỚI THIỆU VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
- CƠ CẤU QUẢN TRỊ CÔNG TY
- TÀI LIỆU NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
- GỚI THIỆU VỀ QUYỀN CỦA CỔ ĐÔNG
- ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
- HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
- BAN GIÁM ĐỐC
- THƯ KÝ CÔNG TY
- MỐI TRƯỜNG KIỂM SÁT
- CÔNG BỐ THÔNG TIN
- GIAO DỊCH VỚI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN (GOLU)
- CỐ TỨC
- VỐN ĐIỀU LỆ

việc mua lại cổ phần có thể gây ra vấn đề liên quan đến lập kế hoạch tài chính, vì việc sử dụng một số tiền lớn để mua lại cổ phần đồng nghĩa với việc giảm lượng vốn sẵn có để mở rộng kinh doanh. Thứ hai, có rủi ro vi phạm quyền của cổ đông trong trường hợp công ty không dành cho cổ đông cơ hội như nhau đối với việc bán lại cổ phần của mình cho công ty.

Để tăng cường bảo vệ cổ đông, LDN quy định cổ đông đã biểu quyết không thông qua nghị quyết về việc tổ chức lại công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông tại Điều lệ Công ty có quyền yêu cầu công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến công ty trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày ĐHCĐ thông qua. Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của những cổ đông này với giá thị trường hoặc giá được tính theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Công ty trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức độc lập thực hiện thẩm định giá. Công ty giới thiệu ít nhất ba tổ chức thẩm định giá để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.⁶⁶

Trường hợp theo quyết định của công ty, công ty được mua lại tối đa 30% tổng số cổ phần phổ thông đã bán, một phần hoặc toàn bộ số cổ phần ưu đãi cổ tức đã bán. HĐQT có quyền quyết định mua lại không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã bán trong thời hạn 12 tháng. Trường hợp khác, việc mua lại cổ phần do ĐHCĐ quyết định. HĐQT quyết định giá mua lại cổ phần. Đối với cổ phần phổ thông, giá mua lại không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại, trừ trường hợp mua lại cổ phần của từng cổ đông tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần của họ trong công ty. Đối với cổ phần loại khác, nếu Điều lệ Công ty không quy định hoặc công ty và cổ đông có liên quan không có thỏa thuận khác thì giá mua lại không được thấp hơn giá thị trường.⁶⁷

Công ty có thể mua lại cổ phần của từng cổ đông tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần của họ trong công ty và thông báo về quyết định mua lại cổ phần phải được gửi bằng phương thức để bảo đảm đến được tất cả cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày quyết định đó được thông qua. Cổ đông đồng ý bán lại cổ phần phải gửi văn bản đồng ý bán cổ phần của mình bằng phương thức để bảo đảm đến được công ty trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày thông báo.⁶⁸

⁶⁶ Điều 132, LDN.

⁶⁷ Khoản 1, 2, Điều 133, LDN.

⁶⁸ Khoản 3, Điều 133, LDN.

Công ty sử dụng tiền để chi trả cho cổ đông để mua lại cổ phần, do vậy sẽ làm giảm khả năng chi trả các khoản nợ cũng như thực hiện các nghĩa vụ với các chủ nợ của công ty.

Có một số nguyên tắc nhất định để tiến hành mua lại cổ phần của công ty được tóm tắt sơ trong Bảng 3 dưới đây. Các nguyên tắc này có thể khác nhau tùy thuộc vào mục đích của việc mua lại cổ phần nhằm giảm vốn điều lệ hay vì mục đích khác.

Bảng 3. Các Cách thức Mua lại Cổ phần

Cụ thể	Tổng quan
Công ty mua lại các cổ phần đã được phát hành và hủy bỏ để giảm vốn điều lệ.	Công ty mua lại cổ phần đã phát hành vì bất kỳ mục đích gì
ĐHĐCĐ có thẩm quyền phê duyệt quyết định giảm vốn điều lệ thông qua việc hủy bỏ cổ phiếu quỹ, trừ trường hợp Điều lệ Công ty hoặc các quy định nội bộ có quy định khác.	ĐHĐCĐ thông qua quyết định việc mua lại cổ phần. HĐQT có thẩm quyền thông qua quyết định này.
Cổ phiếu phải được hủy bỏ sau khi mua lại.	Các cổ phần được mua lại phải được tái phát hành hoặc hủy bỏ trong một khoảng thời gian nhất định.

a) Thủ tục Mua lại Cổ phần

Để mua lại cổ phần của chính mình, công ty cần phải thực hiện các bước được trình bày trong Bảng 4 dưới đây.

Bảng 4. Thủ tục Mua lại Chung

Các bước thủ tục	Mua lại
Khởi xướng	Việc mua lại được khởi xướng theo quyết định của HĐQT hoặc đề xuất của cổ đông.
Thông qua quyết định	HĐQT có quyền quyết định mua lại không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã bán trong thời hạn 12 tháng. Trường hợp khác, việc mua lại cổ phần do ĐHĐCĐ quyết định. ⁶⁹
Giới hạn	Công ty cổ phần có quyền mua lại không quá 30% tổng số cổ phần phổ thông đã bán, một phần hoặc toàn bộ cổ phần ưu đãi có tức đã bán. ⁷⁰
Hủy bỏ cổ phần	Cổ phần phải được hủy bỏ trong một khoảng thời gian nhất định (ba năm) hoặc phải được chào bán lại trong trường hợp vốn góp của cổ đông nhỏ hơn vốn điều lệ. ⁷¹

⁶⁹ Khoản 1, Điều 133, LDN.

⁷⁰ Điều 133, LDN.

⁷¹ Điều 5, Thông tư 19/2010/TT-BTC.

GỚI THIỆU VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
CƠ CẤU QUẢN TRỊ CÔNG TY
TÀI LIỆU NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
GỚI THIỆU VỀ QUYỀN CỦA CỔ ĐÔNG
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
BAN GIÁM ĐỐC
THỦ KÝ CÔNG TY
MỘT TRƯỞNG KIỆM SỞT
CÔNG BỐ THÔNG TIN
GIAO DỊCH VỚI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN (GỎU)
CÓ TỨC
VỐN ĐIỀU LỆ

Quyết định mua lại cổ phần của công ty phải được thông qua bởi:

- Số cổ đông đại diện 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp ĐHĐCĐ.⁷²
- Đa số thành viên tham dự họp HĐQT công ty trong trường hợp mua lại dưới 10% số cổ phần đang lưu hành các loại. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch HĐQT.⁷³

Trường hợp công ty đại chúng mua lại cổ phiếu của chính mình phải đáp ứng các điều kiện sau đây:⁷⁴

- Có quyết định của ĐHĐCĐ thông qua việc mua lại cổ phiếu để giảm vốn điều lệ, phương án mua lại, trong đó nêu rõ số lượng, thời gian thực hiện, nguyên tắc xác định giá mua lại.
- Công ty có đủ nguồn để mua lại cổ phiếu từ các nguồn sau đây: thặng dư vốn cổ phần, quỹ đầu tư phát triển, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối, quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu được sử dụng để bổ sung vốn điều lệ theo quy định của pháp luật.
- Có công ty chứng khoán được chỉ định thực hiện giao dịch, trừ trường hợp công ty mua lại là thành viên của sở giao dịch chứng khoán Việt Nam.

Sau khi thanh toán hết số cổ phần được mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của công ty giảm hơn 10% thì công ty phải thông báo cho tất cả chủ nợ biết trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày thanh toán hết số cổ phần được mua lại.⁷⁵

Công ty đại chúng phải kết thúc việc mua lại cổ phiếu theo thời gian nêu trong bản công bố thông tin nhưng tối đa không quá 30 ngày kể từ ngày bắt đầu thực hiện giao dịch.⁷⁶

b) Thông tin Công bố trong Quyết định Mua lại Cổ phần

Không có yêu cầu cụ thể hướng dẫn việc công bố thông tin kèm theo quyết định mua lại cổ phần. LDN chỉ quy định quyết định mua lại cổ phần

⁷² Khoản 1, Điều 148, LDN.

⁷³ Khoản 12, Điều 157, LDN.

⁷⁴ Khoản 1, Điều 36, LCK.

⁷⁵ Khoản 4, Điều 134, LDN.

⁷⁶ Khoản 6, Điều 37, LCK.

của công ty phải được thông báo tới cổ đông. Thông báo phải bao gồm các thông tin sau:⁷⁷

- Tên, địa chỉ trụ sở chính của công ty.
- Tổng số cổ phần và loại cổ phần được mua lại.
- Giá mua lại hoặc nguyên tắc định giá mua lại.
- Thủ tục và thời hạn thanh toán.
- Thủ tục và thời hạn để cổ đông chào bán cổ phần của họ cho công ty.

c) Hạn chế đối với việc Mua lại Cổ phần

Công ty cổ phần có quyền mua lại không quá 30% tổng số cổ phần phổ thông đã bán, một phần hoặc toàn bộ cổ phần ưu đãi cổ tức đã bán.⁷⁸

Công ty cổ phần chỉ được thanh toán cổ phần được mua lại cho cổ đông nếu ngay sau khi thanh toán hết số cổ phần được mua lại, công ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác.⁷⁹

Công ty đại chúng không được mua lại cổ phiếu của chính mình trong các trường hợp sau:⁸⁰

- Đang kinh doanh thua lỗ hoặc đang có nợ quá hạn.
- Đang trong quá trình chào bán, phát hành cổ phiếu để huy động thêm vốn.
- Cổ phiếu của công ty đang là đối tượng chào mua công khai.
- Có hoạt động mua lại cổ phiếu hoặc chào bán, phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn trong sáu tháng gần đây.

Công ty không được mua cổ phần của các đối tượng sau:⁸¹

- Người nội bộ và người có liên quan của họ: chủ tịch HĐQT hoặc chủ tịch Hội đồng Thành viên hoặc chủ tịch công ty hoặc thành viên Hội đồng Thành viên, người đại diện theo pháp luật, tổng giám đốc (giám đốc), phó tổng giám đốc (phó giám đốc), giám đốc tài chính, kế toán trưởng và những người giữ chức vụ tương đương do ĐHQĐ bầu hoặc do HĐQT, Hội đồng Thành viên hoặc chủ tịch công ty bổ nhiệm, trưởng và các thành viên BKS, thành viên Ủy ban Kiểm toán nội bộ, thư ký, người điều hành và người được ủy quyền phát ngôn, bố đẻ,

⁷⁷ Khoản 3a, Điều 133, LDN.

⁷⁸ Điều 133, LDN.

⁷⁹ Khoản 1, Điều 134, LDN.

⁸⁰ Khoản 3, Điều 36, LCK.

⁸¹ Khoản 4, Điều 2, LCK.

GIỚI THIỆU
VE QUẢN TRỊ
CÔNG TY

CƠ CẤU
QUẢN TRỊ
CÔNG TY

TÀI LIỆU NỘI BỘ
VE QUẢN TRỊ
CÔNG TY

GIỚI THIỆU VE
QUẢN TRỊ
CƠ ĐỒNG

ĐẠI HỘI
ĐỒNG CỔ ĐÔNG

HỘI ĐỒNG
QUẢN TRỊ

BAN GIÁM ĐỐC

THỦ KÝ CÔNG TY

MỘT SỐ
TRƯỜNG
KIỂM SÁT

CÔNG BỐ
THÔNG TIN

GAO DI CHÚC VỚI
NGƯỜI CÓ LIÊN
QUAN (GỎI)

CỔ TỨC

VỐN ĐIỀU LỆ

mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, vợ, chồng, con đẻ, con nuôi, con dâu, con rể, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của cá nhân đó.

- Người sở hữu cổ phiếu có hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
- Cổ đông lớn: cổ đông sở hữu từ 5% trở lên số cổ phần có quyền biểu quyết.

Công ty đại chúng phải kết thúc việc mua lại cổ phiếu theo thời gian nêu trong bản công bố thông tin nhưng tối đa không quá 30 ngày kể từ ngày bắt đầu thực hiện giao dịch.⁸²

Trong thời hạn sáu tháng kể từ ngày kết thúc việc mua lại cổ phiếu, công ty đại chúng không được chào bán cổ phiếu để tăng vốn điều lệ, trừ trường hợp chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu theo cam kết.⁸³

d) Thực hiện Mua lại Cổ phần theo Tỷ lệ

Quyết định mua lại cổ phần của công ty phải được thông báo bằng phương thức để bảo đảm đến được tất cả cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày quyết định đó được thông qua. Thông báo phải có các thông tin cần thiết bao gồm:⁸⁴

- Tên, địa chỉ trụ sở chính của công ty.
- Tổng số cổ phần và loại cổ phần được mua lại.
- Giá mua lại hoặc nguyên tắc định giá mua lại.
- Thủ tục và thời hạn thanh toán.
- Thủ tục và thời hạn để cổ đông bán cổ phần của họ cho công ty.

Mọi cổ đông nắm giữ cổ phần của công ty thuộc loại hoặc hạng cổ phần mục tiêu mua lại của công ty đều có quyền được bán số cổ phần của mình trong khoảng thời gian quy định. Công ty có nghĩa vụ thanh toán các khoản tiền mua lại cổ phần này cho cổ đông trong thời gian nêu trong nghị quyết quyết và đã được thông báo tới cổ đông.

⁸² Khoản 6, Điều 37, LCK.

⁸³ Khoản 7, Điều 37, LCK.

⁸⁴ Khoản 3a, Điều 133, LDN.

Cổ đông đồng ý bán lại cổ phần phải gửi văn bản đồng ý bán cổ phần của mình bằng phương thức để bảo đảm đến được công ty trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày thông báo. Văn bản đồng ý bán cổ phần phải có các thông tin sau đây:⁸⁵

- Họ, tên, địa chỉ liên lạc, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân.
- Tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức.
- Số cổ phần sở hữu và số cổ phần đồng ý bán.
- Phương thức thanh toán.
- Chữ ký của cổ đông hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông.

Theo LDN, không có quy định hoặc hướng dẫn cụ thể trong trường hợp cổ đông chào bán cổ phần nhiều hơn số cổ phần công ty dự định mua.



THÔNG LỆ TẠI CÁC QUỐC GIA KHÁC

Ở một số quốc gia, công ty phải mua lại cổ phần của tất cả cổ đông theo tỷ lệ tương ứng với số cổ phần mà mỗi cổ đông chào bán.

e) Báo cáo và Công bố Thông tin về Mua lại Cổ phần:

Công ty đại chúng mua lại cổ phần của chính mình phải gửi tài liệu báo cáo UBCKNN, đồng thời công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của công ty, phương tiện công bố thông tin của UBCKNN, sở giao dịch chứng khoán Việt Nam trong thời hạn bảy ngày trước ngày mua lại hoặc bán. Báo cáo và văn bản công bố thông tin phải có các nội dung chủ yếu sau đây:⁸⁶

- Mục đích mua lại.
- Tổng số lượng cổ phiếu đăng ký mua lại.
- Nguồn vốn thực hiện mua lại.
- Phương thức giao dịch.
- Thời gian dự kiến thực hiện.

⁸⁵ Khoản 3b, Điều 133, LDN.

⁸⁶ Điều 37, LCK.

GỚI THIỆU
VE QUẢN TRỊ
CÔNG TY

CƠ CẤU
QUẢN TRỊ
CÔNG TY

TÀI LIỆU NỘI BỘ
VE QUẢN TRỊ
CÔNG TY

GỚI THIỆU VE
QUẢN TRỊ
CỔ ĐÔNG

ĐẠI HỘI
ĐỒNG CỔ ĐÔNG

HỘI ĐỒNG
QUẢN TRỊ

BAN GIÁM ĐỐC

THƯ KÝ CÔNG TY

MÔI TRƯỜNG
KIỂM SÁT

CÔNG BỐ
THÔNG TIN

GIAO DỊCH VỚI
NGƯỜI CÒI LIÊN
QUAN (GỎI L)

CỐ TỨC

VỐN ĐIỀU LỆ

- Nguyên tắc xác định giá.
- Quyết định của ĐHĐCĐ thông qua phương án mua lại cổ phiếu.
- Văn bản xác nhận việc chỉ định thực hiện giao dịch của công ty chứng khoán, trừ trường hợp công ty mua lại là thành viên của sở giao dịch chứng khoán Việt Nam.
- Quyết định của HĐQT thông qua phương án triển khai mua lại cổ phiếu.
- Báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán.
- Tài liệu chứng minh công ty có đủ nguồn để mua lại cổ phiếu.
- Tài liệu chứng minh đáp ứng các điều kiện để được mua lại cổ phiếu trong trường hợp công ty mua lại thuộc ngành, nghề kinh doanh có điều kiện.

Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc giao dịch mua lại cổ phiếu, công ty đại chúng phải gửi báo cáo kết quả giao dịch đến UBCKNN và công bố thông tin ra công chúng. Trong trường hợp công ty đại chúng không thực hiện hết số lượng cổ phiếu dự kiến giao dịch, công ty đại chúng phải báo cáo và công bố lý do không hoàn thành.⁸⁷

13.3.3. Sở hữu Chéo

Sở hữu chéo hay việc nắm giữ cổ phần lẫn nhau giữa các công ty là khá phổ biến, thường nhằm mục đích tạo ra ảnh hưởng lẫn nhau hoặc để đa dạng hóa danh mục đầu tư. Tuy nhiên, sắp xếp nắm giữ cổ phần lẫn nhau giữa hai hoặc nhiều công ty thường dẫn tới các vấn đề trong quản trị công ty.

Ví dụ:

- Trường hợp các công ty tăng vốn điều lệ bằng cách mua cổ phần lẫn nhau, cùng một khoản đầu tư ban đầu sẽ tạo ra sự gia tăng vốn ở cả hai công ty.
- Bằng cách hình thành sắp xếp sở hữu chéo khi hai công ty thực hiện mua cổ phần của nhau, thực chất hai công ty tạo điều kiện cho việc phân phối lợi nhuận hoặc hoàn trả vốn cho cổ đông một cách gián tiếp.
- Việc sở hữu chéo có thể làm giảm khả năng ảnh hưởng của các thành viên HĐQT độc lập ở cả hai công ty và thay thế việc giám sát theo chuẩn

⁸⁷ Khoản 5, Điều 37, LCK.

mục của cổ đông đối với thành viên HĐQT và lãnh đạo điều hành bằng một cơ chế tự điều chỉnh.

LDN quy định công ty con không được đầu tư mua cổ phần, góp vốn vào công ty mẹ. Các công ty con của cùng một công ty mẹ không được đồng thời cùng góp vốn, mua cổ phần để sở hữu chéo lẫn nhau.⁸⁸

Đối với ngân hàng thương mại, Khoản 6 Điều 103 Luật các Tổ chức Tín dụng (2010) cho phép ngân hàng thương mại, công ty con của ngân hàng thương mại được mua, nắm giữ cổ phiếu của tổ chức tín dụng khác với điều kiện và trong giới hạn quy định của NHNN.

13.4. Quỹ Dự phòng Bắt buộc và Tự nguyện

Ngoài việc bảo vệ vốn điều lệ, một công ty phải duy trì một mức quỹ dự phòng có thể được sử dụng như một biện pháp bảo vệ để bảo vệ lợi ích của chủ nợ. Cũng như vốn điều lệ, các khoản dự phòng đó chỉ tồn tại trên phương diện kế toán.

13.4.1. Quỹ Dự phòng Bắt buộc

LDN không yêu cầu các công ty phải lập các quỹ dự phòng (dự phòng bắt buộc). Tuy nhiên, theo quy định của pháp luật chuyên ngành, một số loại hình doanh nghiệp phải trích lập quỹ dự phòng bắt buộc. Thông thường, các tổ chức tài chính, như ngân hàng và công ty bảo hiểm, phải trích lập quỹ dự phòng bắt buộc. Mục đích chính của quỹ dự phòng bắt buộc là để bảo vệ chủ nợ thông qua việc bảo đảm rằng bên cạnh vốn điều lệ, một phần tài sản của công ty không thể được phân chia cho cổ đông.

13.4.2. Quỹ Khác

Bên cạnh quỹ dự phòng bắt buộc, công ty có thể trích lập thêm các quỹ khác (các quỹ dự phòng tự nguyện, không bắt buộc). LDN không quy định việc phân phối lợi nhuận. Hiện nay, chính phủ mới chỉ quy định việc phân phối lợi nhuận tại doanh nghiệp nhà nước theo Điều 31 Nghị định 91/2015/

⁸⁸ Khoản 2, Điều 195, LDN.

- GỚI THIỆU VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
- CƠ CẤU QUẢN TRỊ CÔNG TY
- TÀI LIỆU NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
- GỚI THIỆU VỀ QUYỀN CỦA CỔ ĐÔNG
- ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
- HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
- BAN GIÁM ĐỐC
- THỦ KÝ CÔNG TY
- MÔI TRƯỜNG KIỂM SÁT
- CÔNG BỐ THÔNG TIN
- GIÀO DỊCH VỚI NGƯỜI CÒN LIÊN QUAN (GOLU)
- CỐ TỨC
- VỐN ĐIỀU LỆ

NĐ-CP (ngày 13/10/2015) về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp. Công ty cổ phần có thể trích lập các quỹ khác theo Điều lệ Công ty hoặc theo nghị quyết của ĐHĐCĐ.

a) Quỹ dành cho Người lao động

ĐHĐCĐ có thể quyết định thành lập một quỹ đặc biệt từ lợi nhuận ròng cho người lao động của công ty. Vì đây không phải là yêu cầu của LDN, công ty phải nêu rõ mọi thông tin liên quan đến việc quản lý quỹ này trong điều lệ hoặc quy định nội bộ khác. Ví dụ, quỹ có thể được thành lập cho mục đích mua cổ phần, với điều kiện là cổ phần đó sẽ được chuyển cho người lao động của công ty.

b) Các Quỹ khác của Công ty

Công ty có thể trích lập các quỹ khác từ lợi nhuận giữ lại của công ty như quỹ dự phòng tài chính, quỹ đầu tư phát triển căn cứ theo Điều lệ Công ty, các quy chế quản lý nội bộ, hoặc quyết định của ĐHĐCĐ.

c) Thặng dư Vốn

Thặng dư vốn là một phần nguồn vốn của công ty, bao gồm:

- Chênh lệch đánh giá lại tài sản.
- Chênh lệch giữa giá trị thực hiện cao hơn mệnh giá cổ phiếu của công ty.

Thặng dư vốn chỉ mang ý nghĩa kế toán và không phải là nguồn tiền được tích lũy thực tế. Thặng dư vốn có thể được sử dụng để:

- Bù trừ cho các khoản lỗ từ việc đánh giá lại các tài sản dài hạn.
- Tăng vốn điều lệ từ nguồn vốn nội bộ của công ty.

NOTES

Handwriting practice area consisting of 20 horizontal dashed lines for text entry.

GIỚI THIỆU
VE QUẢN TRỊ
CÔNG TY

CƠ CẤU
QUẢN TRỊ
CÔNG TY

TÀI LIỆU NỘI BỘ
VE QUẢN TRỊ
CÔNG TY

GIỚI THIỆU VỀ
CỤM VỐN
CƠ ĐỒNG

ĐẠI HỘI
ĐỒNG CỔ ĐÔNG

HỘI ĐỒNG
QUẢN TRỊ

BAN GIÁM ĐỐC

THƯ KÝ CÔNG TY

MỘT TRƯỞNG
KHIỂM SOÁT

CÔNG BỐ
THÔNG TIN

GIAO DỊCH VỚI
NGƯỜI CÓ LIÊN
QUAN (GOLU)

CỐ TỨC

VĂN ĐIỀU LỆ

NOTES

A series of horizontal dashed lines for writing notes.



Ủy ban
Chứng khoán
Nhà nước

**Số 164 Trần Quang Khải,
Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội**
Tel: (84-24) 39.340.750
Website: www.ssc.gov.vn/

Integrated ESG
Driving Sustainable Investment



**Phòng 301, 63 Lý Thái Tổ,
Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội**
Tel: (84-24) 39.378.710
Website: www.ifc.org